

VIỆN NGHIÊN CỨU PHẬT HỌC
TỦ SÁCH THIỀN HỌC
THÍCH THÔNG PHƯƠNG

KINH KIM CANG

Giảng lục



NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO
PL: 2548 - DL: 2004

**VIỆN NGHIÊN CỨU PHẬT HỌC
TỦ SÁCH THIÊN HỌC
THÍCH THÔNG PHƯƠNG**

**KINH
KIM CANG
GIẢNG LỤC**

**NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO
PL - 2548, DL - 2004**

cho nhau trên đường trở về quê cũ. Đây cũng chính là đền một chút cái ơn lớn khó đền với Thầy Tổ!

Bởi nguyên là vẫn nói nên có những chỗ trùng lặp hoặc chưa suông, kính mong người đọc nhận ý quên lời mà cùng cảm thông trong lẽ thật.

Ôi ! Kim Cang Bát Nhã vẫn sáng ngời, ba tâm, bốn tướng nào che ngại được!

Ánh sáng Như Lai vẫn hằng hiện hữu đó, đi đứng tới lui, cử động qua lại, há che mắt hay sao?

Lời tán thán “it có” vẫn còn vang mãi đến ngày nay, ai từng nghe được thấu?

Chỗ phỏ chúc kìa, ngôn ngữ làm sao nói cho tới?

Chỗ hộ niệm kìa, Như Lai vẫn luôn có mặt đó, mọi người hãy chớ quên!

Một nhát Kim Cang loé rực, chữ nghĩa chợt mờ tan!

Vui thay ! mắt vẫn sáng !

*Thiền viện Trúc Lâm
Mùa An cư năm Tân Tỵ - 2001
Kính ghi
Thích Thông Phương*

KINH KIM CANG

GIẢNG LỤC

LƯỢC DẪN

Hôm nay chúng ta học qua bộ kinh Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật, đây là bộ kinh có tinh thần phá chấp rất cao, rất mạnh, cho nên bộ kinh này rất hợp với nhà Thiền. Do vậy, từ Tổ Bồ Đề Đạt Ma truyền pháp cho Tổ Huệ Khả và truyền cho bốn quyển kinh Lăng già, Ngài dạy sau này nương đó để truyền pháp. Nhưng đến Ngũ Tổ thì lại truyền dạy Kinh Kim Cang Bát Nhã này. Bởi vậy, từ kinh Kim Cang Bát Nhã, Lục Tổ nghe và được tỏ ngộ. Sau này ở Việt Nam, vua Trần Thái Tông cũng đọc Kim Cang, rồi Ngài cũng được tỏ ngộ. Vì vậy, bộ kinh này quý vị nghe kỹ, đọc kỹ sẽ thấy được tinh thần nhà thiền sáng tỏ thêm. Ở đây, trước khi vào phần chánh văn,

cũng nói sơ lược bộ kinh này cho quý vị hiểu rõ. Nguyên bản bộ Kinh Kim Cang này bằng chữ Phạn, khi truyền qua Trung Quốc các vị dịch ra tiếng Trung Quốc, trong đó có tất cả 6 bản dịch:

- Bản thứ nhất: - Đời Dao Tần có Ngài Cưu Ma La Thập, dịch tại chùa Thảo Đường - Trường An vào niên hiệu Hoằng Thủy thứ tư, khoảng năm 401, đây là bản thông dụng thường dùng, chúng ta đang học bản này.
- Bản thứ hai: - Vào đời Ngụy, Ngài Bồ Đề Lưu Chi dịch vào khoảng 508, đề tên là Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật.
- Bản thứ ba: - Vào đời Trần, có ngài Chân Đế dịch vào khoảng giữa thế kỷ thứ 6.
- Bản thứ tư: - Vào đời Tùy, có Ngài Đạt Ma Cấp Đa, dịch vào đầu thế kỷ thứ 7.
- Bản thứ 5: - Vào đời Đường, Ngài Huyền Trang dịch, nhưng ngài không dịch riêng mà dịch chung trong bộ Đại Bát Nhã, mà bộ Đại Bát Nhã gồm 600 quyển, trong 600 quyển đó có chia ra làm 16 hội, bộ kinh Kim Cang nằm trong hội thứ 9, quyển 577 chữ Hán.
- Bản thứ 6: - Vào đời Đường, ngài Nghĩa Tịnh dịch vào khoảng thế kỷ thứ 8, nhưng ngài

一
滴
凡
心
自
空
一
滴
凡
心
自
空



五
上
法
華
經
卷
之
一

Nghĩa Tịnh lại đề tên là Phật Thuyết Năng Đoạn Bát Nhã Ba La Mật Đa.

Từ tiếng Phạn dịch ra tiếng Trung Quốc có 6 bản như vậy. Về sau, từ các bản dịch này các vị mới sớ giải, chú thích, giảng giải ra rất nhiều. Sang Việt nam cũng có nhiều vị dịch và giảng giải, để thấy tầm quan trọng của bộ kinh này được nhiều người chú ý trong nhà Phật. Học kỹ bộ kinh này, sẽ cởi mở được nhiều tình chấp cho mình, mà trí Bát Nhã cũng sáng lên nữa. Nếu đủ túc duyên, nghe được bộ kinh Kim Cang này, có khi cũng sáng tỏ như vua Trần Thái Tông thì hay thêm. Đó là nói qua bộ kinh.



GIẢI ĐỀ KINH

Trước khi vào kinh, giải về tên kinh trước. Kinh này đọc là Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật Đa. Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật là tên riêng, còn kinh là tên chung. Bởi vì, tất cả kinh Phật đều có tên chung là “kinh”; song trong cái chung đó, có tên riêng là tên bộ kinh, như ở đây gọi là Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật. Còn những bộ kinh khác như là Pháp Hoa, Duy Ma Cật, đó là những tên riêng. Kim Cang là dụ, Bát Nhã Ba La Mật là chỉ cho pháp. Như vậy, bộ kinh này dùng hai thứ “dụ-pháp” chung nhau để thành đề kinh, vừa có dụ, vừa có pháp. Bởi trong các đề kinh của kinh Phật, có những kinh dùng dụ, dụ riêng thôi để đặt thành tên kinh; có kinh chỉ dùng pháp để đặt thành tên kinh; có kinh dùng người để đặt thành tên kinh. Còn có những bộ kinh dùng cả ba vừa dụ vừa pháp vừa người, có kinh dùng dụ và pháp, có kinh dụ với người, có kinh thì người với pháp, bao nhiêu đề kinh chung lại cũng không ngoài những phần này. Kinh lấy dụ đặt tên là kinh gì? Là kinh Phạm Võng. Phạm là Phạm

thiên, Vông là cái lưới, dụ cái lưới trời phạm thiên để chỉ cho kinh này.

Còn kinh lấy người đặt tên là kinh gì? Như kinh Phật Thuyết A Di Đà. Lấy pháp đặt tên kinh là kinh Đại Bát Niết Bàn, Đại Bát Niết Bàn là chỉ cho pháp thôi. Kinh chung cả dụ-người-pháp là kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm. Đại Phương Quảng là pháp, Phật là người, Hoa Nghiêm là dụ. Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm là đủ vừa người, vừa pháp, vừa dụ. Kinh dùng người và dụ như kinh Như Lai Sư Tử Hống, Như Lai là người, Sư Tử Hống là dụ. Kinh dùng người và pháp như kinh Địa Tạng Bồ Tát Bốn Nguyên, Địa Tạng Bồ Tát là người, Bốn Nguyên là pháp, dùng người và pháp làm đề kinh. Kinh dùng pháp và dụ như kinh Pháp Hoa, nói đủ là Diệu Pháp Liên Hoa, Diệu Pháp là Pháp, Liên Hoa là dụ. Cũng như kinh Kim Cang này, Kim Cang là dụ, Bát Nhã Ba La Mật là pháp, vậy kinh này là vừa dùng dụ, vừa dùng pháp để làm đề kinh.

Tại sao kinh này lại lấy Kim Cang làm ví dụ? Bởi vì theo cách hiểu của người xưa, thì Kim Cang có tính chất cứng chắc, bén, sáng. Sáng, bén, cứng chắc dụ cho trí Bát nhã cứng, bền, chắc; dù cho ở trong chúng sinh, ở trong vô minh, nhưng Bát Nhã vẫn không mất, không có biến đổi. Khi mình

tu hành công phu tương ứng liền phát minh ra, trí Bát Nhã vẫn sẵn đó chứ không biến đổi đi đâu hết. Chính trí Bát Nhã đó, có công năng phá vỡ các tình chấp của mình, soi sáng tất cả vô minh. Bởi tình chấp của chúng ta, nó chắc, nó cứng, khó phá, thành ra những trí thường khó phá nổi, phải dùng trí Kim Cang mới phá nổi; cũng như những món đồ cứng chắc thì những vật thường không phá nổi, phải dùng kim cang mới phá nổi. Kim cang này, như trong các kinh thường nói đến Kim Cang Lực sĩ, các vị hộ pháp hay cầm Kim cang bảo sử, tức là cái chày báu bằng kim cang, nếu không khéo thì các ngài dùng cái chày đó đập là nát hết. Ở đây cũng vậy, phải dùng trí Kim Cang Bát nhã thì mới phá hết tình chấp của chúng sinh, chứ còn trí thường thường khó phá nổi. Tình chấp là gì? Tức là những tình chấp ngã, chấp pháp. Vì cái chấp ngã, chấp pháp đó, mà mình mê lầm luân hồi trong dòng sinh tử này không dừng được; nếu không có trí Bát nhã thì khó phá nổi. Vậy tình chấp ngã là cái gì? Chấp ngã - là chấp trong thân năm uẩn của ta, có một cái ngã, có một linh hồn trường tồn bất biến mãi mãi để hưởng thọ những cái khổ, những cái vui ở trên thế gian này. Bởi vậy, bao nhiêu việc làm, bao nhiêu hành động, tạo tác bao nhiêu thứ nghiệp lành, nghiệp dữ ở trên thế gian này, cũng vì cái ngã này, đồn

vào cái ngã này chứ không có gì khác. Nếu không có nó, thì mình cũng không tạo nghiệp này, nghiệp kia làm chi. Tạo thành nghiệp này, nghiệp kia là vì nó; thí dụ như siêng năng học hành để tạo thành danh tiếng tốt, địa vị cao trong xã hội là để làm gì? Là để cho cái ngã này nó hưởng, rồi mưu mô tính toán bao nhiêu thứ, lấy cái lợi về cho nó, giành giật, đâm chém, giết hại cũng vì cái ngã đó. Nói chung, bao nhiêu thứ tạo nghiệp cũng vì cái ngã này chứ không gì khác. Sau khi sắp bỏ thân này thì tìm thân khác để cho nó có chỗ nương, sợ nó không có chỗ nương! Nhưng bây giờ hỏi lại, xét cho thật kỹ, cái ngã đó là gì? Chỉ không ra nổi! Chỉ cái thân là cái ngã cũng không được; còn tâm, thì tâm cũng sinh diệt, thành ra cái ngã mà mình chấp, nghĩ rằng có nó để làm chủ thể trong tất cả mọi việc làm, mọi sự sống của mình, đó chỉ là **khái niệm**. Khái niệm tưởng tượng có một cái đó để cho mình chấp, mình sống; nếu dùng trí quán cho kỹ thì nó không có thật, không là gì hết. Cho nên, nhờ trí Bát Nhã mình mới thấy suốt được những tình chấp đó.

Còn chấp pháp là cái gì? Thường gọi hàng nhị thừa thì phá được cái chấp ngã của 5 uẩn này, không thấy 5 uẩn này có cái ngã thật; nhưng lại còn thấy có pháp 5 uẩn là thật, tức là 5 ấm sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Không có cái ngã thật rồi,

song lại thấy năm ấm là có thật. Nghĩa là không có cái ngã thật trong thân 5 ấm mà có pháp sinh tử là thật; không có cái ta thật, nhưng có sinh tử thật; bởi vậy mới sợ sinh tử, mới chán sinh tử mà cầu Niết bàn. Như vậy, thấy có pháp sinh tử thật đáng sợ để cầu Niết bàn thì sao? Tức bị nó trói, bị pháp sinh tử trói. Thấy nó thật tức nhiên bị nó trói, không nghi ngờ. Vương mắc như vậy, rồi càng cố bỏ chừng nào thì càng bị nó kéo chừng ấy; vì còn bị dính vào nó nên có cầu Niết bàn. Bỏ cái này cầu cái kia cũng còn nằm trong lấy bỏ, cũng thuộc về trí sinh tử, còn có sinh diệt. Do đó, phải nhờ có trí Kim Cang Bát Nhã này, mới có thể phá được hai tình chấp: - Chấp ngã và chấp pháp. Bởi, nếu trừ chấp ngã mà còn chấp pháp thật thì tất nhiên mình thấy ngoài tâm có cái pháp thật rồi, ngoài tâm có pháp thật thì bị nó che mờ tính của mình, bản tâm của mình; cho nên không thấy được Phật tánh, không thấy được bản tâm. Như vậy, ở đây nói dùng trí Kim Cang dụ cho Bát Nhã phải cứng, chắc, bền, sáng để soi phá tình chấp đó, nó mới sạch hết. Đó là nói về Kim Cang.

Còn **Bát Nhã**, dịch là trí tuệ, nhưng các Ngài từ xưa không dịch ra sông là trí tuệ, mà các Ngài thường nói là trí tuệ Bát nhã, hoặc là trí Bát nhã, như vậy là sao? Bát nhã dịch là trí tuệ sông thì chưa đủ ý nghĩa, mà các Ngài thường nói chung là

trí tuệ Bát nhã hoặc là trí Bát nhã, để người đời không có lầm. Vì ở thế gian những người thông minh, sáng suốt cũng gọi là trí tuệ, họ cũng chấp là có trí tuệ, nếu mình dịch trí Bát nhã là trí tuệ người ta lại nghĩ rằng, trí tuệ này người thế gian cũng có, vậy cần học Phật pháp để làm gì?. Thành ra họ lầm trí Bát nhã với trí tuệ của thế gian. Vì vậy, các Ngài không dịch suông là trí tuệ, mà nói đủ là trí tuệ Bát nhã. Vậy trí tuệ này là ở đâu? Trí tuệ thế gian, thường mình nói nó ở trong đầu mình, ai có đầu óc thông minh là có trí tuệ, và như vậy trí tuệ thế gian là do học hỏi huân tập mà có, đó là trí sinh diệt; mà có sinh có diệt là trí tuệ vô thường, không có bền bỉ. Trái lại, trí Bát nhã này, ở ngay nơi tự tánh sáng suốt của mình. Bởi vậy, ai ai cũng đều có đủ hết, không phải do mình học mới có, hoặc do ai ban cho mình mới được, cũng không phải do ngồi mà sinh. Có vị nói, ngồi thiền để mở sáng trí tuệ, khiến có người ngồi tưởng tượng ra Phật hoặc Thánh xuống ban cho mình trí sáng suốt, đó là tưởng tượng không phải. Cho nên ngồi thiền mà tưởng có điện truyền xuống, đó là nguy rồi, đó không phải là trí Bát nhã thật đâu, mà cái này, chính ngay nơi tự tánh mình phải tự ngộ, tự thẩm nhận thôi, chứ không phải ai ban cho được. Như vậy, bao nhiêu cái học hỏi bên ngoài đối với trí Bát nhã này cũng không

có dính gì hết, những cái đó thuộc về kiến thức, kiến giải vay mượn, đối với Bát nhã chưa dính. Cho nên Ngài Hoàng Bá nói: *"Bát nhã là Huệ, huệ này là bản tâm vô tướng"*, tức là cái tâm sẵn có nơi mình, không hình không tướng. Bởi vậy, mình không thể thấy được mà không phải không thấy được, không phải không có gì hết; vì có ngay nơi bản tâm mình, nên khéo tu thì sẽ thâm nhận nơi mình nó có đủ, chứ không thể cầu để thấy được nó. Nếu mà cầu thấy được nó là thấy được cái gì đó, chứ không phải là Bát nhã rồi. Vì vậy, ngồi thiền thấy ánh sáng này, ánh sáng kia là nguy, tướng đầu đó là trí tuệ thì lắm to!

Quý vị đọc kinh Pháp Bảo Đàn, thấy Lục Tổ vừa là anh chàng tiểu phu quê mùa, vừa dốt chữ, vừa quê, vừa dốt chữ, chưa từng học kinh Kim Cang; nhưng khi đi bán củi thoát nghe người tụng kinh Kim Cang liền tỉnh ngộ; vậy cái đó ai dạy Ngài? Quê dốt chưa từng học kinh Kim Cang lần nào, chưa từng biết nửa chữ mà vừa nghe liền tỉnh ngộ, như vậy cái đó là cái sẵn nơi mình cho nên khi nó gợi lại đúng lúc liền sáng ra. Do đó, không phải học hỏi nhiều mà được, thông minh lanh lợi mà được, chưa chắc, nhiều khi thông minh lanh lợi dễ thành chướng nữa. Bởi, khi thông minh lanh lợi thì chấp rằng ta thông minh lanh lợi, bám vào thông minh lanh lợi đó thì tăng thêm

chấp ngã, càng che khuất Bát nhã thêm. Trái lại, phải khéo soi lại nơi tự tâm của mình mới là người thông đạt, còn hướng ra ngoài để tìm học thì có lúc càng học càng xa.

Trong nhà thiền, Ngài Đức Sơn Tuyên Giám trước khi làm vị tổ, Ngài là một vị giảng sư kinh Kim Cang rất giỏi, cho nên thường được gọi là Chu Kim Cang; vì Ngài họ Chu, Ngài giảng kinh Kim Cang giỏi nên gọi như thế. Ngài nghe ở miền Nam thiền tông hưng thịnh, mà thiền tông lại chỉ dạy là **“Kiến tánh thành Phật”**, Ngài tức mình, học theo kinh giáo thì tu hành thành Phật phải trải qua ba a tăng kỳ kiếp, tạo bao nhiêu công đức mới được thành Phật; còn trong nhà thiền nói **“tức tâm, tức Phật”** nghe không chịu nổi. Ngài cho là bọn ma, nên mới quấy bộ số sao kinh Kim Cang đi về phương Nam, quyết vào tận hang ổ của bọn ma, phá dẹp bọn ma đó!

Giữa đường, gặp bà già bán bánh, Ngài định hỏi mua bánh điểm tâm, bà thử lại, bà hỏi:

- Ngài quấy cái gì ở trên vai đó?

Ngài nói:

- Đây là bộ Thanh Long số sao (tức là bộ số giải về kinh Kim Cang) thì bà già này nói:

- À! Vậy thì tôi xin hỏi thầy một câu, nếu thầy đáp được thì tôi xin cúng dường bánh luôn khỏi lấy tiền, nếu thầy đáp không được thì xin mời thầy đi nơi khác.

Bà dùng câu trong kinh Kim Cang để hỏi, trong kinh Kim Cang nói là:

- Quá khứ tâm bất khả đắc, hiện tại tâm bất khả đắc, vị lai tâm bất khả đắc (tức là tâm quá khứ không thể được, tâm hiện tại không thể được, tâm vị lai không thể được) như vậy thầy điểm tâm là điểm tâm nào?

Ngài trả lời không được. Đã từng giảng kinh Kim Cang mà bị một bà già bán bánh hỏi, trả lời không được thì sao đây? Vậy quý vị thấy, trí Bát nhã nằm ở chỗ nào? Để thấy rằng, học hiểu không phải là Bát nhã thật; nếu ngài khéo, ngay khi bà già hỏi như vậy đó, thì tâm quá khứ qua rồi, vị lai chưa đến, tâm hiện tại luôn luôn không dừng, tức ba tâm đều là tâm hư vọng, không có thực, như vậy ngay nơi **"niệm hiện tiền"** nhận ra thì quá hay, quá khéo. Nhưng Ngài nghe hỏi như vậy, Ngài cũng theo câu hỏi đó suy nghĩ về tâm quá khứ, hiện tại và vị lai, đó là chạy theo câu hỏi mà quên mất niệm hiện tiền sáng tỏ ngay đây. Do đó đáp không trôi; chứ nếu khéo thì Bát nhã ngay nơi mình sáng tỏ rồi, đâu phải nhọc nhằn quảy gỏi lên ngài Sùng Tín. Vì vậy, lên tới Long Đàm

Sùng Tín, theo hầu ngài, một đêm hầu quá khuya, ngài Sùng Tín bảo:

- Thôi tối rồi, ông xuống đi!

Sư bước ra ngoài, rồi bước vào thửa:

- Bên ngoài trời tối đen.

Tối đen, cũng có hai nghĩa:- tối khuya, ra ngoài tối là một nghĩa - mà “cái tối đó” là con cũng còn đang tối đen nữa. Ngài Sùng Tín nói:

- Tối thì ta đưa đèn cho!

Ngài mới đốt cây đèn giấy đưa cho, Đức Sơn mới vừa đưa tay tiếp thì Sùng Tín thổi tắt phụt, ngay đó Sư liền sáng tỏ, chính đó mới là Bát nhã hiện. Như vậy, Bát nhã đó là ngay nơi mình chứ không từ nơi ngoài. Ông thầy cũng chỉ là phương tiện thôi. Cho nên đưa đèn thì liền tiếp, vừa tiếp thì thổi liền, để thấy Bát nhã tự ngay nơi mình sáng lên, đó mới là thật. Vậy, Bát nhã đó, có hình tướng gì? Không có hình tướng gì cho thấy hết; vì vậy trong Kinh Pháp Bảo Đàn, Lục Tổ dạy: “*Bát nhã thì không hình không tướng, tức là tâm tri tuệ, nếu khởi hiểu như thế đó là trí Bát nhã*”, còn tìm về bên ngoài là thuộc về trí sinh diệt của thế gian. Đây dẫn qua câu chuyện của nhà thiền để quý vị thấm sâu hơn, nếu hiểu ngay thì càng tốt, còn nghiệm kỹ thì càng sâu.

Có một vị tăng đến hỏi ngài Tào Sơn :

- Thế nào là cây kiếm không mũi?

Thường thường, kiếm thì có cán, có mũi, nhưng ông tăng này lại các cơ hỏi thế nào là cây kiếm không mũi.

Ngài Tào Sơn đáp ngay :

- Chẳng do rèn luyện mà thành.

Cây kiếm này chẳng do nung nấu, tôi luyện mà thành được, vậy quý vị thấy cây kiếm đó chưa? Cây kiếm đó không phải bằng sắt, bằng thép, bỏ vào lò tôi luyện, mà chính là cây kiếm "*không hình, không tướng*" Lục Tổ muốn nói ở trên. Cây kiếm đó không cán, không mũi; còn cây kiếm có cán, có mũi thuộc về hình tướng, có lúc phải hoại; trái lại cây kiếm này không có hình tướng nên không do tạo tác mà thành, có tạo tác thì mới có sinh diệt, cây kiếm này không do tạo tác thì sinh diệt bám vào đâu.

Vị tăng hỏi:

- Tác dụng của nó như thế nào?

Ngài Tào Sơn liền đáp :

- Người gặp liền chết.

Quý vị thấy chỗ đó chưa? Cây kiếm này bất cứ cái gì gặp nó phải tan hết! Bất nhã thì đâu có cái gì đối địch được phải không? Nó phá sạch hết, nhưng mà ông tăng này hỏi lại:

- Người gặp đều chết, người chẳng gặp thì sao?

Ngài đáp:

- Cũng rơi đầu luôn.

Chỗ này mới khó hiểu, gặp thì chết phải rồi, không gặp làm sao rơi đầu. Không gặp thì rơi chỗ nào? Bởi vì gặp và không gặp là hai bên đối đãi, mà cây kiếm này nó không nương chỗ niệm phân biệt đối đãi, có niệm phân biệt đối đãi là đối với Bát nhã này không có chỗ đứng. Vì vậy, Bát nhã này, phá sạch hết những niệm phân biệt đối đãi, nên người gặp cũng chết, không gặp cũng chết, phá sạch hết.

Nhưng ông tăng lại hỏi:

- Người gặp chết là cố nhiên rồi, người chẳng gặp làm sao cũng rơi đầu?

Tào Sơn bảo:

- Ông chẳng thấy nói "*hay sạch tất cả*" sao?

Tức là cây kiếm này nó hay quét sạch tất cả dù gặp hay chẳng gặp, có đối đãi đều dứt hết, nhưng tới chỗ đó phải là chỗ rốt ráo chưa?

Ông tăng hỏi thêm:

- Sau khi sạch hết thì thế nào?

Tào Sơn đáp:

- Mới biết có cây kiếm này.

Đó là câu đáp rất hay, nhiều khi mình cũng dễ bị lằm lẩn, tu phá hết tình chấp, không có chấp ngã chấp pháp, cái gì cũng sạch hết thì thành ra không ngơ sao? Thành ra không biết sao? Cho nên ở đây khi sạch hết tất cả tình chấp, những niệm phân biệt thì, Bát nhã hiện tiền; chứ không phải đến đó rồi không còn gì hết, không biết gì hết; mà Bát nhã hiện diện sẽ thấy khắp tất cả, biết rõ tất cả, không có thiếu sót cái gì. Vì vậy, học Bát nhã mình khéo học như vậy, mới tin chắc nơi mình đầy đủ *“trí sáng suốt rõ biết hằng hữu”* không bao giờ mất. Lâu nay có những vị nói rằng: mình tu hoặc học tụng kinh Pháp Hoa thì nó mới mát mẻ, nhà cửa tươi sáng, còn tụng học kinh Kim Cang thì nhà cửa cây cối nóng nẩy, khô héo. Nếu như vậy học Bát nhã có hại chứ không có lợi, vì nhà cửa nóng nẩy, cây cối khô héo hết, đó là hiểu lầm quá lớn! Kinh là lời Phật dạy để cho mình mở sáng trí tuệ, nhưng có những vị sợ Bát nhã, nên nghe nói học kinh Kim Cang Bát nhã liền ngăn, bảo học Bát nhã dễ chấp *“không”* lắm! Nhưng Bát nhã dạy mình chấp không, thì có phải là Bát nhã chưa? Nếu Phật nói kinh Bát nhã khiến cho mình chấp không thì đâu thành kinh Bát nhã! Bát nhã là phá chấp, cho nên như ở trên đã nói *“người gấp cũng chết, người không gấp cũng chết”*, là sạch hết tất cả tình chấp, chứ đâu

gọi là chấp không, mà chấp không thì đâu có thể gọi là Bát nhã được. Chỉ do mình hiểu lầm, hiểu sai lệch về Bát nhã, mình mới chấp không, mà chấp không là trái với Bát nhã chứ đâu phải là học Bát nhã. Đó là những cái hiểu lầm, nếu mình không có nghiên cứu kỹ, không tìm hiểu kỹ thì cũng dễ bị nó lung lay, nghe nói rồi không dám tụng Kim Cang Bát nhã, không dám học Bát nhã. Nếu hiểu kỹ, chính học xong Kim Cang Bát nhã thì trí tuệ mình càng tỏ sáng và mới dễ huân tập thêm chủng tử giác ngộ nơi mình. Phải rõ kinh Kim Cang Bát nhã là phá hết những tình chấp có và chấp không, nhớ kỹ như vậy!

Thông thường Bát nhã có chia ra ba thứ: – Văn tự Bát nhã – Quán chiếu Bát nhã – Thật tướng Bát nhã. Ở đây mình học, nghe giảng rồi đọc trong kinh đó là văn tự Bát nhã. Nhờ nghe đọc, rồi soi sáng lại mình để sống với lý thật, đó là Quán chiếu Bát nhã; nếu chỉ nghe suông, đọc suông thì chưa quán chiếu, chưa sáng được. Ví dụ, như ở trong kinh Bát nhã mình sẽ học tới phần nói về bố thí mà không trụ tướng, tức không trụ sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, buông xả hết không dính vào sáu trần; nếu chỉ học nghe thôi thì Bát nhã chưa sáng. Phải nghe, rồi ứng dụng thường soi sáng lại mình, để đối với các trần mình bớt các niệm dính mắc, bớt các niệm chấp

trước, đó mới gọi là sức quán chiếu Bát nhã. Khi sức quán chiếu thuần thực, đầy đủ thì chân thật bất sinh bất diệt hiện tiền, chứng ngộ rõ ràng, đó là thật tướng Bát nhã, đến đây mới thật đầy đủ. Nếu mà mình chỉ nghiêng về một bên thì chưa thấy tột Bát nhã. Cho nên có thí dụ: cũng như mình đi qua sông thì bước xuống thuyền, nhưng xuống thuyền mà chưa qua bờ kia được, phải chèo, chèo rồi qua bờ bên kia; song cứ đứng đó hoài thì cũng không đi đâu được, cũng mắc kẹt tại đó, chưa có tự tại; phải bước lên bờ, bỏ thuyền đó - chứ lên bờ vác thuyền theo thì mệt nữa, cần bước lên bờ bỏ thuyền, mới đi tự do, tự tại được. Cũng vậy, vẫn tự Bát nhã giống như bước xuống thuyền, xuống thuyền mà đứng hoài cũng không đi tới đâu hết, phải dùng quán chiếu Bát nhã là bơi thuyền, mới qua được bờ bên kia. Nhưng qua bờ bên kia rồi mà đứng đó hoài cũng mắc kẹt, tức là mình quán chiếu mà cứ mắc kẹt trong đó hoài ắt không có sống thực được chân thể bất sinh bất diệt nơi mình. Nếu quán chiếu hoài thì mắc kẹt trong đối tượng quán chiếu thôi; có quán chiếu thì có đối tượng quán chiếu, tức có năng có sở, mà còn mắc kẹt trong năng sở thì chưa tự tại. Phải quên năng sở, mới sống thể nhập trọn vẹn trong thể Bát nhã, mới lên bờ đi tự tại. Vậy, quý vị thấy, học Bát nhã, sống được Bát nhã cũng không dễ, nhưng

cũng không khó, quý vị biết sao không khó chăng? Thường người ta nói cái gì khó, là cái gì đó xa xôi ngoài tầm tay với của mình, mình với không tới, cho nên gọi là khó. Còn cái này là cái sẵn nơi mình, nơi tự tâm của mình, chứ không phải ở đâu khác hết. Nếu quả ở đâu mà mình với không tới, tìm không ra và không thể tìm tới được thì mới thật khó, ví dụ mình ở đây mà bắt mình lên trời tìm học Bát nhã thì khó là phải. Còn cái này ngay nơi mình, chỉ cần sống trở lại nơi mình thôi là đủ, thì đâu khó, mà khó là tại sao? Tại tập khí mê lầm của mình quen rồi, sống theo cái vọng mãi, khó ở chỗ đó. Bởi quen sống theo cái vọng, nên những suy nghĩ phân biệt cũng theo đó khởi hoài, bây giờ ngồi lại bảo nó dừng, nó cũng không dừng. Do đó, phải tu tập nhiều, lâu, công phu mạnh mẽ, vững vàng, mới biến khó thành dễ. Bởi vậy các vị tu hành, khi công phu khế hợp, nhận ra Bát nhã rồi, các ngài cười ngất hoặc là khóc ròng, cảm thương cho mình xưa giờ tưởng đâu là khó khăn, ở đâu đâu, như trên trời, trên mây. Giờ đây chợt nhận ra, mới hay là **mình sống hằng ngày đó** mà bỏ quên mất, nên thương xót, tức mình khóc, hoặc là cười ngất; giống như là xưa giờ món đồ bỏ trong túi mà chạy khắp nơi tìm nhọc nhằn kêu trời, kêu khó, chợt nhớ lại, móc túi ra, cười ngất! Hiểu như vậy, mới thấy Bát nhã chính ngay nơi

mình thôi, chỉ khéo soi sáng lại nơi mình, bớt duyên theo bên ngoài, thì có ngày Bát nhã hiện không khó. Đó là nói về Kim Cang Bát nhã.

Ba La Mật, Trung hoa dịch là đáo bỉ ngạn, hoặc cứu cánh. Đáo bỉ ngạn là đến bờ kia, hoặc là rốt ráo viên mãn. Như vậy, cái nào là bờ này? cái nào là bờ kia? Thường gọi bờ này là sinh tử, Niết bàn không sinh không tử là bờ kia; nhưng nếu Bát nhã mà còn thấy có bờ này bờ kia thì phải Bát nhã chưa? Vậy tại sao đây lại nói bờ kia? Thực ra, chính ngay nơi mình vừa khởi niệm phân biệt chấp trước là bờ này, niệm ngay đây lặn lẽ là bờ kia, bờ này bờ kia ngay nơi tự tâm mình chứ không đâu khác, chẳng qua tạm chia ra hai bờ theo ngôn ngữ thông thường, chứ thật là ngay nơi tâm niệm của mình: dùng được những niệm phân biệt đối đãi lăng xăng đó thì bờ kia, còn nơi đây động niệm phân biệt là bờ này; mà khi động niệm phân biệt thì Bát nhã bị che khuất, có Bát nhã thì phá được niệm phân biệt đối đãi chấp trước, gọi là đến bờ kia. **Chính trí tuệ đó** mới là trí tuệ đến bờ kia, còn trí tuệ của thế gian là trí tuệ sinh diệt, cũng thuộc về bờ này, chưa gọi là đáo bỉ ngạn được. Để hiểu rõ trí tuệ này, ngay nơi tự tâm của mình nó đầy đủ, chứ không phải nghe nói có bờ này bờ kia, rồi bỏ đây tìm kia. Chính ngay khi mình mê, ở trong thân

chúng sinh này, trong vô minh, cũng đầy đủ Bát nhã chứ không phải bỏ đây tìm đâu khác, cũng không phải ngay lúc vô minh đây mà mình thiếu mất. Lục Tổ nói: - Như mặt trời nó thường luôn luôn sáng không bao giờ tối, nhưng khi bị mây che thì thấy tối, song khi tối, mặt trời có mất không? Cái sáng của mặt trời có mất không? Lúc đó chỉ là cái tối ở dưới này thôi, qua luồng mây này cũng vẫn sáng, quý vị có đi trên máy bay thì thấy rõ ràng. Vậy cái tối, là do những niệm lăng xăng của mình nó che, thấy như mình không có Bát nhã, không trí tuệ, tưởng đâu như mình mất không có. Nhưng sự thật, **thể Bát nhã** vẫn luôn luôn thâm ẩn trong chỗ mình sống hằng ngày không có thiếu, khi phá dẹp được những niệm phân biệt đó, soi sáng tan vô minh thì rõ Bát nhã vẫn đầy đủ không mất, không bao giờ thiếu vắng. Quý vị khéo ứng dụng, trong mọi việc làm, mọi hành động mà luôn luôn có Bát nhã soi sáng, tuy thật tướng Bát nhã chưa hiện tiền, nhưng quán chiếu thường xuyên không vắng mặt thì việc làm nào cũng hợp đạo, không có chỗ nào là không có Bát nhã hiện. Như vậy, khi công phu của mình thuần thực thì bất cứ nơi nào, chỗ nào cũng là chỗ quý vị có thể tỏ ngộ được hết. Đọc trong Thiên sử quý vị thấy các vị tu hành sáng đạo, cư sĩ cũng có chứ không phải chỉ riêng người xuất gia. Có ông

quan ngồi trong công đường nghe tiếng sấm nổ thì cũng tỏ ngộ được.⁽¹⁾ Còn các vị thiền sư, thì ngài Trí Nhân đang làm vườn cuốc hòn sỏi văng trúng vào bụi tre văng ra thành tiếng cũng ngộ được; có vị đang xách nước, thùng nước đứt dây rớt xuống bể cũng ngộ được.⁽²⁾ Như vậy đâu đâu, chỗ nào cũng là Bát nhã, nhưng sở dĩ mình chưa ngộ được, là tại vì tâm mình có nhiều thứ lăng xăng quá. Nếu công phu miên mật, lúc nào cũng thường soi sáng thì bất cứ đâu cũng là chỗ cơ duyên để mình sáng tỏ. Đó là nói về Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật.

Còn **kinh** là sao? Kinh, tiếng Phạn nói đủ là Tu đa la, tiếng Hán dịch là khế kinh. Khế kinh có nghĩa là vừa khế lý vừa khế cơ. **Khế lý**, là luôn luôn đúng với lý giác ngộ của chư Phật, tức là dù trải qua bao nhiêu thời đại, bao nhiêu thời gian, vẫn không sai, vẫn đúng với lý của chư Phật, chứ không phải đúng với lúc này mà không đúng với lúc kia, cũng chưa gọi là kinh được. Ví dụ như Bát nhã này, dù là thời đại nào, ở lúc nào cũng vẫn đúng không sai. Thứ hai là **khế cơ**, là khế hợp căn cơ chúng sinh, tức là mọi người đều có thể theo đó tu hành đạt đến giác ngộ hết. Chứ bộ

¹ Tức Triệu Biện, tự Duyệt Đạo tham Thiền với Thiền Sư Phật Huệ.

² Thiền Sư Nghĩa Hoài, tham Thiền với Thiền Sư Minh Giác.

kinh nói ra chỉ để thờ thôi, nghe chơi thì chưa khế cơ. Ở đây Phật nói ra, là nói cho chúng sinh, nhưng nói ra mình không làm được gì, thì đâu có khế cơ. Nên kinh luôn luôn khế cơ. Kinh Bát nhã chưa hiểu kỹ thì theo chữ nghĩa thấy quá xa vời, làm không nổi; nhưng hiểu cho suốt lý, thì ngay nơi mình thôi ai cũng có thể ngộ được Bát nhã, sáng được Bát nhã, ứng dụng được Bát nhã; chỉ có đủ lòng tin hay không, quyết tâm hay không mà thôi; chứ không phải là dành riêng cho các vị Bồ tát, còn mình không có phần. Nếu vậy thì kinh này nói cho cõi nào, chứ không phải cõi này. Hiểu đúng như vậy, mới thấy Kim Cang Bát nhã là kinh nói cho mình, ai cũng có phần, không riêng cho ai.

Tóm lại, kinh Kim Cang Bát nhã là gì? Là nói về trí tuệ Kim cang rất ráo đến bờ kia, nhưng đó là danh tự thôi. Hiểu cho kỹ, **cái gì là kinh Kim Cang Bát nhã?** Nếu nói kinh Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật, là bộ kinh mình tụng hàng ngày, thì đó phải chưa? Bộ kinh này, thời gian cũng cũ, cũng mục, có khi mỗi ăn, vậy có phải là Kim Cang Bát nhã chưa? **Kinh Kim Cang Bát nhã là trí tuệ không hình, không tướng, bất sinh, bất diệt nơi TÂM mình, đó mới là “quyển kinh sống”,** còn quyển kinh mình đọc tụng đó chưa phải là kinh sống. Nên trong kinh Kim Cang, tán thán

là công đức chẳng thể nghĩ bàn. Nếu bộ kinh để trên bàn mà nói là không thể nghĩ bàn thì khó hiểu! Cho nên học kinh Kim Cang Bát nhã, là mình sống lại với tự tâm, mở sáng trí tuệ nơi mình, đó mới là khéo học, biết học. Còn chỉ học trên chữ nghĩa, hôm nay tụng được mấy bộ, có bao nhiêu chữ trong đó, thì gọi là đếm cát, nhọc nhằn vậy thôi.

Ngày xưa ngài Trần Tôn Túc, tức Thiền sư Đạo Minh đang xem kinh Kim Cang, ông thượng thư Trần Tháo, giống như bộ trưởng bây giờ, ông cũng từng nghiên cứu thiền, đến thăm gặp và hỏi:

- Thưa Hòa thượng xem kinh gì vậy?

Sư bảo:

- Xem kinh Kim Cang.

Ông Trần Tháo mới hỏi:

Kinh này là đã có lục triều phiên dịch, đây là triều nào?

Lục triều là sáu triều phiên dịch (trước đã nói). Nếu hỏi mình thì mình sẽ đáp là triều nhà Đường, triều nhà Tần, ngài Trần Tôn Túc chỉ đưa quyển kinh lên, bảo:

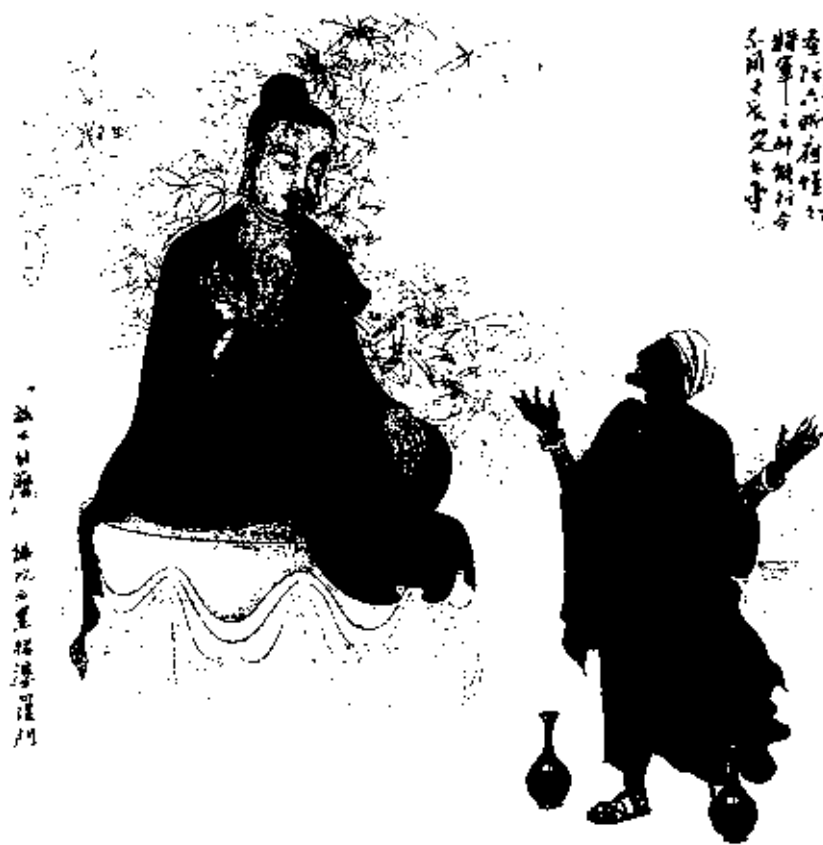
- Tất cả pháp hữu vi như mộng huyễn, bào ảnh.

Quý vị thấy có lạc đề không? Hỏi xem kinh gì, đáp kinh Kim Cang; hỏi có sáu triệu phiên dịch vậy triệu nào... chỉ đưa quyển kinh lên... Bởi vì, ở đây Sư muốn chỉ quyển kinh sống, chứ không phải quyển kinh bằng giấy, bao nhiêu tờ, bao nhiêu trang đó, quyển kinh này vô thường sinh diệt; nó cũng giống như pháp hữu vi, từng trang, từng tờ giấy, do tạo tác mà thành, có lúc phải hư, phải mục, như mộng huyễn bào ảnh thôi. Sư muốn đánh thức quyển kinh sống ngay trong tròng mắt của ông, thấy được cái đó mới thấy thật. Khi đưa lên, Sư khai thị quyển kinh sống chính ông đang nhìn đó, ngay trong tròng mắt của ông đó, cái đó phải thấy lại ngay nơi mình, còn cứ bám theo quyển kinh này là quyển kinh chết. Sư không nhọc nhằn giảng nhiều mà đã giảng xong quyển kinh Kim Cang, rất khéo. Quý vị nếu thấy vậy cũng chẳng cần học nhiều. Ngài Thập Đại nói: *"Một quyển kinh này ở trong tự tánh mỗi chúng sinh sẵn có, nhưng chẳng tự thấy nên chỉ đọc văn tự, nếu ngộ được tự tâm mới biết kinh này chẳng ở văn tự. Rõ được tự tánh mới tin chư Phật đều từ tâm lưu xuất."* Nói tất cả chư Phật đều từ quyển kinh này lưu xuất, mỗi người đều có quyển kinh Kim Cang Bát Nhã hết, làm sao phát minh bộ kinh này, sống với bộ kinh này thì gần chư Phật lắm, có thể đồng nắm tay Chư Tổ cùng đi.

Đó là nói về đề kinh Kim Cang Bát nhã. Quý vị mới thấy mình chỉ học đề kinh thôi, mà khéo thì sống cả đời cũng không hết, như vậy cần học hết bộ không? Ở đây, ngay đề kinh thôi, nếu mình khéo tin nhận, hiểu sâu thì ứng dụng đủ rồi, nhưng mà mình chưa khéo được, vậy nên phải học nhiều, học kỹ.



昔年九月廿三日
 在法華寺觀經
 講畢一之師能行令
 不問之矣定長寺



法華寺觀經
 講畢一之師能行令
 不問之矣定長寺

GIẢI VỀ NGƯỜI DỊCH

Trước khi vào chánh văn, giải thích qua cho quý vị hiểu về người dịch bộ kinh Kim Cang này, bởi vì bộ kinh Kim Cang Bát Nhã mà chúng ta học ở đây là do ngài Tam Tạng Pháp Sư Cưu Ma La Thập dịch từ tiếng Phạn ra tiếng Hán, nói đủ là đời **Dao Tần, Tam Tạng Pháp Sư Cưu Ma La Thập dịch**. Gọi **Dao Tần** là sao? Đây là phân biệt đời Tần, nhưng không phải là Tần Thủy Hoàng, mà Dao Tần đây thuộc về Nam Bắc triều, nhằm triều Tần ở Trung Quốc. Ông vua trước hết của triều này là Phù Kiên, nhân đem quân đánh nhà Đông Tấn bị bại, Phù Kiên trở về bị đại thần là Dao Trành giết chết, lên ngôi xưng là Dao Tần. **Tam Tạng Pháp Sư** là vị pháp sư thông cả Tam Tạng: -Kinh, Luật, Luận; bởi vì nếu người thông suốt về kinh thì gọi là Pháp sư, thông suốt về luật thì gọi là Luật sư, thông về luận gọi là Luận sư, ở đây ngài Cưu Ma La Thập thông suốt cả ba tạng nên gọi là Tam Tạng Pháp Sư. Còn **Cưu Ma La Thập** là tên âm tiếng Phạn,

Trung Hoa dịch là Đồng Thọ, Đồng là nhỏ, còn Thọ là lớn tuổi, là người già. Tại sao gọi là Đồng Thọ? Bởi vì ngài là người nhỏ mà có cái đức của người lớn nên gọi là Đồng Thọ. Cha của ngài là Cưu-ma-la-viêm, người xứ Quy Tư, ông có tiết tháo rất cao đẹp, làm tướng mà bỏ ngôi tướng đi xuất gia, nhưng sau khi xuất gia rồi thì vua Quy Tư nghe tiếng tăm của ông lại thỉnh về làm Quốc Sư. Làm Quốc Sư thời gian vua lại đem người em gái gả cho, sau sinh ra ngài Cưu-ma-la-Thập. Ngài tuổi nhỏ mà rất thông minh, mỗi ngày học thuộc cả ngàn bài kệ hơn cả vạn lời, mười hai tuổi đã tỏ ngộ. Như vậy, mình thấy chân lý không hạn ở tuổi tác, không phân biệt già trẻ. Sau khi sinh Ngài ra, bà mẹ đi xuất gia, rồi ngài Cưu-ma-la-Thập cũng được bà mang theo vì còn nhỏ. Có một lần, Ngài theo mẹ đi tham vấn các vị Thiện tri thức ở tại ngôi chùa rất to, trong điện Phật cao lớn, bên cạnh tượng Phật to, có để một cái bát rất lớn để cúng cơm, Ngài Cưu-ma-la-Thập thấy cái bát, sinh lòng vui mừng. Để tỏ lòng cung kính, Ngài chạy lại ôm cái bát để lên đầu, nhưng khi ôm để lên đầu thì ngài chợt động niệm, nghĩ rằng: “Ủa! Cái bát to như thế mà làm sao ta đội được?”. Tức là cái bát thì to mà Ngài lại nhỏ, Ngài mới động niệm cái bát to như thế thì làm sao ta đội được. Nhưng khi vừa nghĩ như vậy, liền cảm giác

cái bát nặng đè Ngài té ngã luôn. Mọi người và mẹ Ngài từ trong điện Phật hoảng hồn chạy tới đỡ ngài dậy, bà hỏi: “Con làm sao vậy?”. Bà cũng không biết trường hợp ra sao, thì Ngài nói rằng: “Con sáng tỏ được đạo lý rồi!” Bà không biết nguyên do vì đâu nên bà bảo: “Con thuật lại cho mẹ nghe, con nói gì lạ vậy?” Ngài thuật lại là: “Thấy cái bát to, để tỏ lòng cung kính nên con đội lên đầu, khi con đội lên, con tưởng nặng thì cái bát liền đè con té ngã luôn. Do đó, có thể biết nặng hay nhẹ là hoàn toàn do tâm phân biệt của chính mình, đây gọi là tất cả pháp duy tâm”. Ngài còn nhỏ như vậy mà đã tỏ ngộ, cho nên bà mẹ rất vui mừng, bà bảo: “Thật là không ngờ, đây là đạo lý rất cao sâu của Phật pháp mà nay con đã tỏ ngộ thì con tuy còn nhỏ nhưng có thể đi hoằng dương Phật pháp được rồi đó!” Từ đó, Ngài bắt đầu đi giảng thuyết mấy xứ ở Tây vực, tức là mấy xứ ở gần Ấn Độ. Cho nên người ta mới tôn đức của Ngài là Đồng Thọ, bởi vì còn bé mà có cái đức lớn của người già. Qua niên hiệu Kiến Nguyên thứ 15 khoảng 379, ở Trung Quốc, có các vị Sa môn đi du học qua bên đó như ngài Tăng Thuần, ngài Đàm Xuân... nghe người ta ca ngợi Ngài, nên khi trở về Trung Quốc cũng ca ngợi Ngài. Trong đó ngài Đạo An nghe được tin đó, mới khuyên ông Phù Kiên nên mời Ngài sang Trung Quốc. Qua năm Kiến

Nguyên thứ 18 tức khoảng 382, Phù Kiên sai vị đại tướng tên Lã Quang đem bảy vạn quân đánh Quy Tư, nhưng ông dẫn đây là đánh để thỉnh ngài Cưu-ma-la-Thập thôi, chứ không phải gì khác. Khi đó ngài Cưu-ma-la-Thập khuyên ông vua bên kia tức vua Bạch Thuần Vương nên thuận theo điều kiện của Lã Quang để tránh đổ máu cho nhân dân. Nhưng ông Bạch Thuần Vương không chịu nghe, đem binh chống lại, rồi bị bại. Lã Quang bắt được ngài Cưu-ma-la-thập, song không đưa về nước Tần mà giữ lại ở Cô Tân; bởi vì lúc đó Phù Kiên bị Dao Trành giết rồi, Lã Quang tự lập thành một nước là nước Hậu Lương, rồi tự xưng đế, và ông giữ luôn Ngài Cưu-ma-la-Thập. Nhưng ông này không có hám mộ Phật pháp, nên ông giữ vậy mà ông cũng không tôn trọng gì. Qua năm Hoàng Thủy thứ 3 (401) thì Dao Hưng, con Dao Trành đem quân đánh Hậu Lương, Lã Quang đã chết, con là Lã Long lên ngôi bị thua, đầu hàng, ngài Cưu-ma-la-Thập mới được đưa vào Trung Quốc, lúc đó ngài khoảng 58 tuổi. Dao Hưng lại rất mộ Phật pháp, nên ông lễ ngài Cưu-ma-la-Thập theo lễ Quốc Sư, rất kính trọng, cho ở tại vườn Tiêu Dao để dịch kinh giảng pháp. Một hôm Dao Hưng mới dò hỏi: -Pháp sư tài cao học rộng không có ai bằng như vậy, chỉ tiếc là 60 năm qua

chưa có con nối dõi, lẽ nào để giống tốt như vậy mà mất đi sao?

Như vậy cho thấy ông rất kính mộ Phật pháp, mà cũng còn nghĩ theo tình đời, ông nói thêm:

Tôi có hàng trăm cung phi, muốn biếu cho thầy mười vị, như vậy có thể sinh được mấy người con trai để kế tục tài trí của thầy, không biết ý thầy thế nào? Rồi ông ép ngài nhận, ngài cũng tự bảo:

Thường mỗi khi ta giảng thuyết thì có hai đứa bé nó leo lên hai vai ngăn cản. Hai đứa bé là chỉ cho Lã Quang và Dao Hưng. Từ đó ngài chẳng ở trong tăng phòng mà lập phòng xá ở riêng. Có một số vị tăng cũng muốn bắt chước, chứa mấy người nữ hầu; ngài Cưu-ma-la-Thập thấy vậy xót xa cho Phật pháp. Bởi vì họ đâu hiểu trường hợp của ngài, cho nên ngài Cưu-ma-la-Thập triệu tập hết lại. Ngài hai tay bưng hai cái bát đựng đầy những cây kim trong đó và bảo: "Nếu các vị ở trong đây, ai có thể nuốt hết bát kim này thì mới bắt chước tôi". Nói xong, ngài đem bát kim nuốt vô bụng hết. Mấy người kia thấy hoảng hồn từ đó không dám bắt chước theo. Như vậy để quý vị thấy, nhiều khi thấy người khác làm như vậy, rồi mình cũng bắt chước, nhưng trường hợp mỗi người khác. Ngài cũng đã từng bảo: "*Ví như ở trong bùn*

như mà sinh hoa sen, thì chỉ nên lấy hoa chứ lấy bùn như". Nghĩa là mình hiểu Phật pháp thì mình suy ngẫm để rút những tinh hoa Phật pháp chứ đừng có nhìn hình thức đó. Bởi vì các vị có khi vì một duyên đặc biệt của các ngài, mà các ngài làm khác thường. Ngài Cưu-ma-la-Thập ở đây dịch kinh luận ghi lại được khoảng hơn 300 quyển, những người theo học với ngài có tám vị nổi bật như ngài: -Đạo Sanh, Tăng Triệu, Đạo Dung, Tăng Duệ...v.v... Khi ngài Cưu-ma-la-Thập mất, ngài nhóm chúng nói: *"Những kinh luật tôi đã dịch từ trước đến nay thì chỉ có bộ Thập tụng Luận là chưa kịp chỉnh lại cho đàng hoàng, nếu khế hợp với tâm Phật thì khi thiêu, nguyện cho cái lười không cháy tiêu"*. Quả vậy, khi trà tỳ thì cái lười còn nguyên không hoại. Sau này người ta rất tin tưởng bản dịch của ngài Cưu-ma-la-Thập, thường trong những bản dịch kinh, bản dịch của ngài Cưu-ma-la-Thập được các vị từ xưa đến nay lấy làm định bản, tức là bản mẫu. Bởi vì, kinh Ngài dịch ý sáng sủa, lời văn trôi chảy nên tụng dễ dàng. Như vậy, ngài Cưu-ma-la-Thập là người dịch kinh nổi bật nhất trong những vị dịch kinh. Ngài có điểm đặc biệt, còn nhỏ mà đã sáng tỏ được đạo lý. Đó cũng là điểm cho mình tin tưởng chân lý là của mọi người và không có hạn cuộc nơi tuổi tác. Cho nên mình không có so theo tuổi tác để phê



bình hay phân biệt, thấy người nhỏ tuổi cũng không dám chê, biết đâu túc duyên của người ta trong đó; như có những vị tu hành đã lâu ở trong đạo, nhưng cũng chưa sáng tỏ được đạo lý, trong khi những vị mới vào đạo chưa lâu mà họ đã sáng tỏ. Đây là nói qua người dịch. Bây giờ bắt đầu vào văn kinh.



VÀO VĂN KINH

Ở đây chúng ta học kinh Kim Cang Bát Nhã cũng nói cho quý vị hiểu: **KINH KIM CANG BÁT NHÃ BA LA MẬT** là bộ kinh có duyên rất lớn với cõi này, cả Trung Quốc và Việt Nam, rất nhiều người chú ý. Những người dịch cũng nhiều, chú giải cũng nhiều, mình học kinh Kim Cang Bát Nhã qua cái nhìn của nhà **Thiền**. Bởi vì, kinh Kim Cang Bát Nhã có rất nhiều người giảng, tùy theo trình độ kiến thức, kiến giải của mỗi vị, nhưng ở đây nhấn mạnh qua cái nhìn của nhà thiền. Nói để quý vị hiểu kỹ, khi nghe những vị khác giảng, có những điều không giống cũng không lấy làm lạ. Vào văn kinh:

CHÁNH VĂN:

1. NGUỒN GỐC PHÁP HỘI

Tôi nghe như vậy, một thuở nọ Phật ở vườn Cấp Cô Độc, rừng Kỳ Đà, nước Xá Vệ, cùng chúng Đại Tỳ Kheo 1250 người chung hội.

Bấy giờ Thế Tôn đến giờ ăn, Ngài đắp y, mang bát đi vào thành lớn Xá Vệ khát thực. Ở trong thành ấy, theo thứ lớp khát thực rồi trở về chỗ mình, thọ thực xong, thu xếp y bát, rửa chân và trải tòa mà ngồi.

GIẢNG:

Ở đây tại sao gọi là phần 1? Kinh Phật thì có chia ra 3 phần: -Tựa, chánh tông và lưu thông, thường kinh Phật chia như vậy. Nhưng ở đây chia 32 phần, phần một là nguồn gốc của pháp hội, trong phần này gồm phần tựa ở trong đó. Kinh Phật vốn xuyên suốt từ đầu đến cuối nhưng ở đây các ngài chia ra để người học dễ nhận, song chia làm 3 phần: Tựa - Chánh tông - Lưu thông là từ đâu mà có? Từ pháp sư Đạo An, Ngài phát minh ra. Ngài Đạo An là người đốc Phù Kiên thỉnh ngài Cưu-ma-la-Thập. Đặc biệt, kinh Kim Cang chia ra làm 32 phần như vậy, là do thái tử Chiêu Minh, một vị thái tử tại gia nhưng có tâm Bồ tát và cũng có nhiều điểm khác thường. Ông sinh năm 499, mất 529, mất sớm, tên là Thống - Tự Đức Thi. Khi sinh ra ba tuổi đã hiểu được Hiếu kinh và Luận ngữ, năm tuổi đọc được khắp cả ngũ kinh. Khoảng đầu niên hiệu Thiên Giám của vua Lương khoảng 502, ông được lập làm hoàng thái tử. Ông

rất tin sâu Phật pháp, đã thọ giới Bồ tát, vâng giữ rất là nghiêm cẩn. Ông cũng xem khắp kinh điển và hiểu sâu xa về giáo lý. Ở trong cung của ông, ông lập riêng một điện là điện Tuệ Nghĩa, thường mời các bậc cao tăng đến giảng luận; làm thái tử trong cung mà có tâm hâm mộ Phật pháp như vậy. Có nhiều chuyện lạ, là vào đầu tháng tư năm đầu của niên hiệu Phổ Thông khoảng 520 trong điện Tuệ Nghĩa này có mưa cam lộ. Ông từng soạn giải nhiều sách về Phật pháp và là người hiểu kính, nhân từ. Làm thái tử hơn 20 năm nhưng ông chẳng chứa những cô gái hầu như những vị thái tử khác, sống rất đạm bạc. Khoảng tháng 4 năm Đại Thông thứ ba ông bị bệnh mất, mới 31 tuổi, khắp nơi mọi người đều thương tiếc. Ông phân kinh Kim Cang này làm 32 phần mà từ trước đến nay các vị giảng sư cũng theo đó giảng không thấy ai chê trách.

Phần đầu là nguồn gốc pháp hội: Có hai phần: -Tựa chung và tựa riêng, gọi là thông tựa và biệt tựa. Tựa chung là:

CHÁNH VĂN:

-Tôi nghe như vậy, một thuở nọ Phật ở vườn Cấp Cô Độc, rừng Kỳ Đà, nước Xá Vệ, cùng chúng Đại Tỷ Kheo 1250 người chung hội.

Là phần tựa chung. Phần kế là phần tựa riêng cũng gọi là phần phát khởi tự:

CHÁNH VĂN:

-Bấy giờ Thế Tôn đến giờ ăn, Ngài đắp y, mang bát đi vào thành lớn Xá Vệ khát thực. Ở trong thành ấy theo thứ lớp khát thực rồi, trở về chỗ mình, thọ thực xong, thu xếp y bát, rửa chân và trái tòa mà ngồi.

GIẢNG:

Kinh Phật phần tựa chung, là chung hết cho các kinh, thường có đủ phần tựa giống nhau như vậy, chỉ khác chỗ nơi và chúng. Trong phần này gồm có lục chủng thành tựu hay lục chủng chứng tín là sáu điểm chứng thành cho mình đủ niềm tin biết đây là kinh Phật. Ở đây: **-Như vậy** là chỉ cho **tín thành tựu**. Tức Phật pháp đúng với chân lý. Tiếng Hán theo thứ tự là **Như thị ngã văn**, dịch ra tiếng Việt là: **-Tôi nghe như vậy**. **Tôi nghe**: chỉ cho ngài A Nan nghe, gọi là **văn thành tựu**, là chỉ cho người nghe. Bởi ngài A Nan nghe Phật dạy rồi thuật lại. A Nan là tên tiếng Phạn, Trung quốc gọi là Khánh Hỉ. Ngài là vị thị giả theo sát bên Phật, nên những kinh Phật ngài thường nghe, mà Ngài là vị đa văn bậc nhất trong mười vị đại đệ tử của Phật,

Ngài nhớ rất giỏi và nhớ dai, cho nên sau này Ngài thuật lại. **Một thuở nọ**: -Là chỉ cho thời gian, gọi là **thời thành tựu**. Bởi thời gian xưa ở Ấn Độ tính khác, Trung quốc tính khác, khó xác định cho nên không ghi rõ mà chỉ nói tổng quát là một thuở nọ. **Phật** là chỉ cho **chủ thành tựu**. Phật nói đủ là Phật-đà, Phật-dà-gia, là người giác ngộ. Chính chữ Phật này là cái tên cũng đủ ý nghĩa cho mình học, mình tu. Tại sao gọi là người giác ngộ? Như vậy để thấy Phật không chỉ dành riêng cho Thái tử Tất-Đạt-Đa, mà chữ Phật này là để chỉ cho một con người đã giác ngộ viên mãn đầy đủ gọi là Phật. Vậy chúng ta cũng là một con người, nếu đã giác ngộ đầy đủ viên mãn cũng được thành Phật, không phải cái tên này chỉ dành riêng cho một người nào.

Vườn Cấp Cô Độc, rừng Kỳ Đà, nước Xá Vệ

Có những chỗ gọi là thành Thất-la-phệ, là dịch âm qua tiếng Hán, dịch ra là Phong đức hay là Văn vật, bởi vì xứ này là nước lớn ở Ấn Độ giàu có sản vật mà đạo đức cũng cao, có tiếng tăm ở trong cõi Ấn Độ, là kinh đô phía bắc của nước Kiều-tát-la, dùng kinh đô để gọi nước nhằm phân biệt với nước nam Kiều-tát-la. Chính Tỉnh xá này là nơi Đức Phật dừng ở nhiều nhất, sử ghi trước sau Phật ở đây hai mươi lăm mùa an cư, nhiều nhất trong các nơi, thuyết rất nhiều bộ kinh quan

trọng. Vườn Cấp Cô Độc rừng ông Kỳ Đà, Kỳ Đà là chỉ cho thái tử con của vua Ba-tư-nặc, có nghĩa là Chiến Thắng, bởi vì lúc sinh ông ra thì vua Ba-tư-nặc đang chiến thắng ở nước ngoài trở về, nghe tin thái tử sinh nên đặt tên là Chiến Thắng. Còn Cấp-Cô-Độc là chỉ cho ông trưởng giả Cấp-Cô-Độc, có khi chúng ta nghe gọi âm là Tu-đạt-Đa, đây là một ông trưởng giả ủng hộ Phật pháp rất lớn. Ông thường hay giúp người nghèo khó, người cô độc. Nhân duyên ông gặp Phật cũng rất đặc biệt, nhân ông đến nhà ông trưởng giả Sa-già-Na ở thành Vương xá để hỏi vợ cho đứa con. Nhưng khi ông đến nhà ông trưởng giả này, gặp lúc ông này đang chuẩn bị thỉnh Phật về cúng dường. Trong đêm, ông thấy nhà họ lằng xằng sửa soạn làm thức ăn để sáng ngày mai đón Phật và chư Tăng. Ông thấy vậy mới hỏi: Vì sao có việc như vậy? Mới biết rằng, sáng ngày hôm sau là thỉnh Phật. Ông vừa nghe tên Phật thì toàn thân ông lông dựng lên, một cảm xúc mạnh mẽ rồi dẫn ông đến gặp Phật. Sau khi ông quy y Phật rồi, ông trở về nước Xá vệ lập Tinh xá thỉnh Phật. Bởi, khi ông được gặp Phật, rồi quy y Phật, ông nghĩ rằng mình có duyên tốt với Phật, nhưng những người ở Xá vệ chưa có duyên tốt để gặp Phật. Do lúc này, Phật chưa có qua nước Xá vệ, vì vậy ông thỉnh Phật về nước. Nhưng Phật nói rằng: -Ta đi cùng

được, nhưng còn bất tiện vì chưa có chỗ cho chư Tăng nghỉ ngơi. Thường Phật đi thì có cả 1.250 vị Tỳ kheo đi theo, đông quá mà chưa có Tinh xá thì sao? Ông nói: Việc đó không khó, để về con lo. Ông vội về tìm chỗ mua đất để cất Tinh xá, nhưng kiếm hoài chẳng có chỗ nào tiện lợi, chỉ thấy vườn cây của ông Kỳ Đà là ông chịu, mà vườn này của ông thái tử làm sao mua đây? Song ông cũng cứ đến hỏi, nài nỉ mua, thái tử Kỳ Đà không chịu bán, nói: Ta là thái tử có nghèo đâu mà bán! Nhưng ông vẫn nài nỉ, thái tử không biết sao, bèn nói: - Thôi bây giờ ông đem vàng trải hết ở đó đi!

Tướng nói vậy để cho ông trưởng giả hết nài nỉ, không ngờ ông làm thiệt, ông về cho xe chở vàng đến trải gần khắp hết. Thái tử được người báo, liền tới thấy ông Cấp-Cô-Độc lúc này đang đứng có vẻ trầm ngâm thì thái tử nói: -Ừa! Ông tiếc hay sao? Ông Cấp-Cô-Độc nói: -Không phải, tôi đang nghĩ tính coi chờ kho nào gần nhất để tới cho sớm, làm kịp Tinh xá rước Phật.

Thái tử hỏi ra biết là ông Cấp-Cô-Độc mua vườn này cất Tinh xá để thỉnh Phật về, thấy lòng mộ Phật của trưởng giả như vậy, không có tiếc của cải, còn ông có gì đâu để tiếc! Thái tử Kỳ Đà cảm động, bèn nói: -Thôi tôi sẽ hợp tác cất tinh xá thỉnh Phật! Đất trải vàng thì thuộc về ông, còn

cây thuộc về tôi. Cho nên gọi là rừng Kỳ Đà vườn ông Cấp-Cô-Độc.

Chúng Đại Tỳ kheo 1.250, phần trên gọi là **xứ sở thành tựu**, đây gọi là **chúng thành tựu**. Chúng đại tỳ kheo là danh từ chuyên môn. Chúng là chỉ cho Tăng, nói đủ là tăng-già-da, gọi là hòa hợp chúng, một chúng hoà hợp gồm bốn người trở lên. Ở đây chúng đại tỳ kheo là những vị tỳ kheo trưởng lão. 1.250 người là ai? Trước là 5 anh em ông Kiều Trần Như được Phật độ trước tiên, 5 vị. Ba anh em Ca-diếp-Ba, trong nhà Phật có tới mấy vị Ca Diếp. Ca Diếp thường gọi là Tổ Ca-Diếp, đó là Ma Ha Ca-Diếp. Còn Ca Diếp ở đây là ba anh em ông Ưu-lâu-tần-loa Ca Diếp, Già-da Ca Diếp, Nan-đề Ca Diếp. Ba ông này trước thờ lửa, sau khi được Phật giáo hoá thì mỗi người đều dẫn đệ tử về theo. Ông anh lớn có 500 người đệ tử trở về với Phật, rồi hai ông em, một vị 300, một vị 200, cộng chung lại là 1000. Ngài Xá-lợi-Phất và Ngài Mục-kiền-Liên sau khi trở về với Phật, dẫn theo 200 đệ tử nữa là 1200. Con ông trưởng giả Da Xá khi về với Phật, ông dẫn theo 50 người bạn nữa. Như vậy là 1250, nhưng nếu cộng chung lại với 5 anh em ông Kiều-trần-Như là 1255, mà nói 1250, là nói số chung, số chẵn đúng là 1255. Nếu cộng thêm ba anh em ông Ca Diếp,

cộng hai ngài Xá-lợi-Phất và Ngài Mục-kiền-Liên, cộng con ông trưởng giả Da-Xá nữa là 1261 vị. Đây nói những vị thường theo gần bên Phật, Phật ở đâu thì thường đi theo. Sự thật trong hội Phật giảng kinh, không phải chỉ có mấy vị này, mà đủ tứ chúng, có khi vua quan, rồi những vị từ các nơi tới nghe, chứ không phải bao nhiêu đây thôi, nhưng những vị này thường theo Phật là căn bản nên thường được nhắc tới. Như vậy, phần lục chúng chứng tín, là tín thành tựu, tức pháp đáng tin; văn thành tựu là A-Nan nghe; thời thành tựu là thời gian; chủ thành tựu là Phật; xứ sở thành tựu là chỗ nơi; chúng thành tựu là người nghe, cho thấy rõ giống như biên bản một buổi họp. Biên bản một buổi họp thì phải có chủ tọa, rồi cử tọa là người nghe, rồi thư ký ghi buổi họp đó, thư ký đây là văn thành tựu tức ngài A-Nan, rồi họp ở đâu tức là xứ sở, rồi họp vào lúc nào là thời gian, rồi họp nói về vấn đề gì, đây là tín thành tựu. Đó là nói về mở đầu của kinh, theo giáo nghĩa sẽ giải thích thêm cho quý vị rõ: *-Tôi nghe như vậy là sao?* Đây là lời mở đầu của các kinh: **-Như thị ngã văn (Tôi nghe như vậy)**. Bởi vì khi Thế tôn sắp nhập diệt, ngài A-Nan hỏi Phật bốn điều, thì điều thứ tư là: Sau này khi kiết tập kinh điển thì đầu kinh để thế nào? Phật dạy phải để: **“Như thị ngã văn”** tức **“tôi nghe như vậy”**. Các vị

sau này có giải thích lý do là trừ nghi. Bởi trong sử có ghi rằng, khi ngài A-Nan lên toà thuật lại lời Phật trong hội kiết tập đầu tiên, ngài sắp tuyên nói Phật pháp liền cảm thân tướng của ngài tướng hảo quang minh y như Phật sáng rõ, lúc đó trong chúng khởi lên ba điều nghi:

- Nghi thứ nhất: Không biết là Phật hiện trở lại để nói pháp chăng? Bởi vì thấy ngài A-Nan thân tướng sáng rõ giống như Phật.

- Nghi thứ hai là: Nghi Phật từ nơi khác đến?

- Nghi thứ ba là: Nghi hay là ngài A-Nan thành Phật.

Ba điều nghi như vậy. Khi ngài A-Nan tuyên nói ra: **“Tôi nghe như vậy”**, thì dứt hết các điều nghi đó. Nghĩa là ngài nghe những lời Phật nói, ngài nói lại vậy thôi, thành ra dứt các điều nghi kia. Lý do thứ hai là để dừng tranh luận. Dừng tranh luận là sao? Để nói rằng từ Phật, ngài nghe chứ không phải ngài chế ra, nếu không nói như vậy, thì có người nghi ngài chế ra hay sao? Như vậy họ sẽ có sự tranh luận. Còn đây “tôi nghe như vậy” là nghe những lời Phật dạy, rồi thuật lại thôi.

Điều thứ ba là để phân biệt với kinh sách của ngoại đạo, bởi vì ở Ấn Độ những kinh của ngoại

đạo ở ban đầu thì để là “**a ưu**”, còn ở đây thì “**như thị ngã văn**” là khác. Đó là phần mở đầu kinh theo giáo nghĩa. Nếu theo nhà thiền, theo thiền sư thì sao? Theo thiền sư thì thế nào là chỗ vào kinh?

Có vị tọa chủ tham vấn với quốc sư Huệ Trung, quốc sư mới hỏi:

- Tọa chủ bình thường làm việc gì?

Ông tọa chủ đáp:

- Từng giảng kinh Kim Cang.

Quốc sư Huệ Trung hỏi:

- Vậy hai chữ đầu tiên đó là gì?

Tọa chủ đáp:

- Như thị. (*như thị ngã văn*).

Quốc sư hỏi:

- Là gì?

Ông đó không trả lời được. Hỏi hai chữ đầu tiên là gì, tọa chủ trả lời “**như thị**”, ngài Huệ Trung gạn lại “*là gì?*”, ông trả lời không được. Như vậy quý vị có thấy chỗ mở đầu kinh theo cái

nhìn của các vị thiền sư chưa? Nói **“như thị”** mình hiểu theo chữ nghĩa thì như đã giải ở trên, nhưng thiền sư gạn lại *“cái gì là như thị”*, thấy **“chỗ đó”** mới thấy chỗ mở đầu kinh; muốn thấy được chỗ đó phải hiểu quyển kinh này là gì? Thường thì chúng ta dễ mắc kẹt theo thường tình, hiểu kinh Kim Cang là quyển kinh chia ra bao nhiêu phần, là quyển kinh mình đọc hằng ngày đó, cho nên mở quyển kinh là như thị thôi. Nhưng quyển kinh mà thiền sư nói là quyển kinh nào? là quyển kinh vô tướng, **quyển kinh sống** ngay nơi mình đó, chứ không phải ý ngài chỉ quyển kinh này. Hiểu như vậy mới thấy ý của ngài. Như vậy mở đầu quyển kinh đó bằng cái gì? - Như thị - Như thị là sao? Là chỉ cho nó như vậy là như vậy, không có thêm những niệm phân biệt, những niệm chia chẻ gì ở trong đó, không có động niệm gì ở trong đó; chính chỗ đó mới là chỗ như thị, mới là chỗ mở đầu của quyển kinh đặc biệt này. Vì vậy ngài Vân Môn nói: *“Thấy cây gậy chỉ là cây gậy”*, không có thêm gì khác nữa, không có thêm niệm hơn thua, phải quấy, tốt xấu, thiệt giả, ngay cái thấy đó là như thị, là chỗ mở đầu kinh, là chỗ mình vào được quyển kinh sống này. Đó là quyển kinh Kim Cang Bát Nhã thực, còn quyển kinh để ở trên bàn đây là quyển kinh tạm phương tiện vậy thôi; phải **nhân quyển kinh này thấy**

lại quyển kinh kia mới là đích thực. Như vậy quý vị thấy thiền sư nhìn thực tế không? Rất thực tế, nhìn thẳng tắt, không nói dài dòng nhưng mà rất là chính xác. Mới thấy, mình học quyển kinh văn tự nhưng mình phải thấu qua quyển kinh văn tự để thấy rõ quyển kinh thật nữa, mới khéo học kinh Kinh Kim Cang Bát Nhã.

Đó là phần tựa chung, bây giờ đến phần tựa riêng là phần phát khởi tự:

Bấy giờ đức Thế Tôn đến giờ ăn, Ngài đắp y mang bát đi vào thành lớn Xá Vệ khát thực. Ở trong thành ấy theo thứ lớp khát thực, rồi trở về chỗ mình, thọ thực xong, thu xếp y bát, rửa chân và trải toà mà ngồi.

Trong đây có mấy điểm **Thứ nhất** là đến giờ ăn. Thường Phật chế ra: Phật và các vị tỳ kheo không phải muốn ăn lúc nào thì ăn, như ngoài đời đói bụng thì ăn, mà phải có giờ giấc đàng hoàng. Giờ ăn của Phật cũng như các vị tỳ kheo đi khát thực đó là từ sáng mặt trời mọc lên đến giờ trưa, giờ Ngọ là buổi ăn chính. Vì sao Phật dạy mình đi khát thực phải đúng giờ như vậy? Nếu đi sớm cũng không được, mà đi trễ cũng không được. Vì đi sớm người ta chưa nấu nướng gì thì người ta cũng dường không được, sẽ mất lòng tin của họ;

còn đi trễ người ta ăn rồi, muốn cúng cũng không được, thành ra phải đi đúng giờ. -**Điểm thứ hai** là đắp y, **thứ ba** là ôm bát. **Bát** là tiếng Phạn, gọi đủ là bát-đa-la, Trung hoa dịch là ứng lượng khí, nghĩa là món đồ ứng vừa với lượng ăn của mình. Tỳ kheo phải ăn đúng lượng, phải biết tri túc, không phải tham ăn, mình muốn chứa cái bát cho nó to, để cho đồ ăn được nhiều, đó là mình tham rồi. Cho nên Phật chế rất kỹ, ăn vừa đúng lượng của mình thôi. **Thứ tư** là vào thành khát thực, bởi vì tinh xá này ở ngoài thành, cách thành về phía đông nam năm sáu dặm, nên phải vào thành. **Thứ năm** theo thứ lớp khát thực, bởi vì sao? Vì trong phép khát thực theo sử kể, hai ngài Tu Bồ Đề và ngài Ca-Diếp có hai quan niệm riêng: ngài Tu Bồ Đề thì ngài cứ đi tới mấy nhà giàu khát thực, bởi vì Ngài nghĩ rằng nhà giàu họ dư dả, mình đến khát thực, họ có cho thì cũng không mất mát gì của họ nhiều, còn tới nhà nghèo thì họ đã nghèo thiếu rồi, mình đến khát thực nữa e họ thiếu ăn, cho nên Ngài chuyên tới nhà giàu. Trái lại, ngài Ca-Diếp thì Ngài tới nhà nghèo khát thực, bởi vì Ngài nghĩ nhà giàu người ta có phước rồi, dư dả rồi; còn những người nghèo là đời trước họ ít bố thí, bây giờ mình đến khát thực, khiến họ gieo duyên lành đó để cho họ đời sau khỏi nghèo. Cả hai đều có tâm tốt hết, nhưng

Phật quả, hai ông còn có tâm chưa bình đẳng, còn phân biệt người giàu, người nghèo. Do đó, Phật dạy phải theo thứ lớp khát thực, đi thứ lớp từ nhà này đến nhà kia, chứ không phân biệt giàu nghèo. Đây là ý nghĩa thứ lớp khát thực. **-Điểm thứ sáu** là trở về chỗ mình. **-Điểm thứ 7**, ăn xong thu bát rửa chân, trải toà mà ngồi thiền. Như vậy, Phật cũng còn ngồi thiền nữa, vậy là chấp tướng sao? Ở đây Phật muốn nhắc nhở mọi người, Phật như vậy mà còn ngồi thiền huống nữa là mình, chưa có đáng gì mà để đuôi thì sẽ ra sao? Đó là lời nhắc nhở chung mãi cho mình về sau này. Trong bản đời Ngụy có ghi kỹ hơn, nói rõ đoạn này là: **“Ngài cũng như thường lệ trải toà ngồi kiết già, thân ngay ngắn, trụ niệm bất động”**, còn bản của đời Đường thì nói **“thân ngay ngắn chánh nguyện trụ niệm hiện tiền”** như vậy nó có ý nghĩa sâu, chỗ này lần lần sẽ nói cho quý vị thấu rõ. Ở đây quý vị thấy, phần phát khởi đức Phật trước khi nói kinh Kim Cang Bát nhã, Ngài muốn chỉ ra cái trí tuệ Bát nhã là trí tuệ bất khả tư nghì, không thể nghĩ bàn, như vậy tại sao Ngài lại hiện tướng tắm thường cũng là đáp y, mang bát, khát thực, thọ thực, rồi xếp y bát, rửa chân, trải toà ngồi bình thường như bao nhiêu người, không có gì đặc biệt hết? Tại sao lại bình thường, không có phóng hào quang động địa, hiện những

tướng thần biến có vẻ không thể nghĩ bàn? Chẳng hạn như kinh Pháp Hoa, Ngài phóng hào quang soi suốt cả bao nhiêu thế giới ở phương đông, hoặc như kinh Hoa nghiêm trước khi vào thì bao nhiêu thần núi, thần sông cũng hiện tới, những cảnh vật chung quanh biến thành ánh sáng, nào mây biến ánh sáng này, mây ánh sáng nọ, cái gì cũng biến thành ánh sáng cả, quá sức tưởng tượng của mình. Còn ở đây rất bình thường, tại sao như vậy? Song nghiệm kỹ, nhất là nhìn theo cái nhìn của nhà thiền, thì đây mới chính là điểm đặc biệt, rất ứng hợp với trong nhà thiền. Trong cái bình thường như vậy, mà rất là thiền vị, đầy đủ ánh sáng vi diệu không thể nghĩ bàn trong đó! Nghĩa là trong **chỗ mang bát, đắp y, khát thực, đi tới đi về, rửa chân, thu xếp y bát**, những việc tầm thường như vậy đó, nếu nhìn theo con mắt tầm thường thì thấy không có gì lạ, nhưng nhìn với **con mắt của thiền sư**, của con người hiểu đạo thì mới thấy: chính trong đây đã sáng ngời ánh sáng rực rỡ ở trong đó, không có thiếu sót gì hết, chính **ánh sáng Kim Cang Bát Nhã đã tràn đầy ở trong đây rồi!** Bởi vì theo cái hiểu thông thường của mình, ánh sáng phải màu xanh, màu đỏ, có tướng rõ ràng; nhưng ánh sáng ở đây là ánh sáng Bát nhã, mà ánh sáng Bát nhã thì có hình tướng gì? Ánh sáng Bát nhã không có xanh,

vàng, đỏ, trắng, lớn nhỏ. Vậy Phật là một bậc Vô thượng chánh đẳng chánh giác, tức một vị giác ngộ không có gián đoạn, lúc nào ánh sáng giác ngộ cũng đầy đủ không xen hở, thì mới gọi là Phật; chứ nếu một lúc nào đó mà không có ánh sáng giác ngộ thì có gọi là Phật không? Nó có chỗ này, nhưng vắng mặt ở chỗ khác thì còn gọi là Phật chăng? Đã là Phật thì luôn luôn ánh sáng giác ngộ có mặt, lúc nào cũng có hết, dù ở trong hành động nào, cử chỉ nào, Phật cũng đều có đủ ánh sáng giác ngộ đó, như vậy mới gọi là Phật. Ở đây trong mọi hành động, có cái nào thiếu ánh sáng giác ngộ không? Ánh sáng đó hiện đầy đủ không có thiếu gì đâu! Nếu nhìn theo cái nhìn bên ngoài, cái gọi là tầm thường thì gọi là tầm thường, cái gì phi thường gọi là phi thường. Cho nên muốn bỏ những cái tầm thường này để đạt được những cái phi thường khác, nhưng không ngờ, cái phi thường chính ngay cái tầm thường, còn làm ra vẻ phi thường lại thành tầm thường. Bởi vì, cái đó rất giản dị, rất là gần gũi với mình, có thể mình sống hằng ngày ở đây mà không hay, như vậy mới gọi là phi thường.

Như ngài Triệu Châu có người đến hỏi đạo,
Ngài hỏi:

- Ăn cháo xong chưa?

Vị kia đáp:

- Ăn cháo xong rồi.

Ngài bảo:

- Rửa chén bát đi!

Liên ngộ. Không có gì lạ hết. Mình tưởng đâu đạo là phải có gì cao siêu, vi diệu lắm, nhưng không ngờ trong chỗ bình thường hằng ngày mình sống, khéo xoay trở lại, không để cho những tư tưởng, những phân biệt lăng xăng nó đẩy lên thì ngay đó đạo hiện tiền, ăn cháo, rửa chén đều đầy đủ không thiếu. Còn ngay trong đó mà khởi động niệm tìm một cái khác, thì cái đó nó mất, tức là bỏ cái hiện tiền mà đi tìm cái phi thường trở lại thành tầm thường, đó là đặc biệt. Cho nên quý vị thấy, kinh Kim Cang Bát nhã đã ngầm có cái ý “*giáo ngoại biệt truyền*” trong đó rồi, tuy là kinh nhưng đã ngầm có ý giáo ngoại. Nếu mình chỉ chấp theo chữ nghĩa, thì mình thấy chỉ là văn tự thôi, còn nếu mình thấy “*ý này*” thì sẽ thấy ý giáo ngoại trong đó sẵn đầy đủ đâu có thiếu gì!

Như ngài Sùng Tín tới học đạo với thiền sư Đạo Ngộ, ở thời gian lâu với ngài Đạo Ngộ mà không thấy Ngài chỉ dạy gì hết, một hôm lòng tha

thiết quá mạnh, không thể chịu nổi nữa, nên Sư đáp y lên thưa hỏi :

- Bạch Hòa thượng, từ ngày con vào đây học đạo với Hòa thượng lâu rồi mà chưa thấy Hòa thượng dạy con tâm yếu gì hết!

Ngài Đạo Ngộ mới nói:

- Từ ngày ông vào đây, ta có lúc nào chẳng chỉ dạy tâm yếu cho ông đâu!

Sư ngạc nhiên:

- Ủa! Hòa thượng đã từng chỉ dạy con lúc nào?

Ngài Đạo Ngộ bảo:

- Ông bưng cơm lên ta vì ông nhận, ông bưng trà ta vì ông mà tiếp, ông xá lui thì ta gật đầu, có chỗ nào là không chỉ tâm yếu cho ông đâu!

Nhưng Sư vẫn chưa ngộ, cúi đầu trầm ngâm suy nghĩ. Ngài Đạo Ngộ bồi thêm một câu:

- Thấy thì thẳng đó liền thấy, suy nghĩ liền sai.

Ngay đó Sư ngộ liền. Như vậy, quý vị ngộ chưa? Trong chỗ mọi hành động hằng ngày của mình đó, ánh sáng Kim Cang Bát nhã đầy đủ

trong đó rồi, thì Phật trong những việc bình thường ứng dụng hằng ngày đã biểu hiện ánh sáng Bát nhã quá nhiều, đâu có chỗ nào thiếu sót! Cho nên Triệu Châu hỏi ngài Nam Tuyền:

- Thế nào là đạo?

Ngài đáp:

- Tâm bình thường là đạo.

Sư hỏi tiếp:

- Có thể nhằm tiến đến chăng?

Nam Tuyền đáp:

- Nếu nghĩ nhằm tiến đến là trái.

Nghĩ nhằm tiến đến là trái, quý vị thấy chưa? Bởi vì sao? Nếu nghĩ tiến đến thì cái đạo nằm bên ngoài mình. Theo nghĩa thông thường thì tu là để đạt đạo, hướng đến đạo, tìm đến đạo để đạt được cái đó, nhưng nếu đến chỗ chân thật này, mình nghĩ hướng đến để đạt nó thì cái đạo đó ở đâu? Quên mất cái đạo ngay sẵn nơi mình. Nghĩ tức động niệm rồi! Động niệm thì trái với đạo hiện tiền trong mọi cử chỉ hành động của mình. Đáp như vậy mà Triệu Châu còn chưa hiểu nên lại hỏi:

- Khi chẳng nghĩ đến thì làm sao biết đó là đạo?

Ngài Nam Tuyền đáp:

- Đạo chẳng thuộc biết, chẳng biết, biết là vọng giác, không biết là vô ký, nếu thật đạt đạo thì không có nghĩ, ví như hư không rỗng rang không có thể gắng nói là phải, là quấy.

Đạo là cái chân thật ngay nơi mình, không thuộc biết hay chẳng biết, chỗ này khó hiểu. Trong kinh Viên Giác nói: **Tri huyễn tức ly, ly huyễn tức giác**, tức là biết huyễn liền ly, ly huyễn tức giác, mà đây nói: Biết là vọng giác thì sao, có trái ngược không? Bởi vì sao? Như ngài Vân Môn nói: *"Thấy cây gậy chỉ cây gậy"* thì đó là đạo, còn thêm cái biết nữa, là cái biết phân biệt, là cái biết suy nghĩ, hơn thua, cái biết này nọ, như vậy là trên cái biết thêm cái biết, nên gọi là vọng giác. Còn ngay cái biết đó không thêm gì nữa thì ngay đó là đạo. Còn không biết mà mờ mờ không rõ ràng, thì đó là vô ký, hoặc là như cây đá hay sao? Vì vậy **biết tất cả rõ ràng nhưng không mê lầm**, không có thêm những niệm hơn thua, phải quấy gì hết, ngay đó là phải, còn thêm gì khác là không phải. Cho nên như hư không thanh rỗng rang, không có nói phải, nói quấy gì.

Vậy là bình thường ngay nơi mình đầy đủ, thấy cây gậy, thấy cái ly, cái gì mình cũng thấy hết, đâu phải gỗ đá, nhưng không thêm gì nữa thì hay quá! Vậy thấy Kim Cang Bát nhã ở đâu? Hằng ngày mình sống trong thế Kim Cang Bát nhã mà không hay! Hiểu được như vậy, sống được trở về như vậy đó liền thấy trong mọi cử chỉ, mọi hành động của mình đều có Kim Cang Bát nhã phát ra ứng dụng gì cũng là thần thông diệu dụng. Còn bây giờ mình làm cái gì cũng không phải thần thông diệu dụng mà là phiền não trần lao hết; nghĩ liền động, dụng cái gì cũng khởi phiền não trần lao đầy đủ ở trong đó. Từ đó mới tin người sống được rồi, làm cái gì, thấy cái gì cũng là thần thông diệu dụng. Như câu chuyện ngài Ma Cốc, Nam Tuyền, Quy Tông đi thăm ngài Cảnh Sơn, giữa đường gặp bà già bán trà, mời vào quán ngồi, rồi bà già đem đến ba cái tách cho ba vị, bà nói:

- Trong đây, Hòa thượng nào có thần thông thì uống trà!,

Ba người ngồi ngó nhau không biết làm sao. Bà già nói:

- Đây, hãy xem già này trình thần thông cho các vị!

Bà liền cầm bình trà rót vào tách xong, liền đi. Thần thông diệu dụng đấy! Vì tâm mình mà tịnh rồi thì hành động nào cũng thanh tịnh, cũng sáng suốt hết, nên cũng đều là thần thông diệu dụng, cũng bất khả tư nghì; còn mình làm gì cũng tâm phàm phu khởi trước, làm cái gì cũng có suy nghĩ ở trong đó, mà có suy nghĩ tức có phân biệt, có phải quấy, có hơn thua, làm sao thành thần thông diệu dụng? Người xưa có làm một bài kệ để nói rõ về ý này:

Nguyên lai Phật pháp vô đa tử

Chỉ tại bình thường nhật dụng trung

Xuyên y thực phạm thân nhận đắc

Thiên sai vạn biệt thể giai đồng.

Xưa nay Phật pháp không nhiều thứ

Chỉ tại hàng ngày việc thường làm.

Mặc áo ăn cơm mình nhận được

Ngàn sai muôn khác thể đều đồng.

Phật pháp xưa nay không nhiều thứ, mình tưởng đâu nó mênh mông đủ thứ này, thứ kia, chạy tìm hoài không thấy dừng. Không ngờ, trong việc ứng dụng hằng ngày không đâu khác. Mặc áo, ăn cơm, mình tự nhận được (thân nhận đắc) thì bao nhiêu thứ sai biệt, thể đều đồng, không khác gì. Ngay trong mọi việc mặc áo, ăn cơm, nếu tâm mình thanh tịnh sáng suốt thì ngay nơi đó đầy đủ. Chúng ta thấy đức Phật mở đầu kinh Kim Cang, Ngài đã nói gì chưa? **Chưa nói gì, mà đã nói hết rồi, nói rất là vi diệu, rất là tuyệt vời!** Chỉ trong những hành động thôi, chưa phát ra thứ gì, nhưng mình khéo thấy sẽ rõ Ngài đã nói hết Bát nhã rất là khéo léo, rất là tài tình. Như vậy hôm nay mình học tới đây nghỉ, nếu quý vị nào khéo lanh lợi, nhạy mắt thì thấy Bát nhã trước, còn vị nào chưa lanh lợi lắm thì bắt đầu nghe Phật thốt lên lời!



2. THIỆN HIỆN KHẢI THỈNH

Lúc đó, Trưởng lão Tu Bồ Đề ở trong đại chúng liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trích áo vai phải, quỳ gối phải, chấp tay cung kính bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn, thật ít có! Như Lai khéo hộ niệm các vị Bồ Tát, khéo phó chúc các vị Bồ Tát. Bạch Thế Tôn! Người thiện nam, kẻ thiện nữ phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, nên làm sao trụ? Làm sao hàng phục tâm mình?

Phật bảo:

- Lành thay! Lành thay! Nay Tu Bồ Đề! Đúng như lời ông nói, Như Lai khéo hộ niệm các vị Bồ Tát, khéo phó chúc các vị Bồ Tát. Nay ông hãy lắng nghe, tôi sẽ vì ông mà nói.

- Kẻ thiện nam, người thiện nữ phát tâm Vô thượng Chánh Đẳng Chánh Giác nên như

vậy mà trụ, như vậy mà hàng phục tâm mình.

- Vâng, bạch Thế Tôn, con nguyện ưa muốn nghe.

GIẢNG:

Tới phần này gọi là chánh tông, phần trước mình học qua gọi là phần tựa. Vào chánh tông, trước tiên ngài Thiện Hiện khái thỉnh, khái thỉnh là thỉnh pháp, Thiện Hiện là ngài Tu Bồ Đề. Đây là bản dịch của ngài Cưu-ma-la-Thập, trong bản dịch đời Đường, thay vì lúc đó Trưởng lão Tu Bồ Đề liền từ chỗ ngồi đứng dậy thì có thêm: “**Bấy giờ chư tỳ kheo đi đến chỗ Phật, đánh lễ dưới chân Phật, đi quanh bên phải ba vòng, rồi lui về một bên, ngài Huệ mạng Tu Bồ Đề bèn từ chỗ ngồi đứng dậy ..v.v..**” Ở đây gọi là Trưởng lão Tu Bồ Đề, còn bản đời Đường gọi là Huệ Mạng Tu Bồ Đề; và câu hỏi: “**Nên làm sao trụ? Làm sao hàng phục tâm mình?**” thì bản kia có thêm một câu nữa: “**Làm sao trụ? Làm sao tu hành? Làm sao hàng phục tâm mình?**” có ý nghĩa rõ ràng thêm. Đoạn này có mấy điểm để cho mình cần phải rõ.

Thứ nhất, nêu lên người khải thỉnh kinh, tức người thỉnh pháp là Trưởng lão Tu Bồ Đề. Trưởng lão là để chỉ cho bậc tuổi cao, đức lớn. Nhưng tuổi tác cao ở đây, không giống tuổi tác cao ở thế gian, mà chỉ cho tuổi đạo, tức tuổi hạ. Bởi vì các vị tu hành lấy tuổi đạo làm tuổi của mình, nên khi bắt đầu thọ giới tỳ kheo rồi thì mỗi mùa an cư, chư tăng phải tụ lại một nơi để kiết hạ an cư, thúc liễm thân tâm tu hành. Qua mùa an cư rồi, được thêm một tuổi đạo. Nên sau mùa an cư nhằm ngày Tụ tứ cũng gọi là ngày Phật hoan hỷ, vì ngày đó là ngày mừng chư tăng đã thêm được một tuổi đạo. Do xưa kia, các vị tỳ kheo đi khất thực, du hoá nơi này, nơi kia tới mùa an cư mới tụ về một chỗ, nhắc nhở cho nhau tiến tu, cũng như trao đổi những kinh nghiệm. Như vậy được thêm một tuổi đạo ở đây, đúng theo ý nghĩa là thêm công phu tu hành chứ không phải an cư ba tháng rồi tính thêm một tuổi sông, nếu tính sông như thế thì chưa đầy đủ ý nghĩa lắm. Cho nên ở đây nói trưởng lão tuổi cao, là Ngài tuổi đạo nhiều, đạo đức cũng lớn, có bản khác dịch là Huệ mạng – Cụ Thọ. Huệ mạng là lấy trí tuệ làm mạng sống chứ không lấy cái thân này làm mạng sống nữa, nên quý vị thấy trong chùa hay đề “*Duy tuệ thị nghiệp*”, tức lấy trí tuệ làm sự nghiệp của mình. Cụ Thọ, là tuổi tác cao, đây cũng gần ý nghĩa như

trên. Vậy Tu Bồ Đề được gọi là bậc trưởng lão, tức là người có tuổi đạo cao. Tu Bồ Đề là âm tiếng Phạn, Trung hoa dịch là Không Sinh – Thiện Cát hoặc Thiện Hiện, ở đây gọi là Thiện Hiện khái thỉnh là chỉ cho ngài, một vài chỗ còn gọi là Thiện Nghiệp hoặc Thiện Kiến – Thiện Thật, nhưng ba nghĩa chính là Không sinh – Thiện Cát hoặc Thiện Hiện. Do duyên Ngài sinh ra trong một gia đình Bà la môn giàu có ở nước Xá vệ, người giữ kho tàng trong gia đình mới báo là hôm nay bỗng dưng trong kho tàng trống trơn, không có gì hết, nên gọi là Không Sinh. Kế trong nhà mời thầy tướng số đến bốc xem coi đứa trẻ này sinh ra là tốt hay xấu, thầy tướng cho biết là đứa bé này sinh ra rất tốt lành, do đó gọi là Thiện Cát, tức tốt lành. Qua bảy ngày sau thì, kho báu hiện lại như cũ, nên gọi là Thiện Hiện. Tính tình Ngài rất là nóng dữ, thường bị bạn bè chán ghét nên bỏ đi vào trong núi rừng, được sơn thần hướng dẫn đi đến gặp Phật. Phật dạy cho Ngài rõ cái lỗi của nóng giận rất là nguy hại, nên tự ngài ăn năn sám hối, rồi tiến tu đắc quả A-la-hán, là một trong mười vị đại A-la-hán đệ tử của Phật, gọi là Giải không bậc nhất, tức là rõ lý không bậc nhất. Mười vị đại đệ tử của Phật tức là vị nào?

1. Ngài Xá Lợi Phất là trí tuệ bậc nhất.

2. Ngài Mục Kiền Liên thần thông bậc nhất.
3. Ngài Đại Ca Diếp là đầu đà bậc nhất, tức là ngài chuyên về hạnh đầu đà—khổ hạnh.
4. Ngài Tu Bồ Đề giải lý không bậc nhất.
5. Ngài Phú lâu Na thuyết pháp bậc nhất.
6. Ngài Đại Ca Chiên Diên luận nghị bậc nhất – luận nghị đối đáp bậc nhất.
7. Ngài A na Luật thiên nhãn bậc nhất.
8. Ngài Ưu ba Ly trì luật bậc nhất.
9. Ngài La hầu La mật hạnh bậc nhất.
10. Ngài A Nan đa văn bậc nhất.

Như vậy Ngài Tu Bồ Đề rõ được lý Không bậc nhất, cho nên ở đây Ngài là người đứng ra để thỉnh pháp bộ kinh Kim Cang Bát nhã này rất khế hợp, rất tương ứng. Bởi vì Bát nhã nhấn mạnh tánh không. Đó là nói qua về ngài Tu Bồ Đề, người khải thỉnh pháp.

Thứ hai là phép thưa hỏi: “Ở trong đại chúng liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trích áo bày vai phải, quỳ gối phải, chấp tay cung kính bạch Phật”. Trích áo bày vai phải là, ở Ấn

độ các vị tăng đắp y khát sĩ, khi ngồi nghe pháp, y quán trùm cả hai vai luôn, bởi nghe pháp sợ gió nhập vào, nhưng khi ra thưa hỏi phải trích vai phải, để lộ vai phải ra, rồi quỳ gối phải xuống, theo phép cung kính của Ấn độ là như vậy. Đó là phép thưa hỏi.

Thứ ba là lời tán thán của ngài Tu Bồ Đề:

- **Bạch Thế Tôn, thật là ít có! Như Lai khéo hộ niệm các vị Bồ tát, khéo phó chúc các vị Bồ tát.** Trong đây có các danh từ “Thế Tôn” “Như Lai” là thuộc một trong mười hiệu của Phật. Như Lai là từ chân như tự tánh mà đến, nên gọi là Như Lai, Theo trong Trường A hàm – kinh Thanh Tịnh thì nói về Như Lai như sau: “Như Lai từ đêm đầu chứng đạo Vô thượng cho đến đêm rốt sau nhập niết bàn, ở trong khoảng thời gian đó, Như Lai có nói ra điều gì, trình bày nghĩa lý gì thấy đều hoàn toàn như thật không dối nên gọi là Như Lai.” Thứ hai “Lại nữa, Như Lai nói ra điều gì, là làm những điều ấy, cho nên gọi là Như Lai”. Ngài nói ra điều gì, là làm điều ấy chứ không nói suông. Bởi vậy, những chân lý mà Phật nói ra để chúng ta học ngày nay, lúc nào cũng đúng như thật. Còn những chân lý ở thế gian mình thường

đọc về những lý thuyết này, lý thuyết kia, cũng gọi là chân lý; nhưng chỉ là những suy đoán của người do suy luận đặt ra, cho nên nó chỉ đúng trong một thời gian nào đó thôi. Những thuyết của thế gian, có khi ở trong giai đoạn này nó đúng, nhưng thời gian sau có người đặt lại thuyết khác đả phá thì nó thành lỗi thời, như vậy là chỉ đúng trong giới hạn. Còn ở đây, Phật chứng nghiệm nói ra, nên nói điều gì là làm được điều đó, có chứng nghiệm thực sự. Như bốn chân lý căn bản, là bài pháp đầu tiên mà Ngài nói ở vườn Lộc uyển: - Khổ đế - Tập đế - Diệt đế - Đạo đế. Đây gọi là chuyển pháp luân lần đầu tiên, trong lần chuyển pháp luân này, có ba lần chuyển là: - Thị chuyển - khuyến chuyển - chứng chuyển.

- Thứ nhất là Thị chuyển, chỉ bày, nói rõ cho thấy đây là khổ, đây là tập, đây là diệt, đây là đạo. Tức là chỉ rõ cái khổ – chỉ rõ nguyên nhân đưa đến đau khổ của thế gian. Xác định rõ ràng cho người thấy – rồi chỉ rõ Niết bàn là chỗ dứt hết đau khổ – và chỉ rõ con đường đưa đến chấm dứt đau khổ.

- Thứ hai Khuyến chuyển, là khuyên, Ngài nói rằng đây là khổ các ông cần phải biết, vì đó là đế, tức là chân lý chắc thật không sai, cho nên các ông cần biết rõ để không lầm lẫn. Đây là tập, các

ông cần phải đoạn, vì là nguyên nhân đưa đến các khổ, nên các ông cần phải đoạn nguyên nhân đó. Đây là diệt, các ông cần phải chứng, vì là chỗ dứt bật các khổ. Đây là đạo, các ông cần phải tu, vì đó là con đường dứt khổ. Đây gọi là khuyến chuyển.

- Thứ ba chứng chuyển, là Ngài nói rõ: -khổ đó ta đã biết, Ngài nói khổ là Ngài đã biết rõ mà nói ra; tập ta đã đoạn, Ngài nói ra là Ngài đã đoạn rồi mới nói chứ không phải nói suông; diệt ta đã chứng và đạo ta đã tu. Đây là tam chuyển pháp luân, Phật đã chỉ bày, khuyên mọi người biết ứng dụng tu và chính Ngài cũng đã chứng nghiệm rõ ràng Ngài nói ra, những điều Ngài nói đó là những điều Ngài đã làm xong không phải nói suông. Nghĩa Như Lai rõ ràng là như vậy. Còn mười hiệu của Phật:

1. Như Lai

2. Ứng cúng: Đáng được thọ nhận sự cúng dường của trời, người.

3. Chánh biến tri: Là hiểu biết khắp hết, đúng đắn không có thiên lệch.

4. Minh hạnh túc: Là đầy đủ cả tam minh và hạnh nghiệp được viên mãn, tam minh là thiên nhãn minh, túc mạng minh, lậu tận minh.

5. Thiện thệ: Thiện là khéo, thệ là qua. Thiện thệ là khéo qua sinh tử đến bờ Niết bàn.

6. Thế gian giải: Là hiểu rành rẽ về thế gian, đối thế gian Ngài rõ suốt và biết rõ con đường xuất thế gian.

7. Vô thượng sĩ: là bậc Vô thượng, bậc không có ai trên, nhưng có người bằng, tức là mình tu công phu viên mãn thì cũng như Ngài. Nghĩa rất là hay, Ngài hiệu là Vô thượng nhưng không nói độc tôn, chỉ có mình Ngài được thành Phật. Cho nên các vị Bồ tát khi tu hành đầy đủ công đức viên mãn thì thành Phật, chúng ta tu công đức viên mãn cũng thành Phật đó là bình đẳng đối với tất cả mọi người.

8. Điều ngự trượng phu: Phật là người đại từ, đại trí đủ tất cả từ bi, nên dùng đủ phương tiện để điều phục người tu hành khiến cho họ được trụ Niết bàn, gọi là điều ngự trượng phu.

9. Thiên nhân sư: - là bậc thầy dẫn đường của trời, của người.

10. Phật, Thế Tôn gọi chung là bậc Giác ngộ được tôn quý trên thế gian, đó là mười hiệu của Phật. Như vậy ở đây Như Lai - Thế Tôn là hai trong mười hiệu của Phật.

Lời tán thán: **“Thật ít có! Như Lai khéo hộ niệm, khéo phó chúc các vị Bồ tát”**. Khéo hộ niệm – khéo phó chúc là sao? Hộ niệm ở đây là luôn luôn nhớ đến, che chở giữ gìn – phó chúc là gợi gắm dặn dò cho các vị Bồ tát. Bồ tát tiếng phạn gọi đủ là Bồ-đề-tát-đoả, tức Hữu tình giác hay Giác hữu tình. Tên Bồ tát cũng là một ý nghĩa nhắc nhở mình rất nhiều. Hữu tình giác hay giác hữu tình, là chỉ cho một chúng sinh đã giác ngộ và đem ánh sáng giác ngộ đó soi sáng lại cho tất cả chúng sinh cũng giác ngộ như mình. Như vậy trong đó đã ngầm nói cho mình thấy điều gì? Bồ tát là một chúng sinh giác ngộ, chứ không phải là một ông trời nào ở đâu xuống giác ngộ, tức ngầm chỉ chúng ta đều có khả năng giác ngộ. Bởi vì Bồ tát vốn là một chúng sinh mà được giác ngộ thì mình là một chúng sinh cũng có thể giác ngộ, rồi đem ánh sáng giác ngộ đó soi sáng cho tất cả mọi chúng sinh đều giác ngộ như mình. Vì ai ai cũng đều có khả năng giác ngộ hết. Cần chú ý! Ở đây, đức Phật chưa có nói gì, mà ngài Tu Bồ Đề tán thán **“ít có, khéo hộ niệm các vị Bồ tát”**, là ít có chỗ nào? Hộ niệm chỗ nào? Nếu thấy được chỗ hộ niệm, phó chúc đó thì mới thấy chỗ **“ít có”** kia. Hộ niệm – phó chúc này không phải như mình hiểu theo nghĩa bình thường là phải lấy tay xoa đầu, cầm tay nhắc nhở trao cho, mới gọi

là hộ niệm phó chúc, ở đây có ý nghĩa sâu xa hơn. Chính ngay trong chỗ đức Phật ôm bát đi khất thực, trở về thọ thực xong thu xếp bát, xếp y, rửa chân, trải tòa ngồi, chính chỗ đó là chỗ hộ niệm rất kỹ càng rồi! Tức là trong mọi sinh hoạt hằng ngày đó, đã thầm biểu hiện ánh sáng bát nhã rõ ràng trong đó, vẫn nói luôn không lúc nào vắng mặt, thì không hộ niệm, phó chúc là gì? Đó là đánh thức cho các vị Bồ tát để các ngài phải luôn luôn sống miên mật ở trong đó, chớ có để một phút giây nào gián đoạn, trong mọi hành động, trong mọi việc làm của mình luôn luôn có ánh sáng giác ngộ không thiếu vắng. Hộ niệm, là nhớ không quên, miên mật không xen hở, luôn nhớ như vậy, nhận rõ như vậy, đó là Như Lai phó chúc cho mình rồi! Ngài dặn dò, gởi gắm ở chỗ đó chớ không phải cầm tay trao cho viên ngọc gì. Quý vị thấy Ngài phó chúc và hộ niệm tuyệt khéo không? Chính đó là chỗ “ít có”, không dễ gì mất phàm này mà thấy được, lấy hai mắt này mà nhìn, làm sao thấy được chỗ phó chúc đó! Phải thấy bằng con mắt trí tuệ, mà mắt trí tuệ thì không dễ gì thấy một cách hời hợt. Ngài Tu Bồ Đề nhìn thấy được chỗ đó, nên ngài khen ngợi “ít có”, chỗ đó khéo léo, nhưng người bình thường ít ai thấy được! Trong đây nếu quý vị mà thấy được như vậy cũng phải tán thán thôi. Cho nên các vị

thiên sư nhìn thấy chỗ đó rồi, các Ngài có người tán thán hết lời, hoặc có người khóc ròng luôn, cảm xúc quá, khóc vì vui sướng một việc sát bên mình mà lâu nay tưởng ở đâu, lâu nay sống trong đó mà bỏ bê đi tìm chỗ nào khác, lang thang vô số kiếp! Thấy rõ ý nghĩa rất sâu xa đó nên ngài Tu Bồ Đề mới tán thán, nếu bình thường thì đâu tán thán. Nếu hiểu chỗ này rồi, quý vị mới hiểu qua kinh Pháp Hoa, trước khi Phật nói kinh Pháp Hoa, Ngài nói kinh Vô Lượng Nghĩa Giáo Bồ Tát Pháp Phật Sở Hộ Niệm. Kinh Vô Lượng Nghĩa là, nghĩa vô lượng không thể nghĩ bàn, không nghĩ lường. Giáo Bồ tát pháp là pháp chỉ dạy hàng Bồ tát, là chỗ Phật thương hộ niệm, Phật sở hộ niệm. Vậy trước khi nói kinh Pháp Hoa, Phật nói kinh này, rồi Ngài nhập vào chánh định vô lượng nghĩa xứ, là chỗ vô lượng nghĩa không nghĩ lường được. Nhưng kinh Pháp Hoa cũng không nói kinh vô lượng nghĩa này là kinh gì, chỉ nói Phật nói kinh đó thôi. Vậy bộ kinh Vô Lượng Nghĩa đó là bộ kinh ở đâu? Thường chúng ta bị mắc kẹt trên ngôn từ chữ nghĩa, nên cứ nghĩ Vô Lượng Nghĩa là nhiều nghĩa, nghĩa này nọ kể không hết, nhưng dưới con mắt của nhà thiên thì, nghĩa vô lượng chính là nghĩa sống động nơi mình đầy đủ không thiếu gì hết, chính **chỗ không nói mà nó hiện bày khắp nơi, khắp chốn**, đâu đâu cũng đã hiện

bày tri kiến Phật trong đó hết rồi. Nghĩa đó làm sao lường hết, nghĩ cho hết? Mình nói ra thì có khi nói, khi nín, dù cho có người giảng pháp thao thao bất tuyệt đi nữa, cao lắm thì cũng một ngày, ban đêm cũng ngủ chứ không thể nói hoài, còn cái nghĩa này nó nói hoài, đâu đâu cũng có. Nếu tâm mình thanh tịnh sáng suốt rồi, thì đâu đâu cũng có nghĩa đó hết, nghe tiếng gió, tiếng mưa, thấy người đi qua, kẻ đi lại. Nếu tâm mình sáng suốt, thì cái gì cũng ở trong thanh tịnh sáng suốt, nói hoài không hết, đó không phải là vô lượng sao? Cho nên hộ niệm là hộ niệm ngay chỗ đó! Có một vị tăng đối với Thiền sư Duy Chánh ở Viện Tịnh độ Hàn Châu, là thiền sư mà rất ít nói pháp nên ông thắc mắc, một hôm đến thưa:

- Bạch thầy, thấy là thiền sư mà sao không thấy nói thiền?

Thiền sư Duy Chánh đáp :

- Ngày đêm nhờ vạn tượng nó diễn bày mà thôi. Ngôn ngữ có gián đoạn mà pháp này là vô tận, nên gọi là tạo hoá vô tận tạng.

Ngài nói rõ, ngày đêm nhờ muôn tượng muôn vật nói hết rồi, nếu người sáng mắt thì thấy đâu đâu cũng thiền, đâu cần phải nói ra, đó mới là nghĩa vô lượng, mới là chỗ Phật hộ niệm. Quý vị

thấy nghĩa vô lượng đó chưa? Chắc hiểu thì hiểu chứ thấy cũng khó, nên mới là hy hữu - ít có. Bởi vậy tâm mình thanh tịnh rồi thì, thấy ra đâu đâu cũng thanh tịnh, cũng là pháp, cũng là Bát nhã. Ngài Xuyên Công có nói: *"Xét về đạo chỉ là việc đi, đứng, nằm, ngồi trong hằng ngày mà thôi, cốt yếu là dứt được cái bệnh ngủ mê."* Đơn giản, chỉ ngay trong đi đứng nằm ngồi hằng ngày của mình đó, **cốt dứt ngủ mê**, ngủ mê là sao? Chúng ta cứ nghĩ là ban đêm vào phòng nằm ngủ, rồi ngủ mê, mà có khi đang ngồi trao tráo đó vẫn ngủ mê. Cái ngủ mê đó mà tỉnh dậy được thì hay biết mấy! Ngồi ở đây mà không thấy được cái nghĩa vô lượng này thì không ngủ mê sao? Ngay nơi mình, ánh sáng giác ngộ đầy đủ, ánh sáng Bát nhã cũng đầy đủ đó không thiếu vắng lúc nào, giờ nào mà cũng không nhớ, không thấy thì không ngủ mê sao? **Tỉnh được cái ngủ mê đó** thì nơi nơi đầy đủ chưa từng thiếu. Vì vậy các thiền sư khi các ngài chứng ngộ, đều tán thán chỗ này. Như có thiền sư nói: *"Lúc chứng ngộ là lúc thấy ra một lâu đài tráng lệ xây bằng pha lê trên một mây tơ".* Cả một lâu đài tráng lệ xây bằng pha lê mà chỉ ở trên một mây lông, "Nhưng khi không chứng ngộ thì cái lâu đài ấy cũng khuất lấp sau một mây tơ mà thôi". Rất là thâm thía mà cũng thâm trầm sâu xa! Lâu đài đó là lâu đài gì? Là chỉ cho cái

chân thật mà mình bỏ quên đó! Khi chúng ngộ thì thấy nó ngay bên mình thôi, trên một mảy tơ hay một sợi lông của niệm hiện tiền; còn khi không chúng ngộ thì nó cũng khuất lấp sau một mảy tơ đó chứ không có gì khác. Mình tưởng nó khuất lấp ở đâu, phải chạy lên cực lạc mới có, không ngờ nó chỉ khuất lấp sau một mảy tơ là mê – tỉnh thôi, đâu có xa! **Nhắm mắt, mở mắt** là thấy rõ. Vì đó là cái mình sống hằng ngày, bởi mê nên không thấy, tạm gọi là khuất lấp, nhớ lại thì đầy đủ không ở đâu xa hết. Một thiền sư khác nói có vẻ văn hoa hơn: *“Này các thầy! Hãy xem kia, ánh sáng rực rỡ đang tỏa khắp đại thiên thế giới, cùng lúc nó hiện ra mọi chỗ nơi, hiện tất cả những núi Tu di, những mặt trời, những mặt trăng, những bầu trời và cõi đất, nhiều đến hằng trăm nghìn ức số! Này các thầy, các thầy có thấy ánh sáng ấy chăng?”* Các Ngài cũng con người như mình, mình cũng như các Ngài mà tại sao mình không thấy? Tại vì những cái lăng xăng trong đầu này nhiều quá, nếu những cái lăng xăng trong đầu này nó chịu yên xuống thì thật là sung sướng biết mấy! Chứng minh rõ ràng, khi các Ngài nhận ra, thấy rõ ra, cảm xúc mạnh như vậy, nó hiện tiền sáng rõ đầy đủ khắp nơi không có thiếu gì hết. Nhưng mình mê, nên không thấy. Chính chỗ đó là chỗ Phật hộ niệm, Phật phó chúc! Nhìn thấy được chỗ

đó, nên ngài Tu Bồ Đề tán thán “ít có”, khéo léo hộ niệm là như vậy, mắt thường này đâu thể thấy, phải mở mắt trí tuệ mới thấy rõ. Quý vị hiểu được nghĩa ít có chưa? Hiểu khéo léo hộ niệm phó chúc chưa?

Phần câu hỏi chính:

- Bạch Thế Tôn! Người thiện nam kẻ thiện nữ phát tâm Vô thượng chánh đẳng chánh giác, nên làm sao trụ? Làm sao hàng phục tâm mình?

Phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác là phát làm sao? Tâm gì? Nói cho gọn là **tâm Phật** chứ không gì hết, tức tâm giác ngộ viên mãn luôn luôn không gián đoạn - Chánh đẳng Chánh giác là đúng đắn, không gián đoạn, không phút giây nào thiếu sót, đó là tâm Phật Vô thượng, không có gì trên nữa, phát là phát cái tâm đó. Như vậy nó ở đâu? phát làm sao? Nếu nghe nói phát tâm Vô thượng chánh đẳng chánh giác, rồi cho là phát tâm của Phật và các vị Bồ tát, nhưng Phật thì Ngài đã giác ngộ rồi đâu cần mình phát nữa, Bồ tát thì đã phát tâm đó rồi mình cũng đâu cần phát tâm đó cho Ngài nữa. Vậy phát tâm đó là phát tâm nào? Cũng chỉ là *“cái tâm giác ngộ ngay nơi mình”*. Phát là hiển

bày ra, tỏa sáng, nếu không có sẵn thì phát ở đâu? Nếu hướng về một cái khác bên ngoài thì lắm mất rồi! Hơn nữa cái tâm Bồ đề này có hình tướng ra sao mà mình phát? Cho nên chính cái tâm giác ngộ ngay nơi mình đó mà mình quên, bây giờ tỏa sáng ra, hiện bày ra; khi hiển bày tỏa sáng như vậy thì một chúng sinh giác ngộ, là thành Bồ tát rồi. Chúng ta tưởng Bồ tát là cái gì xa xôi ngoài mình, hiểu rõ thì mình cũng có phần chứ không đến nỗi. Vậy **phát là thâm nhận** thôi chứ không phải hướng đến cái gì khác để cho mình phát, hướng ra ngoài một cái gì là vọng tưởng rồi. Cho nên ngài Như Như nói: *"Mỗi người đều có Phật, chỉ vì chẳng biết tu; đức Di Đà kể tại chỉ dạy ông, phải soi lại nơi thân mà cầu"*. Ngài nói rằng, Phật chính mình đầy đủ không ở đâu xa, chỉ mình không biết tu thôi. Đức Di Đà Ngài kể sát bên tai mình mà nói "chính ngay nơi thân mà cầu chứ đừng chạy ra bên ngoài". Ngài nói thêm: *"Đức Di Đà hiện nay nói pháp khiến ông ngộ chân tâm chứ không gì khác, một phen ngộ chân tâm rồi thì đồng hiệu đồng danh, đồng tên với Phật"*. Đó là phát tâm, chứ không phải phát tâm bồ đề nơi Phật và Bồ tát, xa xôi quá, có thấy đâu mà phát? Phật Niết bàn lâu rồi, Bồ tát cũng không thấy đâu là Bồ tát, vậy hướng vào đâu mà phát đây? Hiểu được chỗ đó, thì từng chữ từng câu

trong kinh đều rất có ý nghĩa sâu xa! Nếu đọc kinh mà đếm câu, đếm chữ hoặc đọc mà tính bộ thì uống quá, đọc chỉ lo đọc cho nhanh cho mau, để đếm cho nhiều bộ thôi! Còn ở đây đọc từng chữ, thấm sâu được ý Phật trọng đó thì ý rất là hay! Vậy quý vị thấy được nghĩa phát tâm chưa?

Đến câu hỏi: “Nên làm sao trụ? Làm sao hàng phục tâm mình”.

Đây là một ý nghĩa sâu xa nữa. Phát tâm rồi là xong chưa? Phát tâm rồi là thành Phật liền chưa? Phát tâm Bồ đề đó rồi, tức đã hiển bày được tâm Phật, song tỏ sáng được cái tâm đó rồi đâu phải vậy là xong. Kinh Hoa Nghiêm đồng tử Thiện Tài khi đến tham học một vị thiện tri thức nào trong năm mươi ba vị thiện tri thức thì ngài cũng đều nói là, *“Tôi trước đã phát tâm Vô thượng chánh đẳng chánh giác rồi nhưng còn chưa biết làm sao học Bồ tát hạnh, tu Bồ tát đạo”*. Ngài trước đã phát tâm Vô thượng chánh đẳng chánh giác rồi, mà còn chưa biết làm sao học Bồ tát hạnh, tu Bồ tát đạo là ý nghĩa thế nào? Đã phát tâm rồi, đã tỏ sáng, nhưng còn phải sống, tu để thể nhập, làm sao cho cái tâm Vô thượng chánh đẳng chánh giác luôn luôn không vắng mặt nơi mình; phát tâm rồi, an trụ mãi không gián đoạn, không thiếu sót, không xen hở, mới thực trọn vẹn.

Đâu phải phát là xong! Còn những tâm đi lang thang đâu này, đâu nọ thì sao? Mới phát, đâu phải là nó hết liền, mà nó vẫn còn lén lút đi đâu này đâu nọ thì làm sao? Cho nên ngài hỏi làm sao an trụ tâm, làm sao hàng phục tâm là như vậy. Chỗ này rất khế hợp trong nhà thiền. Nhà thiền cũng thường nói, ngộ rồi phải bảo nhậm và giữ gìn chứ không phải ý mình ngộ rồi mặc tình sống buông lung không khéo sẽ tạo nghiệp nữa! Vì vậy, ngài Sùng Tín khai ngộ rồi, hỏi thiền sư Đạo Ngộ:

- Làm sao bảo nhậm?

Ngài Đạo Ngộ đáp:

- Mặc tính tiêu dao, tùy duyên phóng khoáng, chỉ hết tâm phàm mà không có thánh giải khác.

Phải thuận theo tính đó sống tùy duyên để cho nghiệp cũ tan hết, sống cho được liên tục ở trong đó; khi tâm phàm hết thì sống trọn vẹn trong đó thôi chứ không có thánh giải nào khác, không có được một cái gì nữa. Nếu muốn tìm một cái gì đó để được, đắc cái gì đó, chứng một cái gì đó, tức còn cái khác nữa thì rơi vào đường tà. Bảo nhậm là vậy đó! Quý vị mới thấy, ở đây hỏi làm sao an trụ và hàng phục tâm mình, đó là đúng theo nghĩa của đại thừa, các vị Bồ tát khai sáng rồi, ứng dụng tu thì mới gọi là chân tu; còn như

mình hiểu mà ứng dụng tu thì gọi là tương tự tu, vì sao? Vì mình tin, mình hiểu qua trí tuệ của Phật, của Bồ tát mà tu, chứ chưa phải thật sự khai sáng trí tuệ của chính mình, cho nên đó là tương tự thôi, chưa phải thật. Nếu khai sáng trí tuệ của chính mình rồi, y theo đó sống, tu thì mới thật là chân tu. Như kinh Lăng Nghiêm Phật dạy tu về pháp phản văn văn tự tánh, là do ngài A-Nan ngộ được tánh nghe rồi, mới dạy phản văn đó; trái lại chúng ta chưa có nghiên cứu cho kỹ và sâu, chỉ nghe thấy hay, cũng bắt chước tu mà tu đó không thấu đáo thì thành bệnh. Có những vị nghe nói phản văn văn tự tánh, là xoay cái nghe, nghe trở ngược lại tự tánh; rồi ngày này qua ngày kia cứ xoay lại trong lỗ tai, trong đầu này mà nghe, một thời gian hư lỗ tai luôn. Có những vị nghe mãi thành ra máu lỗ tai. Đó là lầm trên chữ nghĩa Phản văn văn tự tánh đây, là khi mình ngộ được tánh nghe rồi thì, đối với mọi thanh trần bên ngoài, mọi tiếng bên ngoài đều biết rõ là sinh diệt nên mình nghe tất cả mà không duyên theo những thanh trần đó. Cứ luôn luôn nhớ lại tánh nghe mình sẵn có, chứ không phải là xoay nghe lại ở lỗ tai này. Đó là lầm lẫn dễ bệnh. Kinh Pháp Hoa cũng dạy, trước đó khai thị tri kiến Phật, mới ngộ nhập. Ở đây tu, sống Bát nhã này, thì mở sáng trí tuệ, thấy được “nghĩa Không”, nhưng

thường người ta nói, học Bát nhã không rồi bác cái gì cũng không hết, không cần tu luôn, đó là lầm! Cái không của Bát nhã, là cái không của chính trí tuệ Bát nhã, cái không trực tiếp ngay đối với Bát nhã chứ **không phải cái không của con mắt này**. Cái không của con mắt này là thấy “Không” đối với cái “Có”, thành ra cái không đó là cái không có “tướng” cho mình thấy, mình so sánh phân biệt được; còn cái không này, là “không trực tiếp” của trí tuệ Bát nhã. Từ trí tuệ Bát nhã mình thấy không, đó là “*cái không trong cái sáng suốt*”, chứ không phải là cái không bác cái này, bác cái kia. Không hiểu kỹ nguy hiểm là như vậy! Chúng ta mới thấy ngài Tu Bồ Đề đã hiểu được ý của Phật, nên đặt câu hỏi rất chính xác: **Phát tâm Vô thượng chánh đẳng chánh giác rồi, làm sao an trụ, sống được với tâm đó? Làm sao hàng phục những tâm đi lang thang kia?** Sống an trụ trong tâm này thì những tâm lang thang đó không còn lang thang nữa. Đoạn kể Phật mới khen ngợi:

CHÁNH VĂN:

- Lành thay! Này Tu Bồ Đề! Đúng như lời ông nói, Như Lai khéo hộ niệm các vị Bồ tát, khéo phó chúc các Bồ tát!

GIẢNG:

Ngài xác nhận, cũng giống như nói ấn chứng, là hồi khế hợp với ý Phật. Như vậy Phật chưa thốt ra lời nào mà ngài Tu Bồ Đề đã dòm thấy hết rồi, nên Ngài và Phật thâm hợp với nhau. Trong nhà thiền gọi là truyền tâm ấn. Nghĩa là tâm thấy trò thâm hợp với nhau mà không qua ngôn ngữ, vượt ngoài ngôn ngữ, đó là ấn tâm, truyền tâm. Nếu nghe nói truyền tâm ấn, rồi lằm trên nghĩa truyền, tưởng đâu có cái gì truyền, dễ bị lợi dụng. Như bảo quý vị tu theo pháp của tôi rất hay, tu chừng năm ba tháng sẽ được truyền tâm ấn thì nghe thích là bị gạt liền. Ở đây, thấy rõ ấn tâm là thầy trò khế hợp nhau, thâm cảm với nhau khít khao. Như Phật với ngài Tu Bồ Đề thâm hợp nhau nên Phật khen, ấn chứng:

CHÁNH VĂN:

- Nay ông hãy lắng nghe, tôi sẽ vì ông mà nói!

GIẢNG:

Phật bảo lắng nghe cho kỹ, là một ý nghĩa sâu nữa; bởi vì chỗ này quý vị nghĩ, có phải là chỗ

cho mình lý luận không? Nghe mà nghe khơi khơi cho vui thì nghe tới nơi không? Cho nên Ngài nhấn mạnh **“lắng nghe cho kỹ”**, không phải chỉ nghe một cách hời hợt, nghe lơ là, nghe suông bằng lỗ tai này mà phải nghe lắng sâu, lắng thần nghe sâu tận bên trong, mới thấy được chỗ này. Trước khi nói, Phật nhấn mạnh như vậy để cho mình chú ý cho kỹ, phải **toàn tâm mà nghe**. Thường chúng ta nghe với cái tâm từng mẩu vì suy nghĩ, hoặc cái tâm lang thang, cho nên nghe nó từng mẩu, từng mẩu không chú tâm trở lại, thành nghe rời rạc. Ở đây, Ngài nhấn mạnh, nghe phải toàn tâm, nghe cho kỹ, như vậy mới thấu được chỗ kia. Do đó trước khi Ngài nói, Phật ngồi thiền nhập định mà nói ra, từ trong định mà nói cũng như đi đứng nằm ngồi đều ở trong định, đang sống ở trong định, rồi trong đó Ngài nói ra. Vậy đã từ trong định mà nói ra thì mình nghe, phải nghe thế nào? Cũng phải định tâm mà nghe mới thâm hợp mới cảm ứng. Trong kinh Lăng Nghiêm Phật dạy: **“Các ông còn đem tâm phân duyên mà nghe pháp thì pháp này cũng thuộc về cái duyên chứ chưa phải pháp chân thật”**. Bởi vậy, nghe phải lắng sâu, chú tâm kỹ mới thấm được chỗ sâu xa vi diệu đó! Nên trước Phật bảo **“Lắng nghe”**.

Kế Phật răn kỹ : “Đúng như lời ông nói, kẻ thiện nam, người thiện nữ phát tâm vô thượng chánh đẳng chánh giác, nên như vậy mà trụ, như vậy mà hàng phục tâm mình”.

Răn kỹ “như vậy” là sao? Như vậy, là như thật đúng như vậy mà an trụ, như vậy mà hàng phục, chứ nếu dấy thêm cái gì khác nữa thì xa. Lại “như vậy”, là như chỗ Ngài hiện bày này giờ mà chưa nói đó! Nếu thấy thấu như vậy, an trụ đúng như vậy, hàng phục đúng ý nghĩa đó là sống luôn luôn hằng hữu; y theo đó mà sống là khéo an trụ, khéo hàng phục. Nếu hướng ra bên ngoài mà khởi tâm cầu thêm một cái gì đó để an trụ, để hàng phục thì đi xa rồi. Cầu thêm cái gì đó để an trụ, tức nó dời đổi, đâu còn trụ nữa! Bỏ mình đi cầu cái khác thì mất nghĩa an trụ. Cầu cái khác là có sở đắc, là quên mình hướng ra bên ngoài, trái với nghĩa Kim Cang Bát Nhã. Đó là Ngài nhấn mạnh ngay trong mọi sinh hoạt hàng ngày, chính là chỗ mình hạ thủ công phu chứ không gì khác. An trụ và hàng phục, là chính ngay trong sinh hoạt hàng ngày đó mà an trụ. Quả thực hai chữ “Như vậy” rất đơn giản và tế nhị .

CHÁNH VĂN:

Ngài Tu Bồ Đề thưa: -Vâng bạch Thế Tôn, con nguyện ưa muốn nghe.

GIẢNG:

Đây cũng là điểm trọng yếu nữa. Một của quý, pháp cao siêu mà đem cho người họ không cần thiết, họ không thiết tha thì sao? Uống, quá uống! Nghĩa là, hòn ngọc quý đem cho một đứa con nít thì nó làm gì? Nó đem bán cu ly chơi thôi. Cũng vậy, pháp cao siêu, cao quý thì phải người thiết tha, khao khát thì đưa ra họ mới sẵn sàng nhận; chứ đâu phải là đồ quảng cáo. Quý vị có đọc kinh Pháp Hoa thì thấy thông với nhau. Kinh Pháp Hoa, trước khi Phật nói, ngài Xá-lợi-Phất thỉnh Phật hai, ba phen mà Phật vẫn từ chối, bảo: **"Thôi hãy dừng nói nữa! Việc đó nói ra thì tất cả trời, người đều kinh sợ, nghi ngờ"**. Ngài còn nói thêm bài kệ:

Thôi thôi chẳng nên nói,

Pháp ta diệu khó nghĩ,

Những kẻ tăng thượng mạn,

Nghe ắt không kính tin.

Ngài ba lần ngăn lại để làm gì? Ngài nói pháp mà phải ngăn lại giống như làm trò đùa hay sao? Đây là đợi cho lòng thiết tha mong cầu mạnh mẽ, khao khát như vậy đó, đúng lúc đưa ra thì họ mới cảm nhận, mới tin, mới quý. Vì vậy trong nhà thiền có những trường hợp khi thiền sinh đến **tham học, các Thiền sư cũng thử thách đủ cách, cho họ khao khát tột mức, rồi mới khời nhẹ cho họ một cái, họ ngộ liền.** Bây giờ nói dễ dàng quá thành chưa ngộ, chưa đủ lòng khao khát, có khi nghe chơi coi thử ông thầy đó nói hay không, nói có lưu loát không, như vậy thì làm sao mà thấm được! Như trường hợp ngài Dương Kỳ Phương Hội, ban đầu ngài theo hầu Thiền sư Từ Minh ở Nam Nguyên; một lúc sau thì ngài Từ Minh dời sang Thạch Sơn Đạo Ngô, Sư cũng đi theo và làm giám tự cho ngài Từ Minh. Nhưng mà lâu ngày Sư vẫn chưa tỏ ngộ, mỗi khi đến hỏi, ngài Từ Minh chỉ bảo:

- Việc ở trong khố ty quá nhiều hãy đi!

Vậy thôi, Khố ty là việc trong kho, vì ông làm giám tự nên việc trong kho nhiều quá, hãy đi đi! Song việc trong kho này cũng có hai nghĩa! kho ngoài, còn kho ở trong nữa; kho trong này nó chứa nhiều quá, chưa tiếp nhận nổi, phải không? Cho nên trong nhà thiền, quý vị nghe, phải nghe

hai ý chữ nghe theo kiểu tầm thường thì không có thắm nổi đâu. Hôm khác, Dương Kỳ hỏi một lần nữa, thì ngài Từ Minh bảo:

- Giám tự ngày sau con cháu khắp nơi cần gì vội gấp!

Một hôm ngài Từ Minh vừa đi ra thì chợt mưa đến, Sư mới rình ở con đường tắt, khi Từ Minh vừa đi đến, Sư liền bước ra, nắm đứng lại, bảo:

- Ông già này, hôm nay phải vì tôi mà nói, nếu không nói tôi sẽ đánh ông!

Bởi vì sao như vậy? Vì lòng thiết tha khao khát quá, hết chịu nổi, bị dồn ép quá! Chính vì vậy, nên ngài Từ Minh chỉ bảo:

- Giám tự biết là việc quanh co liền thôi.

Ngay đó, Sư liền đại ngộ, đánh lễ ngay giữa bùn. Quý vị thấy, một câu nói nhẹ nhàng, mình bây giờ nghe thì sao? Biết là việc quanh co liền thôi, nói tới, nói lui, nói nhiều cũng là việc quanh co mà thôi, cũng là “*chỗ này*” chứ đâu có gì khác, phải không? Sáng được chỗ này thì xong. Vậy chỉ một câu nói nhẹ thôi, mà Ngài đại ngộ, bởi vì tâm đã chín mùi thuần thực, đóng thành khối, lòng khao khát đã mạnh, nên đưa ra đúng lúc.

Hiếu vậy mới thấy cái khéo của các thiền sư. Qua đó quý vị sẽ hiểu trường hợp của Tổ Huệ Khả cũng vậy, lúc Ngài còn là Thần Quang đến cầu pháp với Tổ Bồ-đề-đạt-Ma, trong một đêm mùa đông tuyết lạnh mà Tổ Bồ-đề-đạt-Ma cứ ngồi xoay mặt vào vách, để mặc Ngài đứng ngoài hiên không ngó ngang gì tới. Đứng tới sáng tuyết xuống, trong sách ghi là tới đầu gối mà ngài vẫn đứng như vậy. Sáng ra, Tổ mới quay lại hỏi:

- Ông đến đây cầu việc gì mà chịu khổ như vậy?

Nếu gặp mình, kiểu đó chắc cho ông thấy này lơ là quá, tự ái bỏ đi cho rồi, như vậy có làm Tổ nổi không? Ở đây đợi lòng thiết tha mạnh, mà cũng để dẹp cái bản ngã xuống, cái bản ngã thấp xuống thì mới quên mình, tìm cái thật. Khi đó Tổ chỉ cần khơi một câu nhẹ là thấy được lối vào liền. Nên Thần Quang thưa:

- Con đến đây chỉ cầu pháp an tâm.

Tổ bảo:

- Ông đem tâm ra ta an cho!

Quang thưa:

- Con tìm tâm không được.

Tổ bảo:

- Ta đã an tâm cho ông rồi!

Ngay đó Sư thấy được lối vào. Thấy sao dễ dàng quá mà mình đọc hoài mấy năm trời, chưa thấy gì. Như vậy để cho thấy, Phật pháp rất là sâu xa không phải một món đồ quảng cáo, cứ quảng cáo chỗ này chỗ kia om sòm. Mà đó là một chân lý sống tuyệt vời, đầy đủ năng lực đưa mình ra khỏi sinh tử. Nên đâu thể đưa ra một cách hời hợt mà nhận được, nghe chơi chơi thì đâu dễ gì! Hơn nữa, lâu nay chân lý thật này, mình đã bị nhiều lớp phủ che từ trong sách vở, rồi trong giảng dạy, nó phủ lên mình những lớp màn tưởng tượng quá nhiều, tưởng tượng nó đầy hình ảnh kỳ bí lạ lùng. Do đó nếu bảo “*ngay đây thôi*” thì dễ gì mà nhận. Bởi vậy, phải có những phương tiện đánh thức mình, để cho lòng khao khát, chú tâm thuần thực hướng về một chỗ đó, rồi đưa ra một cái nhẹ, thì mình tin nhận suốt đời. Như trường hợp Tổ Huệ Khả hoặc ngài Dương Kỳ nhận ra như vậy rồi thì suốt đời không quên, còn mình nghe đây, rồi về nhà liền quên. Tóm lại, nếu mình khéo tỏ ngộ thì ngay nơi mọi hành động của mình, trong chỗ ăn cơm, mặc áo, gánh nước, bửa củi, đi chợ, đều đầy đủ “*đạo*” ở trong đó, đầy đủ “*ánh sáng Bát nhã*” ở trong đó, không thiếu gì hết.

Khéo nhận thì đâu cũng là chỗ tham thiền, khéo nhận thì đâu đâu cũng là chỗ mình sáng đạo hết. Như ngài Dương Kỳ ngay nơi vũng nước mà Ngài cũng sáng đạo được, thì rõ ràng đâu đâu cũng là chỗ Như Lai phó chúc hộ niệm cho mình, chưa từng thiếu sót. Như vậy mới thấy Phật pháp thật là vi diệu, ít có, đúng như ngài Tu Bồ Đề tán thán. Vậy quý vị có nguyện ư muốn nghe chưa? Nếu nguyện ư muốn nghe thì thôi để kỳ sau bắt đầu được nghe, nghe một cách bất ngờ!



此圖係金剛經講義中，所繪之圖，其意謂：如來所說之法，不可思議，不可說說，不可思議，不可說說。

CHÁNH VĂN:

3. CHÁNH TÔNG CỦA ĐẠI THỪA

P hật bảo Tu Bồ Đề:

Các vị Bồ Tát lớn nên như vậy mà hàng phục tâm mình: Có tất cả những loài chúng sinh nào, hoặc sinh từ trứng, hoặc sinh từ bào thai, hoặc sinh từ ẩm ướt, hoặc sinh từ biến hóa, hoặc có sắc, hoặc không sắc, hoặc có tướng, hoặc không tướng, hoặc chẳng phải có tướng chẳng phải không tướng, ta đều đưa vào Vô dư Niết bàn mà diệt độ cho chúng. Như thế, diệt độ vô lượng, vô số, vô biên chúng sinh, mà thật không có chúng sinh được diệt độ. Tại sao? Nay Tu Bồ Đề! Nếu Bồ Tát có tướng Ngã, tướng Nhân, tướng Chúng sinh, tướng Thọ giả, tức chẳng phải Bồ Tát.

GIẢNG:

Đoạn này là tiếp qua của đoạn trước, sau khi Tu Bồ Đề hỏi Phật “Người phát tâm Vô thượng chánh đẳng chánh giác thì nên làm sao hàng

phục tâm? Làm sao an trụ tâm?” đến đây Phật bắt đầu trả lời. Ở đoạn trước đã nói về “**phát tâm Vô thượng chánh đẳng chánh giác**” tức tâm chân thật bất sinh bất diệt, phát được tâm chân thật bất sinh bất diệt, lấy đó làm nhân để tu hành thì tương ứng với cái quả bất sinh bất diệt, vậy là cái nhân đúng với cái quả, nhân quả tương ứng với nhau, đó là chánh nhân. Được cái chánh nhân đó rồi, nhưng làm sao sống cho được đầy đủ viên mãn chánh nhân đó? Chính đoạn sau đây Phật dạy cho mình sống, cũng tức là trả lời hai câu hỏi về an trụ và hàng phục; và chính hai câu đáp này là hai câu cốt yếu, từ đó khai triển rộng ra toàn bộ kinh Kim Cang.

Đây Phật dạy:

“Các vị Bồ tát lớn nên như vậy mà hàng phục tâm mình: có tất cả các loài chúng sinh, sinh từ trứng, bào thai, ẩm ướt, biến hoá, gọi là bốn loại sinh; rồi loại có sắc, không sắc, có tướng, không tướng, chẳng phải có tướng chẳng phải không tướng đều đưa vào vô dư y Niết bàn”.

Đoạn này có mấy điểm: **-Điểm thứ nhất** Phật nói về câu đáp, đáp hàng phục trước. Ngài dạy đúng như vậy mà hàng phục là sao? Tức là

đúng như lý hiện tiền chân thật mà Ngài đã thâm
hiện ở trước, chính mình đã học qua, đúng như lý
đó mà hàng phục, còn ngoài cái đó mà tìm một
cách nào khác, một phương pháp gì đó, một thần
lực gì đó, thì đi xa với cái chân thật. Do đó Ngài
nhắc là **“nên như vậy”**. Còn Bồ tát lớn là Bồ tát
nào? Sao là Bồ tát nhỏ, Bồ tát lớn? Thường Bồ tát
lớn là Bồ tát phát tâm rộng lớn, phát tâm độ tất
cả chúng sinh. Còn mình phát tâm độ có giới hạn
thôi, người nào thân thì mình độ trước, người nào
thuộc về thù hay nghịch thì thôi chưa lại bớt, thì
có được gọi là Bồ tát lớn không? Nhắc lại, Bồ tát
lớn, là Bồ tát phát tâm độ tất cả chúng sinh,
không chưa một chúng sinh nào, nghĩa đó là như
thế. Đúng ra, câu hỏi là hỏi về an trụ trước, hàng
phục sau; nhưng Phật đáp là hàng phục trước, rồi
an trụ sau, bởi vì sao? Hàng phục rồi thì an trụ
chứ gì! Những tâm lang thang đó mà thả nó đi
hoài thì chưa an trụ được. Cổ đức có câu: *“Đản cầu
tức vọng, mặc cánh mịch chân”*, tức là chỉ cầu
dừng được cái vọng thôi, chớ có tìm cái chân!
Dừng vọng tức là chân rồi, đừng vội tìm cái chân;
mình lo tìm chân mà cái vọng không lo dừng, thì
tìm cũng là vọng vậy thôi. Dừng vọng tức chân, vì
chân và vọng cả hai đều không riêng khác, như
sóng và nước, sóng dừng thì nước bằng phẳng, vọng
lặng thì chân thật hiện tiền, không cần cầu mà nó

cũng đến. Đó là ý nghĩa Phật đáp hàng phục trước.

Kế Phật nói về chín loài chúng sinh; sinh từ trứng, từ thai, từ ẩm ướt, hoá sinh gọi là bốn loài sinh: như gà vịt chim chóc là từ trứng mà sinh ra; còn loài sinh từ bào thai như trâu bò; sinh từ ẩm ướt, ví dụ như mình làm dưa cải để có dòi; sinh từ biến hoá như những con lán quần nó biến thành con muỗi, những người sinh về địa ngục cũng từ biến hoá sinh. Trong sáu đường luân hồi cũng không ra ngoài bốn loài này, nên bốn loài này thông cả ba cõi. Đó là nói về chỗ sinh.

Rồi có sắc, không sắc: có sắc là chỉ cho các vị sinh về cõi trời sắc giới, các vị này do chán dục nên tu về các thiền quán, được sinh về trời sắc giới, lên đây y phục tự nhiên, khỏi cần may, và những cõi trời này không có hình tướng nam nữ riêng.

Không sắc, là thuộc về cõi trời vô sắc, do các vị chán cõi trời có sắc, nghĩ mình tuy ở cõi sắc nhưng còn có sắc thì còn có những hệ lụy ràng buộc, nên chán sắc và tu về tứ không định, được sinh về cõi vô sắc, cõi này chỉ sống bằng tâm thức.

Có tướng, là chỉ cho ở trong cõi trời vô sắc, như hư không vô biên, thức vô biên, vô sở hữu xứ, cũng còn có tướng. Vô tướng, là chỉ cho trời vô tướng, tức các vị tu do dùng sức tướng mà đề bẹp tư tướng thì nó tạm dừng, song qua thời gian thì cũng sinh khởi trở lại, cũng bị đọa như thường. Cho nên những vị tu được định này thì sống hàng ngàn kiếp, nhưng hết sức định đó rồi, khởi tâm trở lại, cũng bị luân hồi!

Chẳng phải có tướng, chẳng phải không tướng, là chỉ cho cõi trời phi phi tướng: Cõi trời này giống như không còn tướng, nhưng vẫn còn tướng vi tế, cũng không phải là không tướng, nên gọi là chẳng phải có tướng chẳng phải không tướng, vẫn chưa ra khỏi ba cõi luân hồi; dù được định này sống hằng tám muôn kiếp, nhưng qua thời gian đó rồi, cũng vẫn bị luân hồi. Bởi vậy trong kinh có kể ông Uất-đầu-lam-phất tu được định phi phi tướng, Vua rất tôn kính, nên thỉnh đến cung hằng ngày dâng thức ăn cúng dường. Mỗi ngày ông dùng thần thông bay đến cung nhận thức ăn, thì vua khom mình xuống đỡ lên toà đàn tràng hoàng, ngày ngày đều như vậy. Một hôm ông Vua có việc phải đi, mới dặn người con gái, tức công chúa rằng: “Đây là vị tiên tu rất có đức lực, nay cha bận việc nhờ con thay thế, con phải đứng

pháp như vậy cúng dường dùng để thiếu sót, khiến bị quở thì nguy hiểm!" Cô con gái nghe lời cha, ông đến cũng đỡ lên tòa đàn hoàng, nhưng khi ông xúc chạm thì ông khởi tâm dục nhiễm, liền mất thần thông. Mất thần thông thì làm sao về? Ông biết dân chúng nghe tin ông là người tu được thần thông thì ai cũng quý kính, ai cũng muốn gặp gỡ, do đó ông nói: "Hôm nay không dùng thần thông đi nữa mà muốn dùng cỗ xe để đi đường bộ cho dân chúng chiêm ngưỡng cung kính". Về tới núi, ông cũng tu đắc ngũ thần thông trở lại, nhưng khi tu sắp được thần thông thì tiếng chim kêu riu rít làm loạn tâm, ông mới đến mé nước để tu. Gần sắp được định thì nghe dưới nước cá nhảy lung tung, ông loạn tâm, ông nổi sân ông nguyện sẽ làm chôn bay để bắt ăn các loài trên trời, dưới nước. Sau, ông công phu thiết tha nên cũng được trở lại và sinh lên cõi phi phi tướng. Phật thấy rõ, ông do tâm sân, nguyện ác như vậy nên khi hưởng hết phước rồi, sẽ sinh trở lại làm con chuột bay, con cáo bay để ăn những con kia. Như vậy tu được định phi phi tướng mà chưa ra khỏi luân hồi. Đây là nói qua về chín loài chúng sinh.

Còn vô dư y Niết bàn, trước giải thích qua về danh từ, sau giải thích về ý. Vô dư là đối với hữu dư. Nghĩa là các vị A-la-hán chứng Niết bàn, ngay

khi các ngài còn có sắc thân này các ngài tu cũng chứng được Niết bàn chứ không phải bỏ thân này rồi mới chứng. Như ngài Xá-lợi-Phất, Mục-kiền-Liên chẳng hạn, lúc còn sắc thân các Ngài cũng chứng được Niết bàn; vì vậy nên gọi là hữu dư y Niết bàn, tức Niết bàn còn có thừa thân này. Còn vô dư là sau khi bỏ thân này mới thật sự là vào vô dư Niết bàn, không còn thừa. Bởi vậy, trong kinh nói các vị A-la-hán khi các Ngài chứng hữu dư Niết bàn này, thì các ngài không còn khổ về tâm vì sạch phiền não, nhưng còn có khổ về thân, vì còn mang thân này, còn có khi cảm mạo bệnh hoạn, cũng già cũng chết, đó là dư báo còn sót lại. Khi bỏ hết thân này vào vô dư Niết bàn, không còn bóng dáng gì để thấy. Cho nên có câu chuyện, trong thời Phật có vị bà la môn có tài đọc câu chú rồi gõ vào sọ của người chết nào đó thì biết người đó chết sinh về đâu. Ông sống tại thành Vương xá, nhờ có tài đó mà các vị bà la môn lớn, họ bàn nhau sẽ dùng ông này đi làm tiên được, cho nên họ trang điểm cho ông dùng hoàng, dẫn đi khắp nơi, dân chúng ủa nhau cho tiền. Dần dần họ dẫn ông đi qua nước Xá Vệ, ngụ tạm gần Tinh xá Kỳ Hoàn chỗ của Phật. Hôm đó, thấy hàng Phật tử cầm hoa, hương đi cả đoàn không biết đi đâu, mấy ông bà la môn mới hỏi:

- Đi đâu mà đông vậy?

Thì đệ tử Phật nói:

- Đi nghe Phật thuyết pháp.

Mấy ông bà la môn nói:

- Phật gì, thuyết pháp gì, đi làm chi vô ích,

đâu bằng vị bà la môn của tôi đây, ông này chỉ cần gõ vào sọ người nào là ông biết sinh về đâu.

Mấy vị đệ tử Phật mới nói rằng:

- Đức Phật chẳng những biết như vậy, mà còn biết nhiều hơn nữa kia!

Hai bên cãi qua cãi lại, mấy ông này mới thách là, dẫn ông đến đó thử coi ai hơn. Họ bèn cùng nhau dẫn đến Phật, Phật biết trước, nên Ngài sai người tìm năm cái sọ, bốn cái của bốn vị: một vị sinh vào địa ngục, vị sinh ngạ quỷ, vị sinh cõi người, vị sinh cõi trời và một sọ của một vị A la hán, đặt sẵn đó. Ông đến, Phật chỉ một cái sọ bảo:

- Cái sọ này sinh về đâu?

Ông nói:

- Ở địa ngục.

Phật cũng khen, chỉ cái sọ ngựa quỷ ông nói cũng trúng, bốn cái đều trúng hết, mỗi lần như vậy Phật đều khen ngợi, rồi Phật bảo:

- Còn cái sọ này sinh về đâu?

Ông trầm ngâm một hồi, không biết, tìm đâu cũng không thấy. Phật thúc:

- Sinh về đâu?

Ông nói:

- Bạch Thế Tôn, chờ tôi chút!

Ông tìm mãi không ra, cuối cùng ông nói:

- Tôi không biết.

Phật nói:

- Như Lai biết.

Ông hỏi:

- Ngài làm sao dạy cho tôi câu chú đó.

Phật bảo:

- Không được, ông phải xuất gia làm sa môn, mới dạy.

Ông nghĩ rằng, nếu ông học được câu chú đó thì nhất Ấn Độ, cho nên đồng ý xuất gia. Xuất gia rồi, ông được trao thiền quán về 32 thể trước bất tịnh trong người. Mấy ngày sau, ông chứng quả Alahán. Câu chuyện này, có một điểm cho thấy rằng, khi chứng Alahán thì hết các mầm sinh tử, nên đâu còn có sinh chỗ nào, do đó ông tìm không ra nổi, không thấy được. Còn có sinh thì còn có chỗ nơi, tức còn thấy được. Đến vô dư y Niết bàn, là không còn bóng dáng gì nữa để tìm. Còn Niết bàn là sao? Chỗ này cũng có nhiều vị hiểu lầm lắm! Niết bàn, Trung hoa dịch ra có nhiều nghĩa: Tịch diệt, diệt độ, viên tịch, vô sinh. Tịch diệt là lặng lẽ, diệt độ là dứt hết những phiền não qua sinh tử; viên tịch là tròn đủ cái đức lặng lẽ; vô sinh là không còn tái sinh nữa. Nhưng nguyên nghĩa của Niết bàn là chỉ cho trạng thái thối tắt, làm cho nguội vấy thôi. Như là một món đồ đang nóng hoặc lửa đang cháy, thối cho tắt, làm cho nó nguội, gọi Niết bàn. Nghĩa gốc của nó là như vậy, về sau, dùng để chỉ cho trạng thái của người tu đã tắt hết lửa phiền não nung đốt, đã nguội lạnh, đó là Niết bàn. Nghĩa Niết bàn rất đơn giản, nhưng chúng ta tưởng tượng nhiều quá, nghe nói Niết bàn, tưởng là ở một cõi nào đó mình không bao giờ với tay tới, mà không ngờ nó ngay nơi mình không đâu khác. Tức là tâm không phiền não, dứt

được mầm sinh tử thì ngay đó là Niết bàn. Nhưng sau này khi các vị A la hán bỏ thân này, gọi là nhập vô dư y Niết bàn, cũng như đức Phật thị hiện trong cõi này, rồi ngài bỏ thân này mình cũng gọi là nhập Niết bàn; do đó nhiều người tưởng nhập Niết bàn tức là chết, nên ai tu hành mà bệnh gần chết thì bảo sắp nhập Niết bàn, đó là đi xa nghĩa Niết bàn quá nhiều. Nếu như vậy, thì ai cũng được Niết bàn dễ lắm! Song thường khi hỏi đến Niết bàn, đức Phật ít có chịu giải thích, là vì sao? Bởi đó là chỗ của người chứng ngộ sống được thì tự biết thôi, người chưa chứng làm sao giải thích cho họ biết đây? Không làm sao giải thích được! Giải thích, còn dễ hiểu lắm nữa! Trong kinh A hàm, có người muốn hỏi đến chỗ đó, Phật chỉ im lặng thôi. Không thể nói có hay không. Nếu nói có, người ta tưởng đâu như vậy là còn có thân, mà còn có thân là còn sinh tử, tức hiểu lầm Niết bàn. Nếu nói là không, thì tưởng chết nhập Niết bàn là không còn gì hết, thành đoạn diệt, vậy làm sao nói? Do đó khó nói, chỉ để người chứng đến thì liền hiểu rõ. Trong kinh Phương Đẳng Bát Niết Bàn, phương tiện nói Niết bàn có tám vị: thứ nhất là thường trụ, nghĩa là không bao giờ mất; thứ hai là tịch diệt, tức vắng bật lặng lẽ; thứ ba là bất lão, tức không già; thứ tư là bất tử, không có chết; thứ năm là thanh tịnh; thứ

sáu là hư không, tức rỗng suốt không ngăn ngại; thứ bảy là bất động; thứ tám là khoái lạc, vui sướng dứt hết mọi cái khổ. Theo trong kinh Đại Bát Niết Bàn thì có bốn đức là Thường – Lạc – Ngã – Tịnh. Nói như vậy, là để cho những vị nghe nói Niết bàn đến chỗ đó thì dứt sạch hết phiền não, không còn sinh tử, nhưng không phải không còn gì hết.

Kế đây nói về câu trả lời của Phật là hàng phục và độ như thế nào? Ngài nói, Bồ tát hàng phục đó, là độ hết tất cả những loài chúng sinh, bao nhiêu loài chúng sinh đó đều độ hết vào vô dư y Niết bàn mà diệt độ cho nó. Tức đưa hết vào chỗ vô sinh. Chính chỗ đó là chỗ dễ nghỉ ngơi, không biết làm sao mình làm được? Bởi vì, mình là một chúng sinh mới phát tâm Bồ tát, mình chưa độ được mình nữa, thì làm sao độ hết chúng sinh kia! Hiểu như vậy, thì đành chịu không biết làm sao để hàng phục tâm; mà không hàng phục tâm thì làm sao an trụ? Thành ra hiểu cho kỹ thì chúng sinh đây là chúng sinh tâm, chứ nếu phải độ hết tất cả chúng sinh bên ngoài rồi mới thành Phật, vậy Phật Thích Ca thành Phật rồi, sao mình vẫn còn ngồi đây? Cho nên một tâm niệm của mình là một chúng sinh rồi, mỗi một ngày, mình sinh đi chết lại không biết bao nhiêu lần, sinh niệm này

nó mất, rồi sinh niệm khác, mỗi niệm là một chúng sinh, như vậy cả ngày có vô số chúng sinh, đủ loại hết; có khi là chúng sinh ở cõi người – niệm lành, có khi ở cõi ngạ quỷ – niệm ác hoặc có khi chúng sinh ở cõi địa ngục đau khổ u minh tối tăm, có khi thì ở A tu la, một ngày mình đi vòng hết, có thể sáu đường đều đủ. Nếu nói theo đây, thì một niệm khởi dục tình là vào thai sinh, một niệm mơ tưởng thì vào noãn sinh, bởi vì kinh Lăng Nghiêm gọi noãn sinh là do tưởng mà đến, một niệm ái luyến là vào thấp sinh – ẩm ướt, một niệm chột biến đổi là vào hoá sinh, một niệm khởi quán là vào cõi sắc, một niệm lơ mờ là vô sắc, một niệm duyên với cảnh là vào có tướng, một niệm ngu ngơ là vào vô tướng, một niệm mà thăm thăm phân biệt ở bên trong là phi phi tướng, thì ngồi thiền nó đủ hết trong đó. Như vậy tự tánh mình vốn vắng lặng thanh tịnh sáng suốt nhưng chợt vừa khởi một niệm động thì mê, mê thì một chúng sinh. Vì mê là che khuất tính giác, che khuất tính giác là một chúng sinh chứ gì! Nếu nói theo ngài Thánh Nhất thì vọng tâm của mình chấp phải, chấp quấy là có sắc, bác không nhân quả tội phước là vô sắc, còn nói mà chẳng làm là có tướng, trừ vọng mà chẳng khởi tác dụng là vô tướng, tức chỉ đè bẹp nó; có không đều trừ hết, nói nín đều quên thì đó là chẳng phải có tướng, nhưng

lý lại chưa sáng, còn có tâm cầu lý, đó là chẳng phải không tưởng. Như vậy, ngay nơi một vọng tâm của mình cũng đầy đủ các cõi ở trong đó, khi ngồi thiền mình kiểm lại lúc đó thì biết mình đang ở cõi nào. Đã rõ mỗi một tâm niệm của mình là một chúng sinh, vậy thì bây giờ độ cách nào đây? Làm sao đưa vào vô sinh? Niệm thì nó chợt có chợt không, làm sao mình nắm bắt được nó, để độ nó? Điểm đó mới khó! Ở đây, một niệm khởi lên thì phải khéo thấy trở lại "*trước khi khởi niệm*"; ngay niệm khởi lên, chỉ khéo soi trở lại "*trước khi niệm khởi*", thì trước khi khởi niệm có hình tướng gì? Có niệm tức có đối tượng để niệm, có đối tượng mới có hình tướng, mới có thấy được - không có một niệm nào mà không có đối tượng - quý vị thử khởi một niệm mà không có đối tượng gì hết xem? Không có đối tượng làm sao khởi? Bởi niệm là niệm về cái gì? Cho nên có đối tượng, là có tướng ở trong đầu mình, nên thấy được. Giờ soi trở lại thì nó đâu có hình tướng gì! Như vậy ngay đó tự nó lặn lẽ đâu có bóng dáng gì, là đưa nó vào vô dư y Niết bàn rồi mà không thấy có đưa gì hết. Song cần chú ý! Nếu mình còn thấy cái không tướng thì cũng có đối tượng trước mặt mình, vì "*không tướng*" thì đối với "*có tướng*". Chẳng hạn, mình thấy cái bình bông này là cái có tướng, cái hư không là không tướng, cũng là cái đối tượng,

cũng là tướng, tướng không. Trước khi khởi niệm thì không đối tượng nên không có nói là tướng hay không tướng, mà luôn luôn sáng ngời rõ ràng thường biết. Có điều *“nói không thể đến”*, vì ngôn ngữ không thể diễn tả. Chính đó là tinh thần phản quan! Vì soi trở lại thì đâu có đi theo niệm, không đi theo niệm là hàng phục, là phản quan chứ gì! Tinh thần hàng phục là như vậy! Nên *“độ”* là *“giác”* chứ không gì khác. Giác được nó thì nó không còn chỗ để sinh. Sở dĩ niệm nó sinh được là sao? Là nó luôn theo với cái mê, mê cho nên lấy chỗ tối tối mờ mờ đó mới sinh được; còn giác thì đâu còn có chỗ nào để nó ẩn trốn nữa, bám vào đâu để sinh? **Không sinh là độ**. Nếu trường hợp mình không đủ công phu soi trở lại thấy chỗ trước khi khởi niệm thì chính ngay khi niệm khởi mình tìm trở lại coi cái gì khởi niệm? Tìm một lúc không thấy gì thì nó yên hồi nào không hay, thành độ mà không thấy độ gì hết. Do đó mới thấy rõ niệm là không thật, nếu thật thì phải có chỗ mình độ, mình đưa nó, như có con thuyền, có con người rồi mình đưa người bên này qua bên kia, đi lên bờ, còn chỗ này soi lại thì yên, yên thì mất bóng dáng, hết chỗ tìm. Nên Lục Tổ nói:

“Niệm trước mê là phàm phu, niệm sau ngộ là Phật”, mình nghe theo danh từ cũng dễ hiểu

lầm, thành ra có hai niệm, nhưng sự thật “*niệm trước*” mê là phàm phu, “*niệm sau*” ngộ là Phật, tức chỉ cho Phật hay phàm phu chỉ trong một niệm chứ không xa. Nói gọn lại, mê là phàm phu, ngộ là Phật; nói niệm trước niệm sau là ngầm ý nói chỉ cách nhau một niệm thôi, chứ không phải thật có một niệm trước, thật có một niệm sau. Vì nếu thật có một niệm trước, một niệm sau thì mình cũng khó mà tu hành thành Phật. Niệm trước phàm phu mà thật rồi, thì phải diệt hết cái đó mới được thành Phật. Song nếu nó thật thì làm sao diệt? Do đó không có hai niệm thật, chỉ là hai danh từ trên cái giả tướng vậy thôi. Giống như sóng và nước, khi nước nổi sóng mình thấy như nó có sinh rồi diệt, có lượn sóng lớn, có lượn sóng nhỏ, lượn này trước, lượn kia sau, tiếp nối tiếp nối đuổi nhau một dòng liên tục. Sự thật thì nó có trước sau gì không? Nó cũng chỉ là một mặt nước thôi, đâu có gì trước sau? Cũng đâu có gì sinh diệt? Ngay một niệm hiện tiền đây, nó rõ ràng sờ sờ đó, nhưng mê nó thì gọi là vọng, là chúng sinh; giác được nó là chân, đâu có gì khác chen vào! Bởi vậy khi thấy được nó không thật thì mới cảm thông với Phật, cũng như các vị Bồ tát, như Bồ tát Địa Tạng Ngài phát nguyện: **“Độ tận hết thấy chúng sinh mới chứng Bồ đề, địa ngục chưa không nguyện không thành Phật”**. Nếu thấy

chúng sinh thật, thấy niệm thật, thì chắc là không dám phát nguyện như vậy. Vì thấy rõ chúng sinh vốn không thật, vốn đầy đủ Phật tính; niệm cũng vốn là hư vọng thôi, nguyên thể của nó là thanh tịnh. Hiểu như vậy nên các Ngài phát nguyện mà không ngại. Hiểu như vậy, thì hết nghi Phật đã thành Phật rồi mà mình vẫn còn ở đây, nếu không thì làm sao Phật thành Phật trước khi mình còn là chúng sinh. Rõ ràng độ chúng sinh là độ tâm chứ không gì khác; bởi vì còn niệm là còn sinh, mà còn sinh thì còn đau khổ, còn phiền não; còn phiền não thì còn địa ngục. Cho nên ngài Lâm Tế nói: *"Phiền não do tâm nên khởi, vô tâm thì phiền não làm sao cấu thúc được?"* Phiền não bao nhiêu cũng do tâm mà khởi, còn vô tâm thì không gì trói buộc mình được. Tóm lại, đưa vào vô dư Niết bàn, là đưa vào chỗ vô sinh, mà đưa vào chỗ vô sinh thì đâu còn bóng dáng gì nữa để thấy, do đó không có chúng sinh nào để độ. Trái lại, nếu thấy còn có một chúng sinh để độ, tức là chưa đưa vào vô sinh rồi, còn có chỗ để sinh nữa. Để thấy rõ khi vọng lặng tức chân, đó là diệu tâm Niết bàn, Niết bàn chân thật bất sinh bất diệt hiện tiền ngay nơi mình, không đâu xa. Trong nhà thiền có câu: *"Tuyệt hậu tái tô"* (*Chết đi sống lại*), phải một phen chết đi thì sống lại, chết đi những cái tâm chúng sinh đó, những

tâm vọng tưởng đó, một phen chết nó đi thì sống lại; sống lại, mới thấy chưa từng rời Niết bàn, thấy rõ ngay nơi mình là Phật, như vậy thấy rõ Phật luôn luôn có mặt ở mọi nơi, không có nhập Niết bàn. Phật Niết bàn đó, là Phật hình tướng, đó là Phật ứng thân, còn Phật thật chưa từng Niết bàn. Bất cứ ai, nếu khéo nhận thì thấy Phật luôn luôn ra đời với người đó, một niệm mình mê thì Phật Niết bàn, một niệm mình giác là Phật ra đời, vì giác là Phật. Bởi vậy, Phật luôn luôn sẵn sàng lúc nào cũng ra đời, nhưng tại mình không thấy thôi. Từ đó mới cảm thông với Đại sư Trí Giả, ngài tụng kinh Pháp Hoa đến phẩm Dược Vương Dược Thượng, liền nhập định, thấy Phật còn trên hội Linh Sơn thuyết pháp chưa từng tan. Ngài Trí Giả sống ở Trung Quốc cách Phật ra đời cả ngàn năm mà thấy Hội Linh Sơn chưa tan, vậy là sao? Nếu thấy Phật ở trên hình tướng, thì Phật Niết bàn lâu quá rồi. Như đã nói Phật nhập Niết bàn là Phật hoá thân, Phật ứng thân không phải Phật thật. Quý vị thấy rõ nghĩa hàng phục tâm chưa? Nhắc lại, là thấy trở lại chỗ chưa khởi niệm, ngay khi nó khởi niệm đưa trở về, soi trở lại chỗ chưa từng khởi niệm, trước khi khởi niệm thì nó không có bóng dáng gì, tự nhiên nó yên, yên đó là đưa vào vô dư y Niết bàn mà không có diệt độ gì hết. Còn nếu thấy có chúng sinh để diệt

độ, tất nhiên là còn mắc kẹt bốn tướng, nên ở đây mới nói là lìa bốn tướng. Phật bảo: **“Nếu Bồ tát có tướng ngã, tướng nhân, chúng sinh, thọ giả tức chẳng phải Bồ tát”**.

Nói về bốn tướng ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả này cũng có thô, có tế. Bốn tướng thô là nói về chấp ngã, thấy thân này là thật có, mình là người độ, có thân tâm này là thật, đó là **tướng ngã**. Rồi thấy có người thật, có người được mình độ, mình độ người đó thật, đó là **tướng nhân**. Còn **chúng sinh tướng**, là thấy thật có nhiều loài sai biệt, loài này loài kia, và chúng sinh thật có nhiều căn cơ, có người ngu người trí đủ hết, đó là **tướng chúng sinh**, nghĩa là thấy mỗi tướng sai biệt nó là thật. **Tướng thọ giả**, tức là chấp chúng sinh ai cũng có mạng sống thật, cho nên ai mà đoạt mạng này thì hận lắm! Đó là **tướng thọ giả**, nói theo tướng thô. Đúng ra nói theo tinh thần Kim Cang thì nó tế hơn: Ngay trong tâm niệm của mình vừa khởi một niệm độ là sao? Ai khởi niệm? Đó là **tướng ngã**. Khởi niệm độ là nghĩ **ta độ** chứ gì? Rồi thấy có niệm để đối trị là có **tướng nhân**; thấy vọng tưởng là vô lượng vô biên là **tướng chúng sinh**; rồi niệm này liên tục không dứt, đó là **tướng thọ mạng**. Như vậy dùng trí xét cho tột nguồn tâm thì vừa khởi niệm là rơi vào bốn tướng

rồi, mà còn bốn tướng thì còn có sinh, có sinh thì có diệt, là đi trong sinh tử, chưa phải là Bồ tát. Song nói bốn tướng chia ra như vậy, sự thật xét cho kỹ cũng là một tướng “Ngã” này thôi chứ không gì khác. Từ một cái “Ngã” mà chia từ thô tới tế để cho mình thấy rõ. Tướng nhân, là do có cái ngã này mới có cái nhân, chúng sinh cũng vậy cũng do ngã, rồi tướng thọ giả cũng do thấy có ngã, từ cái ngã mà hiện ra. Do đó người tu hành mà **không đạt được đạo**, không giải thoát được, cũng **bởi vì còn “cái ngã”**. Chính cái ngã nó che, nó cột hoài không giải thoát được. Còn chân lý luôn sáng ngời, cũng như “*ánh sáng bát nhã*” luôn hiện tiền trong mọi oai nghi, mọi cử chỉ của mình, ngay khi mình ngồi tại đây nó cũng có đủ ở đây, nhưng bị cái ngã che thành mù. Phật phó chúc rõ ràng là, “*ánh sáng bát nhã*” luôn có hết trong mọi cử chỉ, oai nghi hành động, nhưng khổ nỗi hầu hết chúng ta chấp “*cái ta mấy chục ký lô*” này, chấp “*cái ta một thước mấy*” này, thành ra chỉ có thấy cái ta này, làm sao thấy được “*cái kia*”? Cái kia nó vẫn hiện tiền nhưng cứ nhớ cái này, vì nó dễ thấy. Song cứ nhớ nó, lỡ có ai mà đụng tới nó..., thì làm sao mà thấy cái kia. Chính vì vậy, mới đáng thương cho cái thật vẫn sát bên, nhưng do mê lầm chấp cái ngã làm thật nên mắc kẹt chỗ đó mà chia cách. Nhìn cái hoa thì liền có cái “*ý tôi*”

trong đó, “ý tôi” thế này, ý tôi thế kia, mà có “ý tôi” thì có “ý người”, có ý tôi, ý người thì bản thân của sự vật bị chia chẻ, cái hoa không còn là cái hoa như nó là nó, mà có cái hoa của tôi tốt, có cái hoa của anh xấu, bởi vì mỗi người nhìn theo một ý riêng. Tôi thấy cái hoa này tốt là bởi vì sao? Vì từ trước, tôi chưa từng thấy cái hoa này. Còn cái hoa của người kia xấu, bởi vì họ từng thấy những cái hoa còn đẹp hơn nữa. Nhưng với chị kia thì sao? Cái hoa này hình như ai ăn cắp trong vườn của tôi. Thành ra cái hoa bản thân nó không còn là nó nữa mà nó bị chia chẻ rồi! Chân lý cũng như vậy, chân lý thì luôn sáng ngời chân thật như vậy, **nó tỉnh khôi** chưa từng bị chia chẻ, nhưng chính cái ngã xen vào trong đó, chia chẻ, thành ra có chân lý của tôi, chân lý của anh, mà chân lý thì đâu có của tôi, của anh! Nếu có của tôi, của anh thì thành ra khía cạnh thôi, chứ không phải là sự thật như như. Xét xa hơn một chút thì sẽ thấy, mỗi sự khen chê, mỗi sự công kích nhau ở thế gian này, là nhắm vào cái gì? Nhắm vào cái ngã này thôi. Có chửi mắng là chỉ mắng cái tôi này thôi, chứ cái **tôi chân thật** kia, cái thể Kim Cang kia, làm sao họ thấy mà họ mắng? **Làm sao mắng tới cái kia?** Bởi vậy mình lắm chấp cái tôi này thành ra bị mắng liền! Như vậy ngay nơi niệm này mình soi sáng trở lại tức là bốn tướng, mà là bốn tướng thì Bát nhã hiện tiền, **ý chỉ hàng phục tâm**

là ngay đó! Nhân đây hiểu qua chỗ ngài Huệ Khả được Sơ Tổ an tâm. Nghĩa là ngài đến cầu Tổ xin pháp an tâm, thì Tổ Đạt Ma bảo:

- Đem tâm ta an cho.

Ngài soi tìm trở lại không thấy bóng dáng gì hết, liền thưa:

- Con tìm tâm không thể được.

Tổ bảo:

- Ta an tâm cho người rồi.

Đó là thấy được cách hàng phục tâm. Cho nên, tu là ngay nơi tâm niệm chứ không gì khác. Tổ Lâm Tế dạy rất rõ ràng: *"Nếu vọng niệm khởi lên chớ cho nó tiếp tục, còn nếu nó chưa khởi lên thì đừng cho nó khởi, như vậy cũng hơn quý vị mười năm đi hành cước"*. Đi hành cước chỗ này, chỗ nọ, không bằng ngay nơi một niệm vọng khởi lên, đừng cho nó tiếp tục, hoặc nó chưa khởi, đừng cho nó khởi, vậy ngay đó là đủ, khởi xách gói chạy đi đâu này đâu kia! Sở dĩ xách gói chạy đi đâu này đâu kia, cũng chỉ để tìm trở lại chỗ đó thôi chứ gì? Ngài Nam Nhạc nói đơn giản hơn: *"Đất tâm nếu không thì mặt trời trí tuệ tự chiếu"*. Nếu ngay nơi đất tâm đã không, không này là không gì? Không

những chúng sinh đi lang thang đầu này đầu nọ; đất tâm nếu không những chúng sinh đó, thì mặt trời Kim Cang Bát nhã tự chiếu rõ ràng, đơn giản không phải nhọc nhằn xách gói chạy tìm Bát nhã ở đâu. Nếu mình luôn luôn chiếu soi trở lại nguồn tâm như vậy đó, công phu thuần thực, cơ duyên đến mình sẽ **thành Phật ngay trong đi đứng** không phải đâu xa. Đó là yếu chỉ hàng phục rất là sáng sủa! Tóm lại, niệm khởi lên liền thấy, cái gì thấy được niệm? **Niệm không thể thấy được niệm, mà vọng cũng không thấy được vọng**, bóng cũng không thấy được bóng, chính thấy được chỗ niệm khởi đó, là bước trở về, là kiểm soát lại, là đi trong ánh sáng, là hàng phục, là chỗ ứng dụng để sống, đó là nói về lý. Nói rộng ra trên sự, khi mình phát tâm độ tất cả mọi loài chúng sinh, đó là **mở tâm rộng lớn**, chính tâm rộng lớn đó là để phá ngã. **Quên chấp ngã** mới phát tâm độ hết mọi loài chúng sinh, không phải độ riêng số này, số kia không hợp với tôi để dành lại một bên, thì chưa phá tột tâm chấp ngã.

Thứ hai, phát tâm rộng lớn độ vô số vô biên chúng sinh đó là tâm trường viễn; không phải độ một ít thôi rồi nghỉ, mà độ vô số thì không có chừng hạn, như vậy mới trường viễn, kiên cố lâu dài, không có thoái chuyển.

Thứ ba, phát tâm độ vào thẳng vô dư Niết bàn, tức thẳng đưa vào chỗ vô sinh chứ không đâu khác, đó là *"tâm chuyên nhất"*, không có xen tạp, chỉ hướng đến một con đường vô sinh vậy thôi. Nếu mình phát tâm được như vậy, thấy đến chỗ đó thì sao? Công phu tu hành của mình chắc chắn có kết quả, không nghi ngờ. Trái lại phát tâm độ một số nào thôi, dừng lại đó, là có tâm tự mãn, thiếu tâm trường viên và dễ sinh bệnh dừng lại giữa đường, đứng chững lại không có tiến được. Hoặc là đặt thời gian tu, mà đặt thời gian thì cũng là chướng ngại nữa. Có người phát tâm tu tha thiết, nhất định ba tháng sáu tháng là phải ngộ đạo, qua sáu tháng không ngộ liền thối tâm. Ở đây thì không có thời gian, không có giới hạn, mình làm hết mức của mình, công phu thuần phục đầy đủ thì tự nhiên nó khế hợp thôi, không cầu mà cũng được, còn đặt như vậy lại là một **hình thức khác** của tập khí **bản ngã kiêu ngạo** nữa. Như vậy, đoạn hàng phục tâm, chính là sự sống thực của mình đó, sống trở lại, quay trở về, ngay từng tâm niệm của mình khéo soi trở lại, không lăng xăng lộn xộn, chỉ sống với Bát nhã, đó là hàng phục. Tới đoạn vô trụ.



4. DIỆU HẠNH VÔ TRỤ

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Bồ Tát đối với pháp nên không chỗ trụ mà thực hành bố thí. Nghĩa là, chẳng trụ sắc bố thí, chẳng trụ thanh hương vị xúc pháp bố thí. Này Tu Bồ Đề! Bồ Tát nên như thế mà bố thí, chẳng trụ nơi tướng. Tại sao? Nếu Bồ Tát chẳng trụ tướng mà bố thí, phước đức đó chẳng thể nghĩ lường.

- Này Tu Bồ Đề! Ý ông nghĩ sao? Hư không ở phương Đông có thể nghĩ lường được chăng?

- Bạch Thế Tôn, chẳng được.

- Này Tu Bồ Đề! Hư không ở phương Nam, phương Tây, phương Bắc, bốn hướng, trên dưới có thể nghĩ lường được chăng?

- Bạch Thế Tôn, chẳng được.

- Này Tu Bồ Đề! Bồ Tát không trụ tướng mà bố thí, phước đức cũng lại chẳng thể nghĩ lường như thế.

- Nay Tu Bồ Đề! Bồ Tát chỉ nên đứng như điều đã dạy mà trụ.

GIẢNG:

Đó là nói về diệu hạnh vô trụ. Diệu, tức là không thể nghĩ bàn, đây cũng chính là chỗ sống của Bát nhã, chỗ an trụ vi diệu. Trước tiên, Phật nêu về bố thí mà vô trụ. Bố thí mà không có trụ tướng thì làm sao bố thí? Cầm đồng bạc cho cũng có tướng rồi, đem nắm cơm cho cũng có tướng, dùng lời an ủi thì cũng là âm thanh, có đủ tướng rồi, vậy bố thí mà không có trụ tướng thì làm sao đây? Đây là bố thí nhắm vào tâm. Bố thí, là buông xả không có nắm bắt, là hai tay xòe ra; còn trụ là sao? Trụ, là dính, là kẹt, là vướng mắc. Chân mình mà đứng trụ một chỗ cũng kẹt vào đó, tay mà bám trụ chỗ nào thì nó dính chỗ đó; buông ra thì tự tại. Vậy bố thí mà không có chỗ trụ là sao? Là buông xả, là không có dính mắc một cái gì hết, cũng không có nắm bắt cái gì hết, cũng như không có chỗ nào để tâm dừng, không có chỗ nào để tâm trụ. Cho nên chỉ một chữ “xả” này mà xét cho sâu thì tu cả đời không xong. Với một chữ “xả” này, tu thấp thì xả cái ác mà làm cái thiện, cái đó cũng khó rồi. Nhưng tu lên cao, cao nữa thì xả cả thiện cả ác luôn càng khó hơn; cao hơn nữa, xả cả cái xả, càng rất khó. Xả, là

gì? Là buông, là không dính vào đâu. Ở đây dạy
 bố thí mà không có trụ vào sáu trần, đối với
 pháp nên không có chỗ trụ mà thực hành bố thí,
 tức không có trụ sắc thanh hương vị xúc pháp mà
 bố thí; nghĩa là buông xả sáu trần, không có dính
 mắc, không có duyên theo một trần nào hết, như
 vậy là sao? Tức là trả về nguyên thủy, cái thấy là
 thấy, cái nghe là nghe, cái ngửi là ngửi, cái nếm
 là nếm, đúng như nó là nó không xen lẫn vào,
 không dính mắc vào cái sắc thân, *"thấy nghe
 rờng rặc là thấy nghe"* thôi. Kinh Lăng Nghiêm
 có câu này: **"Tri kiến lập tri, tức vô minh
 bản. Tri kiến vô kiến, tư tức Niết bàn"**.
 Nghĩa là cái thấy biết trên đó thêm cái biết, tức
 lập cái thấy biết nữa, thì đó là gốc vô minh.
 Cũng như ngay cái thấy biết này mà thêm cái
 tưởng phân biệt vào trong đó nữa, tức là gốc vô
 minh, là quên chính nó rồi, đó là đi theo cái
"trần" kia. Còn ngay đó mà không có thêm cái
 tưởng phân biệt gì nữa, không có thêm cái thấy
 biết nào hết, thì nó vắng lặng, là Niết bàn. Vẫn
 nguyên vẹn cái thấy là cái thấy, cái nghe là cái
 nghe. Chúng ta thì thường là có thêm. Như đã
 nói thấy cái bông đó, là có thêm cái tôi trong đó,
 tức sinh chuyện. Xuyên qua kinh Pháp Hoa nói là
 Khai thị tri kiến Phật, thì tri kiến Phật là cái
 gì? Nếu chỉ hiểu theo danh từ thì không thấy

được ý sâu của Phật. Tri kiến Phật, là tri kiến giác ngộ, mà tri kiến là thấy biết, nói đủ là thấy nghe hiểu biết. Tức là ngay cái thấy nghe hiểu biết, đầy đủ giác ngộ trong đó, mình lại quên cái đó, rồi theo những trần bên ngoài. Đã duyên theo trần bên ngoài, đâu còn nhớ được cái thấy biết giác ngộ! Ở đây Phật dạy bố thí các trần, không duyên theo đó, để trả về cái thấy biết chân thật đó, là ngẫm chỉ cái gì? Đó là ngẫm chỉ con đường trở về quê hương muôn thuở của mình mà mình quên tự đời kiếp nào. Chính đó là con đường trở về chứ không đâu xa hết. Trong nhà thiền có câu chuyện, có vị tăng hỏi Hòa thượng Càn Phong:

- Mười phương Bạc già phạm (*chỉ chư Phật Thế Tôn*) đều đồng một con đường Niết bàn, chưa biết đâu con đường đó ở đâu?

Ông tăng hỏi cũng các cơ phải không? Phật với Phật đạt Niết bàn, cùng một con đường đó, nhưng mà đâu đường đó ở chỗ nào? Ngài Càn Phong cầm cây gậy vạch một vạch trong hư không bảo:

- Đây!

Ai thấy đâu đường chưa? Cho thấy rõ, mê ngộ ngay trong đường tơ kẻ tóc. Thường thường mình thấy, lấy cây gậy vạch trong hư không thì mình chỉ thấy cây gậy thôi, đó là theo sắc rồi! Theo sắc,

cho nên không thấy đầu đường đâu cả. Nếu ngay đó **quên cây gậy** mà nhớ cái kia thì sao? Thì thấy đầu đường liền! Tức ngay sáu căn này là con đường trở về, rõ ràng đâu có xa! Quên cái này chạy theo sáu trần là đi lang thang. Chính đó là chỗ “*thấy dấu*” trong mười bức chần trâu. Đọc tranh chần trâu, chúng ta nghe nói chỗ thấy dấu, mà không biết dấu ở chỗ nào; bởi vì trâu của mình nó đi hoang lâu rồi, từ lâu vô lượng kiếp rồi bắt không kịp nó, cũng không biết bóng dáng nó chỗ nào nữa. Song nó đi như vậy đó, là từ đâu mà đi? Từ sáu căn này nó đi ra thôi. Chính từ sáu căn này mà nó phóng ra ngoài, rồi nó đuổi bắt với sáu trần, mới lang thang đây đó, đầu này đầu kia, cứ thế lang thang mãi, quên mất đường về, phải không? Cứ theo sáu trần đâu còn nhớ đường về nữa. Do đó, bây giờ tìm đường về thì không biết đâu mà về, không thấy bóng nó nữa thì lấy đâu mà về? Giờ muốn tìm trâu thì phải làm sao? Trâu không thấy được, thì phải tìm cái dấu, mà dấu đó từ đâu? Từ cửa thấy, nghe, đó là dấu trâu đi! Còn có thấy, còn có nghe thì biết chắc trâu chưa mất đi đâu. Ngay cái thấy nghe đó, khéo soi trở lại liền thấy con đường về, theo đó sống trở lại thì quê nhà ngay trước mắt, trâu vẫn sờ sờ. Trong nhà thiền có câu chuyện: ngài Ngưỡng Sơn tới phiên chần trâu dưới núi, vì trong thiền viện ngày xưa cũng có làm

ruộng nên cũng nuôi trâu cày, có ông tăng đi lên núi rồi lại xuống sớm, Ngài mới hỏi:

- Sao ông mới lên rồi xuống mau vậy?

Ông tăng nói:

- Vì duyên không hợp.

Ngài hỏi:

- Có nhân duyên gì không hợp?

Ông Tăng mới kể:

- Tôi lên đó, Hòa thượng hỏi tôi là: “Ông tên gì?”. Tôi đáp là: “Qui Chân”. Hòa thượng hỏi: “Qui Chân ở đâu?”. Tôi đáp không được. Thành ra duyên không hợp nên phải xuống núi.

Ngưỡng Sơn nói:

- Ông lên nói lại: “Thưa Hòa thượng, con đáp được”. Hòa thượng hỏi: “Đáp sao?” Ông nói là: “Ở trong tai, trong mắt, trong mũi, trong lưỡi, ông cứ nói vậy đi!”.

Ông lên trở lại, thưa:

- Bạch Hòa thượng con nói được rồi.

Qui Sơn hỏi:

- Ở đâu?

Ông nói là:

- Ở trong tai trong mắt trong mũi trong lưỡi.

Qui Sơn bảo:

- Kẻ học lóm! Đây là lời thiện tri thức của năm trăm người.

Ông mới thưa thiết:

- Đó là vị tăng ở dưới núi dạy con nói vậy đó.

Quý vị thấy sao? Ngưỡng Sơn chỉ nói một câu đó, nhưng Qui Sơn hiểu được đó là lời của vị thiện tri thức đã thấy đạo. Qui Chân, tức trở về chân thật, mà cái đó ở đâu? Chỉ ngay trong sáu căn này thôi. Nhưng ông tăng đó không có chỗ thấy thật, cho nên hỏi bất ngờ đâu thể nói gì được. Đến khi xuống núi học được, trở lên nói thì Ngài nhìn về mặt, Ngài biết là không phải thứ thiết. Vậy ai thấy chỗ trở về chân thật của mình chưa?

Như vậy, phần trên mình học độ chúng sinh, đó là độ ở ngay trong tâm, vừa khởi lên liền đưa vào chỗ vô sinh. Ở đây đối diện với sáu trần luôn luôn hằng sáng hằng tỉnh không có lầm lẫn, không có vương mắc, thấy nghe hiểu biết trước mọi cảnh

vẫn không mê, chính đó là **chỗ sống liên tục tỉnh giác**. Ai biết chỗ đó là gì chẳng? Tức là chỗ công phu bảo nhậm đó, là chỗ đức Phật Ngài phó chúc hộ niệm. Nghĩa là luôn luôn sống thấy nghe hiểu biết đối diện với sáu trần, mà hằng tỉnh hằng giác liên tục không có gián đoạn thì đó là chỗ bảo nhậm của mình chứ có gì đâu. Câu *"hồi quang phản chiếu"* thường nghe cũng chính chỗ này, tức là luôn luôn quay ánh sáng soi ngược trở lại, ánh sáng đó là ánh sáng thấy nghe hiểu biết này, thay vì thấy nghe hiểu biết phóng ra bên ngoài, thì ngay đó soi trở lại là buông xả sáu trần, tức luôn luôn tỉnh sáng không có lằm bằm cứ một trần nào, đó là con đường sống trở về, rất là đơn giản! Cho nên Lục Tổ có dạy: *"Này các vị thiện tri thức! Tự tánh chân như nó khởi niệm, tuy có sáu căn thấy nghe, hiểu biết mà chẳng nhiễm muôn cảnh thì chân tánh thường tự tại. Nên kinh nói: **"Hay khéo phân biệt tướng các pháp mà nơi nghĩa đệ nhất vẫn chẳng động"***. Nghĩa là, thường thường khởi niệm là cái gì khởi niệm? Vọng tâm khởi niệm. Còn đây, người tu khi mình phát tâm chánh đẳng chánh giác, rõ được tâm Bồ đề thì sống bảo nhậm nó, là thuận theo tánh mà khởi dụng, nên từ tự tánh chân như đó mà khởi thấy nghe hiểu biết, thấy nghe hiểu biết luôn luôn mà không rời tự tánh, thì ngay đó chân tánh thường trụ tự tại, đâu có cái gì che đậy, đâu có cái gì

ngăn lại! Còn mình không có từ nơi tự tánh khởi dụng, mà vọng tâm nó khởi dụng, nên nó mê lầm chấp vào các trần kia. Giờ đây, thường buông xả để thuận trở về với tự tánh mà khởi dụng, thì luôn luôn thấy nghe được sáng ngời. Rồi khéo phân biệt các pháp mà nơi đệ nhất nghĩa chẳng động, là phân biệt tất cả mà không có lầm, không mê, không theo đó mà sinh diệt, tức không rời tự tánh, đó là chỗ sống chân thật. Do đó điểm thứ hai, đức Phật dạy kỹ là: **"Nên như thế mà bố thí, tức chẳng trụ nơi tướng mà bố thí, thì cái phước đức đó nó vô lượng"**. Bảo xả mà không có trụ vào cái gì hết, như vậy xả mà không có gì để xả. Có trụ thì có cái để xả, không trụ thì không có cái gì để xả. Câu này mới nghe thấy nó thường, nhưng thật là ý nghĩa rất sâu xa: Có chỗ xả thì có chỗ tiếc. Xả mà còn có chỗ để buông, còn chỗ để nhớ, thì lâu lâu tiếc nhớ kiếm lại. Trong Luật có câu chuyện về Tỳ Kheo hoàn tục bảy lần. Ông là nông phu phát tâm xuất gia. Khi phát tâm xuất gia thì những đồ cày cuốc ông đem giấu một chỗ kín, xuất gia rồi lâu lâu ông buồn nhớ lại những cái đó. Ông hoàn tục trở về làm ruộng lại, tìm cái cuốc cày đó sống trở lại, rồi sống ít lâu thấy chán lại xin xuất gia nữa. Nhưng trong luật Phật cho xuất gia bảy lần, đối với người Tỳ Kheo, chứ bên Ni là không được. Xuất gia được ít lâu cũng nhớ cái đồ đã giấu đó nữa, lại hoàn tục, cứ vậy hoàn tục

rồi xuất gia, đến lần thứ bảy, ông mới quyết tâm vác cuộc đi lên đứng giữa cầu nhằm mắt quăng mạnh một cái, rớt đầu đó thì rớt, không cho thấy nữa, rồi ông la lên “thắng rồi, thắng rồi”. Ngay lúc đó, ông vua cũng vừa thắng trận trở về, vua nghe tiếng “thắng rồi, thắng rồi” không biết thắng cái gì, vua mới kêu ông lại hỏi: Ta thắng trận trở về là ta thắng, còn người thắng gì mà người la thắng thắng như vậy? Ông mới kể câu chuyện như trên, vua bèn tán thán. Vậy là sao? Buông mà còn có chỗ nhớ để trở về lại. Ở trong đạo cũng có nhiều vị xuất gia, nhất là mấy cô xuất gia mà có tóc dài đẹp, cắt lại gói kỹ để kỷ niệm. Tiếc! Đó là bổ thí cũng còn có chỗ để giữ lại. Còn Phật dạy xả, không có chỗ trụ, nhưng có người lại nghĩ, mình xả như vậy nó đoạn diệt sao? Nghĩa là không trụ một tướng gì hết, thì tách rời các tướng, đoạn diệt các tướng hay sao? Cần nghe kỹ, không trụ mà cho, không trụ một cái gì hết mà cho, đây là điểm đặc biệt! Nếu không phải người thật sống được thì cũng khó nói ra chỗ này, làm sao không trụ vào chỗ nào hết mà cho? Tức là, đối với sắc vẫn cho thấy, đối với tiếng vẫn cho nghe, đối với hương vẫn cho ngửi, đối với vị vẫn cho nếm. Nhưng không cho có chỗ trụ, thì nghe, thấy, ngửi, nó như thế nào, vẫn là như thế đó, không đồng hoá nó với các trần; thấy sắc nhưng không đồng hóa cái thấy này với sắc đó, nghe tiếng

nhưng không đồng hóa cái nghe với tiếng thì, thấy, nghe vẫn nguyên vẹn là thấy, nghe, không có thêm bớt cái gì trong đó, vậy là an trụ rồi. Bát nhã hiện tiền rồi. Quý vị thấy nó vi diệu không? Mình thấy sắc thì mình đồng hóa với sắc, chỉ biết có sắc. Do đó gọi là quên mình theo vật. Trong kinh Lăng Nghiêm, đức Phật khai thị cho ngài A Nan: Khi đưa tay lên thì nói có thấy, để tay xuống thì bảo không thấy, bị Phật quở. Giờ đây, cho thấy, cho nghe hết, nhưng không có trụ vào đó, thì thấy, nghe không có dính vào đâu, vậy ngay khi thấy nghe đó, tâm nó có giới hạn gì? Thấy mà dính với sắc thì nó giới hạn nơi sắc, nghe mà dính với tiếng thì nó giới hạn ở tiếng. Có người tới vườn hoa hoặc là đi trên đường ở chỗ đông người, nghe có đám ca nhạc hay, rồi mình lắng tai nghe tiếng đó, thấy nó hay quá rồi say mê đứng đó chú tâm vào nghe, thì tâm mình nó giới hạn ở chỗ đó, có khi bị móc túi không hay, phải không? Đó là nó có chỗ dính, mà có chỗ dính là nó có giới hạn. Còn tâm mình không có dính gì hết thì nó thênh thang, nó sáng suốt, có ai động tịnh gì mình hay liền. Bởi vậy ở đây đức Phật ví dụ: cũng như hư không ở phương Đông, phương Tây, phương Nam, phương Bắc, bốn hướng trên dưới không có giới hạn. Nói hư không ở phương Đông, phương Tây, phương Bắc, phương Nam ..v.v... cũng là nói theo cái nhìn thông thường, chứ sự thật thì hư

không không có Đông Tây Nam Bắc mà nó thênh thang không ngăn mé. Tâm mình cũng vậy, nếu không dính một vật gì, không có trụ vào đâu, thì nó cũng thênh thang, không ngăn mé; cho nên Ngài mới nói phước đức cũng như vậy, không có thể nghĩ được. Phước đức này là phước đức vô tướng. Phước đức sống trở về tâm chân thật trùm khắp, chứ không phải cái phước đức như vua Lương Võ Đế hỏi bồ thí, cúng dường, cầu phước, đó là phước đức hữu tướng. Hiểu vậy, mới thấy nghĩa vô trụ mà bồ thí, thì phước đức nó là như vậy.

Điểm kế, Đức Phật dạy: **“phải đúng như điều đã dạy đó mà trụ”**. Câu này cũng thật sâu xa! Ở trước nói không trụ, ở đây lại nói trụ, đúng như những điều đã dạy đó mà trụ. Tại sao ở trước dạy không trụ mà ở đây lại trụ? Bởi vì, không trụ vào bất cứ một cái gì hết, tức là chân trụ, là an trụ. Quý vị kiểm lại xem, mình không trụ vào một cái gì hết thì tức là nó an trụ rồi, nó chân trụ rồi; còn vừa có một chỗ trụ, dù là một điểm nhỏ, tức nhiên là dời đổi rồi, là động rồi. Vì có chỗ trụ là có tướng rồi, mà có tướng là có chỗ thấy, có chỗ thấy là tâm sinh. Không chỗ trụ là an trụ, là thường trụ. Thấy thấu tột chỗ này, mới thấy đó là trụ xứ của Bồ tát, và mới thấy thể Kim Cang bày biện khắp nơi chưa từng che giấu chỗ nào, khỏi tốn một đồng xu đi tìm. Dẫn một câu chuyện nhà Thiên:

Ngài Trần Tôn Túc, có một vị tăng mới đến,
Sư hỏi:

- Ông từ đâu đến?

Vị Tăng thưa:

- Bạch Hòa thượng, con từ Ngưỡng Sơn đến.

Sư bảo:

- Ông nói láo!

Vị tăng mới đến, ngài hỏi “ông từ đâu mới đến” thì vị tăng thật thà nói “từ Ngưỡng Sơn đến” ngài lại bảo “ông nói láo”, như vậy là sao? Chính vô trụ thì mới thấy được chỗ này. Ông đang hiện tiền, đang đứng ở đây này, đang đứng rõ ràng đó, nói năng rõ ràng đó, mà lại quên cứ nhớ Ngưỡng Sơn thôi. Đứng đây mà lại nhớ Ngưỡng Sơn, quên mất cái hiện tiền ngay đây mà bám vào kia, cho nên Sư mới bảo: “Nói láo”, đang ở đây mà nói ở kia, đó là mình tự dối mình.

Còn ngài Động Sơn Lương Giới thì lại khác. Sư từ giả ngài Vân Nham đi nơi khác. Vân Nham hỏi:

- Thế ông đi nơi nào?

Sư đáp:

- Tuy là Hòa thượng mà chưa xác định chỗ ở.

Đáp hay! Ngài Vân Nam hỏi:

- Phải đi Hồ Nam chăng?

Sư đáp:

- Không.

Hỏi:

- Phải đi về quê chăng?

Đáp:

- Không.

Hỏi:

- Đi bao lâu thì trở lại?

Sư thưa:

- Đợi Hòa thượng có chỗ ở thì trở lại.

Đáp hay không? Có chỗ ở thì có chỗ trụ, có chỗ trụ tức nhiên là trở lại. Bởi có chỗ trụ tức là có chỗ dính mắc, có chỗ dính mắc thì có chỗ trở lại luân hồi, có chỗ sinh trở lại.

Vân Nham bảo:

- Từ đây một phen đi khó được thấy nhau.

Sư thưa:

- Khó được chẳng thấy nhau.

Khi mà không có một chỗ trụ nào thì lúc nào cũng hiện tiền luôn luôn, có lúc nào rời nhau đâu? Cho nên "*khó được chẳng thấy nhau*", lúc nào cũng ở trước mặt thôi, tuy đi xa mà cũng không rời Hòa thượng, cũng không rời chân thật đó. Trái lại có chỗ trụ, đó mới là cách nhau, tuy ngồi kế bên nhau nhưng có chỗ trụ thì cũng không thấy nhau, còn tuy ở xa nhưng không có chỗ trụ nào hết thì vẫn thấy nhau, lúc nào cũng hiện tiền, thấy nhau là thấy chỗ chân thật đó, đáp rất là hay, rất là khéo!

Qua ngài Bảo Triệt với ngài Đôn Hà khi đi đến núi Ma Cốc, Bảo Triệt nói:

- Tôi đến trong đó trụ.

Tức Ngài Bảo Triệt đi lên núi đó, ngài tính ở chỗ này. Ngài Đôn Hà liền bảo:

- Trụ tức là trở về, ông có cái này không?

Sư đáp:

- Trán trọng.

Vậy thôi. Ngài Đôn Hà nói "trụ tức lại trở về", vừa có chỗ trụ là rút lại sinh tử, là trở về, là

mắc kẹt, cho nên không chỗ trụ đó mới là chỗ sống chân thật. Hiểu như vậy, quý vị mới thấy ý nghĩa rất là sâu xa. Lục Tổ nói: “Đạo là phải trôi chảy cơ sao lại ngưng trệ? Tâm chẳng trụ nơi pháp thì đạo liền trôi chảy, còn nếu tâm trụ pháp gọi là tự trói”. Đạo thì lúc nào cũng trôi chảy chứ không ngưng trệ, nhưng mình trụ thì nó liền tự trói, tay mình nắm ở đây là tự mình trói vào đó. Mới thấy, ngay nơi sáu căn này là giải thoát, tức sáu căn chuyển thành sáu thần thông, không có đâu xa hết. Tổ Lâm Tế giải thích sáu thần thông là: “Sáu thần thông của Phật là vào sắc không bị sắc làm mê hoặc, vào âm thanh không bị âm thanh mê hoặc, vào thế giới của mùi hương không bị mùi hương làm mê hoặc, cho đến vào thế giới pháp trần không bị pháp trần mê hoặc, do đó thông suốt sáu loại sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, đều là tướng không, không thể cột trói vì đạo nhân không nương tựa này; tuy là mang thân ngũ ấm mà chính là địa hành thần thông”. Tức là mình thấy nghe hiểu biết mà không bị sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp làm mê hoặc, không có lằm trong đó; không có trụ vào trong đó, thì ngay đó là vị đạo nhân chân thật không có tựa, không có trụ, đó là Bát nhã chân thật. Được vậy thì ngay nơi cái thân này là địa hành thần thông, tức là thần thông diệu dụng, mọi thấy nghe hiểu biết

đều là diệu dụng hết. Vậy **bố thí** tức là **buông xả hết sáu trần**, không có dừng ở bất cứ một tướng nào, tức ngay đó là giải thoát, là an trụ, ngay đó chân thật hiện tiền, là chỗ trở về của mình. Trong bài tụng của Hòa Thượng Long Tế nói rằng:

Tâm cảnh đốn tiêu dung

Phương minh sắc dữ không

Dục thức bản lai thể

Thanh sơn bạch vân trung.

Tâm cảnh chóng tiêu dung

Mới rõ sắc cùng không.

Thể xưa nay muốn biết,

Trong mây trắng núi xanh.

Tức tâm cảnh chóng quên đi rồi, chóng tiêu dung không còn phân chia, mới rõ sắc cùng không, không còn lằm lẩn, thì muốn biết thể chân thật xưa nay, vốn hiện tiền trước mắt, trong mây trắng núi xanh đó thôi. Song tâm cảnh làm sao tiêu dung được? Cảnh hiện tiền đó, tâm thì đang có đây, làm sao tiêu

dung? Tiêu dung bằng cách nào? Tức là lìa niệm phân biệt, dứt bất niệm kia đây, không còn có đối đãi, không còn có chỗ trụ, thì ngay đó nó lặng lẽ, đâu có phân biệt tâm và cảnh, đó là chóng tiêu dung, ngay đó hết lấm sặc cùng không. Nghĩa là không còn lẫn lộn cái sắc, cái không với cái thể Kim Cang này hay cái chân thật hiện tiền này, thì thể Kim Cang hiện trước mắt, trong mây trắng núi xanh, đối diện chạm mắt luôn luôn cái gì nó cũng hiện tiền, không có thiếu sót. Vậy quý vị đừng sợ khi buông hết rồi nó không còn gì hết. Khi buông, không còn một cái gì bám, tức là an trụ, là cái chân thật luôn luôn hiện với mình, ánh sáng Bát nhã lúc nào cũng có mặt, đó là chỗ sống của mình, chỗ bảo nhậm của mình. Quý vị thử ngay bây giờ khởi một niệm mà đừng trụ vào một chỗ nào hết xem! Thử khởi coi? Ngay đó một niệm hiện tiền chân thật sáng rõ thôi. Đó là khéo sống an trụ, đường về là đây. Như vậy là qua phần hàng phục và an trụ, đó là chỗ sống đáng kể.



5. THẬT THẤY ĐÚNG NHƯ LÝ

Này Tu Bồ Đề! Ý ông nghĩ sao? Có thể lấy thân tướng mà thấy Như Lai chăng?

- Bạch Thế Tôn, chẳng được. Chẳng thể do thân tướng mà thấy được Như Lai. Tại sao? Thân tướng mà Như Lai nói đó, tức chẳng phải thân tướng.

Phật bảo Tu Bồ Đề:

- Hễ cái gì có tướng đều là hư dối. Nếu thấy các tướng chẳng phải tướng, liền thấy Như Lai.

GIẢNG:

Đoạn này là đoạn rất quan trọng. Bởi vì đến đây gọi là Thật thấy đúng như lý, đúng như lý là sao? Nghĩa là đúng như lý thật tướng mà thấy, mà lý thật tướng là gì? Lý thật tướng là vô tướng, cho nên không khéo đúng như lý thật tướng mà

thấy là giả thấy, là vọng thấy, phải không? Đây là tiếp với đoạn trên, ở trên nói về bố thí mà vô trụ tướng, đó là mở đường cho **“thấy Như Lai”** kế đây. Trên đã dạy độ chúng sinh, bố thí không trụ tướng, coi như đã đáp về hàng phục tâm và an trụ tâm đã xong, và Phật đã dạy **“đúng như lời dạy mà trụ”**, thì không còn sợ lạc gì, phải không? Như vậy là nói đủ rồi, còn nói thêm gì nữa? Chính chỗ đó là chỗ có ý vị sâu xa!

Tuy biết được như vậy, nhưng mà chưa phải là sống được trọn vẹn. Chưa sống được trọn vẹn thì sao? Vẫn còn có những vi tế hoặc, còn có mê lầm chưa thật sạch, nếu mình không khéo giải quyết, mình tự mãn thì có lúc cũng bị cái hoặc đó nó che mờ. Cho nên sau đây, dạy tiếp để trừ những nghi hoặc đó. Ai có đọc kinh Lăng Nghiêm thì thấy Ngài A Nan sau khi đã ngộ rồi ngài nói bài kệ:

Diệu trạm tổng trì bất động tôn,

.....

Trong đó có câu:

Đại hùng đại lực đại từ bi,

Hy cánh thẩm trừ vi tế hoặc.

Thỉnh các bậc đại hùng, đại lực, đại từ bi mong hãy xét trừ cái hoặc vi tế cho mình. Như vậy ngộ rồi nhưng phải thỉnh Phật xét trừ cái hoặc vi tế đó, chứ không phải ngộ rồi là xong. Phần sau này là phần **giải trừ những nghi hoặc đó**. Cho nên Đức Phật hỏi gạn lại để chỉ ra. **“Này Tu Bồ Đề! Ý ông nghĩ sao? Có thể lấy thân tướng mà thấy Như Lai chăng?”**. Câu hỏi này là tiếp đoạn trước **“vô trụ tướng mà trụ”**, không trụ bất cứ một tướng nào hết gọi chân trụ, an trụ. Nếu vậy, không trụ một tướng nào hết thì đối với Như Lai làm sao đây? Do đó Phật gạn lại **“có thể lấy tướng này mà thấy Như Lai chăng?”** Trong đây, thân tướng chỉ cho cái sắc thân này, có hình, có tướng, có mập, có ốm, có đen, có trắng, có cao, có thấp đó là con mắt thịt này thấy được, còn Như Lai thì sao? Như Lai là muốn chỉ cái gì? Phải chú ý **“Như Lai đó”** thì mới hiểu được câu hỏi này! Ý câu hỏi là, có thể đem cái xác thân có hình, có tướng, có mập, có ốm mà con mắt thịt có thể thấy đó, mà thấy đến Như Lai chăng? Như Lai đây, chỉ cho Như Lai tự tánh thanh tịnh hay gọi là pháp thân vô tướng. Như vậy đem cái thân có hình, có tướng, con mắt thịt có thể thấy được mà có thể thấy đến tự tánh Như Lai hay là pháp thân thường trụ sao? Thường thường mọi người thấy Như Lai là

thấy cái thân tướng này thôi, chứ đâu có gì khác, mà nếu thấy Như Lai đó thì Như Lai đó hiện giờ ở đâu? Như Lai đó sau tám chục năm đã nhập diệt, vậy là cái thân tướng này thì lấy cái gì để thấy Như Lai đó? Thành ra câu hỏi rất là khó, không khéo dễ bị lằm, do đó cũng còn có những cái nghi hoặc, cái hoặc vi tế. Ngài Tu Bồ Đề đáp: **“Bạch Thế Tôn! Chẳng được, chẳng thể do thân tướng mà thấy được Như Lai.”** Trước tiên ngài ngăn **“chẳng được”**, câu **“chẳng được”** này, có ý nghĩa sâu trong đó, nếu mình đọc sơ qua thì không thấy được. Bởi vì sao? Bởi chữ Hán là *“phát dã”*, chữ *“phát dã”* vừa có ý phủ định vừa là khẳng định. Vì vậy *“chẳng được”* mà cũng là *“được”* chứ không phủ định dứt khoát. Bởi vì, nếu mình bác bỏ hoàn toàn cái thân tướng này, dứt khoát gạt cái tướng này ra một bên, thì nó sẽ có cái mâu thuẫn, mâu thuẫn gì? Là trái với chỗ Phật hộ niệm và phó chúc ban đầu đó rồi! Ban đầu là Phật chưa nói gì nhưng trong các cử chỉ hành động Phật đã biểu hiện ánh sáng Kim Cang Bát Nhã, tự tánh Như Lai trong đó rồi. Nếu giờ đây bác bỏ thân tướng này, thì trái với chỗ ban đầu phải không? Còn nếu chấp thân tướng này thì cũng không thấy Như Lai luôn. Cho nên câu đáp đó phải chính chắn để hiểu cho rõ. Nếu nhận

cái thân có hình, có tướng, có hoại diệt mà cho là Như Lai, là hủy báng Như Lai quá! Vậy Như Lai có hoại sao? Mà lâu nay quý vị có cho thân tướng này là Như Lai chăng? Có phỉ báng Phật không? Bởi vậy có người họ cũng hiểu lầm trên cái này, rồi họ xuyên tạc, mới chỉ trích, nói rằng: Phật tu hành thành đạo, chứng Niết bàn bất sinh bất diệt, nhưng cuối cùng rồi cũng bỏ cái thân, cũng hoại diệt như ai, vậy chúng Niết bàn là sao? Thành đạo gì cho nhọc nhằn uống! Đó là họ căn cứ theo cái gì? Chỉ thấy trên thân tướng đó thôi, không thấy được nghĩa Như Lai chân thật. Nếu rõ Như Lai là pháp thân vô tướng, thì cái thân tướng này là thân tướng giả hợp, do bốn đại hòa hợp tạm thành, nó còn nó mất có dính dáng gì Như Lai kia? Tin tướng được như vậy, mới thấy được chỗ sâu đó, mới không lầm lẫn. Ngài Tuyết Phong khi sắp tịch, Ngài tự làm bài minh, mở đầu nói: *"Từ duyên mà có thì trước sau thành hoại, còn chẳng từ duyên mà được thì muôn kiếp thường vững"*. Cái gì từ duyên mà có thì trước sau có thành có hoại, cái xác thân này từ duyên cha mẹ mà thành, nên có lúc phải hoại diệt. Cái chẳng từ duyên mà được thì muôn kiếp được bền vững, vì đâu có do ai sinh ra, ai tạo ra. Cái đó là gì? Chính là pháp thân. Như vậy rõ ràng xác thân này nó có hoại mất, còn pháp thân thì

không bao giờ mất và Phật thành đạo là ngài sống trong tự tánh Như Lai đó. Hiểu như vậy thì không có lầm. Cho nên có câu chuyện bà Tỳ Kheo ni Liên Hoa Sắc bị Phật quở. Tức là, khi Thế Tôn lên cung trời Đao Lợi thuyết pháp cho Hoàng hậu Ma Gia, mãn hạn ngài trở về nhân gian thì dưới này bốn chúng và Thiên Long Bát Bộ cùng nhau chuẩn bị qua đón Phật. Lúc đó bà Tỳ Kheo Ni Liên Hoa Sắc nghĩ mình là thân ni, nếu qua gặp Phật thì phải gặp sau Đại tăng thôi, chỉ bằng bây giờ mình dùng thần lực biến làm vua Chuyển luân Thánh Vương, có 1000 người con vây quanh, rồi đi đến gặp Phật trước, hay hơn. Chúng A La Hán rồi thì chuyện đó bà làm dễ dàng, khi bà nghĩ như vậy bà liền làm theo; bà biến thành Chuyển Luân vương có 1000 người con đi đến gặp Phật, thì đúng là gặp Phật liền. Trong khi đó Ngài Tu Bồ Đề đang ngồi vá y, ngài cũng muốn đi qua đón Phật, song ngài liền khởi một niệm quán sát lý của các pháp đều là không, quán tất cả các pháp đều tự tánh là không, không có tạo tác, ngay lúc đó ngài liền rõ Phật pháp chân chính, tức thấy lý thật của Phật pháp, ngài bèn trở lại ngồi vá y như cũ. Khi đó Bà Tỳ Kheo Ni Liên Hoa Sắc gặp Phật, thì Phật liền quở: *"Này Liên Hoa Sắc! người đâu được vượt Đại Tăng mà đến gặp ta, dù người có thấy sắc thân ta, vẫn chẳng*

thấy pháp thân ta, còn Tu Bồ Đề ngồi yên ở trong núi nhưng lại thấy pháp thân ta.” Như vậy tuy bà khéo đến gặp Phật mà bị Phật quở, còn chính ngài Tu Bồ Đề tuy không tới đó, nhưng đã thấy Phật rồi, thấy Phật pháp thân. Hiểu điều đó thì thấy được ý trong này. Nếu chỉ bám theo cái thân tứ đại thì chỉ thấy cái xác thân thôi, đó là chưa phải thấy Phật thật; muốn thấy Như Lai thật, Phật thật thì phải khéo thấy như ngài Tu Bồ Đề đó. Nên ở đây ngài Tu Bồ Đề đáp: **“chẳng thể do thân tướng mà thấy được Như Lai.”** Nếu cứ một bề bám vào cái thân đó cho là Phật, thì có lúc mình sẽ bị chơi với. Nếu một bề nương tựa thân đó, thì khi Phật nhập diệt hết chỗ nương sẽ ra sao? Còn thấy Như Lai này thì không bao giờ mất, đó là chỗ nương vĩnh viễn, đó mới là khéo thấy. Tiếp đến ngài giải thích tại sao? Nghĩa là **“tại sao chẳng thể do cái thân tướng mà thấy được Như Lai?”**, Bởi vì theo chỗ Như Lai nói **“thân tướng đó tức chẳng phải thân tướng”**. Đây là chỗ khó hiểu của Bát Nhã. Nói thân tướng đó, nhưng lại **“tức chẳng phải thân tướng”**, thì đừng có nói, phải không? Sao nói thân tướng, rồi bảo tức chẳng phải thân tướng, lạ vậy? Bởi vậy, Ngài Tu Bồ Đề khéo dẫn lời Phật, chứ ngài không dám tự ý đặt ra để nói, tức bảo:

“theo chỗ Như Lai nói”, rồi chính câu đáp đó đã làm sáng tỏ rõ nghĩa đáp vừa phủ định, khẳng định ở trên. Chẳng phải thân tướng, mà nói thân tướng, như vậy để cho mình không có nhầm lẫn cái sắc thân vô thường này là Như Lai, mà cũng không thể rời đây mà đi tìm Như Lai ở đâu khác, không thể kẹt một bên. Bởi vậy Hòa thượng Chí Công có câu: *“Trong thân có tướng là thân vô tướng, trên đường vô minh là đường vô sinh”*, tức là ngay cái thân có tướng này có cái thân không tướng, song làm sao thấy được ngay thân có tướng là thân không tướng? Phải hiểu vô trụ tướng ở trên. Ngay thân này, cũng thấy, cũng nghe, cũng hiểu, cũng biết tất cả hết, mà không trụ vào một cái tướng nào, thì cái ấy nó có mắt, tai, mũi, lưỡi gì không? Cũng như ngay thân tướng này chấp theo tướng thì đó là vô minh. Nếu quên tướng mà thấy trở lại thì ngay đó là vô sinh chứ có gì đâu, trên đường vô minh là đường vô sinh không có gì khác. Như có vị tăng hỏi ngài Triệu Châu:

- Theo lời Hòa thượng dạy thì khi thế giới này hoại, tánh này chẳng hoại, vậy thì thế nào là tánh này?

Ngài Triệu Châu đáp:

- Tứ đại ngũ uẩn.

Quý vị chịu nổi không? Vậy tứ đại ngũ uẩn không hoại sao? nên ông tăng thưa liền:

- Các thứ ấy vẫn là hoại, thế nào là tánh này?

Ngài Triệu Châu đáp:

- “Tứ đại ngũ uẩn”.

Làm sao hiểu nổi, nếu hiểu theo thường tình? Bởi ông tăng nghĩ rằng: Ngài nói cái này là hoại, nhưng có một cái tánh gì đó, nó rời ngoài cái thân ngũ uẩn tứ đại này, cho nên muốn ngài Triệu Châu chỉ cho cái tánh đó. Nhưng ngài Triệu Châu nói: “Tứ đại ngũ uẩn” là ngay cái tứ đại ngũ uẩn này mà khéo thấy, không rời cái thân này mà riêng có cái tánh đó, do đó ngài chỉ nói: Tứ đại ngũ uẩn thôi, mà không chỉ ra một cái gì khác. Mình nói tánh đó nó thế này, thế kia thì làm cho người ta tưởng tượng thêm ngoài cái thân sinh diệt này có một cái bất sinh bất diệt khác, mà hiểu như vậy thì tìm nó ở đâu? Đó là cái lầm! Khéo nhận thì rõ ngay nơi thân này, nếu chấp theo tướng thì thấy nó hoại, cũng ngay thân này mà quên tướng thấy trở lại thì đâu có hoại, quên tướng thì cái gì hoại?

Câu chuyện khác lại tế nhị hơn, cũng là một thiền sư, có một hôm Sư hỏi trong chúng:

- Trời mưa dầm dề, có hai người cùng đi trong mưa, vì sao không ướt một người?

Một vị đáp:

- Vì có một người không mặc áo mưa, một người mặc áo mưa.

Một vị khác nói:

- Có một người đi ngoài mưa, một người đi trong hiên nên không ướt.

Lại vị khác nói:

- Vì mưa nó có giới hạn, mưa chỗ này không mưa chỗ khác, cho nên người ở chỗ khác không bị ướt.

Cuối cùng thiền sư bảo:

- Các ông đều chấp vào câu “chẳng ướt một người” thành cái mãi, thật ra nói mưa không ướt một người đó, chẳng phải chính là nói cả hai đều ướt hay sao?

Vậy người nào là **người không ướt**? Mỗi người chỉ thấy trên hình tướng thôi, theo ngôn ngữ rồi bị ngôn ngữ gạt. Nghe nói hai người đi trong mưa, chỉ tưởng hai thân tướng đi trong mưa mà người không ướt thì chỉ có mặc áo mưa thôi, trong khi đó Sư muốn chỉ một người vô tướng kia, người đó đâu có ướt bao giờ? Thấy chỗ

đó mới là thấy ý của Sư. Học thiền là khó vậy đó, không khéo là bị gạt liền. Có trường hợp các ngài nói như là ngược đời, nhưng có ý tế nhị trong đó. Như câu chuyện Ngài Vân Môn kể lại: Đức Phật Đản Sinh, đi bảy bước rồi một tay chỉ trời một tay chỉ đất, nói: *"Trên trời dưới đất chỉ ta là trên hết"*. Sư liền bảo: *"Nếu mà có tôi lúc đó thì tôi đập một gậy chết tốt quăng cho chó ăn, mới mong thiên hạ thái bình!"* Mới nghe thì quá là phạm thượng, thô lỗ phải không? Nhưng chính ngài Tuyết Đậu sau này phê bình: *"Như thế mới đến được cái ăn lớn"*. Bối đập chết đó là đập chết cái gì? Nếu nghĩ rằng cái thân tay chỉ trời tay chỉ đất đó, là cái độc tôn hơn hết, thì ngài, cái ngã quá to rồi. Cho nên đập chết đây, là đập chết cái chấp cứng nơi thân tướng tứ đại giả hợp đó, hay nói cho rõ hơn, là đập chết cái ngã kiến, ngã chấp đó, cái thấy có mập, có ốm; đập chết cái đó thì sao? Thì mới thấy thấu qua Như Lai chân thật. Cho nên câu sau Sư mới nói rằng: *"mới mong thiên hạ thái bình"*, là không còn có lòng chấp, tranh cãi giành giật, hơn thua lằng xằng nữa. Bằng chứng hiện giờ có nhiều người cứ tranh cãi, bảo Phật nói pháp 49 năm, có người bảo Phật thuyết pháp 45 năm, rồi cãi qua, cãi lại mãi, mà cãi đó là căn cứ trên cái gì? Căn cứ trên Phật hình tướng, Phật lịch sử. Nếu thấy **Phật**

kia thì hết cái! Nói 49 năm cũng được, mà 45 năm cũng tốt thôi, cái nào rồi ngài cũng nhập Niết bàn; căn bản là thấy được Phật pháp thân, đó mới là điều quý, mới là thiên hạ thái bình! Hiểu vậy thì mình bình tĩnh không bận tâm, không thì nghe người ta cãi cũng nhảy vào cãi thêm nữa! Như vậy, khi mình lên lễ Phật, cũng thấy Phật hình tượng trên bàn đó thôi. Rồi nghe nhà thiền phá chấp, có khi cũng sinh nghi hoặc, có người nghe phá chấp rồi bỏ không lạy Phật luôn, đúng chưa? Cũng không trúng. Đó là hiểu lầm một bên. Phải khéo ngay thân tướng này, thấy lại Như Lai vô tướng, mới thấy ý Phật muốn chỉ. Nghĩa là **“theo chỗ Như Lai nói, thân tướng tức chẳng phải thân tướng”**. Nó chẳng phải tướng nhưng muốn chỉ cho mọi người thì sao đây? Phải nói thân tướng, nói thân tướng khiến nhận ra cái vô tướng kia. Chỗ này đúng như trong nhà thiền, **nói ở đây nhưng ý ở kia**. Nói thân tướng nhưng ý là ở vô tướng, thì thấy là phải thấy cái này suốt qua cái kia. Hiểu như vậy quý vị đọc những kinh Đại Thừa hoặc học trong nhà thiền mới dễ nhận. Như Lục Tổ, một hôm ngài muốn giặt cái y mà được truyền đó, ngài mới đi đến phía sau chùa tìm dòng suối tốt, gặp một chỗ có khí lạnh ngài động tích trượng xuống

thì nước dưới đất vọt lên thành một cái hồ, ngài giặt y. Trong khi đó, thì có một vị tăng ở xứ Thục tên Phương Biện đi đến gặp Tổ, Tổ hỏi:

- Thượng nhân thường làm nghề gì?

Phương Biện đáp:

- Con thường đắp tượng.

Ngay lúc đó Tổ nghiêm sắc mặt lại, bảo:

- Ông thử đắp xem!

Phương Biện mờ mịt không biết làm sao? Nhưng trở về, ông cũng cố gắng qua mấy ngày đắp xong tượng Tổ cao đến bảy tấc tàu, trông rất đẹp, ông đem đến trình với Tổ. Tổ cười bảo:

- Ông giỏi tính đắp mà chẳng giỏi tính Phật!

Tổ có bảo ông đắp cái tượng đó không? Nếu khéo lành mất thì chính ngay khi Tổ nghiêm sắc mặt lại bảo: "Ông hãy đắp xem!", liền thấy được là xong, khỏi cần mất công tốn mấy ngày. Nhưng ông không thấy được chỗ đó, tưởng Tổ bảo đắp thiệt cho nên ông mới làm thành tượng này. Do đó Tổ bảo:

- Ông giỏi tính đắp mà không giỏi tính Phật.

Phải thấy được cái kia mới là khéo, là ý Tổ muốn chỉ. Sau này có ngài Phổ Hóa là đệ tử của Hòa thượng Bàn Sơn, khi Bàn Sơn sắp tịch bảo trong chúng:

- Trong đây có ai vẽ được hình ta chăng?

Mọi người vẽ hình đem trình, Sư đều lắc đầu không nhận. Phổ Hóa thưa:

- Con vẽ được.

Sư hỏi:

Ông vẽ thế nào?

Phổ Hóa liền nhào lộn rồi đi ra. Vậy là vẽ xong. Ngài Bàn Sơn bảo:

- Kẻ này về sau chụp gió chạy loạn đây này!

Sư vẽ hay quá, sao Bàn Sơn nói thế? Là khen Sư hay chê? Hiểu chỗ này thì rõ câu đáp: **“Nói thân tướng tức chẳng phải thân tướng”**. Nếu chỉ thấy cái tướng nhào lộn thôi, thì khi thân tướng này chết, đầu mặt cứng đơ, sẽ ra sao? Chấp cái đó thì tới khi chết cũng quờ quạng thôi, phải khéo thấy ý sâu trong đó. Như vậy, quý vị thấy Ngài Tu Bồ Đề rất khéo, ngài dẫn lời Phật **“nói thân tướng này tức chẳng phải thân tướng”**.

chấp không có gì hết, cho nên ngài tạm lập cái tên rỗng.

“Giả ngôn tam thập nhị, Bát thập dã không thanh”, tức là giả nói ba mươi tướng tám mươi vẻ đẹp cũng là tiếng suông, chứ không phải thật.

“Hữu thân phi giác thể, Vô tướng nãi chân hình”, có thân thì chẳng phải là thể giác, không tướng đó mới là thân thật. Tức ngay nơi thân tướng này phải thấy được cái vô tướng kia, đó mới là thấy Như Lai chân thật, mới thấy ý sâu xa mà Phật muốn chỉ. Nên ở trên Ngài Tu Bồ Đề giải thích, tại sao không thể do thân tướng mà thấy được Như Lai, bởi vì thân tướng mà Như Lai nói đó, tức chẳng phải thân tướng, để cho mình sớm thấy ý đó. Nghe đây mình phải thấy được bên kia.

Phật kết luận: **“Hễ cái gì có tướng đều là hư dối”**. Ở trên là nói thân tướng, ở đây thì nói rộng ra là tất cả tướng, nếu cái gì có tướng đều là hư dối hết. Quý vị tin nổi không? Như vậy thì có tướng đều là hư dối, là không có gì hết chẳng? Nghĩa hư dối không khéo cũng hiểu lắm! Hư dối, là không phải không có gì hết, mà nó không thật có cái thể nguyên vẹn cố định, có tạm bợ, không

Bởi vì sợ rằng, nếu cho nó là vô tướng, rồi không nói gì hết thì ai biết đây? Cho nên phải nói thân tướng, để mọi người nhằm thân tướng đó mà khéo nhận ra cái vô tướng, nhất là người chưa rõ, chưa biết, đỡ sợ, không thì rơi vào chấp định kiến một bên. Ngài Phó Đại Sĩ có làm bài tụng để giải thích về đoạn này.

Như Lai cử thân tướng,

Vị thuận thế gian tình.

Khủng nhân sinh đoạn kiến,

Quyên thả lập hư danh.

Giả ngôn tam thập nhị,

Bát thập dã không thanh.

Hữu thân phi giác thế

Vô tướng nãi chân hình.

“*Như lai cử thân tướng, Vị thuận thế gian tình*” là: Như Lai nêu cái thân tướng ra, đó là thuận theo thế gian. Theo tình chấp của thế gian, Ngài tạm nói vậy thôi.

“*Khủng nhân sinh đoạn kiến, Quyên thả lập hư danh*”, sợ người sinh đoạn kiến, tức là

thể nắm bắt, không thể bám víu vào đó được. Nói chung, có tướng là có động, có tướng là có sinh diệt, có đối đãi và có tướng là có tạo tác, có tạo tác đều thuộc sinh diệt, nên đều là hư dối hết. Hiểu được câu đó thì trong khi mình tu, câu này rất là quan trọng! Khi tu, gặp những cảnh giới gì cao siêu đến đâu, cứ đem câu này làm “cái ấn” để ấn vào, thì không sợ lắm. Ngồi thiền, dù cho thấy Phật hiện cũng đem câu này “ấn vào” là xong! Bởi vì, khi mình ngồi thiền mà Phật hiện tới là có tướng rồi, mà hiện tới rồi thì cũng tan đi, đâu có hiện từ ngày này sang ngày khác, hiện mãi, mà hiện thì có nắm bắt được không? Cho nên lấy câu này “ấn” là không có thật, không làm theo.

Bởi vậy Tổ Lâm Tế dạy rằng: “*Gặp Phật giết Phật, gặp ma giết ma*”. Vì sao? Phật, ma gì cũng đều là có tướng, thì hư dối hết, “giết” tức là “không chấp nhận”. Dù Phật, dù ma đều không chấp nhận hết, thì không có lắm. Trái lại ngồi thiền mà thấy Phật, tưởng mình gần đạt đạo rồi, đó là nguy! Ngài Hoàng Bá nói rõ hơn: “*Hễ vừa thấy Phật liền bị Phật chướng, vừa thấy chúng sinh liền bị chúng sinh chướng, khởi thấy phàm, thấy thánh, thấy tịnh, thấy uế ..v.v.. thì cái thấy thành những chướng ấy*”. Hễ thấy cái gì, bị cái đó thành chướng; bởi vì khi khởi thấy

thì có tướng, lo nhớ tướng đó thì quên mất tâm thanh tịnh của mình, bị cái đó chướng không thấy được Như Lai tự tánh. Thí dụ vừa thấy một tướng Phật đó thì tất nhiên động niệm, động niệm tất nhiên có sinh diệt, là trái với Như Lai tự tánh chân thật. Như vậy muốn thấy cái chân thật thì phải làm sao? Phải lìa bỏ chướng này phải không? Cho nên câu kệ Phật nói rõ: **“Nếu thấy các tướng chẳng phải tướng liền thấy Như Lai”**. Trong đây phải chú ý chữ **“thấy”**! Làm sao thấy các tướng chẳng phải tướng? Rồi làm sao liền thấy Như Lai? **“Thấy”** ở đây không phải thấy bằng mắt, cũng không phải thấy bằng cái đầu óc này; không phải thấy suông bằng suy luận hoặc nói lý rỗng, mà rõ ràng **“thấy”** bằng trí tuệ, mở sáng con mắt Bát nhã đàng hoàng, thì liền **“thấy Như Lai”**. Như vậy, có phải tách rời các tướng mà thấy Như Lai chẳng? Đây nói rõ **“nếu thấy các tướng chẳng phải tướng”** tức ngay nơi các tướng, cũng thấy hết các tướng đó hiện bày trước mắt rõ ràng, nhưng không trụ nơi tướng thì đâu có động niệm phân biệt, tức ngay đó tâm thánh rồi. Như Lai hiện rõ ràng rồi. Rất đơn giản! Bởi tâm người hể thấy thì nó chạy bên ngoài liền, cho nên bị che, còn nếu ngay đó dừng được các niệm phân biệt, không

trụ cái gì hết thì Như Lai hiện tiền. Như câu chuyện Quốc sư Huệ Trung với Tam Tạng Đại Nhĩ: hai lần đầu Quốc Sư cho tâm nghĩ tới bến đò Tây Xuyên, nghĩ tới ở cầu Thiên Tân, ông Tam Tạng thấy được; tới lần thứ ba Sư không hướng chỗ nào hết, ông Tam Tạng không thấy được, như vậy chính lúc đó Như Lai hiện tiền rồi! Bởi ông Tam Tạng chỉ lo đuổi theo cái bóng của Sư, khi Sư hiện trước mặt lại chẳng thấy. Lúc đó Sư vẫn còn đó đâu phải chết mất, như cây như đá không biết gì, không thấy gì, phải không? Sư cũng thấy hết mà ngài Tam Tạng không thấy được Sư. Đúng như chỗ này, nếu thấy các tướng chẳng phải tướng liền thấy Như Lai, không phải tách rời đi đâu. Thêm ngài Huệ Lăng ở Trường Khánh khi ngộ có trình bài kệ cho Tuyết Phong, nhưng Huyền Sa không chấp nhận, nghĩ cái đó do ý thức nhớ giỏi làm ra, Tuyết Phong báo trình lại bài khác là:

Vạn tượng chỉ trung độc lộ thân,

Duy nhơn tự khăng nãi vi thân.

Tích thời mậu hướng đồ trung mịch,

Kim nhật khán như hỏa lý băng.

Ở trong vạn tượng riêng bày thân,

(Ngay trong muôn tượng muôn vật sum la này mà hiện bày thân)

Chỉ người tự nhận mới là gần.

(Nhưng chỉ có người tự thâm nhận đó mới là gần thôi, chứ không phải chỗ suy nghĩ đến được)

Thuở xưa lầm nhấm ngoài đường kiếm.

(Tức là lâu nay không thấy chỗ đó, cho nên mới chạy tìm kiếm dầu này, dầu kia)

Ngày nay xem lại bằng trong lò.

(Ngày nay tỉnh ra rồi, xem lại như bằng trong lò, không còn dấu vết gì hết, không còn chỗ nào để bám).

Khi Sư trình lên bài kệ đó, thì ngài Tuyết Phong nhìn Huyền Sa nói: “Không thể do ý thức làm ra được”.

Bài kệ này, không khéo dễ bị kẹt câu: “Ở trong vạn tượng riêng bày thân”, ở giữa muôn tượng sum la mà riêng bày thân, làm sao thấy thân kia? Chính do câu này, lúc Thiệu Tu ở Long Tế, trên đường từ Viện Địa Tạng của ngài Quế

Sâm đi Kiến Dương, trong đó cùng đi có ngài Pháp Nhân. Đi giữa đường, bàn chuyện, ngài Pháp Nhân chợt hỏi:

- Người xưa nói “ở trong vạn tượng riêng bày thân” là vạch vạn tượng hay chẳng vạch?

Thiệu Tu đáp:

- Chẳng vạch.

Pháp Nhân bảo:

- Nói cái gì là vạch, chẳng vạch? (cũng là hai đầu)

Thiệu Tu mờ mịt chẳng hiểu, trở lại Viện Địa Tạng của Ngài Quế Sâm và hỏi Quế Sâm:

- Cổ nhân nói: “Ở trong vạn tượng riêng bày thân” ý chỉ thế nào?

Quế Sâm bảo:

- Người nói người xưa vạch vạn tượng hay chẳng vạch vạn tượng?

Sư thưa:

- Chẳng vạch.

Quế Sâm bảo:

- Hai cái!

Ngay đó Thiệu Tu liền kinh hãi, lặng thinh.
Sau đó Sư hỏi tiếp:

- Chưa biết cổ nhân vạch vạn tượng hay
chẳng vạch vạn tượng?

Quế Sâm bảo:

- Người nói cái gì là vạn tượng?

Ngay đó Sư liền đại ngộ. Bởi vì, trước còn thấy tướng muôn tượng sum la là cái sai biệt, còn cái riêng bày thân là cái pháp thân, có hai cái tách rời nhau, cho nên muốn thấy cái pháp thân này, phải vạch cái vạn tượng kia ra để mà thấy. Như vậy nó ở đâu mà thấy? Ở đây Sư cũng có hiểu được chút lý, đáp chẳng vạch là ngay nơi vạn tượng mà thấy, song nói “*chẳng vạch*” liền bị mắc kẹt: “*chẳng vạch*” thì đối với “*vạch*”, là hai bên đối đãi, còn tâm phân biệt, do đó đâu thấy được. Hơn nữa, nói vạch, chẳng vạch là còn thấy vạn tượng thật mới nói vạch hay chẳng vạch. Còn đây, Ngài Quế Sâm nhấn mạnh lại “*nói cái gì là vạn tượng*”, để thấy rõ vạn tượng đều là hư dối thôi, thì ngay đó rõ ràng thấy liền, **bặt cái niệm về vạn tượng** thì rõ được pháp thân hiện tiền đâu có bị che mờ, còn gì là vạch, chẳng vạch, là được hai

bên nên ngay đó Sư liền đại ngộ. Quý vị thấy rất đơn giản, không cần lý luận nhiều. Thành ra đôi khi người thông minh bèn nhảy, lại dễ bị gạt lăm, nói ra thì trong đầu liền nảy ra lý luận, mà lý luận thì mắc kẹt hai bên, liền rơi vào bẫy hí luận. Để thấy rằng, chấp vạn tượng là thật nên còn mắc kẹt hai bên, là bị vướng; thấy rõ hư dối thì ngay đó dừng được niệm phân biệt mà dừng được niệm phân biệt thì Như Lai hiện tiền, không nói vạch chẳng vạch gì cả. Như vậy thì **“ngay nơi thân tướng hay các tướng mà chẳng phải tướng”** không chấp vào các tướng đó, không dùng niệm phân biệt đó, liền thấy Như Lai chứ không đâu xa hết. Nhưng nói như vậy, đôi khi cũng vẫn bị gạt, thấy tướng thì cũng vẫn bị lăm trên tướng, mà mắc kẹt trên tướng thì bị tướng che. Có câu chuyện của Ngài Phá Táo Đọa đối với lý này rõ ràng. Ngài chỉ rõ ngay thân tướng bốn đại này cái vô sinh, cái thật tướng đó, nó sẵn trong đó không xa đâu hết; nhưng vì tập khí sâu dày quen nhìn trên hình tướng, chấp theo cái phân biệt nên gọi là bỏ quên mình để nhận tướng rất là đáng thương mà đau nữa! Ngài Phá Táo Đọa nổi pháp Quốc sư Huệ An ở Tung Nhạc, thường người ta không biết tên gì, chỉ do một câu chuyện mà gọi là Phá Táo Đọa vậy thôi. Tức là ở tại vùng Tung Nhạc có cái miếu, trong miếu có đặt một bếp lửa,

mấy cục gạch dồn lại thành cái bếp, dân chúng xa gần đem đồ tế lễ heo, gà, vịt không ngớt, linh lắm! Một hôm, có một nhà sư vô danh dẫn một đám đệ tử đi vào trong đó, nhà sư liền đến cái bếp đó lấy cây gậy gõ vào ba cái, bảo:

- Bếp ơi! Đây là ngôi gạch hợp thành, thánh từ đâu đến, linh từ đâu lại mà người đòi chuộc mạng sinh vật nhiều như thế?

Nói xong Sư liền gõ vào cái bếp thêm ba cái nữa thì cái bếp liền nghiêng đổ, sau đó Ngài dẫn đám đệ tử đi ra. Trên đường đi, chốc lát gặp một người mặc áo xanh đi đến, cúi đầu sụp lạy, Sư mới hỏi:

- Ông là ai?

Người mặc áo xanh nói:

- Con là thần Táo của cái miếu này, con ở đây đã lâu rồi, do nghiệp báo đời trước của mình, nay nhờ Hòa thượng nói pháp vô sinh mà thoát khỏi ràng buộc được sinh lên cõi trời nên đến tạ ơn Hòa thượng.

Sư bảo:

- Vô sinh là tánh sẵn của người chẳng phải nhờ ta thuyết pháp.

Vị ấy lạy rồi biến mất. Như vậy, thấy Sư nói pháp vô sinh gì đâu? Vào thấy cái bếp, thấy mấy

cục đá gỗ gỗ ba cái, nói: “cái này ngói gạch hợp thành, vậy thánh từ đâu đến, linh từ đâu lại mà người đòi người ta cúng tế sinh mạng nhiều như vậy”, chỉ nói bấy nhiêu đó thôi, mà ông thần liền ngộ được pháp vô sinh, được sinh lên cõi trời. Sau đó, ông tặng thị giả thắc mắc:

- Chúng con lâu nay theo hầu hòa thượng nhưng chưa hề được nghe Hòa thượng giảng pháp, còn ông thần tảo này được nghe pháp gì mà chóng sinh lên cõi trời như vậy?

Sư bảo:

- Ta chỉ nói “do ngói gạch hợp thành, linh từ đâu lại, thánh từ đâu đến” không có đạo lý gì khác.

Thị giả im lặng, Sư hỏi:

- Hiểu chăng?

Tặng thị giả thưa:

- Chúng con chẳng hiểu.

Sư nói tiếp:

- Tỉnh sẵn có tại sao các ông không hiểu. (*cái tính bản hữu*).

Mọi người quỳ lạy, ngay khi vừa quỳ lạy đó, Sư liền bảo:

- Đổ rồi, đổ rồi! Vỡ rồi, vỡ rồi!

Thị giả liền đại ngộ. Như vậy ông thần táo ngộ gì? Thị giả ngộ gì? Bởi vì, ông thần táo lâu nay mê mờ tính linh giác của mình, mới bám gá vào mấy cục gạch, cho đó là thân mình, nên ai động đến thì bẻ cổ, vụn hòng, bắt người ta cúng tế. Nhiều khi cúng tế giết gà, giết vịt, tạo tội sát sinh nhiều nữa, nhân đó càng bị đọa. Cho nên chúng ta thấy, ở miền quê có những cây đa to rồi gá vào đó cũng bắt người cúng này cúng kia, thì đây cũng vậy, có mấy cục đá cục gạch thôi, mà bắt người cúng tế. Do đó, ngài Phá Táo Đọa gõ vào đó để đánh thức ông thần Táo, biết đây chỉ là ngôi gạch thôi, không gì thật, đó là cái giả dối, tính linh ở đâu trong đó mà nương vào bắt người cúng tế? Ngay đó, thần Táo liền nhớ lại tính linh của mình, và liền được giải thoát, không bám vào mấy cục đá đó nữa, khỏi mắc kẹt trong đó. Còn ông thị giả, thì ngay cái thân sụp lạy xuống, là cái thân có tướng, có sụp lạy, có vô thường, có nghiêng đổ; nhưng tính linh giác đó, có nghiêng đổ, có sụp xuống hay không? Tính linh giác kia, đâu có sụp xuống đứng lên gì, đâu có lay động? Ngay đó, ông liền ngộ, không bám vào thân tướng vô thường này, mà nhớ

rõ được tính linh giác vô tướng kia, tức rõ được tính vô sinh. Không chạy đâu xa để tìm cái vô sinh, chỉ ngay cái sụp lạy đó liền ngộ vô sinh. Chính vì vậy, ngay lúc đầu Ngài Tu Bồ Đề dõm thấy đức Phật trong mọi cử chỉ, trong mọi hành động, khi đi khát thực, rửa bát đều là hiển bày Như Lai chân thật, cho nên Ngài khen ngợi **“khéo hộ niệm, khéo phó chúc”**, chính là Ngài thấy được chỗ đó! Cũng chính công án Phá Táo Đọa này, Ngài Tuyết Đậu có làm bài tụng, trong đó có hai câu:

“Cây gậy chọt đánh đến

Mới biết cô phụ ta!”

Tức là cây gậy vừa đánh đến, mới biết mình cô phụ mình, lâu nay bám vào mấy cục gạch đó cho là mình, rồi nhờ cây gậy đánh đến, mới tỉnh ra bấy lâu mình quá bội bạc mình, phũ phàng mình. Cũng như mình bây giờ, không nhận mấy cục gạch đó, cũng nhận mấy chục ký lô này là mình, mấy đốt xương, mấy sợi gân là mình. Nếu phải được cây gậy đánh đến một cái thì hay, để thấy được cái lầm lẫn quên mình, nhận cái giả, **gánh một gánh mê** chạy đầu này đầu kia, giờ ngay nơi đó quên tướng để nhận trở lại tính liền thấy được Như Lai, chứ không phải đâu xa. Mà cũng chính chỗ đó, có một vị thiền sư khai thị:

“*Hễ mà chấp tướng mê chân thì đối diện cách xa ngàn dặm, còn trống lòng mà thể hội vạn vật thì trời đất một nhà*”, tâm mình mà trống sạch thì trời đất cùng một nhà. Giống như bà Liên Hoa Sắc tuy đối diện với Phật nhưng bị Phật quở, còn Ngài Tu Bồ Đề ngồi trong núi không đi tới nhưng được Phật khen. Đối diện mà không thấy Phật, cũng như xa, tuy xa mà thấy được Phật cũng như gần. **“nếu thấy các tướng chẳng phải tướng liền thấy Như Lai”**, chứ không phải bỏ các tướng này mà tìm Như Lai ở đâu khác, cũng không thể lầm các tướng này cho là Như Lai, đó là chỗ tế nhị. Không thể chấp tướng là Như Lai được, cũng không thể lìa bỏ đó mà tìm chỗ khác, mà phải khéo thấy bằng trí tuệ ngay nơi tướng xoay trở lại tính thật thì rõ. Để rõ hơn xin dẫn câu chuyện: Ngài Ma Cốc đi đến Hòa thượng Chương Kính, đi nhiều quanh giòng thiền ba vòng rồi động tích trượng một cái, đứng ngang nhiên. Ngài Chương Kính bảo:

- Phải, phải.

Sau đó Ma Cốc đến Ngài Nam Tuyên, cũng đi nhiều ba vòng quanh giòng thiền, rồi động tích trượng một cái đứng ngang nhiên. Ngài Nam Tuyên liền bảo:

- Chẳng phải, chẳng phải!

Ma Cốc liền thưa:

- Đương thời Chương Kinh nói: “phải phải”, do đâu Hòa thượng nói: “chẳng phải, chẳng phải?”.

Ngài Nam Tuyền bảo:

- Chương Kinh tức phải phải, còn ông thì chẳng phải, đây là do sức gió chuyển, cuối cùng cũng thành bại hoại. Chính là ý này vậy.

Nếu mình là người chưa sáng thì cũng dễ bị lầm ngay cái đi quanh động tích tượng. Ngay tượng động đó mà chấp cho là thật thì, tượng đó chỉ do sức gió trong này chuyển động tới lui, đến khi sức gió hết nằm cứng đờ cho vào hòm thì làm sao “*phải phải*” được? Do đó Ngài Nam Tuyền nói chẳng phải; song bởi Ngài Chương Kinh là người đã đạt đạo, nên Ngài nói “*phải phải*”, vì Ngài đã thấy suốt qua cái “*vô tướng kia*”, cho nên nói “*phải phải, là như vậy đó*”. Bởi vậy, ngay cái thân tượng đó mà phải và cũng ngay thân tượng đó mà chẳng phải, “thấy tất cả tướng mà chẳng phải tướng” là vậy đó. Nghĩa là, “**thấy tất cả các tướng**” thì “*chẳng phải chẳng phải*”, “**liền thấy Như Lai**” thì “*phải phải*”. Khéo thấy như vậy, thì ngay thân tượng giả hợp sai biệt đó, xoay trở lại không theo

các tướng, dùng các niệm phân biệt liền thấy Như Lai chân tướng, không phải rời chỗ này mà riêng có Như Lai chỗ nào khác. Thấy như vậy là đúng như lý mà thấy, còn trên các tướng mà thấy thì mê lý, chấp theo tướng thấy thì dễ bị gạt và bị lừa. Nếu chỉ thấy Phật trên hình tướng thì khi ma hiện Phật làm sao phân biệt được? Giờ đây, mở con mắt tuệ thấy tất cả các tướng đều hư dối, mà thấy trở lại cái vô tướng kia thì bảo đảm không bị ai gạt. Bởi vì ma không thể thấy tới được chỗ đó, chỗ đó chính là chỗ nương tựa vững vàng, dù cho có Phật hay không, cái đó cũng hằng không bao giờ mất. Thấy như vậy, là cái thấy của Kim Cang Bát Nhã. Học Bát Nhã là phá những lầm chấp để thấy trở lại cái thật, vậy Bát Nhã có dạy mình chấp không chăng? Đâu có dạy chấp không! Vậy mà nhiều người nghe nói học Bát Nhã thì sợ Bát Nhã chấp không, đó cũng là hiểu lầm chấp trên tướng, khi phá tướng, không chỗ bám thì cho là không; còn đây Phật chỉ rõ ngay nơi tướng khéo thấy trở lại như vậy, không phải rời cái này riêng có cái khác, thì đâu gọi là chấp không. Hiểu như vậy mới hiểu sâu Bát nhã, tin như vậy đó mới gọi là chánh tín.



6. CHÁNH TÍN ÍT CÓ

Tu Bồ Đề bạch Phật:

Bạch Thế Tôn! Có chúng sinh nào nghe được những lời lẽ, nghĩa lý rõ ràng như thế, sinh lòng tin chân thật chăng?

Phật bảo Tu Bồ Đề:

- Chớ nói lời ấy! Sau khi Như Lai diệt độ, năm trăm năm sau, có người trì giới, tu phước, đối với nghĩa lý này hay sinh lòng tin, cho những điều đó là thật; phải biết người ấy chẳng ở một Đức Phật, hai Đức Phật, ba, bốn, năm Đức Phật gieo trồng căn lành, mà đã ở chỗ vô lượng, ngàn vạn Đức Phật gieo trồng các căn lành. Người nghe nghĩa lý này, cho đến chỉ một niệm sinh lòng tin thanh tịnh, Tu Bồ Đề, Như Lai thấy biết hết, thấy hết, những chúng sinh đó được vô lượng phước đức như thế. Tại sao? Vì những chúng sinh ấy không còn tướng Ngã, tướng Nhân, tướng Chúng sinh,

tướng Thọ giả, không tướng pháp cũng không tướng phi pháp. Tại sao?

Những chúng sinh ấy, nếu tâm chấp lấy tướng ắt là dính mắc Ngã, Nhân, Chúng sinh, Thọ giả. Nếu chấp lấy tướng pháp ắt dính Ngã, Nhân, Chúng sinh, Thọ giả. Tại sao? Nếu chấp lấy tướng phi pháp tức dính Ngã, Nhân, Chúng sinh, Thọ giả. Vì vậy, chẳng nên chấp lấy pháp, chẳng nên chấp lấy phi pháp. Do nghĩa đó nên Như Lai thường nói: Tỳ kheo các ông hãy biết Ta nói pháp như dụ chiếc bè, pháp còn phải bỏ, huống nữa phi pháp.

GIẢNG:

Đó là qua một đoạn chương VI, nói về chánh tín ít có là phần nói đến duyên lành sâu dày của người tin được kinh này. Trong đoạn có mấy điểm: Thứ nhất là Ngài Tu Bồ Đề nghi hỏi, Ngài hỏi: **“Bạch Thế Tôn! Có chúng sinh nào nghe được lời lẽ nghĩa lý rõ ràng như thế, sinh lòng tin chân thật chăng?”** Tại sao hỏi như vậy? Bởi đây là lời nghi của Ngài, Ngài không dám nói là không có chúng sinh, mà nói **“có chúng sinh nào”** là còn ngờ, không dám nói *“không dễ gì có chúng sinh tin*

được như vậy”, nếu nói như thế thì Ngài sợ không ai tin được sao? Cho nên nói **“có chúng sinh nào”** là còn để phần cho mình. Câu **“lời lẽ nghĩa lý”**, nguyên văn chữ Hán là **“ngôn thuyết chương cú”**, có khi dịch là **“lời lẽ câu nói”**; nếu theo nghĩa đó thì **“nghe được những lời lẽ, những câu, đoạn nói trên đó mà sinh được lòng tin chân thật chăng?”** Giải như vậy thì có gì chưa ổn không? Nói lời lẽ thì còn rõ được, còn **“câu nói, đoạn văn hay câu văn trước”**, nếu xét kỹ thì có phần chưa được ổn lắm. Bởi vì, chương cú là thành ngữ của Trung quốc, chỉ cho những nghĩa lý ở trên. Nếu cho rằng đó là những câu nói hay đoạn văn nói ở trước thì lúc này là lúc Phật đang thuyết pháp, đang thuyết pháp thì đâu có ghi lại đoạn văn, câu này câu khác. Có ghi lại, nên mới có phân ra đoạn, chương, câu. Sở dĩ ở đây chia thành 32 chương và đây là chương thứ sáu **“Chánh tín ít có”**, là sau này ghi thành kinh rồi, Thái tử Chiêu Minh viết lại mới chia ra. Còn đây, đang thuyết pháp mà phân ra thành chương thì không ổn, nên đây chỉ cho những lời lẽ, nghĩa lý mà Phật đã nói trước đó thì mới sáng tỏ ý nghĩa. Thành ra, nghiên cứu kỹ kinh Kim Cang mới thấy rõ trong từng câu, ý nghĩa rất vi diệu. Đây hỏi **“có chúng sinh nào nghe**

được những lời lẽ nghĩa lý như thế rồi sinh lòng tin chân thật chăng?" Như vậy lòng tin chân thật đó là lòng tin gì? Đó là chỉ cho "*tin chắc mình có trí thể Kim Cang*" mà mỗi người đều có, tin chắc có điều này. Đó là niềm tin chân thật, mà niềm tin chân thật không phải là lời nói suông, vốn có thật, chẳng qua công phu chưa tương ứng, nên phát minh chưa rõ ràng, chưa sống được chứ không phải không có. Tin chắc như vậy, đó là niềm tin vững, nó gieo vào tâm thức mình một hạt giống Phật. Như vậy đoạn này Ngài Tu Bồ Đề đặt câu hỏi với Phật đó, cũng là nương từ cái ý của những phần trước. Tức ở trên Phật nói độ tất cả chúng sinh mà không có chúng sinh được diệt độ, bố thí mà không trụ vào tướng nào hết, không trụ sáu trần, rồi thấy Như Lai chẳng phải thân tướng, tức là thấy Như Lai mà không phải các tướng, đối với người thường chưa nghiên cứu Phật pháp, có dễ tin chăng? Dễ hiểu chăng? Rất là khó hiểu! Độ chúng sinh mà không có chúng sinh được diệt độ, bố thí tất cả mà không trụ tướng, bấy nhiêu đó, là đã khó hiểu rồi! Nên Ngài Tu Bồ Đề hỏi Phật để xác định rõ ràng "*niềm tin*" cho tất cả mọi người. Ngài hỏi đây là hỏi cho mình ngày nay đó! Bởi vì, cái chấp ngã, chấp tướng là bệnh chung của

mọi người, bây giờ gọi là thấy Như Lai mà không phải các tướng thì thật là trái với ý của mọi người bình thường, rất là khó hiểu. Đây coi như Ngài hỏi để ngừa trước cho mọi người. Sau đó Ngài không dám nói theo ý mình mà dẫn ý Phật, **“theo chỗ con hiểu như lời Phật đã nói”**, để cho mình có được đầy đủ niềm tin. Như vậy mà ngày nay có người nghe rồi cũng còn chưa tin, có khi nghi nữa! Chẳng hạn cho tụng kinh Kim Cang có ngày cây cối khô héo! Hay học kinh Kim Cang coi chừng chấp không! Đó là chưa tin. Cho nên ở đây Ngài Tu Bồ Đề hỏi Phật, để xác định lại niềm tin nơi mỗi người cho vững vàng. Đây là lời Phật đáp: **“chớ nói lời ấy!”**, tức là Phật ngăn ông, ông đừng nói vậy. Nếu nói như vậy, thành ra mất niềm tin cho mọi người, hỏi *“như vậy không biết có ai tin được không?”* Tức bảo mọi người khó tin đến được. Do đó Đức Phật ngăn, không được nói như thế. Bởi vì, trí Bát Nhã vốn sẵn có nơi mọi người, nó không dành riêng cho ai hết, mà đã có đủ thì tại sao không thể tin? Ông hỏi như vậy, làm cho người ta mất niềm tin sao? Trong kinh Như Lai Tạng có một đoạn Phật nói: **“Này thiện nam! Ta dùng Phật nhãn mà nhìn thấy, trong các thứ tham dục, phiền não, nóng giận ngu si của tất cả chúng**

sinh, có Như Lai trí, Như Lai nhãn, Như Lai thân nghiêm nhiên ngồi bất động”. Phật xác định rõ ràng là, trong các thứ phiền não là tham sân si có đủ trí Như Lai, con mắt của Như Lai, có đầy đủ thân Như Lai nghiêm nhiên ngồi bất động. Phật đã xác định như thế thì vì lý do gì mà mình không tin nổi? Đó là để gieo cho mọi người có đầy đủ niềm tin nơi mình có hạt giống Phật, có khả năng giác ngộ, ai ai cũng có, chứ không phải người căn cơ bậc thượng mới có, còn những bậc trung hạ thì không có. Không phải vậy, chẳng qua nghiệp tập của mỗi người có sâu có cạn. Người có nghiệp sâu dày thì nó che nhiều, che nhiều thì nghe một lần không dễ tin, nên phải nghe nhiều, huân tập sâu, dần dần chuyển được nghiệp tập đó, phát khởi niềm tin. Bởi cái đó sẵn có nơi mình không đâu khác, phải có niềm tin để mà vươn lên, chứ hỏi *“không biết có ai tin được không?”* sẽ làm cho người ta do dự mất đi niềm tin chân thật. Cho nên người thuyết pháp phải khéo, bằng không làm cho người mất đi niềm tin sẽ bị tổn phước! Đây chính là lời Phật xác định: **“Sau khi Phật diệt độ năm trăm năm sau, có người trì giới tu phước thì đối với những nghĩa lý này hay sinh được niềm tin, phải biết người ấy chẳng**

phải ở một Đức Phật, hay hai, ba đức Phật, mà đã từng ở vô lượng Đức Phật gieo trồng căn lành". Phật xác định như vậy còn gì nữa mà không tin! Nói sau khi Phật diệt độ, năm trăm năm sau, như vậy có trùng lặp không? Nói sau khi Phật diệt độ, rồi năm trăm năm sau, theo văn tự thì hơi trùng lặp, nhưng ở đây có ý nghĩa rõ ràng. Bởi có chỗ giải thích pháp Phật trụ đời có chia ra thời chính pháp, tượng pháp, mạt pháp; trong đó chính pháp một ngàn năm, tượng pháp một ngàn năm, mạt pháp mười ngàn năm, đó là theo thuyết phổ thông. Trong đó có chia ra: năm trăm năm đầu thuộc thời giải thoát kiên cố, các hàng đệ tử tu hành cũng được giải thoát, dứt được lậu hoặc, giải thoát sinh tử như là thời Đức Phật. Năm trăm năm sau kế đó, gọi là thiên định kiên cố tức là những người dứt được lậu hoặc cũng hơi ít đi rồi, nhưng còn tu chứng các tam muội thiên định như thời Phật. Đến năm trăm năm sau nữa, tức là năm trăm năm kế thứ ba gọi là đa văn kiên cố, đến đây người lo tu thiên định, giải thoát ít hơn rồi, bởi xa thời Phật nên sinh giải đãi, vì vậy thường nghiên cứu, sơ giải, chú thích, ngoài ra thực hành giải thoát thì lại ít đi. Rồi năm trăm năm kế nữa, là năm trăm năm thứ tư, thì thuộc về thấp tự kiên cố, đến

đây cầu phước báu, lo xây dựng chùa tháp. Đến năm trăm năm kế nữa, là thuộc thời mạt pháp, thời đấu tranh kiên cố. Đấu tranh kiên cố là sao? Là lập tông, lập phái rồi tranh nhau, tông của tôi là hay, tông của anh là dở ..v.v.. Mình bây giờ, chắc cũng thuộc trong thời này, nhưng qua thời này nữa là khác, vì hiện giờ đang thuộc vào năm trăm năm thứ sáu. Vậy năm trăm năm sau, chỉ cho thời thuộc về mạt pháp này. Đây là giải thích theo phổ thông, nhưng khi học kinh phải linh động, nếu chỉ giải thích năm trăm năm này thuộc về năm trăm năm đầu của thời mạt pháp hay năm trăm năm này thuộc về năm trăm năm thứ năm thì có giới hạn, vậy năm trăm năm thứ sáu, thứ bảy thì sao? Thành ra, năm trăm năm này, chỉ chung cho thời mạt pháp mà còn có người giữ giới, tu phước, đối với kinh này tin được, là đã gieo trồng căn lành chắc sâu rồi. Hiểu vậy, nghĩa mới được trùm khắp. Nghĩa là, trong thời mạt pháp mà còn có người tin được như vậy, thì quá hay, đây là cái ý trong đó. Bởi vì trong bản kinh Kim Cang đời Ngụy nói rõ hơn: **“Phật bảo Tu Bồ Đề: Ở thời vị lai thế, mạt thế khi pháp sắp diệt mà có vị Bồ Tát tu phước đức, trí tuệ đối với nghĩa lý kinh này hay sinh lòng tin cho đây là thật..v.v..”**.

Đây giải thích rõ: ở vị lai thế, là ở đời vị lai; còn ở thời mạt thế, khi pháp sắp diệt là chỉ trong đời mạt pháp. Trong đời mạt pháp mà có người tin được kinh này thì rất là hy hữu, đã trồng sâu căn lành rồi. Ở đây chỉ nói giữ giới tu phước, còn bản khác thì có nói thêm: **“trì giới, tu phước đức trí tuệ”**, có chỗ nói: **“đủ giới, đủ phước, đủ tuệ”**, đây rút gọn lại **“trì giới tu phước”**. Đoạn này, Đức Phật xác định lại rõ cho thấy trong thời mạt pháp, có người trì giới tu phước, tin được kinh này là trồng căn lành đã quá sâu rồi! Nhưng tại sao Đức Phật lại chọn người trì giới tu phước? Để thấy rõ, đây là người có sống, có tu tập dàng dàng chứ không phải hạng người nói suông. Bởi hạng người nói lý suông thì đôi khi phỉ báng Bát nhã. Nghĩa là, nói cái gì cũng hay mà không thực hành. Vì vậy ở đây chọn người trì giới tu phước, vậy **Bát nhã có rơi vào một bèn chấp không** chẳng? Người trì giới tu phước mà tin được kinh này thì đã trồng căn lành nhiều đời nhiều kiếp, có nói quá không? Không phải gieo trồng căn lành ở một Đức Phật, hai Đức Phật mà trong vô lượng Đức Phật! Nếu xét cho kỹ thì, ở trong thời mạt pháp, xa Phật xa Tổ, ít có người tu chứng giải thoát như thời Đức Phật, mà có người tin được kinh này có phải mình mới tu một đời này không? Nếu mới tu, mới

nghe, mới phát tâm ở đời này thì dễ tin vậy không? Không dễ dàng gì, tức đã trồng sâu căn lành nhiều đời. Để xác định cho mình có được sức mạnh vươn lên, chứ không phải nói bây giờ thời mạt pháp rồi, xa Phật rồi, 'tu hành không mong gì đạt đạo, không mong gì giải thoát, thôi thì tu nhân nhân, tu phước là được rồi, để gieo căn lành đời sau! Đó là gieo tâm niệm giải đãi, không có mong cầu thiết tha để tu cho đạt đạo giải thoát; bởi vì có tu cách mấy rồi cũng không giải thoát. Hiểu kiểu ấy thì làm cho mình nhụt chí đi, mất niềm tin vươn lên. Còn ở đây, dù trong thời mạt pháp mình nghe được, tin được là đã trồng sâu căn lành nhiều đời rồi. Đã có trồng sâu căn lành thì phải thực hành, chứ đã có căn lành rồi, lại bỏ qua sao? Đó là niềm tin mạnh để vươn lên. Nhưng có người hỏi "đã trồng sâu căn lành, sao không thành Phật mà giờ còn làm chúng sinh khổ nữa đây?" Theo ngài Đạo Nguyên giải thích, đã trồng sâu căn lành rồi, nhưng tu phước trì giới mà còn chấp tướng. Vì chấp tướng nên bị kẹt trên ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả, kẹt phước hữu lậu, không thấu được Bát Nhã vô lậu, nên còn lang thang. Nhưng đã trồng sâu căn lành rồi, nên bây giờ được tin, nghe lại thì mau tin. Như vậy dù sinh trong thời mạt pháp mà có được niềm tin này, thì Phật tính không mất, ngay

trong đời này mình có đủ Phật tính, vậy có ai không có khả năng tỉnh giác để mà vươn lên? Đó là một sức mạnh, là đủ niềm tin cố gắng tu hành để chuyển những cái xấu cái dữ, cho dù đó là nghiệp chúng sinh đi nữa cũng chuyển được để rồi mỗi ngày một thăng tiến, chứ không đứng dừng một chỗ.

Đây, lại thêm một ý nữa:

“Người nghe được kinh này mà một niệm khởi lòng tin thanh tịnh, (vậy lòng tin thanh tịnh là sao?) thì Như lai thấy biết hết, thấy hết, những chúng sinh đó đều được vô lượng phước đức”.

Mình tin, sao Như Lai thấy được? Đây là một niềm tin tương ứng với Kim Cang Bát Nhã, tức là niềm tin không hai, không mắc kẹt nghiêng lệch, không dính mắc ở trong bốn tướng, tin được có cái thể Kim Cang Bát Nhã. Tin như vậy, đó là niềm tin tương ứng với trí Kim Cang, mà tương ứng với trí Kim Cang là tương ứng với trí Phật. Trong sử nhà thiền có câu chuyện: Có một vị giảng sư giảng kinh Kim Cang hay lắm. Nhưng một hôm ông giảng đến đoạn vô ngã vô nhân, là không ta không người, trong hội đó lại có ông Bàn Uẩn là ông cư sĩ

nhưng ngộ đạo rất sâu, sau này ông chết cũng chết một cách tự tại, ông bèn hỏi:

- Tọa chủ nói “không ta không người” vậy ai giảng, ai nghe?

Tọa chủ không trả lời được. Ông Bàng Uẩn mới nói:

- Tôi tuy người thế tục nhưng cũng tin biết được chút ít thô thiển.

Tọa chủ nói:

- Theo ý cư sĩ thì như thế nào?

Ông Bàng Uẩn giải thích bằng một bài kệ theo chữ hán là:

<i>Vô ngã phục vô nhân</i>	<i>Không ngã cũng không nhân</i>
<i>Tác ma hữu sơ thân</i>	<i>Làm gì có sơ thân?</i>
<i>Khuyến quân hưu lịch tọa</i>	<i>Khuyên ông thôi ngồi mãi,</i>
<i>Bất tự trực cầu chân</i>	<i>Chẳng bằng thẳng cầu chân.</i>
<i>Kim Cang Bát Nhã tánh</i>	<i>Tánh Kim Cang Bát Nhã,</i>
<i>Ngoại tuyệt nhất tiêm trần.</i>	<i>Chẳng dính một mảy trần.</i>
<i>Ngã văn tịnh tín thọ.</i>	<i>Tôi nghe với tín nhận.</i>
<i>Tổng thị giả danh trần.</i>	<i>Thầy đều giả danh trần.</i>

Tức là, không ngã cũng không nhân: không ta cũng không người thì làm gì có sơ thân, đâu có gần đâu có xa. Bởi mình còn thấy ta, thấy người, còn có niệm chấp đó nên thấy có người gần gũi, có người xa, có quen, có lạ, mà có kẹt như thế nên hỏi không đáp được. Nếu thật sự không ta không người thì có gì ngăn ngại. Như vậy “Khuyên ông thôi ngồi mãi, chẳng bằng thẳng cầu chân”. Ngồi đó giảng, chấp vào cái tướng này, chẳng bằng thẳng cầu chân, thấy đến cái chân thật vô tướng, chứ đừng mắc kẹt trên tướng này. “Tánh Kim Cang Bát Nhã, chẳng dính một bụi trần”. Tánh Kim Cang Bát Nhã đó, chẳng dính một bụi trần nào hết, vậy thì chỗ nào có ta có người? Sở dĩ có ta có người, vì còn bị mắc kẹt trên thân này, còn tánh Kim Cang Bát Nhã có hình tướng gì đâu mà có ta có người? Làm sao mà thấy được chỗ này? Phải quên tướng này, mới tin được chỗ kia. Chứ còn mắc kẹt vào tướng này cho nên chưa tin nổi chỗ đó. Ở đây “Tôi nghe với tin nhận, thấy đều giả danh trần”. Nói tôi nghe với tin nhận đó, không phải trong đó có thật cái tôi để tin nhận, mà tùy theo tâm của thế gian, tùy theo ngôn ngữ của thế gian tạm nói tôi nghe, cũng tạm nói tin nhận. Nếu không khéo, theo ngôn ngữ thế gian thì hiểu trong đó có cái “tôi nghe”,

nghe nói tin nhận thì có một “cái để tin nhận”, vậy là còn mắc kẹt ở hai đầu, chưa qua khỏi chữ nghĩa. Đây nói nghe, nhận đều là giả danh thôi, đâu mắc kẹt gì cái giả danh. Sở dĩ không mắc kẹt đó là vì sao? Là bởi ông tin được Kinh Cang Bát Nhã là vô tướng đó, mà tin được như vậy thì phước đức vô lượng, đâu có hình tướng gì nói hết. Đó là cái nhân thành Phật, cái nhân của Vô thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, cuối cùng sẽ thành Phật quả, thì mỗi công đức không thiếu. Niềm tin đó tương ứng với Như Lai, cho nên Như Lai thấy biết hết, thấy hết. Đó là niềm tin bằng trí tuệ. Bởi vậy phước đức thường không so lường được.

Đoạn kế ngài giải thích **“Vì sao? Vì những chúng sinh ấy không còn tướng ngã, tướng nhân, tướng chúng sinh, tướng thọ giả, không tướng pháp hay phi pháp”**. Giải thích vì sao mà được vô lượng công đức ở trên, vì tin được như vậy đó thì không còn kẹt trong bốn tướng, những chúng sinh này đang trên đường sống trở về cái chân thật. Đó là con đường trở về giác ngộ, cho nên phước đức không tính được. Còn phước đức tu theo tạo tác, hữu lậu là có giới hạn, phước đức đó hưởng hết thì nguy. Còn đây là phước đức sống trở về tự tánh, không giới

hạn nên vô lượng. Tại sao nữa? Giải thích, vì những chúng sinh đó không còn tướng ngã, tướng nhân, tướng chúng sinh, tướng thọ giả..v.v.. Không pháp hay phi pháp. Ở đây hỏi tại sao không có những tướng đó, vì những chúng sinh đó nếu tâm chấp tướng thì bị dính mắc bốn tướng, hễ vừa chấp thân tướng là có ngã tướng, còn chấp về tướng khác là chỉ cho chấp pháp; tức là còn mắc kẹt nơi ngã pháp thì tâm còn giới hạn, trái lại ở đây được phước vô lượng, không mắc kẹt nơi các tướng, đó là tâm vượt ngoài dính mắc ngã pháp. Tại sao nữa? Nếu chấp lấy phi pháp thì cũng bị mắc kẹt trong bốn tướng (*ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả*) câu này hơi khó hiểu. Tại sao? Ở trên chấp lấy tướng pháp thì bị mắc trong bốn tướng; Còn đây giải thích thêm, nếu chấp vào phi pháp cũng dính ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả. Nếu chấp có pháp thật thì tất nhiên có phi pháp thật, bởi pháp đối với phi pháp, nếu chấp có pháp thật thì không bị kẹt nơi pháp cũng bị kẹt nơi phi pháp. Mà kẹt nơi phi pháp thì rất nguy hiểm, thành ra phỉ báng Bát Nhã, chê bai nhân quả; vì vậy có pháp có phi pháp là có được, có mất, cũng mắc kẹt trong bốn tướng chưa phải là "*niềm tin thanh tịnh*". Do đó còn kẹt một tướng, dính một bên, còn có một chỗ chấp là còn mắc

kết, vừa động niệm liền sai, cho nên chấp pháp hay phi pháp đều bị mắc kẹt. Vậy phải tu làm sao đây? Đây là phá chấp chứ không phá pháp, vừa có chấp là có kẹt, chỉ không chấp thì pháp nào cũng tốt hết, đâu có lỗi. Vì vậy nói: *chẳng nên “chấp” lấy pháp, chẳng nên “chấp” phi pháp. Pháp thuộc về “có”, phi pháp thuộc về “không”,* chấp có chấp không thuộc về hai bên, nên không chấp pháp hay phi pháp, tức bên có bên không thì tự tương ứng với Bát Nhã. Đó là thâm hợp với “Như Lai”, do đó “Như Lai” biết hết, thấy hết những chúng sinh đó không sót. Chỗ đó nhà thiền gọi thâm ấn tâm, không cần phải đem vô phòng kín, giảng màn rồi mới ấn tâm, chỉ ngay một niệm thanh tịnh đó, lià các tướng “có không” thì liền được ấn tâm, ngay đó thấy Như Lai rõ ràng.

Kế đó, Phật tiếp ví dụ:

“Do nghĩa đó nên Như Lai thường nói: Tỳ kheo các ông hãy biết Ta nói pháp như dụ chiếc bè, pháp còn phải bỏ, huống nữa phi pháp”.

Đây là ví dụ, có nói ra cái gì đều là phương tiện, cái gì đã ra lời đều thành hữu hạn. Người khéo thì nhân phương tiện đó thấy được cái

thật, nhân hữu hạn mà thấy vô hạn. Còn bám trên phương tiện ngôn ngữ, lời nói thì không thể đến lẽ thật. Có câu chuyện trong nhà thiền, Đức Sơn hầu ngài Sùng Tín đến khuya, đi ra ngoài trời tối đen, mới trở vào phòng thưa với ngài Sùng Tín là: Bên ngoài trời tối đen. Ngài Sùng Tín bảo: Ừ! Trời tối thì ta đốt đèn đưa cho! Nhưng Đức Sơn vừa đưa tay tiếp thì Ngài liền thổi tắt, Đức Sơn liền ngộ. Nếu một bề cứ nương tựa ông thầy thì sao? Cái đó cũng là bên ngoài, phải tự mở sáng trí thật của mình. Nên vừa đưa tay thì ngài liền thổi tắt, để tự trực nhận cái đó sẵn có nơi mình. Ngay đó, Sư liền đại ngộ, liền tự sáng, đâu cần đèn bên ngoài, đèn bên ngoài là chỉ tự gọi thôi. Đây cũng vậy, Phật Tổ có nói ra bao nhiêu lời, đó cũng là phương tiện. Phải khéo nhận lại cái của mình, cái thật nơi mình, đó mới là cái chân thật. Nên ở đây Phật ví dụ Như Lai có nói ra pháp gì, thì đó cũng ví như chiếc bè mà thôi, phải khéo nương đó mà qua sông. Tương tự câu chuyện trong Góp nhặt cát đá, tựa là “Giáo lý tối thượng”, nhưng trong đó không nói gì về giáo lý, chỉ kể một anh chàng người mù đi đến thăm người bạn, nói chuyện say sưa đến khi tối đi về, anh bạn mới đốt đèn lồng đưa cho. Khi đó anh mù mới cười nói:

- Anh thiệt làm cái chuyện nó dư, tôi mù rồi thì có đèn cũng như không vậy thôi, đưa chi cho mất công!

Nhưng anh bạn lại cười nói:

- Tuy biết vậy, nhưng khi anh cầm đèn này, anh đi ra, những người đi ngược chiều họ tránh, khỏi đâm đầu vào anh.

Nghe nói cũng có lý, anh cầm đèn đi ra một đoạn đường, gặp một người đâm sầm vào anh, anh la:

- Anh bạn này, không thấy tôi đang cầm đèn sao?

Anh kia trả lời:

- Thưa anh bạn, cây đèn của anh đã tắt từ lâu rồi!

Tắt từ lâu thì làm sao mà thấy được? Đó là giáo lý tối thượng. Vậy tối thượng ở chỗ nào? Cái đèn của người, dù có đưa cho mình, cũng không cứu được mình trong những hoạn nạn. Chỉ có mình mở sáng con mắt chính mình thì mới cứu mình. Cũng vậy, chỉ có mở sáng con mắt trí tuệ mới thắng những phiền não, sinh tử. Chứ còn học thuộc bộ kinh Kim Cang này, thì

cũng của Phật thôi. Dù cho hiểu được bộ kinh Kim Cang này cũng của Phật, của Thầy Tổ thôi. Phải nhân đây soi sáng lại mình, mở sáng trí tuệ, sống được thì đó chính là bộ kinh sống. Do đó, Phật nhắc nhở cho mình thấy rõ, Ngài nói pháp như chiếc bè để nương qua sông. Nhưng dù chiếc bè còn có ý nghĩa nữa, là khi mình chưa qua sông phải nương bè, chưa qua sông mà bỏ bè là chết, mà bước xuống bè không nhổ neo thì sao? Thì cũng ở một chỗ. Còn qua sông rồi vác bè đi nữa thì sao? Hoặc qua tới bờ bên kia, đứng đó không bước lên bờ thì sao? Cũng không tự tại, cũng còn mắc kẹt đó. Qua tới bờ xong, bước lên bờ đi, đâu phải vác theo chiếc bè. Khi còn mê, còn phiền não thì nương Phật pháp tiến tu. Chứ còn phiền não dầy dầy mà nghe nói các pháp đều không, rồi không tu hành thì phiền não còn y nguyên. Nói không đó, là để lấy đó soi sáng lại mình, khi những phiền não sạch hết rồi, thì không còn dùng phương tiện. Bao nhiêu pháp của Phật nói ra là để soi sáng lại tâm mình, khiến trừ những phiền não. Nếu hết phiền não thì những cái kia không còn bận tâm nữa. Nhưng như vậy mình bác bỏ sao? Mình thì qua được rồi, còn người khác họ chưa qua, thành ra đối với mình không cần thiết, nhưng người khác thì cần thiết. Khi mình thấy được, cũng

như sạch phiền não, nhưng trong đường giáo hoá mọi người thì cũng phải mượn các pháp để giảng dạy. Cho nên có vị mới hiểu lý sâu xa một chút, thấy mình đầy đủ rồi không cần thêm gì, nên bác hết tất cả, làm cho những người mới chơi với, không biết gì để tiến tu. Nếu mình thực sự sống trọn vẹn, sạch hết phiền não, phương tiện không cần, nhưng đối với người còn mê thì phải nương pháp để tiến tu, đâu thể bác bỏ! Phải khéo ở chỗ đó! Còn mê thì còn có pháp, phi pháp đối trị nhau. Khi hết mê rồi thì đâu đâu cũng là Phật pháp, tâm mình đã sáng, đã thanh tịnh rồi thì đâu đâu cũng thanh tịnh hết. Còn tâm phiền não thì nhìn chỗ này tốt, chỗ kia không tốt, ở chỗ này thích hợp với tôi nên nó tốt, chỗ kia không thích hợp với tôi nên không tốt. Chính đây là mở đường để nói tới pháp “vô đắc” ở sau.

Tóm lại đoạn này, **thứ nhất** nói Bát Nhã là cái sẵn có nơi mỗi người, ai cũng có quyền tin nhận hết, chớ không phải người này tin được mà người khác không tin được.

Thứ hai là, dù ở đời mạt pháp nếu người thực tâm tu hành tin được việc này, là đã trông sâu căn lành nhiều đời rồi.

Thứ ba là, mình khởi được một niềm tin thanh tịnh là bốn tướng, thì ngay đây tự khế hợp với Như Lai, thấy được Phật pháp thân chứ không đâu xa. Kế nữa là, khéo phương tiện để sống trở lại với chính mình, đó là không mắc kẹt nơi có, nơi không; đầy đủ niềm tin như vậy. Đó là người **“thật ít có”** ở trong đời mật pháp; được niềm tin như vậy rất là hy hữu! Vậy chính mình đã biến **“mật”** thành **“chánh”**, đối với ai mật, nhưng với mình không mật. Đó là đoạn nói về chánh tín ít có, để cho mình thấy rõ, ngay trong đời mật pháp này, mình hiểu được, tin được Bát Nhã này, tức là chủng tử sâu dày; phải phát triển thêm lên, chứ không tự ty mặc cảm chúng ta sống xa thời Phật khó tu, thôi thì tu nhàn nhàn. Đó là ý nghĩ yếu đuối!

Tới đoạn **“Không được không nói”**, đây là đoạn rất quan trọng sâu xa!





CHÁNH VẤN:

7. KHÔNG ĐƯỢC, KHÔNG NÓI.

Này Tu Bồ Đề! Ý ông nghĩ sao? Như Lai được Vô thượng Chánh Đẳng Chánh Giác chẳng? Như Lai có pháp để nói chẳng?

Tu Bồ Đề thưa:

- Theo con hiểu về nghĩa Phật đã nói thì không có pháp cố định gọi là Vô thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, cũng không có pháp cố định Như Lai có thể nói. Tại sao? Pháp do Như Lai nói đều chẳng thể chấp lấy, chẳng thể nói, chẳng phải pháp chẳng phải phi pháp. Vì cố sao? Tất cả Hiền Thánh đều do pháp vô vi mà có sai khác.

GIẢNG:

Đoạn này phải nghe cho kỹ mới thấm nổi, bởi vì thường thường ở thế gian ai có lập ra một thuyết gì, chủ trương gì thì mình bảo vệ tới cùng, ai mà nói ngược lại, bài bác hay phá, thì mình

phản đối, có khi xả thân. Nhưng ở đây, với Phật pháp thì khác, **“không được không nói”**. Ở đời làm việc gì mà không có được thì làm chi? Làm gì cũng phải có được, có được thì mới làm, không được thì làm ích gì? Còn đây là muốn phá chấp về ngôn ngữ, phá cái chấp về sở đắc, để ngầm chỉ ra có *“một cái ngoài lời”*, lời nói không đến được, không nói hết được! Cho nên câu Phật hỏi có hai phần: **“Ý ông nghĩ sao”**, là để dò: Như Lai có được pháp Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác chăng? Có pháp để nói chăng? Cố định có pháp thật được chăng? Có pháp thật để nói chăng? Như vậy là tiếp nối cái ý ở trước, là không cho mình chấp pháp, không cho mình chấp phi pháp, vậy Như Lai thành cái gì mà gọi là Như Lai? Như Lai nói pháp gì để dạy người? Bởi không cho mình chấp pháp, phi pháp thì cái gì thành Phật đây? Rồi Ngài dạy gì đây? Đây cũng chính là chỗ nghi, rồi mình nương vào đâu để tu hành? Xét kỹ ra, Như Lai đêm mùa tám tháng chạp thành đạo dưới cội Bồ Đề, là thành cái gì? Bốn mươi chín năm thuyết pháp đó, là Ngài thuyết cái gì? Mà ở đây Ngài phủ nhận hết, không có cái Vô thượng chánh đẳng chánh giác được, không có gì để nói, đó là điều rất khó hiểu! Vì vậy vào đầu Phật hỏi: Ý ông nghĩ sao để dò xét lại. Bởi vì mình không khéo, dễ bị rơi một bên, mà rơi một bên thì chê

cũng thuận theo trí Phật mà nói chứ không tự ý đoán mò. Đó là kinh nghiệm, nếu hiểu được chút ít, bèn vỗ ngực ăn to nói lớn, tưởng đâu mình như là Phật, đem những lời nói, câu nói của Phật ra nói giống như của mình, mà thật sự mình chưa sống được với nó, cũng chưa phải cảnh giới của mình nữa, thì đâu phải! Do đó ở đây Ngài khéo nói **“theo chỗ hiểu của con về nghĩa Phật nói”** thì đâu có ai bắt bẻ được, đó là ý rất hay, không khéo mình dễ bị mắc kẹt cái bệnh này. Nghĩa là nói như Phật, tưởng đâu là của mình, nhưng gạn lại thì sao? Chỉ ăn cắp của Phật, của Tổ. Nhất là học thiền, phải cẩn thận chỗ này! Câu kệ **“không có pháp cố định”** gọi là Vô thượng chánh đẳng chánh giác, cũng phải chú ý! Vậy ở đây có pháp Vô thượng chánh đẳng chánh giác không? Từng chữ từng câu luôn có ý nghĩa sâu xa trong đó. Nên nhớ không có **“pháp cố định”** chứ không phải là không có! Tức Phật không có cái cố định Vô thượng chánh đẳng chánh giác đó, là cái pháp thuộc văn tự ngôn ngữ, thuộc về đặt tên cho nó, đây là phá cái chấp trên ngôn ngữ, chữ nghĩa văn tự chứ không phải thật không có nó. Bởi vì nếu có pháp cố định Vô thượng chánh đẳng chánh giác đó, tức có được- mất, và có pháp cố định tên Vô thượng chánh đẳng

bai chính pháp. Đây Ngài Tu Bồ Đề trả lời: **“theo con hiểu về nghĩa Phật đã nói thì, không có pháp cố định gọi là Vô thượng chánh đẳng chánh giác, cũng không có pháp cố định Như Lai có thể nói”**.

Vậy có ba điểm:

- Thứ nhất **“theo chỗ con hiểu về nghĩa Phật nói”**.

- Thứ hai là: **“không có pháp cố định gọi là Vô thượng Bồ Đề”**

- Thứ ba là: **“không có pháp cố định để nói”**.

Tại sao Ngài không tự đáp mà chỉ nói **“theo chỗ con hiểu”** thôi? Phật hỏi Ngài, Ngài không đáp thẳng, mà Ngài chỉ dẫn lại theo chỗ Ngài hiểu về nghĩa mà Phật đã nói đó. Vậy là sao? Chỗ này phải khéo, nhất là những vị giảng dạy, nói chuyện thì phải hiểu cho kỹ, không thì dễ bị mắc kẹt. Phật hỏi: **“Như Lai có được pháp Vô thượng chánh đẳng chánh giác chăng? Như Lai có pháp để nói chăng?”** Đó là cảnh giới của Phật, của Như Lai. Ngài Tu Bồ Đề biết rõ ý đó, nên Ngài

chánh giác đó là có pháp thuộc về văn tự ngôn ngữ, mình có thể nói đến được, mà đã nói đến được thì suy nghĩ đến được, không cần phải tu cho nhọc, chỉ cần bỏ chút suy nghĩ là có nó rồi. Đây rõ ràng là **phá chấp về ngôn ngữ, văn tự** chứ không phải phá không có cái đó. Song hề có được là có mất, mà có được mất đã thuộc về cái bên ngoài, nên trong nhà thiền có câu chuyện: Có vị tăng hỏi vị thiền sư Tĩnh Niệm:

- Có hai con rồng cùng tranh giành một hạt châu vậy thì con nào được?

Sư trả lời:

- Con được là mất.

Đáp hay không? Bởi có mất nên mới được. Ông tăng hỏi tiếp:

- Vậy con chẳng được thì thế nào?

Sư đáp:

- Hạt châu ở chỗ nào?

Nếu đã thấy được là mất, cái được đó nó thuộc về bên ngoài. Còn nếu chẳng được thì sẵn nơi mình đó, còn hỏi gì chỗ nào? Có chỗ nào đó thì cũng thuộc về cái bên ngoài rồi. Ý rất sâu xa!

Hề mình thấy được là còn có niệm hướng ra bên ngoài rồi, còn đây có sẵn nơi mình thì đâu còn có mất. Lại còn thấy **có chỗ** nữa thì mắc kẹt luôn. Có chỗ tức có thấy được, cũng thuộc về đối tượng. Giả sử Đức Phật thành đạo Vô thượng chánh đẳng chánh giác mà thật có pháp cho Ngài thành, thì Ngài không còn là Ngài nữa, vì có cái để thành tức **Ngài thành cái đó** rồi. Cũng như nói tôi thành thì thành ra anh A hoặc tức thành một con người khác.

Còn ở đây phải hiểu Vô thượng Bồ đề là cái gì? Đây chỉ gợi ý thôi, như vua Hiếu Tông nhà Tống nhân ngày lễ Phật thành đạo tức ngày mừng tám tháng chạp, ông hỏi thiền sư Phật Chiếu:

- Đức Thích Ca sáu năm ở núi Tuyết là thành được cái gì?

Sư đáp:

- Dám bảo Bệ hạ đã quên.

Sư chỉ đáp vậy thôi mà ông vua hiểu ý vui vẻ. Vậy thành cái gì? Thường mình nghe Phật thành đạo thì cứ nghĩ là lúc sao mai mọc đó, hào quang chiếu sáng rực rỡ, ở đây ngài Phật Chiếu đáp đơn giản: “Dám bảo Bệ hạ đã quên?” Cái đó sẵn nơi mình, mình bỏ quên vậy thôi.

Cái sẵn mà mê lầm không hay không biết cho nên tạo nghiệp này, nghiệp khác đành lang thang trong luân hồi. Giờ đây thành đạo là sống trở lại cái này, mà sống trọn vẹn là Phật thôi, sống chưa trọn vẹn thì hoặc là Bồ tát hoặc là thiên sư, chứ đâu có gì khác. Hiểu vậy thì Vô thượng chánh đẳng chánh giác cũng là cái tên thôi, mà cái tên đó phải thấy rõ là chỉ cái thể chân thật, cái thể giác chưa từng thiếu ấy. Nếu có được thì mình quên cái này rồi, là thấy ra cái bên ngoài rồi. Thực ra Vô thượng chánh đẳng chánh giác nó không thuộc một cái gì hết, mình nghe Vô thượng chánh đẳng chánh giác, rồi trong đầu nghĩ là một cái gì đó, mà “cái gì đó” thì thuộc về vật rồi, đã là vật tức thuộc cái bị duyên, mình có thể nghĩ đến được. Vậy trước khi sao mai mọc, cái Vô thượng Bồ đề đó ở đâu? Rồi sau khi sao mai mọc nó ở đâu lại mà thành? Đặt câu hỏi lại thì mình thấy rõ nghĩa, chẳng lẽ cái đó nó mới có từ khi ngài chứng ngộ thôi, nếu vậy thì trước đó không có? Nếu khi sao mai chưa mọc nó không có, khi sao mai mọc nó mới có, thì mới gọi là được. Hiểu vậy, mình mới thấy ý nghĩa Vô thượng Bồ đề chỉ là danh từ tạm diễn tả, còn cái đó là cái có sẵn nơi mình, chứng ngộ là ngộ cái này thôi, cho nên Sư đáp “dám bảo bệ

hạ đã quên”. Dẫn thêm bài kệ truyền pháp của Tổ Đề Đa Ca:

<i>Thông đạt bản tâm pháp</i>	<i>Thông suốt pháp bản tâm,</i>
<i>Vô pháp vô phi pháp.</i>	<i>Không pháp không phi pháp.</i>
<i>Ngộ liễu đồng vị ngộ,</i>	<i>Ngộ rồi đồng chưa ngộ,</i>
<i>Vô tâm diệt vô pháp.</i>	<i>Không tâm cũng không pháp.</i>

“Thông suốt pháp bản tâm, Không pháp không phi pháp”. Tức là, thấu suốt được pháp bản tâm, tức thấy suốt được bản tâm của mình thì cái đó không thuộc về pháp hay phi pháp, không thuộc về có hay là không. Bản tâm là cái có sẵn nơi mình thì nó đâu thuộc về pháp hay phi pháp, không thuộc về cái gì hết, không mắc kẹt bên có, bên không.

“Ngộ rồi đồng chưa ngộ, Không tâm cũng không pháp”. Ngộ, là ngộ cái lúc mình chưa ngộ thôi, ngộ cái lúc mình mê, giờ ngộ là nhớ trở lại. Chỗ này còn có thêm ý nghĩa nữa, ngộ là mình chỉ mới thấy chớ chưa sống được, nên đừng vội mới ngộ đã vỗ ngực, phải sống cho được trọn vẹn nữa. Như vậy ngộ cũng không thấy có cái mình ngộ, nếu ngộ mà còn thấy có cái để ngộ là còn sở đắc, tức là còn có cái được, mà có cái được là mất rồi! Đến đây không tâm cũng không pháp,

tâm pháp là danh từ thôi. Chính nó là nó, không thêm tâm pháp chi nữa? Còn thấy có tâm có pháp là bởi vì còn mê, do đó nên nói cái này là tâm, cái kia là pháp để cho mình nhận cái pháp đó nhớ lại tâm mình, thì đó là phương tiện. Ngộ rồi, nó là nó, rõ ràng đâu có cái thứ hai mà nói tâm nói pháp? Đó là nói về không có pháp cố định gọi là Vô thượng Bồ đề.

Kế không có pháp cố định để nói là sao? Vậy kinh Kim Cang là gì? Ai nói? Chúng ta học là học cái gì? Nên trong đây có ý sâu, **thứ nhất** nếu có chỗ nói đến được thì thuộc về ngôn ngữ, như vậy mình không cần phải thực hành, phải thể nghiệm, vì nói năng biện luận cũng có thể tới được; **thứ hai**, nếu nói đến được thì nó thuộc về phân biệt đối đãi, vì nói ra là thuộc về hai bên, thuộc về đối tượng, cái đó tức mình có thể hiểu biết được, mình suy luận được, thì pháp đó thuộc về sinh diệt, còn cái này làm sao nói đến được đây? Câu chuyện Linh Mặc đến yết kiến thiền sư Thạch Đầu, Sư hỏi:

- Một lời cùng hợp thì ở, chẳng hợp thì liền đi.

Nhưng ngài Thạch Đầu vẫn ngồi yên, Sư liền ra đi. Ngài Thạch Đầu đi theo ra cổng, chợt gọi:

- Xà lê!

Sư liên xoay đầu lại, ngài bảo:

- Từ sinh đến tử chỉ là thế ấy xoay đầu chuyển nào làm gì?

Ngay đó Sư liên ngộ. Như vậy có pháp gì để nói? Trước khi xoay đầu còn mê, vừa kêu xoay đầu lại liền ngộ, vậy ngộ cái gì? Trước khi xoay đầu nó ở đâu? Sau khi xoay đầu nó ở đâu chạy lại? Chỉ ngay một niệm hiện tiền của mình đây thôi, chỉ vì lúc còn nhiều thứ lăng xăng, còn có những chúng sinh đi lang thang đầu này, đầu kia nhiều quá, cho nên khó nhớ, lúc đó là lúc chưa xoay đầu. Xoay đầu liền nhận cũng là nhận cái sẵn hằng ngày đấy thôi, đâu có gì khác, đâu có gì được, làm sao nói đến cái đó? Bởi vậy, trong sử ghi sau khi Phật thành đạo, ngài thấy pháp này khó nói cho người hiểu quá, nên ngài định nhập Niết bàn, Trời Phạm Thiên thỉnh ba lần Phật mới hứa khả. Vậy, ngay từ buổi đầu ngài đã nói lên cho chúng ta rõ, **pháp này phải thấy ngoài lời nói**, từ trước đã có ý đó rồi, mà chúng ta đọc sử sơ qua không thấy được ý Phật đã thâm nhắc. Bởi nó khó hiểu nên ngài không muốn nói. Hiểu như vậy, rồi kiểm lại 49 năm ngài thuyết pháp là nói cái gì đây? Rồi Tam tạng kinh điển nói cái gì? Thực ra, là để đánh thức mình nhớ lại cái này thôi! Ngài chứng ngộ

được cái này, rồi từ cái này ngài nói ra, ngài nhắc nhở đánh thức cho mọi người cũng nhớ lại như vậy, chớ đâu có thêm gì khác.

Trong kinh Lăng Già có thí dụ rất thực tế và sáng tỏ: “Dụ như có người đi trong đồng vắng thấy có một con đường bằng phẳng dẫn đến cái thành xưa, thì vị này liền theo con đường đi vào thành rồi được cái vui như ý. Phật bảo: - Nay Đại Huệ, ý ông nghĩ sao? Người kia làm ra con đường ấy và làm ra các thứ vui trong thành đó chăng? Ngài Đại Huệ thưa: - Không phải. Phật bảo ngài Đại Huệ: Ta và chư Phật thời quá khứ pháp giới thường trụ cũng đều như thế, *(pháp giới thường trụ là tất cả mọi thứ, thực tướng đều hằng như vậy, tất cả các pháp thường trụ như vậy)* thế nên nói rằng ta từ đêm ấy được tối chánh giác cho đến đêm ấy vào Niết bàn ở trong khoảng giữa kia không nói một chữ cũng chẳng đã nói sẽ nói. Rồi Ngài nói bài kệ:

Ta đêm ấy thành đạo

Đến đêm ấy Niết bàn,

Ở trong khoảng giữa này,

**Ta trọn không có nói,
Duyên tự đắc pháp trụ,
Nên ta nói thế ấy.”**

Chỗ này hơi khó hiểu, “**duyên tự đắc pháp trụ**” đó là Phật tiết lộ cho chúng ta thấy rõ ràng cái không nói đó là sao? Không nói đó có phải là không có pháp chăng? **Không nói đây**, bởi vì thật không có pháp gì mới đặt ra, mới tạo thành, chứ không phải là không có cái đó. Tức là cái thành xưa nó sẵn đó rồi, những cái vui trong thành cũng sẵn có đó, nhưng chỉ có người quên không biết được, không thấy đường vào, nên Phật mới chỉ ra con đường vào, vào được trong đó thì nó có sẵn, chứ không phải Phật làm ra, Phật mới đặt ra, cũng không phải Phật ra đời mới có, khi Phật chưa ra đời thì không có. Nếu cho rằng Phật thành đạo rồi đặt ra mới có, Phật chưa ra đời thì không có, hiểu vậy thì cái đó cũng thành sinh diệt, mới tạo tác; còn cái này là có sẵn. **Duyên tự đắc pháp trụ**, là duyên nơi pháp tự đắc mà trụ, tức là chỗ mình tự đắc, tự thẩm chứng biết chứ không phải là chỗ diễn tả ra cho người. Bởi chỗ mình thẩm chứng thì làm sao nói cho người hiểu được? Đơn giản như chuyện thế gian nghề thợ mộc chẳng

hạn, làm nghề khéo tay làm sao đem cái khéo mà truyền cho người khác? Truyền là truyền cách làm, còn cái khéo đó là phải đầu óc nhạy bén của mỗi người, cái đó không truyền được, đó là cái năng khiếu của mỗi người. Cái mình thâm chứng cũng vậy, khó diễn tả cho người hiểu. Ông Tô Đông Pha khi tỏ sáng, có làm bài kệ trong đó có hai câu cuối: *“Đêm rồi tám muôn bốn ngàn kệ; Sáng ra không lời nói với người.”* Tức là mới trong đêm học tám muôn bốn ngàn pháp môn thuộc hết, sáng ra không thể diễn tả cho người khác biết được, cái pháp không thể nói đó, là pháp phải tự mình thâm chứng, thâm nhận thôi, không thuộc về ngôn ngữ. Nói rõ là không có pháp để nói chứ không phải là không có cái đó, phải hiểu cho kỹ như vậy. Ở đây Phật giải thích: **“Pháp mà do Như Lai nói đó đều chẳng thể chấp lấy, chẳng thể nói, chẳng phải pháp chẳng phải phi pháp.”** Ngài giải thích rõ ràng, **“pháp mà do Như Lai nói đó”,** như vậy ngài xác nhận là **“có pháp đó”,** nhưng mà nó **“không thể chấp lấy”,** không thể nói, là chẳng phải pháp, chẳng phải phi pháp thôi. Do đó trong nhà thiền thường không dùng những cái tên để đặt tên, mà thường nói **“cái ấy”,** sợ nghe tên rồi mình chấp vào cái tên đó. Bởi vì không thể chấp, không thể nói, không

thuộc có hay không, tạm nói “**cái ấy**” để mình khéo nhận ra, còn nói có tên rồi lại chấp vào cái tên, ví dụ như nói “**chân tâm**”, đa số người nghĩ trong đầu là có một “cái chân tâm”, nên luôn luôn tìm kiếm suy nghĩ để đạt đến chân tâm đó, rồi chứng được chân tâm đó. Vậy chân tâm thành ra “một cái”, tức là một vật gì rồi! Nên các ngài khéo, nói là cái ấy thôi, nhưng nói cái ấy cũng còn tương nữa. Mới thấy con người tập khí nó quen suy nghĩ rồi, nghe nói là nó bám liền, vì vậy những đoạn sau Phật phá từng lớp, từng lớp chấp tới cùng. Quý vị thấy, thói quen nó nhạy lắm, vừa nói ra là nó chụp lấy liền. Đây dẫn một câu chuyện: Ngài Lục Tổ thử mà mình không hay.

Một hôm Lục Tổ muốn thử trong chúng, Ngài nói:

- Ta có một vật không đầu, không đuôi, không tên, không chữ, không ở sau, không ở trước, mọi người có biết chăng?

Ngài Thần Hội liền ra thưa:

- Đó là cội nguồn của chư Phật, là Phật tánh của Thần Hội.

Quý vị thấy đáp hay chăng? Tổ liền quở:

- Ta đã nói với ông là không tên không chữ, mà ông còn gọi là cội nguồn, là Phật tánh, như vậy ông về sau này có ra trụ trì cũng chỉ thành là hạng tông đồ tri giải!

Tổ đã ngừa trước là không tên không chữ rồi, mà ngài nghe tới đó liền ra nói “bản nguyên, Phật tính”, đó là cái tập khí của mình nó quen, nó nhạy, cho nên các thiền sư thường ít chịu nói trắng, mà các ngài nói một cách ngược lý, điếc lỗ tai, sợ mình biết rồi chụp liền. Bởi vậy có câu: *“pháp vốn không tên ông chớ gượng đặt tên, pháp vốn không có hiểu biết, ông chớ có gượng hiểu biết”*, hiểu biết nó thì nó thành ra cái bị hiểu biết rồi, đó là các ngài muốn nhắc cái có sẵn nơi mình. Kinh Lăng Nghiêm có câu: **“Tự tâm mà thủ tự tâm, thì phi huyễn thành pháp huyễn”**. Tự tâm thì nó tự chân thật sáng suốt rồi, lại đem chấp lấy nó, thủ lấy nó, biến nó là cái chân thật thành ra pháp huyễn, thành ra bóng dáng thứ hai. Thành ra pháp huyễn, nghĩa là sao? Mình tu để bị mắc kẹt, tự tâm thì sáng suốt rõ ràng, tâm là biết, nhưng mình sống với cái thức này quen rồi, nên khi cái thức này nó tạm yên, mình liền khởi quán, khởi chiếu về tự tâm, mà khi khởi quán khởi chiếu về tự tâm đó, là mình sợ cái tự tâm đó nó không hiểu biết, sợ mất những cái thức này, những cái

phân biệt này thì nó không biết gì nên luôn cố soi sáng lại nó, phản chiếu lại nó, để cho nó có biết. Vậy khi phản chiếu lại nó, thì mình biến nó thành ra cái bị biết, đó là điều rất vi tế, rất dễ bị mắc kẹt. Thường mình dùng ngôn ngữ nói là, hãy quên vọng để sống trở về chân tâm, nhưng cái đó chỉ là phương tiện ban đầu thôi. Nói sống trở về với chân tâm, thành ra nó là cái bị sống, vậy cái gì là sống trở về? Tức chân tâm cũng thành bóng dáng rồi. Nên phải hiểu, đó là lời nói phương tiện, chứ chân tâm thì nó là nó thôi, còn sống trở về tức là có cái gì khác trở về với nó, hoặc mình sống trở về với nó thì biến nó thành cái bóng thứ hai bên ngoài. Do vậy trong nhà thiền khi hỏi đến chỗ rốt ráo này, các ngài nói ta chẳng hội, ta chẳng biết. Nếu người học thừa “chẳng hiểu”, các ngài bảo “không hiểu càng tốt”. Bởi vì hiểu là phóng ra ngoài, còn nó đâu phải là cái để cho mình hiểu. Như ngài Ấn Phong lúc ở chỗ Hòa thượng Thạch Đầu, một hôm ngài hỏi:

- Làm sao mà được hội đạo?

Tức là làm sao mà hiểu được đạo. Ngài Thạch Đầu bảo:

- Ta cũng chẳng hiểu đạo.

Ấn Phong mới hỏi:

- Cứu cánh thế nào?

Tức rốt ráo thế nào? Ngài Thạch Đầu bảo:

- Ông bị cái ấy bao vây rồi!

Tức là chỗ rốt ráo đó mà cố hiểu, tức bị nó bao vây rồi. Cố hiểu, cố để biết nó, là mình bị mất cái hiện tiền ở đây rồi, bị nó khoá lấp, nó bao vây mình rồi. Như vậy, pháp này là pháp không thể nói, không thể dùng ngôn ngữ để đặt ra, để nói ra, để tạo ra, thì muốn nghe được cái này, muốn nghe được Bát nhã này, phải nghe thế nào? Phải nghe thấu qua lỗ tai, chứ không phải bằng lỗ tai này, nghe bằng chỗ không nghe đó, thì mới nghe được Bát nhã này, mới nghe được chỗ không lời; trái lại nghe mà chỉ dừng trên lỗ tai này, là chỉ nghe tiếng thôi. Cho nên ngài Tu Bồ Đề ngồi trong núi, mà chư Thiên đến rải hoa tán thán cúng dường, ngài hỏi:

- Ai rải hoa trên hư không đó?

Chư Thiên đáp rằng:

- Con là Phạm thiên.

Ngài hỏi:

- Vì sao ông rải hoa tán thán?

Vị Phạm Thiên đó nói :

- Con kính trọng Tôn giả nói pháp Bát nhã hay quá nên rải hoa tán thán.

Ngài mới nói:

- Ta chưa từng nói Bát nhã một chữ, ông vì sao rải hoa tán thán?

Chư Thiên đáp:

- Tôn giả không nói, con cũng không nghe, không nói không nghe đó là chân Bát nhã.

Rồi rải hoa khắp đất. Nghe như vậy mới khéo nghe, ngài không nói thì con cũng không nghe, không nói không nghe thì không ngã không nhân, không ngã không nhân thì ngay đó là Bát nhã rồi, đó là rất khéo. Vậy, quý vị hiểu rõ lý do tại sao Phật nói Như Lai không được pháp Vô thượng chánh đẳng chánh giác, Như Lai không có pháp để nói chưa? Không được, không có cái pháp thật gọi Vô thượng chánh đẳng chánh giác vì cái đó có sẵn nơi mình; không có pháp để nói, là không phải cái pháp mới tạo ra, mới đặt ra, không phải là ngôn ngữ có thể nói đến được, có thể suy nghĩ đến được. Đây là nhắc mình **phải khéo tự thâm nhận**. Trong nhà thiền có câu “như người uống

nước lạnh nóng tự biết” diễn tả ra thì nó thành lời, thành lời thì người ta suy nghĩ, suy nghĩ thì thành bóng dáng chứ không phải cái thật. Tiếp lời giải thích: **“Vì có sao? Tất cả hiền thánh đều do pháp vô vi mà có sai khác”**. Câu này hơi khó hiểu, tại sao các hiền thánh do pháp vô vi mà có sai khác? Câu này trong bản đời Ngụy: **“Tất cả hiền thánh đều do pháp vô vi mà được tên”**, bởi vì hiền thánh là chỉ cho các bậc Tam hiền Thập thánh chẳng hạn, như các vị Bồ tát Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi hướng gọi là Tam hiền, Thập địa gọi là Thập thánh, là các bậc hiền thánh thì các vị hiền thánh đó đều do pháp vô vi mà có sai khác. Pháp vô vi là chỉ cho pháp không có tạo tác, không sinh diệt hay nói rõ hơn là Niết bàn, đều do cái chân thật đó mà có sai khác, vậy làm sao hiểu nổi? Bởi vì, dù cho các vị tam hiền thập thánh, sở dĩ có chia ra như vậy, là do đã chứng ngộ pháp thân trọn vẹn hay chưa trọn vẹn mà tạm đặt ra những tên có sai khác đó thôi. Nếu Tam hiền Thập trụ thì có một pháp thân, Thập hạnh thì có một pháp thân, Thập hồi hướng thì có một pháp thân, Sơ địa có một pháp thân, Nhị địa có một pháp thân, thành nhiều cái quá. Cái nào là thật? Thực ra, chỉ có một pháp thân đó do mình sống trọn vẹn hay chưa trọn vẹn mà tạm đặt ra những tên có sai khác như vậy, chứ không phải có

nhieu cái. Thí dụ Sơ địa chứng được pháp thân mà chứng chưa được trọn vẹn, cho nên khi bỏ Sơ địa chứng qua Nhị địa, rồi Tam địa, vậy Sơ địa là ai? Nhị địa là ai? Có phải người nào khác vào đó không? Cũng không ai khác? Cũng đâu có cái pháp thân nào chen vào đó, chẳng qua mình sống được nhiều, được ít, trọn vẹn hay chưa trọn vẹn, nên tạm lập ra có thứ lớp, nhiều cái như vậy. Do đó các hiền thánh có nhiều tên, nhiều bậc sai khác chỉ là những tên vậy thôi, chứ thể thì không hai, cũng do pháp vô vi đó mà có sai khác. Trong nhà thiền có chỗ giải thích: “Trọn ngày ở trong viên giác mà chưa từng viên giác gọi là phạm phu, muốn chứng viên giác mà chưa tốt viên giác gọi là Bồ tát”, tức là muốn chứng viên giác mà chứng phần nào đó, chưa tốt, gọi đó là Bồ tát. Bởi vì Bồ tát là phần giác, tức là giác từng phần, từng phần chưa trọn vẹn; còn “đầy đủ viên giác, an trụ trong viên giác đó là Như Lai”. Cũng là viên giác thôi, nhưng mê là phạm phu, sống được từng phần là Bồ tát, sống trọn vẹn là Như Lai, chứ đâu có gì khác! Cho nên tất cả hiền thánh đều y cứ nơi pháp vô vi mà sai khác, chỉ nhân sai một niệm mà hiện có muôn hình, cái này cái kia, nếu ngay một niệm mà vô niệm thì cùng với chư thánh đồng hành. Một niệm mà vô niệm là vô sinh, chư thánh ngộ cũng từ cái đó, sống cũng sống từ cái

đó. Mình bây giờ ngay một niệm mà vô niệm thì cũng sống với cái đó, tức chỗ thấy của mình đồng với chỗ thấy của chư thánh. Để thấy cũng một cái đó, mà mê cũng mê cái đó, ngộ cũng ngộ cái đó, rồi sống cũng sống với cái đó thôi. Khiến cho mình không kẹt ở trên cái tên sai khác, cũng không có kẹt trên một pháp sai khác, mà mình nhớ để trở về với cái thể chân thật không hai không khác, thì đó là chỗ Kim Cang Bát nhã hàng ngày mình sống trong đó mà bỏ quên. Cái đó nó có tên gì đâu? Đặt Bát nhã cũng là tạm đặt cho nó một cái tên, đặt cho nó pháp thân cũng là tên, đặt cho nó chân tâm cũng là tên, đặt cho nó bao nhiêu cái tên, cũng chỉ một "cái đó" chứ đâu có gì khác! Nếu mình kẹt trên cái sai khác thì nơi mình có nhiều cái sai khác lắm, một cái pháp thân, một cái chân tâm, một cái Bát nhã, bản lai diện mục, đủ thứ, vậy khi mình thành Phật thì sao? Cái nào thành Phật? Không có cái thứ hai. Bởi vậy, Tổ chứng ngộ rồi thì cái thấy của các ngài thông cảm với nhau, không có hai, dù sống xa nhau nhưng cái thấy cũng đồng; do đó các ngài dù nói đông nói tây đều hợp với nhau. Đọc sử Tổ, chúng ta thấy các ngài nói nhiều câu mình nghe ngược đời, nghịch lý, giống như trái tai, mà khi thấu suốt hiểu kỹ rồi, cũng là thông suốt được ý trên, cũng không khác lời Phật nói, Kinh - Thiên

không hai. Học đây rồi mình thấy rõ, Phật nói Tổ nói không khác, Tổ sống xa thời Phật nhưng mà các ngài ngộ rồi nói ra khế hợp, bởi vì không rời chỗ chân thật đó. Tóm lại, pháp thể chân thật đó, hay Kim cang Bát nhã đó, là cái ai ai cũng sẵn có, dù Phật ra đời hay chưa ra đời cũng sẵn đủ, chứ không phải Phật ra đời mới có. Đã sẵn đủ, thì ai ngăn cản không cho mình tin đây? Bởi vậy, ai ai cũng có quyền tin, có quyền nhận nó được hết, chỉ có điều phải thiết tha, khéo học hỏi kỹ, vun bồi niềm tin cho vững vàng, hiểu cho đúng đắn. Khéo sống như vậy thì những tập khí của mình, những tâm niệm lãng xãng của mình nhẹ bớt, nơi mình liền nhận ra đầy đủ không thiếu. Nhưng điều quan trọng là phải có niềm tin, tin mình có sẵn cái đó, thì quyết định nhận ra cái đó chứ không có nghi. Như vậy quý vị đã hiểu được, cái chân thật đó, cái Vô thượng chính đẳng chính giác đó, là cái chân thật nơi mình không phải là cái tạo ra, không phải là cái nói được, là muốn chỉ nó sẵn nơi mình, không thuộc về cái phân biệt, không thuộc về ngôn ngữ, mà chính mình phải tự thực nghiệm, thể nghiệm, sống đang hoàng; như trước đã nói phải lựa hạng **“người trì giới tu phước”**, chứ không phải hạng nói suông, nói bát nhã ngoài miệng. Dù cho mình ngộ được đi nữa, mà còn thấy có chỗ ngộ là còn thấy có chỗ sở đắc, tức nhiên cái

ngộ đó vẫn còn một lớp mê, đây là điểm mà ai ai cũng phải để ý cho kỹ, ý thức cho rõ ràng! Trước kia có một ông cư sĩ tên là Triệu Biện, hiệu là Duyệt Đạo, tham thiền với thiền sư Phật Huệ, một hôm đang ngồi trong công đường nghe tiếng sấm nổ, liền khế ngộ, ông có làm bài kệ:

Mặc tọa công đường hư ẩn kỷ

Tâm nguyên bất động trạm như thủy
Nhất thỉnh tích lịch đánh môn khai

Hoán khởi từng tiền tự gia đế.

Ngồi lặng công đường luống tựa ghế

(ngồi trong công đường trống trơn vắng lặng tựa ghế)

Nguồn tâm chẳng động trong như nước

(nguồn tâm lúc đó yên lặng trong sáng như nước lặng trong vậy)

Một tiếng sấm vang đánh môn khai

(vừa nghe tiếng sấm nổ thì ở đây đã mở toang)

Gọi dậy từ xưa của nhà sấm.

(gọi dậy của báu sấm từ xưa đến nay)

Khi ông làm bài kệ đó, thiền sư Phật Huệ nghe mới cười, nói: “Triệu Duyệt Đạo vừa chụp tia sáng”, ngộ làm bài kệ hay quá mà ngài nói chụp tia sáng thì đó là được cái gì? Ngài cảnh tỉnh tuy ông ngộ vậy đó, nhưng đừng có nghĩ là ngộ được, có cái sở đắc là mắc kẹt. Trong nhà thiền, những vị đã tỏ ngộ đến trình, các ngài thường không có khen theo thế gian, nhiều khi các ngài chê nữa. Nhưng người thật ngộ, càng chê các ngài càng hiểu sâu hơn, chê mặc tình chê, mà mình biết được ý thì đó là cái ngộ thật; còn trình ông thấy, chê một tiếng rồi buồn liền đi ra, thì chưa ngộ thật. Nói để cho quý vị thấy ý nghĩa **“không được, không nói”** ở đây rõ thêm. Cho nên học Kim Cang Bát nhã nó mở sáng cho mình rất nhiều việc, nó phá cái tình chấp của mình rất lớn, do đó học kỹ, nghe kỹ từng chữ, từng câu đều soi sáng lại mình hết.



CHÁNH VĂN:

8. Y PHÁP SINH RA

Này Tu Bồ Đề! Ý ông nghĩ sao? Nếu người đem bảy báu đầy cả thế giới Tam thiên đại thiên dùng để bố thí, thì phước đức người đó được có nhiều chăng?

Tu Bồ Đề thưa:

- Bạch Thế Tôn, rất nhiều. Tại sao? Phước đức đó, chẳng phải phước đức tánh, thế nên Như Lai nói phước đức nhiều. Nếu có người nào đối trong kinh này thọ trì, cho đến chừng bốn câu kệ..., vì người khác mà nói, phước đức của người này hơn người bố thí kia. Tại sao? - Này Tu Bồ Đề! Tất cả Chư Phật và pháp Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác của Chư Phật đều từ kinh này phát ra. Tu Bồ Đề! Nói Phật pháp đó, tức chẳng phải Phật pháp.

GIẢNG:

Đoạn này nói về y pháp mà sinh ra. Ở đây có mấy điểm so sánh phước đức bố thí bảy báu

CHÁNH VĂN:

8. Y PHÁP SINH RA

Này Tu Bồ Đề! Ý ông nghĩ sao? Nếu người đem bảy báu đầy cả thế giới Tam thiên đại thiên dùng để bố thí, thì phước đức người đó được có nhiều chăng?

Tu Bồ Đề thưa:

- Bạch Thế Tôn, rất nhiều. Tại sao? Phước đức đó, chẳng phải phước đức tánh, thế nên Như Lai nói phước đức nhiều. Nếu có người nào đối trong kinh này thọ trì, cho đến chừng bốn câu kệ..., vì người khác mà nói, phước đức của người này hơn người bố thí kia. Tại sao? - Này Tu Bồ Đề! Tất cả Chư Phật và pháp Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác của Chư Phật đều từ kinh này phát ra. Tu Bồ Đề! Nói Phật pháp đó, tức chẳng phải Phật pháp.

GIẢNG:

Đoạn này nói về y pháp mà sinh ra. Ở đây có mấy điểm so sánh phước đức bố thí bảy báu

và phước đức trì kinh. Mới vào đức Phật bảo ngài Tu- bồ-đề: **“Ý ông nghĩ sao?”** là hỏi ý của ngài Tu- bồ-đề mà cũng nhấn mạnh đoạn ngài muốn nói. **“Nếu người đem bảy báu đầy cả thế giới tam thiên đại thiên dùng để bố thí thì phước đức của người bố thí này có được nhiều hay không”**. Trong lời hỏi của Phật có mấy chỗ cần giải thích: đem bảy báu, vậy bảy báu là cái gì với cái gì? Bảy báu, tức là bảy thứ vật quý báu trong đời là vàng, bạc, lưu ly, pha lê, xa cừ, xích châu, mã mao, bảy báu đó đem đầy cả thế giới tam thiên đại thiên, ở đây cho thấy không phải là một thế giới của mình thôi. Theo trong kinh luận giải thích, trong thế giới này gồm có một núi tu di ở trung tâm, rồi bốn châu là Nam thiệm bộ châu - Bắc cu lô châu - Tây ngưu hoá châu - Đông thắng thần châu ở chung quanh, ở trên có mặt trời mặt trăng và các vị tứ thiên vương ... cộng chung lại là một thế giới. Một ngàn thế giới đó mới gọi là tiểu thiên thế giới, rồi một ngàn tiểu thiên thế giới thành ra một trung thiên thế giới, rồi một ngàn trung thiên thế giới đó mới là một đại thiên thế giới. Vậy một đại thiên thế giới này gồm ba cái một ngàn: ngàn thế giới, một ngàn tiểu thiên thế giới, rồi một ngàn cái trung thiên, cho nên gọi

tam thiên đại thiên, như vậy để chỉ cho thế giới ở trong này nhiều vô số. Quý vị thấy, cách đây trên 2500, Phật dùng kính thiên văn nào mà thấy như vậy? Lúc đó chưa có kính thiên văn mà ngài thấy như vậy, là ngài đã mở mắt, gọi là Phật nhãn hay thiên nhãn của ngài mà ngài thấy như vậy, chứ không nhờ cái gì bên ngoài. Cho thấy từ thời cách nay 2.500 ngài đã thấy và nói ra như vậy, bây giờ khoa học tiến bộ chỉ làm sáng tỏ thêm cái ý nghĩa đó; bởi những điều Phật nói ra là những điều chính ngài thể nghiệm, đã thấy, rồi ngài nói chứ không phải suy đoán. Vậy đem của báu đầy cả tam thiên đại thiên thế giới đó mà bố thí, thì phước đức đó nhiều hay không? Ở đây so sánh phước đức hữu vi với phước đức tánh thuộc về phước đức vô vi. Đoạn trên đã phá tri kiến về đức Phật và pháp Vô thượng chánh đẳng chánh giác của Phật, gọi là không được không nói. Giờ đây sống trở về với vô vi thì phước đó như thế nào? Cho nên ở đây Phật gạn lại, nhưng trước khi nói tới phước vô vi, thì phước vô vi nó không có hình tướng gì nên phải mượn pháp hữu vi có hình tướng để thí dụ, người khéo nhân đó liền hiểu. Do đó ngài dùng thí dụ đem bảy báu đầy cả tam thiên đại thiên thế giới bố thí, quý vị thấy cơ chừng bao

nhiều? Cần để ý chữ “nếu” đứng đầu, “nếu” là sao? Nếu, là giả sử chứ không phải hẳn thực như vậy, phải hiểu ý đó. Ngài Tu-bồ-đề đáp: **“Bach Thế Tôn, rất nhiều, tại sao? Vì phước đức đó chẳng phải là phước đức tánh thế nên Như Lai nói phước đức nhiều.”** Đoạn này quý vị đọc có nghĩ không? Phước đức bảy báu mà bố thí như vậy, đó là phước đức hữu vi, phước đức có hình tướng, có tạo tác, ngài Tu-bồ-đề không biết điều đó hay sao mà đáp rất nhiều? Nếu rất nhiều, là thật hay sao? Học kỹ rồi mới thấy rõ, ở đây không có phá hoại tướng thế gian, nếu y trên tướng thì phước đức đó là phước đức do tích tụ bảy báu, tạo tác, mình đem ra mình dùng. Cho nên phước đó nhìn theo thế gian là rất nhiều, không phủ nhận, bởi vì sao? Bởi một bề phủ nhận thì phá hoại tướng thế gian sao? Vì phước này do tạo tác nên rất nhiều, còn phước đức thuộc về phước đức tánh là phước đức vô tướng, vô tướng thì nó lìa phân biệt, đâu có nhiều ít! Đây nói nhiều, là bởi vì nó thuộc phước đức tướng, cho nên có nhiều ít. Nếu so với phước đức thuộc về vô tướng thì nó là phước đức có tướng, phước đức hữu lậu hữu vi, nên ngài nói rất nhiều, mà có nhiều có ít là thuộc về cái sinh diệt; còn cái phước đức thuộc

về phước đức tánh thì nó không nhiều ít, nó vô tướng, không thấy được. Vậy phước đức tánh là phước đức gì? Tức là phước đức sống trở về với Kim Cang Bát nhã. Bởi sống trở về tính Kim Cang Bát nhã đó, thì cái phước đức đó quý vị nghiệm coi hình tướng ra sao? Chỉ sống trở về tính Kim Cang Bát nhã thì có hình tướng gì? Do đó không nói nhiều ít được, nhưng muốn nói để cho người ta hiểu thì sao đây? Phải tạm mượn phước đức có tướng để so sánh, khiến mình khéo thì nhận ra liền. Ở đây Phật cũng khéo như vậy, phước đức bảy báu đầy cả tam thiên đại thiên thế giới như vậy mà bố thí, cũng không bằng phước đức này nữa; để thấy rằng, phước đức này **vượt ngoài nhiều - ít**, còn phước đức kia tuy là nhiều, mà nhiều là đối với ít, là có sinh diệt, nếu bám vào đó mà hưởng thì đến một lúc nào nó cũng hết. Trái lại phước đức sống trở về tự tính Kim Cang đó thì hưởng bao giờ mới hết? Sống trở về đó thì, từ khi sống trở về cho đến khi sống trọn vẹn, rồi thành một vị Phật, thành một vị Phật thì đức dụng không biết bao nhiêu mà kể, dùng mãi từ đời này qua đời khác không hết, vậy không phải vô lượng sao? Song vì khó diễn tả, nên người khéo thì nhân thí dụ mà thâm nhận, thâm biết. Lục Tổ có giải thích: “*Tâm*

nương theo lời dạy của Phật, hạnh đồng với hạnh của Phật, đó là phước đức tánh". Lục Tổ dạy đơn giản. Nghĩa là tâm nương theo lời dạy của Phật, hạnh đồng với hạnh của Phật đó là phước đức tánh, đó là phước đức sống trở về với tánh giác. Nhưng đoạn này đáng lẽ có thêm một câu nữa, đây thì có thể do sót nên đọc kỹ sẽ thấy **"phước đức đó, chẳng phải phước đức tánh thế nên Như Lai nói phước đức nhiều, nếu có người nào đối trong kinh này thọ trì"**, đây đúng là lời của Phật, nên đứng ra trước chữ "nếu" có câu: **"Phật bảo: Nay Tu- bồ- đề"**. Trong bản đời Nguyên có đầy đủ là: **"Phật bảo: Tu- bồ- đề, nếu có người nào ở trong kinh này thọ trì chừng bốn câu kệ vì người khác mà nói thì, phước đức của người này hơn phước đức của người bố thí kia"**. Như vậy ý nghĩa rõ ràng sáng sủa. Ở đây quý vị chú ý **"người đối trong kinh này thọ trì chừng bốn câu kệ thôi thì phước đức của người này hơn phước đức của người bố thí kia"** thì dễ tin không? Mỗi ngày chỉ cần đọc bốn câu kệ là tốt rồi, khỏi làm gì hết, phải không? Cho nên học kinh Kim Cang là phải thấy cái ý ngoài văn tự, nếu bám vào chữ nghĩa thì dễ nghi ngờ. Ở

đây trước nhất phải hiểu nghĩa “thọ trì”, nghe nói thọ trì kinh là mỗi đêm tụng bộ này qua bộ kia gọi là trì kinh, nếu hiểu nghĩa như vậy thì hơi hợt quá! Thọ, là lãnh nhận; trì, là gìn giữ, lãnh nhận và gìn giữ, vậy chỉ đọc suông thì đã lãnh nhận và gìn giữ chưa? Phải lãnh hội được và sống với chỗ mình lãnh hội đó mới gọi là thọ trì, mới là gìn giữ không mất; chứ đọc suông, xuống là quên mất thì làm sao thọ trì được? Có lãnh nhận gì đâu? Phải hiểu được ý đó! Kế, thọ trì chừng bốn câu kệ thôi, là bốn câu kệ nào? Đó là chỗ khó xác định. Cho nên có nhiều thuyết:

Hai bài kệ ở trong kinh Kim Cang:

**1/ Tất cả pháp hữu vi, Như mộng
huyễn bào ảnh ...**

**2/ Phàm sở hữu tướng giai thị hư
vọng... Như Lai.**

Ở đây cần nghe kỹ lại cho rõ: “**đối trong kinh này thọ trì cho đến chừng bốn câu kệ**”, như vậy Phật đâu có nói quyết xác định là bốn câu kệ nào! Đó là ý sâu của Phật! Nếu nói được thì Phật chỉ thẳng liền hai bài kệ đó hoặc là ông thọ trì bốn câu kệ đầu hoặc bốn câu kệ

sau, ở đây Phật không chỉ rõ thì có ý gì trong đó? Đây có hai điểm: thứ nhất tùy theo mỗi người, ngay **bất cứ đoạn nào** trong kinh này mình khế hợp lãnh hội lấy, tu hành sống chân thật ở trong đó là đều trở về với tánh Kim Cang Bát nhã hết chứ không cố định chỗ nào. Vì vậy Phật không xác định câu nào. Cũng như Lục Tổ đâu có tính trước là ngài nhắm thẳng vào câu kinh Kim Cang: **“Ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm”** đó mà ngộ, khi nghe Ngũ Tổ dạy tới đó thì khế hợp liền ngộ, đâu nhất định; cho nên chỉ cố định vào một đoạn nào thì nguy hiểm, vì sẽ chấp vào đoạn đó! Thí dụ chỉ vào bài kệ: - **“Nhược dĩ sắc kiến ngã, dĩ âm thanh cầu ngã...”** Phật chỉ nhất định vào đoạn đó thọ trì thì phước đức vô lượng, nghe vậy khiến ai ai cũng lo học thuộc lòng đọc mãi đoạn đó thôi, vậy là chấp vào văn tự chữ nghĩa rồi! Ở đây Phật nói rất là hay, không chỉ đoạn nào hết, tùy người lãnh hội đoạn nào, đều là chỗ để mình sống trở về, đều mở sáng tánh Kim Cang của mình hết. Điểm thứ hai là, trong đây nói rõ **“cho đến”** chừng bốn câu kệ, chú ý hai chữ **“cho đến”** nghĩa là ít nhất là bốn câu kệ, tức nói ít để mình rõ nhiều, chỉ cần một đoạn ngắn bốn câu kệ thôi, mà mình tu hành cũng mở sáng được trí tuệ của mình rồi, huống nữa là

mình lãnh hội cả bộ kinh! Lấy cái ít để hiểu cái nhiều, ý đó rõ ràng; nhưng không khéo, xác định bốn câu nào đó, khiến mình mắc kẹt. Chỗ này nói rộng ra một chút, khi mình bắt đầu sống trở về với tánh Kim Cang Bát nhã, là đi ngược dòng phàm để trở về; đây chỉ mới bắt đầu thôi; hướng nữa là mình sống được trọn vẹn trong tánh Kim Cang Bát nhã, tức là mình nắm tay chư Phật, chư Tổ cùng đi. Đây cũng vậy, mình chỉ cần thọ trì bốn câu kệ thôi, còn phước lớn như vậy hướng nữa là thọ trì cả toàn bộ kinh, tức là sống trọn vẹn trong đó, ý rất là sâu xa! Bởi vậy, nếu nghe nói bốn câu kệ rồi chấp vào đó, suy đoán bốn câu này, bốn câu kia, đó là bị ngôn ngữ lừa. Nên về sau có vị tăng đem ý này hỏi thiền sư Hối Đường:

- Thế nào là bốn câu kệ?

Ngài Hối Đường bảo:

- Lời rơi rồi, chẳng biết.

Hỏi như vậy, là lời rơi rồi, mắc kẹt rồi! Nghe nói bốn câu rồi tưởng là bốn câu nào đó, là ông mắc kẹt trong ngôn ngữ rồi, do đó cần thấu qua hai chữ “**chẳng biết**”. Như vậy để cho thấy nếu chỉ nghe bốn câu kệ rồi cố để phân tích để xác định trên ngôn từ là mình mắc kẹt

nơi lời nói, đó là tự mình làm trên chữ nghĩa. Trái lại, hiểu rõ bất cứ một đoạn nào trong kinh Kim Cang, mình khéo lãnh hội ứng dụng sống đều có công đức vô lượng. Bởi vì lãnh hội cái đó để mình sống trở về với tánh Kim Cang Bát nhã của mình, đó là thuộc về phước đức tánh, chứ không thuộc về hữu vi, về tướng, đó là cái nhân để thành Phật, sống viên mãn thì mình là một vị Phật, công đức đó không lường được là như vậy. Chỗ này cũng có điểm nhắc nhở cho mọi người phải phước huệ song tu, phước huệ cho cân bằng. Cái phước bố thí bảy báu tuy nó thuộc về hữu lậu hữu vi, là không thật, nhưng vẫn nói là nhiều chứ không bác bỏ, không phải cho đó là phước hữu lậu rồi không cần. Vì vậy ngài nói **“rất nhiều”** không có phủ nhận, để ngừa cho mình nghiêng về bên huệ mà thiếu phước. Thứ hai, so sánh phước đức tánh thì nó thù thắng hơn phước đức bố thí bảy báu, để ngừa mình quá say mê về cái phước hữu lậu mà quên tu huệ, bởi say mê trên phước hữu lậu đó cũng dễ mắc kẹt lắm, có phước nhiều thì sao? Có khi phước nhiều thì dễ ngã mạn, tự hào, mà cũng dễ tạo tội nữa. Chúng ta thấy nhiều vị giàu sang thông minh trí tuệ thì đâu không phải là không có phước mà được, vậy mà có nhiều người ỷ giàu khinh khi người này,

khinh khí người kia, người ta xin bát cơm cũng nói lời nặng nề nữa, ý vào cái phước của mình; đến khi hết phước thì cái họa sẽ tới. Còn huệ mà thiếu phước thì cũng chưa đủ; bởi có câu: – Quy y Phật lương túc tôn – Quy y pháp ly dục tôn – Quy y Tăng chúng trung tôn. Quy y Phật lương túc tôn, là đầy đủ cả hai: Phước – Huệ, gọi là phước huệ trang nghiêm, mới là Phật. Thời Phật, có một vị A la hán đi khát thực thường ôm bát về không; A la hán là giải thoát sinh tử, nhưng đi khát thực ôm bát về không, vì thiếu phước. Cho nên ở đây phải hiểu phước huệ đầy đủ. Vậy quý vị đã hiểu ý nghĩa thọ trì chừng bốn câu kệ vì người khác mà nói thì phước đức của người này hơn người bố thí kia là như vậy đó, phước đức này là phước đức sống trở về với tự tánh của mình.

Kế Ngài hỏi: “Tại sao?” Đó là để giải thích lý do. Đáp: “**Này Tu-bồ-đề, tất cả chư Phật và pháp Vô thượng chánh đẳng chánh giác của chư Phật đều từ kinh này mà phát ra**”, lý do rõ ràng, nhưng chỗ này cũng có một điểm cần lưu ý! Tất cả chư Phật và pháp Vô thượng chánh đẳng chánh giác của chư Phật đều từ kinh này mà phát ra, có nghi không? Như vậy khi Phật chưa thành đạo thì

kinh này ở đâu? Ai nói ra? Phải hiểu rõ bộ kinh này là kinh gì? Phải bộ kinh để trên bàn đó không? Hoặc những ngôn ngữ, những lời dạy mà mình đang học đây không? Đây nói bộ kinh này, không phải là bộ kinh bằng giấy bằng mực đó, mà là *"bộ kinh đang phóng hào quang nghe pháp"*, *"quyển kinh đang ngồi nghe pháp đó"*. Sở dĩ Phật thành Phật là do ngộ được bộ kinh sống này, rồi ngài sống trọn vẹn trong đó, ngài thành Phật, rồi ngài mới ở trong đó mà ngài nói ra, cho nên pháp Vô thượng chánh đẳng chánh giác của chư Phật cũng từ đó mà có ra, hiểu như vậy mới thấy được ý này. Đây cho thấy thêm một điểm nữa, là ý giáo ngoại biệt truyền nằm sẵn trong đó. Nói bộ kinh này, nhưng không phải bộ kinh bằng chữ nghĩa, mà là bộ kinh sống mỗi người đang sống, cái đang sáng suốt ngồi nghe pháp đó mới là bộ kinh thật; còn bộ kinh để trên bàn này là bộ kinh bằng giấy mực, cũng bị mỗi một nó ăn, trái lại bộ kinh kia có bao giờ mất được? Cho nên Hòa thượng Đại Châu tức ngài Huệ Hải có nói: *"Nhằm ở trong thất chông mấy hòm kinh, xem coi có phóng quang chăng? Chỉ do chính mình một niệm phát tâm tức là công đức"*, ngay nơi chính mình mà phát tâm thì chính là công đức sáng toả ra, chứ trong thất mà chất cả một tủ

kinh trong đó nó có phóng hào quang được không? Nếu hiểu được ý này, liền rõ chư Tổ có nói đông nói tây, nói ngang nói dọc gì thì cũng đồng một chỗ thấy đó; có khi nói thế này, có khi nói thế khác nhưng chỗ thấy cũng khế hợp nhau. Ngài Huệ Hải sống cách thời đức Phật cả ngàn năm hơn, vào thời Đường, mà ngài nói cũng khế hợp đâu có khác! Khi thấy được chỗ đó rồi, nhận được chỗ đó rồi, thì chỗ thấy như nhau, không có hai, cho nên nói Phật Phật như số cát sông hằng, nhưng chỗ chứng không có hai, nếu có hai thì thành ra cái gì chứ không phải Phật rồi. Trong Chứng đạo ca có câu: *"Hằng sa Như Lai đồng cộng chứng"*, tức là các đức Như Lai nhiều như số cát sông hằng đồng chung một chỗ chứng không có khác. Bởi vậy, ngay đây nếu ai khéo hiểu, khéo nhận, tỏ ngộ được lý thật rồi, liền thấy chỗ thấy này giống như chỗ thấy của chư Phật, của Tổ không khác; do đó đọc lại lời Phật, lời Tổ, tự nhiên mình sáng. Vậy ai dạy mà nó sáng? Bởi vì chỗ thấy không hai nên tự nó sáng, còn nếu ai đó tự hào mình đã tỏ ngộ rồi mà thấy khác chư Tổ thì cái đó còn phải kiểm điểm lại, xem cái đó có phải là thứ thiệt chưa hay là thứ giả? Hiểu như vậy, giả sử có ai nói "tôi có một pháp đặc biệt từ trước giờ chư Phật, chư Tổ chưa có" thì biết đó

là thứ gì rồi! Nếu mình hiểu kỳ thích cái lạ, vội chạy tới ắt liền bị gạt.

Tiếp theo **“Đức Phật liền bảo: Này Tu-bồ-đề, nói Phật pháp đó tức chẳng phải Phật pháp.”** Quý vị thấy có lạ không? Mới nói **“tất cả chư Phật và pháp Vô thượng chánh đẳng chánh giác của chư Phật đều từ kinh này mà phát ra”**, mới nói xong liền phủ nhận: **“nói Phật pháp tức không phải Phật pháp”**, hiểu chỗ này mới thấy tinh thần của Kim Cang Bát nhã, là đi qua liền phủi dấu. Bởi vì Phật pháp chân thật đó, nó đâu phải là cái tên, cái chỗ mình suy nghĩ mà hiểu đến được; do đó khi nói **“chư Phật”**, nói là **“pháp Vô thượng chánh đẳng chánh giác của chư Phật đều từ kinh này phát ra”** thì e rằng mọi người nghe vậy rồi chấp thật có pháp Vô thượng chánh đẳng chánh giác để cho mình suy nghĩ, rồi bám vào đó cầu để được. Bởi tâm chúng sinh hễ nghe nói đâu liền bám vào đó, nên Phật nói qua liền phủi dấu ngay, lập xong liền phá, không để cho mình có chỗ nào bám. Tinh thần nhà thiền cũng như vậy, nghĩa là quét hết không lập một cái gì cho mình bám nhận, các ngài thường gọi là: *“Ta không có một pháp cho người, chỉ là vì người nhớ định tháo*

chốt vậy thôi.” Nghĩa là gỡ những tình chấp cho mọi người thôi, chính đó là yếu chỉ của bát nhã, phá cái ngã nhưng không lập một cái gì để cho người ta bám, mới lập cũng phá luôn, lập là tạm lập vậy thôi, chứ không có chỗ để cho mình bám, gọi là dẫn mọi người đến chân tướng, đến vực thẳm - có khi xô ngã nữa, như vậy mới có chết đi rồi sống lại. Nếu còn có chỗ cho mình bám là còn có chỗ để cho cái ngã này, cái tình thức này nó sống dậy. Tổ Lâm Tế bảo: *“Người học thời nay không đạt được bởi vì nhận danh từ làm hiểu, ghi chép những lời lẽ chết của người xưa ở trong một quyển sổ to rất kính trọng, rồi bỏ vào trong túi áo kép - tức hai ba lớp - không cho người thấy nói là huyền chỉ, cần phải bảo trọng. Lâm to rồi! Kẻ dui mù các ông bằng vào cái xương khô mà tìm sao cho ra nước?”* Cốt yếu là nhận những lời này, soi sáng lại nơi mình để thấy rõ tâm thể chân thật mình đang sống hằng ngày đó mà bỏ quên, từ đó ứng dụng sống để giải trừ những phiền não, những mê lầm, mới là sống thực. Một đoạn khác ngài lại bảo thêm: *“Chư huynh đệ! Chớ chấp vào lời nói của sơn tăng! Vì sơn tăng có nói ra thì cũng như vẽ hình ở trong hư không, thế mà còn vẽ đủ thứ màu sắc”.* Ngài có nói ra cũng như là vẽ hình trong hư không vậy thôi,

nhưng khổ nỗi mọi người còn nhân cái đó tô vẽ thêm nhiều màu sắc nữa, tức là nghe ngài nói rồi tưởng tượng thêm, tưởng tượng thế này, tưởng tượng thế kia, thành ra càng xa vời thêm nữa, đó là mắc kẹt trong ngôn từ. Ngài muốn nhắc là phải *“đạt ý quên lời”*, nhân lời đó mà thấy lại ý ngoài lời, cũng như ở đây chỉ nói bốn câu kệ thôi, mình nghe nói bốn câu kệ rồi lo phân tích đó là bốn câu nào, nhận bốn câu đó rồi chép vào giấy treo trong phòng để trưng bày! Tổ Bách Trượng có nói: *“Đọc kinh xem giáo lý đều phải uyển chuyển xoay lại chính mình”* Quý vị thấy, kinh và thiền gặp nhau, ở đây là kinh, ở kia là thiền đều khế hợp nhau. Lâu nay chúng ta nghe nói là thiền, nhất là thiền tông thuộc về giáo ngoại biệt truyền, không cần học kinh điển hoặc là học kinh, học luận sẽ bị che mắt, nhưng mình thấy kinh với thiền đâu khác, cái bệnh là nơi mình chú đầu phải nơi kinh. Mình chấp vào đó thì là bệnh, còn khéo nhân đó thấy lại, soi sáng lại mình, thì càng làm sáng tỏ kinh điển của Phật nữa, tức là mình chuyển lời kinh chết ở trong giấy mực thành ra những lời kinh sống, làm sáng tỏ nghĩa trụ trì Tam Bảo, cho mọi người thấy cái quý báu của Phật pháp, như vậy mới thấy Tam bảo trụ trì ở thế gian hoài. Tóm lại ở đây muốn

đánh thức cho mọi người phải quên cái công tạo tác của mình để sống trở về với tự tánh, mở sáng kho báu sẵn nơi mình mà mình bỏ quên từ bao nhiêu kiếp khiến lăn lộn trong vòng sinh tử, đó mới là quý, mới là bộ kinh sống thực. Trong Chứng Đạo Ca ngài Huyền Giác bảo:

Giác tức liễu bất thi công,

Nhất thiết hữu vi pháp bất đồng.

Giác liền xong chẳng tốn công, không cần tốn công phu gì hết, tất cả pháp hữu vi thấy đều chẳng đồng, tức là giác nơi mình cái này có sẵn từ bao giờ đến bao giờ, đâu phải là do công phu nhọc nhằn khó khăn mới được cái đó, chỉ tại mình quên thôi, nhớ lại liền xong. Không hiểu được ý đó, khi thấy được cái lý hay hay một chút liền kể công, là thấy cái này do công phu tu hành của mình bao nhiêu năm nay khó nhọc ăn chay, bỏ ngủ, hôm nay mới có được, như vậy dễ ngã mạn, thấy **ta được rồi, ta hơn những người khác chưa được**. Vì vậy trong đây nói không có được gì hết, không có công phu gì, chỉ thấy ngay nơi mình có sẵn thôi. Chính không chấp vào công phu đó mới là người thực thấy, còn vừa có niệm chấp là có công phu, chấp là có được, đó là bị một lớp mê

mới nó che rồi. Như vậy, một bên là công phu có tạo tác như là phước đức bố thí, làm cái này làm cái nọ, mà có tạo tác là có giới hạn, có sinh diệt thuộc về vô thường; còn một bên không có tạo tác, không có vô thường, xai hoài không hết, ai là người sáng suốt thì tự mình chọn cho mình chứ không ai chọn thay cho mình. Đường đã rõ ràng, mình muốn đi đường nào thì đi, nếu muốn bám theo phước thuộc về hữu lậu có tạo tác có sinh diệt đó, không chịu hưởng về phước đức tánh để sống trở về với tự tánh của mình, tức đi vào luân hồi, trái lại là vào thế chân thật thường trụ, an vui mãi.



9. MỘT TƯỚNG VÔ TƯỚNG

Này Tu Bồ Đề! Ý ông nghĩ sao? Tu Đà Hoàn có hay khởi niệm thế này: “Ta được quả Tu Đà Hoàn” chăng?

Tu Bồ Đề thưa:

- Bạch Thế Tôn, chẳng được. Tại sao? Tu Đà Hoàn gọi là “vào dòng”, mà thật không có chỗ vào: chẳng vào sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, đó gọi là Tu Đà Hoàn.

- Tu Bồ Đề! Ý ông nghĩ sao? Tư Đà Hàm có hay khởi niệm thế này: “Ta được quả Tư Đà Hàm” chăng?

Tu Bồ Đề thưa:

- Bạch Thế Tôn, chẳng được. Tại sao? Tư Đà Hàm gọi là “một lần qua lại”, mà thật không có qua lại, đó gọi là Tư Đà Hàm.

- Tu Bồ Đề! Ý ông nghĩ sao? A Na Hàm có hay khởi niệm thế này: “Ta được quả A Na Hàm” chăng?

Tu Bồ Đề thưa:

- Bạch Thế Tôn, chẳng được. Tại sao? A Na Hàm gọi là: “chẳng lại”, mà thật không có chẳng lại, thế nên gọi là A Na Hàm.

- Nay Tu Bồ Đề! Ý ông nghĩ sao? A La Hán có hay khởi niệm thế này: “Ta được đạo A La Hán” chăng?

Tu Bồ Đề thưa:

- Bạch Thế Tôn, chẳng được. Tại sao? Thật không có pháp gọi là A La Hán. Thế Tôn! Nếu A La Hán khởi niệm thế này: “Ta được đạo A La Hán”, tức là dính Ngã Nhân Chúng sinh Thọ giả. Thế Tôn! Phật nói con được Vô tránh tam muội, ở trong người rất là bậc nhất, là vị A La Hán Ly dục bậc nhất. Thế Tôn! Con chẳng khởi niệm thế này: “Ta là bậc A La Hán Ly dục”. Thế Tôn! Nếu con khởi niệm “Ta được đạo A La Hán”, Thế Tôn ắt chẳng nói “Tu Bồ Đề là người thích hạnh A lan na”. Do Tu Bồ Đề thật không có chỗ hành, mà gọi là Tu Bồ Đề thích hạnh A lan na

GIẢNG:

Đây là đoạn nói về bốn quả thanh văn, tức là Tu đà hoàn – Tư đà hàm – A na hàm – A la hán. Trước đã nói là Vô thượng Bồ đề không thật có được, ở đây nói tứ quả thanh văn là tướng để cho thấy, không có chỗ cho mình trụ vào trong cái quả, là ngấm đưa về thật tướng vô tướng đó. Nhưng ở đây cũng có ý giải thích cái nghi **“Phật pháp chẳng phải Phật pháp”**.

Ở đoạn trên Phật nói Phật pháp chẳng phải Phật pháp thì có cái nghi, “như vậy từ trước Phật nói về Tứ đế, Tứ quả là sao? Nên ở đây giải cái nghi đó.

Thứ nhất Phật nói về Tu Đà Hoàn, Phật hỏi Ngài Tu Bồ Đề: **“Ý ông nghĩ sao? Tu Đà Hoàn có hay khởi niệm thế này: “Ta đã được quả Tu Đà Hoàn” chẳng? Ngài Tu Bồ Đề thưa: Chẳng được. Vì sao? Bởi vì Tu Đà Hoàn là nhập lưu, nghĩa là vào dòng mà thật không có chỗ vào; không chỗ vào đó là chẳng vào sắc, thanh, hương vị, xúc, pháp đó gọi là Tu Đà Hoàn.”** Mới nghe thật khó hiểu. Bởi Tu Đà Hoàn là quả đầu tiên của tứ quả Thanh Văn, chữ Hán gọi là nhập lưu, hoặc dự lưu, là vào dòng Thánh, hay dự vào dòng thánh. Vị này đã đoạn

được kiến hoặc là kiến chấp sai lầm, tức dứt được cái thấy sai lầm về dục giới, cho nên vị này đoạn được ba kết: một thân kiến, hai là nghi, ba là giới cấm thủ. Tức là không còn có kiến chấp về thân, không thấy có thân này là ngã, là thật; không còn có cái nghi ngờ về pháp, như pháp Tứ Đế, đó là lý chân thật; không còn giữ những giới cấm sai lầm, chẳng hạn như xưa ở bên Ấn Độ có những đạo giữ các giới, như giới chó, là sống như chó, rồi những giới đứng một chân, họ nói suốt ngày đứng như vậy khiến cái thân khổ hạnh, thì sau đó được giải thoát, đó là những giới cấm thủ. Ở đây những vị này đã dứt được những cái kiến chấp sai lầm, tức không còn có những cái thấy sai lầm nữa. Tóm lại dứt được ba cái kết, tức không chấp về thân, không còn nghi ngờ về pháp như là pháp Tứ Đế, không còn có những cái chấp về các giới cấm sai lầm. Vị này là được không còn sinh vào trong các loài thú địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, a tu la, chỉ còn bảy lần sinh lên trời và vào cõi nhân gian thì qua sinh tử. Ở đây tuy là còn bảy lần sinh tử, nhưng mà đã có hạn mức bảy lần nữa là hết, là qua, nên chúng được Tu Đà Hoàn là ngược dòng phàm vào dòng thánh, không còn thối lui vào các dòng ác nữa. Nhưng ở đây nhiều vị nghe nói Tu Đà Hoàn vào dòng thánh, lại nghĩ có chỗ để vào, hoặc là ngay

khí chứng được quả Tu Đà Hoàn có khởi niệm được hay không; do đó để chứng minh, Ngài Tu Bồ Đề đáp: **“chẳng được”**, tức là không có khởi niệm ta được quả Tu Đà Hoàn. Bởi vì sao? Bởi nếu đã thật được quả Tu Đà Hoàn thì còn khởi niệm được gì nữa? Nếu còn khởi niệm được, tức là chưa sống được trong đó, là không phải Tu Đà Hoàn rồi, nên mới khởi niệm được. Trái lại đã sống thực trong đó thì còn khởi niệm chi nữa. Để thấy rõ, còn có khởi niệm được là chưa được. Ở đây cho thấy, Tu Đà Hoàn vốn lìa tướng, mà khởi niệm là dính tướng liền, cho nên không khởi niệm.

Thứ hai là trừ chấp vào dòng thánh, nghe vậy cho là có chỗ vào, cũng là lầm theo chữ nghĩa. Nghe nói vào mà còn thấy “*chỗ vào*”, tức còn đứng ngoài cửa. Nếu đã vào trong đó rồi thì còn vào gì nữa. Nói “*vào*” đây, là ngược dòng sáu trần chứ không gì hết, chẳng dính vào sáu trần thì tạm gọi vào dòng thánh, nên nói không vào sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Nếu vào sáu trần thì trôi theo dòng phàm, còn không vào sáu trần thì ngược dòng phàm vào thánh, đó là tạm gọi danh từ “*vào*” đấy thôi, chứ đâu có chỗ vào. Như vậy ngay sơ quả Tu Đà Hoàn là đã thấy ánh sáng Bát Nhã trong đó. Tức là đưa sơ quả trở về Bát Nhã,

từ sơ quả thuộc tiểu thừa trở về đại thừa. Thứ hai là quả Tư Đà Hàm, nghĩa là nhất lai, còn một lần qua lại, tức một lần sinh lên cõi trời xuống nhân gian. Bước qua quả vị nhất lai này là phần tu đạo, phần đoạn tư hoặc. Tư Đà Hoàn thì đoạn dứt kiến hoặc, tức cái thấy sai lầm đối với lý, mà cái thấy sai lầm thì chuyển một cái là giải quyết được, nhưng cái tư hoặc, hay cái tư dục ở trong nội tâm mình thì rất là khó, không phải thấy là xong, là hết. Bởi vậy trong kinh luận có nói, trong dục giới có chín phẩm tư hoặc, tư hoặc tức mê lầm thuộc về nội tâm, chín phẩm đó gồm có thượng, trung, hạ, rồi trong cái thượng gồm có thượng thượng, thượng trung, thượng hạ. Trung thì có trung thượng, trung trung, trung hạ. Hạ thì có hạ thượng, hạ trung, hạ hạ, đó gọi là chín phẩm, Tư Đà Hàm này đã đoạn được sáu phẩm, còn sót lại ba phẩm chưa đoạn nên phải còn một phen sinh lên trời, xuống nhân gian thì mới đoạn hết. Bởi cái tư hoặc không phải đoạn một lần là xong liền, không phải dễ. Về cái thấy sai lầm thì mình thấy đúng, liền trừ được cái sai lầm, còn cái nghiệp huân tập, cái dục trong nội tâm mình, cái đó rất khó không phải dễ dàng nên gọi là nghiệp tập vi tế. Bởi vậy phải công phu dài, ai có kinh nghiệm công phu thì thấy rõ, mình dù cho hiểu đạo, biết thân này là huyễn không thật có ngã, là giả dối

thôi, nói qua là hiểu dễ dàng, song ai nói động đến nó thì sao? Nói qua là hiểu liền, nhưng động đến thì ở trong nó cũng phùng phùng lên. Đọc sử các vị thiền sư, thấy rõ ngộ trong tích tắc nhưng mà sống để cho sạch những tập khí đó không phải một sớm một chiều, một phút hai phút hay một ngày hai ngày. Ở đây qua phần tu đạo này thì có Tư Đà Hàm, A Na Hàm, qua A Na Hàm tới A La Hán, mới qua hết đoạn này. Còn phần kiến đạo thì có Tu Đà Hoàn thôi. Cho nên thấy được lý phải sống trong đó cho được đầy đủ trọn vẹn thì mình mới làm chủ lấy mình, chủ phiền não, sinh tử, chớ đừng vội thấy liền cho đó là xong thì không phải. Đó là nói về ý nghĩa kiến đạo bước qua phần tu đạo để dứt sạch những nghiệp tập vi tế còn ở trong nội tâm của mình, thuộc về tư hoặc tức cái mê lầm thuộc về tâm. Tiến lên một bước nữa, Lục Tổ giải Tư Đà Hàm theo tinh thần của đại thừa để hướng về sống với nội tâm mình. Ở trên nói về đoạn trừ những tư hoặc gồm có chín phẩm đó là theo pháp số danh từ, còn Lục Tổ ngài chỉ thẳng ngay nơi tâm niệm mình là: *"Mắt xem các cảnh, tâm có một phen sinh diệt mà không có cái sinh diệt thứ hai nên gọi một lần qua lại. Niệm trước khởi vọng, niệm sau liền dừng; niệm trước có dính mắc, niệm sau liền lìa, nên thật không có qua lại."* Nghĩa là niệm trước khởi vọng,

niệm sau liền dừng, không có tiếp tục nên nói một phen qua lại mà thật không có qua lại gì hết. Chúng ta nghe nói một phen qua lại, rồi mắc kẹt, tưởng đến một lần qua lại; nếu thấy có tướng một lần qua lại thì bị mắc kẹt trong đó. Ở đây ngài giải thích ngay khi niệm khởi mình liền giác, giác thì dừng đâu có tiếp tục, tức không có niệm sinh diệt thứ hai. Gọi là chỉ có một lần qua lại thôi; lỡ bất giác bây giờ giác thì dừng, đó là sống ngay nơi nội tâm mình, ngay nơi niệm đang hiện tiền đây, chứ không giải thích xa xôi. Đó là không chấp trong tướng sinh diệt, chỉ cho mình trở về nơi nội tâm, nơi niệm hiện tiền đó, lỡ có bất giác thì giác trở lại dừng ngay, lỡ có một phen qua lại liền dừng không tiếp tục nữa, coi như mình đang sống trong Tư Đà Hàm.

Thứ ba là A na hàm dịch là bất lai, nghĩa là chẳng còn trở lại. Tới A na hàm là đoạn hết chín phẩm tư hoặc, đoạn sạch hết chín phẩm thuộc về dục giới đó nên không còn sinh về dục giới. Vì A na hàm khi bỏ thân này thì sinh lên cõi trời Ngũ na hàm, ở đó vào niết bàn luôn không sinh trở lại nữa, cho nên gọi là bất lai. Ở đây cho thấy, vị này đã đoạn được tư hoặc thì tâm đâu còn động, còn nhiễm về những suy nghĩ sai lầm, mà trong tâm không còn động còn nhiễm thì đâu trở lại; vì còn

động còn nhiệm nên mới trở lại; khởi niệm động, khởi niệm nhiệm nên mới quay trở lại, còn không nhiệm thì quay lại đâu? Nên còn thấy một “*tướng ngã*” để trở lại thì sao? Nghe nói bất lai rồi tướng có một “*cái ngã*” không trở lại, tức là trở lại rồi! Vừa thấy có cái ngã chẳng trở lại liền trở lại! Do đó nói bất lai nhưng chẳng có bất lai, tạm gọi danh từ chẳng trở lại là bất lai vậy thôi, đó là danh từ tạm đặt không nên bám vào đó để chấp theo danh từ, nghe nói chẳng trở lại rồi chấp có một cái chẳng trở lại, thì đã trở lại. Nói cho gần hơn là, trong tâm mình không có niệm thứ hai, luôn luôn một niệm hiện tiền sáng suốt đây, không có niệm thứ hai chen vào thì ngay đó chẳng có trở lại đâu hết, tạm cho cái tên A na hàm để mình sống ngay nơi niệm giác đây, thấy nghe biết tất cả nhưng không để có niệm thứ hai chen vào, còn có một niệm thứ hai chen vào là bắt đầu trở lại sáu trần.

Thứ tư là A La Hán. A La Hán này có nhiều nghĩa: thứ nhất là dứt sạch mọi phiền não; thứ hai nghĩa là ứng cúng, đáng được cho Trời người cúng dường, tức bậc này là bậc đã được giải thoát, được trời người cúng dường; thứ ba là vô sinh, tức dứt mầm sinh tử không còn sinh trở lại, ở đây nhấn nghĩa thứ ba này tức là vô sinh.

CHÁNH VĂN:

Đức Phật hỏi Tu Bồ Đề:

- Nay Tu Bồ Đề! Ý ông nghĩ sao? A La Hán có hay khởi nghĩ thế này: “Ta được đạo A La Hán” chăng?

GIẢNG:

Nói A La Hán đó mình nghĩ có cái pháp A La Hán, có cái đạo A La Hán để được; khi khởi nghĩ có pháp được, đạo được là sinh rồi, mà sinh thì trái với A La Hán, bởi A La Hán là vô sinh. Nếu thật A La Hán, mà còn khởi nghĩ ta được A La Hán nữa thì sao? Còn khởi nghĩ được là chưa phải thật A La Hán cho nên mới nghĩ được, chỗ đó rất là vi tế, đã A La Hán thì được gì nữa, dư rồi!

Thứ hai vừa khởi niệm được thì liền có ngã niệm. Có ngã là đối với nhân, tức có ta có người. Ngã nhân đối nhau sinh ra chúng sinh niệm. Cái niệm ngã, nhân, chúng sinh cứ tiếp nối không dứt là thọ giả niệm, thọ giả là kéo dài tiếp tục. Như vậy vừa khởi niệm liền ở trong bốn tướng, cho nên khởi niệm tức là sinh, thì trái với A La Hán vô sinh. Bởi vậy khi nghe nói chúng A La Hán tướng có pháp để chứng được thì rõ ràng là người đứng ngoài cửa tướng tượng. Chính A La Hán là

tâm đã dứt sạch hết ngã chấp, lặng những niệm đây kia thì tạm gọi A La Hán, chứ đâu có pháp gì để được trong đó. Vì vậy, ngay nơi mình đây một niệm lặng là một niệm A La Hán, là một niệm niết bàn, mọi niệm đều lặng thì niệm niệm A La Hán, niệm niệm niết bàn tức là niệm niệm vô niệm, biết tất cả mà không sinh, không khởi niệm thì có gì để được. Vậy A La Hán hay niết bàn đều ngay tâm thể mình không đâu xa. Mình nghe nói tu phải chứng A La Hán, phải nhập Niết Bàn, liền nghĩ chắc nhập là phải đến chỗ nào đó, là sinh trở về cõi niết bàn, nhưng khi có một cõi niết bàn để trở về, đó là không phải niết bàn, không phải A La Hán rồi. Bởi có một cõi về thì có chỗ để sinh và chỗ để tử, đó là thuộc về sinh diệt đâu phải A La Hán. Vậy A La Hán là sống trở về tâm thể vô sinh, ngay đây đã đầy đủ.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Thế Tôn “Nếu mà A La Hán khởi niệm thế này: ta được đạo A La Hán tức sẽ dính ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả”, rồi Bạch Thế Tôn nói: “Con được Vô Trách Tam Muội ở trong người rất là bậc nhất, là vị A La Hán ly dục bậc nhất, nhưng con chẳng khởi niệm ta là bậc A La Hán ly dục, bởi vì sao? nếu con khởi niệm ta được đạo A La Hán thì Thế Tôn ắt chẳng nói Tu

Bồ Đề là thích hạnh Alanna". Ở đây có mấy từ hơi khó hiểu là Vô Tránh Tam Muội, ly dục, Alanna. Vô Tránh Tam Muội, vô tránh là không tranh, không chống trái với mọi vật; còn tam muội là chính định, hoặc chính thọ, mình không thọ tất cả mọi thứ tức thuộc về chính thọ hay chính định. Bởi khi mình không thọ gì hết thì tâm an; còn thọ này thọ kia, có thọ tức có phiền não, thọ cái nào thích ý thì vui, cái nào không thích ý thì khổ, cho nên có thọ thì có khổ có vui, có động, có sinh diệt, là không có định. Bởi Ngài Tu Bồ Đề giải được lý không bậc nhất nên Ngài quên niệm Ta - Người, thì còn gì để mà tranh. Sở dĩ có tranh là vì có ta có người, tranh người với ta, còn ở đây không ta thì lấy gì tranh? Tâm vừa có ngã thì mới có cái để tranh, tranh với cái ngã này; ngược lại có tranh, nhất là người hay tranh cái nặng chừng nào, thường **chống trái nhiều** chừng nào thì **ngã nặng** chừng ấy. Bởi vì sao? Vì không chịu đựng đến cái ngã này. Cho nên kiểm điểm lại thì biết mình có ngã nặng hay nhẹ. Ở đây Ngài Tu Bồ Đề quên ta, quên người thì đâu còn gì để tranh, cho nên được vô tránh tam muội, tức được chánh định không còn tranh. Còn ly dục cũng thuộc về vô tránh, bởi vì khi vừa ly dục mà còn khởi niệm ly dục thì sao? Vừa khởi niệm ly dục cũng thuộc về tranh, tranh cái gì? Tranh để

mà ly, mà có chỗ để ly tức chưa ly. Còn Ngài rõ không ta không người, không ly mà tự ly, không có niệm ta ly dục, đó mới là thật ly.

Điểm thứ ba nữa là Ngài thích hạnh Alanna, Alanna là âm tiếng phạn, Trung Quốc dịch là lia huyền não, tịch tĩnh tức là tên khác của vô trính, nếu có tranh là có ồn ào, huyền não. Ở đây do Tu Bồ Đề thích hạnh Alanna nhưng thực Tu Bồ Đề không có chỗ hành. Ngài thích hạnh đó nhưng không chỗ hành nên gọi Ngài là thích hạnh Alanna. Nếu mà có chỗ hành tức là sao? Tức là có tranh nữa, tranh với động để về tĩnh, là chưa phải hạnh Alanna, ý nghĩa rất sâu xa! Nếu thật sự đã sống được với tâm tịch tĩnh rồi thì còn có chỗ gì để hành nữa. Nên còn thấy có chỗ để hành thì chưa phải sống được trong tịch tĩnh, chưa phải hạnh Alanna. Tóm lại Vô trính Tam muội là tâm tịch tĩnh của mình chứ không gì khác, còn A La Hán là tâm vô sinh, chứ không có đạo gì riêng. Vậy ngay trong bốn quả Tu Đà Hoàn, Tư Đà Hàm, A Na Hàm, A La Hán đều đưa tất cả về thực tướng vô tướng. Nói bốn quả nhưng thật sự không có quả gì để được, cũng không có khởi niệm ta được, còn khởi niệm tức còn tướng, khởi niệm ta được Tu Đà Hoàn tức trụ vào quả Tu Đà Hoàn để được, là có chỗ được, chỗ trụ. Đây là nói sáng rõ nghĩa ly trụ vô tướng ở trước. Bởi vì khởi niệm là dính tướng, thấy có chỗ

được là có chỗ trụ, ở đây là tướng quả chứng, không trụ chỗ nào để được là trở về chỗ chân thật, sống với tự tánh Kim Cang Bát Nhã thì có tướng gì để mình khởi niệm. Nên học Bát Nhã là để phá tình chấp, chấp những tướng bên ngoài, để sống trở về với tự tánh, do đó Bát Nhã không lập một cái gì. Đó là ý nghĩa phần **“một tướng vô tướng”**, đưa bốn quả Thanh Văn trở về với thực tướng vô tướng nơi tự tánh chính mình, từ tiểu thừa đưa về đại thừa, mới hiểu tất cả hiền thánh đều do pháp vô vi mà có sai biệt, nói sai biệt đó là ở trên danh từ, trên cái tâm lượng tạm thời chứ đều là hướng về sống với tánh vô tướng chứ không gì khác. Nếu được một phần nào đó thì tạm đặt tên Tu Đà Hoàn, vì sống chưa được trọn vẹn, mới dứt được kiến hoặc thôi. Nếu dứt được thêm sáu phần tư hoặc dục giới, còn ba phần kia thì tạm đặt tên Tư Đà Hàm. Dứt thêm ba phẩm kia nữa thì đặt tên A Na Hàm, dứt sạch hết thì đặt tên A La Hán. Sống trở về tự tánh giác ngộ đầy đủ nơi mình, thấy rõ mình có đầy đủ tánh Bát Nhã đó, mọi người cũng đều có đủ thì bước qua đại thừa. Sống trọn vẹn không gì sai sót, công đức đầy đủ thì thành Phật không gì khác, ngoài mình đi tìm gì khác sẽ bị gạt.



10. TRANG NGHIÊM TỊNH ĐỘ.

Phật bảo Tu Bồ Đề:

Ý ông nghĩ sao? Trước kia Như Lai ở chỗ Phật Nhiên Đăng, đối với pháp có chỗ được chẳng?

- Bạch Thế Tôn, không thể. Như Lai ở chỗ Phật Nhiên Đăng đối với pháp thật không chỗ được.

- Nay Tu Bồ Đề! Ý ông nghĩ sao? Bồ Tát trang nghiêm Phật độ chẳng?

- Bạch Thế Tôn! Không được. Tại sao?

Trang nghiêm Phật độ, tức chẳng phải trang nghiêm, đó gọi là trang nghiêm.

Vì vậy, Tu Bồ Đề! Các vị Bồ Tát lớn nên như vậy mà sinh tâm thanh tịnh: chẳng nên trụ sắc mà sinh tâm, chẳng nên trụ thanh hương vị xúc pháp mà sinh tâm, nên không chỗ trụ mà sinh tâm ấy.

- Tu Bồ Đề! Ví như có người thân như núi chúa Tu Di, ý ông nghĩ sao? Thân đó to lớn chăng?

Tu Bồ Đề thưa:

- Bạch Thế Tôn, rất to lớn. Tại sao? Phật nói chẳng phải thân, đó gọi là thân to lớn.

GIẢNG:

Trang nghiêm tịnh độ tức nói về Bồ tát trên đường đến Phật quả, các Ngài thường trang nghiêm Phật độ để khi thành Phật được cõi nước tương ứng. Ở đây có mấy đoạn, đoạn đầu Phật nói về thọ ký mà không có chỗ được, tức Phật nhắc lại trước kia Như Lai ở chỗ Phật Nhiên Đăng đối với pháp có chỗ được chăng? Tu Bồ Đề đáp: **"Không thể được"**. Ở đây phá cái nghi về thọ ký, vì ở trước nói không có quả Phật thật để thành, không có quả Vô Thượng chánh đẳng chánh giác. Vậy Như Lai ở chỗ Phật Nhiên Đăng được thọ ký cái gì? Nên có chỗ nghi, mà cũng có chỗ liên hệ đặc biệt với thiện tông. Thiện tông cũng có ấn chứng, còn ở đây gọi là thọ ký. Trước khi vào đoạn này, xin nhắc lại đoạn nhân duyên về Đức Phật ở chỗ Phật Nhiên Đăng được thọ ký, là lúc Đức Phật Thích Ca còn

trong hàng Bồ tát, thuộc về Bồ tát Bát địa, Ngài đã vượt qua hai A tăng kỳ kiếp, mãn A tăng kỳ kiếp thứ hai. Bởi trong giáo lý nói thành Phật phải trải qua ba vô số kiếp. Thứ nhất từ phàm phu phát tâm rồi trải qua Thập tín, Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi hướng, tới Tứ gia hạnh là qua một A tăng kỳ kiếp; rồi từ sơ địa đến Bát địa là một A tăng kỳ kiếp nữa. Ở đây Ngài tới Bát địa là sắp mãn hết A tăng kỳ kiếp thứ hai, lúc này Ngài sinh ra trong thế gian. Thời đó có một vị tiên nhân đạo hạnh rất cao, nổi tiếng trong nước, còn Ngài là Đồng tử Thiện Huệ, vị đồng tử Thiện Huệ này tìm đến vị tiên nhân học đạo, nhưng do chủng duyên sâu dày là Bồ tát Bát địa, mới học thời gian ngắn là học xong hết, thấy không còn gì để dạy, nên Ngài từ già thầy xuống núi. Vị tiên nhân mới bảo: *"Hiện nay bao nhiêu pháp gì cần dạy ta đã dạy cho ông hết rồi, bây giờ phải dùng năm trăm đồng tiền vàng để đền ơn trở lại, đây là thông lệ chung"*. Tức học xong phải đóng năm trăm tiền vàng. Đồng tử Thiện Huệ mới thưa: *"Nay con không có tiền, xin thầy đợi cho con thời gian, con xuống núi đi hóa duyên rồi trở lại đền đáp thầy"*. Ngài đi xuống núi, gặp trong nước ông vua này cũng mến mộ Phật pháp, đang mở hội bố thí vô già, vô già là không có ngăn, ai tới xin gì thì cho hết, cho

thoải mái. Đồng Tử Thiện Huệ này đến đó xin năm trăm tiền vàng, ông vua hỏi lý do, ngài cũng nói rõ là xin để về đền đáp Thầy. Ông vua thấy được tấm lòng tốt vì đạo nên cũng cho liền. Nhưng khi lấy ra rồi thì Đồng tử Thiện Huệ nghe nói hiện nay có Đức Phật ra đời hiệu là Nhiên Đăng đang ở trong nước, do có túc duyên lâu đời nên khi nghe đến Phật thì bên trong có một cái gì thúc đẩy, thay vì đem năm trăm tiền vàng trở về núi để dâng lên thầy, Ngài liền đổi ý đến gặp Phật. Trước khi đến gặp Phật, ngài bèn nghĩ mua hoa đến dâng Phật cúng dường. Nhưng lại gặp ngày này ông vua ra lệnh ở trong thành có bao nhiêu hoa thì ông mua hết không cho bán ra ngoài, ông cũng mua đem cúng Phật. Kiếm hoài không có hoa, ngài gặp một cô cung nữ tên là Thủ Ý cầm bảy cành hoa sen xanh rất là quý. Ngài nói, tôi muốn mua đem về cúng Phật để tỏ lòng thành kính của tôi dâng lên Phật, nhưng kiếm hoài mà không được. Cô có bảy cành hoa đây, tôi có năm trăm tiền vàng này xin đưa cô hết, nhưng tôi chỉ lấy năm cành thôi. Cô cung nữ nói: đây là những cành hoa của hoàng cung không thể bán, song thấy tâm thành của anh tôi cũng cảm xúc, thôi tôi biếu anh năm cành đem dâng lên Phật, còn hai cành tôi gửi lên cúng dường giúp tôi. Vì theo lệ thì cung nữ

đâu được đi đến gặp Phật. Đồng Tử Thiện Huệ bèn cầm bảy cành hoa đỏ đi đến dâng Phật, từ xa thấy Phật, ngài dùng những cành hoa đỏ tung lên trời gọi là tán hoa cúng dường. Khi ngài tung lên, ngài phát nguyện: *“làm sao cho những cánh hoa này tỏa ra thành cái lộng che theo Phật đi trên đường”*. Do túc duyên của ngài là Bồ tát bát địa nên nguyện lực được như ý, khi tung lên hoa biến thành cái lộng, che Phật đi trên đường. Khi Phật sắp đi tới, ngài liền quỳ xuống đánh lễ thì thấy trước chỗ Phật đi tới, có một khoảng đất còn bùn dơ. Ngài cởi áo ra che hết khoảng đất đó để Phật đi qua cho sạch, nhưng che rồi vẫn còn một chỗ sót lại che không hết, mà Phật thì sắp đi tới rồi, làm sao đây? Cho nên ngài mới xoa tóc phủ hết chỗ đất dơ đó để Phật đi qua. Nếu mình đã làm được chưa? Cho thấy người xưa quên mình vì đạo, không còn nhớ tới cái ngã này chút nào hết, chúng ta thì cái đầu này là quý để gì làm được như vậy! Ở đây ngài sẵn sàng làm không suy nghĩ gì, lúc đó mà còn suy nghĩ thì không thực tâm, tức là suy nghĩ nên hay không nên thì cái đó cũng còn vướng, với ngài thấy là làm liền không có một chút suy nghĩ gì trong lòng hết, thực sự quên ngã. Trong tâm Ngài, nguyện thỉnh Phật đi qua để cho sạch chân Phật, và nguyện cho nghiệp

chương mình được sớm tiêu trừ. Đức Phật cũng biết được tâm nguyện của Ngài nên Phật bước đi qua trên tóc đó. Khi Phật đi qua rồi thì Ngài thấy lòng nhẹ nhàng sung sướng, coi như nguyện mình đã thành tựu. Sau đó, Phật thọ ký là: Ông sau này, trải qua 91 kiếp thì sẽ thành Phật ở tại cõi Ta Bà này, hiệu là Thích Ca Mâu Ni, có chỗ khắc ghi Thích Ca Văn - Đó là câu chuyện mà Phật Thích Ca được thọ ký. Như vậy thọ ký là thọ ký cái gì? Câu chuyện khai triển ra còn nhiều ý nghĩa, trong kinh chỉ nhắm thẳng vào thọ ký. Ở đây nói thêm những ý nghĩa sâu xa trong câu chuyện: Thứ nhất, thường thì đầu là quý nhất của con người, quỳ xuống lạy ai là đã thấp mình cúi đầu, còn mấy vị hơi cao mạn, dễ cúi đầu trước người khác không? Nhất là bên trong có một sự nghiệp gì, gặp người khác thì khó mà cúi đầu, “Ông cũng như mình vậy thôi, cũng là người có gì mà cúi đầu”. Như Ngài Pháp Đạt tụng ba ngàn bộ kinh Pháp Hoa, trong này đã dấy một bụng sự nghiệp rồi nên khó mà cúi đầu sát đất, còn ngài Thiện Huệ trải tóc cho người khác đi qua thì thấy quên ngã đến mức nào, cho thấy tinh thần quên mình vì đạo không nhớ tới cái ngã. Điểm thứ hai là, mãn vô số kiếp thứ hai, còn một vô số kiếp nữa mới thành Phật hoàn toàn, nhưng ở đây do quá

tinh tấn nên Đức Phật Nhiên Đăng thọ ký qua 91 kiếp, vậy là rút ngắn thời gian lại. Đáng lẽ một vô số kiếp, đây rút ngắn thời gian lại còn 91 kiếp. Cho thấy, tâm thanh tịnh rồi thì thời gian không còn làm vướng bận, thời gian không còn là vấn đề nữa. Nhất là ai có kinh nghiệm tu thiền thì thấy rõ, lúc mới tập ngồi thiền thì một tiếng đồng hồ thấy bằng mấy tiếng, như sức mình ngồi nửa tiếng thì mười lăm phút sau là đau chân, ngồi mà cứ trông cho hết giờ để xả, nên mười lăm phút đó bằng cả ngày. Trái lại, trường hợp ngồi đã thuần, tâm yên thì ngồi hai tiếng đồng hồ mà thấy như mới ngồi chút xíu vậy thôi. Vậy tâm yên lặng thanh tịnh rồi thì thời gian không còn cố định, thấy thời gian không thật, do tâm tưởng của con người thôi. Hiểu như vậy, khi tâm thanh tịnh rồi thì vượt qua thời gian không còn bị chi phối nữa, mới thấy rõ thời gian do khái niệm con người đặt ra để làm việc với nhau, không cố định. Chúng ta ở trong thế giới này thì tạm đặt ra một ngày có mấy giờ, để ứng dụng sống với nhau, chứ lúc khai thiên lập địa có tính hai mươi bốn giờ gì đâu, chỉ sau này người ta đặt ra. Như ở quả địa cầu này, nó quay khoảng một vòng của nó thì tính một ngày; nhưng qua một tỉnh, thổ tỉnh thì tính khác, thành ra thời gian không cố định,

khí tâm này thanh tịnh thì vượt qua thời gian. Trong nhà thiền thường nói một niệm muôn năm, một niệm mà vượt qua cả muôn năm. Bởi vậy, trong kinh Pháp Hoa phẩm Thọ ký, vị nào cũng được thọ ký bao nhiêu tiểu kiếp mới thành Phật mà các vị vẫn vui mừng, vì các Ngài thấy được cái thật nơi mình, chỉ còn sống được trọn vẹn vậy thôi, nên thời gian thọ ký thành Phật bao nhiêu, thì các Ngài thấy không thành vấn đề. Nếu chúng ta dù cho được thọ ký như vậy chắc cũng không vui lắm, thọ ký hai ba đời thành Phật chắc còn vui mừng, thọ ký bao nhiêu tiểu kiếp, tính thời gian chắc chúng ta tưởng tượng không ra nổi, vậy biết bao giờ mới thành Phật? Nhưng các Ngài ai được thọ ký cũng đều vui mừng hơn hở, bởi vì các vị đã thấy rõ được cái thật nơi mình, mà cái đó vượt ngoài thời gian chỉ còn sống được trọn vẹn với nó thôi, thời gian không bận lòng. Đó là nói xa một chút, bây giờ nói thẳng vào kinh. Đức Phật Nhiên Đăng thọ ký cho Đức Phật Thích Ca, lúc đó Ngài còn là đồng tử Thiện Huệ, sau này sẽ thành Phật; vậy thọ ký đó là Phật Thích Ca được gì? Phật Nhiên Đăng đem cái gì để thọ ký? Chỗ này nhiều người nghe tới, chắc tưởng tượng Phật Nhiên Đăng trao cho cái gì đó, nên sau này mới thành Phật! Có một pháp gì đó đặc biệt mà

Ngài không nói được! Chỗ đó dễ bị lầm! Sau này, trong nhà thiền cũng nói là ấn tâm, hoặc ấn chứng, thấy ấn chứng cho trò khi trò có những cảm ngộ trình lên thấy, với người ngoài không ở trong cảm ngộ đó cũng nghi ngờ, không biết thấy trò ấn chứng cái gì trong đó? Đôi khi còn vẽ vời thêm cho kỳ lạ, nhưng sự thật hai chỗ thấy của thầy trò tương ứng nhau thì gọi là ấn chứng thôi. Tức là chỗ thấy của trò tương ứng với chỗ thấy của thầy thì được thấy chứng nhận "*cái thấy của ông là đúng*", vậy là ấn chứng. Ở đây cũng vậy, chỗ thấy được của Ngài tương ứng chỗ thấy của Phật Nhiên Đăng, thì thọ ký sau thành Phật, chứ không phải đem một cái gì cho, rồi được một cái gì đó. Cũng như Tổ Huệ Khả sau khi nghe được pháp an tâm, một thời gian sau, một hôm Ngài thưa với Sơ Tổ:

- Hiện giờ con dứt hết các duyên.

Sơ Tổ gạn lại:

- Có rơi vào đoạn diệt chăng?

(Ông nói dứt hết các duyên coi chừng rơi vào đoạn diệt) Tổ Huệ Khả thưa:

- Chẳng rơi vào đoạn diệt.

Sơ Tổ bảo:

- Làm sao biết không rơi vào đoạn diệt?

Ngài nói:

- Rõ ràng thường biết, nói không thể đến.

Sơ Tổ bảo:

- Đây chính là tâm thể của chư Phật đã truyền, ông trọn chớ có hồ nghi!

Đó gọi là ấn chứng, vậy thôi. Trong Hàn Sơn Thi có bài kệ nói về chỗ thọ ký này, bài kệ như vậy:

Thường văn Thích Ca Phật

Tiên thọ Nhiên Đăng ký

Nhiên Đăng dữ Thích Ca

Kỳ luận tiền hậu trí

Tiền hậu thể phi thù

Dị trung vô nhất dị

Nhất Phật nhất thiết Phật

Tâm thị Như Lai địa

Tức là “Đã từng nghe Đức Phật Thích Ca, trước kia được Phật Nhiên Đăng thọ

ký". "Nhiên Đăng với Thích Ca, chỉ luận trí trước sau" Phật Nhiên Đăng, Phật Thích Ca tuy là hai, chỉ luận trí phát trước, trí phát sau vậy thôi, **"Thể trước sau chẳng khác, trong khác không một khác"** về trí phát thì có trước sau, nhưng cái thể trước sau không khác, cái thể không trước sau, vậy trong cái khác đó không có một có khác gì hết; tức Đức Phật trước Đức Phật sau dường như có khác, nhưng trong cái khác đó, cái thể Giác kia không hai. **"Một Phật tất cả Phật, tâm là đất Như Lai"**. Không ngoài tâm. Ngài Hàn Sơn nói rất là rõ nghĩa, từng nghe Phật Thích Ca trước kia được thọ ký ở Phật Nhiên Đăng, vậy thọ ký đó là cái gì? Chúng ta tưởng đâu như có cái gì đó được thọ ký thì như vậy có Phật Thích Ca được thọ ký, có Phật Nhiên Đăng đem cái thọ ký. Nhưng ở đây Hàn Sơn nói rõ Nhiên Đăng với Phật Thích Ca đó chỉ luận trí trước trí sau, tức Đức Phật Nhiên Đăng Ngài giác ngộ trước, trí tuệ mở sáng trước; Đức Phật Thích Ca, giác sau thì trí tuệ mở sau, thì trí dường như có trước có sau, nhưng cái thể nó không có khác. Tức luận trí thì có trước sau, nhưng luận thể thì không trước sau, không hai, chỗ thấy như như. Phật Nhiên Đăng giác ngộ cái tâm thể này, Phật Thích Ca giác ngộ cũng

cái tâm thể đó, cái thể không có hai, nhưng có người giác ngộ trước, người giác ngộ sau. Cho nên người này thọ ký cho người kia vậy thôi, chứ không phải có hai cái sai khác. Vì vậy trong khác mà không có khác gì hết, tức là Đức Phật Thích Ca, Đức Phật Nhiên Đăng có khác, trong cái tướng khác nhưng cái thể kia không khác, chỉ một thể giác thôi. Giác ngộ cái đó, sống trọn vẹn thì thành Phật. Nên nói *“một Phật là tất cả Phật”*, một Đức Phật như vậy thì tất cả Phật đều như vậy, nếu có gì khác thì không phải. *“Chinh tâm là đất Như Lai”*, ngộ được tâm, sáng được tâm là đất Như Lai, là chỗ thành Phật. Hiểu như vậy thì thấy thọ ký là thọ ký cái gì? Chỉ là ấn chứng chỗ thấy vậy thôi, rất là sáng tỏ rõ ràng không có gì mờ ám.

Như câu chuyện của Ngài Nam Nhạc Hoài Nhượng đến tham vấn Lục Tổ, Lục Tổ hỏi:

- Ở đâu đến.

Ngài thưa :

- Ở Tung Sơn đến.

Tổ hỏi:

- Đem vật gì đến?

Nếu hỏi mình thì đáp sao? Nếu nói đem cái này, đem cái kia đến liền bị gạt. Ngài bị câu hỏi đó, đáp không được, ôm ấp đến tám năm. Qua tám năm đó, ngài đến thưa:

- Hôm nay con đáp được rồi.

Tổ hỏi:

- Ông đáp sao?

Ngài thưa:

- Nói giống một vật thì không trúng.

Tổ hỏi:

- Có tu chứng chăng?

Ngài thưa:

- Tu chứng chẳng phải không mà nhiệm ô chẳng thể được.

Tổ bảo:

- Chỉ cái chẳng nhiệm ô này là chỗ hộ niệm của chư Phật, ông đã như thế, ta cũng như thế.

Chỗ đó là chỗ đặc biệt! Nó vốn không một vật, vậy tu chứng là chứng cái gì? Thường chúng ta nghe nói không một vật, thì có gì tu chứng?

Nếu nói như vậy thì dễ bị lầm, sẽ rơi vào đoạn diệt, không có gì hết. Nhưng ở đây ngài nói: Tu chứng thì không phải không, là mình có thể chứng nghiệm được, chứ không phải nói rỗng, nói suông, song nhiệm ô không thể được, trong đó không gì nhiệm ô được. Nếu cứ nói một bề tu chứng thì người ta dễ mất kẹt là có tu, có chứng; mà tu chứng trong đây là có thể thực chứng nghiệm được, chứ không phải nói suông trên môi thôi, có điều ở trong đó không cái gì có thể làm nhiệm ô được. Khi nói đến đó, Tổ bảo: - Chỉ cái chẳng nhiệm ô này là chỗ chư Phật hộ niệm, ông đã như thế, ta cũng như thế! Đó là ấn chứng. Chính chỗ *"chẳng nhiệm ô"* đó, là chỗ chư Phật thương hộ niệm, mà ông như thế, ta cũng như thế, ông cũng như ta, đó là ấn chứng. Hiểu rõ ấn chứng, không phải đem một cái gì cho, mà chính là chỗ thấy không hai, *"ông đã như thế ta cũng như thế"*, vậy ông như ta, là xong. Trong đây, ngài Tu Bồ Đề cũng cảm thông được chỗ đó, cho nên ngài đáp.

CHÁNH VĂN:

- Bạch Thế Tôn, không thể. Như Lai ở chỗ Phật Nhiên Đăng, đối với pháp thật không chỗ được.

GIẢNG:

Ngài Tu Bồ Đề đáp: “**Như Lai ở chỗ Phật Nhiên Đăng thật không chỗ được**”. Bởi vì sao? Nếu mà Đức Phật Thích Ca có chỗ được thì Ngài không phải là Ngài nữa, Ngài thành chỗ được đó rồi, tức Ngài không phải Ngài mà Ngài thành một cái khác, đó là chỗ tế nhị. Nhiều người tu cầu cho được cái này, cái khác, mà được cái đó là đã qua cái khác rồi, không còn là mình nữa. Hiểu chỗ đó, mới thấy rõ thọ ký hay truyền tâm là không có gì khác để được, mà để nói lên chỗ ấn chứng là chỗ thấy rõ ràng của mình, xác định chỗ thấy của mình đúng với chỗ thấy của Phật của Tổ, gọi là ấn chứng. Như vậy, khi ấn chứng đó là mình thật ngộ mới được ấn chứng, người ngoài không thể biết, ông thấy mà không khéo cũng dễ tạo cho mình lớp mê mới, tới trình mà khen ngợi quá: Ông được cái này là đặc biệt, xưa chưa từng có, làm cho người ta tưởng được cái gì trong đó, làm tăng thêm sở đắc là mắc kẹt. Bởi vậy trong nhà thiền khi ngộ rồi đến trình, thấy không khen kiểu đó, đôi khi chê, nếu mình thực ngộ rồi, thì khen chê không thành vấn đề. Như ngài Vô Nghiệp đến hỏi Mã Tổ:

- Thế nào là mật truyền tâm ấn của Tổ sư từ Ấn độ sang?

Ý tổ sư từ Ấn độ sang, tức trong đó có cái gì bí mật mà truyền, gọi là mật truyền? Nhiều người cứ tưởng Tổ Bồ Đề Đạt Ma sang Trung quốc, ngài đem một cái gì bí mật để truyền qua cho các vị bên này, bên đây nhận được cái gì đó làm Tổ. Cho nên các vị thiền tăng đi tham thiền thường đặt câu hỏi: - Thế nào là ý Tổ sư từ Ấn độ sang? Ở đây ngài Vô Nghiệp hỏi:

- Thế nào là mật truyền tâm ấn của Tổ sư từ Ấn độ sang?

Mã Tổ bảo:

- Đại đức chính đang ồn, thôi hãy đi đi, khi khác lại đến!

Nghĩa là ông còn đang ồn lắm, khi khác đến. Cái gì ồn? Có phải trong đầu này đang ồn không? Nó đang ồn nên không thấy được chỗ này! Bởi vậy khi ông hỏi chỗ đó thì trong tâm ông đang nghĩ cái gì đó rồi, nghĩ Tổ Bồ Đề Đạt Ma có một cái gì đó đem đi truyền; khi có nghĩ là tâm mình đang loạn, nên ngài bảo như vậy đó. Vô Nghiệp bước ra, ngay khi bước ra đó, Mã Tổ gọi lại:

- Đại đức!

Bất thần bị gọi, Sư xoay đầu lại. Tổ bảo:

- Là cái gì?

Sư liền tỏ ngộ. Vậy có cái gì là mật truyền trong đó? Mới bước ra đó, gọi, xoay lại thì ngộ, mật truyền đó! Do đó, có vị quan hỏi thiền sư Đạo Ứng.

- Thế Tôn có mật ngữ, Ca Diếp chẳng che giấu, thế nào là mật ngữ của Thế Tôn.

Sư gọi:

- Thượng thư!

Vị quan ứng:

- Dạ!

Sư hỏi:

- Hội chăng?

Vị quan thưa:

- Chẳng hội.

Sư bảo:

- Nếu ông chẳng hội thì Thế Tôn liền có mặt ngữ, nếu ông hội thì Ca Diếp chẳng che giấu.

Nghĩa là khi chưa hiểu thì thấy đức Phật giống như có mặt ngữ, có gì bí mật ngài không nói ra để cho người ta nghĩ. Như đọc các thiền sư, thấy các Ngài sao cứ nói đầu đầu, khó hiểu, nếu nói được thì cứ nói thẳng ra, có gì mà nói mí mí chỉ vậy, giống như có gì bí mật; nhưng khi ngộ rồi thì sao? Không có gì bí mật, sự thật là ngay nơi mình thôi chứ không có gì khác. Cho nên khi ngộ, ngài Vô Nghiệp liền lễ bái, thì Tổ bảo: “Cái gã độn, lễ bái làm gì?” Độn là chậm lụt. Tại sao không khen? Đó là không cho mình sinh có tâm sở đắc. Khi được nói như vậy là đã hài lòng rồi, còn đợi khen thì chưa phải. Ngài Hoàng Bá có câu: *“Chỉ một tâm này, trọn không có pháp bằng một hạt bụi nhỏ có thể được. Tức tâm là Phật”* Chỉ có một tâm này thôi chứ ngoài ra không có gì khác, dù là một hạt bụi nhỏ có thể được, tức tâm là Phật, khéo soi sáng lại tâm mình, chỗ đó là chỗ bí mật chứ không gì lạ. Hiểu rõ như vậy để sau không bị lầm, hoặc nghe ai nói “tôi có cái pháp cao siêu, vi diệu, ông theo tôi, tôi sẽ trao cho ông, pháp đó tu hành mau đắc đạo”, nghe nói như vậy là không phải thật rồi! Đó là đoạn nói về thọ ký không chỗ được.

CHÁNHVẤN:

- Này Tu Bồ Đề! Ý ông nghĩ sao? Bồ Tát trang nghiêm Phật độ chăng?

- Bạch Thế Tôn, không được. Tại sao? Trang nghiêm Phật độ, tức chẳng phải trang nghiêm, đó gọi là trang nghiêm.

GIẢNG:

Phật hỏi Bồ tát có trang nghiêm Phật độ chăng? Ngài Tu Bồ Đề nói: Không được, tại sao? vì trang nghiêm Phật độ tức chẳng phải trang nghiêm, đó gọi là trang nghiêm. Tức là Bồ tát trên đường tu hành Bồ tát đạo, để tiến đến quả Phật thì, phải làm bao nhiêu công hạnh lành hồi hướng về cõi Phật, để khi thành Phật rồi, có một cõi nước tương ứng. Cũng như đức Phật A Di Đà có 48 nguyện, khi thành Phật rồi có cõi nước tương ứng với nguyện đó. Nhưng ở đây, trước đã nói không trụ nơi quả chứng Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, không thật có quả đó để được, nghĩa là không cho mình trụ nơi quả chứng; kể không có pháp thật để thọ ký, như vậy cái trang nghiêm này thì sao? Quả chứng không cho chấp, cho đến không thực có chỗ để thọ ký, vậy trang nghiêm để làm gì? Vì vậy phải

hiếu rõ thế nào là trang nghiêm? Và trang nghiêm bằng cách nào? Các cõi nước mình đang sống đây, đây đây những hang, hầm, gò, đồng, lồi lõm núi cao, biển sâu làm sao san bằng cho hết? Còn tâm của chúng sinh thì mỗi người một nghiệp riêng, cũng làm sao trang nghiêm cho hết, để khi thành Phật, cõi nước đó đều được trang nghiêm tốt đẹp, đất đai đều thành lưu ly xa cừ, cây cối thành vàng bạc hết cả? Làm sao trang nghiêm được như vậy? Đây là chỗ phải chú ý! Đức Phật đã thành Phật, vậy còn ham muốn gì tốt đẹp nữa? Nếu đã thành Phật rồi, còn ham muốn vàng bạc châu báu gì nữa mà trang nghiêm cõi nước cho tốt đẹp để ở? Vậy phải hiểu trang nghiêm thế nào? Chính trang nghiêm đó, là trang nghiêm tự tâm, tâm thanh tịnh tức là trang nghiêm. Khi tâm thanh tịnh thì thấy cái gì cũng thanh tịnh, đó là trang nghiêm chân thật; còn mình cứ lo trang nghiêm bên ngoài mà không trang nghiêm tự tâm thì khó thành tựu được, cũng không thể sạch sẽ thanh tịnh như ý mình muốn. Bồ thí, cúng dường, cất chùa, xây tháp thường gọi đó là trang nghiêm, nhưng chấp vào đó tức là trước tướng trang nghiêm, trang nghiêm mà chấp tướng. Bồ thí mà chấp vào bồ thí cúng dường, chấp vào cất chùa thì sao? Tâm mình không thanh tịnh mà

làm những việc đó thì có trang nghiêm không? Nhiều khi làm những việc đó còn phiền não nữa. Bồ thí, tâm không thanh tịnh thì sao? Bồ thí mà còn hậu ý! ví dụ cho người đó mà hậu ý muốn nhờ người đó cái gì, hay cho người là muốn người phải biết ơn mình, hoặc bồ thí như vậy để tỏ ra mình là con người hào hiệp, con người rộng rãi, khi có tâm đó là đã không thanh tịnh rồi, cho nên lỡ người kia không biết ơn trở lại thì phiền não liền, như vậy là có trang nghiêm chưa? Rõ ràng trang nghiêm là trang nghiêm tự tâm thì mọi việc làm gì cũng thanh tịnh hết. Kinh Duy Ma có câu:

Dục tịnh Phật độ, Đương tịnh kỳ tâm,

Tùy kỳ tâm tịnh, Tác Phật độ tịnh

Tức là, muốn cho thanh tịnh cõi Phật thì phải thanh tịnh tâm mình, tùy nơi tâm mình thanh tịnh thì các cõi Phật thanh tịnh. Rõ ràng muốn cho cõi Phật thanh tịnh, trước phải thanh tịnh tâm mình, nếu tâm mình thanh tịnh thì cõi Phật tương ứng. Tâm mình mà còn chứa nhiều hang ổ, gai góc hiểm hóc trong đó thì sao? Thì làm hang ổ cho rắn rít, cạp beo nó ở, rõ ràng vậy thôi. Vậy tìm tịnh độ ở chỗ nào? Nên có câu **"Tâm bình thì thế giới bình"**, còn tâm

mình chưa bình thì thế giới đừng mong bình. Lục Tổ cũng nói: **“Tâm bình đâu cần giữ giới, hạnh thẳng nào phải tu thiện”**, rõ ràng như vậy, tâm mình mà được an bình thì có tội lỗi gì đâu? Tâm bình thì làm ra cái gì cũng đâu có tội lỗi, khỏi cần giữ giới mà nó đã thành giới rồi. Còn các hạnh mình chân thật ngay thẳng thì lúc đó đâu có loạn gì, ngay đó là thiện rồi, còn tìm thiện nữa thì dư. Hiểu vậy thì, căn bản là thanh tịnh tự tâm, đó là gốc; tâm thanh tịnh thì thấy gì cũng trang nghiêm cho nên đây kinh nói **“trang nghiêm tức chẳng phải trang nghiêm”** bởi trang nghiêm đây không phải thật thấy có tướng trang nghiêm, thật có cõi nước trang nghiêm. Người xưa có câu: *“Do tâm chúng sinh cấu nên phương Đông hiện ra cõi Ta bà”*, nghĩa là do tâm chúng sinh như nhớp nên phương Đông mới hiện ra cõi ta bà, như nhớp đủ thứ và **“do tâm chúng sinh tịnh nên mới có cõi Cực lạc ở phương Tây.”** Như vậy tâm mình cấu thì hiện ra cõi Ta bà, còn tâm mình tịnh thì hiện ra cõi cực lạc ngay nơi mình, khỏi tìm đâu xa. Dem tâm như cấu này về bên Cực lạc sống thì có thanh tịnh không? Ở bên đó đất bằng lưu ly, còn chim chóc đều niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, mà mình dem tâm như cấu này qua đó thì nó có niệm Phật, niệm Pháp,

niệm Tăng nổi không, hay là tâm mình chứa những nhớ cấu buồn bực trong lòng thì dù nghe những tiếng bên ngoài như tiếng ca lảnh tẩn già, tiếng ca hát hay cũng cảm thấy một nỗi sầu âm ảm! Bởi tâm mình đang buồn bực nên thấy gì cũng u tối hết, rõ ràng là vậy. Còn tâm thanh tịnh dù thấy cảnh buồn bực gì đó nhưng thấy đều thanh tịnh sáng ngời. Hiểu như vậy đó, mới thấy trang nghiêm tịnh độ, căn bản là ở tự tâm, còn cứ lo trang nghiêm bên ngoài thì không thấy được. **Vậy mọi người làm sao cho tâm thanh tịnh?** Đây mới nói:

CHÁNH VĂN:

Vì vậy, Tu Bồ Đề! Các vị Bồ Tát Lớn nên như vậy mà sinh tâm thanh tịnh: chẳng nên trụ sắc mà sinh tâm, chẳng nên trụ thanh hương vị xúc pháp mà sinh tâm, nên không có chỗ trụ mà sinh tâm ấy.

GIẢNG:

Sinh tâm thanh tịnh là như vậy đó. Chữ “**vì vậy**”, để kết lại vì sao trang nghiêm mà chẳng phải trang nghiêm, gọi là trang nghiêm. Bởi Bồ tát phải sinh tâm thanh tịnh như vậy mới thật là trang nghiêm, tức là không trụ sắc, thanh,

hương, vị, xúc, pháp, nơi sáu trần không trụ vào một chỗ nào hết mà sinh tâm ấy, là tâm thanh tịnh. Ý nghĩa trang nghiêm hiện rõ trong này. Vậy thế nào là tâm thanh tịnh? Tâm thanh tịnh là *"tâm không trụ"* chứ không gì khác. Tâm không trụ vào một cái gì hết, nghĩa là không trụ vào một trần nào, đó là tâm thanh tịnh. Bởi tâm có trụ tức còn dính tướng, trụ vào trần nào thì dính vào tướng đó. Mà tâm có dính tướng là có chỗ để duyên theo, tức có chỗ để khởi vọng sinh phiền não. Còn tâm không trụ vào một cái gì hết, tức đâu có chỗ để bám, thì đâu còn chỗ để duyên. Vậy vọng bám vào đâu để khởi? Khi vọng tướng có khởi, là khởi về cái gì đó, nghĩa là nó có đối tượng, tức có chỗ để khởi; còn ở đây không có chỗ nào để bám thì bám vào đâu để khởi? Như vậy vọng không khởi thì phiền não từ đâu sinh? Ngay đó tức tâm thanh tịnh. Vì vậy tâm không trụ vào một chỗ nào hết, đó là tâm thanh tịnh, thanh tịnh là như vậy, thanh tịnh là không chỗ trụ. Song cần chú ý: **"sinh tâm thanh tịnh"**, là tâm thanh tịnh sao phải sinh? Đó mới là chỗ khó hiểu. Nếu sinh thì đâu thanh tịnh? Vì có sinh là có diệt rồi, mà ở đây nói sinh tâm là sao? Đó là một ý nghĩa sâu xa. Nếu không có thể nghiệm rõ ràng cũng khó thấu được *"sinh"*. Quý vị đọc kỹ trong văn kinh:

tâm phan duyên mà làm tự tánh (tâm phan duyên là tâm trụ sáu trần, dùng tâm đó làm tự tánh) đó là căn bản sinh tử từ vô thủy, (trụ vào cái này, trụ vào cái kia cho nên nó dẫn mình đi luân hồi, quên mình nhận cái đó làm tự tánh nên nó dẫn mình đi, đi khắp cả sáu trần, đi vòng vòng không hết.)

Thứ hai là thể Bồ đề Niết bàn vốn sẵn thanh tịnh từ vô thủy: tức cái thức tỉnh nguyên minh của các ông, (thức tỉnh nguyên minh tức là cái biết sáng ngời trong sáng thuần nhất chưa xen tạp gì) nó hay sinh ra các duyên mà bị các duyên bỏ sót nó. Chính vì các duyên bỏ sót mà đi vào luân hồi, còn rõ biết được nó thì chính nó là căn bản, là thể của Bồ đề Niết bàn sẵn thanh tịnh từ vô thủy. “Cái biết trong sáng đó” thuần nhất chưa có xen tạp, nó luôn luôn hiện hữu ngay nơi mình. Nhưng nó hay sinh ra các duyên, biết cái này, biết cái nọ, biết cái kia, cái gì cũng biết hết, chỉ tiếc vì theo các duyên mà bỏ sót nó, chỉ nhớ cái này cái nọ thôi nên đi vào luân hồi. Trái lại, biết tất cả duyên, mà luôn có mặt nó không quên, chính đó là cái thể Bồ Đề Niết Bàn không gì khác. Tóm lại, căn bản sinh tử là nhận cái tâm

phan duyên, nhận cái tâm duyên nơi sáu trần làm tự tánh. Còn cái tâm biết tất cả mà mình không bỏ sót nó, thì đó là thể Bồ Đề luôn luôn hiện hữu nơi mình. Nhớ cái đó là mình sống trở về Bồ Đề Niết Bàn. Rõ được cái đó thì mình biết được cái nhân tu hành của mình rõ ràng không còn sai lầm nữa. Đó là cái nhân chân thật, cái nhân đó là cái nhân không sinh diệt, hợp với cái quả không sinh diệt, đó là nhân với quả không còn sai lệch. Như vậy, ngay đây khéo soi trở lại cái biết nó đang sáng rõ nơi mình đó, để luôn luôn sống vững ở trong đó, không để quên nó mà theo các trần hoặc là đồng hóa nó với các thứ trần. Thường chúng ta hay đồng hóa nó với các trần, như thấy cái hoa này liền đồng hóa nó với cái hoa, nên chỉ còn biết nó là cái hoa thôi, đâu có nhớ tới nó! Nghe tiếng thì chỉ nhớ tiếng thôi, không hề nhớ cái đang nghe rõ ràng sáng suốt đây, nên có tiếng thì có nghe, hết tiếng thì không nghe, tức đồng hóa nó với cái tiếng. Còn luôn luôn nghe tất cả nhưng không quên nó, không bỏ sót nó, chính đó là đang sống trở về với thể Bồ Đề Niết Bàn. Mê ngộ cũng ngay nơi đây. Ý nghĩa trang nghiêm cũng ngay đó thôi. Trang nghiêm là trang nghiêm tự tâm mình như vậy đó, còn chỉ lo trang nghiêm bên ngoài, không lo cái gốc này thì trái xa lý thật. Cho nên Ngài

“sinh” mà không có chỗ gì để trụ hết, không trụ sắc sinh tâm, không trụ thanh, hương vị, xúc, pháp mà sinh tâm. Sinh mà không có chỗ trụ, sinh mà không có chỗ nào để sinh hết, vậy thì làm sao sinh? Đó là ý, để ngừa rơi vào đoạn kiến chấp không, e người nghe nói không trụ sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, không trụ vào một chỗ nào hết, người ta dễ mắc kẹt vào cái không tưởng, tưởng như vậy là không còn gì hết. Vì không còn chỗ nào để bám, sẽ sinh ra cái lo sợ, chơi vơi. Do đó Phật nói không trụ gì hết mà sinh tâm thanh tịnh. Khi không trụ vào cái gì, không phải là không còn gì, mà chính ngay đó tâm thanh tịnh hiện bày rõ ràng. Vì vậy **“sinh” là một lối nói, để hiểu rõ khi tâm không trụ vào một cái gì thì ngay đó tâm thanh tịnh hiện bày, không mắc kẹt vào có hoặc không.** Bởi không trụ vào một cái gì, là không kẹt có, sinh tâm thanh tịnh là không kẹt không. Qua được cả hai, không mắc kẹt nơi **“có”** nơi **“không”**, ngay đó **“rõ ràng thường biết”**. Có một điều đặc biệt là **“nói không thể đến”**, đó mới là chỗ khó hiểu, bởi vì sao? Vì đây là chỗ mình phải thể nghiệm chứ không phải chỗ để nói năng. Nếu nói đến tức là có chỗ trụ, mà có chỗ trụ tức là có tướng, là nó không còn thanh tịnh. Đây là chỗ chính mình

khí sống được, thể nghiệm được thì thâm biết. Cho nên trong nhà thiền có câu *"nóng lạnh tự biết"*, làm sao diễn tả được chỗ đó cho người hiểu, nếu người khác chưa sống được chỗ đó? Nên Lục Tổ nghe Ngũ Tổ giảng đến chỗ này, ngài liền đại ngộ la lên: *"Đâu ngờ tự tính vốn thanh tịnh, đâu ngờ tự tính vốn không sinh diệt v..v."* nắm cái đâu ngờ. Còn chúng ta bây giờ nghe thì la được gì? Bởi vì sao? Là vì còn có chỗ trụ, cho nên chưa la lên được. Chứ ngay đây mà không trụ vào bất cứ chỗ nào hết thì tỏ ngộ ngay! Không còn chỗ nào để bám, tức tâm thanh tịnh hiện bày, thì tỏ ngộ liền. Chứ hiện giờ còn có chỗ bám chưa dám buông, làm sao tỏ ngộ được? Đơn giản vậy thôi. Để thấy rõ, tâm mình trụ vào sáu trần là tâm vọng; còn tâm mình không trụ vào tất cả, đó là tâm chân. Ngay đó chân vọng phân minh. Bởi vậy, trong kinh Lăng Nghiêm có một đoạn rất hay: **"Tất cả chúng sinh từ vô thủy đến nay mọi thứ điên đảo, còn những người tu hành thì chẳng thành Vô Thượng Bồ đề, riêng thành Thanh văn, Duyên giác và ngoại đạo đều do chẳng biết hai thứ căn bản mà tu tập lẫn lộn."**

Một là căn bản sinh tử từ vô thủy; chính là ông cùng mọi chúng sinh hiện nay dùng

Phó Đại Sĩ, là hiện thân của Bồ Tát Di Lặc, Ngài có bài tụng về đoạn này:

Tảo trừ tâm ý địa, Danh vi tịnh độ nhân.
Vô luận phước dữ trí, Tiên thả ly tham sân.
Trang nghiêm tuyệt năng sở, Vô ngã diệt vô nhân,
Đoạn thường câu bất nhiễm, Dĩnh thoát xuất hiêu trần

“Quét sạch đất tâm ý, Đó là nhân Tịnh độ” chớ lo tìm tịnh độ ở chỗ khác, nếu tâm ý mình không có sạch.

“Chẳng kể phước cùng trí, Trước hãy lìa tham sân”, bất kể nói phước hay nói trí thế nào, nhưng trước phải lìa tham sân mới được. Nếu chưa lìa tham sân mà có phước có trí thì sao? Có phước, có trí cũng dễ mang họa nữa; có phước mà chưa lìa tham sân thì dễ tham đắm vào cái phước đó tạo tội không chừng. Thực tế cho thấy, mấy người có phước nhiều quá, rồi tham đắm vào cái phước đó cũng dễ tạo lỗi; có trí cũng vậy, trí mà chưa lìa tham sân thì trí đó là trí gì? Nó nguy hiểm vô cùng phải không? Trí đó mà nó nổi tham sân lên thì sao? Tức sẽ dùng trí đó lập thành cái mưu này, kế kia mà hại người ta, thật rất nguy hại!. Cho nên không kể phước hay trí, trước tiên phải lìa tham sân là chính.

“Trang nghiêm bất năng sở, Không ngã cũng không nhân”, Trang nghiêm vốn bất cả năng cả sở, là không thấy có mình, có người trang nghiêm; năng là ở nơi mình, sở là cái đối tượng.

“Đoạn thường đều chẳng nhiễm. Vượt hẳn ra cõi trần”, nghĩa là không dính nơi đoạn, nơi thường hai bên có không, vượt ra ngoài sáu trần này, chính là thanh tịnh đó! Gốc là phải quét sạch nơi tâm, đó là nhân Tịnh độ. Trang nghiêm tịnh độ là phải trang nghiêm tự tâm là như thế. Đoạn kệ:

CHÁNH VĂN:

- **Tu Bồ Đề! Ví như có người, thân như núi chúa Tu Di, ý ông nghĩ sao? Thân đó to lớn chăng?**

- **Tu Bồ Đề thưa:**

- **Bach Thế Tôn, rất to lớn. Tại sao? Phật nói chẳng phải thân, đó gọi là thân to lớn.**

GIẢNG:

Bởi vì ở trước nói Bồ Tát tu lục độ, trang nghiêm cõi nước mà không thấy có cõi nước

trang nghiêm. Như vậy, Phật có báo thân, báo thân đó có nhiều công đức, khi tu đầy đủ mọi công đức đó thì báo thân này sao đây? Ở đâu? Trang nghiêm cõi nước mà không hề có cõi nước trang nghiêm thì báo thân của Phật sẽ ở đâu? Cho nên ở đây Phật mới thí dụ, có người thân to lớn như núi chúa Tu di. Núi chúa Tu di đây, là theo Kinh nói rằng, giữa bốn châu thiên hạ có núi Tu Di. Trung Quốc gọi là núi Diệu Cao, nghĩa là nó vừa cao khỏi mặt nước (84 ngàn do tuần) nó vừa diệu do bốn thứ báu lưu ly, kim, ngân, pha lê hợp thành. Ai thử nghĩ một người có thân to lớn như núi chúa 84 ngàn do tuần, bằng mấy chục ngàn cây số thì như vậy người đó là người gì? Làm sao nhìn thấy cho hết? Phật hỏi Tu Bồ Đề thân như vậy có to không? Ngài Tu Bồ Đề đáp: **“Rất là to lớn.”** Ngài đáp như vậy là sao? Ngài hiểu ý Phật không? Thân dù cho to lớn đến đâu nhưng đã có tướng thì sao? Có tướng tức là có đối đãi, mà có đối đãi tức là có vô thường, cái thân to lớn như núi Tu Di, cao cả 84 ngàn do tuần, nếu mà có cái thân to lớn tới 90 ngàn do tuần thì sao? Thân này thành nhỏ rồi! Cho nên có tướng là có đối đãi thì chưa phải thật, vậy Ngài Tu Bồ Đề ngài không biết ý đó sao. Ngài lại trả lời rất to lớn? Đó là ý gì? Ngầm ý nói là Ngài

không phá hoại tướng của thế gian, đứng về thân tướng mà nói thì thân rất là to lớn, nhưng Ngài cũng hiểu được ý Phật hỏi như vậy là không phải nhắm vào cái thân tướng đó, mà nhắm vào pháp thân vô tướng kia. Cho nên Ngài nói tiếp: **“Phật nói chẳng phải thân đó mới gọi là thân to lớn”**, tức là nói cái thân đó, nó to lớn như vậy, nhưng nó còn có tướng lớn tướng nhỏ, tương đối với nhau thì chưa phải là thật lớn. Chính không còn có một tướng lớn nhỏ đối đãi, vượt qua mọi tướng, đó mới là thân to lớn, thân đó là thân gì? là pháp thân to lớn của chính mình. Thấy như vậy, là tâm thanh tịnh; còn tâm mà thấy tướng thì sao? Nghe nói tướng lớn đó, tưởng là tướng lớn, tức dính nơi tướng, là mất thanh tịnh, bị cái tướng nó che rồi. Chấp vào cái tướng thấy nghe đó, nghe nói tướng lớn, tưởng có một cái tướng to lớn gì đó bằng cả núi Tu di, thì pháp thân của mình nó bị cái tướng đó che, bị cái tướng đó khuất lấp, đâu thanh tịnh? Ngài Phó Đại Sĩ có câu: **“Có hình tròn chẳng lớn, không tướng mới là chân.”** Có hình tức là thân tướng mà có hình thấy được là nó chẳng lớn, vì còn đối đãi bị thấy; cái không tướng đó mới là thật, mới là lớn. Do đó chúng ta nghe nói Phật có ba thân, pháp thân, báo thân, hóa thân, cũng dễ mắc

kết. Tổ Lâm Tế có đoạn nói về ba thân như sau: *"Trên tâm niệm thanh tịnh sáng suốt là ngôi nhà Phật pháp thân của ông. Trên tâm niệm vô phân biệt sáng suốt đó là ngôi nhà Phật báo thân của ông. Trên tâm niệm vô sai biệt sáng suốt đó là ngôi nhà Phật hóa thân của ông. Ba thân này là người hiện nay đang ở trước mặt nghe pháp của ông đây."* Chúng ta nghe nói Phật có ba thân, tưởng là có ba cái thân, một cái thân là pháp thân, một cái thân là báo thân, một cái thân là hóa thân. Nếu hiểu kiểu đó thành ra một người có ba ông Phật, hoặc một ông Phật mà có ba cái thân thật, không biết thân nào là ông Phật đó? Đây là mắc kẹt trên ngôn ngữ. Ngài Lâm Tế nói rõ, ba thân này là người đang nghe pháp trước mặt của ông ở đây chứ không đâu khác, người đó có hình tướng gì? Ngộ được người đang nghe pháp đây, và sống được với con người đó, đầy đủ tất cả công đức là thành tựu báo thân; khi thành tựu được công đức đó thì, tùy duyên mà mình ứng dụng ra, đó là hóa thân. Đây là phá cái chấp ba thân ở trên danh tướng, để cho người soi trở lại tự tâm chính mình, thấy như vậy là tâm thanh tịnh, chấp tướng thì không thanh tịnh. Đến đây là thân, cội đều phá hết, cội nước trang nghiêm cũng không có thật để trang

nghiêm, thân cũng không có thật thân lớn, mới gọi là thân lớn, tức hiển bày pháp thân vô trụ chính mình rõ ràng rồi còn gì nữa! Thân cội đều bất, ngay đó pháp thân vô trụ hiện sờ sờ. Trái lại nếu ngay đây có một niệm phân biệt thì sao? Nếu nghe nói pháp thân thanh tịnh và nghe nói trang nghiêm cội nước, liền khởi cái ý niệm dơ sạch, chính ngay đó hết trang nghiêm rồi. Còn dứt niệm dơ sạch thì ngay tâm đó là tâm thanh tịnh, đó là cội Phật trang nghiêm. Như vậy để kết lại phần này, xin nhắc bài kệ của Sơ Tổ cho nhớ.

Chân như việť tam giới,

Cầu tịnh bốn lai vô.

Năng nhân khởi phương tiện,

Thuyết tế cập thuyết thô.

Không giới vô hữu pháp,

Thị hiện nhất luân cơ.

Bốn lai vô nhất vật,

Khởi hữu lương ban hồ.

Tức là “**Chân như ngoài ba cội. Nhơ sạch xưa nay không**” cái chân đó vượt ngoài ba cội. Xưa nay không có dơ, không có sạch, đừng có mắc kẹt niệm dơ sạch.

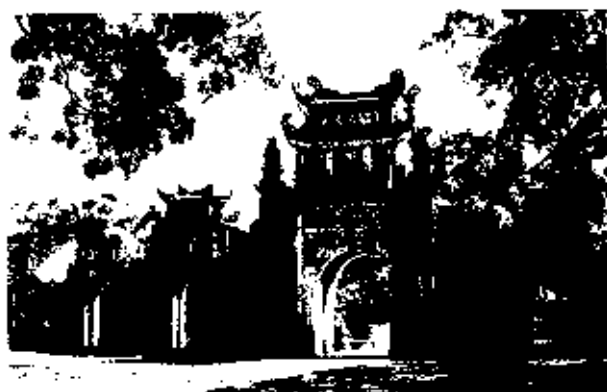
“**Năng Nhân khởi phương tiện, Nói tế và nói thô.**” Năng Nhân chỉ cho Phật. Phật gọi là Năng Nhân Ngài khởi phương tiện nói tế nói thô, sở dĩ nói thân này đẹp, thân kia xấu là

dùng phương tiện để dẫn dắt chúng sinh thôi. Bởi vì chúng sinh ưa đẹp, ghét xấu. Ngài phải nói có cái thân tốt đẹp, sáng ngời phóng hào quang họ mới lo tu, mới chán bỏ thân này. Như Phật nói cái báo thân của Phật cao cả ngàn thước, đầy đủ muôn công đức trang nghiêm tốt đẹp, người nghe liền thích; đó là phương tiện để dẫn dắt người thôi.

“Cõi không không có pháp, Thị hiện một vòng tròn.” Trong cõi không nó không có một pháp thật nào hết, nhưng tạm thị hiện một vòng tròn, là chỉ cho một vầng trăng sáng, cũng là tạm bày thôi, chứ trong đó nó không có tướng, cái chân thật này nó có hình tướng gì?

“Xưa nay không một vật, Há có hai thứ sao?”, trong đó xưa nay vốn không có một vật gì, thì có báo thân, có hóa thân gì nữa? Đó là cái phương tiện, chúng ta phải khéo thấy trở lại pháp thân vô tướng, đó mới là chỗ chân thật. Chính pháp thân chân thật đó, nó không có hình tướng, không có một vật gì, thì nó có chỗ nơi gì để ở? Trang nghiêm cõi nước tốt đẹp để cho ai ở? Trong kinh Duy Ma Cật có nói: *“Sở dĩ Bồ Tát nhận lấy cõi nước trang nghiêm tốt đẹp là vì chúng sinh”*, vì để độ

những chúng sinh theo căn cơ, sở thích của họ. Nếu muốn tốt đẹp thì hiện ra cõi Cực lạc, nhận cõi Cực lạc; ai thích cõi tốt đẹp trang nghiêm thì tự nguyện sinh về cõi Cực lạc. Người trí phải thấy lại chỗ chân thật vô tướng, chỗ đó mới là chỗ chân thật, chứ đừng mắc kẹt trong tướng, mới là mở sáng con mắt Bát Nhã của mình. Để thấy ý nghĩa trang nghiêm tịnh độ là như vậy đó.



11. PHƯỚC VÔ VI THÙ THẮNG

Này Tu Bồ Đề! Như số cát có trong sông Hằng, rồi số sông Hằng bằng với số cát như thế, ý ông nghĩ sao? Số cát của những sông Hằng đó có phải nhiều chăng?

Tu Bồ Đề thưa:

- Bạch Thế Tôn, rất nhiều. Chỉ những sông Hằng thôi, còn vô số, huống nữa số cát của những sông Hằng đó.

- Này Tu Bồ Đề! Nay ta nói thực cho ông rõ, nếu có người thiện nam, kẻ thiện nữ, đem bảy báu đầy cả thế giới Tam thiên đại thiên bằng số cát của những sông Hằng đó, dùng để bố thí, được phước nhiều chăng?

Tu Bồ Đề thưa:

- Bạch Thế Tôn, rất nhiều.

Phật bảo Tu Bồ Đề:

- Nếu có người thiện nam, kẻ thiện nữ, đối trong kinh này, cho đến thọ trì bốn câu kệ..., vì người khác mà nói, thì phước đức của người này hơn cả phước đức của người bố thí trước.

GIẢNG

Đây nói về phước vô vi, phước này thuộc về phước sống trở về với chính mình. Gọi là phước vô vi, là không có tạo tác, phước này nó thù thắng là sao? Trước là Phật gạn về cái phước bố thí bên ngoài, sau mới so sánh với cái phước vô vi, vô tướng ở trong. Phật thí dụ như sỏi cát có trong sông Hằng đó, rồi sỏi sông Hằng bằng với sỏi cát đó, Ngài hỏi Tu Bồ Đề nghĩ làm sao, sỏi cát của những sông Hằng đó có phải nhiều chăng? Trước là giải về sông Hằng cho quý vị hiểu qua. Sông Hằng nói đủ là Hằng Hà, Hằng Ca. Trung Quốc dịch là “Thiên đường lai”, tức là sông này từ ở trên thiên đường mà xuống. Bởi vì sao? bởi vì đây là một trong ba con sông lớn tại Ấn Độ. Do nó phát nguyên từ trên dãy Hy Mã Lạp Sơn chảy xuống, tức từ trên cao chảy xuống, vốn là một con sông được dân chúng ở Ấn Độ coi rất là linh thiêng. Theo truyền thuyết của Ấn Độ, sông này trước kia vào thời xa xưa do có một vị tiên cầu nguyện với một vị ở trên trời,

thì từ ở trên đầu bàn chân của vị thần Tỳ Thấp Noa là vị thần Ấn Độ thờ, từ đó nước chảy ra, là từ trên trời chảy xuống, cho nên gọi là Thiên Đường Lai, đó là truyền thuyết. Bởi vậy, sông này người Ấn Độ cũng gọi là Phước thủy, hoặc Phước Đức Cát Hà, là con sông có những điềm lành tốt. Một số đông người cho nước sông Hằng này rất linh thiêng, dùng nước sông này để tắm thì có thể trừ được các tội cấu. Vì vậy, có phong tục người ta đua nhau đến đây tắm để rửa sạch tội. Ai có làm tội gì không biết, tới đây tắm thì rửa sạch tội hết! Hiện giờ ở bên Ấn Độ vẫn còn cái tục đó. Sông này là một sông lớn của Ấn Độ, nên cát ở sông này rất nhiều và rất mịn, lại là con sông phổ thông mọi người đều biết, Phật thường thuyết pháp gần bờ sông Hằng này. Do đó mỗi khi nói đến con số nhiều, Phật thường lấy cát của sông Hằng này ví dụ, người nghe biết liền. Sau này thành thói quen và các người học Phật cũng ảnh hưởng quen, nên khi nói về số nhiều chúng ta thường nói “Hằng hà sa số”. Hằng hà sa số là số cát của sông Hằng chứ gì, thành ra một từ chỉ số lượng luôn. Trong đoạn thí dụ này có mấy lớp:

Thứ nhất là số cát có trong một sông Hằng, lớp thứ hai là số sông Hằng bằng với số

cát đó, lớp thứ ba, là tất cả số cát của bao nhiêu sông Hằng đó, thì quý vị tính thử coi chừng bao nhiêu? Phật mới hỏi: **“Có nhiều không?”** Ngài Tu Bồ Đề đáp: **“Rất nhiều”**, tính không hết rồi. Tức là, đứng trên tướng mà tính thì rất là nhiều, không thể tính hết. Phật mới so sánh, nhưng trước khi so sánh, quý vị chú ý! Phật nói: **“Nay ta nói thực cho ông rõ”**. Vì đây là điều không dễ tin, nên Ngài nhấn mạnh, xác định rõ ràng chứ không có dối. Phật thí dụ có người thiện nam, thiện nữ đem bảy báu đầy cả thế giới tam thiên đại thiên mà bằng những số cát của những sông Hằng đó, thì quý vị hết tưởng tượng nổi, một thế giới tam thiên đại thiên tính bao nhiêu, rồi thế giới tam thiên đó bằng với tất cả số cát của tất cả các sông Hằng đó! Như vậy phước đức bố thí rất là nhiều phải không? Cho nên Ngài Tu Bồ Đề đáp: **“Rất nhiều”**. Song nếu chúng ta làm phước mà nghĩ rằng mình chỉ dừng ngang đó để hưởng thì sướng không? Hưởng chừng bao nhiêu đời mới hết? Phật nói: **“Nếu có người thiện nam, người thiện nữ đối với trong kinh này cho đến thọ trì bốn câu kệ, vì người khác mà nói thì cái phước này còn hơn cả phước đức của người bố thí trước nữa”**. Vậy quý vị

thấy dễ tin chưa? Cho nên Phật biết trước, Ngài xác định kỹ, bởi phước trì kinh, phước diễn nói cho người nghe, đó là cái phước sống trở về với chính mình, phước đó gọi là phước vô vi, phước này mới thật lớn: Đây là lần thứ hai hiển bày phước thù thắng đó. Lần thứ nhất là bố thí bảy báu bằng cả thế giới tam thiên đại thiên, lần này thì tiến lên một từng nữa là đầy cả vô số thế giới tam thiên đại thiên, như vậy nó có ý nghĩa gì? Thấy dường như trùng lặp nhưng không phải, nó có ý nghĩa rất sâu; bởi vì ở trước là phá cái nghi chấp về thân tướng, tức là Như Lai nói: **“Thân tướng mà chẳng phải thân tướng”**, nên Phật mới thí dụ đó, để thấy công đức sống trở về pháp thân vô tướng nó cao quý hơn, khiến cho chúng ta quên cái thân tướng mà sống trở về với pháp thân vô tướng. Dùng ví dụ đó để cho chúng ta không chấp trên cái hữu tướng mà sống trở về với cái vô tướng, nên ví dụ một thế giới tam thiên đại thiên. Ở đây, lên một từng nữa là phá cái nghi chấp về báo thân và cõi nước trang nghiêm, như đoạn trước vừa nói. Cái thân tướng mà bằng cả núi Tu Di, rồi cõi Phật trang nghiêm tốt đẹp, chỗ chấp này khó phá hơn ở trên. Thân tướng phá nó khó nhưng còn dễ; cái chấp về báo thân và cõi nước trang nghiêm mới là khó, bởi vì báo

thân là từ bao nhiêu công đức tu hành mà được, về cõi nước trang nghiêm cũng vậy, mà bây giờ phá chấp vào nó thì không dễ gì, nhất là thấy mình tu hành được phước tướng công đức, công đức này do công phu tu hành nhọc nhằn của mình từ lâu. Vì vậy, đây ví dụ tiến lên một từng nữa, bố thí bảy báu cả vô số tam thiên đại thiên cũng không bằng người trì tụng và diễn nói bốn câu kệ kinh Kim Cang này, cho thấy cái phước vô vi sống trở về với chính mình nó rất sâu, khiến mọi người đầy đủ niềm tin sâu hơn, vững hơn. Nghe kỹ, chúng ta mới nhận ra có một ý nghĩa rất là vi diệu, đem bảy báu bằng vô số thế giới như vậy bố thí, mà chúng ta chỉ dừng ngang trên đó để hưởng, thì quý vị thấy nó sung sướng đến cỡ nào? Nếu dừng ngang đó hưởng thì quý vị thấy chúng ta hưởng cỡ chừng bao nhiêu kiếp mới hết? Tức sống **dài dài trong vòng luân hồi** này để mà hưởng cái phước đó, không biết bao nhiêu kiếp mới hết. Thấy được ý đó thì mới thấy ý sâu Phật ví dụ. Dù có phước mà ở trong vòng luân hồi thì có khổ, có vui trong đó, dù có sinh lên cõi trời vui hơn, nhưng khi vô thường đến, phước hết cũng khổ. Kinh nói khi các vị trời hết tuổi thọ thì nó hiện ra tướng ngũ suy, là hoa trên đầu héo, mồ hôi nách ra, áo quần nhợt, thân mất ánh sáng

và tiết ra mùi hôi, chẳng thích ngồi tòa cũ, khi thấy hiện ra các tướng đó, thì các vị trời đó khổ lắm. Chúng ta ở đây thấy chết thường thường, mà khi chết còn rất khổ, còn ở trên trời họ sống lâu, ít nghĩ tới cái chết, nên khi nó đến thì khổ vô cùng. Như vậy cái phước quá nhiều như trên, thì cứ sinh rồi chết, chết rồi sinh để hưởng cho hết cái phước này thì quý vị thấy khổ biết bao nhiêu! Giờ đây chúng ta sống trở về với pháp thân vô tướng, pháp thân vô trụ đó, là thường trụ bất sinh bất diệt, cho nên Phật nói là người trì, diễn kinh này thì phước hơn cái phước trước là vậy. Bởi vì, sống trở về pháp thân chân thật của mình, là con đường tiến lên giải thoát giác ngộ, trái lại còn sinh, còn diệt, còn ở trong vòng luân hồi, thì cái nào hơn là quá rõ. Nó hơn là như vậy đó.

Phần này, Hòa thượng có dẫn một câu chuyện rất hay, tức một cô công chúa nhân một hôm thấy trời mưa, nước mưa nhỏ xuống dưới thêm, rồi nó nổi lên những cái bong bóng nước, cô thấy đẹp quá, cô đòi phải xâu cho cô một xâu chuỗi đó cho cô đeo. Ai làm cho được? Không được cô về phòng đóng cửa khóc, rồi không ăn không uống. Vì thương con nên ông vua ra lệnh ai xâu được xâu chuỗi cho cô công chúa đó, ông

sẽ thưởng tiền rất hậu. Có một ông già đến nhận xâu được xâu chuỗi đó. Ông vua nghe rất mừng gọi vào, ông đợi trời mưa xuống, rồi ông kêu cô công chúa ra, ông nói: Cô ra đây! Những cái bong bóng nước nổi lên rồi đó, tôi thì già rồi, mắt cũng mờ, thôi cô muốn cái nào vừa ý thì cô vớt lên đưa tôi, tôi xâu cho! Cô công chúa thật thà vớt lên thì nó tan, cô làm một lúc mệt mỏi, bèn chán thôi không thêm nữa. Đến chừng đó trình ông vua, vua mới lấy một xâu chuỗi thiệt đem cho. Để hợp lại ý trong này, giả sử đem chừng một tỷ các hạt ngọc bằng bong bóng nước so với hạt ngọc thiệt bằng hạt gạo thôi, thì cái nào quý hơn? Cũng vậy, bao nhiêu cái phước đức hữu vi thì cũng là phước vô thường sinh diệt? So với phước vô vi sống trở về chính mình là cái bất sinh bất diệt, tuy là diễn nói chừng bốn câu kệ thôi tức là bắt đầu sống trở về với chính mình, thì khi sống viên mãn giải thoát tức thành Phật, cái nào quý hơn? Dùng trí tuệ xét kỹ, mới thấy đầy đủ niềm tin, nếu không, chỉ bám vào cái phước hữu vi đó mà thiếu trí tuệ sống trở về với cái chân thật của mình, thì hưởng hết phước lẫn lộn trong vòng luân hồi, rồi cũng tạo nghiệp nữa. Kinh nói, dù cho cái khổ đói khát, khổ bị đánh, bị đập, bị tù, bị tội, nó cũng không bằng cái khổ trong vòng

luân hồi này, bởi vì tất cả cái khổ khác cũng từ cái khổ này mà ra, do luân hồi trong vòng này nên ở trong đó mới sinh ra các khổ khác, vì vậy cái khổ này gọi là “cái khổ truyền kiếp” từ đời này sang đời khác. Ở đây sống trở về pháp thân chân thật, là bắt đầu sống giải thoát cái khổ đó. Trong sử có câu chuyện:

Thiền sư Vô Trước khi chưa đạt đạo, nghe nói Ngũ Đài Sơn có Bồ tát Văn Thù thị hiện ở trong đó, nên Ngài đi lên tìm. Nhưng lên đó, chưa thấy Ngài Văn Thù ở đâu, lại gặp ông già dắt trâu, Ngài hỏi thăm: Ở đây là ở đâu? Ông biết hang Kim Cang ở đâu không? Ông già mời vào trong nhà nghỉ, uống nước, đối đáp qua lại, sau đó được ông già cho đồng tử tiễn Sư về và nói cho Sư một bài kệ, rồi ông biến mất. Ngài Vô Trước thấy hiện ở trên mây hình Bồ Tát Văn Thù cỡi sư tử lông vàng thì mới biết mình gặp Bồ tát Văn Thù. Bài kệ như sau:

Nhất niệm tịnh tâm thị Bồ Đề,

Thắng tạo hăng sa thất bảo tháp,

Bảo tháp cứu tạn toái vi trần,

Nhất niệm tịnh tâm thành chánh giác.

**Một niệm tịnh tâm ấy Bồ Đề,
Hơn tạo hằng sa tháp bảy báu,
Tháp báu cuối cùng nát thành bụi,
Một niệm tịnh tâm thành chánh giác.**

Nghĩa là, một niệm mà tâm thanh tịnh chính là Bồ đề, còn hơn tạo hằng sa cái tháp bảy báu; chúng ta tạo bao nhiêu cái tháp bảy báu đó, cũng thuộc về cái tạo tác hữu vi, nó là vô thường. Cho nên “tháp báu cuối cùng nát thành bụi”, dù nó trải qua thời gian dài, sau đó nó cũng vô thường, cũng sẽ nát thành bụi. Nhưng “Một niệm tịnh tâm sẽ thành chính giác”. Nếu một niệm tâm thanh tịnh, đó là cái nhân Bồ đề, cái nhân thành Phật. Vì vậy cái phước báu bên ngoài nó không làm cho chúng ta dứt hết lòng tham sân phiền não; còn một niệm tịnh tâm, nó có năng lực khiến mình dứt được phiền não, để giải thoát giác ngộ. Cái đó mới là con đường chân thật, là chỗ nương tựa vĩnh viễn của mình. Bởi vậy có câu chuyện: vua Đảnh Sinh là một ông vua Chuyển luân thánh vương có phước đức rất lớn. Chuyển luân thánh vương có bốn hạng là: Thiết luân vương, Ngân luân vương, Đồng luân vương, Kim luân vương.

Vị Chuyển luân thánh vương thuộc về Kim luân vương thì phước thật lớn, làm chủ bốn châu thiên hạ, khi ông vua này lên ngôi có những đội quân báu, ngựa báu, hiện đến, có ngọc nữ báu cũng hiện đến, đi đâu các nước đều quy phục, khi quy phục cả bốn châu thiên hạ rồi, ông thấy chưa đủ nữa, ông nghĩ rằng làm sao lên được cõi trời cho biết. Khi ông nghĩ như vậy, do phước báu ông cũng được lên cõi trời. Đế Thích mời ngồi cùng Ngài, khi được ngồi chung với trời Đế Thích, thì ông lại khởi niệm “sao mình không xô ông xuống mình chiếm cái tòa này luôn”. Khi ông vừa khởi niệm đó, ông mất phước rớt trở lại nhân gian, lâm bệnh. Đến khi sắp chết ông gọi hết quần thần lại rồi dặn dò: “các người hãy nhớ theo cái gương của ta đây, do lòng tham không biết đủ cho nên hôm nay mới bị cái nạn khổ này, các người thấy đó để mà răn mình.” Như vậy quý vị thấy sao? Cái phước mà không có trí tuệ này, thì nó có dứt được lòng tham chăng? Có khi còn tạo nghiệp nữa. Bởi vì không có trí tuệ thấy rõ lẽ thật, lòng tham đâu có dứt được. Hiểu như vậy, quý vị thấy xây chùa, xây tháp bên ngoài, cái đó có phước không có chối cãi, nhưng cũng phải **xây ngôi chùa, ngôi tháp ở nơi tự tâm** của mình, thêm ngôi chùa đó mới là chỗ mình nương tựa

lâu dài vững vàng. Bởi vì cái kia nó hết, mà ngôi chùa tự tâm còn, từ đó mình sẽ tạo phước thêm nữa, còn thiếu cái này thì những cái phước kia hết rồi, nó tuột xuống luôn. Để cho thấy, cái phước vô vi nó thù thắng, mỗi người ý thức được cái gốc quan trọng, để sống trở về với pháp thân chân thật, không phải bảo mình bác bỏ cái phước bên ngoài.



普賢菩薩行願品
第八十四

一
月
五
日
講
畢
回
堂



CHÁNH VĂN:

12. TÔN TRỌNG CHÁNH GIÁO

Lại nữa, Tu Bồ Đề! Tùy nói kinh này, cho đến bốn câu kệ..., phải biết chỗ đó, tất cả trời, người, a tu la ở thế gian đều nên cúng dường như tháp miếu của Phật. Huống nữa có người hay hết lòng thọ trì, đọc tụng. Tu Bồ Đề! Phải biết người đó thành tựu pháp ít có bậc nhất trên hết. Nếu kinh điển này ở chỗ nào, tức là có Phật, hoặc hàng đệ tử tôn quý.

GIẢNG:

Đây là một đoạn ngắn, nhưng rất quan trọng! Nói về tôn trọng như thế nào mới đúng ý nghĩa là tôn trọng chánh giáo của Phật. Còn chúng ta thường nói tôn trọng chánh giáo, nhưng chưa đúng ý nghĩa, cho lời Phật dạy là lời vàng, nhưng cứ đem nó đọc tới đọc lui hoài, là chưa hết ý nghĩa đó. Ở đây trước nhất Phật nói tùy theo chỗ nói kinh thì nên cúng dường, coi như chỗ đó là thờ Xá lợi, hay hình tượng Phật, tức là “ở chỗ nào mà nói kinh này thì phải biết chỗ đó tất cả

hàng trời, người, Atula đều nên cúng dường cũng như tháp miếu của Phật". Trước giải thích "tháp miếu" nói đủ là "tốt-đổ-ba", dịch ra là cái chỗ cao, nổi bật lên, nên Trung Hoa gọi là Cao Hiến Xứ. Thường thường tháp là để tôn trí xá lợi của Phật hoặc là các vị Alahán Thanh văn. Còn miếu là chỗ để thờ tượng Phật, mà ở đây Phật nói: khi người diễn nói kinh này cho đến bốn câu kệ thôi, thì chỗ đó tất cả mọi người phải cúng dường cũng như là tháp miếu của Phật, tức là sao? Diễn nói kinh này, tức là khơi dậy ánh sáng Bát nhã cho người, là đem ánh sáng Bát nhã này mời đến cho mọi người, khiến cho hạt giống Phật không có đoạn dứt ở thế gian. Chính đó là chuyển những bộ kinh bằng những chữ nghĩa chết thành ra những bộ kinh sống, như vậy nó mới có năng lực đưa mọi người đến giác ngộ giải thoát. Chỗ đó như là chỗ tháp miếu của Phật, là như vậy. Nghĩa là chỗ nào có người diễn nói, tức là có hạt giống Phật gieo trong đó, mọi người cũng nên cúng dường. Cúng dường ở đây là sao? Cúng dường, là hướng về những bộ kinh sống nơi mình đó, để chiếu sáng trở lại nơi mình. Như vậy chúng ta thấy rõ, ngay nơi thân này nó có đầy đủ "*chân thân xá lợi của Phật*", tức xá lợi thật chứ không phải xá lợi bằng xương, bằng cốt thôi; xá lợi này là xá lợi pháp thân, không phải nhọc nhằn đi cầu

tìm xá lợi bên ngoài. Đây là Phật muốn nhắc mọi người, phải nghe trở lại những lời kinh sống ngoài ngôn ngữ văn tự. Cho nên ở chỗ nào nói kinh này cũng như là có tháp miếu ở chỗ đó, như vậy nói kinh không phải là nói hời hợt được, nói kinh phải soi thấu qua ý nghĩa chân thật, không thể phớt qua trên chữ nghĩa suông. Nếu hời hợt trên chữ nghĩa suông thì nó có đầy đủ ý nghĩa Như Lai nói chưa? Thấu được như vậy, người nói người nghe mới thật sự cảm thông nhau bất khả tư nghì. Người nói cũng phải soi thấu qua danh từ chữ nghĩa, đạt tới ý nghĩa chân thật. Người nghe cũng vậy, phải nghe lại những lời kinh sống nơi chính mình, đó mới là chỗ trời Đế Thích nói với Tôn Giả Tu Bồ Đề, “không nói, không nghe tức là chơn Bát Nhã”. Nghe, không phải nghe trên cái âm thanh thôi, mà nghe thấu tới chân thật của mình, đó mới là khéo nói Bát Nhã và khéo nghe Bát Nhã. Chỉ một điểm diễn nói thôi, quý vị thấy ý nghĩa đã sâu xa rồi. Thêm một từng nữa, Phật nói người hay thọ trì đọc tụng thì phải biết người đó thành tựu pháp ít có bậc nhất, trên hết. Nghĩa là chỉ khơi dậy đánh thức cái sức sống Bát Nhã nơi con người còn quý trọng như vậy, huống nữa bây giờ sống thật sự ở trong đó thì sao? Tức toàn thể pháp thân lộ bày, thật sự chứng nghiệm rõ ràng thì cái công đức năng lực đó còn đến chừng

nào nữa! Cho nên nói thọ trì đọc tụng, nhưng thường thường đọc tụng, học thuộc lòng theo kiểu chữ nghĩa thì làm sao quý như vậy được, mà học thuộc lòng ở đây, là luôn luôn sống miên mật không có xen hở, thọ trì, đọc tụng thuộc lòng như vậy thì người đó thành tựu “*pháp ít có bậc nhất trên hết*”, tại sao nó ít có? Nói là ít có thì có người có, người không hay sao? Như đã nói ở trước, bởi vì ở trên thế gian này không có gì so sánh được với nó, bao nhiêu cái ở trên thế gian này có tạo tác ra đều là vô thường sinh diệt, còn cái này là bất sinh bất diệt, cho nên không có cái gì sánh được, ít có là như vậy đó. Hiểu được như vậy thì, chính mình đọc tụng học thuộc lòng là sống trở về đào lấy kho báu sẵn có, dùng hoài không hết, không như những cái bên ngoài một lúc là hết. Trong Hàn Sơn Thi có bài kệ:

<i>Tích nhật cực bản khổ,</i>	<i>Dạ dạ số tha bảo.</i>
<i>Kim nhật thẩm tư lương,</i>	<i>Tự gia tu doanh tạo.</i>
<i>Quật đắc nhất bảo tạng,</i>	<i>Thuần thị thủy tinh châu.</i>
<i>Dại hữu bích nhân hồ,</i>	<i>Mật nghị mãi tương khứ,</i>
<i>Dư tức báo cừ ngôn,</i>	<i>Thử châu vô giá số.</i>

“Ngày xưa quá nghèo khổ, Đêm đêm đếm báu người”, nghĩa là ngày xưa quá nghèo

khổ lang thang, rồi cứ đi đếm của báu của người ta. Đếm của báu người ta thì sao? mà đó là chỉ cho ai? Tức lấy những lời Phật, lời Tổ đọc tới đọc lui, lấy đó làm của mình, thì không phải là lấy của báu của người ta mà đếm, rốt cuộc buông ra thì mình không có gì hết, cho nên vẫn nghèo khổ mãi.

“Hôm nay nghĩ xét kỹ, Phải gây dựng nhà mình”, bây giờ xét kỹ lại, lo xây dựng cho nhà mình, tạo dựng cho nhà mình. **“Đào được một kho báu, Toàn là ngọc thủy tinh”,** bây giờ lo xây dựng cho nhà mình, mới đào được một cái kho báu ngọc thủy tinh, nó trong suốt rất là sáng sủa.

“Thường có lão mất biếc, Thẩm định mua đem đi”, lão mất biếc, chỉ cho ai? Chỉ cho Tổ Bồ Đề Đạt Ma đó, ngài thẩm định mua đem đi mất, nhưng **“Tôi thường báo y rõ, Ngọc này thật vô giá”,** ngọc này không có giá thì làm sao mua? Đây là muốn nhắc, lâu nay mình chỉ lo đếm của báu người, lo bám theo lời lẽ của Phật, của Tổ, rồi lấy đó làm hài lòng, làm kiến giải, cho là của mình, mà thật sự là vay mượn cả. Bây giờ biết lại, mình phải khai thác, tìm lại cái sẵn có nơi mình, là cái **“trí tuệ vô sư”,**

tức ***“trí sẵn có nơi mình”*** đó, cái đó mới là cái quý. Chính Tổ Bồ Đề Đạt Ma truyền là truyền chỗ đó, đó là cái không có giá, bởi vì nó vượt ngoài cái đối đãi của thế gian. Ngọc của thế gian là có thể trả giá được, vì nó có mắc có rẻ, còn ngọc này không có mắc rẻ, nên không ai trả giá được; cũng không phải cái bên ngoài nên cũng không ai đem đi được, đào được là mình sử dụng đời đời không bao giờ hết. Ngài Câu Chi ngộ được ở thiền sư Thiên Long, Ngài Thiên Long chỉ giơ ngón tay lên là Ngài ngộ, sau đó Ngài ra giáo hóa, thường thường ai hỏi đến thiền thì Ngài chỉ giơ ngón tay lên thôi. Khi sắp tịch Ngài bảo chúng: *“Ta từ khi nhận được một ngón tay thiền của Hòa thượng Thiên Long tới bây giờ xài hoài không hết”*. Chỉ được có ngón tay thiền thôi mà xài hoài không hết, trong khi đó chúng ta học bao nhiêu kinh điển, đầy cả một đầu nhưng vẫn còn thấy chưa đủ? Nó có lúc được có lúc không, lúc nhớ thì được lúc quên thì không, còn cái này thì dùng hoài không hết, vì nó có sẵn rồi. Bởi vậy nói của báu sẵn đó mà không biết lấy ra dùng, cứ đếm của báu của người, thì thật đáng thương! Xưa ông vua Chân Tông đời Đường trong lúc đi Hà Bắc đến hành cung, ông mời Thiền sư Hưng Hóa ở Tồn Tương tới hỏi:

ý, đệ tử tôn quý tức là những vị Hiền Thánh Tăng có chỗ đó, song “ở chỗ nào” có kinh này đây? Nếu hiểu ngược lại, “chỗ nào không có” kinh này? Có chỗ nào không có kinh này chẳng? Chúng ta ở đây thì có kinh này không? Quả thật có đó nhưng chưa chịu khai thác, ở đây phải hiểu cả hai mặt. Bởi vậy Lục Tổ có dạy: “*Tự tâm mình tụng kinh này, tự tâm hiểu được kinh này, tự tâm mình thể nhận được cái lý vô trước, vô tướng thì ở chỗ nào cũng thường tu hạnh Phật, niệm niệm tâm không gián đoạn tức tự tâm là Phật*”. Tức ở chỗ nào cũng là Phật, ở chỗ nào cũng là giác, niệm niệm không gián đoạn thì chỗ nào không có? Bởi chính tự tâm mình là Phật, chỗ nào có nó ắt là có Phật, chỗ nào có tính giác thì Phật hiện chỗ đó. Vậy ngay nơi mình ngồi đây cũng có Phật đủ hết, không chỗ nào thiếu. Đó là muốn nhắc nhở cho mình luôn luôn tỉnh giác, không để hơi hợt bỏ qua chỗ nào hết, thì chỗ nào cũng có Phật, cũng là chỗ cho mình tỉnh giác. Như vậy luôn luôn soi sáng nơi chính mình thì, sẽ phát minh ra ngay ngôi nhà năm uẩn này hay là ngay nơi tháp thất đại này, nó có sẵn bộ kinh Bát Nhã sống trong đó, nó luôn luôn phóng hào quang sẵn nơi sáu cửa. Chính chỗ đó là có Phật, có đệ tử tôn quý của Phật ở đó. Phật ra đời cũng để chỉ cho người nhớ trở lại, sống trở lại với bộ kinh sống đó chứ gì! Bao nhiêu

năm thuyết pháp, nói khô cổ cũng để đánh thức người nhớ bộ kinh sống đó thôi, và sau này các vị Tổ, Tổ cũng truyền với nhau bộ kinh sống đó. Vậy mình cung kính cúng dường lễ bái, cũng để bái bộ kinh đó, thọ trì cũng là thọ trì bộ kinh sống đó. Ngài Phó Đại Sĩ có bài kệ: ***“Trì kinh bốn câu kệ, Phải nên chẳng lìa thân”***, không phải trì trong mấy chữ đó. ***“Rõ tâm, tâm là Phật, Một thật thọ trì kinh”***, thọ trì kinh là như vậy đó, luôn luôn kinh không có rời nơi thân tâm này, rõ được ngay nơi thân tâm này chính là tâm Phật. Nghĩa là thọ trì bao nhiêu kinh điển gì, là luôn luôn soi sáng chính nơi tâm mình, thấy rõ chính tâm mình là Phật, đạt được cái tâm sáng suốt đó, mới thật là người biết trì kinh. Trì kinh như vậy mới thật là người có công đức bất khả tư nghì. Nếu chỉ đọc suông qua vậy thôi, thì công đức hơn người kia, làm sao mà tin nổi, phải không? Tóm lại, nếu mình không mở sáng được con mắt Bát Nhã ở nơi mình, thì tu hành cũng quờ quạng trong đêm tối. Quờ quạng trong đêm tối, có khi cũng sụp hầm luôn. Còn mở sáng Bát Nhã thì ngay nơi gót chân mình đây, là mình bước từng bước đạp trên đất Phật, vậy thì mỗi bước đi của mình là mỗi hoa sen nở! Không chỉ có bảy hoa sen nở như Phật đản sinh thôi. Vậy bất khả tư nghì chính là như vậy, vì khi chúng ta mở sáng

mất Bát Nhã rồi thì, từng cử chỉ, từng hành động của mình đều từ trong ánh sáng Bát Nhã tỏa ra, không phải mỗi bước, mỗi bước hoa sen nở hay sao! Hiểu như vậy, giả sử có người đem một cái hộp xá lợi, rồi bỏ kinh Bát Nhã đến, mọi người sẽ lấy phần nào? Trong kinh Đại Bát Nhã có một đoạn, Phật bảo trời Đế Thích:

- Trong thế giới tam thiên đại thiên này đựng đầy xá lợi làm một phần, rồi một bộ kinh Bát Nhã làm một phần, thì đối với hai phần này ông lấy phần nào?

Trời Đế Thích thưa:

- Con thà lấy kinh Bát Nhã này, song chẳng phải con chẳng kính xá lợi Như Lai, mà do vì Bát Nhã mới có xá lợi, cũng do Bát Nhã huân tu nên xá lợi mới được cúng dường, vì vậy con lấy kinh mà chẳng lấy xá lợi.

Ý nghĩa rất rõ ràng, xá lợi Phật không phải chẳng tôn kính mà muốn nhấn mạnh, cần biết cái nào là gốc. Phật cũng từ nơi ngộ được, sáng được Bát Nhã đó, rồi sống được ở trong đó trọn vẹn mới thành tựu quả Phật, mới có xá lợi ngày nay để cho người trời cung kính cúng dường. Biết như vậy, chúng ta khéo xoay trở lại ánh sáng Bát Nhã đó, để sống dần dần trọn vẹn, đầy đủ thì

cũng sẽ là một vị Phật, cái quý trọng là chỗ đó. Cho nên ở đây mới nói, kinh này ở chỗ nào, là ở đó có Phật và hàng đệ tử tôn quý của Phật. Nói rộng ra, chúng ta phải làm thế nào để làm sống dậy những lời của Phật Tổ, để khiến cho chánh pháp được truyền mãi. Muốn vậy, phải khéo thực hành, nghe rồi soi sáng lại mình để mở sáng trí Bát Nhã nơi mình, đó là làm cho hạt giống Phật được tiếp nối trên thế gian, không bao giờ mất, như vậy mới đúng theo lời dặn dò của Phật là: **“Các ông phải khéo hộ trì, đừng để chánh pháp đoạn dứt!”** Mà sự thật cái này là cái sẵn có nơi mình, không có hình tướng gì, cũng không do ai tạo tác, thì có bao giờ nó mất đâu? Sở dĩ Phật nói đoạn dứt đó là sao? là bỏ quên nó, mê nó thôi. Hiểu như vậy, chúng ta có đầy đủ niềm tin, tất cả mọi người, ai ai cũng đều có đủ hết, cho dù khi Phật pháp mất bóng trên thế gian này, nó cũng không mất đi đâu. Chỉ do lúc đó cái mê nó quá dày, không có ai khơi dậy, nếu trong đó có ai được thức tỉnh trở lại, rồi nhắc nhở đến những người khác thì nó cũng có đầy đủ. Phật nói khi Phật pháp bị diệt mất hết trên thế gian này, qua thời đức Phật khác ra đời, thì Ngài cũng nhắc lại, rồi cũng đánh thức cái sẵn có của con người vậy thôi, chứ có lúc nào mất thiệt đâu? Do đó, chúng ta không sợ thiếu, không sợ mất, chỉ

sợ mình không chịu nhớ, chịu giác đó thôi; chịu nhớ chịu giác lại thì lúc nào, ở nơi nào cũng đều có đủ khởi phải chạy đi đâu tìm. Tóm lại, tôn trọng chính giáo là phải biết làm sống dậy lời của Phật bằng sức sống chân thật nơi chính mình. Vì có đánh thức khơi dậy cho mọi người nhớ việc ấy thì mới thực sự biết sống ý nghĩa, biết Phật pháp là tốt quý. Chỉ chấp theo trên hình tướng, nhiều khi nói tôn trọng mà thành ra phỉ báng lúc nào không hay. Vì hiểu sai đi thành ra phỉ báng. Từ những chữ nghĩa chết, từ các bộ kinh bằng giấy bằng mực đó, chúng ta sống lại được ngay nơi chính mình, thì mới có sức sống sáng tạo; còn nếu mình chỉ học được bao nhiêu chữ nghĩa đó, thì mình nói lại bao nhiêu đó thôi; có sức sống chân thật, thì tùy hoàn cảnh, tùy nhân duyên mình ứng dụng ra nó linh động chứ không mắc kẹt khuôn mẫu chết.

Trong nhà thiền có câu chuyện: hai chú tiểu sa di ở hai thiền viện gần bên nhau, thường thường buổi sáng chú tiểu bên Thiền viện A đi ra ngoài thì chú tiểu bên Thiền viện B cũng đi ra, hai chú gặp nhau để lý luận thiền. Một hôm chú tiểu bên thiền viện A đi ra gặp chú tiểu bên thiền viện B hỏi:

- Nay huynh đi đâu?

Chú tiểu bên thiền viện A đáp:

- Chân tôi bước đâu thì tôi đi đó.

Chú tiểu bên thiền viện B không biết làm sao trả lời, bí. Trở về thưa với ông thầy, ông nói:

- Sao con dở quá vậy, sao không hỏi lại là “nếu không có chân thì sao?”

Chú tiểu đó hơn hờ rình, bữa sau thấy chú tiểu bên thiền viện A đi ra, chú liền hỏi:

- Bữa nay huynh đi đâu?

Chú tiểu bên thiền viện A đáp:

- Gió thổi đâu tôi đi đó.

Chú kia cũng bí luôn, học được có câu kia thôi, nên không trả lời được, về thưa lại với thầy.

Ông thầy nói:

- Nữa, con cũng dở nữa rồi, hãy hỏi lại: “nếu không có gió thì sao?”

Chú hơn hờ bữa nay nắm chắc, rình bữa sau chú kia đi ra chú hỏi:

- Bữa nay huynh đi đâu?

Chú kia nói:

- Tôi đi chợ mua rau.

Vậy thua luôn lần nữa!!!

Đó là nói lên ý nghĩa người thật sống, có sức sáng tạo từ bên trong ứng dụng ra, còn người học lại thôi, cho nên học được câu nào nói câu đó, hết câu đó thì không biết gì để nói nữa. Chỗ này cũng vậy, chúng ta học trong kinh điển thì đó là lời chữ của Phật Tổ nói, chúng ta phải soi sáng lại nơi mình để thấy được cái chân thật đó ngoài chữ nghĩa, ngay nơi mình, sống trong đó rồi tùy chỗ ứng dụng ra linh động, nhưng không sai với ý Phật Tổ. Dụ như ban đầu Phật ở trên hội Linh Sơn đưa cành hoa sen lên khai thị, ngài Ca Diếp ngộ mỉm cười; sau các thiền sư cũng ngộ được chỗ đó, nhưng các ngài lại không bắt chước đưa cành hoa sen lên, mà có khi các ngài giơ cây phất tử lên, hoặc ngài Câu Chi đưa ngón tay lên, như vậy cũng không sai với ý đó. Chúng ta không có cái sức sống này, nghe đâu bám vào đó, có được một số kiến thức, hiểu biết được một số lời của Thế Tôn, lời của Tổ, có bấy nhiêu dùng hết thì thôi, có khi dùng bắt chước không đúng chỗ nữa. Nghe lời Phật Tổ nói lý thiền hay, mình học được tưởng đâu như của mình, rồi đem ra lý luận, gặp ai cũng lý luận, đâu biết Phật Tổ rõ được người đối cơ, biết trình độ căn cơ đến mức độ nào, các ngài

khởi dậy kế hợp thì người kia thấy liền, ngộ liền; còn chúng ta bắt chước đem ra để mà khoe kiến thức hơn thua, cãi lý nhau, cãi một hồi không hơn thì nổi sân, đó là tâm đấu tranh không phải chân thật. Nói để mọi người hiểu rõ ý nghĩa, biết khai thác kho báu chân thật nơi mình, mở quyển kinh sống nơi chính mình, cái đó mới là chân thật, mới ứng dụng linh động, và mới có năng lực giúp mình thắng được phiền não, cũng như thắng được những lúc cuối cùng, thắng được sinh tử, chứ tới lúc mình chết thì không có thời giờ cho mình lý luận, lúc đó không còn nhớ để mà nói đâu, mà phải có sức sống chân thật này thì mới có đủ sức thắng được chỗ đó!



13. ĐÚNG NHƯ PHÁP THỌ TRÌ

Bấy giờ Tu Bồ Đề bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Phải gọi kinh này tên gì? Chúng con làm sao phụng trì?

Phật bảo Tu Bồ Đề:

- Kinh này tên là Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật. Do tên gọi đó, ông nên phụng trì. Vì cố sao? Này Tu Bồ Đề! Phật nói Bát Nhã Ba La Mật tức chẳng phải Bát Nhã Ba La Mật, (đó gọi là *Bát Nhã Ba La Mật*).

(Trong bản xưa thì không có câu sau, bản phổ thông thông thường thì sau này bổ túc thêm vào, còn ý nghĩa thì sau này sẽ giải thích rõ, không có câu đó thì ý sâu hơn).

- Tu Bồ Đề! Ý ông nghĩ sao? Như Lai có pháp để nói chăng?

Tu Bồ Đề bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn, Như Lai không có gì để nói.

- Tu Bồ Đề! Ý ông nghĩ sao? Thế giới Tam thiên đại thiên có những hạt bụi, bụi đó nhiều chăng?

Tu Bồ Đề thưa:

- Bạch Thế Tôn, rất nhiều.

- Nay Tu Bồ Đề! Những hạt bụi, Như Lai nói chẳng phải hạt bụi, đó gọi là hạt bụi. Như Lai nói thế giới, chẳng phải thế giới, đó gọi là thế giới.

- Nay Tu Bồ Đề! Ý ông nghĩ sao? Có thể lấy ba mươi hai tướng mà thấy Như Lai chăng?

- Bạch Thế Tôn, chẳng được. Chẳng thể lấy ba mươi hai tướng mà thấy Như Lai. Tại sao? Như Lai nói ba mươi hai tướng, tức chẳng phải tướng, đó gọi là ba mươi hai tướng.

- Nay Tu Bồ Đề! Nếu có người thiện nam, kẻ thiện nữ đem thân mạng như số cát sông Hằng... ra bố thí; nếu lại có người đối trong kinh này, cho đến thọ trì bốn câu kệ..., vì người khác mà nói, phước đó rất nhiều.

GIẢNG:

Trong đây có mấy điểm, thứ nhất là hỏi đáp về tên kinh và phụng trì. Phụng trì là vâng giữ, y theo đó mà làm, mà gìn giữ. Trước tiên ngài Tu Bồ Đề bạch Phật thưa hỏi về tên kinh, ngài nói: **“Bạch Thế Tôn, phải gọi kinh này tên là gì? Chúng con làm sao mà gìn giữ?”** Phật nói tên là **“Kinh Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật, do tên gọi đó ông phải phụng trì”**. Kế đó Phật nói: **“Cớ sao? Này Tu Bồ Đề! Bát nhã ba la mật đa, tức chẳng phải bát nhã ba la mật đa”**. Đoạn này có hai ý:

Một là, tiếp ở phần trên, Phật đã khen ngợi kinh này rất là sâu xa, rất là quý trọng, cho nên kinh này ở đâu thì có đức Phật và các đệ tử lớn tôn quý của Phật ở đó, nhưng cũng chưa nói kinh này là gì, chỉ nói ở đâu có kinh này thì có Phật và các đệ tử lớn ở đó, như vậy kinh gì vẫn chưa biết tên. Nếu với người lanh lợi trực nhận thì dễ rồi khỏi nói, nghe nói kinh này thì biết là “kinh gì” rồi, nhưng bây giờ muốn giữ gìn nó để lưu thông, để dạy cho người thì sao? Nói kinh này mà không biết là kinh gì làm sao chỉ dạy cho người đây? Làm sao để lưu thông? Chẳng lẽ nhận được rồi im lặng hoài sao? Nên ở đây ngài Tu Bồ Đề mới hỏi

tên kinh, để cho thấy, tuy chỗ kinh chân thật đó không có tên, mà phương tiện mở bày cái tên để dẫn dắt cho người, nhân cái tên đó đạt được lý ngoài tên, vì vậy *"không hoại giả danh mà bày thật tướng"*, mình không phá hoại hết những cái giả danh đó, nhưng không kẹt trên cái giả danh, thấu suốt qua cái giả danh đó thấy được cái lý thật thì đó là người khéo léo, chứ còn gạt bỏ hết nó thì mình không biết lấy gì để học.

Hai là, từ trước đến đây đã lý giải ý nghĩa hàng phục và an trụ rõ ràng, tức là trước đã phá bên ngoài không có cội nước để mình bám lấy trang nghiêm, mà trang nghiêm tự tâm, tức không có pháp để được; cho đến trong thân mình cũng không có cái thân tướng thật để nương tựa; ngoài không có gì bám, trong không có chỗ nương, tất cả không có chỗ nào để mình khởi niệm được hết, vậy thì ý nghĩa hàng phục tâm và an trụ tâm quá rõ! Cho nên đến đây hỏi tên kinh để tổng kết lại và khiến cho mình nhảy qua một cái nhảy nữa, đi sâu thêm để vãng giữ phụng trì, sống liên tục không gián đoạn, mình thể nghiệm ngay thật nơi chính mình. Đây cũng là một ý, mình sạch hết những cái nghi chấp thì Bát nhã hiện ra cụ thể. Cho nên sau phần này, ngài Tu Bồ Đề mới cảm ngộ sâu, ngài rơi lệ khóc lóc, tán

thần là hy hữu. Ở đây Phật đáp tên kinh là Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật Đa, quý vị nghe tên kinh rồi có cảm được điều gì không? Đúng ra, sau khi nghe tên kinh đó, nếu hiểu sâu thì giống như một lưỡi dao nó cắt đứt tất cả mọi cái dây dưa của mình. Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật Đa, là trí tuệ rất ráo tột cùng, trí tuệ đó nó đã rất ráo tột cùng, mà còn bén chắc như kim cương nữa, thì có gì đụng đến nó được? Ngay một tên kinh là nó cắt đứt tất cả mọi thứ, để mình rũ sạch hết, không có chỗ nào để bám vào. Trước có dẫn câu chuyện của ngài Tào Sơn nói về cây kiếm không mũi đó, Ngài nói rằng, đối với cây kiếm này người gặp cũng đứt đầu mà người không gặp cũng chết, không có chỗ nào để đụng được. Để chỉ trí tuệ này là trí tuệ Kim Cang bén sắc, không có chỗ để cho mình suy nghĩ, mình duyên đến được. Khi sạch hết những tình chấp đó, mới thật là Bát nhã hiện tiền. Nhưng ở đây Phật lại bảo: **“do tên đó mà phụng trì gìn giữ”**. “Tên đó” có ý nghĩa gì? Giữ gìn cái tên Bát Nhã Ba La Mật là sao? Nó có ý nghĩa rất là sâu xa, bởi vậy Phật nói tên đó rồi, ngài sợ mọi người sẽ kẹt trên cái tên đó, cho nên ngài nói ngay: **“Bát Nhã Ba La Mật, tức chẳng phải Bát Nhã Ba La Mật”**, vừa nói tên xong là ngài phủ nhận ngay. Muốn chỉ cảnh giới của chư Phật là cảnh

giới tự chứng của mỗi người, không phải là chỗ để cho tình thức chen vào đến được, mà muốn đến được cảnh giới này phải đến bằng trực giác, không phải bằng suy nghĩ phân biệt. Đó là ngài muốn đánh thức mọi người phải đạt được ý ngoài lời, cho nên nói Bát Nhã Ba la mật, ngài liền nói **“Bát Nhã Ba La Mật tức chẳng phải Bát Nhã Ba La Mật”** Nếu nghe cái tên đó, rồi bám vào tên đó thì quả tang là *“Y kinh giải nghĩa tam thế Phật oan”*. Nghe nói Bát Nhã Ba La Mật rồi bám vào tên đó, đọc tới đọc lui hoài, nói *“tôi phụng trì đó!”*, oan cho Phật quá! Phương tiện mà ngài lập tên này thôi, chữ ý của ngài là muốn cho mình nhận được, đạt được cái gì ngoài tên đó, chứ không phải nằm ở cái tên, **“ý sâu”** là đó. Hiểu được chỗ đó, mới thấy chỗ mình phụng trì, là phụng trì chỗ đó, chứ không phải nắm cái tên rồi đọc tới đọc lui, mà chính **“chỗ đó”** mới là chỗ sống của Bát nhã; nếu nói phụng trì Bát nhã là đọc tên Bát Nhã Ba La Mật Đa gọi là phụng trì, thì đó là Bát nhã chết. Nếu ai cũng nói tôi đọc Bát nhã là tôi phụng trì, thì làm sao thấy được Bát nhã chân thật này? Nhảy qua được chỗ đó, mới thấy được chỗ Bát nhã chân thật và chính chỗ đó mới là Bát nhã sống. Bởi quyển kinh Bát nhã này, đến một thời gọi là đại tam tai, là kiếp hoả, thì kiếp hoả đó cháy tiêu hết cả thế giới

này, lúc đó quyển kinh này còn không? Lấy chỗ nào phụng trì? Rõ ràng chỗ phụng trì là chỗ chân thật nhảy ngoài tên đó, hiểu như vậy mới hiểu được chỗ sống của Bát nhã, dù cho thế giới này tan hoại, bao nhiêu bộ kinh bằng giấy bằng mực này cháy tiêu hết, nhưng “*cái kia*” vẫn còn, mình sống chỗ này rồi, mình đi chỗ khác vẫn ứng dụng ra, thì Bát nhã luôn luôn không gián đoạn, phụng trì như vậy đó, mới thật phụng trì Kim Cang Bát nhã. Hiểu rõ chỗ này mới cảm thông trong nhà thiền, có lúc các ngài nói, mình mới nghe qua thấy rất nghịch lý, như nói rằng: “Trương Công uống rượu mà Lý Công say”, tức là ông Trương uống rượu mà ông Lý say, hay “trâu đất Hoài ăn cỏ mà trâu đất Ích no bụng”, nếu nghe với tâm hồn luận lý lô-gích thì không thể nào chấp nhận được. Ông Trương uống rượu mà ông Lý say, cũng như giờ “tôi ăn cơm mà quý vị no” chịu nổi không? hay như bây giờ “trâu Đúc Trọng ăn cỏ mà trâu Đồng Nai no” nói như vậy là ý sao? Với thế gian theo nếp suy tư quen, thì luận lý đâu đó rõ ràng, một nói một, hai nói hai, có lô- gích đàng hoàng, nói kiểu này không thể chấp nhận được; nhưng với người hiểu đạo, với người tu thiền thấu suốt càng cảm sâu ý nghĩa vi diệu trong đó: nói đây mà ý kia, nói Bát nhã mà chẳng phải Bát nhã, phải thấy ngoài lời, như vậy

mới thật sự là hiểu sâu và khi cảm sâu được lẽ thật đó rồi, mới thấy rõ mọi ngôn ngữ ở thế gian, mọi văn tự đều không thực, không có gì cố định. Có vậy chúng ta không có chết trên chữ nghĩa, trên ngôn ngữ, mà từ trong chữ nghĩa ngôn ngữ đó mình sống dậy vươn lên; còn nói gì mà chấp chặt vào đó, là tự đóng khung mình trên chữ nghĩa. Ở đây phá không cho bám chặt trên chữ nghĩa. Lục Tổ có một đoạn ngài nói rằng: *“Hoặc người đại thừa, hoặc người Tối thượng thừa nghe nói kinh Kim Cang, vì tâm tỏ ngộ nên biết bản tánh tự có trí Bát nhã; vì tự dùng trí tuệ thường quán chiếu nên chẳng nhờ nơi văn tự”,* tức là người đại thừa hoặc người tối thượng thừa nghe nói kinh Kim Cang tâm liền tỏ sáng, biết được, nhận được rõ ràng trí Bát nhã này có sẵn nơi bản tánh của mình, vì tự có trí Bát nhã từ nơi bản tánh của mình đó, cho nên từ đó mình ứng dụng ra, thường quán chiếu luôn luôn thì đâu có nhờ bên ngoài, đó là vượt qua văn tự, sống ngay với Bát nhã của tự tánh mình. Một đoạn khác ngài nói rằng: *“Tôi ở chỗ Hòa thượng Nhẫn một phen nghe liền ngay lời nói mà tỏ ngộ, chóng thấy bản tánh chân như.”* Một phen nghe Ngũ Tổ nói, liền tỏ ngộ thấy được tự tánh chân như của mình, chứ không dính trên chữ nghĩa. Quý vị nghe có nhảy qua được chữ nghĩa chưa? Hiểu

được như vậy, mới thấy được **“Bát nhã tức chẳng phải Bát nhã”** nghĩa là khiến cho mình ngay nơi đó nhảy qua, để sống thẳng nơi chính mình, không dính trên chữ nghĩa. Bởi vậy, Bát nhã bỏ lại đằng sau mọi lý luận, bất chấp mọi lý luận, mặc cho người ta nói lý luận phải chặt chẽ thế này, thế kia, nhưng các ngài sống được cái này rồi, các ngài bất chấp. Thiền sư Ba Tiêu có lần thượng đường nói rằng: *“Các ông có cây gậy ta cho các ông cây gậy, còn các ông không có cây gậy thì ta đoạt cây gậy của các ông”*. Nói vậy nghe có lý luận như thế gian không? Có gậy rồi còn cho chi nữa? Còn không có gậy thì giựt cái gì? Nhưng ngài nói được như vậy, mà chính người thấm sâu được thiền thì thấy ý nghĩa thật là sâu xa. Có cây gậy thì cho ông nhận được liền, nếu hoàn toàn không có thì cho ông cũng không có xài gì được, chính ông có mới cho; còn không có thì lấy; bởi vì sao? Nếu không có, mà lấy thì ông không có gì để cầu nữa, nếu còn có chỗ để cầu bên ngoài được nữa thì dư, khiến người quên ý niệm **Được – Mất**, cho nên nói là phi lý mà hợp lý, còn mình quen theo suy nghĩ hợp lý thường tình thì nó là phi lý. Bởi vậy trong nhà thiền có câu chuyện: Có một vị họa sĩ người Nhật bản, ông này có tài vẽ trúc rất là xuất thần, rất tuyệt kỹ; một hôm có một người đặt ông vẽ một tấm

bình phong bằng rừng trúc, ông đem hết tuyệt kỹ của mình vẽ một bức tranh rừng trúc tuyệt vời, nhưng ông vẽ toàn màu đỏ. Khi khách hàng tới nhận, trầm trồ khen ngợi hết lời cảm ơn, nhưng sau đó vị ấy cũng thắc mắc hỏi: Xin lỗi ngài, trúc mà sao nó lại màu đỏ như vậy? Ông họa sĩ hỏi: - Vậy chứ theo ông thì màu gì? Ông khách nói: Hẳn là màu đen. Ông họa sĩ nói bằng giọng quơ: Có ai thấy lá trúc màu đen bao giờ không ạ? Đây là câu chuyện có ý đánh phá cái nhìn theo nếp cố hữu của mình lâu nay, lâu nay mình theo thế gian là vẽ trúc màu đen, ai vẽ màu đỏ bao giờ? Cho nên hợp lý là phải vẽ màu đen, nhưng sự thật lá trúc có bao giờ màu đen đâu? Ở Đà Lạt thì thấy trúc huyền, thân cây màu đen nhưng lá trúc vẫn màu xanh, đâu có đen? Nhưng do nếp suy nghĩ quen của mỗi người, vẽ bằng mực đen thì màu đen nó hợp lý, còn vẽ lá trúc đỏ thì thấy nó lạ đời, không hợp lý. Ở đây đánh tan tư tưởng bám chặt theo suy nghĩ thường tình đó, thì mới thấy được cái lẽ thật lá trúc nó không phải đen hay đỏ, như vậy chính cái nghịch lý đó mà mình thấu qua được thì nó hợp lý; còn mình cho là hợp lý theo thường tình thì nó lại là nghịch lý. Cho thấy nó không cố định, mà tùy theo cái chấp, cái quan niệm thành kiến của mình mà nó thành, lâu nay mọi người đều nhìn như vậy, rồi mình

cũng nhìn theo đó, cho nên thấy ai nói khác đi thì mình cãi, tưởng đâu như là đúng mà sự thật có đúng đâu? Do đó, Phật đánh thức cho mình phải vượt qua những chữ nghĩa đó, mới thấy được lẽ thật, sống được lẽ thật, mới thấy được Bát nhã chẳng phải là Bát nhã. Đó là một đoạn.

Qua đoạn thứ hai, gạn hỏi về pháp để nói, Phật bảo là: **“Tu Bồ Đề! Như Lai có pháp để nói chăng?”**. Ngài Tu Bồ Đề thưa: **“Bạch Thế Tôn! Như Lai không có gì để nói”**. Như vậy là sao? Vừa nói tên kinh xong, Phật cũng sợ mình chấp, hỏi tên kinh, Phật bảo là “Kinh Bát Nhã Ba La Mật”, vậy đã có tên, tức mọi người liền định ninh là Phật có pháp để nói, nên mới đặt tên, tức chấp “có pháp để nói”, nên ngay đây ngài gạn lại liền: **“Như Lai có pháp để nói chăng?”** để phá chỗ đó. Hoặc có người lại chấp chính đây là cảnh giới riêng của chư Phật, Bát nhã là thuộc về Phật, chỉ một mình Ngài được thôi, cho nên khó nói. Do đó Phật gạn lại để cho thấy, đây chính là chỗ chung chung của tất cả mười phương chư Phật, chứ không phải của riêng Ngài, cũng là chỗ sẵn có của chúng sinh chứ không phải của riêng ai, hoặc của chư Phật còn mình chẳng có, mà ai cũng có đầy đủ vậy thì có gì để nói? Ở trước đã dẫn rõ, tất cả mười phương chư Phật cũng như pháp Vô

Thượng Bồ đề của chư Phật cũng từ kinh này mà ra, vậy kinh này không riêng của ai, nên Ngài không có pháp gì riêng để nói. Bởi vậy trong kinh Pháp Hoa có câu: **“Chư pháp tùng bản lai, Thường tự tịch diệt tướng”**, nghĩa là các pháp từ xưa đến nay, thường ở nơi tướng của nó là tịch diệt lặng lẽ, mọi pháp xưa nay vốn là lặng lẽ thường trụ, không sinh diệt, sở dĩ nó có sinh diệt, có sai biệt là do *“cái đầu này”* mà thành ra sai biệt, chứ bản tánh của nó vốn là lặng lẽ! Ở đây cũng để nói lên, pháp này vốn lìa ngoài ngôn ngữ, ngôn ngữ không thể nói đến được; lìa ngoài tướng tâm duyên, không suy nghĩ đến được, nó xưa nay lặng lẽ như vậy thôi, không có gì để nói, chứ **không phải hoàn toàn không có**. Chính đây là pháp mỗi người phải tự thể nghiệm lấy, tự thâm nhận thôi, chứ không suy nghĩ đến được, cũng không phải dùng ngôn ngữ mà diễn tả được. Đó là ngài đưa vào **“nghĩa phụng trì”** cho mình rồi, phụng trì là như vậy đó, tức là phải vượt thấu qua dấu vết của ngôn ngữ, chữ nghĩa, cũng như phải vượt qua dấu vết của chư Tổ. Nghĩa là, đức Phật muốn đưa mình vượt qua dấu vết của các Ngài, để cho mình tự sống dậy, không bị trói buộc bởi những khuôn khổ ngôn ngữ chết. Ngài đã không có gì để nói, thì mình bám vào đâu mà chấp? Đó là Phật đã trải hết lòng với mình không còn giấu

điểm gì nữa! Nói như vậy là hết tình rồi, còn chúng ta chỉ **“phụng tri”** nữa thôi! Đây dẫn thêm đoạn nhân duyên của ngài Huệ Minh sau khi đuổi theo Lục Tổ, được Lục Tổ ra khai thị câu:

- Chẳng nghĩ thiện chẳng nghĩ ác cái gì là bản lai diện mục của thượng tọa Minh?

Ông liền tỏ ngộ, sau khi tỏ ngộ, ông hỏi thêm:

- Ngoài mật ý, mật nghĩa từ trước đến nay, còn có mật ý gì nữa chăng?

Ông ngộ rồi, nhưng vẫn còn nghi từ trước đến giờ Phật, Tổ nói, ngoài cái mật đó, còn có mật gì nữa không? Lục Tổ bảo:

- Khi đã nói cho ông rồi thì không phải mật. Bây giờ ông hãy chiếu soi trở lại thì mật ở bên ông.

Rõ ràng như vậy, đã nói hết, có giấu điểm gì nữa mà nói là mật? Nhưng **“mật”** đó, chính ông phải soi trở lại, ông sẽ thấy cái mật ở ngay nơi ông! Ý nghĩa rất là thực tế, mọi người tưởng Phật Tổ có gì đó bí mật không nói hết, nên cứ nghi hoài, có khi hiểu được rồi mà vẫn còn nghi: **“còn có cái gì nữa”**. Ở đây Tổ nói rõ ràng, không có cái

gì mất hết, mất là chính ở nơi mình, chính mình chưa có sáng được, chưa có tỏ ngộ, còn tưởng tượng nhiều, cho nên thành ra mất, nếu sáng tỏ rồi thì không có gì là mất, chính sẵn nơi mình đầy đủ hết. Hiểu như vậy, còn cái gì cho mình nghĩ, mình tưởng đến nữa? Có một cái gì để mình nghĩ, mình tưởng đến, thì còn có chỗ để cho mình duyên; mà còn có chỗ để duyên là trái với cái lý thật rồi. Vì vậy nói "*không có gì để được*", để phá sạch hết, sống ngay với cái thật của mình thôi. Trong nhà thiền có dẫn một câu chuyện: Khi Thế Tôn sắp nhập Niết bàn, ngài Văn Thù mới thỉnh Phật tái chuyển pháp luân, Phật liền quở: "**Ta trụ thế 49 năm chưa từng nói một chữ, mà bây giờ ông thỉnh ta tái chuyển pháp luân, thành ra ta đã từng chuyển pháp luân hay sao?**". Vậy Phật có chuyển hay không? Đây là đánh thức cho tất cả, phải thấu suốt qua ngôn ngữ, chữ nghĩa đó; Phật nói bao nhiêu năm đó, cũng cốt đánh thức cho người sống trở về với cái thực đó chứ không có gì thật bên ngoài để Ngài nói hết. Ngài xác định rõ để chúng ta không có chấp cái gì bên ngoài, mà nhận những cái đó để thấy lại nơi mình thì mới thấy được bản ý của Phật, thấy được cái ý sống đó. Người khéo léo thì ngay đó nhận ra "*cái ngoài chữ nghĩa*", khi nhận như vậy rồi thì nó không thuộc về chữ nghĩa gì

hết, nên gọi nó là cái gì cũng được, muốn gọi nó là “*Bát nhã*” cũng được, “*pháp thân*” cũng được, gọi là “*bản lai diện mục*” cũng được. Bởi vì, **Bát nhã không phải là Bát nhã** thì đâu có cố định nơi **một danh từ**, nhưng cốt là thấy được “*cái thật*” đó, chứ đừng có bám trên cái tên, đừng có kẹt trên cái tên. Do đó mà ngài Phó Đại Sĩ có bài kệ nói lên ý này:

Danh trung vô hữu nghĩa,

Nghĩa thượng phục vô danh,

Trí nhân tâm tự giác

Ngu giả ngoại cầu thanh.

Tức là, “**Trong tên không có nghĩa, Trên nghĩa lại không tên**”, tên là tiếng gọi, như ngón tay chỉ trăng, không phải nghĩa, còn cái nghĩa vượt ngoài tên, phải thấy được cái nghĩa ở bên ngoài đó. “**Người trí tâm tự giác, Kẻ ngu đuổi theo tiếng**”, người trí thì ngay nơi tâm mình tự giác, tự biết tâm mình đầy đủ, còn người ngu mê thì cứ đuổi theo tiếng bên ngoài đó, rồi phân biệt, suy tư thế này thế nọ, mà không thấy được nghĩa chân thật. Như Lai không có pháp để nói là như vậy, vừa nói xong liền phá ngay.

lại thành, những quả núi to cũng do những hạt bụi kết tụ lại, chứ không có quả núi nguyên vẹn. Như vậy, thế giới là những hạt bụi kết tụ lại thì nó đâu có thật tướng cố định của nó, đâu có sẵn tự bao giờ! Ngay đây nhìn những hạt bụi dưới con mắt Bát nhã thì những hạt bụi đó cũng không thật luôn; thế giới từ những hạt bụi kết hợp lại không thật, ngay hạt bụi cũng không thật, cũng là tướng duyên hợp thôi, do những điện tử xoắn quanh, rồi chuyển động không dừng, vậy thì cũng đâu có tự tánh cố định. Từ cái nhỏ là hạt bụi, cái lớn là thế giới cũng không có thật tánh gì hết. Nếu nhìn trên tướng thì tất cả đều hiện bày đầy đủ, cho nên hạt bụi vô số; nhưng trên tánh mà thấy thì không một tướng thật gì, đó là phá ý niệm chấp trên cảnh giới, trên tướng. Nhìn trên tướng thì tất cả hiện bày đầy đủ, nhưng trên tánh thì không một tướng thật, vậy còn cái gì để cho mình chấp là có, là không? Bởi vậy ngài Từ Đạo Hạnh của Việt Nam có bài kệ nói về có, không:

<i>Tác hữu trần sa hữu,</i>	Là có, bụi bụi có,
<i>Vi không nhất thiết không</i>	Là không, tất cả không.
<i>Hữu không như thủy nguyệt,</i>	Có không trắng dấy nước,
<i>Vật trước hữu không không.</i>	Chớ dính Có Không, Không.

Tức là, nói có thì tất cả đều có, bụi bụi đều có hết, mỗi hạt bụi đều có đủ, còn nói không thì tất cả đều không; cho nên “có không” như trăng đáy nước, chớ có mắc kẹt chớ có dính mắc có và không, cũng như cái “không không” cũng qua luôn, như vậy mới thật sự mở con mắt Bát nhã, dứt bật được cái thấy về có không, không có dính vào cái niệm phân biệt là có là không, thì đâu đâu cũng là đạo, đâu đâu cũng là Bát nhã hiện tiền, chỗ nào cũng là chỗ mình sáng ngời đâu có mê! Vừa mắc kẹt có không liền có mê. Cổ đức có câu: *“Thanh thanh thúy trúc tổng thị chân như, uất uất hoàng hoa vô phi Bát nhã”*, nghĩa là trúc biếc xanh xanh thấy là chân như, hoa vàng rờ rờ đều là Bát nhã, như vậy có chỗ nào để cho mình mê? Thành ra cảnh giới bên ngoài không phải là cái cảnh để cho mình mê, mà chính tại trong cái “đầu này”, nếu mình thấy cái hoa vàng mà không có khởi niệm phân biệt có không, phải quấy, hơn thua, tốt xấu gì hết, thì ngay đó là Bát nhã hiện tiền, đâu có mê. Chính vì cái niệm phân biệt trong đầu mà nó che mờ, thành mê, rồi mình đổ thừa cảnh này, cảnh kia nó làm chướng ngại tu không được, làm mình mê. Đó là một lối để mình trốn trách nhiệm, cứ đổ lỗi cái này cái kia, mà quên đổ lỗi mình! Nếu thấy lại mình thì hết đổ lỗi. Như vậy, khi chúng ta quên được tướng có không, bật ý

niệm có không, thì thấy cái gì cũng là Bát nhã thấy, không có gì ngoài ánh sáng Bát nhã, vậy có chỗ nào không phải là chỗ để cho mình ngộ đạo? Cho nên thấy hoa đào ngộ đạo, thấy bầy le le sáng được việc lớn, chuyện đố dĩ nhiên thôi, có gì phải nghi ngờ! Đó là một điểm, **điểm thứ hai nữa**, đoạn này còn phá cái *“thấy về lớn nhỏ”*, tức là tiến lên thêm một bước, cả thế giới to tát cũng không thật, rồi hạt bụi nhỏ cũng không thật, là dứt bật niệm lớn nhỏ, lớn nhỏ không còn chỗ cho mình phân biệt nữa. Thấu suốt được chỗ này, khi đọc sách thiền hết nghi ngờ những chỗ nói quá sức tưởng tượng của mình bây giờ. Như nói *“Tu di nhét trong hạt cải”*, núi Tu di to tát như vậy mà ở trong hạt cải thì làm sao hiểu nổi? Nhưng chúng ta tin không nổi là tại sao? Tại trong đầu mình còn có tướng lớn nhỏ nó rõ ràng, làm sao chấp nhận được? Còn bây giờ dứt bật được niệm lớn nhỏ rồi, thì núi Tu di lớn cũng không thật, hạt bụi nhỏ cũng không thật, hai cái cũng không thật hết, thì nhét vào nhau có gì ngại đâu. Hoặc trong kinh nói *“ngồi trong hạt bụi mà chuyển đại pháp luân”*, nếu hiểu như vậy thì chỗ nào chẳng chuyển pháp luân, đâu phải ngồi pháp toà cao mới chuyển pháp luân, mỗi một hạt bụi cũng để cho mình sáng tỏ việc đó. Nói theo thế gian, hồi xưa thì hơi khó hiểu, chứ bây giờ cũng không khó hiểu, cả một đại

tạng kinh mà gom vào cái đĩa nhỏ, trong một cái mạch nhỏ mà chứa bao nhiêu dữ kiện trong đó, thì lớn nhỏ đâu còn cố định gì nữa, nhưng cố định là do cái chấp của mình. Hiểu vậy thì thấy trên thế gian người ta cãi nhau, mình chỉ cười, có gì cố định đâu! Trong Tín Tâm Minh của Tam Tổ Tăng Xán có một đoạn cũng nói về lớn nhỏ này: **“Cực tiểu đồng đại, Ngôn tuyệt cảnh giới, Cực đại đồng tiểu, Bất kiến biên biểu”**, tức là, **“Rất nhỏ đồng lớn, quên bất cảnh giới”**, cái nhỏ mà đồng với lớn thì nó mất cái tướng nhỏ, không còn cảnh giới cho mình nghĩ. **“Rất lớn đồng nhỏ, Chẳng thấy mé bờ”**, nó lớn mà đồng nhỏ thì mất tướng lớn luôn, đâu còn thấy mé bờ gì nữa! Như vậy quên được niệm lớn nhỏ, qua được kiến chấp về cái lớn, cái nhỏ đó, thì mới thấy rõ tâm mình nó thênh thang rộng lớn, không còn mé bờ. Cho nên không còn có cảnh giới cho mình tưởng tượng phân biệt, không còn có bờ mé gì để cho mình suy nghĩ, để cho mình duyên theo, ngay đó tâm mình thênh thang hết ranh giới gì nữa. Như vậy mới gọi là **“Bất nhã vô tri mà vô sở bất tri”**, Bất nhã không biết mà không có gì chẳng biết; mới nghe thì thấy không sao hiểu nổi, không biết thì không biết thôi, mà đây không biết nhưng không có gì chẳng biết, thì có nghịch đời không? Nhưng khi hiểu được chỗ này thì nó đâu còn cảnh

giới, đâu còn bờ mé gì nữa, cho nên không biết là vì không còn một tướng gì để biết nữa, song nó lại biết khắp hết tất cả, không có chỗ nào thiếu sót, chính cái không biết tất cả đó, mình mới biết tất cả; còn bây giờ biết nhiều quá, cho nên bị che, bị ngăn. Như vậy, nó không chỗ nào chẳng biết thì không có chỗ nào còn mê. Ở đây quý vị soi trở lại, khi mình còn thấy có một hạt bụi thật tức là còn một niệm mê, một niệm mê nên mới thấy hạt bụi thật, chính ngay chỗ đó là chỗ mình mê; còn nếu không thấy có hạt bụi nào thật thì còn có chỗ nào để mình mê, **chỗ chỗ đều là giác hết**. Khi chúng ta mê là thấy nó thật, thì chính một điểm thật đó là một điểm mê nó che mình; khi có một cái điểm thật rồi thì cái nhỏ, cái lớn nó che liền. Bởi khi thấy một hạt bụi thật thì nó có tướng nhỏ rồi, có tướng nhỏ thì nó đối với tướng lớn, hai tướng lớn nhỏ sinh thì đó là mê. Đây dẫn thêm một đoạn của Lục Tổ để quý vị hiểu rõ thêm, ngài nói: *"Tâm lượng rộng lớn giống như hư không, không có bờ mé, cũng không có vuông tròn, lớn nhỏ, không xanh vàng đỏ trắng, diệu tánh của người đời nó vốn là không, không có một pháp gì để được"*. Cái diệu tánh đó nó vốn rỗng rang không có một pháp gì để được, nhưng chúng ta còn kiếm nhiều cái được quá, nên không thấy được nó; nếu cam đảm buông sạch hết thì ngay nơi

mình đầy đủ không thiếu gì. Chính vì vậy, khi Lục Tổ được Ngũ Tổ kêu vào trong thất để giảng kinh Kim Cang cho ngài, ngài tỏ ngộ la lên: *"Đâu ngờ tự tánh vốn tự đầy đủ, Đâu ngờ tự tánh xưa nay vốn thanh tịnh, Đâu ngờ tự tánh vốn không sinh diệt ..."* Thấy được như vậy, mới thấy suốt qua tất cả những tướng, cảnh giới, không bị cảnh giới nó che, nếu mình không thấy tướng lớn nhỏ, đó là mình đứng trên cái gì mà thấy? Đó là mình đứng trên tâm thể mà thấy, chứ không phải nói như vậy, là phá hết tất cả các tướng, không phải nói vậy là không còn tướng lớn nhỏ gì, sự thật thì vi trần cũng là vi trần, thế giới nó cũng là thế giới, cái nào đứng vững nguyên ở vị trí của nó, nhưng người sống trở về với tự tánh, ở trên tự tánh mình, trên tâm thể đó thì mình quên hết những tướng phân biệt bên ngoài, nên **không khởi niệm lớn nhỏ**, chứ không phải nói như vậy rồi **san bằng hết tất cả tướng**. Bởi vậy, Thiền sư Huệ Minh gạn hỏi Thượng tọa Minh Nhan:

- Nói nhiều cách đạo càng xa, nay có việc xin hỏi: Từ trước các bậc Tiên đức có ngộ hay không?

Minh Nhan đáp:

- Đã là các bậc Hiền Thánh Tiên đức thì ai không ngộ!

Sư gạn lại:

“Một người trở về nguồn chơn thì mười phương thế giới thấy đều tiêu mất”, nay ngọn núi Thiên Thai trước mặt hãy còn nguyên sao nói tiêu mất được?

Xưa giờ biết bao nhiêu Tổ, bao vị thiên sư đã ngộ đạo, sống trở về nguồn, vậy thì ngọn núi trước mặt mình sao cũng còn nguyên đó? Đây nói tiêu mất không phải là phá hoại các tướng đó, mà là dứt bật những niệm chấp trước, không còn thấy có một tướng gì thật, nghĩa là sống được trở về nguồn rồi thì trước mặt không còn một tướng gì thật che đây, gọi là tiêu mất, là tiêu mất với người giác ngộ, chứ không phải tiêu mất là tiêu diệt hết các tướng ở bên ngoài. Hiểu như vậy thì không có phá hoại tướng thế gian, rõ ngay nơi tướng sinh diệt tức phi sinh diệt, ngay sinh diệt tức vô sinh. Trong kinh Hoa Nghiêm có bài kệ:

“Nhất thiết pháp bất sinh,

Nhất thiết pháp bất diệt,

Nhược như như thị giải,

Chư Phật thường hiện tiền.”

Tức là, **“Tất cả pháp chẳng sinh, Tất cả pháp chẳng diệt, Nếu người hiểu như thế, Chư Phật thường hiện tiền”**. Hiện chúng ta thấy tất cả pháp nó sinh diệt rõ ràng đây, làm sao nói tất cả pháp chẳng sinh, tất cả pháp chẳng diệt được? Tức ngay nơi mọi tướng này bất được niệm sinh diệt, thì thấy các pháp như nó là nó, không sinh diệt gì trong đó, đó là cái thấy giác ngộ, chính cái thấy giác ngộ là Phật tâm của mình, Phật hiện tiền là như vậy. Đây là một đoạn phá về vi trần thế giới, một đoạn nữa là phá về 32 tướng. Phật gạn thêm một lần nữa:

CHÁNH VĂN:

- **Này Tu Bồ Đề! Ý ông nghĩ sao? Có thể lấy ba mươi hai tướng mà thấy Như Lai chăng.**

Ngài Tu Bồ Đề thưa: - Bạch Thế Tôn chẳng được, chẳng thể lấy ba mươi hai tướng mà thấy Như Lai. Tại sao? Vì Như Lai nói ba mươi hai tướng, tức chẳng phải tướng, đó gọi là 32 tướng.

GIẢNG:

Ở đây là tiếp qua đoạn trên, đoạn trên là khiến chúng ta quên bất cảnh giới bên ngoài, đến

đây khiến mình quên bật ngay thân tướng hiển hiện đây mà sống trở về với pháp thân vô tướng, vô trụ. Bởi ở trước nói tướng vi trần, tướng thế giới đều là không thật, dứt bật hết không cho mình bám; bây giờ ngay đây nhìn ngược trở lại, ngay nơi thân ba mươi hai tướng của Phật có phải là Phật thật chưa? Nếu chỉ dừng ở đó thì cũng bị tướng nó che mờ! Ở phần trước thì nói **chung chung là thân tướng** thôi, ở đây nói thẳng “ba mươi hai tướng”, nghĩa là ngay nơi thân ba mươi hai tướng tốt đẹp của Phật đó, cũng không phải là thân tướng thật, chính thân tướng tốt đẹp đó cũng từ nơi pháp thân mà hiện ra; nếu chúng ta chỉ bám vào trong đó thì cũng mắc kẹt trên tướng, nếu khởi niệm duyên theo ba mươi hai tướng đó là tự mình che mờ pháp thân. Song ba mươi hai tướng cũng từ pháp thân mà ra, vậy muốn thấy được pháp thân cũng phải **nhờ cái đó** mà thấy suốt qua, thấu qua cái vô tướng, chứ bám vào 32 tướng thì cũng che mờ đi thân chân thật, như vậy làm sao phụng trì được Bát nhã? Hiểu như vậy, mới thấy được nghĩa phụng trì là cũng phải vượt ngoài thân tướng đó. Trong kinh Tiểu phẩm Bát nhã, đức Phật có dạy một đoạn rằng: “Này thiện nam tử, ta thường trụ trong pháp vô niệm nên được ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, thường phóng hào quang sáng lớn

soi khắp cả hư không vô lượng thế giới, công đức khó có thể nghĩ bàn được". Bao nhiêu công đức khó nghĩ bàn cũng từ trong "*pháp vô niệm*" đó mà ra; mà pháp vô niệm đó có hình tướng gì? Cho nên ngay nơi tâm thể vô niệm của mình đó, khéo nhận trở lại thì mới thấy được Phật thật, còn chỉ nhìn trên thân tướng, dù ba mươi hai tướng tốt đó, cũng không thấy được Phật thật. Song nói như vậy, Phật sợ người nghe liền chấp vào đoạn diệt, bác bỏ ba mươi hai tướng không thật thì không có gì thật hết, vậy ba mươi hai tướng đó hiện ra để làm gì? Nên Phật nói tiếp: **"ba mươi hai tướng tức chẳng phải tướng, đó gọi là 32 tướng."** Lẽ thật thì pháp thân là không có hình tướng rồi, cho nên không thể nhìn bằng ba mươi hai tướng là không chối cãi, nhưng không thể rời ba mươi hai tướng này mà có pháp thân. Bởi pháp thân không có hình tướng, vì muốn hoá độ chúng sinh nên Phật phải hiện ra ba mươi hai tướng, khi hiện ra ba mươi hai tướng đó nhưng bản ý của Phật là muốn cho mọi người nhận cái tướng đó, mà phát tâm trở về thấy suốt được pháp thân thật kia, chớ không phải để cho mình dừng ở trên ba mươi hai tướng đó. Như vậy, nói ba mươi hai tướng tức chẳng phải ba mươi hai tướng, nhưng phương tiện thì Phật cũng hiện ra ba mươi hai tướng chứ không phải

nói như vậy rồi bác bỏ hoàn toàn. Trong nhà thiền, Ngài Vĩnh Minh Diên Thọ tham thiền, hôm đó ngài nghe người làm rơi bó củi liền ngộ đạo, ngài làm bài kệ:

Phốc lạc phi tha vật,

Tung hoành bát thị trần.

Sơn hà cập đại địa,

Toàn lộ pháp vương thân.

Đánh rơi không vật khác,

Dọc ngang chẳng phải trần.

Núi sông cùng quả đất,

Toàn lộ pháp vương thân.

Khi tỏ ngộ được pháp thân rồi, liền thấy rõ nó hiện khắp nơi không có chỗ nào thiếu, nhưng nó không thuộc một tướng nào, một trần nào, không là một vật gì cả. Cho nên khi đánh rơi cũng chỉ là nó, nhận ra thì không vật gì khác, chính là nó thôi, dù dọc dù ngang cũng không phải là trần gì, cũng không có tướng gì, nó vẫn là nó thôi. Nhưng không phải như vậy là rời thế giới

này riêng có nó, mà khắp nơi đâu đâu cũng riêng bày đủ hết, chỉ có một điều là **nó không phải tất cả những tướng đó**; vì vậy núi sông cùng quả đất đều lộ bày thân pháp vương. Khi mình sống được cái này rồi, thì thấy đâu đâu cũng đều có pháp thân hiện bày, đâu đâu cũng là ánh sáng Bát nhã, **thấy cái gì cũng từ ánh sáng Bát nhã này phát ra**, thì cái gì cũng hiển bày rõ ràng trong cái gương đó, đó là một điểm.

Điểm thứ hai, đoạn này đánh thức cho chúng ta phải dứt bật niệm về nhiễm và tịnh. Ở trước, phá về tướng vi trần tức là phá về nhiễm, trần là bụi, bụi là nhiễm; ở đây quên luôn cả ba mươi hai tướng tốt, tức là quên cả tướng tịnh, cái nhiễm cái tịnh đều quên, thì lòng mình mới thật thanh tịnh; còn niệm nhiễm, niệm tịnh tức là còn chỗ chưa ổn. Đến đây thì trong lòng mình không còn lưu lại một tướng gì, tướng nhiễm tướng tịnh cũng không để dấu, cũng không để dành một chữ gì, **“Bát nhã, chẳng phải là Bát nhã”** thì có gì giữ lại trong này nữa? Không lưu một tướng gì, một chữ gì, tức lòng mình nó thênh thang, không phải phụng trì Kim Cang Bát nhã là gì? Phụng trì Kim Cang Bát nhã là như vậy đó, chứ không phải đọc tên đó mỗi ngày, hoặc tụng tới tụng lui mỗi ngày nói là phụng trì. Phụng trì như vậy mới đích thực

là Phật tử, tức con Phật, Phật nói sao làm đúng vậy. Đó là ý nghĩa về phá ba mươi hai tướng tốt.

Thêm một đoạn nữa, nói về bố thí thân mạng và trì kinh. Tức là, Phật bảo: **“Nếu người thiện nam, thiện nữ đem thân mạng như số cát sông Hằng ra bố thí, rồi có người đói trong kinh này cho đến bốn câu kệ vì người khác mà nói thì phước này cũng rất nhiều”**. Đến đoạn này lại lên một tầng khó hơn. Hãy xét kỹ, ở trước bao nhiêu lần so sánh về phước bố thí với phước trì kinh rồi, nhưng đến đây có gì đặc biệt? Ở trước chỉ nói về bố thí ngoại tài thôi, bố thí bảy báu mà đầy cả tam thiên đại thiên thế giới, vô số tam thiên đại thiên thế giới cũng là bố thí bảy báu ở bên ngoài, đây là ngay thân mạng mình, tức ngay nơi nội tài này mới khó. Vì vậy nói là lên từng sâu hơn, ngay thân mạng mình cũng đem ra bố thí nữa, đó là chuyện khó làm; nhưng không phải chỉ một thân thôi mà là nhiều thân nữa, nhiều thân mạng như số cát sông hằng mà bố thí, quý vị dám nghĩ tới đó không? Một thân mạng bố thí còn khó, huống nữa nhiều thân mạng, vậy còn chỗ nào để cho chúng ta bám vào? Song Phật nói như vậy mà cũng không bằng người trì kinh này, như vậy là muốn nói lên ý gì? Đây là ngầm chỉ, người muốn vào kinh này, sống được với kinh này,

thì phải dám buông xả quên cái thân này, dám buông bỏ cái thân này thì mới sống trọn vẹn với kinh này, hay tánh Kim Cang Bát nhã, nếu còn hơi luyến cái thân này, dù có sống cũng chỉ được một phần nhỏ vậy thôi, chứ chưa sống được thực sự trong tánh Kim Cang này; tức phải **quên cái ngã yêu quý này** thì mới sống được với kinh này, chứ còn chưa dám buông thì làm sao mà vào sâu được? Cho nên trong Chứng đạo ca ngài Huyền Giác có dạy rằng:

Phóng tử đại mạc bả tróc

Tịch diệt tánh trung tùy ẩm trác

Chư hạnh vô thường nhất thiết không

Tức thị Như Lai đại viên giác.

Buông bốn đại dừng nắm bắt

Trong tánh lặng lẽ tùy ăn uống

Các hạnh vô thường hết thấy không,

(tất cả những cái tạo tác vô thường, những pháp hữu vi trên thế gian này là rỗng không, không có thật gì hết)

Đấy tức Như Lai đại viên giác.

Nghĩa là, chúng ta dám buông bốn đại này, buông thân xác này thì mới có thể sống tự tại trong tính Niết bàn, ở trong tánh tịch diệt đó mà tùy duyên khởi dụng, tùy ăn uống, không mắc kẹt nữa. Bao nhiêu pháp hữu vi vô thường này, không dám mắc vào đó, tất cả đều là rỗng không thôi, không có gì thật, ngay đó tự mình khế hợp với tánh viên giác. Ở đây nói chúng ta bố thí thân mạng nhiều như số cát sông Hằng đó cũng là những cái thân sinh diệt thôi, bố thí những cái thân sinh diệt này thì có phước, sống lâu, sinh về cõi trời sống cả ngàn kiếp, nhưng có thật vui chưa? Sống lâu trong sinh tử cũng có vui gì? Còn sống trở về với tánh Kim Cang này, đó là sống trở về với cái không sinh không diệt thì, bao nhiêu cái thân sinh diệt kia sánh với cái không sinh không diệt này làm sao bì kịp! Tuy nhiên trước khi nói như vậy, Phật rất là khéo, quý vị thấy khéo ở chỗ nào? Ngài đem thân ba mươi hai tướng của ngài ra nói trước, thật khéo không? Nếu nói ngay thân mình thì mình chưa chịu đâu, ngài đem ngay thân ba mươi hai tướng tốt đẹp, do tu hành nhiều kiếp đó, mà còn nói rằng thân ba mươi hai tướng chẳng phải tướng, cũng không thật nữa, huống là thân mình đây, thân nghiệp báo xấu xa

này, có gì đáng để cho mình bám, mình luyến? Quá khéo phải không? Để rõ thêm về ý này, tức là chúng ta bố thí những thân mạng này tuy khó, nhưng cũng là thân sinh diệt, thì được cái phước là được sinh cõi trời sống lâu; song đem so với cái sống trở về với thân chân thật thì cũng không bằng. Ngài Phó Đại Sĩ có bài kệ nêu rõ về ý này:

Thí mạng như sa số,

Nhân thiên nghiệp chuyển thâm,

Ký yếm bỏ đề tướng,

Năng chứng Niết bàn tâm .

Thí mạng như số cát,

Nghiệp trời người sâu thêm,

Đã che tướng Bồ đề,

Tâm Niết bàn bị lấp.

Thí mạng như số cát sông Hằng, đó là mình được phước sinh về cõi trời, sống lâu, tức càng sâu nghiệp trời người hơn nữa, chứ không sướng gì; vì ở trong sinh tử làm sao vui sướng? Được thân tướng trời người sống lâu, thân tốt đẹp thì chấp

ngã càng cao, cho nên che tướng Bồ đề; đã che tướng bồ đề thì tâm Niết bàn cũng bị lấp luôn, vì mắc kẹt trong thân tướng này! Như vậy có thật vui sướng chưa? Vì vậy câu chuyện Bồ tát Thường Đề trong kinh Đại Bát Nhã, ngài đi cầu học Bát nhã ba la mật, dám bán thân, chẻ tủy để mua đồ cúng dường vị pháp sư mà học kinh Bát nhã. Người nghe giống như làm chuyện vô lý, đã nói móc tim, chẻ tủy thì còn đâu để học? Đây là ngầm nói lên tâm thiết tha cầu pháp, là phải quên thân này, sẵn sàng buông bỏ nó thì mới thấm sâu, học sâu được Bát nhã. Do đó, trong Chúng đạo ca, ở đoạn cuối ngài Huyền Giác có hai câu:

Phấn cốt toái thân vị tức thù,

Nhất cú liễu nhiên siêu bách ức.

Nghĩa là, “Tan xương nát thịt chưa đủ đến, Một câu rõ suốt vượt trăm ức”. Khi người thực sự chứng ngộ, sống được trong đó rồi, mới thấy cái quý của Bát nhã, nếu chỉ nghe tán thán suông thôi mà chưa sống được thì có khi còn nghi. Sống được rồi, mới thấy từ vô lượng kiếp đến giờ, chúng ta lăn lộn trong dòng sinh tử này biết bao nhiêu lâu, đức Phật có thí dụ là, ở trong cõi này bất cứ mình đứng ở chỗ nào, mình lấy cái cây cắm xuống cũng là chỗ mình đã bỏ thân! Mới

thấy dòng luân hồi của chúng ta dài không tính kể mà hôm nay nhận ra được, thấy được, sống được với cái bất sinh bất diệt này, còn gì quý hơn. Cho nên nói, dù có nát thân nát xương cũng chưa đủ đến được cái ân chỉ cho mình thấy được, sống được với lẽ thật này; ngay nơi một câu mình thấu suốt được cái lý thật đó, thì mình **vượt xa được biết bao nhiêu đời mê lầm!** Như vậy còn có cái gì để cho chúng ta quý tiếc, chúng ta bám víu, vắn vưng vào cái thân tạm bợ này? Thấy như vậy đó, thì mới dám quên thân; dám quên thân như vậy thì mới sống được trong pháp thân thật đó. Đây dẫn câu chuyện cô cung nữ của vua A Dục cho mọi người thấm sâu thêm:

Ông vua A-dục thường mời các vị cao tăng vào cung để thuyết pháp, ông là một ông vua ban đầu rất hung ác, sau khi tỏ ngộ Phật pháp rồi, ông rất quý mến hộ trì Tam Bảo, thường mời các vị cao tăng vào cung giảng. Có một lần ông mời vị cao tăng vào triều giảng, giữa giảng đường ông cho che một tấm màn, pháp sư thì ngồi giảng ở ngoài, còn những cung nữ thì ngồi ở bên trong tấm màn che ngang; giảng thì người giảng ngó tấm màn thôi, ở trong kia hiểu hay không hiểu cũng không biết. Hôm đó vị pháp sư giảng về bố thí trì giới. Khi bố thí trì giới thì được quả báo

sinh cõi trời tốt đẹp. Trong đó có một cung nữ, khi nghe như vậy, cô không hiểu, mà thời gian nghe pháp sắp hết, không biết làm sao, cô mới tung cái rèm chạy ra quỳ sụp xuống trước pháp sư, đây là luật cấm của ông vua rất nghiêm ngặt, cung nữ không được phép đi ra trực tiếp như vậy, phạm luật đó là bị chém đầu chứ không phải thương, nhưng cô cung nữ này bất kể, cô hỏi:

- Bạch thầy, trước đây Phật ngồi tại gốc Bồ đề Ngài giác ngộ thành đạo, cái mà Ngài giác ngộ đó đầu hẳn là pháp bố thí trí giới, vậy còn cái gì nữa phải không?

Vị pháp sư trả lời:

- Phật còn nhận thức được lý Tứ đế, tức Ngài thấy rõ bản tánh của tất cả muôn loài vật trên thế gian đều khổ, mà cội nguồn của cái khổ đó là do nghiệp tập, gọi là tập đế, do tu Bát chánh đạo trừ được cái nghiệp khổ đó thì liền được giải thoát khỏi sinh tử..”

Ngài giải đơn giản, qua những lời giải đó, cô cung nữ này sáng tỏ được đạo lý Tứ đế chứng được quả Tu Đà Hoàn. Ngay đó, cô biết mình phạm vào lệnh cấm của vua cho nên cô liền cầm thanh kiếm để trước cổ, đến quỳ trước ông vua, rồi cô thưa:

- Muôn tâu bệ hạ, thiếp đã phạm cái tội lớn là không tuân lệnh cấm của bệ hạ, thiếp xin chịu tội.

Vua hỏi lại:

- Phạm tội gì?

Cô cung nữ thưa:

- Hôm nay nghe pháp sư giảng, thiếp không nhớ gì hết, liền chạy ra trước mặt pháp sư, cũng như con trâu khát nước thì nó cứ nhảy xuống ao nó uống, chứ không kể đến nguy hiểm. Thiếp cũng vậy, điều mà thần thiếp khao khát lúc đó, là Phật pháp, cho nên thần thiếp quên cả lệnh của bệ hạ.

Vua mới gạn hỏi:

- Vậy chứ nàng đã nhận được cái gì?

Lúc đó, cô mới trình bày cái hiểu của cô, vua A Dục không bắt tội mà còn vui mừng vì trong cung có được một cung nữ đã thấu hiểu được Phật pháp như vậy; sau đó ông bỏ lệnh cấm, cho cung nữ tự do nghe pháp. Đây cho thấy, với cái tâm vì pháp, thấy được pháp thì không nhớ cả thân mạng. Nếu lúc đó vừa vén rèm mà nhớ tới lệnh cấm của vua, thụt đầu lại thì sao? Có chứng được Tu Đà Hoàn chưa? Hiểu được điều đó thì hiểu được ý nghĩa phụng trì kinh Kim Cang.



14. TỊCH DIỆT LÀ TƯỚNG

Lúc ấy Tu Bồ Đề nghe nói kinh này, hiểu sâu nghĩa thú, rơi lệ buồn khóc mà bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn, thật ít có! Phật nói kinh điển sâu xa như thế, con từ trước đến nay, đã có được huệ nhãn, mà chưa từng nghe được kinh điển như vậy. Bạch Thế Tôn! Nếu lại có người nghe được kinh này, lòng tin thanh tịnh, ắt sinh thật tướng, phải biết người đó thành tựu công đức ít có bậc nhất. Thế Tôn! Thật tướng đó, tức chẳng phải tướng, vì vậy Như Lai nói tên thật tướng. Thế Tôn! Nay con nghe được kinh điển như thế, tin hiểu, thọ trì, chẳng đủ cho là khó. Nếu đời sau, năm trăm năm sau, có chúng sinh nào nghe được kinh này, tin hiểu thọ trì, người đó hẳn là ít có bậc nhất. Tại sao? Người này không tướng ngã, tướng nhân, tướng chúng sinh, tướng thọ giả. Vì cớ sao? Tướng ngã, tức chẳng phải tướng. Tướng nhân, tướng chúng sinh, tướng thọ giả,

tức chẳng phải tướng. Tại sao? Là tất cả tướng, tức gọi là Chư Phật.

GIẢNG:

Tịch diệt tức là lặng lẽ, là hết tất cả tướng; chữ “*tịch diệt*” cũng chỉ cho Niết Bàn, là chỗ vô sinh. Đây có mấy phần.

Điểm thứ nhất: Ngài Tu Bồ Đề nghe kinh này, Ngài cảm sâu được nghĩa của kinh mới rơi lệ buồn khóc. Trước nói về tịch diệt là tướng cho quý vị hiểu qua. Sao gọi là tịch diệt? Tức là chỗ lặng lẽ mà dứt hết các tướng đối đãi. Cái gì là cái lặng lẽ dứt hết những tướng đối đãi? Tức là tâm thể Niết Bàn hiện tiền chứ không đâu khác. Tâm thể Niết Bàn, là tâm thể vô sinh hiện tiền. Cho nên Ngài Tu Bồ Đề mới cảm ngộ nó. Nếu mình còn bám vào một cái gì, đó là mình còn lang thang trong sáu trần không thể nào ra khỏi. Đến đây, ngài Tu Bồ Đề đã trải qua nghe được tên kinh và nghe được nghĩa phụng trì, nghe được cả Bát nhã tức chẳng phải Bát nhã thẳng luôn bằng trực giác, bỏ lại đằng sau hết cả hý luận. Đến đây, ngài Tu Bồ Đề cảm ngộ sâu qua nhiều lớp rồi nên Ngài rơi lệ buồn khóc. Ở bản dịch khác nói rõ hơn, “**Bấy giờ Ngài Tu Bồ Đề nghe pháp môn này, Ngài sinh lòng tin hiểu sâu xa, rồi buồn khóc như mưa, Ngài mới gạt**

lệ bạch Phật rằng:” Đây nói đơn giản, “Ngài hiểu sâu nghĩa thú, rơi lệ buồn khóc...”. Nghĩa thú, là ý chỉ của kinh muốn chỉ, muốn nhắm, Ngài hiểu sâu được chỗ đó, Ngài vượt qua được ngôn ngữ văn tự. Tức là Ngài cảm nhận sâu xa nơi chính mình, ngay chính mình cảm nhận ra. Coi như một bước nhảy, nhảy qua ông thầy luôn. Nếu chưa nhảy qua được ông thầy, là chưa tỏ ngộ được. Nếu chúng ta cứ bám vào ông thầy, bám vào lời ông thầy, thì cũng là Bát nhã thôi, chứ chưa “*Bát nhã tức phi Bát nhã*”, phải tức “*phi Bát nhã*” nữa! Vậy thì, phải nhảy qua luôn ông thầy, chính mình sống đây, mới cảm ngộ được, chính nhà thiền thương nhấn mạnh chỗ đó. Thường thường ở thế gian dạy thì ít có dám bảo học trò nhảy qua, có khi còn giấu nghề nữa, sợ nói hết vốn. Còn ở đây thì không có chuyện đó, nghĩa là chúng ta nói mấy đi nữa, nhưng lời nói đâu nói hết được chỗ sống của mình, nên nhảy đâu thì nhảy cũng không thể nhảy được khỏi chỗ đó, còn cái kia là vì học bao nhiêu đó thôi, nói hết vốn sợ trò nhảy qua.

Có câu chuyện trong nhà thiền, Ngài Phong Huyệt khi còn đi tham vấn, Ngài đến hỏi Thiền Sư Huệ Ngung ở Nam Viện:

- Hòa Thượng ở đây một gậy thương lượng thế nào?

Ngài Nam Viện cầm gậy giơ lên bảo:

- Dưới gậy vô sinh nhần, gặp cơ chẳng thấy thấy.

Ngay dưới cây gậy đó mà không chỗ sinh, là thấy vượt ngoài cây gậy, không ở trên cây gậy đó mà sinh hiểu. Nếu ở trên cây gậy đó mà sinh hiểu thì sinh phân biệt, sinh phân biệt thì có thầy có trò, có ngăn cách. Không ở trên đó sinh hiểu, thì gặp cơ, trúng được người đó, tức chẳng thấy thấy, vượt qua ông thầy luôn. Tức khi gặp được người đó, thì trước mắt quên cả ông thầy luôn, tự trong đó sống dậy, không chết trong khuôn sáo cũ. Phải hiểu như vậy, phải thấy được chỗ đó, can đảm thực hiện một cái nhảy, vượt qua hết dấu vết của ông thầy, ngay nơi đây tự mình sống dậy, thì mới có cảm nhận sâu, khi cảm nhận sâu, thì từ chỗ cảm nhận đó không biết diễn tả như thế nào nữa, chỉ biết khóc thôi, nói sao cho hết! Cảm được cái nghĩa thú đó là nghĩa thú gì? Thông thường chúng ta gọi nghĩa là trong câu nói đó mình suy nghĩ thì nó ra được cái nghĩa, cái ý thú. Nghĩa ở đây, như kinh Lăng Già, Phật nói với Ngài Đại Huệ: **“Này Đại Huệ, thế nào là nghĩa? Nghĩa, tức là lìa tất cả tướng vọng tướng, đó gọi là nghĩa.”** Lìa tất cả vọng tướng thì đó mới chính là nghĩa, nghĩa là phải dứt, vượt qua hết, lìa tất cả những tướng có thể suy nghĩ, có thể duyên

theo, có thể nắm được, lìa hết tất cả cái đó thì mới có thể cảm được, cái nghĩa đó mới là nghĩa thật. Nên “Nghĩa” không có trên chữ, mà “Nghĩa” nó vượt ngoài cái chữ đó. Ở đây Ngài Tu Bồ Đề cảm kích được nghĩa thú đó, do Ngài cảm kích quá mạnh chỗ này, không diễn tả ra được, nên khóc.

Thứ hai nữa, là để kích phát cho tất cả mọi người, kích phát làm sao? Để cho thấy, cái cảm nhận đó, Ngài khóc như vậy đó, mà người bên ngoài nhìn thì không hiểu, không biết Ngài cảm nhận cái gì Ngài khóc như vậy? Có cái gì trong đó mà Ngài cảm nhận Ngài khóc? Thành ra, đứng ngoài cũng chỉ nghĩ đoán tới, đoán lui chứ không biết làm sao? Mà chính không biết làm sao đó, mới thắc mắc, cho nên mới có dẫn thân vào, phải làm sao thể nghiệm được cái đó, chớ nếu nói được hết, thì mình nghe đủ rồi. Chính đó, cũng là cái kích phát mạnh cho mình. Cho nên có câu: **“Không vào hang cọp thì sao bắt được cọp con?”** Chúng ta cũng vậy, phải dám can đảm đi thẳng vào trong đó, mới có cảm nhận được nó. Do đó, chúng ta nhớ lại kinh Kim Cang, trước sau nó thông suốt một mạch với nhau. Ở trước mới vào Phật bảo Ngài Tu Bồ Đề: **“Ông phải lắng nghe!”** Phải lắng nghe, chớ không phải nghe suông, nghe chơi chơi, nghe cho vui, nghe như thế thì không thấm sâu được. Khi Ngài cảm thông

được, Ngài khóc là vậy đó. Ngài Tu Bồ Đề mới tán thán kinh và người nghe được kinh là rất ít có. Đây Ngài bạch: **“Bạch Thế Tôn, thật ít có”**. Trong bản này nói một câu thôi, mà bản khác Ngài nói hai câu, tức **“Thế Tôn! Ít có, Thiện thế ít có”**, hai lần ít có. **“Phật nói kinh điển sâu xa như thế, từ trước đến đây con đã có được huệ nhãn mà chưa từng nghe được kinh điển như vậy.”** Ngài tán thán, chính Ngài đã được huệ nhãn từ trước đến giờ mà cũng chưa thấy chỗ này, thì mới thấy sâu xa. Nhưng có ai thấy được ý nghĩa sâu xa gì trong lời tán thán đó không? Đây là lần thứ hai tán thán **“ít có”**. Lần đầu, là lúc ban đầu Ngài thấy Phật đi khát thực về, rồi dùng cơm, rửa bát Ngài mới tán thán: **“Ít có, Như Lai khéo hộ niệm, khéo phước các vị Bồ Tát”**, tức là Phật chưa nói gì hết mà Ngài đã thấy được trong đó, song Ngài tán thán ít có lần đó, với lần này có gì khác nhau? Nếu không có khác nhau thì Ngài đâu nói cảm sâu! Bởi lần trước là thấy được ánh sáng này nó hiện bày ở ngay đức Phật, Như Lai. Như Lai trong mọi cử chỉ, mọi sinh hoạt, mọi hành động, mọi oai nghi đều có hiện bày ánh sáng này, nhưng nó hiện ngay nơi Phật; đến đây là Ngài tự cảm nhận ngay nơi chính mình, nên khen một lần **“ít có”** nữa. Rồi Ngài mới tỏ bày rõ ràng để cho thấy

rõ, nghĩa là Ngài được huệ nhãn mà từ trước đến giờ chưa được nghe những kinh điển sâu xa như thế, bây giờ mới được nghe. Song ai thấy được, Ngài tán thán như vậy, nhưng **nghĩa sâu xa đó** là sâu xa chỗ nào? Người thường nghe thì nghe, chứ không biết nó sâu xa chỗ nào. Chính mình **không biết được chỗ sâu xa đó, chính đó là sâu xa!** Tức là, nó ngoài cái hiểu biết này. Đây là ngậm chỉ chỗ tự chứng của chư Phật, Bồ Tát, người phải đạt đến, cảm nhận trong đó chứ không phải là chỗ của tâm suy nghĩ phân biệt hiểu được. Ở đây phân biệt rõ ràng, chính Ngài đã được huệ nhãn mà nghe chưa được, chưa thấy được, cho nên đến đây Ngài mới xác nhận rõ ràng *“đã được huệ nhãn rồi mà chưa được nghe kinh sâu xa như vậy.”* Ngài dùng hết lời để tán thán, nhưng tán thán cũng không hết nổi, dù có con mắt huệ mà dùng cũng chưa tới được, thì không phải sâu xa là gì? Bởi vì con mắt huệ là hiểu được cái lý không, nhưng chưa thấu lý chẳng không. Phải từ trong lý không mà sống đây, trong cái không còn có cái vi diệu trong đó nữa. Cho nên nói rằng, trong cái không nó có trắng, có sao, có đủ hết, không thể nghĩ bàn. Đến đây Ngài Tu Bồ Đề mới cảm nhận điều đó; bởi vì qua những phần trước, đức Phật đã từng lớp từng lớp phá tan những tình chấp, lột sạch hết những cái nghi chấp, đến đây thật tướng nó lộ bày, do đó phần sau Ngài mới nói *“sinh*

thật tướng”. Chính nó ít có là như vậy đó, nó vượt ngoài các hình tướng đối đãi, phải dẫn thân vào thì mới cảm nhận được. Chỗ này cho thấy thêm một điểm nữa: **“một lần được sáng tỏ chưa phải đủ**”. Ở trước, Ngài đã thấy được ánh sáng tỏ bày nơi đức Phật qua mọi sinh hoạt, mọi cử chỉ rồi, đến đây lại sâu thêm một lớp, vì vậy học đạo không nên có lòng tự mãn thì mỗi ngày càng tiến sâu thêm, chứ mới thấy được một chút ánh sáng rồi tự hài lòng thì đâu có tiến được nữa, chỉ dừng lại ngang đó thôi. Trong Tứ hoàng thệ nguyện có *“Pháp môn vô lượng thệ nguyện học”*. Pháp môn không thể tính hết được, mình thệ nguyện học hết, chứ không có học một chút rồi đứng đó, như vậy mới gọi là đi đến chỗ sâu xa. Tiếp theo Ngài mới tán thán công đức của người tin hiểu được kinh này: **“Bạch Thế Tôn! Nếu lại có người nghe được kinh này, lòng tin thanh tịnh, ắt sinh thật tướng, phải biết người đó thành tựu công đức ít có bậc nhất. Thế Tôn! Thật tướng đó, tức chẳng phải tướng, vì vậy Như Lai nói tên thật tướng.”**

Trong đoạn này có hai phần, phần sau nói về người sau, đây nói về người hiện tại trong pháp hội. Ngài được như vậy đó, nhưng lại nói **“người nào nghe được kinh này, sinh lòng tin thanh tịnh ắt sinh thật tướng, cũng phải biết người đó**

được thành tựu công đức ít có bậc nhất.” Nghe mà lòng tin thanh tịnh ắt sinh thật tướng, thế nào là lòng tin thanh tịnh? Rồi thế nào là thật tướng? Thế nào là công đức? mà công đức ít có nữa? Đây có mấy điểm đặc biệt, trước giờ chưa nói “**công đức**”, chỉ so sánh phước đức này vượt hơn phước đức hữu vi, đến đây nói thẳng công đức. Trước tiên chúng ta phải hiểu được “**lòng tin thanh tịnh**” thì mới thấy được “**công đức ít có**”. Lòng tin thanh tịnh là sao? Tin đây là, ngay một niệm hiện tiền là được các tướng phân biệt đối đãi đó, tin được cái tâm đó, như vậy nói là tin tâm, là thanh tịnh. Bởi vì sao? Vừa có tướng là rơi hai bên liền, có tướng là có đối đãi; có hai bên, là có năng có sở, có bị biết, có hay biết, có đối đãi tức là thật tướng nó bị che rồi, đâu còn gọi là lòng tin thanh tịnh. Bởi vì có năng có sở, có phân biệt đối đãi thì có sinh tâm, có động niệm; có sinh tâm, có động niệm thì có lấy có bỏ; có lấy có bỏ thì lòng mất thanh tịnh rồi, làm sao thấy được thật tướng? Ở đây, ngay một niệm là tất cả tướng, tức tâm lặng lẽ, thì thật tướng hiện tiền, cho nên “**ắt sinh thật tướng**”. Chỗ này cần hiểu rõ thêm. Bởi vì, cảnh bên ngoài nó không phải tự nó khởi, cảnh do tâm mà khởi. Ngược lại, tâm cũng chẳng tự sinh, tâm cũng duyên cảnh mà sinh. Hai cái đó, nó nương nhau mà thành, chỉ tạm có vậy thôi. Cho nên nó không có tự tánh chân thật gì hết. Như vậy, tâm thì

nó nhờ cảnh mà nó sinh, cảnh nó do tâm mà khởi, vậy tâm không thì cảnh không có chỗ nương. Nếu tâm không sinh phân biệt thì cảnh có cũng như không, mà cảnh bật thì tâm không có chỗ bám. Tin được chỗ đó tức sinh thật tướng ngay, không nghi ngờ. Ngài Phó Đại Sĩ có bài kệ:

“Chưa có, cảnh không tâm; Từng không, tâm không cảnh.”

Nghĩa là chưa có cảnh nào mà không tâm lại có cảnh. Thử chỉ ra cái cảnh không tâm mà có xem? Nếu cảnh mà mình nói được đó, cũng do cái gì biết mà nói? Cũng từng không có cái tâm nào mà không có cảnh, không có cảnh làm sao biết có tâm? Nhưng đây nói tâm đó, là tâm hư dối, tâm vọng tưởng, tâm đó luôn luôn đi theo cảnh, không có cái tâm nào, vọng tưởng nào mà không có cảnh cả. Còn cái tâm không có cảnh, không có đối tượng đó, nó vượt ngoài đôi đũa rồi, tâm đó mới là tâm thật. Ở đây là nói tâm hư dối. Tiếp theo:

“Cảnh quên tâm tự diệt; Tâm diệt cảnh cũng không.”

Khi cảnh mình quên rồi thì tâm tự dứt, không có cảnh thì tâm lấy chỗ nào mà duyên, liền đó tâm tự dứt. Như vậy, tâm đó rõ ràng là tâm sinh diệt, cho nên nó mới có diệt có dứt; và tâm diệt thì cảnh

không còn, tức là cảnh đầu có chỗ để cho nó bám, nó sinh khởi.

“Trong kinh gọi thật tướng; Lời diệu lý lại sâu.”

Trong kinh gọi chỗ tâm cảnh đều bắt đó là thật tướng, lời này vừa diệu mà lý nó sâu, tại sao nó diệu nó sâu? Nói thật tướng đó thì không phải nó có một cái tướng gì để thấy đâu, cho nên lời đó nó vi diệu, nó vượt ngoài ngôn ngữ đó nữa; lý đó nó sâu, nó vượt qua chỗ ngôn ngữ nói diễn đó.

“Chúng biết chỉ có Phật; Tiểu thánh dễ nhận đâu!”

Bởi vậy, chúng biết chỗ đó chỉ có Phật thôi, còn Tiểu thánh đâu dễ gì nhận, vậy thì mình không có phần sao? Không có hiểu kỹ thì mình mất niềm tin. Trong kinh Pháp Hoa có đoạn Phật nói: “Chỗ trí tuệ Phật này thì chỉ có Phật với Phật biết thôi, còn những người có trí tuệ như Xá Lợi Phất, nhiều như lúa, như mè, như tre, như lau, cộng lại cùng chung mà suy lường trí tuệ Phật cũng không suy lường được nữa”. Nghe như vậy thì chắc chúng ta sạch trơn không có phần gì! Trí tuệ như Xá Lợi Phất mà không phải một người như vậy, mà vô lượng vô số người như vậy đó,

cùng chung lại suy lường về trí tuệ Phật cũng không thể biết được, thì chúng ta còn hy vọng gì nữa. Vậy thì Phật nói kinh Pháp Hoa là nói cho ai? Đây ngầm chỉ chỗ này là chỗ người tự chứng mới biết thôi, người ở trong cảnh mới thâm nhận được, người ngoài không mong gì suy nghĩ tới. Còn Ngài Xá Lợi Phất, dù cho trí tuệ bậc nhất nhưng cũng không thể suy lường đến trí tuệ Phật đó, bởi cái lỗi là ở **“chỗ suy lường”**, vì chỗ này không phải là chỗ suy lường. Thấy được ý đó, thì mới thấy chúng ta cũng có phần trong đó, nếu mình can đảm dừng được những cái suy lường này, phải không? Như vậy mới thấy được ý sâu của kinh, còn hiểu theo chữ nghĩa kia thì chắc cái đó chỉ giao cho Phật! Thấu suốt chỗ này mới đủ niềm tin, lòng tin như vậy mới là lòng tin chân thật, mới sinh thật tướng. Qua bài kệ này, cho chúng ta rõ thêm mọi cảnh này và tâm hư vọng này, sở dĩ có được là nhờ nó nương với nhau thôi, chứ không có tự tánh, nên gọi là duyên sinh, duyên sinh là không thể tự đứng một mình, mà nó có là phải nhờ cái khác mà có. Như vậy, khi chúng ta nghĩ để biết thì nghĩ biết đó, là biết một cái gì, có khi nào mình nghĩ chỉ khởi nghĩ khởi khởi không đối tượng chăng? Đương nhiên ta phải nghĩ một cái gì đó phải không? Tưởng cũng vậy, tưởng là phải tưởng một cái gì, không có đối tượng để tưởng, thì làm sao mà tưởng? Xác định rõ, **tưởng là luôn**

luôn có tướng một cái gì. Nghĩ là luôn luôn nghĩ một cái gì, cái gì đó là cái đối tượng để duyên, hai cái đó nó nương nhau mà tạm có thôi, lia ra thì nó rỗng suốt không tìm đâu được, ngay đó tâm tự lia, tự lạng lẽ. Thử nghĩ một cái mà không cần đối tượng xem! Cho nên hãy quên cảnh đi thì tâm nó yên thôi, không cần phải dẹp cảnh. Chúng ta hay đổ lỗi cho cảnh nó làm quấy rầy, hãy dẹp nó luôn, vì vậy bỏ thành thị để lên núi non mà tu cho nó yên. Nhưng lên núi non cũng còn cảnh của núi non nữa! Bởi vậy, chuyện ông Uất-đầu-lam-Phất ở trong núi cũng bị mấy con chim nó quấy rầy, vì thấy cảnh cho là thật, thì không chạy trốn đâu khỏi được. Nếu thấy cảnh không thật, quên cảnh thì tâm tự yên, tâm yên rồi thì dù có cảnh bên ngoài cũng không làm sao xâm phạm được nó, tâm mà yên thì cảnh không dính dáng gì, ngay đó trong ngoài đều lạng lẽ, cũng không có niệm trong, niệm ngoài nữa; ngay đó thật tướng hiện tiền. Nhưng chỗ này làm sao diễn tả cho người hiểu đây? Như vậy đó, không phải là ít có sao? Cho nên chỉ khen “ít có” thôi, không phải nói nhiều. Chính chỗ đó là lòng tin thanh tịnh bèn sinh thật tướng! Song chỗ này cũng phải nghiên cứu kỹ lại, thật tướng làm sao sinh? Nếu sinh thì còn thật tướng sao? Còn sinh là còn diệt, thì thật tướng ở chỗ nào? Chính là, ngay khi đó mình tự thâm khế hợp thôi, thật tướng hiện

tiền thôi, nói sinh là một danh từ tạm lập, chúng ta không kẹt trên danh từ sinh; nghe nói sinh, tưởng có một cái thật tướng sinh, thành ra có sinh có diệt, thật tướng liền khuất ngay, đó là chỗ rất sâu xa, học kinh nhất là học kinh Bát nhã phải chín chắn không thể hời hợt, không phải nghe nói đâu là bám theo liền chữ nghĩa đó! Bởi vậy, các thiền sư luôn luôn phá chấp, không cho mình bám vào lời lẽ các Ngài, gọi là chỉ nhổ đinh tháo chốt thôi, không có gì cho chúng ta chụp bắt, cốt đánh thức chúng ta sống trong cái thực kia. Khi mình buông sạch hết rồi thì nó hiện ra. Không có chỗ gì để bám, chỗ gì để dính, không có chỗ gì để chấp, tự nhiên còn lại cái gì đó, là thực tướng hiện tiền. Một hôm Tôn giả Nghiêm Dương đến hỏi Ngài Triệu Châu:

- Khi không có một vật gì đem đến thì sao?

Ngài Triệu Châu bảo:

- Buông xuống đi!

Tôn giả nói:

- Đã không có một vật đem đến thì buông cái gì?

Có thì mới buông chứ, không có một vật gì hết thì buông cái gì đây? Ngài Triệu Châu đáp:

- Buông chẳng được thì vác mà đi.

Hay không? Khi không còn gì để buông được, để bám được hết thì ngay đó nhận mà sống thôi, còn tìm cái gì khác thì vọng rồi! Chúng ta luôn luôn là phải tìm có cái gì để buông, cho nên không có gì buông nữa bèn ngỡ ngác, không biết **khi ấy toàn thể hiện tiền** rồi, tức là tâm thể vô tướng lộ bày, ngay đó thâm khế hợp, tạm gọi là sinh. Bởi vì sợ rằng, nếu nói dứt hết không còn gì, thì sẽ rơi vào cái thấy đoạn diệt, nói “sinh đó” để cho người thấy rõ là nó không phải không hoàn toàn. Nhưng chỗ đó là phải dứt được những niệm phân biệt, buông xả hết các tình chấp thì mới thấy được chỗ sâu xa vi diệu của Bát nhã. Sâu xa như vậy đó, ít có vậy đó, khi cảm đến chỗ đó không khóc sao được? Không khóc thì cười? Do đó khi lặng sạch hết những tình chấp, thì trong đó đầy đủ tất cả, đừng sợ buông hết rồi không còn gì. Xưa có một vị thiền sư Trung Hoa khi đọc kinh Pháp Hoa đến câu: “**Chư pháp tùng bản lai, Thường tự tịch diệt tướng**”, tức các pháp từ xưa nay, tướng thường tự lặng lẽ, đọc đến đó ông liền nghi, thắc mắc hoài, ôm ấp trong lòng mãi đến một hôm, tới mùa xuân, ông ngồi nhìn ra ngoài sân thấy hoa mai vàng nở, trên cành có con chim hoàng oanh hót vang tiếng, ông liền chợt tỉnh ngộ, bèn làm thêm hai câu tiếp nối :

Chư pháp tùng bản lai,

Thường tự tịch diệt tướng.

Xuân đáo bách hoa khai,

Hoàng oanh dễ liễu thương.

Tức là, “**Các pháp tử xưa nay, Tướng nó thường lặng lẽ**”, hai câu đầu nói lên cái thể đó, nó vốn vô tướng, là tất cả tướng, lặng lẽ không sinh không diệt, không thể nghĩ đến, không thể nói đến; nhưng không phải là một bề không ngơ, không phải là không biết gì, không có gì, mà “**Xuân đến trăm hoa nở, Cành liễu hoàng oanh hát**”. Nghĩa là, khi mùa xuân về đó, thì hoa nở chim hát, tức tâm thể vốn nó lặng lẽ nhưng khi công phu mình khéo hợp thì thật tướng hiện tiền, lặng lẽ mà gặp duyên, đủ duyên thì nó hiện đầy đủ, chứ không phải hoàn toàn không không. Cũng như Ngài Nam Tuyền, một hôm đến ngày cúng cơm Mã Tổ, Sư muốn gạn lại trong chúng để xem chỗ thấy trong chúng như thế nào, bèn hỏi tất cả trong chúng:

- Hôm nay cúng trai Mã Tổ, vậy chứ không biết Mã Tổ có đến chăng?

Trong chúng không ai đáp được, lúc đó có Ngài Lương Giới, tức sau này là Tổ Động Sơn của Tông Tào Động, Ngài ra thưa:

- Đợi có bạn liền đến.

Đáp rất là hay! Mã Tổ đây, là Mã Tổ gì? Đây là chỉ cho pháp thân vô tướng, mà vô tướng thì không có đến không có đi; nhưng trong đó “đợi có bạn liền đến”. Có bạn là đủ duyên, đủ duyên liền đến. Bởi pháp thân thì ai ai cũng đủ hết, nhưng nó không hình tướng, không ai thấy được, chỉ khi người nào có duyên liền thấy. Vậy có ai thấy được Mã Tổ chưa? Ngài sẵn sàng đến thôi, chỉ chưa đủ bạn vậy. Như vậy, nhận được chỗ đó thì có cái gì ở thế gian sánh kịp? Khi thành tựu được chỗ đó, sống được chỗ đó, là chúng ta đi vào con đường bất sinh bất diệt rồi, mọi cái ở trên thế gian này có gì sánh kịp được, nên ở đây nói là **“thành tựu công đức ít có bậc nhất”**. Ở trước, chỉ so sánh phước đức này vượt hơn những phước đức hữu lậu kia thôi, bao nhiêu phước đức hữu lậu đó không bằng phước đức này. Ở đây nói thẳng là công đức, bởi vì thật sự ở trong tự tánh mình hiện ra, cho nên Ngài Tu Bồ Đề mới cảm ngộ rõ ràng công đức mà khóc! Xét lại lâu nay chúng ta hay dùng chữ **“công đức”**, nhưng thật sự chưa đúng nghĩa công đức, chính chỗ đó mới là công đức. Nhưng khi nói đến **“lòng tin thanh tịnh ắt sinh thật tướng, phải biết người đó thành tựu công đức ít có bậc nhất”**, thì Phật sợ chúng ta chấp nữa, nên vừa nói **“thật tướng”**, Ngài

phá liền “nói thật tướng đó tức chẳng phải tướng vì vậy Như Lai nói tên thật tướng”, vừa nói đến “thật tướng” sợ chúng ta chấp ngay, bởi nói thật tướng đó cũng là danh từ, không phải có cái tướng thật để thấy, nếu tướng có tướng gì đó để thấy, lại lầm nữa! Bởi chúng sinh luôn theo DANH mà khởi TUỞNG. Nghe tên THẬT TUỞNG, liền nghĩ ngay đến một TUỞNG THẬT, mà có TUỞNG để tướng đến, nghĩ đến, đó là TUỞNG HƯ VỌNG rồi! Cái này thì nó vượt ngoài mọi thứ hư vọng, vốn chân thật lặng lẽ, không sinh không diệt, nên nó lìa tất cả mọi tướng đối đãi. Song sợ người chấp là “không có gì”, Phật bắt đặc dĩ phải gọi là THẬT TUỞNG để cho người có trí thì khéo THẨM NHẬN.

Bởi THẬT TUỞNG đó, nó chẳng phải tướng CÓ, chẳng phải tướng KHÔNG, không chỗ so sánh phân biệt, là chỗ tự chứng của chư NHƯ LAI, người muốn thấy làm sao thấy được? Đây dẫn câu chuyện Thiện:

Bồ tát Vô Trước hỏi Thiện Tài:

- Tôi muốn thấy Văn Thù, cái gì tức phải?

Thiện Tài nói:

- Ngài phát một niệm tâm thanh tịnh tức phải.

Bồ tát Vô Trước nói:

- Tôi đã phát một niệm tâm thanh tịnh, vì sao chẳng thấy?

Thiện Tài nói:

- Đó là thật thấy Văn Thù!

Chính ngay đó là thật thấy Văn Thù rồi. Còn muốn có tướng Văn Thù để thấy, là thấy cái sinh diệt thôi!

CHÁNH VĂN:

Thế Tôn! Nay con nghe được kinh điển như thế, tin hiểu, thọ trì, chẳng đủ cho là khó. Nếu đời sau, năm trăm năm sau, có chúng sinh nào nghe được kinh này, tin hiểu thọ trì, người đó ắt là ít có bậc nhất. Tại sao? Người này không tướng ngã, tướng nhân, tướng chúng sinh, tướng thọ giả. Vì cố sao? Tướng ngã, tức chẳng phải tướng. Tướng nhân, tướng chúng sinh, tướng thọ giả, tức chẳng phải tướng. Tại sao? Là tất cả tướng, tức gọi là Chư Phật.

GIẢNG:

Trong đây, điểm thứ nhất, Ngài Tu Bồ Đề dẫn ngay chính bản thân Ngài, Ngài nghe, tin hiểu

không đủ cho là khó. Điểm thứ hai, người đời sau, ai nghe được kinh này mà tin hiểu, thọ trì, là **RẤT ÍT CÓ BẠC NHẤT**. Là bởi vì sao? – Bởi, Ngài Tu Bồ Đề chính Ngài đã được Huệ nhãn rồi, Ngài lại đích thân ở trước Phật trực tiếp nghe pháp, thì quá ưu! Còn chúng ta ngày nay, sống cách xa thời Phật quá lâu, còn bị nhiều người ngăn “Học Kim Cang coi chừng chấp không, bị đổ nghiệp, ma chướng nhiều..!” mà chúng ta nghe được, tin nhận, thọ trì nữa, thì quả là Chung duyên Bát nhã sâu dày, không còn nghi ngờ gì nữa!

Trong đây, cũng cho thấy Ngài Tu Bồ Đề đã thật sự cảm nhận sâu kinh này, có ai thấy được điểm đó chăng? Hãy nhớ lại, ở đoạn trước Ngài còn hỏi Phật là: **“Đời sau có người tin chân thật chăng?”**, tức còn ngờ, không biết có người tin nổi chăng? Ở đây, Ngài nói xác quyết rõ ràng: **“Đời sau, có ai tin hiểu, thọ trì kinh này, người đó ắt là ít có bậc nhất”**, nói một cách quả quyết như vậy, tức là đã có chỗ cảm nhận sâu, rõ ràng rồi! Đây cũng là một điểm thêm sức mạnh cho chúng ta, càng vững tin với Kim Cang Bát Nhã mà tiến tới.

Kế, Ngài giải thích lý do, vì sao tin nhận, thọ trì được, là ít có bậc nhất? Bởi vì người tin nhận được kinh này, là không dính kẹt bốn tướng ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả. Nghĩa là, người đó dám

quên cái “ngã” này, là cái chấp trước sâu dày từ vô lượng kiếp, thì không ít có sao được! Cho nên đoạn trước đã nói, đem bố thí thân mạng như cát sông Hằng so sánh cũng không bằng. Để nhấn mạnh lại ở điểm này là: *“muốn cảm nhận sâu Kinh này, phải dám quên cái Ngã này!”*, đó là điều cần nhớ!

Song, bốn tướng đó làm sao quên? Nếu bốn tướng đó là thật, thấy nó là thật, thì làm sao không chấp được đây? Cho nên vừa nói tới bốn tướng, Ngài Tu Bồ Đề liền phá ngay “Tướng ngã tức chẳng tướng; tướng nhân, tướng chúng sinh, tướng thọ giả tức *chẳng phải tướng*”, cho thấy bốn tướng đó cũng không thật, để mọi người tin sâu thêm. Thường chúng ta nghe nói có bốn tướng, ngầm tướng là thật có bốn tướng nên mới có chấp. Nếu không có, thì chấp cái gì? Rồi lại phá chấp? Hay là nó có mà Phật không cho mình chấp thôi? Đó là lý do vừa nói tới bốn tướng, Ngài Tu Bồ Đề liền phá ngay “Tức chẳng phải tướng”.

Thực ra, bốn tướng rõ ràng chỉ là giả danh, chỉ tướng tượng ra thôi, chỉ có trong khái niệm, chứ bảo đem ra trình xem, làm sao đem? Và, nếu quả Nó là thật, thì không thể phá rồi! Cũng không thể tu giải thoát. Như vậy, bốn tướng đã không thật, vậy cái **CHẤP** là thật được sao? Kinh Viên Giác gọi, như người đi đêm, lầm phương Đông là phương Tây, chấp đó là thật phương Tây. Khi trời sáng, thấy rõ,

liền hết lầm, vậy cái lầm chấp đó ở đâu? Cho nên, Giác được nó liền quên, liền hết, nói phá, mà thật không có cái để phá.

Kinh Bách Dụ có câu chuyện: Hai người nghe đồn ngôi miếu họ có quý, người thứ nhất làm gan, đợi tối đến trong miếu trước rình xem. Người thứ hai nghe nói, cũng tỏ ra gan dạ, tối đó cũng đến nhưng đến sau, thấy cửa đóng liền xô vào. Người thứ nhất ở bên trong tường quý đến thật, liền đẩy kín lại. Người thứ hai bên ngoài thấy vậy tường có quý bên trong thật càng cố xô vào. Hai bên xô đẩy mãi, đến khi trời sáng buông ra, mới vỡ lẽ không có quý đâu cả, hai bên đều là người thật.

Cũng vậy, nói tướng Ngã là do người lầm tưởng, tướng hết, thì chỉ một chân thật hiện tiền thôi. Phá là **phá cái ý niệm** lầm tưởng đó thôi, chứ không phải thật có cái Ngã để phá!

Kể lại sợ người rơi vào đoạn diệt, như vậy thành không hết sao? Nên Ngài Tu Bồ Đề nói tiếp: **“Lìa tất cả tướng, tức gọi là chư Phật”**. Chúng ta cần phải tham thiền cho thấu qua chỗ này. Ngài Nam Nhạc có nói: *“Đất tâm nếu không, mặt trời trí tuệ tự chiếu”* lìa tất cả tướng, tức là sạch hết mọi chỗ chấp trước, không chỗ duyên, bật mọi niệm phân biệt, thì ngay đó là gì? Lục Tổ có dạy: *“Này*

thiện tri thức! Ngoài lìa tất cả tướng, gọi là vô tướng. Hay lìa nơi tướng, tức pháp thể thanh tịnh, đây là lấy vô tướng làm thể”.

Khi chúng ta lìa tất cả tướng, không còn một chỗ nào để duyên, thì vọng tướng bám vào đâu để khởi? **Cái gì đang sáng ngời ngay đó?** Tức tâm thể vô tướng, không sinh diệt hiện tiền chứ gì? Hay pháp thân vô trụ sờ sờ đó!

Có vị tăng hỏi thiền sư Văn Yển ở Văn Môn:

- Khi lá rụng cành trơ thì thế nào?

Văn Môn đáp:

- Thân bày gió thu.

Lá rụng cành trơ là sạch hết tình chấp, rớt hết mọi phân biệt sinh khởi, thì TOÀN THỂ XƯA NAY LỘ BÀY SỜ SỜ TRƯỚC MẮT – Dám buông tất cả, chết cái tâm đuổi theo TƯỚNG này, từ trong đó sống dậy, liền gặp Phật, gặp Tổ, không còn ai đối gạt được mình.

Trong Kinh Viên Giác có đoạn nói về xa lìa huyền, Phật bảo Bồ Tát Phổ Hiền:

“Này thiện nam tử! Tất cả Bồ Tát và chúng sinh đời sau phải xa lìa tất cả cảnh giới

hư vọng, huyền hoá. Do giữ tâm xa lìa, nên tâm như huyền cũng lại xa lìa. Xa lìa là huyền cũng lại xa lìa. Lìa cái xa lìa huyền cũng lại xa lìa. Được không chỗ gì để xa lìa, liền trừ các huyền”.

Trong đây có mấy lớp:

1. Xa lìa tất cả cảnh huyền.
2. Xa lìa tâm huyền.
3. Xa lìa cái xa lìa huyền.
4. Xa lìa cái xa lìa.
5. Không còn gì để xa lìa, huyền hết, tức giác tâm bất động.

Nên Phật nói tiếp bài kệ:

Phổ Hiền ông nên biết,
Tất cả các chúng sinh,
Vô thi huyền vô minh,
Đều từ tâm Viên giác,
Các Như Lai dựng lập.
Giống như hoa trong không,

Nương không mà có tướng,
 Hoa trong không nếu diệt,
 Hư không vốn chẳng động.
 Huyền từ các Giác sinh,
 Huyền diệt, Giác viên mãn,
 Vì giác tâm chẳng động.

Đây Phật chỉ rõ, vô minh vốn không thật có, tâm chấp trước cũng hư vọng không tự thể, đều do Mê Bản Giác mà hiện khởi. Nếu giác ngộ, xa lìa tất cả TƯỚNG HUYỄN đó, đến chỗ không còn gì để xa lìa, còn lại là TÂM VIÊN GIÁC BẤT ĐỘNG, đó là chỗ sống chân thật, là Nguồn Sống vĩnh viễn không thể nghĩ bàn. Cho nên huyền diệt, Giác viên mãn, hoa đốm hết hư không vốn chẳng động, chưa từng có sinh, chưa từng có diệt. Do đó huyền hết chẳng phải thành đoạn diệt.

Song, điểm quan trọng là làm sao lìa? Đó mới là công phu thực tiễn, nếu chỉ lý luận suông thôi thì có ý nghĩa gì? Tức ở ngay lúc *"chưa khởi tâm động niệm"*, luôn luôn quán chiếu một cách tinh mật, khít khao, ắt không cần lìa mà các tướng tự lìa. Bởi, chưa động niệm thì có tướng gì? Đó chính là Thể Giác của Phật Tổ cùng tất cả chúng sinh chứ gì? Tức

là Tâm hằng biết mà không cần đối tượng, cần sống trở lại chỗ này! Nói chỗ, nhưng thực ra là không có chỗ gì cả! Bởi, có chỗ là có nghĩ đến, duyên đến, là vọng tưởng đến!.

Tiếp là Phật ấn khả.

CHÁNH VĂN:

Phật bảo Tu Bồ Đề:

- **Đúng thế! Đúng thế! Nếu lại có người nghe được kinh này mà chẳng hoảng, chẳng sợ, chẳng hãi, phải biết người đó rất là ít có.**

GIẢNG:

Nghe Tu Bồ Đề nói xong, Phật liền ấn khả **“Đúng thế, đúng thế!”**. Nghĩa là, ta như thế, ông cũng như thế, quả là khế hợp với Như Lai! Đó là chỗ nhà thiền nói *“Dĩ tâm ấn tâm”*, đem tâm ấn tâm. Bởi qua đây, chúng tở Ngài Tu Bồ Đề đã hiểu sâu Kinh này, lời nói của Ngài xác quyết rõ ràng. Nhìn lại trước, chúng ta thấy ý Kinh trước sau một mạch thông suốt. Ở trước Phật bảo: **“Nếu thấy các tướng chẳng phải tướng, liền thấy Như Lai”**. Đây thì nói: **“Lìa tất cả tướng tức gọi là chư Phật”**. Rất là tương ứng. Nhưng ở trước, Ngài Tu Bồ Đề nghe xong, liền hỏi Phật: **“Có chúng sinh**

nào nghe được những lời lẽ, nghĩa lý rõ ràng như thế, sinh lòng tin chân thật chẳng?” bị Phật quả: **“Chớ nói lời ấy!”**. Tức còn có điểm do dự chưa quyết. So với đây thì Ngài nói quyết rõ ràng: **“Nếu đời sau, năm trăm năm sau, có chúng sinh nào nghe được kinh này, tin hiểu, thọ trì, người đó ắt là ít có bậc nhất”**. Xác định rõ ràng không nghi ngờ.

Do đó, Phật ấn khả và Ngài xác định kỹ: **“Nếu ai nghe Kinh này, chẳng kinh nghi, sợ sệt, thì biết chắc là có duyên với Bát nhã sâu rồi!”**

Bởi, nghe Bát nhã chẳng phải Bát nhã, lìa tất cả tướng, không chỗ gì để bám, để nghi, để biết, làm sao không sợ? Con người là luôn luôn cầu Biết, luôn luôn vin theo, đây dạy ngược lại hết, mà tin được, thì quả là không phải mới nghe lần đầu! Kinh nghiệm cho thấy rõ, nhiều người nghe nói đến Bát nhã liền ngại, nghe người học Bát nhã liền ngăn. Chính mình không dám hiểu, còn kéo thêm người khác nữa, thì biết có phỉ báng Bát nhã chẳng?

Để rõ thêm điểm này, xin dẫn bài kệ của ngài Phó Đại Sĩ:

Như năng phát tâm giả,

Nếu người hay phát tâm,

Ứng đương liễu nhị biên.

Phải suốt thấu hai bên.

Niết bàn vô hữu tướng,

Bồ đề ly sở duyên.

Vô thừa cập thừa giả,

Nhân pháp lương câu quên.

Dục đạt chân như lý,

Ứng dương thức bốn nguyên.

Niết bàn không có tướng,

Bồ đề lìa chỗ duyên.

Thừa, người thừa không cả,

Nhân pháp thầy đều quên.

Muốn đạt chân như lý,

Cần nên rõ cội nguồn.

Người thật sự phát tâm là phải can đảm vượt qua hai bên, thẳng đến cội nguồn chân thật, không dừng chỗ nào để bám lấy mới thật tự tại. Vì thấu rõ, niết bàn vốn không có tướng gì để suy tới, Bồ đề thì lìa tất cả mọi chỗ có thể duyên, còn hiểu được bồ đề, là chẳng phải bồ đề thật, mà đó chính là cái bồ đề bị hiểu. Trong đây không có thừa, là giáo pháp tu hành và người thừa tức người tu hành theo đó, nghĩa là cả nhân và pháp đều quên, bất niệm hai bên đó, quên cái thấy thứ lớp tu chứng, thẳng suốt cội nguồn chân thật không đây kia.

Kế, Phật giải thích về Ly tướng Bát nhã, ly tướng nhãn nhục.

CHÁNH VĂN:

Tại sao? Tu Bồ Đề! Như Lai nói Đệ nhất Ba la mật, tức chẳng phải Đệ nhất Ba la mật,

đó gọi là Đệ nhất Ba la mật. Tu Bồ Đề! Nhãn nhục Ba la mật, Như Lai nói chẳng phải Nhãn nhục Ba la mật, đó gọi là Nhãn nhục Ba la mật. Tại sao? Tu Bồ Đề! Như xưa kia ta bị vua Ca-Lợi cắt đứt thân thể, ta ở ngay lúc đó, không có tướng ngã, tướng nhân, tướng chúng sinh, tướng thọ giả. Tại sao? Ta đối với xưa kia, khi từng phần thân thể bị cắt rời ra, nếu có tướng ngã, tướng nhân, tướng chúng sinh, tướng thọ giả, phải sinh sân hận. Tu Bồ Đề! Lại ta nhớ quá khứ, trong năm trăm đời làm vị tiên nhãn nhục, ở trong những đời đó không có tướng ngã, tướng nhân, tướng chúng sinh, tướng thọ giả. Vì vậy, Tu Bồ Đề! Bồ Tát nên liả tất cả tướng mà phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Chẳng nên trụ sắc sinh tâm, chẳng nên trụ thanh, hương, vị, xúc, pháp sinh tâm, nên sinh tâm không chỗ trụ. Nếu tâm có trụ, tức chẳng phải trụ. Vì vậy Phật nói Bồ Tát, tâm chẳng nên trụ sắc bố thí. Tu Bồ Đề! Bồ Tát vì lợi ích tất cả chúng sinh nên bố thí như thế.

GIẢNG:

Đệ nhất Ba la mật tức Bát nhã ba la mật, cũng khiến liả tướng đệ nhất đó, không thể chấp vào

tướng đệ nhất. Bởi rốt ráo là lìa tất cả tướng, vượt qua mọi ngôn ngữ, nếu còn giữ lại tướng “đệ nhất” trong tâm, tức còn có tướng chưa lìa, thì sao gọi là đệ nhất Ba la mật được! Bởi năm độ kia đều lấy Bát nhã làm dẫn đường, nếu thiếu Bát nhã thì khó thành Ba la mật.

- **Bố thí:** ngoại đạo cũng có, cũng dạy bố thí, nhưng để cầu quả báo nhân thiên, thụ hưởng đời sau, nên không thành ba la mật.

- **Trì giới:** ngoại đạo cũng có, như trì giới bò, giới chó, giới ăn trái cây...nhưng vẫn còn Ngã.

- **Nhẫn nhục:** ngoại đạo luyện thân cả ngày trầm mình trong nước lạnh mùa đông, ngồi trong tuyết, trên gai góc để nhẫn chịu thân thể đau đớn, nhưng chỉ làm khổ thân tâm không sáng được lẽ thật.

- **Tĩnh tấn:** ngoại đạo đứng một chân cả ngày...

- **Thiền định:** ngoại đạo tu chứng đến phi phi tướng định.

Song họ không có Bát nhã nên không giải thoát được, chỉ lẩn quẩn trong ba cõi lên xuống, vì còn có Ngã.

- **Trí tuệ:** ngoại đạo cũng cầu trí tuệ, nhưng không phải thật trí, còn hướng bên ngoài, không đến chân lý.

Ngay trong đạo Phật, người tu các độ, nếu không có trí Bát nhã, còn kẹt tướng ngã, nhân, vẫn không đến Ba la mật. Do đó, Bát nhã gọi Đệ nhất Ba la mật, song cũng không cho người chấp, đó là tinh thần cao tuyệt của Bát nhã.

Có vị tăng hỏi thiền sư Duy Giản:

- Phật và chúng sinh là một hay là hai?

Sư đáp:

- Hoa nở đầy cây hồng,

Hoa rụng muôn cành trống.

Hỏi : - Rốt ráo là một hay là hai?

Đáp: - Chỉ còn thừa một đoá,

Ngày mai ngại gió rơi.

Nghĩa là đến chỗ tột cùng, “một” cũng không còn. Bởi, trong tâm còn dấu vết “cái một”, tức có “cái hai”, thì chưa vượt qua được cửa miệng của người. Vì vậy, người thật thông suốt Bát nhã thì tướng “một” cũng quên, tướng “bậc nhất” cũng buông, không chỗ

nào để bám, chính đó mới là chỗ Phật ấn tâm **“Đúng thế! Đúng thế!”**.

Đó là nói về ly tướng Bát nhâ đệ nhất, kể là ly tướng nhãn nhục. **“Nhãn nhục Ba la mật, Như Lai nói chẳng phải nhãn nhục Ba la mật, đó gọi là nhãn nhục Ba la mật”**. Nhãn nhục, là nhìn chịu mọi cảnh đến bức ta, không sinh tâm nóng giận, hiềm hận, không có cái ta nhận chịu. Để đạt vô ngã, nhãn nhục rất quan trọng. Song, nếu còn thấy có Ta hay nhãn, có cảnh đến làm nhục, tức khó thành Ba la mật. Nên ở đây phá tướng nhãn nhục, nói nhãn nhục tức chẳng phải nhãn nhục, mới thật sự nhãn nhục.

Phật dẫn duyên xưa của Ngài bị vua Ca Lợi cắt đứt thân thể. Tức lúc Phật còn trong nhân địa tu Bồ tát hạnh, Ngài làm vị Tiên nhân; trong nước đó có vị vua tên là Cự Ác. Một hôm, tiết trời mùa xuân tươi sáng, vua dẫn cung nữ vào núi vui chơi. Một mối, vua nằm nghỉ và ngủ thiếp đi. Cung nữ lâu ngày mới được ra khỏi thành, được dịp tản ra đi hái hoa, dạo chơi. Có một nàng gặp cái động, trong có một vị tiên nhân trẻ tuổi đang tu ở đó. Nàng cung nữ ấy bèn gọi cả thầy đến xem và hỏi đạo với tiên nhân. Vị tiên nhân thấy những cung nữ này có duyên lành, bèn vì họ giảng nói về lý vô thường, khổ não của thế gian,

trên đời không có gì thật vui, do người mê tham đắm trong đó, rồi tạo nghiệp, chịu khổ. Ngài dạy họ chớ buông lung theo ngũ dục, cần hướng tâm đến giải thoát. Cung nữ chú tâm nghe pháp quên mất thời gian. Vua tỉnh dậy, nhìn chung quanh không thấy đám cung nữ, nổi giận đi tìm; gặp họ đang ngồi vây quanh một vị tu hành trẻ tuổi, ông tức giận cho là Ngài dụ hoặc cung nữ của ông, bèn bảo:

- Người là người gì, dám dụ dỗ cung nữ của ta?

Tiên nhân nói: - Tôi vốn là người tu hành, đã từ bỏ ngũ dục thế gian đâu có lý gì dụ hoặc cung nữ của ngài.

Vua hỏi: - Người chứng tứ quả chăng ?

Tiên nhân đáp: - Chưa.

Hỏi: - Đã chứng tam quả chưa?

Đáp: - Chưa.

Vua cười nhạt, bảo: - Người còn trẻ, lại chưa chứng tứ quả, tam quả, hẳn là còn tham dục, đâu thể lừa ta. Ta thấy bao nhiêu người tu hành không ăn đồ nấu nướng, ngày ngày luyện khí thôi, mà gặp sắc vẫn còn khởi tâm tham luyến kia mà!

Tiên nhân nói: - Đoạn tâm tham sắc dục không phải nhờ ở luyện khí, không ăn đồ nấu nướng, chỉ

ăn trái cây, mà vốn do tu quán vô thường, quán bất tịnh mà trừ.

Vua nói: - Người dám phê bình chỉ trích pháp tu của người khác, là có tâm tật đố, nhất định sẽ còn có tâm tham sân.

Tiên nhân nói: - Tôi là người tu hành trì giới, đối với người chê bai ngay tôi, tôi còn nhẫn nhục, huống nữa lại đi chê bai người khác!

Vua chụp lấy lời đó, bảo:

- Tốt, người bảo hay nhẫn, vậy để ta cắt lỗ tai người, thử nghiệm xem!

Nói xong, vua vung gươm cắt đứt lỗ tai tiên nhân. Tiên nhân vẫn bình tĩnh, không lộ vẻ gì oán giận. Mọi người tùy tùng khuyên can vua, vua càng tức khí, chặt cả tay, chân tiên nhân.

Khi ấy, bốn vị Thiên vương hộ trì người tu hành thấy vậy, bèn làm mưa cát đá, trời đất tối tăm. Vua thấy vậy biến sắc, vội cầu xin sám hối. Tiên nhân nói:

- Tôi không có để tâm động niệm gì, không có một niệm sân hận ngài.

Vua hỏi: - Lấy gì chứng minh?

Tiên nhân liền phát nguyện: - Nếu thực vua cắt đứt từng phần thân thể tôi, tôi không một niệm sân hận, xin cho thân thể bình phục như cũ.

Phát nguyện xong, thân thể bình phục như cũ. Tiên nhân còn phát nguyện sau khi thành đạo sẽ độ vua trước. Tiên nhân đó tức tiền thân Phật Thích Ca, vua Ca Lợi đó tức tiền thân ngài Kiều Trần Như.

Đây cho thấy, tiên nhân tuy bị cắt đứt thân thể như vậy, làm nhục như vậy, mà ngài vẫn không sinh tâm sân hận, là do đâu được? Ngài giải rõ, ngay lúc đó ngài không thấy có tướng ngã, tướng nhân, thì lấy ai bị chém? Bị cắt? Không thấy có cái gì bị chặt, bị nhấn. Nếu còn thấy có Ta nhấn chịu, tức chưa thể thành sức nhấn ba la mật, ắt sẽ thấy có cái khổ phải chịu, phải nhấn.

Đây là khiến người thấu suốt năm uẩn đều không, càng rõ thêm nghĩa vô trụ ở trước, không có gì để bám cả.

Để thêm niềm tin vững mạnh cho người, Phật còn dẫn thêm, Ngài không phải chỉ có một đời làm tiên nhân nhục đó thôi, mà có cả năm trăm đời Ngài từng tu hành làm tiên nhân nhục như thế, và trong những đời đó, Ngài đều không có bốn tướng ngã, nhân...

Do đó, Phật kết luận: **“Vì vậy, Tu Bồ Đề! Bồ Tát nên lìa tất cả tướng mà phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh giác ...”**

Lìa tất cả tướng đó, là gồm cả tướng bố thí, trì giới, nhẫn nhục..., không trụ vào sáu trần. Đó là nhắc kỹ để chúng ta không hời hợt nhận lầm một tướng nào!

Phật lại nhấn mạnh: **“Phải sinh tâm không chỗ trụ”**, tức tâm không bám vào đâu. Song không chỗ trụ, làm sao sinh? Đây là, ngay sinh tức chẳng sinh, chính đó mới là Tâm bồ đề, đó mới là tâm thanh tịnh an trụ.

Chú ý: Trước nói: **“Nên không chỗ trụ thì sinh tâm thanh tịnh”**. Đây nói thẳng: **“Nên sinh tâm không chỗ trụ”**. Tức là sao? Nghĩa là đến đây, phải thực sống, phải thẳng vào ngay hiện tiền đây thôi, chứ không lý luận nữa. Được vậy thì, nơi nơi, chỗ chỗ đều sáng ngời Bát nhã, đó mới thực sự là Bát nhã sống, còn lo tìm hiểu Bát nhã trong sách vở, chữ nghĩa là chưa phải!

Ở đây, điều không thể quên là: **“Nếu tâm có trụ tức chẳng phải trụ”**, phải luôn luôn nhớ như vậy. Có trụ, tức là dời đổi rồi! Có Trụ, tức có tướng, là dính mắc, trái với Bát nhã rồi! Kinh Đại Bát Nhã

nói: “**Chẳng trụ tất cả pháp tức trụ Bát nhã, chẳng tin tất cả pháp tức gọi là tin Bát nhã**”. Tức là đi qua tất cả chỗ, tất cả trần, tất cả cảnh mà không dừng lại ở một trần nào, cảnh nào, là luôn luôn ở trong Bát nhã. Nhà thiền có câu: “*Bóng trúc quét sân trần chẳng nhiễm*”, đó là Bát nhã vô trụ. Vua Lê Dụ Tông có lần hỏi Thiền sư Hương Hải:

- Thế nào là ý Phật, ý Tổ?

Sư dẫn bài kệ của Thiền sư Nghĩa Hoài:

Nhận quá trường không,	Nhận bay trên không,
Ảnh trầm hàn thủy.	Bóng chìm đáy nước.
Nhận vô di tích chi ý,	Nhận không ý để dấu,
Thủy vô lưu ảnh chi tâm.	Nước không tâm giữ bóng.

Tức là đi qua hết thấy mà không để lại dấu vết gì, đó là đi thẳng vào ý Phật, ý Tổ, ngay đó liền gặp Phật Tổ.

Thiền sư Xuyên cũng có bài kệ nói về ý này:

Kiến sắc phi can sắc, Văn thính bất thị thính,
Sắc thính vô ngại xứ, Thân đạo pháp vương thành
Thấy sắc chẳng phải sắc, Nghe thính chẳng phải thính,
Sắc thính đều vô ngại, Tự đến pháp vương thành

Nghĩa là, chính ngay cái thấy, nghe, hiểu biết rõ ràng đây. Thấy nghe tất cả mọi sắc thính, nhưng không có một tướng trạng gì, không thành một cái

gì hết, thì tự nó vốn sáng ngời, có gì che ngại? Ngay đó là thành Pháp vương, là Bảo sở muôn đời, còn phải tìm đâu nữa? Thấy sắc, nghe tiếng mà vẫn hằng lìa tướng sắc, tướng tiếng, thì đó chính là **“nghĩa thường trụ”** sáng như ban ngày rồi. Bởi ngay cái thấy, biết hiện tiền đây mà chẳng bị thâu vào sáu trần, thì có gì trói buộc, lỗi lầm?

Do đó, Phật kết lại: **“Vì vậy Phật nói, Bồ Tát tâm chẳng nên trụ sắc bố thí”**. Tức là Bồ Tát tâm phải buông xả hết, không bám vào một cái gì. Được vậy thì sẽ như Ngài Duy Nghiễm Được Sơn. Một hôm Tổ Thạch Đầu hỏi Sư.

- Gần đây chỗ thấy của ông thế nào?

Sư thưa:

- Da mỏng, da dày đều rút sạch, chỉ còn một chân thật.

Cuối cùng là rút sạch mọi tình chấp, không còn chỗ nào để bám, còn lại là **“Chân thật sờ sờ”**. Đó là triệt ngộ.

Phật nhấn mạnh: **“Bồ Tát vì lợi ích tất cả chúng sinh nên bố thí như thế”**. Nghĩa là mở rộng tâm thành thang không giới hạn. Vừa có chỗ trụ, tức có giới hạn, mà có giới hạn thì không thể lợi

ích tất cả chúng sinh, chẳng qua chỉ lợi ích trong giới hạn nào đó, vì tâm mình đã có hạn hẹp rồi!.

CHÁNH VĂN:

Như Lai nói tất cả các tướng, tức chẳng phải tướng. Lại nói tất cả chúng sinh, tức chẳng phải chúng sinh. Tu Bồ Đề! Như Lai là người nói lời chân, lời thật, lời như, lời chẳng dối, lời chẳng khác. Tu Bồ Đề! Pháp Như Lai đã được, pháp đó không thật không hư.

GIẢNG:

Ở trên vừa nói đến “Nên lia tất cả tướng mà phát tâm Vô Thượng Chánh đẳng chánh giác”, và “Bồ Tát vì lợi ích tất cả chúng sinh nên bố thí như thế”. Sợ chúng ta bị mắc kẹt “tất cả tướng”, mắc kẹt “chúng sinh”, nên Phật phá ngay: “Như Lai nói tất cả tướng tức chẳng phải tướng”. Lại nói “Tất cả chúng sinh tức chẳng phải chúng sinh”.

Bởi nghe nói lia tất cả tướng, có người sẽ nghĩ: “Tướng là cái gì mà lia? Bảo lia nó, hẳn là nó phải có mới lia? Song lia nó, bỏ đi đâu?” Như vậy, vô tình lại chấp các tướng là thật! Song, đã là thật, làm sao lia? Do đó, Phật phá ngay: “Nói tất cả

tướng, tức chẳng phải tướng", nghĩa là tùy chỗ người chấp, Phật phương tiện gọi tên "tất cả tướng" để nhắc, không phải gọi tên, tức có thật, chứ lằm! Sở dĩ các tướng có hiện ra, đều do "*tướng phân biệt*" mà vọng có. Nếu dùng "*phân biệt tướng*", tất cả vốn lạng lẽ! Các tướng nó đâu tự nói có, nói không, nói chân nói vọng, nói nhiệm nói tịnh gì? Tự người sinh tâm phân biệt, rồi gán cho nó thế này, thế kia thôi! Nên Kinh Pháp Hoa nói: "**Các pháp từ xưa nay, tướng thường tự lạng lẽ**".

Nói "*Chúng sinh*" cũng vậy, tùy theo chỗ thấy của người, phương tiện gọi như thế để dẫn người trở về chân thật. Chúng sinh chẳng qua là năm ấm giả hợp thôi, trong đó tách rời ra, tìm xem cái gì là chúng sinh? Không thể được! Để rõ, cũng vốn từ **mê tự tâm mà vọng hiện**. Nếu giác ngộ tự tâm, rõ thấu pháp thân chân thật vô tướng, chưa từng sinh diệt, thì chúng sinh cũng là tên rỗng, vốn không có thật thể. Kinh Niết Bàn nói: "**Người thấy Phật tánh thì chẳng gọi là chúng sinh. Chẳng thấy Phật tánh gọi là chúng sinh**". Như vậy, chúng sinh mà thấy Phật tánh, tức giác ngộ, thì đổi tên chúng sinh, thì chúng sinh không hẳn là chúng sinh mãi. Lục Tổ cũng nói: "*Tất cả chúng sinh trọn là giả danh, nếu lìa vọng tâm tức không chúng sinh có thể được, nên nói: tức chẳng phải chúng sinh!*". Không

vọng tâm, còn ai gọi là chúng sinh? Song, làm sao là? Ngộ suốt tự tánh vô tướng, không lầm chấp trên các tướng, gọi là là! Là mà không có tướng để là. Đây là, ngộ suốt thực thể chúng sinh vốn không, tìm tướng chúng sinh không thể được, không chấp vào tướng giả hợp đó nữa, tức Tâm không chỗ trụ, ngay đó liền AN TRỤ! Chính đó là nghĩa Bồ thí của Kim Cang Bát nhã!

Đoạn kể, trước khi Phật thổ lộ một điều bất ngờ đối với mọi người, Ngài xác định rõ lời Phật là chân thật, không dối, để cho người vững niềm tin, và tin sâu thêm. Phật xác định: **“Như Lai là người nói lời chân, lời thật, lời như, lời chẳng dối, lời chẳng khác”.**

- * **Lời chân:** Tức đúng với chân trí mà nói ra.
- * **Lời thật:** Tức như thật nghĩa mà nói.
- * **Lời như :** Tức không ai làm biến đổi được.
- * **Lời chẳng dối gạt:** Tức không lừa dối người.
- * **Lời chẳng khác:** Tức không sai khác, không hai lời.

Cần chú ý: Như Lai có nói ra lời gì, đều là từ **“tâm chứng”** mà nói, đúng với lý thật, không có

thêm bớt, không có dối gạt người, trước sau không có hai lời. Nghĩa là, từ sự thể nghiệm của Ngài mà Ngài nói, không phải suy đoán, giả thuyết. Nhưng, chính vì từ chỗ tâm chứng nói ra, nên với người mê thì khó hiểu, khó suy lường, đôi khi nghi ngờ! Cho nên trong Kinh thường nói: Phật thuyết pháp như sư tử rống, tức dẹp tan mọi tà thuyết, không sợ sệt, không ngại ai gạn hỏi. Bởi, Ngài thấy như vậy thì nói ra như vậy, dù người có hiểu hay chưa hiểu, tin hay không tin, xuyên tạc hay phỉ báng, lý thật vẫn là như vậy, không gì phá hoại được. Chúng Đạo Ca đoạn cuối, Thiền sư Huyền Giác xác định:

Nhật khả lãnh, nguyệt khả nhiệt,

Chúng ma bất năng hoại chân thuyết.

Tức là, mặt trời có thể lạnh, mặt trăng có thể nóng, song chúng ma cũng không thể nào phá hoại được lời chân thật ấy. Muôn đời vẫn đúng như vậy!

Phật xác định như vậy, là chuẩn bị nói ra một điều bất ngờ này:

“Tu Bồ Đề! Pháp Như Lai đã được, pháp đó không thật không hư”.

Mọi người có nghi chăng? Từ trước đến giờ, Phật đã nói “Ngài không có pháp gì để nói,

không có pháp quyết định gọi là Vô Thượng Chánh đẳng chánh giác, ở chỗ Phật Nhiên Đăng, đối với pháp thật không có chỗ được”, đến đây, chợt Phật lại nói: **“Pháp Như Lai đã được”,** vậy là sao? Trước nói **“chẳng được”,** nay lại nói **“được”,** sao lạ vậy? Trước sau có nói khác nhau chăng? Chính vì vậy, Phật xác định trước: **“Lời Như Lai là lời chân, lời thật, lời như, lời không dối gạt, lời không khác”,** để người khỏi nghi!

Song, nếu người nhảy bén, sẽ nhận ngay Ý SÂU trong đây! Chỗ nào? Nói “không pháp để được, không pháp để nói” đó, không phải hoàn toàn không có, mà vì nó là “KHÔNG THẬT KHÔNG HƯ”.

Thật: là có. Hư: là không. “Pháp ấy”, vốn vượt ngoài Có Không đối đãi; nói “thật” cũng không được, vì không thể chỉ ra; nói “hư” cũng không được, vì Phật đã giác ngộ rõ ràng, vậy phải nói như thế nào đây? Cho nên nói *“Không thể được”,* là ngầm chỉ nó vượt ngoài mọi ý niệm đối đãi, phân biệt, không thể đem tình thức của thế gian để hiểu, cũng không thể đem trí suy xét mà soi tới! Vì vậy phải nói bằng cách ngược đời: **“Bát nhã ba la mật, tức chẳng phải Bát nhã ba la mật”.** Hoặc như Nhà Thiền nói: *“Người thấy Bát nhã liền bị Bát nhã trói, người*

chẳng thấy Bát nhã cũng bị Bát nhã trói". Có vị tăng hỏi Quốc Sư Đức Thiều:

- Đã thấy Bát nhã, vì sao bị Bát nhã trói?

Sư đáp:

- Ông nói Bát nhã thấy cái gì?

Tăng hỏi:

- Chẳng thấy Bát nhã, vì sao cũng bị Bát nhã trói?

Sư đáp:

- Ông nói Bát nhã chỗ nào chẳng thấy?

Bởi còn tâm hai bên, nói thế nào cũng kẹt. Đây là muốn đưa người thẳng vào, nhảy qua ngôn ngữ chữ nghĩa, vượt khỏi môi lưỡi lý luận, chỉ tự thâm chứng nghiệm thôi.

Nên đây tạm nói: KHÔNG THẬT KHÔNG HỮ, để người tự rõ!

CHÁNH VĂN:

Tu Bồ Đề! Nếu Bồ Tát, tâm trụ nơi pháp mà thực hành bố thí, như người vào trong tối, ắt không thấy gì. Nếu Bồ Tát, tâm chẳng trụ nơi pháp mà thực hành bố thí, như người có mắt, ánh sáng mặt trời soi tỏ, thấy mọi thứ

sắc. Tu Bồ Đề! Đời sau này, nếu có người thiện nam, kẻ thiện nữ hay thọ trì, đọc tụng kinh này, ắt Như Lai dùng trí tuệ Phật biết hết người ấy, thấy hết người ấy, đều thành tựu được công đức vô lượng vô biên.

GIẢNG:

Đây là thí dụ để rõ thêm ý nghĩa trụ và không trụ. Bởi vì, Bát nhã vốn là tất cả tướng, không chỗ trụ, giống như mặt trời đi trên hư không, không vướng mắc, không bám vào đâu, mới tự tại soi khắp.

Nếu tâm có trụ vào pháp, khác nào như mặt trời có sợi dây treo hay mây che, thì sao? Có dây treo thì mặt trời không thành mặt trời. Mây che, thì bị khuất lấp, không soi thấu tới dưới. Tức Bát nhã bị khuất, nên dụ vào nhà tối, là bị pháp trụ đó che rồi!

Nếu Tâm không trụ vào pháp, giống như mặt trời đi trên hư không thênh thang, không bị mây che, dây cột, tức nó soi sáng tất cả sắc – Đó là mắt Bát nhã mở toang, không gì làm lẫn!

Đoạn này, có ngầm ý gì? Đó là ngầm chỉ, chân như Phật tánh, ai cũng có đủ, cũng đồng như chư Phật, Bồ Tát không thiếu. Nhưng vì sao có người thấy, người chẳng thấy? Lỗi ở chỗ nào? Chỉ ở TRỤ PHÁP và KHÔNG TRỤ PHÁP. Có TRỤ, tức có cảnh, có cảnh thì bị cảnh đó chướng ngại, che ngại.

KHÔNG TRỤ, tức không cảnh, không cảnh thì thấy suốt tất cả, không gì trước mắt che ngăn. Cho nên nói: Bát nhã không biết mà không gì chẳng biết. *Bát nhã vô tri vô sở bất tri.*

Bát nhã không biết, tức không trụ vào một pháp gì.

Bát nhã không gì chẳng biết, tức thấy tất cả sắc. Như vậy, chớ lo không Bát nhã, chỉ dùng dính các pháp!

Sau cùng Phật kết lại công đức trì Kinh vô lượng vô biên. Song chú ý: ở trước nói **“Như Lai thấy thấy, thấy biết”**, đây thì nói rõ: **“Như Lai dùng TRÍ TUỆ PHẬT biết hết, thấy hết”** tức là đến đây đã thẩm hợp Trí tuệ Phật. Hay nói ngược lại, ngoài Trí tuệ Phật ra, không thể lấy gì thấy hết công đức này! Đó là đã đi trong trí tuệ Phật rồi! Là được Phật ấn khả rồi! Dù không được truyền y bát, nhưng thấu suốt như thế, là được ấn khả không nghi ngờ! Chính đó là Phật HUYỀN KÝ!.

Như vậy, nếu người TIN được chỗ này, thì còn ai làm lay động được? Vì vậy, CHÂN THUYẾT ấy không thể hoại, không thể phá. TIN vào quả quyết như vậy, đó là TIN VÀO KIM CANG BÁT NHÃ, đây là CÔNG ĐỨC KHÔNG THỂ NGHĨ BÀN!.



15. CÔNG ĐỨC TRÌ KINH

Này Tu Bồ Đề! Nếu có người thiện nam, kẻ thiện nữ, buổi sáng đem thân nhiều như cát sông Hằng ra bố thí, buổi trưa đem thân nhiều như số cát sông Hằng ra bố thí, buổi chiều đem thân nhiều như số cát sông Hằng ra bố thí, như thế đem thân ra bố thí trong vô lượng trăm ngàn muôn ức kiếp. Nếu lại có người nghe kinh điển này, lòng tin chẳng nghịch, phước của người này hơn người bố thí kia; huống nữa biên chép, thọ trì, đọc tụng, vì người khác mà nói. Tu Bồ Đề! Nói tóm lại, kinh này có công đức chẳng thể nghĩ bàn, chẳng thể cân lường, không có bờ mé, Như Lai vì người phát Đại thừa mà nói, vì người phát Tối thượng thừa mà nói. Nếu có người hay thọ trì, đọc tụng, rộng vì người mà nói, Như Lai biết hết người đó, thấy hết người đó đều được thành tựu công đức chẳng thể lường, chẳng thể cân, không có bờ

mé, chẳng thể nghĩ bàn. Những người như thế ắt là gánh vác Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác của Như Lai. Tại sao? Nay Tu Bồ Đề! Nếu người ưa pháp nhỏ, dính kẹt ngã kiến, nhân kiến, chúng sinh kiến, thọ giả kiến ắt đối với kinh này chẳng thể nghe nhận, đọc tụng, vì người mà giải nói. Tu Bồ Đề! Ở bất cứ nơi nào, nếu có kinh này thì tất cả trời, người, a-tu-la trong thế gian đều nên cúng dường. Phải biết, chỗ đó chính là ngôi tháp, đều nên cung kính, làm lễ đi quanh, dùng các thứ hương hoa rải lên nơi ấy.

GIẢNG:

Đây nói về phần công đức trì kinh.

Thứ nhất, Phật so sánh về phước thí mạng vô số với thời gian lâu xa, đem phước đó so với phước trì kinh mà được lòng tin chẳng nghịch. Trong phần bố thí thân mạng này có mấy điểm: Một là, một ngày ba thời bố thí sáng, trưa, chiều. Hai, mỗi một thời bố thí thân mạng nhiều như số cát sông Hằng. Ba, không phải một ngày, mà trải qua vô lượng trăm nghìn kiếp như vậy, ai có thể tưởng tượng nổi không? Một ngày ba thời, một thời bố thí thân

mạng nhiều như số cát sông Hằng, mà vô lượng kiếp như vậy chứ không phải một ngày hai ngày thôi, vậy ai làm được? Có nghi không? Ở đây chữ kiếp thuộc về tiếng Phạn, gọi đủ là kiếp-ba, chỉ thời gian lâu dài. Trong nhà Phật có chia tiểu kiếp, trung kiếp, đại kiếp, chứ không phải chữ kiếp hiểu thông thường là một đời người. Thường một tiểu kiếp thời gian rất là dài, nếu nói một đại kiếp thời tính đến hàng triệu năm. Vậy chữ kiếp là tính thời gian rất là lâu dài. Ở phần trước chỉ nói đến bố thí thân mạng nhiều như số cát sông Hằng, còn ở đây lên một tầng cao hơn, là bố thí nhiều thân mạng lại trải qua vô lượng trăm nghìn ức kiếp nữa, ai nghĩ thử thân mạng ở đâu mà đem bố thí nhiều vậy? Chỉ cần một buổi sáng thôi mà bố thí vô số thân mạng như vậy, thân mạng ở đâu mà đem bố thí như vậy. Đó là thí dụ, nên văn kinh nói "*giả sử*" chứ sự thật ai mà có nhiều thân mạng đem bố thí. Đó là điểm cho ta thấy ngoài sức tưởng tượng của con người. Thứ hai, muốn nói đến thân mạng không có thiệt, bao nhiêu thân mạng nhiều như số cát đi nữa, đều giả dối không thiệt, không cố bám chấp vào thân mạng, không còn chút gì để chấp về thân này, thấy thân không ra gì, thật giống như hạt bụi

vậy thôi. Nếu còn thấy một thân mạng là thật, thì không dễ dàng gì hiểu được tới chỗ này. Một thân mạng thấy thật đã khó bỏ rồi, huống là nhiều cái trong ba buổi. Đây là ngầm ý thấy thân mạng không ra gì hết, không có chỗ nào cho mình bám, mới đi sâu vào Bát Nhã, và mới thật sự luôn luôn miên mật; nghĩa là tin chắc pháp thân thường trụ, còn thân mạng này không đáng, không để **một niệm nào lui lại thân này**. Cho nên trong đây ba thời mà vô số kiếp như vậy, có thân mạng đều bố thí không để giành lại cái thân mạng nào, cho thấy không có một niệm nào để cho mình lui lại cái thân mạng này, buông xả hết không dính dáng gì đến cái ngã này, mới thật sự sống trong Bát nhã. Nếu ngay lúc này vừa có một niệm nghĩ lui về thân mạng này, tức ngay đó Bát nhã liền khuất. Đó là ý nghĩa sâu xa.

Một ý nghĩa quan trọng nữa, là khiến mình bật mọi suy tưởng! Nói như vậy, là không ai còn tưởng tượng được nữa, bởi tưởng tượng thì làm sao đến được chỗ đó! Thân mạng nhiều như số cát, kiếp cũng vô số không còn biết tính bao nhiêu thời gian, hết tưởng tượng được! Đây là nói theo kinh, nếu theo thiền thì các thiền sư không phải nói dài dòng, cho cái

đạp, hét một tiếng là hết suy nghĩ. Theo kinh là nói thí dụ như vậy, khiến mọi người theo đó suy tưởng, suy tưởng đến mức hết suy tưởng, ngay đó vào Bát nhâ! Trong nhà thiền có Ngài Thủy Lạp đến hỏi Mã Tổ:

- Thế nào là Ý Tổ Sư từ Ấn Độ sang?

Mã Tổ bảo:

- Ông hãy lễ bái đi!

Ngài Thủy Lạp vừa mới lễ bái, Mã Tổ liền nhằm ngay ngực đạp cho một cái té nhào. Thủy Lạp liền đại ngộ. Tổng như vậy thì có suy nghĩ kịp không? Mới lễ bái, đạp cho một đạp bất ngờ hết kịp nhớ tới thân, ngay đó đại ngộ, Ngài đứng dậy vỗ tay cười lớn, nói:

- Cũng rất lạ, cũng rất lạ, trăm ngàn tam muội, vô lượng diệu nghĩa chỉ nằm trên đầu sợi lông mà biết rõ cội nguồn!

Nghĩa là bao nhiêu tam muội, bao nhiêu nghĩa vi diệu chỉ cần trên đầu sợi lông mà biết hết cội nguồn, không tìm đâu xa, tức là chỉ ngay một niệm thôi. Ngay một niệm hiện tiền đây phá vỡ, thấu suốt liền nhận được. Chính lúc mình bật hết suy tưởng, nghĩ ngợi thì ngay đó chân thật hiện, các thiền sư thường khéo

nói như vậy mà không giải thích, thí dụ nhiều như ở trong kinh. Nếu người nghe được thấu như vậy, đó là lòng tin chẳng nghịch. Thêm nữa là biên chép, thọ trì, đọc tụng, vì người giải nói nữa thì sao? Chỉ người có lòng tin chẳng nghịch thôi, phước này đã hơn người bố thí kia rồi. Tức là, nghe kinh này được lòng tin chẳng nghịch, là phước đó hơn người bố thí thân mạng nhiều như số cát sông Hằng kia, tin chẳng nghịch, đây là thuận kinh Bát Nhã, đã nhảy vào Bát nhã, tức đã sống trở về chân thật; còn thân mạng tuy thuộc về nội tài, bản thân mình, nhưng cũng thuộc về bên ngoài hình tướng giả dối; trái lại sống về cái chân thật thì không có ngôn ngữ nào diễn tả, không thể so sánh, nên đây dùng thí dụ so sánh tạm để cho thấy không gì sánh được. Chỉ lòng tin như vậy đó, đã là vô lượng rồi, huống nữa là biên chép, thọ trì, đọc tụng, giải nói, công đức còn lớn chừng nào nữa. Bởi vì biên chép, thọ trì, đọc tụng là sống trong đó rồi; vì người mà nói là dùng phương tiện chỉ bày, khơi dậy cho người khác thấy được chỗ đó nữa, vậy công đức này làm sao dùng tâm suy nghĩ mà hiểu đến được? **Phải sống trong đó** mới hiểu được thôi. Ngôn ngữ diễn tả chỉ là diễn tả bên ngoài, làm sao diễn tả đến chỗ đó, mà muốn

đến chỗ đó, phải quên thân mạng này. Còn bám chặt thân giả ngã này thì không sao đến được, nên trước đó đem thí dụ để so sánh về xả thân, hiểu như vậy thì mới thấy thí dụ có ý nghĩa. Đây dẫn một đoạn này để hiểu sâu thêm: kinh Niết Bàn có nói về đức Phật lúc đang còn ở trong nhân địa tu hành tức lúc còn làm Bồ Tát hạnh, Ngài làm vị tiên nhân đang tu trong động, lòng thiết tha cầu kinh Đại thừa, trời đế Thích thấy vậy mới đến thử xem. Đế Thích hiện ra hình một quỷ La Sát là quỷ ăn thịt người, đầu tóc rối bù, đầu to, bụng nhỏ, đang đói khát, đứng bên ngoài đọc hai câu kệ: **“Chư hành vô thường, Thị sinh diệt pháp”** tức mọi pháp thuộc về tạo tác đều vô thường, đều thuộc về sinh diệt. Vị tiên nhân nghe hai câu kệ đó như cảm được điều gì, mới đi ra coi ai nói hai câu kệ đó, thì thấy quỷ La sát đó với dáng ghê sợ, nhưng do lòng khao khát Phật pháp, Ngài mới hỏi: - Phải ông vừa mới nói hai câu kệ đó không? La sát nói: - Phải. Vị tiên nhân nói: - Xin nói hết cho tôi được nghe. Quỷ La Sát mới nói: - Tôi đang đói, nên không thể nói được nữa, muốn tôi nói phải cho tôi ăn no mới nói được. Hỏi: Thức ăn của ông là gì? Đáp: Tôi chỉ dùng thịt sống, uống máu tươi. Vị tiên nhân nghĩ nếu hy sinh thân

mạng thì làm sao nghe được hai câu sau, mới suy nghĩ nói: “Thôi bây giờ tôi leo lên cây cao, ông chếp hai câu kệ đó ở trên tầng đá gần đó, vừa chếp, tôi ở trên kia nhìn thấy hai câu kệ đó xong, liền gieo mình xuống để ông được ăn, mà tôi cũng được hai câu kệ.” Vị tiên nhân liền leo lên cây, ở dưới này quý La Sát viết hai câu kệ tiếp: **“Sinh diệt diệt dĩ, Tịch diệt vi lạc”**, nghĩa là sinh diệt mà hết rồi, thì tịch diệt là vui; tịch diệt là bất sinh bất diệt hiện tiền. Ngay lúc đó vị tiên nhân từ trên kia gieo mình xuống, quý La Sát hiện nguyên hình Trời Đế Thích đỡ lấy ngài, và tán thán: - Công đức tu hành của Ngài chắc chắn thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, xin ngài khi thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác rồi thì đừng quên tôi. Nghe câu chuyện ai thấy được ý nghĩa sâu xa gì không? Tại sao trước chỉ nói hai câu kệ : *“Tất cả các hành đều vô thường, là pháp sinh diệt”*? Tức chúng ta phải buông xả thân này, buông xả chấp trước những cái sinh diệt vô thường đó, thì mới có thể nghe được, nhận được chỗ *“tịch diệt là vui”*. Cho nên nói hai câu đó mà bảo phải hy sinh thân mạng, là buông không bám vào thân, không chấp vào cái ngã này thì mới nghe được hai câu sau *“Sinh diệt diệt dĩ, tịch diệt là vui”*.

Cũng như đây, thí xả vô số thân mạng rồi, mà không bằng người có lòng tin chẳng nghịch, tức là thuận vào trí Bát nhã, nhảy vào sống trong Bát nhã! Đó là muốn nhắc chúng ta phải quên cái giả thì mới sống được cái thật, còn bám vào cái giả này thì trái với cái thật.

Đoạn kế, Đức Phật nói: “Kinh này có công đức không thể nghĩ bàn, không thể cân lường, không bờ mé, Như Lai vì người phát Đại Thừa mà nói, vì người phát Tối thượng thừa mà nói; nếu có người thọ trì, đọc tụng, vì người khác mà nói, thì Như Lai thấy hết người đó, biết hết người đó đều được thành tựu công đức chẳng thể nghĩ lường, chẳng có bờ mé, không thể nghĩ bàn, và những người như thế ắt gánh vác Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác của Như Lai”. Đây là một đoạn nói thẳng công đức chẳng thể nghĩ bàn, cân lường, bờ mé thì làm sao hiểu? Bởi công đức này là công đức tự tánh, phải sống trở về tự tánh mới cảm nhận được, lời lẽ không bao giờ diễn tả tới, dùng tám phạm phu này suy nghĩ cũng không thể suy nghĩ tới, không thể cân lường nặng nhẹ, không bờ mé trước sau, chỉ tự thâm nhận. Phật nhấn mạnh, đây là vì người phát

đại thừa, vì người phát tối thượng thừa mà nói. Như vậy muốn thật sự nghe được kinh này, dùng tâm nhỏ hẹp mà nghe được không? Tức phải mở tâm rộng lớn, chớ không thể dùng tâm nhỏ hẹp mà nghe được; đó là nhắc nhở phải quán sát cho kỹ thân này để bớt chấp, hiểu rõ thân này là giả để tin nhận mình có pháp thân chân thật, pháp thân đó thênh thang rộng lớn không có ngăn mé. Phát tâm đại thừa là tin nhận mình có Phật tánh đầy đủ, ai ai cũng đủ, chứ không riêng người nào, một hạng người nào. Nếu chúng ta thấy một số nào đó có Phật tánh thôi, còn số khác không có, thì tâm đó còn giới hạn nhỏ hẹp. Kinh Pháp Hoa, phẩm Thường Bất Khinh Bồ Tát, nói đức Phật Thích Ca khi còn làm vị Bồ Tát tên là Bồ Tát Thường Bất Khinh, Ngài đi tới đâu thấy ai cũng xá nói: **"Tôi không dám khinh quý Ngài, quý Ngài đều sẽ thành Phật"** Gặp người tâm chưa thuần thực, tưởng Ngài nói móc, nói ngoéo gì đó, vì vậy họ lấy đá, gạch ném lại Ngài, thì Ngài chạy xa xa cũng vẫn xá xá: *"tôi không dám khinh quý Ngài vì quý Ngài đều sẽ thành Phật"*. Sau công đức đầy đủ, Ngài thành Phật. Đây là cho thấy rõ tất cả đều có Phật tánh, gieo vào trong lòng họ hạt giống giác ngộ, họ chưa tin đó nhưng

gieo vào, họ cũng có hạt mầm, gặp nhân duyên sẽ nảy nở. Họ có nghe là đã lọt vào trong tạng thức, khi đủ duyên cũng nở, không nên mặc cảm! Có thể họ không tin lắm, bởi vì họ gieo hạt giống chưa sâu, cũng như chúng ta lúc ban đầu chưa được ai gieo thì cũng khó tin, rồi gieo lần lần hôm nay nghe mà tin được như vậy, đó cũng là nhiều đời rồi! Trong kinh Kim Cang đoạn trước Phật có nói ai nghe được kinh này, tin nhận là đã nhiều đời cúng dường chư Phật, với tám đại thừa là phải tin nhận thấy rõ Phật tánh đầy đủ tất cả nơi mọi người như thế. Còn phát tâm tối thượng thừa là sao? Là thẳng vào trong bí tạng của Như Lai, tin nhận nơi tự tánh mình vốn tự đầy đủ công đức, không phải tìm cầu bên ngoài, đó là mở tâm tối thượng thừa. Bởi vậy Ngài Hoàng Bá có dạy: *"Khi làm chúng sinh tâm này cũng không giảm, khi làm Phật tâm này cũng không thêm, cho đến lục độ vạn hạnh, công đức như hà sa tự sẵn trong tâm này đầy đủ hết, chẳng nhờ tu mà thêm, gặp duyên thì liền thi thố, duyên dứt liền vắng lặng. Nếu người không quyết định tin tâm này là Phật, mà chấp tướng tu hành cầu được công dụng đều là vọng tưởng, cùng đạo trái nhau. Tâm này là Phật, không Phật nào khác, cũng không có tâm nào khác".*

Tin nhận như vậy, đó là tin nhận được đại thừa, là mở tâm tối thượng thừa; nghe như vậy chắc quý vị cũng còn nghi, vì tin tâm mình đầy đủ công đức thì tu hành làm chi? Nhưng nói tâm mình đầy đủ là, bao nhiêu công đức sở dĩ được thành tựu là từ nơi tâm này có, xa lìa tâm này mà cầu thì không bao giờ có? Chúng ta muốn giác ngộ cũng ngay tự tâm này, muốn tu hành cũng ngay tự tâm này, lìa tự tâm này mà tu thì tu cái gì? Thì tu bên ngoài, tu với những cái vọng tưởng; phải ngộ nơi tự tâm chân thật, từ nơi tự tâm này ứng dụng ra, thì làm cái gì cũng chân thật, đó là công đức đầy đủ, chứ không phải nói tự tâm đầy đủ công đức rồi ngộ được nó là xong, không còn cần làm gì hết. Như vậy tin được tâm này, dùng tâm này để nghe Bát nhã thì cảm được sâu công đức không thể nghĩ bàn. Cho nên, đây nói vì người phát đại thừa, vì người phát tối thượng thừa mà nói, để nhắc người muốn nghe được kinh này, cũng phải mở tâm đại thừa, mở tâm tối thượng thừa, chứ không phải dùng tâm hẹp hòi phàm phu này mà nghe được. Cho thấy, Phật hết lời tán thán người hay thọ trì kinh này thì công đức không thể nói hết; Ngài lại nói rõ thêm **“người mà thọ trì đọc tụng như vậy thì Như Lai thấy hết, biết hết, công đức**

của người đó đều được thành tựu, không thể lường, chẳng thể cân, không bờ mé, và những người như thế ắt gánh vác Vô Thượng chánh đẳng chánh giác của Như Lai", đây là lần thứ mấy Phật nói về công đức?

Lần thứ nhất, Phật nói nếu một người mà sinh được lòng tin thanh tịnh thì Như Lai thấy thấy hết chúng sinh đó đều được vô lượng phước đức. Lần thứ hai, Ngài nói Bồ tát chẳng trụ nơi pháp mà bố thí thì cũng như người có mắt sáng, mặt trời soi tỏ mọi vật đều thấy hết, nếu ở đời sau có ai đó thọ trì đọc tụng kinh này thì Như Lai dùng trí tuệ Phật biết người ấy, thấy người ấy đều thành tựu công đức vô lượng vô biên.

Đến lần này, thì Phật nói rõ hơn, thành tựu công đức chẳng thể lường, chẳng thể cân, chẳng thể nghĩ bàn, cho đến gánh vác Vô Thượng chánh đẳng chánh giác. Nói rõ là công đức tự tâm, tự tâm thể nhận vốn không thể nghĩ bàn tán thán cho hết, dù Phật có cố gượng nói cũng chỉ nói được công đức chẳng thể nghĩ bàn. Không dùng lời nói mà nói hết được, nhưng khi người cảm nhận được chỗ này ắt sẽ gánh vác Vô Thượng chánh đẳng chánh giác của Như Lai. Câu này tức muốn nói đến

kiến tánh thành Phật, đó là một lời thọ ký, đó là người nối tiếp ngọn đèn Phật pháp thấp sáng cho thế gian để không đoạn dứt. Đọc tụng thọ trì là tự lợi, vì người nói là lợi tha; tự lợi, lợi tha đầy đủ, đó là tâm đại thừa, tâm Bồ Tát. Tức tự mình sống được trong đó, còn khơi lại cho người khác nữa, đó là tâm Phật thanh thang, không còn bám vào tâm nhỏ hẹp nữa, như vậy là đã thâm hợp với tâm Phật, nên Phật đã biết hết, thấy hết, hai bên thâm hợp nhau, một lần nữa Phật thọ ký! Đây Phật còn giải thích nói thêm lý do tại sao lại được công đức không thể nghĩ bàn như vậy.

CHÁNH VĂN:

Tại sao? Này Tu Bồ Đề! Nếu người ưa pháp nhỏ, dính kẹt ngã kiến, nhân kiến, chúng sinh kiến, thọ giả kiến át đối với kinh này chẳng thể nghe nhận, đọc tụng, vì người mà giải nói. Tu Bồ Đề! Ở bất cứ nơi nào, nếu có kinh này thì tất cả trời, người, a tu la trong thế gian đều nên cúng dường. Phải biết, chỗ đó chính là ngôi tháp, đều nên cung kính, làm lễ đi quanh, dùng các thứ hương hoa rải lên nơi ấy .

GIẢNG:

Đây Phật nói, sở dĩ nói công đức không thể nghĩ bàn, là vì không phải người ưa pháp nhỏ; không dính kẹt trong ngã kiến, nhân kiến, nghĩa là không dính kẹt trong bốn kiến. Ưa pháp nhỏ là gì? Tức tâm còn nhỏ hẹp, nghiêng về phần tự lợi, chỉ làm lợi cho riêng mình thôi, thấy có pháp riêng mình chứng đắc; mà thấy có pháp riêng mình chứng đắc thì người khác không có; còn thấy mình được mà người khác chưa được thì đó là tâm nhỏ hẹp, chưa thấy tất cả mọi người đều đầy đủ; rồi tu hành mong hưởng ở đời sau, như vậy là nhỏ hẹp, còn nghĩ đến cái TA để hưởng. Còn ở đây mở rộng hết, biết rõ thân không thật, mọi pháp thế gian đều không thật, còn mong gì khác nữa, người đó không còn dính mắc bốn kiến, tức là bốn kiến chấp. Ở trước nói về bốn tướng, đây nói về bốn kiến, là bởi vì sao? Để cho mọi người thấy rõ, nơi đây người này qua được không còn chấp vào những pháp nhỏ, sở đắc riêng, tức không còn thấy cái ta được riêng. Như vậy, Bồ Tát phải thấy suốt tất cả chúng sinh đều có đầy đủ tánh giác, hoặc người nhận sớm, hoặc người chưa nhận; người nhận sớm gọi là người đạt đạo, rồi chỉ lại cho

người chưa nhận chứ không có gì để được. Bởi cái đó là cái sẵn có, một khi nhớ là đầy đủ hết, là quên sở đắc, quên ngã. Trái lại người còn thấy có chỗ chứng đắc riêng của mình, là tự mình cách biệt với người. Trong kinh Viên Giác có một đoạn Phật dạy rằng: **“Vì tất cả thật tướng, tánh nó thanh tịnh, nên một thân thanh tịnh; vì một thân thanh tịnh nên nhiều thân thanh tịnh; vì nhiều thân thanh tịnh nên cả đến chúng sinh khắp mười phương đều là viên giác thanh tịnh”**. Ban đầu thì ngay nơi một thân thanh tịnh, rồi ngay nơi một thân thanh tịnh thì thấy suốt nhiều thân thanh tịnh, tức là những thân của chúng sinh khác đều thanh tịnh hết, rồi vì tất cả nhiều thân thanh tịnh cho nên thấy chúng sinh trong khắp thế giới đều là viên giác thanh tịnh, tới đó đã ngoài sức tưởng tượng, nếu cái thấy của mình mà triệt ngộ thì thấy như vậy đó mới triệt. Bởi vì, nếu còn thấy trước mắt mình có một chúng sinh chưa thanh tịnh thì sao? Tức là cái giác chưa được trọn vẹn, chưa trùm khắp, là còn thấy có một chúng sinh thật, mà còn thấy có một chúng sinh thật thì chính cái chúng sinh thật đó nó che cái giác của mình, là bị ngăn ngại. Còn khi thấy triệt, suốt rồi, thì thấy tất cả đều

thanh tịnh hết, đều đầy đủ giác thể; khi thực sự cái thấy thanh tịnh thì nhìn cái gì cũng thanh tịnh. Nói rõ hơn, hễ còn thấy có một chúng sinh chưa thanh tịnh, là còn có một chúng sinh thật trong này, mà còn có một niệm như vậy là còn ngã kiến. Nên trước là phá về bốn tướng, tướng ngã, tướng nhân, tướng chúng sinh, tướng thọ giả; còn đây nói thẳng đến kiến, tức ngã kiến, nhân kiến, chúng sinh kiến, thọ giả kiến, đó là cái chấp vi tế trong khi tu tập, người mà ưa pháp nhỏ thấy mình có chứng ngộ, thấy mình là bốn tướng, tức là còn có bốn tướng thật để mình là. Cho nên ở đây là phá ngay trong tâm niệm, mà cái này khó trừ phải dùng trí Kim Cang Bát Nhã mới trừ được. Bởi vậy trong Vô Thượng chánh đẳng chánh giác nó không có ranh giới, bất mọi thấy biết, còn có một chút gì đó là còn có chỗ để cho tình kiến đến được. Ở đây thì không ranh giới, bất mọi thấy biết, chỗ đó mất Phật cũng không thấy được, thì “**ngã**” bám vào chỗ nào? Còn có chỗ thấy được, là còn có chỗ cho “**ngã**” chen vào, đó là ý nghĩa sâu xa! Nên đến đây là phá ngay cái chấp vi tế trong tâm niệm, qua đoạn đó Phật mới nói kinh này ở đâu thì ngôi tháp ở đó, nghĩa là bất cứ nơi nào có kinh này thì trời

người đều nên cung kính cúng dường. Ở đoạn trước thì Phật chỉ nói kinh này ở chỗ nào thôi, còn ở đây nói thẳng là “ở bất cứ” chỗ nào, như vậy chúng ta ngồi đây, kinh này cũng có ngay đây nữa; nghĩa là chúng ta ngồi ngay đây mà thấy được kinh này, thì cũng phải cung kính cúng dường. Vậy có ai ngồi đây, đã thấy kinh này chưa? Đó là một ý nghĩa sâu xa, tức muốn chỉ pháp thân thường trụ nó có khắp mọi nơi, khắp mọi chỗ, không chỗ nào thiếu sót, chỗ nào thấy kinh này là thấy pháp thân ở đó, tức chính chỗ đó là ngôi tháp, phải cung kính cúng dường. Thấy pháp thân tức phải cung kính tôn trọng, còn thấy mà bỏ qua thì tự mình lầm qua! **“Làm lễ đi quanh”** là nói tâm cung kính, **“rải hương cúng dường”** là tín tâm thanh tịnh, thấy được như vậy là cung kính và sống ngay trong đó không thể bỏ qua; nghĩa là nơi nào thấy được, cảm nhận được, là pháp thân sẵn ở nơi đó, tức phải tin nhận sống trong đó. Nếu còn khởi một niệm nghi ngờ, là tự mình che mình. Song muốn thấy được kinh này để cung kính cúng dường thì phải thế nào? có dễ không? Cũng không phải dễ, như kinh Pháp Hoa trong phẩm Bồ Tát Dược Vương Bốn sự có kể một đoạn: Lúc Ngài làm Bồ Tát tên là Nhất Thiết Chúng Sinh Hỷ

Kiến, gặp Phật Nhựt Nguyệt Tịnh Minh Đức nhập Niết Bàn, Bồ Tát Chúng Sinh Hỷ Kiến bèn xây tháp xá lợi, rồi cúng dường trải qua bao nhiêu ngàn năm, bao nhiêu kiếp, Ngài cũng thấy chưa đủ nữa, cuối cùng Ngài đốt cánh tay để cúng dường. Sau những người trong hội thấy Ngài mất cánh tay đều buồn than, Ngài mới phát nguyện, sau đó cánh tay hoàn lại như cũ, ngay trong hội đó làm cho bao nhiêu người phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, trụ trong chánh định tên là Hiện Nhất Thiết Sắc Thân, tức là hiện tất cả mọi sắc thân trong chánh định. Chánh định đó chỉ cho pháp thân, từ pháp thân hiện ra tất cả sắc thân, thì sắc thân là bóng từ nơi pháp thân hiện, pháp thân mới là chân thật; như vậy xả cái chấp về xác thân này, mới thấy được pháp thân để cúng dường. Nên muốn thấy được kinh này để cúng dường cũng vậy, cũng phải xả cái chấp về xác thân này mới thấy được, tức là quên cái niệm về ngã mới thấy được cái kia để cúng dường. Đây là một đoạn rất nhiều ý nghĩa sâu xa, để tán thán công đức của kinh này nó ngoài sức nghĩ bàn, ngoài sức ngôn ngữ có thể nói đến. Ai cảm nhận được công đức này, là Phật ngầm thọ ký cho **“sẽ thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác”**, nên nói

“ắt gánh vác Vô thượng Bồ đề của Phật”.
Tóm lại, chúng ta phải luôn luôn sống với pháp thân, nên ở đâu, nơi nào thấy được kinh này, phải cung kính cúng dường, lễ bái; thấy rõ đâu đâu cũng đủ không thiếu chỗ nào, đó là công đức chẳng thể nghĩ bàn.



CHÁNH VĂN:

16. HAY SẠCH NGHIỆP CHƯỚNG

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Hoặc người thiện nam, kẻ thiện nữ thọ trì, đọc tụng kinh này, nếu bị người khinh tiện, thì người ấy vì tội nghiệp đời trước lẽ ra đọa vào ác đạo, do đời nay bị người khinh tiện nên tội nghiệp đời trước ắt là tiêu diệt, sẽ được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Tu Bồ Đề! Ta nhớ vô lượng, vô số kiếp về quá khứ, trước Phật Nhiên Đăng đã gặp được tám trăm bốn ngàn muôn ức na-do-tha chư Phật, thấy đều cúng dường, kính thờ không lơ lửng; nếu lại có người ở đời sau hay thọ trì, đọc tụng kinh này, thì công đức có được, đối với công đức do ta cúng dường chư Phật, nhiều gấp trăm phần, ngàn muôn ức phần, cho đến tính đếm, thí dụ đều chẳng thể kịp. Tu Bồ Đề! Nếu người thiện nam, kẻ thiện nữ ở đời sau, có ai thọ trì, đọc tụng kinh này thì công đức có được, nếu ta nói đầy đủ, hoặc sẽ có người nghe đến, tâm

liên cuồng loạn, nghi ngờ chẳng tin. Tu Bồ Đề! Phải biết nghĩa kinh này chẳng thể nghi bàn, quả báo cũng chẳng thể nghi bàn.

GIẢNG:

Đoạn này rất quan trọng, học đoạn này chúng ta mới không nghi ngờ, chứ nhiều khi tụng kinh Kim Cang mà cũng còn sợ. Trong đây có mấy điểm cần lưu ý.

Thứ nhất, Phật nói từ trước tới giờ là, người thọ trì kinh này thì công đức không thể nghi bàn, không thể tán thán hết; Người trì kinh đã được công đức như vậy đó, thì hẳn là được người cung kính chứ, sao lại bị người khinh tiện? Đó là điểm lưu ý! Khinh tiện ở đây là gồm có ganh ghét, chê bai, đánh mắng, đủ thứ, tức những nghịch cảnh lẽ ra không có, vì công đức đã vô lượng rồi, tại sao lại còn có những cái đó? Cho nên mọi người sợ tụng kinh Kim Cang đổ nghiệp! Nhưng ở đây, là chỉ rõ đầu mối của những nghiệp nặng nó lộ ra cho mình thấy. Vì tuy rằng đời nay chúng ta biết đạo, tu hành, được những chủng duyên gặp kinh đại thừa Bát Nhã cao quý; nhưng vô lượng kiếp lăn lộn trong cõi này tạo ra biết bao nghiệp, nghiệp ác có, nghiệp lành có, đủ thứ hết; hôm nay sống trở về chân thật, những nghiệp dữ, lành

bao đời trước có, đến lúc chín tới thì nó càng lộ ra chừng nào là càng nhẹ chừng ấy, có gì phải sợ! Ở đây phải thấy rõ những đầu mối nghiệp nặng đó, nhờ chúng ta tụng kinh này, nhờ thấy được, sống được trong ánh sáng Bát nhã, cho nên dùng trí Bát nhã đó mình mới thấy rõ nơi đây, có đủ lòng tin thanh tịnh, thì bao nhiêu **những tội nghiệp đó cũng từ tâm mà sinh** thôi. Những tội nghiệp, ác chướng **nếu tâm không chỗ sinh** thì sao? Thì tội nghiệp bám vào đâu mà khởi được? Nên dùng trí Bát nhã mới thấy rõ được, tội nghiệp từ nhiều đời, nhiều kiếp, hôm nay nó có lộ ra, nhưng mình vẫn thấy rõ bao nhiêu tội chướng đó đều tự tâm hiện, nghĩa là, do tâm mê mà tạo ra chứ những nghiệp này đâu phải sẵn có. Do mê tâm vọng tạo, giờ đây sống với Bát nhã thì được lòng tin thanh tịnh ắt sinh thật tướng, **tâm thanh tịnh là tâm không sinh**, vậy bao tội chướng trụ ở chỗ nào? Đó tức là vô sinh sám hối! Bởi nếu không nhờ Bát nhã khiến dừng vọng niệm sinh khởi, thì nghiệp này tạo thêm nghiệp nữa đâu có hết. Ví như những tội chướng đến, mà không có trí Bát nhã để vọng niệm khởi, chúng ta lại sinh buồn khổ, chán nản, có lúc còn chửi trời đất, nghĩa là tôi tụng kinh tu hành sao lại có những cái này? Rồi sinh những phiền não, tạo thêm nghiệp, nghiệp cũ không hết lại còn tạo

thêm nghiệp mới nữa. Còn ở đây, nhờ Bát nhã mới thấy được những tội chướng đó nó không thật, từ tâm mê hiện ra; tuy thấy nó nhưng **vẫn sống trong ánh sáng Bát nhã**, sẽ không buồn, không khổ, không kêu ca chửi bới thì nó mới tan, mới hết. Vậy nhờ sống trong Bát nhã, tội chướng mới hết; như vậy nó **đâu có chướng**! Sở dĩ thấy nó chướng, là bởi do mê lắm, thấy theo vọng niệm nên thấy nó thật, **thật mới chướng**; bởi chướng nên có thối tâm, sợ tụng kinh đổ nghiệp nên không tụng nữa, vậy là nó chướng mình. Đã sống trong Bát nhã luôn luôn sáng ngời, thì nó hiện ra rồi nó sẽ hết, mình sẽ nhẹ nhàng tức sớm thành Vô Thượng chánh đẳng chánh giác, đó là điểm thứ nhất.

Điểm thứ hai nữa, người mà nghiệp nặng, mê mờ, nghe đến công đức kinh này nghĩa lý thù thắng khó nghĩ bàn thì khó tin. Còn đây chúng ta nghe được, tin nhận, đó là đã gieo trồng căn lành Bát nhã sâu, đã biết như vậy và tin chắc thì không lý do gì chút nghiệp chướng làm trở ngại, thối tâm, đó là điểm làm mình càng vững tâm thêm, không thối chuyển.

Điểm thứ ba nữa, là chúng ta trì kinh này, tức sống trong ánh sáng Bát nhã, là rõ suốt bốn tướng không thật, thì phiền não không sinh, ngay

đó phiền não dứt là qua được phiền não chướng. Đây nói nghiệp ác tiêu diệt, là nghiệp chướng tiêu trừ; rồi chẳng dọa đường ác, tức báo chướng tiêu trừ. Ba chướng: nghiệp chướng, báo chướng, phiền não chướng, được trừ thì đầy đủ ba đức, đó là đức Bát nhã, đức pháp thân, đức giải thoát. Như vậy trong đây nói: *"sẽ được Vô Thượng chánh đẳng chánh giác"*, đó là chuyện dễ tin. Kinh nói rõ, người thọ trì kinh này bị người khinh tiện là do đời trước lẽ ra bị dọa ác đạo, cho nên bây giờ bị khinh tiện ắt được tiêu diệt hết, sẽ được Vô Thượng chánh đẳng chánh giác. Đây phải hiểu thêm, không phải tu hành rồi gặp gì cũng tốt hết, người ta nghĩ tu hành là làm việc lành, việc tốt, thì phải gặp việc tốt, nếu gặp việc xấu liền chán nản, liền nghĩ nhân quả không đúng. Nhưng đây không phải vậy, tuy rằng làm lành, nhưng trong nhiều đời trước mình có gieo những việc không lành; ngay trong đời này cũng không phải làm lành hoàn toàn, từ nhỏ đến giờ cũng chưa trọn lành hết, trong đó có lành có dữ; biết vậy nên lâu lâu cũng có cảnh nghịch để đáp lại việc làm không lành trước, đó là công bằng. Chứ không phải nói tôi tu hành rồi, những việc kia đẹp qua hết, đó là trốn nợ, phải hiểu như vậy. Thứ hai nữa, khi gặp những chướng duyên nghịch cảnh thì, đừng nghĩ đó là chướng duyên nghịch cảnh,

mà chính những cái đó làm thành tựu công phu sâu dày, công lực mạnh thêm cho mình. Có những nghịch cảnh đó thử thách như vậy, mới biết đạo lực mình tới đâu! Cho nên, càng có những nghịch cảnh đó, thay vì thấy đó là nghịch cảnh, thì mình phải **chuyển lại** lấy những cái đó làm **“sức bật”** để mình nhảy lên, vươn lên. Mỗi một lần gặp nghịch cảnh, là mỗi lần lớn mạnh lên thêm, thì không có gì chướng cho mình hết, còn nghĩ đó là cái chướng của mình, thì dễ thối tâm. Hãy xem, ngay đức Phật Ngài thành Phật rồi, mà có được hoàn toàn như ý không? Đã thành Phật rồi, mà gặp Đề Bà Đạt Đa đi theo, phá đủ thứ chuyện. Ngài còn kể, trong những đời làm Bồ Tát hạnh, cũng luôn gặp Đề Bà Đạt Đa đi theo, mà luôn luôn làm những cái nghịch, chính những cái nghịch đó đưa Ngài đi lên, chứ không phải những cái nghịch đưa Ngài đi xuống. Bởi vậy, trong kinh Pháp Hoa, Phật thọ ký cho Đề Bà Đạt Đa sau này cũng sẽ thành Phật. Như vậy Đề Bà Đạt Đa thuộc hạng người nào? Không phải là hạng thường. Thường, người phá Phật, phá Bồ Tát, thì nghiệp rất nặng, phải đọa địa ngục không biết bao nhiêu kiếp. Nếu chỉ phá một lần thôi, là đã bị đọa lâu dài rồi, vậy vì sao Đề Bà Đạt Đa cứ theo Phật hoài, thời gian đâu mà theo hoài vậy? Đó là một vị đặc biệt theo để thử thách, để đưa Ngài đi lên thôi. Hiểu được

như vậy, khi tu hành cũng có những thử thách, gặp những cái nghịch đến là để luyện ý chí mạnh lên thêm, đạo lực càng vững để càng ngày càng tiến lên, chứ không phải đó là những cái chướng làm cho mình thối tâm. Như câu chuyện Luận Sư Giới Hiền, lúc Ngài Huyền Trang qua Ấn Độ, Ngài đến chùa Na Lan Đà gặp Luận Sư Giới Hiền lúc đó đã trên trăm tuổi. Khi gặp Luận Sư Giới Hiền, Luận Sư bảo trong chúng sắp tòa cao mời Huyền Trang ngồi, rồi hợp chúng lại, hỏi thăm Ngài Huyền Trang từ đâu tới? Ngài Huyền Trang thưa: Từ xứ Chi-na tức Trung Quốc đi đến đây, muốn nương theo thầy để học về bộ luận Du Già Sư Địa. Vừa nghe xong như vậy, Ngài Giới Hiền liền khóc, và gọi vị đệ tử tên Giác Hiền cũng trên bảy mươi tuổi đến bảo bây giờ ông thuật lại cho trong chúng này nghe về nhân duyên bệnh khổ của ta. Giác Hiền cũng vừa khóc, vừa thuật lại: “Trước kia Hòa thượng bị bệnh phong thấp rất nặng, cứ lâu lâu bị phát bệnh không chịu được, chân tay như bị ngàn dao đâm, gần hơn hai mươi năm. Cách đây ba năm, Hòa thượng chịu hết nổi, chán ghét cái thân này quá, cho nên Ngài muốn nhịn ăn cho chết đi. Trong đêm, Hòa thượng mộng thấy có ba vị trời, ăn mặc rất đẹp đẽ, một vị sắc vàng chói, một vị sắc như lưu ly, một vị như màu bạc, đến bảo: “Ông muốn bỏ thân này ư? Trong kinh nói, có mang

thân này là khổ, nhưng không nói nhàm chán là bỏ nó, phải mượn nó để tu hành. Ông ở quá khứ từng làm vị quốc vương, giết không biết bao nhiêu sinh mạng, đáng lý phải bị đọa, nhưng hôm nay nhờ tu hành đạo cao đức trọng, cho nên bị chút bệnh này thì nó chuyển nghiệp. Ông phải rán, không nên vì chút nghiệp đó mà phải buồn, chết, hãy rán sám hối, siêng năng tu hành, giảng dạy chánh pháp, khiến bệnh khổ tiêu hết. Còn bây giờ ông có chán bỏ thân này đi nữa, thì cái khổ này cũng không hết, chán bỏ nó mà nghiệp chưa hết đời sau còn chịu nữa". Hòa thượng nghe xong liền lễ bái. Vị có màu sắc vàng chói mới chỉ vị có màu sắc lưu ly mà nói với Hòa Thượng: - Ông biết vị này chăng? Đây là Bồ Tát Quán Tự Tại. Rồi chỉ vị có màu sắc bạc nói: - Đây là Bồ Tát Từ Thị (*tức là Bồ Tát Di Lạc*) Ngay đó Hòa thượng lễ bái Bồ Tát Từ Thị, và hỏi: - Giới Hiền con thường nguyện sinh lên chỗ của Ngài, chẳng biết có được chăng? Bồ Tát Từ Thị bảo: - Ông hãy lo rộng truyền chánh pháp đi, rồi sẽ được sinh lên đó! Sau đó vị trời có màu sắc vàng chói mới nói: Ta là Bồ Tát Mạn Thù Thất Lợi (*tức Bồ tát Văn Thù*) Chúng ta thấy ông luống bỏ thân này chẳng có lợi ích gì, nên đến đây để răn ông, ông hãy theo lời ta mà tuyên bày giảng dạy chánh pháp để cho khắp đến mọi người, những người chưa nghe sẽ

được nghe, dần dần bệnh ông sẽ lành. Rồi đây sẽ có một vị tăng ở Chi Na đến, vị này thông suốt về pháp đại thừa đến đây để học ông, ông hãy đợi vị ấy! Hòa thượng nghe xong, lễ bái vâng nhận, bỏ niệm tự vẫn, từ đó về sau bệnh Hòa thượng giảm dần, nên hôm nay gặp thầy Huyền Trang đây, Ngài mới cảm động rơi nước mắt!.

Luận sư Giới Hiền này, là một bậc tu hành nổi tiếng bậc nhất trong thời đó, đáng lẽ không có những bệnh khổ như vậy, nhưng có những bệnh khổ đó, là do nghiệp từ trước mà có. Như vậy không phải lấy đó làm thôi tâm, mà biết đó do nghiệp cũ hiện ra, an nhẫn mà chịu, rồi mượn những chương duyên đó để tiến lên, nhờ những bệnh khổ mới thấy rõ thân này giả dối không thật, không bám vào nó, cái thân này bệnh lên bệnh xuống nên chán, ít quý mến nó, còn thân khỏe mạnh tốt thì hay quý mến, ai dụng tới thì khó chịu. Mượn cái nghịch làm cái thuận để vươn lên, còn không khéo buồn khổ chán nản, tu hành ngày càng thối. Bởi tu hành không có thuận hoàn toàn, có nhiều vị ở ngoài khỏe mạnh lắm, nhưng vào tu rồi bệnh tới bệnh lui hoài, thấy chán; có vị bệnh như vậy đó nhưng về nhà lại hết bệnh. Như vậy để thấy rõ, những cái nghịch, cái chương đó, không phải là cái chướng; khéo chuyển đổi, đó là những

bước tiến tu. Nhớ như vậy và xem đó cũng là cái **duyên để bào mòn bớt bản ngã**, nếu tu hành lúc nào cũng êm suông, dễ dàng, dễ sinh kiêu. Đại khái, nếu tụng kinh Kim Cang Bát Nhã gặp những chương như vậy, đó là triệu chứng tốt, chứ đừng nghĩ đổ nghiệp, bỏ tụng, đó là rất uổng phí vô cùng! Ngài Bạch Ẩn là một vị thiền sư đạt đạo rồi, vậy mà một hôm có chuyện oan ức, là cô gái có tư tình với anh nọ bị cha gạn hỏi, đổ cho Ngài, rồi sinh con đem giao cho Ngài, Ngài chỉ bảo: “Thế à!”. Sau thấy trong tâm ray rút chịu không nổi, cuối cùng cô thú thật với người cha, không phải là con Ngài mà là con của anh chàng ngoài chợ. Cha cô hoảng hốt vội đến tạ lỗi và xin lãnh đứa bé về, lúc đó Ngài cũng: “Thế à!” vậy thôi. Là thiền sư nổi tiếng mà cũng bị như vậy, chúng ta lâu lâu bị một hai cái nghịch cũng là thường. Hiểu như vậy thì luôn luôn tiến, chứ không lùi, đó là nói qua để mọi người có niềm tin thêm.

Ở đây Phật lại tự so sánh cái phước mà Ngài thờ phụng Chư Phật từ vô lượng vô số kiếp về quá khứ, trước Phật Nhiên Đăng, “**Ngài đã gặp tám trăm bốn ngàn muôn ức na-do-tha chư Phật thấy đều cúng dường, kính thờ không lơ lửng, nhưng nếu có người ở đời sau hay thọ trì, đọc tụng kinh này thì công đức có được,**

đôi với công đức ta đã cúng dường Chư Phật là nhiều gấp trăm phần ngàn phần". Đoạn này để củng cố niềm tin mạnh thêm, Phật dẫn ngay việc của Ngài. Từ trước Ngài đã dẫn phải bố thí thân mạng mình, bố thí của cải, đây Ngài dẫn chính Ngài từ xưa đã phụng thờ bao nhiêu đức Phật, công đức này so với công đức sống với Bát nhã đây vẫn không bằng. Theo như trong kinh luận ghi, thì lúc Đức Thích Ca còn trong nhân địa tu hành, Ngài phải trải qua ba vô số kiếp. Khi tu hành mãn vô số kiếp thứ nhất, Ngài gặp Đức Phật Bảo Kế Như Lai, rồi qua mãn vô số kiếp thứ hai Ngài gặp Phật Nhiên Đăng Như Lai, mãn vô số kiếp thứ ba Ngài gặp Đức Thắng Quán Như Lai. Ở đây Ngài nhắc lại trước Phật Nhiên Đăng, là ở vô số kiếp thứ hai, trước vô số kiếp thứ hai là vô số kiếp thứ nhất, vậy có hai cái vô số kiếp, mà đây Ngài nói vô lượng vô số kiếp về quá khứ là sao? Cái số gọi vô số ở đây là số rất lớn, vô số rồi vô số trong cái vô số đó, tức là vô lượng. Đây nói vô lượng cái vô số nữa, như vậy làm sao hiểu nổi, có mâu thuẫn không? Để cho thấy nghĩa vô số đó tức không phải là một con số nhất định, cố định mà chỉ cho thời gian không cố định. Chúng ta tu hành có khi nhanh, có khi chậm, có khi lùi, có lúc tiến, tiến thì đi nhanh, giải đãi thì chậm lại, như vậy đâu tính thời gian nhất định được. Bởi vậy, tu

hành một vô số kiếp đó để chỉ trong thời gian này tùy theo người, tùy theo căn cơ trình độ, nếu tinh tiến thì đi nhanh, nếu không tinh tiến thì đi chậm, thời gian không cố định, nên nói vô số đó là khiến mình **quên niệm thời gian**. Gặp Phật cũng quá nhiều, tám trăm bốn ngàn na-do-tha Đức Phật, Ngài nói như vậy làm sao mà biết được? Như vậy Ngài nói chỉ Ngài biết thôi, chứ mình cũng không biết, đó là để chỉ cái gì? Ở trong kinh Pháp Hoa có đoạn Phật nói rằng: Ta nói về Phật Nhiên Đăng..v.v.. lại nói vào Niết Bàn, như thế đó là phương tiện phân biệt, phải **khéo thấy ý của Phật**. Đây muốn nhắc chúng ta phải xoay về tự tâm, chứ không mắc kẹt trên thời gian, không mắc kẹt trên những Phật bên ngoài. Phải sống trở về với Phật nơi chính mình là trên hết, còn hướng ra ngoài thì không hiểu nổi, càng hướng ra ngoài càng rắc rối thêm, còn hướng trở về mình thì rất đơn giản. Dù cho Phật có cúng dường bao nhiêu Đức Phật bên ngoài đi nữa, mà Ngài không trở về với Phật chính Ngài, thì Ngài có thành tựu viên mãn quả Phật của mình không? Cúng dường bao nhiêu Phật bên ngoài, nhưng cuối cùng phải trở về với ông Phật chính Ngài, mới thành tựu quả Phật viên mãn. Cho nên **công đức sống trở về tự tâm mình**, đó là **không thể nói bằng lời**, nên diễn tả những cái ngoài sức tưởng

tượng, chỉ có một điều tâm chứng. Đó là thêm một lần nữa, cho mọi người thấy lý Bát nhã rất là sâu xa, ngoài sức tưởng tượng, nhưng cái sâu xa đó ở đâu? Ngay chính mình thôi, đó mới là điều an ủi; chứ nó sâu xa quá ở đâu đâu thì coi như mình vô phần, học cũng không để làm gì. Đây là điều an ủi bậc nhất! Khéo thấy như vậy đó, mới thấy hết được ý sâu xa kinh muốn nói, chứ cứ suy theo cái bên ngoài thì không sao hiểu nổi.

Phật tổng kết lại: **“Nếu người thiện nam, người thiện nữ ở đời sau ai mà thọ trì đọc tụng kinh này, nếu ta nói đầy đủ công đức đó, người nghe phải cuồng loạn nghi ngờ, không tin nổi, bởi nghĩa của kinh này không thể nghĩ bàn”**. Đó là muốn nhắc nhở cho người nghe không thể nghe theo lời, hiểu theo lời; nếu nghe, hiểu theo lời thì dễ sinh nghi ngờ, dễ sinh cuồng loạn, mà chỉ nghe nơi mình, thấy được ý ngoài lời tức mới thấy được chỗ sâu xa kia. Cho nên theo nghĩa: gặp chư Phật bên ngoài đó, bây giờ xoay lại nơi mình thì, một niệm giác là một vị Phật, trăm ngàn niệm giác là trăm ngàn Đức Phật, vậy chúng ta gặp được nhiều Phật rồi, nhưng chỗ đó cũng chưa hay. Nếu chỉ nhớ trăm ngàn niệm giác đó, sao bằng mình ngộ ngay cái thể giác hiện tiền đây, cứ lo nhớ trăm ngàn niệm

giác đó, thì trăm ngàn niệm giác đó đã qua rồi, chỉ **ngộ thẳng ngay một niệm giác hiện tiền** đây không hay hơn sao? Cho nên cúng dường trăm ngàn muôn Đức Phật đó, không bằng người thọ trì kinh này. Như vậy là chúng ta xoay trở về, không chạy theo Phật bên ngoài, hiểu như vậy là rất đơn giản, mà **chúng ta có thể làm được**; còn hiểu theo kia thì không biết bao giờ chúng ta mới thấy được bao nhiêu Đức Phật đó. Chính thấy được như vậy, đó là nhân địa thành Phật, ngộ được thể giác rồi thì sẽ đạt được quả báo cứu cánh, nên Phật nhấn mạnh kinh này nghĩa lý chẳng thể nghĩ bàn, quả báo chẳng thể nghĩ bàn, không thể nói được. Ngài Phổ Đại Sĩ có bài tụng nói lên ý nghĩa này:

*Tiên thân hữu báo chúng,
Kim nhật thọ trì kinh,
Tạm bị nhân khinh tiện,
Chuyển trọng phục hoàn khinh.
Nhược liễu y tha khởi,
Năng trừ biến kế tình,
Thường y Bát nhā quán,
Hà lự bất viên thành.*

*Thân trước có báo chướng,
Ngày nay thọ trì kinh,
Tạm bị người khinh tiếm,
Chuyển nặng nhẹ cho mình.
Nếu rõ y tha khởi,
Biến kế chẳng còn sinh,
Thường y Bát nhã quán,
Lo gì chẳng viên thành?*

Đây có nhiều từ hơi khó hiểu, trong Duy thức học có nói đến biến kế chấp, rồi y tha khởi, viên thành thật. Biến kế chấp là cái lầm chấp của mình, do vô minh nên lầm chấp ngã này thật, thế giới thật, tức ngã thật, pháp thật, tất cả đều thật, đó là biến kế chấp. Y tha khởi, là nhờ Phật, Bồ tát, những vị thiện tri thức chỉ cho mới rõ được cái chấp đó là mê chấp lầm lẫn, không thật do nhân duyên giả sinh, nên không còn những chấp đó mà sống trở về lẽ thật, dần dần hết những lầm chấp, tâm an ổn thành tựu được viên thành.

Người xưa có ví dụ giống như sợi dây lược bỏ giữa đường, ban đêm mình đi thấy mập mờ tưởng như rắn, chấp là con rắn thì sợ hãi run rẩy; có ai

đó đốt đèn lên thấy rõ là sợi dây, thì sợi dây mà thấy là con rắn, đó là biến kế chấp, tức thấy không thật do lầm lẫn thôi. Bây giờ nhờ đèn sáng, thấy rõ là sợi dây do vọng tình phân biệt mà thành, đó là y tha khởi; rồi nhìn kỹ lại thấy sợi dây cũng không thật, do những sợi gai nhỏ bện lại thành tướng sợi dây thôi, liền đó thì tâm sáng suốt an ổn, bình tĩnh, đó là viên thành thật. Ở đây nghiệm rõ lại cũng vậy, bao nhiêu những tội chướng cũng từ vọng niệm vô minh mà khởi thôi, do vọng niệm lầm chấp mà nó khởi, từ vọng niệm lầm chấp đó rồi tạo nghiệp, mới thành chướng. Giờ đây thấy rõ, dùng trí tuệ Bát nhã mà nhìn thì thấy nó cũng không thật, không có tự tánh, chợt có chợt không, **vọng niệm là cái sinh diệt chấp chơn** vậy thôi; khi giác nó, nhìn vào bản chất thật của nó thì nó liền yên, tâm lặng lẽ thanh tịnh; **tâm thanh tịnh lặng lẽ thì tội chướng nương vào đâu?** Thành ra tội chướng hết chỗ bám. Chướng là do vọng niệm nên thấy chướng, không vọng niệm thì không thấy chướng, chướng không thành thì Bát nhã hiện tiền, là viên thành thật. Ngộ được như thế là qua được chướng, qua hết khổ, hết phiền não. Như vậy ở đây nói chướng, là do người vọng tưởng chấp thôi, nếu giác ngộ rõ ràng thì dù có những nạn chướng đó, nhưng với người giác thì đâu thành chướng?

Như câu chuyện ngài Tăng Triệu, ngài bị tội tử hình nhốt trong ngục, ngài xin cho hoãn lại bảy ngày để ngài viết xong bộ “Luận Bảo Tạng”. Quý vị thấy, bị tội tử hình rồi thì còn tâm tưởng đâu mà viết luận? Nhưng với Ngài thấy chuyện chết như trò chơi thôi, không thành vấn đề. Viết xong bộ luận, trước khi chết ngài còn đọc lên bài kệ:

Ngũ ấm nguyên phi hữu,

Tứ đại bốn lai không.

Tương đầu lâm bạch nhãn,

Nhứt tự trăm xuân phong.

Nghĩa là “Năm ấm chẳng phải có; Bốn đại xưa nay không. Dem đầu đến dao bén; Giống như chém gió xuân”. Với Ngài thấy trong đây không có ai bị chém cả thì có gì mà chướng? Sở dĩ chúng ta thấy có chướng là vì còn thấy thân này thật, do thấy thân này thật nên có cái ta bị chém, chém chết cái Ta này thì khổ, khổ là chướng. Nay đây thấy rõ thân này không thật thì không có gì chướng hết; vậy là ngay khi gặp nạn, gặp nghịch cảnh, nghịch duyên đó mà không thấy chướng, thì trí Bát nhã vẫn sáng ngời. Trái lại, đối với chúng ta ngay khi đó là hoảng hốt, khổ sở, thì nó thành

chương. Để cho thấy rõ lẽ thật đó, khi cái khổ đến mà vẫn giữ được sáng suốt, không mất trí tuệ thì có gì chương. Ở đây, với tinh thần Bát nhã, thọ trì Bát nhã và sống với Bát nhã, là luôn dùng trí tuệ Bát nhã soi thấy tất cả chương duyên nghịch cảnh đều là cái không thật, không phải là sẵn có tự bao giờ, do những vô minh vọng niệm lầm chấp rồi tạo tác, tạo tác rồi theo đó chịu khổ; khi giác rồi thì những cái đó không thành vấn đề. Nói như vậy để cho chúng ta quán sâu, quán kỹ, chứ đến được chỗ đó không phải dễ! Nhưng nói để cho thấy lẽ thật phải đến được như vậy, mới đến được chỗ tốt, chưa đạt được đến chỗ tốt thì phải cố gắng thêm lên, chứ không phải hiểu được chút ít là ngang đó tự đủ rồi!



17. RỐT RÁO VÔ NGÃ

Bấy giờ Tu Bồ Đề bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Người thiện nam, kẻ thiện nữ phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, làm sao nên trụ? Làm sao hàng phục tâm mình?

Phật bảo Tu Bồ Đề:

- Người thiện nam, kẻ thiện nữ phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác phải sinh tâm như vậy: “Ta nên diệt độ tất cả chúng sinh, diệt độ tất cả chúng sinh rồi, mà không có một chúng sinh thật diệt độ”. Tại sao? Tu Bồ Đề! Nếu Bồ Tát có tướng ngã, tướng nhân, tướng chúng sinh, tướng thọ giả ắt chẳng phải Bồ Tát. Vì cớ sao? Tu Bồ Đề! Thật không có pháp phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Tu Bồ Đề! Ý ông nghĩ sao? Như Lai ở chỗ Phật Nhiên Đăng có pháp được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác chăng?

- Bạch Thế Tôn, không được. Theo chỗ con hiểu về nghĩa Phật đã nói, thì Phật ở chỗ Phật Nhiên Đăng không có pháp được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Phật bảo:

- Đúng thế! Đúng thế! Tu Bồ Đề! Thật không có pháp Như Lai được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Tu Bồ Đề! Nếu có pháp Như Lai được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, Phật Nhiên Đăng ắt chẳng thọ ký cho ta: “Ông ở đời sau sẽ làm Phật, hiệu Thích Ca Mâu Ni”. Do thật không có pháp được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, vì vậy Phật Nhiên Đăng thọ ký cho ta, nói lời thế này: “Ông về sau sẽ làm Phật, hiệu Thích Ca Mâu Ni”. Tào sao? Như Lai, tức nghĩa Như của các pháp. Nếu có người nói, Như Lai được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Tu Bồ Đề, thật không có pháp Phật được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh giác. Tu Bồ Đề! Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh giác mà Như Lai đã được, trong đó không thật không hư. Vì vậy, Như Lai nói: tất cả pháp đều là Phật pháp. Tu Bồ Đề! Nói tất cả pháp đó, tức chẳng phải tất cả pháp,

thế nên gọi tất cả pháp. Tu Bồ Đề! Ví như thân người cao lớn.

Tu Bồ Đề thưa:

- Bạch Thế Tôn! Như Lai nói thân người cao lớn, tức chẳng phải thân lớn, đó gọi là thân lớn.

- Nay Tu Bồ Đề! Bồ tát cũng như thế, nếu nói lời thế này: "Ta sẽ diệt độ vô lượng chúng sinh", ắt chẳng gọi là Bồ Tát. Tại sao? Tu Bồ Đề! Thật không có pháp gọi là Bồ Tát. Thế nên Phật nói tất cả pháp không ngã, không nhân, không chúng sinh, không thọ giả.

- Nay Tu Bồ Đề! Nếu Bồ Tát nói lời thế này. "Ta sẽ trang nghiêm cõi Phật", chẳng gọi đó là Bồ Tát. Tại sao? Như Lai nói trang nghiêm cõi Phật, tức chẳng phải trang nghiêm, gọi đó là trang nghiêm. Tu Bồ Đề! Nếu Bồ Tát thông đạt pháp vô ngã, Như Lai nói đó thật là Bồ Tát.

GIẢNG:

Từ trước đến đây Phật đã lần lượt phá hai chấp NGÃ – PHÁP, không bốn tướng, pháp còn

nên bỏ huống nữa phi pháp - Đó là phá chấp ngã pháp về phần thô, thuộc tâm duyên cảnh sinh khởi phân biệt, nên nói là **"lìa tất cả tướng"**, trừ cảnh giới phân biệt bên ngoài.

Đến đây là phá NGÃ PHÁP vi tế trong tâm niệm. Bối Chấp Ngã pháp có 2: một là phân biệt ngã pháp, hai là câu sinh ngã pháp, tức chùng tử sâu dày, vừa động niệm đã có nó cùng theo.

Trong phần này có mấy điểm:

1. Phá cái thấy có ta an trụ, ta hàng phục.
2. Phá cái thấy thật có Bồ tát ở chỗ Phật Nhiên Đăng hành Bồ Tát hạnh được thọ ký.
3. Phá cái thấy về Phật pháp.
4. Phá cái thấy về người độ sinh và trang nghiêm tịnh độ.

Trước tiên Tu Bồ Đề hỏi lại hai câu hỏi trước:

"Bấy giờ Tu Bồ Đề bạch Phật: ... làm sao nên trụ? Làm sao hàng phục tâm mình?".

Như vậy có trùng lặp hay không? Lời tuy đồng mà ý sâu hơn. Trước là hỏi cho người chưa phát tâm, đây là hỏi cho người đã phát tâm. Trước là để dứt sạch các cảnh duyên, đây là sạch luôn

trí quán. Do đó, ở trước đả phá tình chấp phân biệt nơi các tướng để hiển bày chân trí. Đến đây, khiến chân trí cũng quên, thậm hợp lý thể mà bật cả Lý và Trí, chỉ còn thật tướng hiện tiền.

Chú ý lời hỏi! Câu hỏi này, ở trước nói theo bản xưa là: **“Nên làm sao trụ? Làm sao hàng phục tâm mình?”**.

Bản đời Tùy là: **“Bạch Thế Tôn! Thế nào Bồ Tát ở trong đại thừa phát tâm Vô Thượng Chánh đẳng Chánh giác, nên làm sao trụ? Làm sao tu hành? Làm sao hàng phục tâm mình?”**.

Đến đoạn này, bản đời Tùy: **“Thế nào Bồ Tát phát tâm Vô Thượng Chánh đẳng Chánh giác (không có câu “ở trong đại thừa”) làm sao trụ? Làm sao tu hành? Làm sao hàng phục tâm mình?”**. *Có thêm câu “Làm sao tu hành”*.

Trước hỏi **“Nên làm sao trụ?”**, đây thì: **“Làm sao nên trụ?”**, đó là điểm cần chú ý! Ý ở trước là muốn hỏi: Nên làm thế nào để cho tâm được an trụ trở lại, vì lâu nay nó lang thang. Ý ở đây là, làm thế nào nên khiến nó luôn an trụ như vậy, không còn chạy đi nữa? Rõ ràng ý đã sâu hơn rồi!

Kế, chú ý lời đáp! Ở trước chỉ đáp: **“Nên như vậy trụ, như vậy hàng phục tâm đó”**. Đây thì đáp quả quyết: **“Phải sinh tâm như vậy...”**. Tức là phải thực sống như vậy, thì mới luôn được an trụ, không còn chạy lang thang nữa.

Và lời đáp tiếp: **“Ta nên diệt độ tất cả chúng sinh, diệt độ tất cả chúng sinh rồi, mà không có một chúng sinh thật diệt độ”**.

Độ tất cả rồi, tức là đã đi vào thực hành, thể nghiệm chứ không phải chỉ trên hiểu ngộ thôi. Kế đến, **“không có một chúng sinh nào thật diệt độ”**, là thấy đến tột cùng không có đến **“chỉ một bóng dáng”** thật được diệt độ. Vì sao? Bởi chúng sinh xưa nay vốn tự thể là Phật rồi, có gì để độ? Thứ hai, niệm niệm, tự thể vốn tịch diệt, niết bàn, đâu còn vào niết bàn nữa. Sơ Tổ đã bảo Nhị Tổ: - Đem tâm ra ta an cho! Nhị Tổ tìm tâm không thể được, thưa: - Con tìm tâm không thể được. Sơ Tổ bảo: - Ta đã an tâm cho ông rồi! An mà không có cái gì để an, vốn tự an rồi! Nếu còn thấy có một chúng sinh thật được diệt độ, tức thấy có một niệm thật, đó là vi tế ngã kiến vẫn còn. Cho đến, còn thấy có Ngã độ Ngã, vẫn chưa hết dấu vết Ngã chấp. Phải thật sạch hết không còn thấy có một niệm thật sinh, thật diệt, mới

thật sự độ tận! Do đó, còn thấy có một NIỆM thật diệt, hay một chúng sinh diệt độ, tức chưa ngộ suốt tự tánh, là Bát nhã chưa tột, nên nói: **“chẳng phải Bồ Tát”**. Bởi vì đó là còn có niệm sinh diệt chưa quên.

Xuyên Công có nói:

Trước mắt chỉ ra muôn việc có,

Ta nói trong ấy một cũng không.

Đến trong ấy thì,

Sinh từ vật khác mà sinh,

Già cũng từ vật khác mà già.

Bệnh cũng từ vật khác mà bệnh,

Chết cũng từ vật khác mà chết.

Nếu người đã về đến nhà,

Thì không có sinh và tử.

Nghĩa là đã triệt ngộ tự tánh, thì quên niệm sinh diệt, sinh diệt chỉ là giả tướng. Đã không có niệm hay chúng sinh được diệt độ, thì cái gì **hay diệt độ**? Cho nên ngay đó TRÍ CHIẾU SOI liền quên, bất cả trí và niệm, thì thật tướng luôn hiện tiền. Yếu chỉ Kim Cang Bát Nhã là đó!.

Song, đã không thật có chúng sinh diệt độ, vậy phát tâm Bồ đề để làm gì? Do đó giải thích: **“Vì có sao?”**. Bởi, tìm lại thật kỹ, quả thực không có pháp phát tâm Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Vì sao? Vì y cứ nghĩa Bồ Tát, tức Hữu tình giác. Nghĩa là một hữu tình có tính giác ngộ rồi, thì còn có một pháp THẬT gì nữa để phát tâm giác ngộ thêm? Có cái gì nữa để phát tâm, tức thuộc bên ngoài rồi! Những cái đó đều là phương tiện đánh thức người trở lại thôi. Dù là pháp lục độ của Bồ Tát, song Bồ Tát cũng đâu phải do tu lục độ mà có được bồ đề! Thế bồ đề là vốn sẵn nơi tự tâm chúng sinh, phương tiện mà nói phát tâm, phát bồ đề vậy thôi. Do đó, **đã phát tâm rồi, liền quên pháp phát tâm**. Đó là phá cái niệm về Bồ đề của Bồ Tát. Ngài Hoàng Bá có dạy: *“Biết rõ tất cả chúng sinh vốn là Bồ đề, không lẽ lại được Bồ đề. Nay ông nghe nói phát tâm Bồ đề, bèn cho là có một tâm học làm Phật, chỉ nghĩ làm Phật, dù ông tu ba a-tăng-kỳ kiếp cũng chỉ là Phật báo thân, hoá thân, cùng Phật chân tánh bản nguyên của ông có gì dính dáng?”*

Như vậy, là đã rõ, không thật riêng có pháp để phát tâm. Bồ đề cũng chính ngay tự tâm.

Kế là Phật phá cái chấp về Bồ đề của Phật: **“Tu Bồ Đề! Ý ông nghĩ sao? Như Lai ở chỗ**

Phật Nhiên Đăng có pháp được Vô Thượng Chánh đẳng Chánh giác chăng?”.

- Bạch Thế Tôn, không được. Theo chỗ con hiểu về nghĩa Phật đã nói, thì Phật ở chỗ Phật Nhiên Đăng không có pháp được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Bởi ở trên đã nói, không thật có pháp phát tâm Vô Thượng Chánh đẳng Chánh giác, vậy Thế Tôn ở chỗ Phật Nhiên Đăng phát tâm cúng dường, trải tóc lột bùn, được thọ ký, là có được Bồ đề chăng? Vì phát tâm là nhân, được Bồ đề là quả, nhân đã không, quả làm sao có?

Phần trước là trừ tướng phân biệt Bồ đề. Đây là gạn lại để trừ sạch dấu vết còn đọng lại trong tâm niệm. Phật không trả lời thẳng, mà Ngài gạn hỏi để Tu Bồ Đề trả lời. Tức là khiến người tự cảm nhận, thâm thông với Phật. Tu Bồ Đề đáp xác quyết không nghi **“không thể”**, và đáp khéo **“Theo chỗ con hiểu về nghĩa Phật đã nói”**, ý chỉ đây là chỗ tự chứng, không phải người ngoài hiểu được. Đó là ngừa người dùng tâm suy luận mà xuyên tạc.

Phật xác nhận **“Đúng thế! Đúng thế!”**. Tức là đã hợp với ý Phật, chỗ thấy đó với Phật không

hai. Chính tự Phật xác nhận rõ **“Thật không có pháp Như Lai được Vô Thượng Chánh đẳng Chánh giác”**. Do đó, Phật Nhiên Đăng mới thọ ký cho Ngài về sau sẽ thành Phật hiệu Thích Ca Mâu Ni. Bởi, Vô Thượng Chánh đẳng Chánh giác, vốn không thuộc nhân quả sinh diệt, mà chính là Trí giác sẵn có của mỗi chúng sinh. Mê thì tạm mất, ngộ chẳng phải mới có. Cho nên quả là không thật có một cái gì khác để được. Thấy được **“chỗ không được”** đó, mới gọi thọ ký.

Nhưng, tại sao Phật Nhiên Đăng không ngay đó trao cho đi, lại huyền ký lâu xa về sau này mới thành, và thành với một cái hiệu? Đó là ngầm ý gì? Để rõ, THÍCH CA MÂU NI cũng là một cái tên, nếu chấp cái tên đó cho là Phật, là lầm! Bởi thành đó, là thành cái sẵn có đây thôi, không có gì thật được để trao cho. Nếu quả có thật được, tức ngay đây đem trao cho rồi. Do đó, thọ ký về sau cũng là một ý sâu, ngầm chỉ đây là lời phương tiện. Người chứng nghiệm thì tự cảm nhận rõ, nên dù Phật Nhiên Đăng không thọ ký thành ngay đó, Phật Thích Ca vẫn hoan hỷ. Bởi thấy rõ mình sẵn có, công tròn quả đầy thì hiển bày trọn vẹn vậy thôi. Ngay đó đã nhận có đủ rồi! Ngài Hoàng Bá từng nói: *“Giả sử người tinh tấn tu hành trải qua ba vô số kiếp, qua các địa vị, cùng với người do*

một niệm chúng được, chỉ là chứng cái SẮN CỐ, kỳ thật trên Phật của mình không có thêm được một cái gì. Xem lại công dụng nhiều kiếp thầy đều là việc làm trong mộng". Cho thấy rõ ràng, Phật, Tổ đều thấy như nhau, người thật tỏ ngộ phải thấy đến như thế, mới hợp cùng Phật Tổ.

Tiếp theo, Phật gạn lại để hiển bày rõ thêm: **"Tại sao? Như Lai tức nghĩa NHƯ của các pháp"** vì Như Lai là nghĩa Như của các pháp. Đây là dứt niệm hai bên có không. Nếu nghe nói không được, liền chấp cho là hoàn toàn không có pháp thọ ký, cũng lầm! Như vậy tức cũng không được thọ ký. Cần rõ, sở dĩ nói không được đó, vì **"Như Lai là nghĩa NHƯ của các pháp"**, NHƯ thì làm sao được mất? Có được mất là hết **"Như"** rồi! Song, làm sao rõ được nghĩa Như? Tức ngay các pháp hiện tiền đây, thấy biết tất cả, mà không khởi niệm phân biệt, không thêm bớt trong đó, thì ngay đó là gì? Tức Như Lai hiện tiền thôi, có gì được mất!

Bởi vậy, vừa có niệm khởi, tức có sinh diệt, có lằng xằng lấy bỏ, dời đổi, trái Như. Là niệm phân biệt thì pháp pháp đều Như, không phải một bề không còn gì. Trái lại, đến đây thì: Núi sông là núi sông!

Như Thiền sư Duy Tín từng nói: “Sãi tôi trước 30 năm thấy núi là núi, nước là nước. Sau khi được thiện tri thức chỉ dạy, thấy núi chẳng phải núi, nước chẳng phải nước. Sau khi được chỗ an ổn, thấy núi là núi, nước là nước”.

Nghĩa là còn mê thì thấy gì cũng thật, nên dính mắc đủ thứ, mang đầy phiền não. Hiểu đạo thì lìa bỏ những chấp trước đó, nên thấy ngược lại lúc xưa. Khi sạch hết tình chấp rồi, thì mặc tình thấy, biết tất cả như xưa, nhưng không lầm như xưa, mới thật tự tại.

Ông Tô Đông Pha cũng có bài tụng:

Lô sơn yên toả Chiết giang triều,

Vị đáo bình sinh hận bất tiêu.

Đáo đắc hoàn lai vô biệt sự,

Lô sơn yên tỏa Chiết giang triều.

* * *

Khói phủ non Lô sóng Chiết giang,

Ngày nào chưa đến hận còn mang.

Đến rồi hoá lại không gì khác,

Khói phủ non Lô sóng Chiết giang.

Khi chưa ngộ, tưởng tượng đủ thứ về cái ấy. Ngộ rồi, chính cái hàng ngày đang sống mà tự bỏ quên, không thêm bớt gì khác. Vậy muốn thấy Như Lai đâu có khó? Chỉ cần trả lại các pháp trở về nguyên vị của nó, như nó là nó, đừng thêm bớt gì trong đó, đừng xen cái “Tôi” vào. Chính ngay đó “*Toàn thể Như Lai sờ sờ đấy!*”.

Đó là phá cái thấy lầm về Bồ tát được thọ ký.

Kế đây, là phá cái thấy về Phật pháp. Đã là Bồ Tát không có pháp phát tâm Bồ đề, Phật không có pháp thật được, vậy Phật pháp có hay không? Nên Phật bảo: “**Nếu có người nói, Như Lai được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Tu Bồ Đề, thật không có pháp Phật được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Tu Bồ Đề! Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác mà Như Lai đã được, trong đó không thật, không hư. Vì vậy, Như Lai nói: tất cả pháp đều là Phật pháp.**”.

Cần chú ý: Phật mà được Vô Thượng Bồ đề

sao? Phật có từng mê chẳng? Nếu có mê, sao gọi là Phật? Đã chưa từng mê, còn được bồ đề gì nữa? Cho nên một hôm Quốc sư Huệ Trung hỏi quan cung phụng Tử Lân:

- Phật nghĩa là gì?

Ông đáp: - Là nghĩa giác.

Hỏi: - Phật từng mê chăng?

Đáp: - Chẳng từng mê.

Hỏi: - Dùng Giác để làm gì?

Ông không đáp được.

Bởi hiểu Phật theo danh từ chữ nghĩa, mắc kẹt giữa mê giác, nên không suốt được nghĩa thật. Đã là Phật rồi, còn giác gì nữa? Phật mà giác Phật nữa, là đầu thêm đầu rồi!

Nhưng ở đây, Phật nói rõ thêm: **“Vô Thượng Chánh đẳng Chánh giác mà Như Lai đã được, trong đó không thật không hư”**.

Ở đoạn trước chỉ nói là **“pháp Như Lai đã được”**, đây nói thẳng: **“Vô Thượng Chánh đẳng Chánh giác Như Lai đã được”**, như vậy không phải phủ nhận hoàn toàn. Nếu lầm theo ngôn ngữ, nghe nói chẳng được, liền cho là không có, đó là kẹt một bên. Đây Phật nói rõ **“trong đó”** không thật không hư. Trong đó là trong đâu? Đó là chỗ không thể chỉ. Chính người đã thực sống trong đây, liền rõ nó là không thật không hư, tức

không kẹt Có Không, không cho tình thức bám vào! Đây là trừ tâm lấy bỏ hai bên, ngay đó thẳng vào thôi!

Phật kết lại: “Vì vậy Như Lai nói, tất cả pháp đều là Phật pháp”.

Tất cả pháp đều là Phật pháp, vậy lấy cái gì? Bỏ cái gì? Thường mọi người cứ tưởng Phật pháp là cái gì kỳ đặc, cao vợi vợi ngoài tầm tay mình, không ngờ là cái rất đơn giản, bình thường ngay sát bên chúng ta. Bởi cứ cầu được một cái gì khác thường nên khó thấy.

Như Thị giả của thiền sư Diệu Khòa tên Hội Thông, ở với thầy thời gian, một hôm từ giã đi, Sư hỏi: - Ông định đi đâu?

Thị giả thưa: - Hội Thông vì pháp xuất gia, Hòa thượng chẳng từ bi chỉ dạy, nay đi các nơi khác học Phật pháp.

Sư bảo: - Nếu là Phật pháp, ta trong đây cũng có chút ít.

Thị giả thưa: - Thế nào là Phật pháp của Hòa thượng?

Sư liền bứt sợi lông vãi trên người đưa lên thổi, Hội Thông liền tỉnh ngộ.

Vậy Phật pháp ở đâu? Ngay khi đưa sợi lông lên thổi, cái gì thổi? Cái gì thấy? Nếu không có ánh sáng tự tâm, cái gì làm được chuyện đó? Cho nên ngay chỗ sống hàng ngày đầy đủ tất cả, chỉ người tự mê thôi. Bởi mê, cứ lo đi tìm cái khác.

Có vị tăng hỏi ngài Mục Châu:

- Suốt ngày mặc áo ăn cơm, làm sao khỏi mặc áo ăn cơm ?

Mục Châu đáp:

- Ăn cơm mặc áo.

Tăng thưa:

- Con chẳng lãnh hội.

Mục Châu bảo:

- Chẳng hội thì mặc áo ăn cơm.

Đơn giản, ngay trước mắt đây, không khởi cái thấy điên đảo có không, đoạn thường, đây kia, thì tất cả pháp đều là Phật pháp, còn gì mà nói được mất?.

Như vậy, nghĩa không pháp Bồ Tát phát tâm, không pháp Phật được Bồ đề đã rất rõ ràng sáng tỏ.

“Vì vậy, Như Lai nói, tất cả pháp đều là Phật pháp”, chính câu này thấy cho tốt, tức dứt bật mọi thứ điên đảo tưởng. Đều là Phật pháp hết, thì cái gì lấy, cái gì bỏ, cái gì chân, cái gì vọng, cái gì phải, cái gì quấy?

Rõ ràng đâu đâu chẳng có ánh sáng giác ngộ? Còn chạy tìm cái gì? Cho nên nói: trước mắt lắm qua, rất tự đáng thương!

Có người hỏi Ngài Hoàng Bá:

- Nay chính khi ngộ, Phật ở chỗ nào?

Sư đáp:

- Hỏi từ đâu đến? Biết từ đâu khởi?

Nói nín, động tịnh, tất cả thình sắc đều là Phật sự, chỗ nào lại tìm Phật? Không thể trên đầu lại thêm đầu, trên mỏ lại thêm mỏ. Chỉ chờ sinh kiến chấp khác, thì núi là núi, nước là nước, tầng là tầng, tục là tục, núi sông quả đất, mặt trời mặt trăng, ngôi sao, thấy đều không ngoài tâm ông. Ba ngàn thế giới trọn là tự thể của ông, chỗ nào có nhiều thú? Ngoài tâm không pháp, khắp thấy núi xanh, hư không, thế giới rõ ràng mà không có bằng mây tơ sợi tóc cho ông sinh hiểu biết. Nên nói: **“Tất cả thình sắc là mắt tuệ của Phật”.**

Nhà Thiền gọi: "*Chạm mắt là Bồ đề*". Tâm đã bật niệm phân biệt điên đảo thì thấy cái gì cũng từ ánh sáng giác ngộ mà thấy, nên cái gì cũng sáng ngời không mê, vậy cái gì không phải Phật pháp?

Do đó, Thiền sư Thiền Lão nói:

Thúy trúc hoàng hoa phi ngoại cảnh,

Bạch vân minh nguyệt lộ toàn'chân.

* * *

Trúc biếc hoa vàng đâu cảnh khác,

Trắng trong mây bạc lộ toàn chân.

Tâm thanh tịnh sáng ngời thì thấy cái gì cũng sáng ngời, đâu đâu cũng hiển bày thể chân thật đó! Thấy đến đây thì không lúc nào vắng mặt ông chủ!

Cho nên, cuối cùng không phải là phá hoại hết tất cả pháp. Song muốn qua chỗ này, phải thấu qua ở trước là: "**Lìa tất cả tướng tức gọi là chư Phật**", chính lìa tất cả các tướng đó, mới thấy tất cả đều là Phật pháp, đều sáng ngời không mê. Nếu còn trụ một tướng, tướng đó tức là tướng chúng sinh rồi!

Vì vậy tiếp theo, Phật liền phá: “**Tu Bồ Đề! Nói tất cả pháp đó, tức chẳng phải tất cả pháp, thế nên gọi tất cả pháp**”.

Vừa nói đến “tất cả pháp”, đều là Phật pháp, Phật liền sợ người chấp vào tất cả pháp, nên phá ngay, không cho bám lấy. Bởi Phật pháp không có tướng cố định, dừng lại ở một tướng gì thì trái Phật pháp!

CHÁNH VĂN:

- **Này Tu Bồ Đề! Ví như thân người cao lớn.**

Tu Bồ Đề thưa:

- **Bạch Thế Tôn! Như Lai nói thân người cao lớn, tức chẳng phải thân lớn, đó gọi là thân lớn.**

- **Này Tu Bồ Đề! Bồ tát cũng như thế, nếu nói lời thế này: “Ta sẽ diệt độ vô lượng chúng sinh”, ắt chẳng gọi là Bồ Tát. Tại sao? Tu Bồ Đề! Thật không có pháp gọi là Bồ Tát. Thế nên Phật nói tất cả pháp không ngã, không nhân, không chúng sinh, không thọ giả.**

- Này Tu Bồ Đề! Nếu Bồ Tát nói lời thế này. “Ta sẽ trang nghiêm cõi Phật, chẳng gọi đó là Bồ Tát. Tại sao? Như Lai nói trang nghiêm cõi Phật, tức chẳng phải trang nghiêm, gọi đó là trang nghiêm. Tu Bồ Đề! Nếu Bồ Tát thông đạt pháp vô ngã, Như Lai nói đó, thật là Bồ Tát.

GIẢNG:

- Này Tu Bồ Đề ví như thân người cao lớn. Ngài Tu Bồ Đề thưa: - Bạch Thế Tôn, thân người cao lớn tức chẳng phải thân lớn gọi là thân lớn.

Đây là đức Phật nói với ngài Tu Bồ Đề giống như thân người cao lớn, ngài Tu Bồ Đề nghe nói như vậy liền bạch Phật: “Như Lai nói thân người cao lớn đó, tức chẳng phải thân lớn, đó mới là thân lớn”. Như vậy là sao? Ở trên vừa mới nói “tất cả pháp đều là Phật pháp”, sau đó lại nói ngay “tất cả pháp đó tức chẳng phải pháp thế nên mới gọi là tất cả pháp”, nói tất cả pháp rồi, là phá liền không cho người bám vào tất cả pháp. Qua đó, Ngài ví dụ, ví như là thân người cao lớn, nghe nói thân người cao lớn, ngài Tu Bồ Đề hiểu ngay, ngài không đợi hỏi lại, liền

nói **“thân lớn đó tức chẳng phải thân lớn”**, đây là đoạn nói lên ý gì? Bởi vì ở trên nói tất cả pháp đều là Phật pháp, nghĩa là đâu đâu cũng là Phật pháp, đây ngài nói qua về thân lớn tức là thân to lớn trùm khắp, mà thân cao lớn trùm khắp như vậy làm sao tướng tượng nổi ra thân đó? Cho nên nói tới đó, ngài Tu Bồ Đề hiểu ngay liền nói: **“thân lớn tức chẳng phải thân lớn”** đó mới gọi là thân lớn; tức ở đây muốn cho chúng ta thâm nhận ra pháp thân vô tướng nhưng đầy đủ công đức, tuy không tướng không hình nhưng tùy duyên hiện khắp tất cả chỗ, nên gọi là thân lớn, chứ không phải nói vô tướng là không có gì hết. Bởi vậy đoạn này trong bản dịch Kim Cang đời Nguyên dịch là **“thân diệu đại”**, là thân lớn mà nhiệm mầu; còn bản dịch đời Lương gọi là **“biến thân đại thân”**, là thân lớn mà trùm khắp; vậy qua đó người nhạy bén liền hiểu thân đó là thân gì rồi! Vừa lớn, vừa nhiệm mầu, vừa trùm khắp, như vậy nếu có một tướng gì đó thì chúng ta tướng tượng chắc nó giống cái kỳ quái gì đó; nhưng ở đây ngầm chỉ nó trùm khắp tất cả, nó có vô lượng công đức trong đó, nó vượt ngoài thân tướng tầm thường này, cho nên không diễn tả thế nào được hết, tạm dụ nó là thân to lớn nhiệm mầu. Song khi nói tới thân lớn như vậy, sợ người kẹt vào tướng lớn, thành ra ngài nói ngay thân lớn tức

chẳng phải thân lớn, nghĩa là không để cho mình khởi ra một cái thấy về tướng lớn. Như vậy, khi rõ được, sống được ở trong đây thì mới cảm nhận rõ ràng tánh tướng không hai, ngay nơi tướng, chúng ta thấu suốt được tánh nó trùm khắp tất cả. Bởi vì, nếu chúng ta hiểu theo tướng thì dù cho thân lớn tới đâu đi nữa, mà có tướng lớn thì có tướng nhỏ. Như trước đã nói, nếu nó lớn bằng núi Tu di chẳng hạn, thì gọi là thân lớn; nếu có thân khác lớn hơn núi Tu di thì nó thành nhỏ. Thành ra nói lớn là đối với thân nhỏ khác, nhưng đối với thân lớn hơn nó thì nó thành thân nhỏ, mà có lớn có nhỏ thì cái đó chưa thật lớn, chỉ là lớn trong đối đãi thôi. Thêm nữa, đã có tướng lớn như vậy, tức nó thuộc về duyên hợp mà thành, dù nó có lớn cách mấy đi nữa thì cũng là duyên hợp, từ những cái nhỏ nó hợp lại thành cái tướng lớn, chứ không bỗng dưng có cái tướng lớn. Bởi vậy ở trước có nói là: **“Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng”**, nghĩa là cái gì có tướng đều là hư vọng thôi. Hiểu vậy mới thấy được ý nghĩa sâu ở trong đó. Do đó, ở đây chúng ta phải khéo ngay nơi tướng mà mình thấy được vô tướng kia thì mới là chân thật. Quả là pháp thân cũng không lìa pháp nhân duyên mà riêng có; pháp thân là vô tướng, pháp nhân duyên là có tướng, như vậy để chúng nghiệm rõ ràng là **“tất cả pháp đều là Phật pháp”**, Phật pháp

không rời tất cả pháp, Phật pháp cũng tức thế gian pháp thành ra. Chữ **“tức”** là nó không rời nhau, người sáng tỏ được nghĩa này sẽ hiểu thêm nghĩa **“tất cả pháp vô ngã”** ở phía sau Phật sẽ nói. Phật pháp tức là thế gian pháp, đó là nó không có ngã thật, tới phần sau sẽ thấy rõ. Như vậy rõ ràng nói thân lớn, **đó là một thí dụ** chứ không nhân đó khởi tướng thấy có tướng thân lớn; nếu thấy có tướng thân lớn thì cũng bị trên cái tướng nó làm lầm, không thấy được ý của Phật muốn chỉ.

Qua đó ngài mới nói tiếp: **“Bồ tát cũng như thế, nếu Bồ tát nói lời như thế này: ta sẽ diệt độ chúng sinh ắt cũng chẳng gọi là Bồ tát”**. Ở trên cái thân người to lớn đó cũng không thấy có thân lớn nữa, Bồ tát cũng vậy, nếu Bồ tát mà khởi niệm ta sẽ diệt độ vô lượng chúng sinh thì chẳng gọi là Bồ tát, bởi vì sao? Bởi vì **“thật không có pháp để gọi là Bồ tát”**, chỗ đó khó hiểu! Nói Bồ tát mà thật không có pháp để gọi là Bồ tát, vậy sao là Bồ tát? Tới phần này là phá **“cái thấy hay độ sinh”** và **“trang nghiêm tịnh độ”**, để làm thành nghĩa tất cả pháp đều là vô ngã. Ở trước là phá từ ngã tướng, nhân tướng độ, ở đây thì phá về tri kiến, tri kiến tức là phá về cái chấp, cái thấy, cái niệm

về độ sinh ngay trong tâm niệm của mình; ở trước là phá trên tướng, ở đây là phá ngay trên tâm niệm, cho nên nếu còn có tri kiến độ sinh, tri kiến trang nghiêm tịnh độ đó, thì cũng chưa thật là Bồ tát. Đây dẫn: **nếu Bồ tát mà nói lời thế này: “ta sẽ diệt độ chúng sinh”**, đó là có cái tự phụ trong đó, còn có tri kiến về ngã. Cho nên ở trước phá không có chúng sinh thật độ, để mình trở về tự tánh bất sinh, rõ chúng sinh tự tánh vốn là vô sinh. Đến đây thì cái thấy biết về độ sinh cũng khiến quên luôn, bởi Bồ tát là hữu tình giác, tức một hữu tình hay là một chúng sinh giác ngộ, tức là chúng sinh đó có đầy đủ giác ngộ rồi, thì chúng sinh kia cũng có tánh giác vậy. Mình cũng là chúng sinh, mình giác ngộ được, thì những chúng sinh kia cũng có tánh giác, vậy thì ai độ ai? Do đó chưa quên cái thấy độ sinh, là còn có cái thấy sinh diệt: Mình phải độ người kia, tức là thấy có chúng sinh thật, bởi có chúng sinh thật nên mới độ chúng sinh kia, để diệt chúng sinh đó mới là thành Phật, thành Bồ tát; vậy là cái thấy sinh diệt nó vẫn còn ở trong này, đó là cái vi tế ở trong nội tâm. Cho nên đây phá cái vi tế đó. Tức là chưa tỏ suốt được chúng sinh và Phật bình đẳng cho nên mới thấy độ. Đến đây là dứt cái niệm hai bên, còn có hai bên tức còn có thấy Bồ tát khác, chúng sinh khác; Bồ

tát khác chúng sinh cho nên mới độ chúng sinh. Phải rõ suốt ngay trong tự tánh vốn là không hai, cũng đồng một thể tánh vậy thôi, như vậy thì dứt niệm hai bên, mới thấu suốt được vô ngã, chứ còn thấy chúng sinh thật, Bồ tát thật tức còn thấy có ngã. Tiếp sau Phật mới nói: **“Nếu Bồ tát thông đạt pháp vô ngã thì Như Lai nói đó mới thật Bồ tát”** Chỗ này, cái nhân vô ngã thì dễ thấy, còn pháp vô ngã làm sao hiểu đây? Nhân là người, người mà không có ngã, không có ta thì còn dễ hiểu, còn pháp mà không có tôi thì làm sao? Thí dụ cái bàn mà không có cái tôi thì hiểu sao? Ngã ở đây chỉ cho không có cái “thể cố định”, bởi vì ngã là cố định, là thường như vậy, người vốn không thật có cái tôi, tức có cái cố định ở trong này, cái thường nhất bất biến, thì pháp cũng vậy, nó không có cái thể cố định, cho nên nói vô ngã. Như chúng sinh cũng không cố định là chúng sinh, Bồ tát cũng không cố định là Bồ tát, Phật cũng không cố định là Phật, quý vị dám thấy như vậy không? Đây là điểm đặc biệt trong Phật pháp, nếu mà không nhờ Kim Cang Bát nhã thì khó thấu nổi chỗ này, bởi vì sao? Nếu chúng sinh mà cố định là chúng sinh thì không thể tu hành gì được, phải không? Chúng sinh mà cố định chúng sinh thì không thể chuyển chúng sinh thành Bồ tát, bởi nó cố định

như vậy rồi; cũng như Bồ tát mà cố định là Bồ tát thì không thể chuyển thành Phật; hoặc không thể có chúng sinh chuyển lên thành Bồ tát được, bởi vì Bồ tát là cố định sẵn rồi. Thành ra mình là chúng sinh thì vẫn là chúng sinh mãi, không mong gì là Bồ tát được, rồi Bồ tát cũng không mong gì thành Phật được. Hiểu như vậy rất là nguy hiểm! Nếu mà sẵn như vậy rồi thì không còn cách gì để tu hành nữa, có tu cách mấy cũng vậy thôi, như vậy là chặn đứng con đường chuyển hoá của người; Ví dụ như nói định mệnh, là con người có định mệnh đó rồi thì hết chuyển phải không? Đó cũng là cái thấy về chấp ngã. Trái lại, ở đây chúng ta phải hiểu rõ mọi pháp đều do nhân duyên, cho nên chúng sinh sở dĩ là chúng sinh, là do mê tánh giác, do nhân duyên mê tánh giác tức làm chúng sinh, nếu mà ngộ tánh giác thì chuyển chúng sinh thành Bồ tát, thành Phật. Như vậy mới có tu, mới có chuyển hoá, mới có tiến lên, không ai có mặc cảm hết. Đó là nói theo danh từ chuyên môn, nếu nói theo lý, thì chúng sinh là chỉ cho “*niệm mê*”, Bồ tát là “*niệm giác*”; khi còn mê thì thấy có cái giác để giác cái mê, còn khi đã giác rồi, mê hết thì đồng một thể chân thật đó, vậy giác là giác cái gì? Nếu như còn thấy có cái giác để giác cái mê thì sao? Tức là còn “có cái mê” để giác, vậy

thì rõ ràng chưa hết mê! Cho nên còn thấy có mình giác, vậy giác là giác cái gì? Đâu thể giác khơi khơi, giác tức là giác cái mê, có mê để giác, thì còn dấu vết cái mê chưa hết, đó là chỗ vi tế phải thấy! Bởi vậy, một niệm "*mê - giác*" này mà chưa thấu triệt, thì chạy đầu này, đầu kia mãi, không vương đầu này cũng mắc đầu kia, luôn luôn mắc kẹt hai đầu thôi. Do đó phải quên cái niệm mê giác này, vượt qua hai đầu, thì mới gọi là tự tại thấu suốt được. Trong nhà thiền có vị tăng hỏi quốc sư Huệ Trung:

- Làm sao được thành Phật?

Ngài Huệ Trung đáp:

- Phật và chúng sinh đồng thời dẹp đi, thì ngay đó giải thoát.

Tức là cái niệm về Phật, cái niệm về chúng sinh đó dứt bật đi, thì ngay đó là giải thoát, ngay đó là cái thể niệm chân thật. Lục Tổ cũng nói: "*Chẳng ngộ thì Phật là chúng sinh; còn khi ngộ thì chúng sinh là Phật*". Chúng sinh và Phật chỉ là hai danh từ chuyển đổi mà thôi, cái thể vẫn không hai, để nêu rõ không có pháp nào ngoài tâm, không có một pháp cố định nào, gọi là pháp vô ngã. Như vậy chúng sinh cũng là tâm thôi, tức là tâm mê; Phật cũng là tâm, tâm giác; còn Bồ tát

cũng là tâm, tâm phần giác, tức là giác được từng phần thôi, chưa có giác được viên mãn. Tóm lại, cũng là tâm, tâm mê là chúng sinh, tâm giác trọn vẹn là Phật, tâm giác từng phần là Bồ tát, không có một pháp nào riêng gọi là Bồ tát, cho nên ở đây nói: **“Nếu Bồ tát nói: ta sẽ diệt độ vô lượng chúng sinh đó, thì chẳng gọi là Bồ tát”** tức là thấy có pháp thật rồi! Kế ngài giải thích tại sao? Nghĩa là thật không có pháp gọi là Bồ tát, thế nên Phật nói tất cả pháp không ngã không nhân không chúng sinh không thọ giả. Không có pháp nào cố định hết. **Thứ hai là phá về cái thấy biết trang nghiêm tịnh độ.** Ngài nói thêm: **“Này Tu Bồ Đề, nếu Bồ tát nói lời thế này: ta sẽ trang nghiêm cõi Phật, cũng chẳng gọi là Bồ tát”.** Ở trên là nói **“ta sẽ diệt độ vô lượng chúng sinh”**, ở đây nói là **“ta sẽ trang nghiêm cõi Phật”**. Giải thích tại sao? Bởi **“Như Lai nói trang nghiêm cõi Phật đó, tức chẳng phải trang nghiêm, đó gọi là trang nghiêm”**. Quý vị tụng Bát nhã hằng ngày, còn nhớ câu gì hợp với chỗ này? Nghĩa là, trong ánh sáng Bát nhã thì bất cấu, bất tịnh, không như không sạch, còn thấy có trang nghiêm cõi Phật, tức là còn thấy có nhớ, có nhớ nên mới trang nghiêm cho nó thanh tịnh, chứ không có nhớ thì trang nghiêm làm gì

nữa? Vì vậy, thấy ta phải trang nghiêm tịnh độ, tức còn thấy có chỗ nhớ, mà có nhớ có sạch tức là còn cái thấy sinh diệt, cái thấy hai bên. Do đó ở đây phá cái “*thấy biết*” về trang nghiêm đó. Chính chỗ này, khi Lục Tổ đại ngộ, ngài mới la lên câu: **“Đâu ngờ tự tánh vốn tự thanh tịnh!”**. Thấy tự tánh vốn tự thanh tịnh rồi thì còn trang nghiêm cái gì nữa? Khi thấy có trang nghiêm đó, là thấy có pháp thật để trang nghiêm, thì cũng rơi vào cái ngã nữa, gọi là pháp ngã. Còn ở đây dứt niệm trang nghiêm đó, tức dứt niệm nhớ sạch, nếu niệm nhớ sạch đó mà chưa quên thì khó thông đạt được pháp vô ngã. Chỗ này làm sáng tỏ thêm ý nghĩa ở trước đã nói: **“tất cả pháp đều là Phật pháp”**, như vậy còn trang nghiêm cái gì nữa? Tức đều thanh tịnh, đều sáng suốt rồi, còn khởi thêm một cái trang nghiêm nữa là sao? là chưa thanh tịnh! Trong nhà thiền gọi là trên đầu thêm một cái đầu nữa. Vậy cuối cùng là quên cái thấy biết về trang nghiêm luôn mới thật là trang nghiêm, mới tự tại đối với các pháp. Chỗ đó mới gọi là quên công phu, đạt đến chỗ vô công dụng. Thường người tu hay nhớ công của mình, do mình tu lâu nay nên giờ mới được thanh tịnh, như vậy nếu tu nhọc nhằn một chút thì khi được yên thanh tịnh rồi, mình hơi có cái ngã, nhờ mình tu lâu nên nay mới được thanh tịnh, vậy ta hôm nay

được thanh tịnh rồi, còn các người chưa thanh tịnh, đó là cái ngã nó hiện! chỗ công phu sâu rồi mới thấy từng chút từng chút nó vi tế. Như vậy muốn đạt được đến đó, phải thông đạt pháp vô ngã mới thấy suốt không ngại, còn thấy có một pháp thật tức là có ngại; bởi vì còn thấy có pháp thật thì còn thấy có bên đây bên kia, hoặc là bên tịnh hoặc là bên nhơ, tức là vướng trong cái thấy cố định. Ở đây thông suốt pháp vô ngã rồi, thì tùy duyên ứng đối, vì nó đâu có cố định gì! Bởi vậy phiền não tức Bồ đề, phiền não đâu có cố định là phiền não nên tức Bồ đề là dễ hiểu; rồi sinh tử tức Niết bàn, ba độc tức giải thoát, rất dễ hiểu, không có gì cố định. Nếu sinh tử cố định rồi làm sao tức Niết bàn được? Ngược lại Niết bàn cũng không thể tức sinh tử; ba độc tham, sân, si cố định rồi cũng không tức giải thoát được, mà tức giải thoát là nó không có cái thể cố định ở trong đó, như vậy là mình chuyển được hết. Hiểu được nghĩa “*tức*” là như vậy, chứ lâu nay nghe tức mà không biết “*tức*” là sao? Tiến thêm một bước nữa, vọng tưởng cũng không cố định luôn, vậy còn sợ vọng tưởng nữa không? Trong kinh Lăng Già nói: “**Các thánh truyền nhau, vọng tưởng là không tánh**”, tức không có tánh cố định, không có cái thể thật, như vậy có gì để sợ nữa? Chỉ sợ một điều, sợ mê thôi! Nhưng mà mê cũng không sợ, vì

mê cũng không cố định luôn, không cố định là mê hoài; nếu giác cái mê thì mê hết. Vậy còn có cái gì để mình sợ, có chỗ nào để mình bám nữa đây? Đây là chỗ khiến cho người có đủ lòng tin để vươn lên, chuyển hoá tất cả, chứ không có mặc cảm “tôi mê rồi không còn cách gì tu nữa”. Như vậy không có nằm ý một chỗ, **dù hiện tại nghiệp chướng đây đây cũng vẫn không có mặc cảm thoái tâm để tự khi mình, cũng không có đổ thừa nghiệp chướng luôn, vì nghiệp chướng cũng không cố định.** Nghiệp cũng đâu phải là cái sẵn có, do mê mà huân tập thôi, cái huân tập là cái sau này, chúng ta tu thì mình chuyển được hết. Trong bài kệ sám hối vô tướng có câu: **“Tánh tội vốn không do tâm tạo, Tâm nếu diệt rồi tội sạch trong. Tội không tâm diệt cả hai không, Thế ấy mới là chân sám hối”.** Thấy như vậy mới thật là sám hối, nghĩa là tánh tội vốn là không, không đây nghĩa là cái tội nó không phải sẵn có đó, mà do tâm mình mới tạo tác, dù cho mình tạo tội lớn đi nữa, nếu ngay đây mà dừng được cái tâm niệm của mình, tức những cái tâm niệm lăng xăng phân biệt đây kia phải quấy đó, nếu tâm đó thanh tịnh, lặng rồi thì **trong tâm thanh tịnh đó, tội đứng ở chỗ nào?** Sở dĩ nó còn, là tâm còn lăng xăng, còn phân biệt; như vậy do tâm mới tạo thôi, tâm yên rồi dù cho những tội mình tạo hồi xưa nó lớn đi nữa, nó

có quả báo sót lại đi nữa, mà tâm mình thanh tịnh rồi thì quả báo đến nó có khổ sở không? Tâm yên, thanh tịnh rồi thì có đến cũng như không thôi. Thấy được như vậy, thì mới thật sự là sám hối, tâm mới thật sự thanh tịnh, mới giải thoát. Như vậy, rõ ràng dù cho nghiệp chướng của mình đây có đầy đầy cũng có thể tu được, cũng có thể tiến lên được. **Chính chỗ thấy đó là chỗ thấy rất quý để cho mọi người tiến hóa lên.**

Song nói như vậy, có người cho là cái gì cũng vô ngã hết, Bồ tát cũng không có pháp thật gọi là Bồ tát nữa, vậy có Bồ tát hay không? Ở đây là **phá cái kiến chấp**, tức cái thấy biết mắc kẹt vào cái cố định, đó là phá cái chấp chứ không phải là phá pháp; cho nên kinh nói rõ: **“Nếu Bồ tát thông đạt pháp vô ngã thì Như Lai nói đó thật là Bồ tát”**. Như vậy, đâu phải là phá dẹp hết trơn mà là phá những lầm chấp của mình, khi sạch hết những cố chấp đó thì mới thật Bồ tát; trái lại, nếu còn có những cố chấp đó thì chưa phải đúng nghĩa Bồ tát, chứ không phải một bề phủ định hoàn toàn. Như vậy phủ định tất cả, để làm thành tất cả, suốt được tất cả pháp vô ngã thì chân ngã hiện, đến đó mới là rốt ráo vô ngã.



18. ĐỒNG QUÁN MỘT THỂ

Này Tu Bồ Đề! Ý ông nghĩ sao? Như Lai có nhục nhãn chăng?

- Bạch Thế Tôn, đúng thế! Như Lai có nhục nhãn.

- Này Tu Bồ Đề! Ý ông nghĩ sao? Như Lai có thiên nhãn chăng?

- Bạch Thế Tôn, đúng thế! Như Lai có thiên nhãn.

- Này Tu Bồ Đề! Ý ông nghĩ sao? Như Lai có huệ nhãn chăng?

- Bạch Thế Tôn, đúng thế! Như Lai có huệ nhãn.

- Này Tu Bồ Đề! Ý ông nghĩ sao? Như Lai có pháp nhãn chăng?

- Bạch Thế Tôn, đúng thế! Như Lai có pháp nhãn.

- Này Tu Bồ Đề! Ý ông nghĩ sao? Như Lai có Phật nhãn chăng?

- Bạch Thế Tôn, đúng thế! Như Lai có Phật nhãn.

- Này Tu Bồ Đề! Ý ông nghĩ sao? Như số cát có trong sông Hằng, Phật nói là cát chăng?

- Bạch Thế Tôn, đúng thế! Như Lai nói là cát.

- Này Tu Bồ Đề! Ý ông nghĩ sao? Như số cát có trong một sông Hằng, có những sông Hằng bằng với số cát như thế, rồi số cát có trong mọi sông Hằng đó, cội Phật cũng như thế, phải là nhiều chăng?

- Bạch Thế Tôn, rất nhiều.

Phật bảo: Tu Bồ Đề:

- Chúng sinh ở trong những cõi nước nhiều như thế, có bao nhiêu thứ tâm, Như Lai đều biết hết. Tại sao? Như lai nói các tâm là chẳng phải tâm, đó gọi là tâm. Vì cơ sao? Tu Bồ Đề! Tâm quá khứ chẳng thể

được, tâm hiện tại chẳng thể được, tâm vị lai chẳng thể được.

GIẢNG:

Đoạn này rất vi tế, đồng quán một thể, nghĩa là năm mắt đồng một thể thôi, rồi các tâm cũng đồng một thể, đây là phần hiển bày tri kiến Phật là tướng, không có một, không có khác, để thấy rõ ngay đó là như như. Trước hết là chỉ bày ra Phật đủ năm mắt. Năm mắt là: nhục nhãn, thiên nhãn, huệ nhãn, pháp nhãn và Phật nhãn. **Nhục nhãn** là con mắt thịt do cha mẹ sinh ra này; nhưng trong con mắt thịt đó, có ngấm ẩn cái gì đó nó mới có thấy? Tức ngấm ẩn tánh thấy ở trong đó! Nhưng do nó dính chặt vào các căn nên nó thấy rất là giới hạn. Nghĩa là thấy trước mặt chứ không thấy sau lưng, cách một tấm giấy mỏng thôi cũng không thấy được, song trong đó vẫn ngấm có tánh thấy. Thứ hai **thiên nhãn**, là con mắt của cõi trời, con mắt này một do phước nghiệp mà được, ví như các cõi trời dục giới, do phước sinh lên đây thì họ có thiên nhãn; một do định lực mà được, như ở thế gian này, nếu có tu đắc những cái định cõi trời đó thì cũng có được thiên nhãn, là thấy suốt qua tường vách. **Huệ nhãn**, là mắt của các hàng Thanh văn, Duyên

giác, thấy suốt được năm uẩn đều vô ngã, tức ở đây là quán về lý Không. **Pháp nhãn**, là mắt của Bồ tát, nghĩa là thấy các pháp vô ngã, từ vô ngã rõ sự sai biệt của các pháp. Huệ thì thấy về lý, đây là thấy về sự, biết mọi căn cơ sai biệt để mà thuyết pháp khéo hợp. **Phật nhãn**, thì trùm hết năm mắt, thấy tốt tất cả. Nhưng năm mắt của Phật thì nhục nhãn của Phật vừa thanh tịnh, vừa thấy suốt các trần không ngăn ngại. Thường nhục nhãn của chúng ta thì thấy đâu là dính đó. Đừng nghĩ là Phật có nhục nhãn rồi Phật cũng dính như mình; tức là ngài cũng có nhục nhãn như mình, cũng thấy sắc này, sắc nọ, thấy đủ nhưng mà thấy không có chút gì ngăn ngại; thấy tất cả nhưng tánh giác vẫn hiện trọn vẹn, không dính vào các trần. Thiên nhãn của Phật thì thấy hàng sa côi Phật, hàng sa thế giới; thiên nhãn của các vị Thanh văn hoặc của các côi trời thì chỉ thấy một đại thiên thế giới, hoặc là vài đại thiên thôi. Huệ nhãn của Phật thì thấy suốt tốt ngã không và pháp không, và thấy luôn cả lý không không nữa, chứ không phải thấy ngã không như các vị Thanh văn. Pháp nhãn của Phật thì thấy suốt tốt mọi điều sở tri, tức mọi pháp sai biệt thấy suốt hết không còn có chút dấu vết ngăn ngại. Tuy nói Phật có năm mắt, nhưng đồng một thể thôi, do mê, giác mà có sai biệt. Nghĩa là chỉ có một thể

đó thôi, nhưng chúng sinh mê thì chỉ thấy có con mắt thịt này thôi nên thấy ngăn ngại; nếu giác chút nữa, có một chút định thì thấy có được thiên nhãn, thấy suốt qua những chướng ngại; thêm chút nữa, được huệ nhãn thì thấy suốt được lý vô ngã, suốt qua thân năm uẩn này, tiến lên nữa được pháp nhãn, thấy suốt những pháp sai biệt; như vậy chỉ một thể chân thật này mà tùy theo mức độ mê giác cạn sâu mà nó sai biệt chứ không phải nó thành ra có tướng năm con mắt, là lắm! Nghe nói Phật có năm mắt, rồi tưởng Phật vừa có hai cặp mắt thịt này, rồi thêm hai cặp mắt thiên nhãn nữa, thêm hai cặp mắt huệ nhãn, rồi hai cặp mắt pháp nhãn, hai cặp mắt của Phật. Hiểu kiểu đó là sai lắm, là mắc kẹt trên tướng. Đây muốn chỉ cho mê giác có cạn, có sâu nên cái thấy có cạn có sâu như vậy. Ngài Phó Đại Sĩ có bài tụng về năm mắt này:

Thiên nhãn thông phi ngại,

Nhục nhãn ngại phi thông.

Pháp nhãn duy quán tục,

Huệ nhãn trực duyên không

Phật nhãn như thiên nhật,

Chiếu di, thể hoàn đồng.

Tức là ***“Thiên nhân thông chẳng ngại, Nhục nhân ngại chẳng thông”***, thiên nhân thì thấy suốt qua tường vách chẳng ngăn ngại, nhục nhân thì cách một tờ giấy mỏng là không thấy được rồi. ***“Pháp nhân chỉ quán tục”***, tức pháp nhân thì quán tục đế, quán các tướng sai biệt, nghĩa là mọi pháp sai biệt pháp nhân quán rõ hết không có lầm; ***“Huệ nhân thẳng duyên không”***, huệ nhân thấy về lý, pháp nhân thấy về sự; ***“Phật nhân như ngàn mặt trời; Soi khác, thể lại đồng”***, nghĩa là trên cái dụng chiếu soi thì tạm chia ra có sai khác, tức là có Phật nhân, huệ nhân... nhưng nếu nhìn tốt trong bản thể thì vốn không có hai, cũng là một mặt tâm này thôi, bởi vì đoạn này là tiếp đoạn trên đã nói rõ là không có cái thấy về độ sinh, cái thấy về trang nghiêm tịnh độ, không có cái thấy pháp thật là Bồ tát, tất cả pháp đều là vô ngã; khi nói như vậy rồi, e có người sẽ nghi “như vậy thành Phật rồi cuối cùng sẽ thế nào?” Cuối cùng không thấy biết gì hết hay sao? Cho nên tới đoạn này mới chỉ ra, Phật có đủ năm mắt, chứ không phải thành Phật rồi là mù hết, mà chính chỗ này người mới tu chưa có kinh nghiệm nhiều cũng dễ mắc kẹt, dễ sinh sợ. Tu thì bảo phải lạng hết vọng tưởng, tức những niệm lăng xăng, những niệm lao xao này phải lạng hết, lia những cái tâm phân biệt kia

đây, như vậy đến lúc đó thì sao? Có vọng tưởng thì có tướng này, tướng nọ, rồi phân biệt, cũng giống xem màn hình video có tướng này tướng kia còn vui vui, tắt đi rồi thì đâu có tướng gì phải không? Như vậy, khi có vọng tưởng thì có tướng này tướng kia, từng đợt từng đợt mình thấy rõ ràng cho nên mình thấy vui, còn không có những tướng đó thì thấy gì đây? Thành ra, giống tê liệt, giống như cây đá hay sao? Người mới tu nghe tới chỗ này rất là sợ! Nhưng đâu có ngờ, những cái thấy, những cái biết trong vọng tưởng đó là cái biết từng phần thôi, nó bị chia chẻ có giới hạn. Bởi chia chẻ có giới hạn nên mình thấy nó có từng đợt, nó nghĩ cái này, nó nghĩ cái kia, nó biết tướng này, nó biết tướng nọ, chia từng khoảng mình dễ thấy. Còn hết vọng tưởng rồi, thì một màu trong lặng; nghĩa là toàn thể nó biết hết, chứ đâu có từng phần, đâu có giới hạn gì! Tuy không khởi mà vẫn biết, không khởi biết mà vẫn tự biết luôn, bởi vì nó trùm khắp rồi đâu cần phải khởi nữa. Còn cái kia, có khởi, tức có từng phần từng đợt. Đây, thì nó luôn luôn vẫn sáng ngời như vậy, có một chút gì thoáng qua thì nó hiện rõ trong đó liền, đâu cần khởi phân biệt nữa! Đó mới là cái biết tròn đầy trọn vẹn. Chúng ta sống quen cái biết từng chặp rồi, cho nên khi lặng cái đó thì thấy chơi với không có chỗ bám. Bởi vậy,

sống trở về chính mình thì hơi cô đơn, mình đối diện với chính mình thì đâu có bạn bè gì; còn sống với bạn bè nhiều thì phân biệt cái này phân biệt cái kia thấy vui vui! Vì vậy, những người thường, khi ngồi không chơi ít chịu nổi, thấy buồn bã cô đơn, thành ra phải kiếm cái gì đó để đọc, kiếm tờ báo, hay quyển sách xem cho vui hoặc là mở ti vi cho đỡ buồn, hay tìm vài ba người nói chuyện chứ ngồi không thì buồn! Đó là chúng ta luôn luôn trốn tránh mình, không chịu đối diện với mình. Trái lại ở đây là dạy chúng ta sống thẳng trở về với chính mình thì mới rõ suốt được cái thể biết trọn vẹn, chính cái đó mới là cái biết chân thật. Bởi vậy, ngài Huyền Giác từng nói *"biết mà không có phân biệt"* tuy không phân biệt mà nó luôn luôn hằng sáng, cho nên cái gì có hiện ra thì nó biết ngay cần gì thêm chi nữa? Như vậy cho thấy, khi đã sạch hết tình chấp rồi thì cái thấy nó viên mãn trọn vẹn, suốt tất cả không có gì ngăn ngại, chứ không phải đến đó rồi không còn thấy biết gì. Do đó, đến đây mới chỉ ra, Phật có đủ năm mắt, nhưng mình cần chú ý, mỗi câu hỏi về một con mắt thì ngài Tu Bồ Đề đáp sao? Hỏi Phật có nhục nhãn không? Ngài đáp: Đúng thế, có. Hỏi: Có thiên nhãn không? Ngài đáp: Đúng thế, có. Mỗi câu đều đáp có hết, tức là muốn chỉ Phật không chấp chỉ có một cái

thấy của Phật thôi. Người bình thường dễ lầm Phật chỉ có Phật nhãn thôi, còn mấy cái kia không có; vì cho rằng Phật mà có nhục nhãn nữa sao? Có cái thấy giống chúng sinh nữa sao? Nếu chấp chỉ có một Phật nhãn thôi thì thêm một cái lầm nữa! Ở đây nói Phật có đủ hết, Phật nhãn, thiên nhãn, huệ nhãn, pháp nhãn cũng có đầy đủ, tức là không bỏ sót một cái nào, như vậy mới tròn hết, mới phá cái ngã kiến, tức cái thấy của riêng mình, đó mới là thông đạt pháp vô ngã. Nếu chỉ thấy có Phật nhãn thôi thì có thông đạt pháp vô ngã không? Vậy là Phật nhãn cố định là Phật nhãn, thì cái thấy đó chưa phải là viên mãn. Đây thì đủ năm mắt hết mà không có tướng của năm mắt, đó mới thật cái thấy là tướng. Như vậy chúng sinh có đủ năm mắt đó không? Chúng sinh vẫn có đủ năm mắt đó, chứ đừng nghĩ là riêng Phật mới có thôi; nếu chỉ riêng Phật có thôi thì chúng ta cũng hết tu luôn. Chính chúng sinh vẫn có đủ năm mắt đó, nhưng vì mê vọng chấp trước cho nên bị che lấp đi. Bởi mê vọng nó lăng xăng gán chặt những cái lầm lẫn nên không hiện được, khi mê vọng hết, thì cũng đồng như chư Phật thôi, chứ không phải khi mê vọng hết, thì ở đâu bên ngoài chạy tới. Để rõ năm mắt đó là ngay nơi mình cũng đồng với Phật, nghĩa là cái thể thì không hai, mà cái dụng thì chưa được, bởi

còn mê. Song đây là nói về năm mắt theo cái nhìn thông thường, nếu đứng trên lý tánh mà nói về năm mắt thì, **nhục nhãn** là cái thấy tất cả sắc mà tự tánh luôn luôn nó ngầm hiện trong đó, nó không có ngại; còn **thiên nhãn** là tự tâm thấy rõ suốt qua mọi vật, rõ luôn cả tự tâm mình nó hiện trong đó, gọi là "*kiến sắc minh tâm*", thấy sắc sáng được tâm, chứ không bị sắc đó nó ngăn thì đó gọi là thiên nhãn; còn **huệ nhãn** là thấy tốt năm uẩn này, tâm thể hiện tiền ở trong đó chứ không mắc kẹt trên năm uẩn; **pháp nhãn** thì thấy suốt tất cả pháp sai biệt, tức tất cả mọi pháp sai biệt đều thấy hết mà không rời tự tánh của mình, nghĩa là tự tánh luôn hiện bày khắp tất cả; **Phật nhãn** thì thấy tất cả mà không chỗ thấy, nghĩa là bất hết tất cả mọi đối đãi, đồng một thể không hai, thì có ai thiếu không? Ai ai cũng đều đủ mắt đó đâu có thiếu, nhưng chỗ này ai biết được? Trong Chúng Đạo Ca, ngài Huyền Giác có nói về năm mắt này như sau:

Tịnh ngũ nhãn, đặc ngũ lực

Duy chứng nãi tri nan khả trắc.

Kính lý khán hình kiến bất nan,

Thuỷ trung tróc nguyệt tranh niêm đặc.

Tịnh năm mắt, được năm lực,

Chỉ chứng mới hay khó lường được,

Trong gương xem bóng dễ thấy hình,

Đáy nước mò trăng nhọc công chắc.

Nghĩa là, khi mình tịnh được năm mắt, tức là năm mắt này mà được thanh tịnh rồi thì được năm lực, tức là năm sức mạnh: Tín, tấn, niệm, định, huệ, năm sức mạnh đó khiến cho mình vươn lên, mà những điều đó ai biết được đây? Chỉ chứng mới biết được, mới rõ được, chứ chỗ này không phải là chỗ lý luận, dù cho nói cách mấy đi nữa thì năm mắt đó cũng giống như là của ai, chứ mình chưa mò tới, phải kinh nghiệm sống được trong đó mới cảm nhận. “Trong gương xem bóng dễ thấy hình”, là soi trở lại mới dễ thấy; còn “Đáy nước mò trăng nhọc công chắc”, tức chạy đuổi theo bên ngoài, theo bắt bóng thì không bao giờ nắm được. Vậy năm mắt đó, nơi mình đầy đủ hết, song phải soi lại nơi mình chứ còn theo cái tướng bên ngoài, rồi cứ cầu tìm, dù lên cõi trời cũng không kiếm được năm mắt ở trên đó. Đó là nói về năm mắt của Phật, mà cũng để nói lên cái thấy của Phật nó tròn hết, nó trọn vẹn.

Kế là nói **“cái biết cũng suốt tất cả”**. Ở đoạn trên nói về năm mắt, tới đây thì nói về cái biết, trước hỏi về **“như số cát sông Hằng đó, vậy Phật có nói là cát chăng?”**. Nếu mới học Bát nhā sơ sơ thì nói Phật không nói cát, bởi vì Bát nhā thấy tất cả đều không; nhưng đến đây là qua một lớp đó rồi, cát Phật nói là cát, tức là cát vẫn là cát, không thêm không bớt, không có niệm gì riêng khác trong đó, trả về cái thấy như thật. Nghĩa là không có cái niệm khác, không có thấy khác, tức Như Lai cũng không có cái thấy biết khác; chúng sinh gọi là cát, Phật cũng gọi là cát, nhưng chúng sinh thấy là cát mà chấp cát thật, còn Phật cũng nói là cát mà không có lầm chấp như chúng sinh. Chúng sinh thấy cát lầm chấp cát là thật, rồi theo đó phân biệt quên mất chính mình; còn Ngài nói là cát mà Ngài biết rõ chính mình tỏ suốt chứ không mê lầm. Như thấy con trâu, Phật cũng nói con trâu, nhưng không có lầm trong đó, đó mới chính là cái thấy như thị, nó như vậy là như vậy, không có thêm bớt.

Đây ngài nói thêm: **“như số cát trong sông Hằng đó, rồi bao nhiêu sông Hằng đồng với số cát đó..v.v..”** trong đây lớp thứ nhất là số cát có trong sông Hằng, lớp thứ hai là số sông Hằng bằng số cát đó, lớp thứ ba là số cát có trong tất cả

mọi sông Hằng, vậy là chừng bao nhiêu? Số cát trong một sông Hằng đã nhiều rồi, lại bao nhiêu sông Hằng đồng với số cát của một sông Hằng đó, rồi cộng tất cả số cát của hết thấy sông Hằng, ngài nói cõi Phật cũng nhiều như số cát đó, như vậy là bất khả thuyết, hết chỗ nói, không thể tính kể. Phật nói: có tất cả bao nhiêu chúng sinh trong đó, có bao nhiêu thứ tâm, một chúng sinh mình từ sáng đến chiều có bao nhiêu tâm cũng tính không hết rồi, mà chúng sinh ở trong mọi thế giới cả một đời, rồi cộng hết bao nhiêu chúng sinh đó nữa thì ngoài sức tưởng tượng, ngoài sức nghĩ bàn của mình! Song nếu người nhảy bèn một chút thì ngay đó đủ rồi, khỏi nói thêm. Nhưng chúng ta thì phải nói nhiều một chút, đó là muốn nói cái gì? Tâm chúng sinh vô lượng vô biên không thể tính kể được, nhưng mà mọi thứ tâm đó Như Lai biết hết không có sót gì, làm sao tin nổi? Mình với tâm mình thôi chứ không nói đến tâm người khác, có lúc tỉnh thì còn biết, lúc mê chạy mất cũng không biết nổi, mà bao nhiêu tâm đó Như Lai đều biết hết, dễ tin chẳng? Bởi vậy, đây nói, **“Phật bảo”** một cách trịnh trọng, cho mọi người chú ý. Ngài thổ lộ rõ ràng: **“Như Lai nói các tâm là không phải tâm”**, bao nhiêu đó là đủ hiểu rồi, dù có hàng tỷ tỷ thứ tâm đi nữa nhưng đều là tâm hư vọng, **“chẳng phải tâm”**, đều chẳng phải bản

tâm; tức là bao nhiêu thứ sai biệt đó, biết tất cả đều chẳng phải bản tâm thì có cái nào bỏ sót? Dù cho khởi lên cái gì nữa, cũng biết chẳng phải bản tâm rồi; bởi vì bản tâm thì đâu có nhiều thứ, mà có nhiều thứ thì không phải nó rồi! Trong đây hai cái còn không có, huống nữa là nhiều; vừa thấy có hai là không phải rồi, huống nữa hàng tỷ tỷ thì không phải chính bản tâm. Do đó, dù cho chúng sinh có bao nhiêu tâm đi nữa, thì Như Lai đều biết hết không có sót. Phật mới giải thích thêm, vì sao mà các thứ tâm đó chẳng phải tâm? Bởi **“tâm quá khứ chẳng thể được, tâm hiện tại chẳng thể được, tâm vị lai chẳng thể được”**, chẳng thể được là sao? là không thật có, tức không thể nắm bắt. Như vậy chính câu này hiểu qua thì hiểu ý của Phật rồi! Tại sao các tâm chẳng phải tâm? Vì tâm ba thời chẳng thể được, chính câu này ngài Đức Sơn bị bà già bán bánh hỏi trả lời không được. Sư là một vị giảng kinh Kim Cang nổi tiếng, mà khi nghe tới thiền, Sư cũng không hiểu nổi, cho nên muốn quấy gói đi về phương nam để phá dẹp. Giữa đường gặp bà già bán bánh hỏi mua bánh điểm tâm; bà già thấy Sư mang một cái túi lớn bà mới hỏi: - Thấy mang cái gì đó? Sư nói là: - Bộ Thanh long sợ sao. Tức là bộ sợ giải về kinh Kim Cang. Bà hỏi: - Vậy chắc thầy giảng kinh Kim Cang rồi. Sư nói: - Phải. Bà nói: - Thấy cho

tôi hỏi một câu, nếu thấy đáp được thì tôi cũng đừng luôn không lấy tiền, nếu đáp không được thì xin đi chỗ khác. Sư là giảng sư kinh Kim Cang, bà già bán bánh hỏi thì có gì đâu đáng kể, bèn nói: - Bà cứ hỏi đi! Bà dẫn trong kinh Kim Cang: Trong kinh nói là: **“Tâm quá khứ không thể được, tâm hiện tại không thể được, tâm vị lai không thể được”**, như vậy thấy điểm tâm là điểm tâm nào? Tâm ba thời không có chỗ nào được hết, thì lấy cái gì điểm đây? Ngay đó Sư bí không trả lời được. Như vậy, rõ ràng Sư giảng cũng là học hiểu thôi, của người khác; mình học hiểu rồi nói lại, chữ chưa thật của mình phát ra. Chính chỗ đó bị bà già bà gạt mà không hay! Khi hỏi điểm tâm nào, là cái bẫy rồi, mình lo tìm cái tâm nào đó để điểm, thì tâm nào đó là tìm tâm quá khứ, tâm hiện tại, tâm vị lai, tức quên mất cái nghĩa **“không thể được”**. Đó là đuổi theo cái bóng để tìm, mà quên mất cái **“biết đang trong sáng hiện tiền đây”**. Bởi vì, bất cứ cái tâm nào, hễ vừa khởi lên là rơi vào ba thời; vừa khởi lên thì hoặc là nghĩ về quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại, không thể nào chạy khỏi hết. Nhưng quá khứ qua rồi làm sao tìm, vị lai thì chưa đến, còn hiện tại thì nó luôn luôn trôi chảy không dừng, mình vừa nghĩ hiện tại thì nó thành quá khứ rồi, vậy là ba thời cũng không thể bám, làm sao nắm bắt

được. Bởi vậy, tâm vừa khởi lên là có tướng, là có bị biết, nó thuộc về đối tượng, đó là tâm hư vọng, thì có ngàn muôn sai khác đi nữa cũng biết rõ ràng là đồng một thể thôi, tức “*thể không*”, rất đơn giản không cần suy nghĩ cũng biết, có suy nghĩ là có thêm một cái tướng nữa rồi, còn cái này rõ ràng như vậy. Nhưng trong đây có thêm một điểm nữa, tâm có trăm ngàn muôn thứ lăng xăng rồi rắm không cùng thì đâu có dễ gì nhận biết rõ ràng hết, vậy ở đây đức Phật y nơi đâu mà Ngài nói, Ngài biết rõ hết? Phải thấy được chỗ đó thì mới nhận được chỗ biết hết, chứ không phải đơn giản. Hãy chú ý! Ngài nói: “**Như Lai**” đều biết hết, chính chỗ đó là thổ lộ rồi! Trước đã nói “**Như Lai là nghĩa như của các pháp**”, thì ở đây cứ y theo “*nghĩa như*” đó mà biết thôi, chứ có gì khác! Nghĩa là, vừa khởi lên động niệm là trái với nghĩa như rồi, thì biết là không phải, y theo nghĩa như đó thì rõ biết tất cả không có lầm, vừa động niệm là biết trái với nghĩa như rồi. Nếu dùng cái thấy biết sai biệt để biết cái sai biệt, thì làm sao biết được? Ngài Lâm Tế có nói: “*Hiện tại đây như có Văn Thù, Phổ Hiền xuất hiện ngay trước mắt, mỗi vị hiện một thân để nói pháp, vừa nói: “Thưa Hòa thượng!” thì tôi biết rồi. Lão tăng ngồi yên, lại có hàng đạo lưu nào đến gặp nhau, tôi cũng trọn hiểu rành. Chỉ vì chỗ thấy của tôi*

khác, ngoài chẳng nhận phàm thánh, trong chẳng trụ căn bản, thấy suốt chẳng còn nghi lâm!”. Ngài nói rằng Bồ tát Văn Thù, Phổ Hiền đồng một thời xuất hiện hỏi pháp, mà vừa mở miệng “thưa Hòa thượng”, là Ngài biết rõ, là sao? Mở miệng là có niệm rồi! Có niệm là biết không phải. Thành ra, nghe nói chúng ta tưởng Ngài có thần thông gì ghê gớm, mà thực chỉ y nghĩa Như đó thôi. Ông vừa mở miệng là có niệm rồi, tức biết trái Nó. “Lão tăng ngồi yên, lại có hàng đạo lưu nào đến gặp nhau thì tôi cũng trọn hiểu rành”, là hiểu sao? Nếu không có việc gì, đến đây làm gì? Vừa đến, là trong lòng có việc gì rồi, mà có việc tức là bỏ mất cái hiện tiền, đang đi tìm cái gì khác, đó là quên mất chính ông, cho nên vừa đến là biết rồi! Bởi vậy Đức Sơn có một buổi tham thiền tối, Sư bảo:

- Tối hôm nay chẳng được thưa hỏi, ai thưa hỏi sẽ ăn ba mươi gậy.

Có ông tăng ra lễ bái, Sư liền đánh cho một gậy, ông tăng thưa:

- Bạch Hòa thượng, con chưa hỏi gì hết sao ngài đánh?

Sư hỏi:

- Ông quê ở đâu?

- Con quê ở Tân La.

(*Tân La là ở bên Triều Tiên, còn ngài Đức Sơn ở Trung Hoa*)

Sư bảo:

- Ông chưa bước chân xuống thuyền là đáng ăn gậy rồi!

Tức là đi tìm, là bỏ chính mình chạy đi chỗ khác, cho nên vừa xuống thuyền là đáng gậy rồi. Đây cũng vậy, ông vừa đến là tôi hiểu rồi! Làm sao ngài biết được chỗ đó? Đây ngài nói: *"Bởi vì tôi ngoài chẳng nhận phạm thánh, trong chẳng trụ căn bản"*, chính chỗ đó là chỗ mà ngài biết hết. Nghĩa là không kẹt trong ngoài, tức y theo nghĩa "Nhu" như vậy, thì cái gì đến là biết ngay thôi, ngay đó thấy suốt tất cả không có nghi lằm, không có gì gạt được. Tóm lại, trong con mắt của Phật thì **không nhận bất cứ cái gì**, cho nên vừa có cái gì Ngài liền biết, không có một niệm nào qua mắt được Phật. Đó là chỗ, vừa động niệm tức là chẳng phải bản tâm rồi, mình nhớ rõ như vậy là biết hết. Song trước giờ chỉ nói là thấy biết tất cả hết, giờ đây ngược lại, cái mà *"tất cả chẳng thể thấy biết"* là sao? là cái gì? Thấy biết tất cả, là thấy biết cái bên ngoài thôi, còn "cái" tất cả chẳng thể thấy biết nó, đó là cái

mà mình phải sống trở lại chỗ đó, chứ không phải nghe nói như vậy rồi cứ theo đó mà phân biệt, cứ phải hiểu biết hết tất cả, đó cũng là theo ngôn ngữ. Đây là, nhân cái đó, phải thấy trở lại chỗ mà tất cả không thể thấy biết, sống được cái đó là mình trở về gặp Phật! Như ngài Thạch Sư đến hỏi ngài Thạch Đầu: - Khi khởi tâm động niệm chẳng dừng thì sao? (*đó là chỗ mà ai cũng thắc mắc*), ngài Thạch Đầu chỉ bảo: - Dốt, là ai khởi tâm động niệm? Ngay đó Thạch Sư ngộ liền. Bởi vì mình cứ theo động niệm, rồi cứ chấp cái đó là thật, mà bám theo cái tướng đó phân biệt, cho nên không biết làm sao dừng, mà càng cố ngăn cho nó dừng thì càng động thêm nữa; bởi vì chấp nó là thật rồi. Trái lại, thấy rõ nó không tự thể thì tự yên. Cho nên nhận cái tâm động niệm đó, tức nhận tướng sinh diệt, mà nhận tướng sinh diệt tức là rơi vào trong ba thời; còn đây là phải khéo thấy lại nguồn tâm trước khi động niệm thì đâu có tướng gì? có thời nào? Trước khi động niệm thì nó đâu có quá khứ hay vị lai? **Ý Tổ nằm ngay trong đó**, đó là chỗ mình phải sống trở về. Vì vậy trong đoạn này, Phật muốn nói đến năm con mắt này là đồng trở về một con mắt thôi, cũng như là bao nhiêu thứ tâm cũng về một tâm thôi; một con mắt đó là con mắt tâm thấy suốt cả năm mắt, năm mắt cũng

đồng một mắt tâm chứ đâu có gì khác; rồi bao nhiêu cái tâm đó cũng đồng một tâm thể thôi, một tâm thể gồm suốt mỗi tâm chứ có gì đâu! Vậy thấu suốt được tâm thể thì chúng ta suốt được mọi thứ tâm, cũng như mở sáng được mắt tâm thì rõ sáng được năm mắt kia, chứ không phải chạy tìm theo tướng phân biệt thì không bao giờ thấy được. Đoạn này, hiểu như vậy, mới thấy khi chúng ta tu hết vọng tướng rồi thì năm mắt đầy đủ, biết khắp tất cả không có thiếu thốn gì hết.



19. HÓA THÔNG CẢ PHÁP GIỚI

Này Tu Bồ Đề! Ý ông nghĩ sao? Nếu có người đem bảy báu đầy cả thế giới tam thiên đại thiên dùng bố thí, người ấy do nhân duyên đó, được phước nhiều chăng?

- Bạch Thế Tôn, đúng thế! Người này do nhân duyên đó được phước rất nhiều.

- Này Tu Bồ Đề! Nếu phước đức có thật, Như Lai chẳng nói được phước đức nhiều. Do phước đức không nên Như Lai nói được phước đức nhiều.

GIẢNG:

Đây là phần hóa thông cả pháp giới, tức là biến thông, là trùm khắp tất cả các cảnh giới không có bờ mé, không có giới hạn, hay tan biến mọi cảnh giới, là chỗ giới hạn, ngăn che. Qua đoạn này, chúng ta thấy nó có trùng lập với phần so sánh phước đức ở trước chăng?

Đây nói có người đem bảy báu đầy cả thế giới tam thiên đại thiên dùng bố thí, người do nhân duyên đó được phước nhiều chăng? Như vậy có phải là lập lại để so sánh phước bố thí với phước trì kinh một lần nữa hay không? Cho nên phần này phải đọc kỹ, chứ không thì thấy sao cứ so sánh hoài vậy?

Vì ở phần thứ tư, Phật so sánh, nói rằng: “Như hư không ở phương đông, phương tây, phương nam, phương bắc, ở trên, dưới không có thể lường được, Bồ Tát không có trụ tướng mà bố thí thì phước cũng như thế”. Rồi tới phần thứ 11, Phật so sánh: “Dem bảy báu đầy cả tam thiên đại thiên bằng số cát của những sông Hằng bố thí, cũng không bằng phước của người đối trong kinh này thọ trì cho đến bốn câu kệ thôi, phước thọ trì bốn câu kệ còn hơn cả phước đem bảy báu đầy thế giới tam thiên đại thiên nhiều vô số”. Rồi phần thứ 13, cũng so sánh nữa, so sánh “người thiện nam, thiện nữ đem thân mạng nhiều như số cát sông Hằng để bố thí, so với người thọ trì bốn câu kệ kinh này, vì người khác mà nói, phước này cũng nhiều hơn”.

Tới phần thứ 15, cũng so sánh nữa, so sánh lên thêm một tầng nữa là, **“dem thân mạng nhiều như số cát sông Hằng bố thí buổi sáng, buổi trưa, buổi chiều, trải qua thời gian dài, cũng không bằng người nghe kinh này, lòng tin chẳng nghịch, rồi biên chép, thọ trì, đọc tụng nữa thì phước này còn hơn phước kia”**. Đó so sánh từng lớp từng lớp tiến lên, nhưng đến đây lại có ý gì khác? Ở đây không phải là so sánh phước bố thí với phước trì kinh nhắc ở trên nữa, mà chính là nói đến cái diệu dụng không thể nghĩ bàn của người thông đạt được các pháp vô ngã, làm được việc trên đây. Cho nên phải chú ý, trong đây không có nói là phước bố thí của những người đó đối với người thọ trì kinh này nhiều hơn, mà Phật nói rõ: **người ấy “do nhân duyên” đó được phước nhiều không?** Ngài Tu Bồ Đề đáp: **“Đúng vậy, người này “do nhân duyên” đó được phước rất nhiều”**. Nhân duyên đó, là nhân duyên gì? Đó là chỗ đặc biệt phải chú ý! Không so sánh trì kinh, mà nói là do nhân duyên đó, thì đây chữ **“nhân duyên”** là trọng điểm, chúng ta phải thấu triệt chỗ đó. Nhân duyên, là chỉ cho tất cả những pháp có hiện ra

ở trên thế gian này đều không ngoài nhân duyên, không có gì là ngẫu nhiên. Nhân duyên có khi nói gồm chung, như nói nhân, cũng gồm duyên ở trong đó; bởi vì nhân là chỉ cho cái nhân gần, nhân gốc, còn duyên chỉ cho cái nhân phụ, cái nhân xa. Thí dụ như hạt cam gọi là nhân, con người, phân, nước, ánh sáng mặt trời, là cái duyên để tạo cho hạt cam đó nảy mầm nó sinh trưởng, thì đó gọi là duyên. Thành ra nói nhân duyên thì gồm cả nhân chính và nhân phụ trong đó, như vậy chúng ta phải xét kỹ mọi vật ở trên thế gian có gì vượt ngoài nhân duyên? Đều nằm trong nhân duyên hết. Mình sinh ra đây cũng là nhân duyên, tức do nghiệp thức đã huân tập từ đời trước mê lầm, rồi tạo những cái nghiệp mà dẫn đi sinh, gặp duyên cha mẹ mà ra đời, thì cũng là nhân duyên. Ngay cả những hoạt động trong tâm mình đó, tuy là nó không có rõ ràng nhưng nó không ngoài nhân duyên: một tâm mà sinh ra thì nó không thể ngẫu nhiên mà sinh, tức có cái nhân, là tâm bất giác; lấy tâm bất giác làm nhân, rồi duyên căn, duyên trần nó được khởi phát chứ không có cái nào tự nhiên mà sinh hết. Mọi người xét cho kỹ, có cái tâm nào không duyên mà khởi chăng? Có nhân, có duyên tức là nó không có tự tánh, không có

tánh cố định sẵn có; phải đợi nhân, đợi duyên tức là nó tạm bợ không thật. Như vậy đoạn này là nương theo từ đoạn trước mà nói ra, đoạn trước đã nói về tam tâm chẳng thể được; tức là tâm quá khứ chẳng thể được, tâm hiện tại chẳng thể được, tâm vị lai cũng chẳng thể được, ba tâm đều không thể được, e rằng có người sẽ nghi ngờ, như vậy có tu hành, có làm phước hay không? Vì vậy có người sẽ nhận lầm, thành rơi vào càn tuệ, tức là trí tuệ không khan. Nghĩa là ba tâm đều không được, thì cần phải làm gì nữa? không có tâm nào thật hết thì lấy tâm gì để làm? Chấp vào cái lý đó rồi buông xuôi không làm gì cả. Do đó, ở đây Phật nói, chính do cái nhân duyên đó mà làm, thì mới được cái phước đức rất nhiều, nhân duyên đó là gì? Tức do cái *"tâm rõ thấu ba tâm không thể được"* đó, nhân tâm đó mà làm việc bố thí, thì cái bố thí đó không thể nghĩ bàn! Nếu đem tâm có thể được đó mà làm bố thí thì nó có giới hạn, bố thí đó còn có trụ tướng, còn có chấp trước, hay nói rõ hơn là còn có cái ngã trong đó, tức còn có nghĩ bàn. Cho nên, đây muốn nói lên, ở trong pháp vô ngã đó mà thông suốt được lý vi diệu, được mà không chỗ được, phước mà không có tướng phước thì mới là cái được rộng lớn, mới là phước vô cùng.

Nghĩa là từ trong pháp vô ngã đó thông suốt được lý vi diệu gọi là được mà không được, phước mà không có tướng phước, **chính ngay tâm thông suốt đó**, mà làm tất cả, vượt qua mọi cảnh giới, gọi là hoá thông cả pháp giới không có giới hạn, thì việc làm mới là rộng lớn không có ngăn mé. Do đó Phật hỏi như vậy, thì Ngài Tu Bồ Đề hiểu ý ngay, nên Ngài đáp liền: **“Đúng thế”**. Đúng thế, là đúng như cái lý thật đó, do nhân duyên đó mà được phước nhiều. Nhân duyên là gì? Nhân là cái tâm thể nhận ba tâm không thể được đó. Duyên là đem bảy báu bố thí đó, chính nhân duyên như vậy mới được phước nhiều vô lượng. Bố thí như vậy là bố thí thế nào? Đó là muốn nói lên bố thí mà xả các tâm ba thời, không có trụ vào một tâm nào, bố thí với một cái tâm buông xả hết. Bởi vậy Ngài Hoàng Bá có nói: *“Bồ Tát tâm cũng như hư không, tất cả đều xả, tâm quá khứ không thể được, thì xả quá khứ, tâm hiện tại không thể được thì xả hiện tại, tâm vị lai không thể được thì xả vị lai, cho nên nói ba thời đều xả”*. Nghĩa là xả hết ba tâm không có chỗ nào để bám, không có chỗ nào để trụ trước vào, tâm mới thênh thang như hư không, dùng cái tâm thênh thang đó mà làm việc phước lành thì công đức mới được vô

lượng. Cho nên chúng ta phải xả tất cả không còn chỗ nào để bám hết, như vậy đó là đạt đến cái tâm thể thanh thang, nó rộng lớn, không có ngăn mé, cũng không có cái ngả tương trong đó, đây mới gọi là hóa thông tất cả mọi cảnh giới, nghĩa là không có một cảnh giới nào ngăn ngại hết. Do đó, mới nói là được phước rất nhiều, phước rất nhiều là như vậy.

Ở đây, nói phước nhiều đó, là để thấy rằng không phải việc làm đó là rộng suông vô ích, không phải nói rằng ba tâm không được rồi mọi việc làm đều rộng thôi, không có được gì. Nhưng nói nhân duyên, để thấy rằng đó là nhân duyên thì không thể chấp là thật có được, cũng không chấp vào thật không, không thể đem tâm bám chặt vào trong tương bố thí đó hay là tương phước đức đó, thì không có mắc kẹt có và không. Như vậy chính cái nhân duyên đó, mới tương xứng với cái tâm rộng lớn, thì cái phước nó mới được rộng lớn. Do đó Ngài Tu Bồ Đề đáp: **“Đúng thế, người này do nhân duyên đó được phước rất nhiều”**. Kế Phật dạy thêm: **“Nếu phước đức mà có thật đó thì Như Lai chẳng nói là phước đức nhiều, do phước đức không, nên Như Lai mới nói phước đức nhiều”**. Nếu thấy có

phước đức thật thì sao? Thật, tức là nó cố định rồi, thật có tướng rồi, tức là có chỗ để tâm chấp trước, là có chỗ bám, mà có chỗ bám tức có giới hạn, có nhiều, có ít, có đối đãi nhau, thì chưa phải là chỗ thật nhiều. Ở đây nói phước đức không, tức là không có chỗ để bám víu, không có chỗ chấp trước, không có chỗ thật để được, đó là nói lên cái phước đức mình sống trở về tự tánh, mà phước đức sống về tự tánh thì đâu có giới hạn, đâu còn có được, mất mới thật là nhiều; trái lại có thật thì có số lượng, cái phước đức có thật thì dù nhiều như núi nhưng nó có số lượng, là có tướng bám trụ, tức nó bị bó buộc trong một giới hạn nào đó, không có thể rộng lớn thênh thang được, và như vậy nó còn mang cái ngã tướng trong đó. Cho nên ở đây nói phước đức mà có thật đó, thì Như Lai nói không có nhiều. Thêm nữa, vì nó có thật thì có tham cầu, thấy phước đức thật thì dễ sinh tâm tham cầu, mà sinh tâm tham cầu thì trái với nghĩa Như rồi, trái với tự tánh rồi, cho nên ở đây, Ngài muốn đưa chúng ta sống về với tâm rộng lớn thênh thang, vượt ngoài có, không, vượt ngoài số lượng, giới hạn, đó mới thật là phước đức không thể nghĩ bàn. Tóm lại, đoạn này là để nhấn mạnh cho người hiểu thấu suốt, phải lấy tâm vô sở đắc đó mà

làm tất cả, làm tất cả với tâm vô sở đắc, không có thấy chỗ được nào hết, thì cái quả mới không thể lường được; làm mà còn mong muốn có chỗ để được, thì làm đó còn mang một cái ngã tướng trong này, ắt cái quả cũng hạn hẹp. Vì vậy phần này nó sâu hơn một tầng là vậy. Ở phần trước là nói lên cái bố thí mà không trụ nơi sáu trần, tức bố thí mà không trụ vào sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, đó là khiến cho chúng ta không trụ vào cảnh giới bên ngoài; ở đây bố thí chẳng có trụ nơi tướng của nội tâm nữa. Nghĩa là ba tâm đều xả hết, không có trụ nơi tướng nội tâm của mình nữa, như vậy trong, ngoài đều không có trụ, không có dính, đó mới là thông suốt trùm khắp cả pháp giới, đó mới là thênh thang rộng lớn! Hiểu như vậy, thì quý vị mới thấy ý nghĩa nó sâu xa của từng đoạn, từng đoạn, chứ nếu đọc sơ qua thì thấy Phật sao cứ so sánh tới so sánh lui hoài. Như vậy là thấy rõ từng lớp từng lớp đi sâu hơn.





20. LÌA SẮC LÌA TƯỚNG

Phật báo Ngài Tu Bồ Đề! Ý ông nghĩ sao? Có thể lấy sắc thân đầy đủ mà thấy Phật chăng?

- Bạch Thế Tôn, chẳng được. Chẳng nên lấy sắc thân đầy đủ mà thấy Như Lai. Tại sao? Như Lai nói sắc thân đầy đủ, tức chẳng phải sắc thân đầy đủ, đó gọi là sắc thân đầy đủ.

- Nay Tu Bồ Đề! Ý ông nghĩ sao? Có thể lấy các tướng đầy đủ mà thấy Như Lai chăng?

- Bạch Thế Tôn, chẳng được, chẳng nên lấy các tướng đầy đủ mà thấy Như Lai. Tại sao? Như Lai nói các tướng đầy đủ, tức chẳng phải đầy đủ, đó gọi là các tướng đầy đủ.

GIẢNG:

Đoạn này: Nói về lìa sắc lìa tướng, ở đây Phật báo Ngài Tu Bồ Đề: Bây giờ ý ông nghĩ

sao? có thể lấy cái sắc thân đầy đủ mà thấy Như Lai chăng? thì Ngài Tu Bồ Đề thưa: Chẳng được, chẳng nên lấy cái sắc thân đầy đủ mà thấy Như Lai. Bởi vì tại sao? Như Lai nói sắc thân đầy đủ, tức chẳng phải sắc thân đầy đủ. Câu này trong bản của đời Đường chỉ nói sắc thân thôi, mà không nói chữ đầy đủ. Nghĩa là: “Tại sao? Như Lai nói sắc thân, tức chẳng phải sắc thân đầy đủ, đó gọi là sắc thân đầy đủ”. Vậy sắc thân đầy đủ đó là gì? Ở những đoạn trước thì nói là “có thể lấy thân tướng mà thấy Như Lai chăng?” rồi “có thể lấy ba mươi hai tướng mà thấy Như Lai chăng?”. Nói thân tướng là nói chung các tướng, cho nên nói nếu thấy các tướng mà chẳng phải tướng tức thấy Như Lai; nói đến ba mươi hai tướng là chỉ cho ứng thân của Phật; ở đây nói sắc thân đầy đủ, các tướng đầy đủ là chỉ cho báo thân của Phật đầy đủ mọi tướng tốt, mọi vẻ đẹp trang nghiêm, do những công đức tu hành nhiều đời nhiều kiếp mà cảm nên. Vì vậy chữ “**đầy đủ**” đó, là đầy đủ mọi tướng tốt vi diệu, báo thân đầy đủ mọi tướng tốt đó, cũng do những nhân duyên tu hành mà cảm được, như vậy có thể cho là pháp thân sao? Nếu nhận cái đó cho là pháp thân, thành ra pháp

thân cũng là cái bị thấy rồi! Đến đây là muốn đưa người lên thêm một lớp nữa, ở phần trước là muốn phá tướng khiến cho người không trụ vào các tướng, cho nên không trụ vào các thân tướng, không trụ vào ba mươi hai tướng, đây là khiến cho mình quên cái công của mình luôn, bởi vì báo thân của Phật do công phu tu hành nhiều đời nhiều kiếp mà cảm nên được quả báo tốt lành này, như vậy nếu không có trí Kim cang này thì cũng dễ chấp vào cái công đó, do cái công mình tu bao nhiêu đời, bao nhiêu kiếp mới được cái này, thấy chấp vào trong đó thì cũng chưa thể nhập được pháp thân. Cho nên ở đây khiến người quên cái công đó, để thể nhập sống vào trong pháp thân, vì pháp thân đâu phải là những tướng vi diệu, dù là những tướng tốt đẹp vi diệu thế nào nếu chấp đó là pháp thân, thì pháp thân cũng là cái tướng bị thấy rồi. Song, pháp thân cũng không rời những cái này, tuy không phải nó nhưng mà tùy duyên thì pháp thân cũng hiển hiện nơi các tướng vi diệu đó, mà pháp thân không phải là tướng vi diệu. Nghĩa là không phải lìa nơi những tướng đó mà riêng có pháp thân. Chỉ có một điều, là người không khéo mà nhận nơi sắc tướng đó cho là pháp thân, thì có lúc mình phải bị chơi với. Nhận sắc tướng cho là pháp thân, mà sắc tướng

thì có tốt, có xấu rồi có khi thấy, có khi không thấy. Dù là tướng Phật tốt đẹp trang nghiêm mấy đi nữa, nhưng nếu có tướng như vậy đó, thì có phải lúc nào cũng ở trước mặt mình không? Dù là có tướng tốt đẹp cách mấy đi nữa, cũng có khi hiện, khi không hiện, có khi thấy, khi không thấy, tức là khi đối diện thì mình thấy, khi không đối diện thì mình không thấy, chứ đâu phải luôn luôn lúc nào cũng hiện trước mặt, Phật đó không phải là Phật thường xuyên, dù cho gần gũi kề cận như Ngài A Nan là thị giả đi nữa, nhưng không phải thấy luôn cũng có lúc thấy, có lúc không thấy, lúc làm thị giả thì thấy, lúc nghỉ thì đâu có thấy. Do đó, đây không phải là Phật thường trụ. Phật thường trụ là Phật pháp thân vô tướng, đó mới là cái luôn luôn hiện hữu nơi mình, không bao giờ mất, không có vắng mặt, dù ngay cả lúc mình mê như hiện giờ, nó cũng không thiếu vắng. Sống với pháp thân đó, mới gọi là sống với cái luôn luôn hiện hữu không bao giờ mất, còn bám vào cái tướng gì đi nữa, dù là tướng trang nghiêm tốt đẹp cũng có khi vắng mặt; mà điểm đặc biệt là pháp thân luôn luôn hiện hữu nơi mình, nhưng nó lại không phải là cái bị thấy. Bởi vậy, khi mình vừa thấy nó, hay vừa khởi niệm tìm nó, tức là nó không hiện tiền. Cho nên, ai mà nói tôi thấy

pháp thân thế này, thế nọ, thì biết rõ đó không phải là thứ thiệt rồi! Vì pháp thân đâu phải là hình tướng gì, đâu phải bị thấy mà nói thế này thế nọ? Hoặc có người nghe nói như vậy, rồi cho rằng muốn thấy pháp thân đó, phải bịt mắt, bịt tai lại, ngó thẳng vào trong đầu trong ngực gì đó thì cũng là lầm luôn! Bởi pháp thân chân thật đó, nó không có hình sắc gì, nhưng mà nó luôn luôn hiện hữu giữa mọi hình sắc, tức là ngay chỗ thấy nghe hiện tại của mình đây nó đầy đủ không thiếu, chỉ khéo nhận thôi. Song, như vậy thì phải thấy sao đây? thấy thế nào? Đây hãy nghe một thiền sư chỉ cho mình thấy, ngài chỉ rất khéo: Thiền Sư Minh Biện Chánh Đường khi sắp tịch, Sư đăng tòa cầm cây gậy lia bên trái một cái, nói: *"Ba mươi hai tướng không có tướng này"*. Rồi lia bên phải một cái nói: *"Tám mươi vẻ đẹp cũng không cái đẹp này"*. Sư nói thêm: *"Cây viết Tăng Dao vẽ chẳng thành, Chí Công bày ra bản nháp"*, rồi Sư lia một cái nữa nhìn đại chúng nói: *"Chớ áo nào, thẳng đây thừa kế, thôi tìm xét!"*. Đơn giản vậy thôi, đã chỉ bày pháp thân rõ ràng. Cầm cây gậy Sư lia qua bên trái một cái, nói *"Ba mươi hai tướng không có tướng này"*, rồi lia bên phải một cái, *"Tám mươi vẻ đẹp cũng không có vẻ đẹp này, cây viết của Tăng Dao vẽ chẳng được, Chí Công cũng bày ra*

bản nháp thôi". Như vậy đó thì thấy sao? Cái này phải khéo lanh mắt chứ không bám theo hình tướng, theo cây gậy đó mà thấy thì bị gạt. Chính khi Sư lia cây gậy bên trái, lia cây gậy bên phải đó, phải lanh mắt rõ ngay cái gì đang hiện hữu nơi mình đó, chứ đừng theo cây gậy mà thấy. Chính cái hiện hữu đây, là cái Sư muốn chỉ, còn cây gậy không phải chỗ chỉ, theo cây gậy để hiểu là lầm theo vật rồi, lia bên trái lia bên phải cũng là cái tướng thôi, còn cái gì đang sáng ngời nơi mình đây, cái đó mới là chỗ Sư muốn nhắm. Nhưng khi mình vừa chớp mắt, tức bị cây gậy nó che mờ, nó làm mù đi. Bởi vậy chỗ này phải tâm thật là lặng lẽ không có lao xao, thấy là thấy thẳng liền không có chớp mắt, không để cho cái suy nghĩ nó phóng ra kịp, vừa suy nghĩ là rơi vào các tướng rồi! Chính cái đang sờ sờ nơi mình đó, cái đó nó có hình tướng gì? cho nên gọi là ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp cũng không thể theo kịp nó được; bởi vì bao nhiêu tướng tốt, bao nhiêu vẻ đẹp đó cũng có tướng trạng, mà có tướng trạng tức là nó cũng không thường. Sư nói thêm cây viết Tăng Dao là chỉ cho người vẽ giỏi, vẽ đẹp đó, cũng vẽ không ra được cái đó; rồi Ngài Chí Công dù khéo tả bày, khéo chỉ cũng không chỉ bày ra được, cũng chỉ bày ra bản nháp thôi, bản nháp

là sao chép lại cái bản chính đó, như vậy còn bản chính của nó là ở đâu? Bây giờ dù cho có chỉ khéo léo cách mấy cũng là bản nháp, là bản sao thôi, chưa phải là bản chính; bản chính đó là chính nơi mình vậy. Mình thể nhận nơi mình đó, mới là bản chính, thấy bên ngoài dù cho phương tiện hay khéo của các vị Tổ cũng là bản nháp. Đây là muốn đánh thức chúng ta, phải tự mình thể nhận lấy ngay nơi chính mình, chớ có tìm bên ngoài! Đó là đưa mình sống thẳng trở về với chính mình để dừng những chỗ thấy biết đuổi theo các tướng bên ngoài. Do đó Sư nhấn mạnh: "*Thôi tìm xét!*". Vừa khởi tâm tìm xét nó thì xa nó rồi! Đó là Sư khéo léo chỉ, mà mình cũng phải khéo nhận. Để rõ thêm hơn, đây gợi ý thêm một đoạn nữa: Là Ngài Kinh Huyền cũng có lần hỏi Thiền sư Duyên Quán:

- Thế nào là đạo tràng vô tướng?

Ngài Duyên Quán chỉ tượng Bồ Tát Quán Thế Âm ở đằng trước đó, và nói:

- Cái này là do Ngô Xử Sĩ vẽ.

Ngô Xử Sĩ là một tay vẽ tuyệt vời hồi xưa. Kinh Huyền nghe nói như vậy liền suy nghĩ để thưa, thì Ngài Duyên Quán nhanh nhẹn nói thêm:

- Cái này có tướng, cái kia không tướng.

Chính ngay đó Sư liền tỉnh ngộ, vậy đạo tràng vô tướng ở chỗ nào? Ngài Duyên Quán rất khéo, vừa có suy nghĩ là có tướng liền, cho nên vừa trầm ngâm suy nghĩ thì liền nói, “Cái này có tướng, cái kia không tướng”, thì ngay đó Kinh Huyền nhận ra liền, thấy cũng phải thấy khéo vậy đó! Bởi vì vừa khởi nghĩ, là nghĩ cái gì phải không? Thí dụ nghe nói đạo tràng vô tướng, thì mình liền khởi nghĩ có cái đạo tràng vô tướng gì đó. Thành ra cũng có tướng! Cho nên ở đây Ngài Duyên Quán rất khéo léo, đợi cho Sư vừa trầm ngâm suy nghĩ thì Ngài nói ngay: “Cái này có tướng, cái kia không có tướng”, ngay đó đúng lúc Kinh Huyền cũng nhận ra. Như vậy để thấy rằng, có tướng thì có bị thấy, mà có chỗ bị thấy tức là vẫn còn đứng ngoài cửa, dù là thấy đó là thấy cái gì vi diệu đi nữa, cũng chưa phải. Cho nên nếu ai nói rằng “Tôi thấy pháp thân, hoặc là tôi thấy chân tâm thể này thể nọ đó” tức biết ngay là còn đứng ngoài cửa rồi. Như vậy để cho thấy rõ, ở đây là muốn khiến người ngay nơi sắc tướng, mà lìa sắc tướng, để nhập pháp thân chân thật đó thì mới là người khéo, khéo ngay sắc tướng mà đạt được vô sắc. Tóm lại, bám vào sắc tướng đó, nhận đó thể này thể nọ thì bị cái

sắc đó che, và như vậy là chưa thể nhập chân thật vào trong pháp thân. Cũng nói về pháp thân, có một vị tăng hỏi thiền sư Vân Môn:

- Thế nào là pháp thân thanh tịnh?

Ngài Vân Môn đáp:

- Hoa Thược Lan.

Vị tăng hỏi:

- Khi ấy thì thế nào?

Sư đáp:

- Sư tử lông vàng.

Sư nói đơn giản, nhưng với người tham cứu thiền thì thấy thật là sâu sắc. Hỏi thế nào là pháp thân thanh tịnh? Pháp thân thanh tịnh, tức là pháp thân vô tướng mà thanh tịnh thì người ta cứ nghĩ pháp thân đó nó rời ngoài sắc tướng này. Sư nói: Hoa Thược Lan, ngầm chỉ ngay nơi sắc là vô sắc, ngay nơi sắc tướng đó khéo nhận mà thôi, chứ vừa khởi niệm kia đây tức là đã rời mất pháp thân rồi. Cho nên khi Sư đáp “Hoa Thược Lan”, thì ông tăng hỏi: Vậy chính khi ấy thì thế nào? Sư đáp: “Sư tử lông vàng”, Chính ngay nơi sắc tướng đó khéo nhận

ra, thì đầy đủ hết, sư tử lông vàng là thể hiện cho trí tuệ, vì Bồ Tát Văn Thù cỡi sư tử lông vàng đó! Nghĩa là trực nhận ngay đây, bất đi niệm phân biệt đây kia là khéo, chứ nghe nói pháp thân vô tướng liền nghĩ bỏ cái này mà hướng về cái khác, có niệm kia đây, tức là bỏ mất nó rồi! Như vậy ngay đây mình khéo nhận thì toàn thể hiện bày không sót gì hết. Do đó Phật nói rằng: **“Như Lai nói sắc thân đầy đủ, tức chẳng phải sắc thân đầy đủ, đó gọi là sắc thân đầy đủ. Như Lai nói các tướng đầy đủ, tức chẳng phải các tướng đầy đủ, đó gọi là các tướng đầy đủ”**. Nghĩa là ngay nơi sắc thân đầy đủ đó, chẳng phải sắc thân đầy đủ, thì đó là sắc thân đầy đủ, chứ không phải rời cái sắc tướng này mà có riêng cái pháp thân nào khác, mà chính ngay nơi sắc tướng này khéo nhận thôi. Vì vậy khi thấy đến chỗ này, tức khắp nơi mọi sắc tướng đều hiện bày pháp thân sờ sờ không có thiếu vắng, cần thấy là thấy! Còn mê thì gọi là trước mắt lăm qua, ngay trước mắt, rõ ràng đó mà mình bỏ đi vậy thôi, chứ có gì khác. Đây là Phật muốn khiến người ngay nơi các sắc tướng này, mà lìa sắc tướng để thể nhập pháp thân chân thật thanh tịnh đó; đồng thời chính mình quên cái công để thể nhập vào chỗ chân thật, chứ không chấp vào cái công

phu của mình. Nếu chấp vào công phu của mình, do công phu mà được cái quả báo tốt lành đó, tức mắc kẹt vào trong những cái sở đắc nữa. Do đó, hai phần này, phần trước là nói đến cái phước do mình đạt được chỗ vô ngã, từ trong chỗ thông suốt pháp thân vô ngã đó mà làm tất cả các việc, tâm buông xả thênh thang rộng lớn thì mới được quả phước nó cũng rộng lớn không thể nghĩ bàn. Kế ngay nơi báo thân Phật đầy đủ mọi công đức vi diệu, nhưng mình cũng không chấp vào những sắc tướng vi diệu đó, mà phải khéo ngay đó mà sống trở lại với pháp thân chân thật hằng hữu có sẵn nơi mình, như vậy mới gọi là thể nhập, mới sống trực tiếp được trong pháp thân. Trái lại, còn có một chút gì để mình thấy, có một chút gì để mình bám được đó, thì cái đó cũng gọi là cái bên ngoài, còn đứng ngoài cửa. Bởi vậy đọc qua hai đoạn này, là đưa mình tiến sâu thêm một lớp nữa, là quên công phu sở đắc. Nói rộng ra, tu thiền để khai mở những cái thần thông, cái huyền bí, để sống lâu thì nó trái với mục đích mà Phật dạy. Thứ nhất, luyện để bảo vệ sức khỏe lâu dài, sức khỏe cho nhiều, thì trong kinh Kim Cang gọi là cái gì? Đó là tham về tướng thọ giả. Còn cầu khai mở những cái huyền bí, những thần thông, thì cái đó cũng là hướng về cái bên ngoài thôi, thần

thông nếu do mình luyện được thì thần thông đó cũng thuộc về cái tạo tác, có lúc nó cũng hết thôi. Phật dạy là chính mình sống trở về với chính mình, lặng hết những vọng tưởng sinh diệt, để mình phát hiện ra nơi mình cái gì là chân thật bất sinh bất diệt; để sống với cái chân thật đó, đây là cái gốc tất cả mọi thứ. Chúng ta thường học, Phật có ba thân: Hóa thân, báo thân, ứng thân. Báo thân thì đầy đủ các tướng tốt trang nghiêm, ứng thân, hóa thân thì đầy đủ diệu dụng biến hóa không lường; như vậy sống trở về với pháp thân rồi thì diệu dụng từ đó mà phát ra, cái đó mới là cái thật không có mất; còn cái kia là do tạo tác mà được, nhưng được rồi cũng mất; như vậy là chúng ta lấy cái sinh tử để làm chỗ mình hướng đến, tức trái với con đường Phật dạy là giải thoát sống về với cái bất sinh bất diệt. Trong Kinh Lăng Nghiêm Phật khai thị cho Ngài A Nan về tánh thấy, tánh nghe, giơ tay lên Phật nói là tay ta nắm hay tay ta xòe? Cái tay có nắm có xòe, nhưng tánh thấy của ông có nắm có xòe hay không? rồi khiến cho Ngài A Nan ở đây thấy thẳng lên các cung trời, Ngài mới bảo cái thấy đến cung trời xa xôi đó, như vậy cái thấy của ông nó có rút ngắn, kéo dài hay không? Để chỉ cho Ngài A Nan cũng như mình nhận ra tánh thấy, nó luôn

luôn có mặt hiện hữu nơi mình. Thứ hai nữa là đánh thức tánh nghe, Phật bảo La Hổ La đánh chuông, thì tiếng chuông có khi có, có khi không, mà Phật muốn chỉ tánh nghe nó luôn luôn hiện hữu. Song người chỉ nhận ra được tánh thấy, tánh nghe mà cho đó đủ rồi, chân thật rồi, đó là chưa phải. Phật nói nó cũng như mặt trăng thứ hai, chưa phải là mặt trăng chính. Để cho thấy rõ, nếu chúng ta nhận được chút gì đó, rồi tự mãn thì cũng dễ lắm, mặc dù nhận được tánh thấy, nhận được tánh nghe nơi mình sẵn có, nhưng còn có tánh thấy, còn có tánh nghe tức là sao? tức là trong đó còn có sáu cái, tánh thấy, tánh nghe, tánh ngửi, tánh nếm..v.v..., là còn một lớp cách biệt. Cho nên Ngài mới nói *"quên sáu mất một kia"* thì mới đến được vào trong nhà chân thật; bởi vậy cuối cùng Phật nói, tánh thấy, tánh nghe đó, cũng còn là mặt trăng thứ hai, chưa phải là mặt trăng thật; phải qua một lớp nữa, quên cả sáu cái đó để sống trọn vẹn trong cái chân thật thôi, không còn phân biệt cái thấy nghe gì nữa, tức còn đi sáu thêm một lớp. Bởi vậy, đừng vội vàng khi thấy được chút gì đó, rồi mình bám vào cho như vậy là đủ, thì không phải! Nhận được tánh thấy đó, là một lớp hay rồi, nhưng còn tánh thấy đối với tánh nghe, còn có tánh thấy, tánh

nghe, là còn giới hạn, nên cuối cùng Phật dạy phải quên sáu mất một, lúc đó mới là thấy nghe không còn có hai, mới nói dùng tai vẫn thấy, dùng mắt vẫn nghe, diệu dụng tròn vẹn, đó mới là thể nhập vào chỗ chân thật. Tóm lại ở đây khiến cho chúng ta quên công phu sở đắc để thể nhập tròn vẹn pháp thân, phá cái thấy có báo thân ngoài pháp thân.



CHÁNH VĂN:

21. CHẴNG PHẢI THUYẾT, SỞ THUYẾT

Này Tu Bồ Đề! Ông chớ cho là Như Lai khởi niệm như thế này: “Ta sẽ có pháp để nói”. Chớ khởi niệm ấy. Tại sao? Nếu người nói Như Lai có pháp để nói, tức là chê bai Phật, vì chẳng hiểu được pháp của ta nói. Này Tu Bồ Đề! Nói pháp là không pháp có thể nói, đó gọi là nói pháp.

Bấy giờ Huệ Mạng Tu Bồ Đề bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Có chúng sinh nào ở đời vị lai nghe nói pháp như thế sinh lòng tin chăng?

Phật bảo:

- Này Tu Bồ Đề! Họ chẳng phải chúng sinh, chẳng phải chẳng chúng sinh. Tại sao? Tu Bồ Đề! Chúng sinh chúng sinh đó,

Như Lai nói chẳng phải chúng sinh, đó gọi là chúng sinh.

GIẢNG:

Phần này muốn cho mình là niệm năng thuyết sở thuyết để hiển bày pháp thể đó là ngôn thuyết, chỉ tự chứng. Nghĩa là, khiến cho chúng ta bật hết cái niệm năng sở, để thể nhập vào pháp thể chân thật. Ở phần trên đã phá cái thấy về báo thân riêng ngoài pháp thân, tức là báo thân và pháp thân vốn không hai thể, không cho trụ trên cái quả báo trang nghiêm do công phu tu hành mà cảm được, tức là không thể lấy cái sắc tướng đầy đủ mà thấy Như Lai, thì như vậy Phật thành Phật Ngài có nói pháp hay không? Nếu không có nói pháp thì sao gọi là Phật? Nếu Phật không nói pháp như vậy phải hiểu sao đây? Cho nên ở đây Phật liền ngăn, **“ông chớ cho là Như Lai khởi niệm như thế này”**. Bởi vì khởi niệm là sao? Khởi niệm tức là sinh tâm động niệm rồi! Sinh tâm động niệm tức trái với pháp thể bất sinh bất diệt. Như mình đã học ở trước, Như Lai nghĩa là gì? Như Lai là nghĩa **“Như”** của các pháp, phải không? Đã là Như của các pháp, thì Như Lai là bản thể của pháp chứ gì? Mà bản thể của các pháp rồi, còn khởi niệm nói cái gì nữa. Vì

vậy **“chớ cho Như Lai khởi niệm như thế này”**, nghĩa là khởi niệm nói rằng: **“Ta có các pháp để nói”**. Khởi niệm là động niệm, là trái rồi, mà còn khởi niệm ta có cái pháp thể để nói nữa là thêm một lớp mê thứ hai. Tức là thấy ngoài tâm có pháp, mà ngoài tâm có pháp tức sẽ có thiếu, có đủ. Bởi ngoài cái này mà có thêm cái nữa, tức hoặc là thiếu, hoặc là dư, nó nằm trong hai trường hợp đó. Nghĩa là, như vậy sẽ thấy là người thiếu, người thiếu cho nên mới cần mình nói cho người ta nghe, trái lại mình thì dư, dư mới nói cho người, ngay đó cái niệm dư thiếu sẽ sinh! Trong khi đó, Tam Tổ Tăng Xán có nói trong Tín Tâm Minh là: *“Tròn đồng thái hư, không thiếu không dư”*. Pháp thể nó vốn đã tròn đủ khắp thái hư, không thiếu không dư như vậy rồi, thì còn cái gì trong đó nữa để mà nói? Vừa khởi lên tức là sinh diệt, mà dùng tâm sinh diệt thì làm sao có thể nói đến được pháp không sinh diệt? Cho nên ở đây Phật ngăn liền, **“Ông chớ có cho Như Lai khởi cái niệm này: Ta sẽ có pháp để nói!”**. Kế Ngài mới giải thích tại sao? **“Nếu người nói Như Lai có pháp để nói, tức là chê bai Phật”**, chỗ này mình phải nghiệm kỹ! Nếu vậy, chúng ta ngày nay có ai không chê bai Phật chẳng? Phật bảo rằng: **“Nếu có người**

nói Như Lai có pháp để nói đó, tức là chê bai Phật, chẳng hiểu được pháp của ta nói". Chúng ta ngày nay ai mà không cho rằng giáo pháp còn lại hiện nay mà mình học đây ai nói? Phật nói chứ ai nói nữa, vậy có chê bai Phật chưa? Rồi Phật 49 năm nói pháp, vậy nói cái gì đó? Chỗ này không khéo lại mắc kẹt! Nếu hiểu theo kiểu đó, tức là mình đem tâm phàm để hiểu Phật, mà đem tâm phàm hiểu Phật thì Phật cũng thành phàm như mình. Bởi sao? Bởi vì tâm phàm của mình là luôn luôn muốn cầu được, học thì cũng cầu học để được cái gì, hiểu cái gì, học Phật cũng phải để kiếm cái gì chứ, không có kiếm cái gì thì học làm chi nữa? Như vậy, học là kiếm cái gì đó để được, phải không? Còn lẽ thật Phật ra đời là gì? Phật ra đời chỉ là phá cái tình chấp mê lầm của chúng sinh thôi. Nghĩa là do chúng sinh mê lầm chấp trước, cho nên Phật ra đời để phá những cái tình chấp đó, đánh thức họ để cho họ nhớ lại cái gì sẵn có nơi mình, mà mình bỏ quên, chớ có nói cái gì khác nữa đâu! Song cái đó nó đâu có nằm trong ngôn ngữ nói năng. Vì vậy ở trong phẩm Đề Tử của kinh Duy Ma Cật Ngài Mục Kiền Liên thuật lại: Có lần gặp ông Duy Ma Cật ông nói với Ngài rằng: **"Pháp vượt khỏi mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý, pháp**

không có cao thấp, pháp thường trụ vắng lặng, pháp lìa khỏi tất cả mọi sự tu luyện và hành đạo, Thừa Đại Mục Kiền Liên! Tướng pháp như thế đó thì há thuyết diễn được sao?". Nghĩa là, pháp đó nó vượt khỏi mắt tai mũi lưỡi thân ý, không thể dùng mắt thấy nó, không thể dùng tai nghe được, mũi lưỡi cũng không thể ngửi nếm đến đó được, pháp như vậy làm sao diễn nói? Đó là ông muốn nói pháp gì? Chính là pháp thể chân thật nơi mình đó, chứ không phải pháp ghi trong giấy trong mực này. Thường thường chúng ta cứ nghĩ, pháp là những cái ghi ở trong giấy, trong mực, đó là cái học hiểu được, nhưng ở đây ông Duy Ma Cật muốn chỉ ngay pháp thể chân thật nơi mình đó, khiến mình quay trở lại không mắc kẹt trong danh tự chữ nghĩa. Cho nên pháp đó nó không có cao thấp, mà cũng lìa khỏi mọi sự tu luyện và hành đạo, cái đó không phải do tu luyện mà thành, vì nó không thuộc về pháp sinh diệt. Nói như vậy, không có nghĩa là cứ để tự nhiên mà được. Nhờ những phương tiện tu hành để đánh thức mình nhớ trở lại thôi, cho nên, nếu bảo Như Lai có một pháp thật để nói cho người, thì có lỗi: Ngài có pháp để nói cho người, thì người có nhận được cái gì đó của Phật, như vậy là **có cho, có được**, tức

pháp đó thuộc về nói năng rồi! Vậy pháp đó là pháp dựng lập, pháp tạo tác, chưa phải là pháp thể chân thật. Như vậy không phải chê bai Phật là gì? Cho rằng Như Lai là thuộc về sinh diệt hay sao? Vì vậy nói Như Lai có pháp để nói, tức là chê bai Phật là như thế, đó là cái thấy còn trong sinh diệt. Do đó trong kinh Lăng Già có một đoạn Phật bảo Bồ Tát Đại Huệ rằng: **“Này Đại Huệ! Nếu có người nói rằng Như Lai nói pháp rơi vào văn tự thì người này ắt là vọng ngữ, bởi vì pháp là văn tự. Thế nên, này Đại Huệ! Chư Phật chúng ta và các vị Bồ Tát không nói một chữ, cũng không có đáp một chữ”**. Ngài nói rõ: **“Nếu bảo Như Lai có pháp nói rơi vào văn tự, đó là hư vọng, và chê bai Phật rồi”**. Thành ra những điều mà Phật nói ra chỉ là phá tình chấp, gợi ý thôi, phải thấy cái ý ở ngoài lời đó, mới thấy được ý Phật muốn chỉ. Phật nói thêm: **“Vì hy vọng phiền não của chúng sinh chẳng phải một, cho nên ta và chư Phật tùy các thứ hiểu biết sai khác của chúng sinh mà nói các pháp, khiến cho họ lìa tâm, ý, ý thức, chẳng phải là vì được chỗ tự giác thánh trí đó”**. Ngài nói rõ ràng, bởi vì chúng sinh có những điều mong

mỗi, phiền não sai khác quá nhiều, do đó Phật phải tùy theo sự hiểu biết sai khác của chúng sinh đó, mà phương tiện Ngài nói các pháp; nhưng mà phương tiện nói các pháp đó là vốn để cho mọi người lìa tâm, ý, ý thức, tức là những tâm phân biệt chứ chẳng phải là vì được chỗ tự giác thánh trí. Nghĩa là, sở dĩ Ngài nói pháp đó, là vì phương tiện trừ bệnh cho chúng sinh thôi, chứ không phải là vì chỗ tự giác thánh trí, tự giác thánh trí là gì? Tức là chỗ trí thể chân thật, mà trí thể chân thật đó thì chỉ người tự giác, tự chứng biết thôi, không phải là chỗ ngôn ngữ nói đến được, không phải do những lời nói của Phật đó mà mình biết đến, do lời mà hiểu là chưa phải. Do đó có một vị tăng hỏi thiền sư Quế Sâm:

- Thế nào là một câu của La Hán?

Sư đáp:

- Ta nói với ông đó liền thành hai câu.

La hán là gì ? La hán tức là vô sinh, đã vô sinh mà mình nói ra là sinh rồi, đó là thành hai câu rồi! Ngài trả lời đơn giản mà lại sát nghĩa. Nếu cứ giải La Hán là vô sinh, vô sinh là không sinh không diệt, giải một hồi là sinh quá rồi! Một vị tăng khác hỏi Thiền sư Hưu

Phục rằng: “*Chỗ tĩnh yếu xin thấy một lời!*”.
Tĩnh yếu là chỗ tóm tắt ngắn gọn nhất, xin một lời, thì nói sao đây? Sư đáp: “*Kính chào!*”.
Hỏi chỗ tóm gọn mà ngắn nhất thì Sư nói “*Kính chào*” vậy thôi, thì chỗ đó còn nói gì nữa? Chính mình tự nhận là xong, nói ra thì nó thành ngôn ngữ, là có nhiều rồi! Như vậy để thấy chỗ chân thật đó là phải chính mình tự cảm nhận lấy, chứ không thể tìm nơi ngôn ngữ, ngôn ngữ văn tự chẳng qua là những phương tiện của Chư Phật, Chư Tổ để phá tình chấp mê lầm của mình vậy thôi. Song nói như vậy cũng không phải một bề im lặng. Nhiều người nghe vậy, liền nghĩ: “không thể nói gì hết thì im lặng”, nhưng im lặng cũng mắc kẹt luôn. Một bên thì mắc kẹt nói năng, một bên thì chấp về im lặng, cũng nằm trong đối đãi. Bởi im lặng thì gặp mấy vị không hiểu rõ, cũng im lặng luôn, làm sao phân biệt được thiệt giả? Cho nên người thật thông suốt thì nói mà không kẹt lời, kẹt văn tự, mới là thứ thiệt, như các vị thiền sư cũng nói vậy, nhưng mà không kẹt trong ngôn ngữ đó mới là khéo nói; và như vậy người nghe phải nghe thế nào? Cũng phải khéo nghe, tức là nghe chỗ ngoài lời, thì mới thông cảm nhau. Bởi vậy, thường trong nhà thiền hay tán thán câu sống, nếu nói ra một lời

mà làm dễ hiểu thì trong nhà thiền gọi là “tử ngữ”, là câu chết, vì hiểu rồi cứ tưởng là đủ, nhưng sự thật cái đó là mình mới hiểu cái hiểu của người khác thôi, chứ không phải là cái hiểu của chính mình; còn ở đây là các Ngài muốn khiến cho mình chết đi cái tâm phân biệt đó, để sống dậy tâm vô phân biệt của mình, chỗ đó mới là sống thực. Do đó, Ngài Động Sơn một hôm thiết trai cúng dường Ngài Vân Nham, thì có vị tăng hỏi:

- Hòa thượng trước kia gặp Ngài Nam Tuyền tìm được manh mối, vì sao bây giờ lại thiết trai cúng Ngài Vân Nham?

Động Sơn bảo:

- Ta chẳng trọng tiên sư đạo đức, cũng chẳng vì Phật pháp, chỉ trọng chẳng vì ta nói phá”.

Chẳng vì Sư nói phá là sao? Là những chỗ mà Sư không hiểu, Sư thắc mắc, Sư thưa hỏi đó, nhưng Ngài Vân Nham không có nói phá để cho Sư hiểu, mà dành cho Sư tự phát minh ra, thì như vậy mới chính thực cái của Sư, cho nên Sư trọng là trọng chỗ đó! Chính đó mới là chỗ sống thực. Vì vậy ở đây khi nói đến chỗ này, Phật nói rõ: **“Nếu bảo Như Lai có pháp**

để nói, tức là chê bai Phật chẳng hiểu được pháp của ta nói”, phải hiểu được, thấy được cái “ý ngoài lời” kia, chứ cho Như Lai có pháp để nói như vậy, thành ra là pháp sinh diệt rồi, nên gọi chê bai Phật. Phật lại nhấn mạnh: **“nói pháp đó, là không có pháp để nói”** chính chỗ này trong Đốn Ngộ Nhập Đạo Yếu Môn Luận, Thiền Sư Huệ Hải có dẫn đoạn Kinh Kim Cang nói: **“Không pháp có thể nói ấy gọi là nói pháp”**, nghĩa đó thế nào? Vì thể của Bát nhã là cứu cánh thanh tịnh, đó là **“Không pháp có thể nói”**. Ngay trong cái thể không tịch của Bát nhã đó, nó đầy đủ mọi diệu dụng như hằng sa, không có việc gì mà chẳng biết, **“Đó gọi là nói pháp”**. Cho nên nói: **“Không pháp có thể nói, đó là nói pháp”**. Nghĩa là chỗ không pháp để nói đó, là chỉ cho thể của Bát nhã, thể Bát nhã đó là cứu cánh thanh tịnh, cho nên không thể dùng ngôn ngữ để nói đến chỗ đó. Nhưng ở trong cái thể đó, nó đầy đủ diệu dụng như hằng sa, tức là ứng dụng ra thì không có gì chẳng biết, cho nên nói hết, nói đủ mà không rời tự tánh, đó mới thật là nói pháp. Đây cũng là một kinh nghiệm cánh tịnh, đánh thức cho người, nhất là những người nói pháp! Nói pháp là như vậy đó, phải từ trong thể Bát nhã cứu cánh thanh tịnh ứng

dụng ra tất cả thì mới là chân thật nói pháp. Thường người nói pháp hay mắc kẹt cái bệnh gì? nghĩ rằng “Mình nói pháp là phải nói cho người ta nghe”. Do đó nếu nói pháp hay hay một chút, được một số người nghe, liền sinh tâm nói pháp, phải không? Ở đây là không cho “sinh tâm nói pháp”, bởi nói hay hay, được một số người nghe, liền thấy ta là một pháp sư, ta nói pháp cho người đó, tức cái kiêu khí nổi lên, thành ra rơi vào tướng ngã, tướng nhân, tướng chúng sinh, tướng thọ giả rồi! Kẹt bốn tướng rồi! Như vậy đoạn này là một đoạn phá cái niệm vi tế nơi mình, ở phần trước cũng nói phá về tướng nói pháp, như nói: **“Như Lai nói pháp là không pháp có thể nói, không pháp có thể được”**, tức là phá trên cái tướng pháp, nhưng đến đây là phá cái *“kiến chấp”* về nói pháp, tức là cái niệm nói pháp đó, nó còn đọng lại nơi nội tâm của mình, thành ra nó vi tế hơn. Được vậy mới là sạch trội trơn, rỗng rang tự tại. Song đây là phần rất vi tế, phải là người thật sự có công phu tu hành đàng hoàng mới có thể thấy được, và phá được, chứ không thể nói suông. Do đó từ phần này về sau gọi là phần tu chứng, còn phần trước gọi là khai giải, khai ngộ, để chỉ ra cái lý thật cho mình. Vậy

là đoạn này phá cái niệm vi tế về nói pháp đã xong.

Tiếp theo phá đến người nghe. Ngài Huệ Mạng Tu Bồ Đề bạch Phật **“Bạch đức Thế Tôn! Có chúng sinh nào ở đời vị lai nghe nói pháp như thế mà sinh lòng tin chẳng?”** Đọc tới chỗ này thì chúng ta thấy có cái gì lạ không? Chú ý hai chữ “Huệ Mạng”! Từ trước thường gọi là trưởng lão, đến đây bất ngờ gọi là Huệ Mạng Tu Bồ Đề, thì có gì đặc biệt ở trong đó? Bởi vì đoạn này là một đoạn trong bản Đời Tản Ngài Cựu Ma La Thập dịch thì không có, nhưng sau này qua đời Đường mới bổ túc vào, do lấy từ bản khác bổ túc nên cũng là nghĩa Trưởng Lão, nhưng có chỗ dịch là Huệ Mạng, có chỗ dịch là Cụ Thọ. Trưởng Lão hoặc là Huệ Mạng, hoặc là Cụ Thọ đều chỉ cho các bậc tuổi cao đức trọng, được tôn kính ở trong chúng. Gọi Huệ mạng cũng là nghĩa lấy trí tuệ làm mạng sống, chứ không phải như thế gian, lấy cái thân này làm mạng sống. Ngài Huệ Mạng Tu Bồ Đề hỏi: **“Bạch Thế Tôn, có chúng sinh nào ở đời vị lai nghe nói pháp như thế mà sinh lòng tin chẳng?”** Qua câu hỏi này, chúng ta thấy Ngài đã mắc kẹt gì chưa? Đây cho thấy, Ngài còn có cái thấy vi tế

sinh diệt chưa quên! Ở trước đã ngộ pháp thân nó vượt ngoài ngôn thuyết, không thể nói năng đến được, mà bây giờ còn thấy thật có chúng sinh đời sau nữa, như vậy chỗ ngộ của mình nó chưa có tròn, chưa triệt phải không? Đó là lý do cho thấy, còn phải thêm một bước nữa! Tức là tu chứng cho nó rốt ráo, nó sâu xa hơn nữa, chứ không phải thấy như vậy là ổn, là xong.

Do đó hãy chú ý!

“Phật bảo:

- Nay Tu Bồ Đề! Họ chẳng phải chúng sinh, chẳng phải chẳng chúng sinh. Tại sao? Tu Bồ Đề! Chúng sinh chúng sinh đó, Như Lai nói chẳng phải chúng sinh, đó gọi là chúng sinh”.

Tuy chúng sinh, nhưng vốn tự tánh là tịch diệt niết bàn, chúng sinh cũng vốn đầy đủ Phật tánh đầy đủ thường trụ không mất, thì sao gọi là chúng sinh nữa? Gọi chúng sinh là chưa thấy được tự tánh chúng sinh vốn lặng lẽ. Tuy nhiên như vậy, tự tánh chúng sinh vốn là tịch diệt niết bàn, vốn là bất sinh bất diệt, nhưng (đó) điên đảo vọng tưởng mà quên mình theo vật, mới trôi lăn trong sinh tử, nên **“Chẳng phải**

chẳng chúng sinh". Do đó Phật nói rõ, "**họ chẳng phải chúng sinh, cũng chẳng phải chẳng chúng sinh**". Chẳng phải chúng sinh là bởi vì sao? Vì họ vốn tự tánh là niết bàn rồi, vốn là lặng lẽ đầy đủ Phật tánh thường trụ không thiếu; nhưng bây giờ do điên đảo vọng tưởng còn nguyên, nên cũng không thể không gọi là chúng sinh. Chỉ người nào thấu suốt được lẽ thật, thì dù ở ngay trong sinh tử mà chưa từng rời tự tánh bất sinh, chưa từng rời một niệm hiện tiền thì không mắc kẹt trên danh từ chúng sinh. Như vậy xét cho cùng tốt chúng sinh là sao? Có thật không? Tướng chúng sinh là một giả tướng, chúng sinh cũng là giả chúng sinh thôi, tạm lập trong một thời điểm còn mê, song không có một cái thể chúng sinh cố định thật là chúng sinh, vậy bảo ai là người tin hay chẳng tin? Nên ở đây nói rằng "**chúng sinh ở đời sau nghe nói pháp này mà sinh lòng tin chẳng?**", thì hỏi câu đó còn mắc kẹt, thấy chỗ lằm của câu hỏi chưa? Bởi thấy như vậy là còn thấy có chúng sinh thật rồi, là "*ở đời sau!*" Cũng ý nghĩa này, Thiên Hoàng Đạo Ngộ có lần hỏi Tổ Thạch Đầu:

- Lìa định huệ thì lấy pháp gì để dạy người?

Ngài Thạch Đầu đáp:

- Ta trong ấy không có nô tỳ thì là cái gì?

Tức là trong chỗ đó, không có tội tở gì hết còn bảo là cái gì nữa. Đạo Ngộ hỏi:

- Thế nào rõ thấu được?

Ngài Thạch Đầu bảo:

- Ông chụp được hư không chăng?

Còn muốn hiểu nữa! Trong chỗ đó không có nô tỳ, không có tội tở, mà còn muốn hiểu chỗ đó nữa, nên Ngài Thạch Đầu hỏi “người chụp được hư không chăng?” Đạo Ngộ thưa:

- Thế ấy ắt là chẳng từ ngày nay đi.

Ngài Thạch Đầu bảo:

- Chưa biết ông bao giờ từ bên này đến?

Đó là ngài gạn lại chỗ đi đến, thấy có đi đến là mắc kẹt nữa. Đạo Ngộ thưa:

- Đạo Ngộ chẳng phải người bên này.

Ngài Thạch Đầu bảo:

- Ta cũng biết chỗ ông đến.

Đạo Ngộ thưa:

- Sao ngài lại lấy tang vật để vu khống cho người?

Ngài Thạch Đầu nói:

- Chính thân ông hiện tại đây này!

Có thân người tức là có chỗ đến chứ gì?
Đạo Ngộ mới thưa:

- Tuy nhiên như thế, cứu cánh làm sao chỉ dạy người sau?

Nếu không có cái này, làm sao chỉ dạy người sau đây? Thấy mắc kẹt chưa? Cho nên ngài Thạch Đầu bảo:

- Ông nói, ai là người sau?

Ngay đó Sư đại ngộ. Hiểu được chỗ này, liền thấy ý trên. Còn thấy có người sau để chỉ dạy, tức còn có chỗ bám, còn thấy người bên này, người bên kia, là còn thấy hai bên, phải không? Rồi thấy người nay, người sau nữa cũng mắc kẹt trong thời gian. Đây là dấu vết của tâm sở đắc vẫn còn nguyên chưa quên, tức là thấy có mình được, có người sau chưa được, cho nên mình mới dạy người sau. Vậy là cái thấy

sinh diệt vi tế nó còn đọng lại trong này. Do đó đã lắm nghĩa: tất cả chúng sinh vốn đầy đủ Phật tánh, Phật từng nói rõ, mà còn hỏi là **“Chúng sinh đời vị lai có ai tin được chăng?”** hỏi như vậy là còn thăm nghi ngờ, họ không có đủ Phật tánh hay sao? Ai cũng có đầy đủ Phật tánh hết, thì sao lại không có thể tin, mà ngờ là có thể tin hay không? Đây còn có cái niệm nghi ngờ là họ chưa đủ Phật tánh! Vậy là cái thấy chưa thấu suốt, điểm này rất tinh tế. Trong đây tiến thêm một bước nữa, nếu mình tổ suốt được ba thời: quá khứ - hiện tại - vị lai, ngay trong một niệm thôi, thì còn chỗ nào mà có nay, có sau? Còn thấy có nay, có sau, là còn mắc kẹt trong thời gian; nếu rõ được ba thời ngay trong một niệm, liền quên bất ý niệm về thời gian *“nay sau”*, tức thấy chính nơi đây là chân thật. Như vậy, còn thấy có người sau là còn kẹt không gian, thấy có nay sau là mắc kẹt thời gian; tức còn nằm trong hai bên không gian - thời gian. Tiếp Phật bảo: **“Tại sao? Chúng sinh, chúng sinh đó, Như Lai nói chẳng phải chúng sinh, đó gọi là chúng sinh”**. Vừa nói đến tên chúng sinh, Phật phá liền. Bởi vì, chúng sinh chỉ là cái tên gọi, tạm thời trong lúc mê, nếu giác ngộ thì đâu còn gọi là chúng sinh

nữa. Bởi chúng sinh vốn không có thực thể cố định là chúng sinh; nếu mình thấy còn có cái thực thể cố định là chúng sinh, có một cái đối lại chúng sinh là Phật, có cái Phật đối với chúng sinh, như vậy là hai cái riêng, đó là còn cái thấy đối đãi, vẫn chưa rời thức phân biệt. Do đó trong kinh Duy Ma Cật Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi khi đến thăm bệnh ông Duy Ma Cật, Bồ Tát mới hỏi: *“Bồ Tát quán chúng sinh, phải quán như thế nào?”* Ông đáp: *“Cũng ví như một nhà ảo thuật nhìn thấy người ảo hóa do mình hóa ra, Bồ tát quán chúng sinh cũng như vậy”*. Nghĩa là, không có một cái thực thể của chúng sinh, chẳng qua là: Một cái bóng dáng, một cái ảo hóa vậy thôi, còn cái thực thể thì vốn không có chúng sinh hay là Phật. Phật hay chúng sinh là hai cái tên, còn thực thể chân thật đó vốn là không hai. Nếu thấy có cái thực thể chúng sinh thật, thì muốn thành Phật phải làm sao? Phải bỏ cái này, nhưng làm sao bỏ? Cho nên thấy như vậy, đó là cái chướng ngại. Kinh Niết bàn phẩm Sư tử rống, Phật cũng dạy **“hễ ai có tâm thì nhất định sẽ được vô thượng chánh đẳng chánh giác, do vì nghĩa này ta thường nói tất cả chúng sinh đều có Phật tánh”**. Như vậy thì có ai không thể thành Phật? Ai không có tâm?

mà có tâm tức là có Phật tánh, có Phật tánh thì đều có thể thành Phật, chỉ là mình chưa chịu làm thôi. Bởi vì Phật tánh là gì? Phật tánh tức là tánh giác chứ gì, mà ai có tâm cũng đều có biết, có biết tức là có giác; nhưng vì mình hiện biết là biết theo mê, nếu biết chuyển lại thì “**biết**” thành “**giác**”. Đơn giản, cũng một cái biết này mà biết theo phân biệt phải quấy hơn thua là “*biết mê*”, biết theo duyên, theo cảnh. Thay vì biết như vậy, chuyển lại, biết tất cả mà không mắc kẹt trên những duyên, trên những cảnh, tức là “*biết giác*”, đâu rời cái biết hiện tiền đây! Do đó ai cũng có thể giác, ai cũng có thể làm Phật hết. Vậy chúng sinh nằm ở chỗ nào? Rõ ràng chúng sinh - Phật là hai danh từ tạm lập chứ không phải có thực thể. Đây là phá cái niệm về nói pháp và cái niệm về người nghe pháp, là chúng sinh, khiến trong lòng rỗng rang không còn mắc kẹt trên thuyết sở thuyết.





CHÁNH VĂN:

22. KHÔNG PHÁP CÓ THỂ ĐƯỢC

Tu Bồ Đề bạch Phật :

- Bạch Thế Tôn! Phật được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, là không chỗ được chăng?

- Phật bảo:

- Đúng thế! Đúng thế! Tu Bồ Đề! Ta đối với Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, cho đến không có một chút pháp có thể được, đó gọi là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

GIẢNG:

Ở đoạn này có gì khác với đoạn trước không? Ở trước Phật cũng nhiều lần nói về “không được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác” này, nhưng có gì khác? Đến đây để hiển bày chỗ tự chứng vượt ngoài mọi cái sở đắc, chúng ta đọc kỹ câu hỏi của ngài Tu Bồ Đề mới thấy có ý sâu xa trong đó. Ngài hỏi là:

“Bạch Thế Tôn, Phật được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, là không chỗ được chăng?”. Câu này mới nhìn qua thì giống như câu Ngài nghi mà hỏi, nhưng có phải thật là ngài nghi mà hỏi không? Hãy nhớ lại ở những đoạn trước, về phần này thì Phật hỏi ngài Tu Bồ Đề, Phật ở chỗ Phật Nhiên Đăng có được thọ ký, có được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh giác không? Đó là Phật hỏi để gạn lại chỗ thấy của ngài; ở đây là ngài hỏi thẳng lại Phật, chính là một điểm đặc biệt! Mới nhìn qua như là Ngài nghi mà hỏi nhưng mà sự thật không phải. Ở đây chú ý câu hỏi **“Phật được Vô thượng chánh đẳng chánh giác đó”**, ngài nhấn mạnh chỗ **“được”**, nhưng mà được đó, **“là không chỗ được chăng?”**. Như vậy, để thấy, ngài cũng thấy chỗ Phật có **“được”**, nhưng mà **được đó là không chỗ được** chứ gì, ngài muốn nhấn mạnh lại, để cho Phật ấn chứng. Đây là ngài muốn trình bày chỗ thấy của ngài, chỗ sống của ngài; nhưng ngài trình bày khéo léo không cho người ngoài nhìn thấy được, chỉ có người trong cảnh mới tự thâm hiểu với nhau thôi. Bởi chỗ đó không phải chỗ của tình thức đến được. Do đó ý ngài nhấn mạnh giống như nghi hỏi mà không phải, đó là thâm trình bày cái chỗ thấy của ngài để cho Phật ấn chứng. Vì

vậy tiếp theo là Phật ấn chứng liền **“Đúng thế, đúng thế!”**. Và một điểm nữa mà mình phải chú ý là, Phật mà lại được Bồ đề nữa sao, nên câu hỏi **“Phật được”** là một ngấm ý, nếu Phật mà lại được bồ đề nữa thì Phật chưa hẳn là Phật rồi! Ý rất là sâu xa! Trong câu hỏi đã ngấm có ý trả lời trong đó rồi, do đó mà Phật liền ấn khả **“đúng thế, đúng thế!”** tức là chỗ thấy, chỗ nhận đó khế hợp với tâm Phật rồi. Xác thực đó là chỗ ngài trình bày để Phật ấn chứng chứ không phải là lời nghi hỏi, quá rõ ràng! Rồi Phật nói rõ: **“Ta đối với Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, cho đến không có một chút pháp có thể được, đó gọi là vô thượng chánh đẳng chánh giác”**, như vậy ở trước ngài chỉ nói là Phật **“không có chỗ được”**, không thật có pháp Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác để mà được, ở đây ngài nhấn mạnh rõ ràng, không có **“một chút pháp”** có thể được, thì đó gọi là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Như vậy, đến đây trong lòng thật là rỗng rang, không tồn đọng một chút dấu vết của một pháp thật gì nữa, thì chỗ thấy mới thật là triệt. Cho nên ngài Hoàng Bá có lần bảo: *“Nếu mà thấy có thật đặc thì không phải là người khách ở trong Tông môn của ta, vả lại*

cũng bản thể của ông có gì liên hệ". Đó là pháp sạch không còn có "ý niệm" được gì ở trong này, thì mới thật rỗng rang, mới thể nhập được pháp thân. Trong kinh Duy Ma Cát có đoạn ngài Xá Lợi Phất đối đáp với bà Thiên nữ rất là hay, ngài hỏi:

- Bà còn bao lâu nữa thì sẽ được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác?

Bà đáp:

- Nếu như Ngài Xá lợi Phất trở lại làm phàm phu thì tôi được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Ngài Xá Lợi Phất nói:

- Tôi mà làm phàm phu thì chuyện đó không có rồi.

Vì ngài Xá Lợi Phất chứng Alahán rồi thì không còn sinh tử, vậy sao làm phàm phu được. Bà Thiên nữ lại nói:

- Tôi mà được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác thì cũng không có lẽ đó. Tại sao? Bởi vì Bồ đề là không có chỗ trụ, cho nên không có chỗ được.

Ngài Xá Lợi Phất nói:

- Hiện nay chư Phật được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, chư Phật cũng đã được, và chư Phật sẽ được nhiều như số cát sông Hằng, thì những việc như thế đó sẽ nói thế nào?

Bà Thiên nữ nói:

- Đó thấy đều là do văn tự thế tục ghi chép nên nói có ba thời, chứ chẳng phải là Bồ đề có đời quá khứ, có đời vị lai và đời hiện tại.

Bồ đề không có đã được, đang được và sẽ được. Rõ ràng, nói là đã được, đang được và sẽ được đó là tùy theo văn tự thế tục ghi chép tạm nói vậy thôi, tức là đối với người mê tạm nói để dẫn dắt trở lại, sống trở lại. Trong chỗ chân thật thì Bồ đề là cái sẵn nơi mình nên không có đã được, đang được và sẽ được. Vậy hỏi “Bà chừng nào được?” vừa thấy có được là không phải rồi! Đến đây là trừ cái “*niệm được mất*”, bởi vì còn niệm được mất là cũng còn chưa hết mê, thấy mình có chút được, là còn trong niệm được mất, mà đã còn có cái niệm được mất thì làm sao gọi là Phật. Cho nên ở đây Ngài nói rõ “**Ta trong đây cho đến không có một chút pháp có thể được, đó mới gọi là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác**”. Ngài

Động Sơn Lương Giới, có lần ngài hỏi Hòa thượng Long Sơn:

- Hòa Thượng được đạo lý gì bèn về ở núi này?

Ngài Long Sơn đáp:

- Ta thấy hai con trâu đất nó báng nhau, rồi nhào xuống biển, thẳng đến ngày nay, bật hết tin tức.

Vậy được cái gì? Tức là *chủ* - *khách* đều bật hết, *thể* - *dụng* cũng đều mất, không còn cái gì để phân biệt, để bám lấy, như vậy mới sạch hết dấu vết được mất; mà sạch hết dấu vết được mất thì người ngoài không suy tìm đến được, chỗ đó là chỗ tự chứng thôi. Cũng như ngài Nam Tuyền khi sắp tịch có một vị đệ nhất tòa đến hỏi:

- Sau khi Hòa thượng trăm tuổi ngài đi về đâu?

Ngài bảo:

- Ta sẽ làm con trâu ở dưới núi.

Tu hành như ngài, giáo hóa hàng trăm chúng mà bảo khi trăm tuổi hóa thành con trâu

dưới núi, nếu theo tâm phàm phu mà hiểu thì không thể nào chịu nổi. Ông tăng mới hỏi:

- Con theo được chăng?

Ngài bảo:

- Nếu ông muốn theo ta thì miệng phải ngậm theo bó cỏ nữa.

Chỗ này để nói lên người thật đã chứng ngộ, đã sống được trong đó rồi cho nên quên cái niệm được mất, không còn có chút sở đắc nào hết, không còn thấy có tâm niệm là phàm là thánh, trong lòng rỗng rang sạch trơn mới nói được như vậy. Ngài nói làm trâu, nhưng đâu phải ngài thành con trâu, đó là để thấy ngài không còn niệm phàm thánh, niệm được mất, mới ra đi tự tại; trái lại chúng ta còn niệm phàm thánh nên nghe nói làm trâu là thấy phàm rồi, là thú vật rồi, tức liền chướng ngại. Cũng với ý này, ngài Hoàng Bá dạy: *"Người học Bát nhã không thấy một pháp có thể được, dứt ý nơi tam thừa, chỉ một chân thật thôi, không thể chứng được; còn bảo là ta hay chứng hay đắc đều là tăng thượng mạn, trên hội Pháp Hoa phủi áo ra đi là nhóm người này"*. Bởi vì thấy ta hay chứng hay đắc nên ra đi, học Bát nhã là phải quên chứng đắc, không thấy có một pháp

để được, chỉ sống trở về chân thật chính mình vậy thôi thì có gì để được trong đó. Do đó đoạn này để rũ sạch hết mọi sở đắc trong lòng, cho nó rỗng rang, tự tại. Đó là qua đoạn “Không Pháp có thể được”.



CHÁNH VĂN:

23. TỊNH TÂM HÀNH THIỆN.

Lại nữa, Tu Bồ Đề! Pháp ấy bình đẳng, không có cao thấp, đó gọi là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Do không ngã, không nhân, không chúng sinh, không thọ giả mà tu tất cả pháp lành, liền được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Tu Bồ Đề! Nói pháp lành đó, Như Lai nói chẳng phải pháp lành, đó gọi là pháp lành.

GIẢNG:

Tịnh Tâm Hành Thiện là dùng tâm thanh tịnh làm việc lành.

Trên nói không có một chút pháp gì để được, ở đây Phật liền nói: “**Bởi vì pháp ấy là bình đẳng không có cao thấp, nên mới gọi là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác**”. Đây là hướng cho người, làm tất cả các việc lành mà không có chấp vào chỗ làm của mình, đó mới gọi là thật làm; nghĩa là mình đi qua hết mà không để lại dấu vết, như vậy mới là sống thật, cũng như tránh không để cho mình mắc kẹt vào chỗ không

làm. Bởi nghe ở trên **“không có một chút pháp gì để được”**, rồi thôi không cần làm gì hết, là rơi vào đoạn diệt. Trong đây Phật nói rõ, ở trước nói không có chút pháp gì để được đó, là bởi vì sao? Bởi vì, pháp ấy bình đẳng không có cao thấp. Chúng ta phải chú ý, vì sao mà không có pháp để được? Bởi vì **“pháp ấy bình đẳng không có cao thấp”**, vậy lấy gì để được, để mất? Nhưng nói như vậy, mọi người có nghi không? chúng ta ngồi đây, mỗi người có tâm tư khác, trình độ khác thì sao nói không cao thấp được? Rồi Phật cũng nói có ba thừa sai biệt: Thanh văn thừa, Duyên giác thừa, Bồ tát Phật thừa, vậy sao nói không cao thấp? Nếu nhìn theo kiểu đó, là nhìn theo thức tình của mình, nghĩa là theo thức tình thì thấy Phật nói có cao có thấp, có ba thừa sai biệt. Sở dĩ Phật nói có cao có thấp, có các thừa sai biệt là **Phật nào nói?** Hiểu được đó thì mới thấy được ý nghĩa này. Phải biết rõ đó là **Phật hóa thân nói, Phật báo thân nói**, chứ không phải là Phật pháp thân, Phật pháp thân thì không nói như vậy. Vậy, đó là phương tiện nói, chưa phải là chỗ chân thật. Nhưng muốn thông suốt được chỗ này thì phải hiểu cái gì là pháp ấy? Thường thường người nghe nói vậy, chỉ tìm hiểu cái bình đẳng không cao thấp thôi, mà quên nghĩa **“pháp ấy”** là cái gì? Do đó chúng ta thường chạy trên chữ nghĩa để hiểu,

nghe nói không cao thấp, nghe nói bình đẳng thì theo đó mà hiểu thôi, chứ không xét cho kỹ cái mấu chốt là ở chỗ **“pháp ấy”**, thấy được cái pháp ấy thì mới biết được là không cao thấp. Như vậy, hiện nay sum la vạn tượng đầy đầy trước mắt đây, sao bảo là không cao thấp được? Làm sao thấy được chỗ này? Chính chỗ này làm người học kinh Kim Cang thắc mắc, khó vượt qua. Ngày xưa, ngài Đại Huệ Tông Cảo một hôm xem kinh Kim Cang, thì ngài Văn Chuẩn hiệu Tràm Đường là bạn, thấy bèn hỏi:

- Trong kinh Kim Cang nói “pháp ấy là bình đẳng không cao thấp”, vậy vì sao núi Vân Cư cao, núi Bảo Phong thấp?

Ngài Đại Huệ đáp:

- Pháp ấy bình đẳng không cao thấp.

Ngài đáp bằng cách lặp lại, không đáp thêm gì hết, vậy làm sao thấy được ý đó, có gì lạ? Thấy cái “pháp ấy” là cái gì chưa? Chỗ này cũng giống như trong hang trống, mình la to lên thì nó dội lại, ở đây nó cũng dội lại như vậy đó! Ngay “*cái đang hỏi*”, thì cái đó có cao thấp gì không? Cao thấp là ở niệm phân biệt, do tình thức nó phân chia, còn ngay cái đang hỏi nó có hình tướng gì? cho nên ngài nhấn mạnh: **“Pháp ấy là không có**

cao thấp!” chúng ta vừa thấy cao thấp là đi theo niệm phân biệt rồi, đi theo tướng trạng của sáu trần rồi! Cho nên chỗ này phải thấy nhanh, trong thiền gọi là thấy chớp nhoáng, không để cho cái suy nghĩ chen vào, vừa có suy nghĩ là có cao thấp ngay. Ở đây, ngay khi mình thấy tất cả sum la vạn tượng đầy dẫy trước mắt, mà chưa có niệm thứ hai chen vào thì cao thấp bám vào chỗ nào? Vừa có niệm thứ hai mới có phân biệt, có cao thấp, cho nên phải khéo thấy trước khi mở miệng; chứ đợi người ta mở miệng rồi theo đó để thấy thì có cao, có thấp liền. Chính ngài Hoàng Bá cũng từng bảo: *“Pháp ấy bình đẳng không có cao thấp, đó gọi là Bồ đề. Tức là tâm bản nguyên thanh tịnh này, chúng sinh, chư Phật, núi sông, thế giới, có tướng không tướng, khắp cả mười phương thế giới đều bình đẳng, không có tướng ta và người. Tâm bản nguyên thanh tịnh này thường tự tròn sáng, soi khắp mà người đời lại không ngộ, chỉ nhìn cái thấy, nghe, hiểu, biết làm tâm, rồi bị cái thấy, nghe, hiểu, biết che đậy, do đó không thấy được bản thể tịnh minh”*. Nghĩa là, tâm bản nguyên thanh tịnh vốn không cao thấp, không tướng trạng gì, nhưng bị cái thấy, nghe, hiểu, biết che đậy, thành quên mất cái bản thể sáng suốt của nó đi, do đó mà cứ sống theo cái cao cái thấp, cho nên có yêu có ghét, quên mất cái thật nơi

mình. Giờ, ngay đó mà quên cái niệm phân biệt đi, nhớ trở lại cái biết luôn luôn hiện hữu nơi mình đây, thì sống trở lại cái bình đẳng, thấy mình với Phật không có hai. Bởi vậy, thấy được đạo lý đó, mới rõ thực sự núi có tự cao? sông có tự sâu không? Hay là tại cái gì? Núi không tự nó cao, sông không tự nó sâu, mà do tâm động niệm phân biệt này, nó mới thành có cao, có sâu. Nếu ngay đó là được niệm phân biệt thì thể bình đẳng hiện tiền, khỏi phải tìm đâu xa. Đó mới gọi là thật tướng Kim Cang Bát Nhã. Nên chúng ta nghe nói thật tướng, tướng nó ở đâu đâu mà không ngờ là chính ngay nơi mình thôi, khéo ngay đây là những niệm phân biệt thì thật tướng hiện tiền. Đó là điểm Phật nói, pháp ấy bình đẳng không có cao thấp, đó mới là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Tới đoạn kế, Phật mới nói thêm: **“Do không ngã, không nhân, không chúng sinh, không thọ giả mà tu tất cả pháp lành, liền được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác”**. Thêm một ý nghĩa nữa, ở trước là nói không được, ở đây là nói được. Nhưng mọi người chú ý, ngài nói được, mà trước khi nói được ngài đã chặn đầu trước rồi là **“do không ngã, không nhân, không chúng sinh, không thọ giả, mà tu tất**

cả các pháp lành", tức là một lần nữa khiến người qua cái niệm được và không được. Pháp đó nó có sẵn như vậy rồi không cần phải do tạo tác, cũng không có cao thấp sai biệt gì, nhưng không phải nói như vậy là cứ để tự nhiên nó có, mà phải nhờ phương tiện tu các pháp lành, giúp tiêu trừ các tình chấp mê lầm thì nó mới hiện ra. Do đó nói tu tất cả các pháp lành, nhưng tu tất cả các pháp lành với không ngã, không nhân, không chúng sinh, không thọ giả. Tức là tu mà không kẹt trong bốn tướng thì mới được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Nghĩa là mình làm tất cả mà không có tâm chấp trước, không có dính trong bốn tướng, không có tâm ô nhiễm trong việc làm của mình, làm vậy mới thật làm. Đúng như là chỗ ngài Nam Nhạc Hoài Nhượng đáp với Lục Tổ, sau khi Lục Tổ hỏi:

- Vật gì đến?

Ngài không đáp được, ngài trở về tám năm trời, sau đó ngài ngộ được, mới đến thưa với Tổ:

- Con đáp được rồi.

Lục Tổ hỏi:

- Sao?

Ngài đáp:

- Nói giống một vật tức không trúng.

Chỗ đó bình đẳng, không có sai biệt, không có tướng trạng gì thì đâu có thể nói giống vật gì được. Nhưng nói như vậy không có nghĩa là không làm gì hết, nên Lục Tổ mới gạn lại:

- Như vậy có tu chứng hay không?

Ngài thưa:

- Tu chứng tức chẳng không, mà nhiễm ô chẳng thể được.

Nói không một vật thì sao tu chứng được? Nhưng không phải nói như vậy, đó là nói suông, ngôn ngữ suông mà chỗ này mình phải thể nghiệm chân thật, chứng nghiệm rõ ràng trong đó. Cho nên tu chứng thì không phải không, mà không nên chấp vào chỗ tu chứng, chấp cái chỗ được trong đó, thấy có sở đắc trong đó thành ra ô nhiễm rồi. Cho nên gọi ô nhiễm không thể được, đó là chỗ đặc biệt; mà cũng là ý, nó vốn không một vật, thì không có gì có thể ô nhiễm được nó. Do đó, pháp ấy bình đẳng, bình đẳng là thể, thể thì không tất cả mọi tướng trạng, không làm, không có tạo tác gì; nhưng mà phải tu tất cả các pháp lành. Tu tất cả pháp lành, là

thuộc về dụng, dụng thì hiện bày khắp nơi không thiếu thứ gì. Như vậy thể dụng mới tròn đầy, nếu chấp một bên là bình đẳng không cao thấp thì chỉ mới một bên thể, thể mà không có dụng là thể chết; còn cái dụng không có thể là cái dụng rỗng. Bởi vậy thể dụng phải tròn đủ thì mới đầy đủ ý nghĩa. Ngài Qui Sơn có câu nói: *“Thực tế lý địa bất thọ nhất trần, vạn hạnh môn trung bất xả nhất pháp”*. Tức là trên chỗ lý chân thật thì không chấp nhận một mảy trần nào, trong đó không có chỗ nhận, không có dính một mảy bụi. Nhưng trong cửa muôn hạnh thì không bỏ pháp nào. Thấy như vậy mới là thấy tốt, nhiều khi học hiểu lý suông thì mắc kẹt bên lý, chỉ thấy chỗ lý thật không dính một mảy trần nào, rồi dừng ngang đó thì cái thấy thiên lệch, thấy một bên. Có người hiểu được lý thiên một chút thì nghĩ rằng lý thiên sẵn đó rồi, không cần phải làm gì, như vậy là thành cái thấy cần tuệ (*huệ khô*), thiếu sức diệu dụng. Ở đây phải thấy cho đủ, nên Phật mới nói rõ tuy pháp đó là bình đẳng, không cao thấp, song do tu tất cả các pháp lành với không ngã, không nhân, không chúng sinh, không thọ giả, liền được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Trước nói không được, nhưng đây nói được, song được đó không theo nghĩa *“được mất”* bình thường, đó là để ngừa cái

niệm rơi vào đoạn diệt của mình, nghe nói không có chút pháp gì có thể được hết thì Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác cũng không có luôn! Nên điểm này là điểm rất quan trọng, người tu thiền phải hiểu cho kỹ để không mắc kẹt một bên. Tuy nhiên vừa nói tới pháp lành, Phật liền phá ngay: **“Nói pháp lành đó, Như Lai nói chẳng pháp lành, đó gọi là pháp lành”**. Nói tới là phá liền không để cho mình chấp. Bởi vì, nghe nói tu tất cả pháp lành liền được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, như vậy là thật có pháp lành nữa rồi! Nên Phật liền phá ngay. Bởi lành là gì? Lành là đối với dữ, mà có lành có dữ là có đối đãi rồi; đã đối đãi là không bình đẳng. Song, nếu không nhờ phương tiện là các pháp lành đó để trợ duyên thì mình đâu dứt sạch được cái tình mê, để sống trọn vẹn trong thể giác được? Cho nên cũng phương tiện mà gọi là các pháp lành, chỉ là chúng ta không nên chấp vào trong đó. Đây cũng là một kinh nghiệm để cho thấy rõ, ai mà thường nói rằng tự tánh của mình nó là sẵn như thế, cứ để tự nhiên nó khế hợp thôi, khỏi cần phải tu hành gì hết, nói như vậy là biết thuộc về hạng người nào rồi! Thuộc về hạng nói lý suông, hiểu lý suông, hoặc là thuộc về cuồng giải, hiểu mê cuồng rất là nguy hiểm! Trước hết làm lầm mình, rồi làm

lắm người khác nữa. Ở đây cần **đùng tâm vô phân biệt để làm tất cả**, làm mà không trụ trước, không dính mắc thì liền đó tự khế hợp, đó là làm tất cả mà mình luôn luôn khế hợp với tâm thanh tịnh. Như vậy, một lần sáng lên là sáng mãi, sáng mãi không cùng tận. Sáng được rồi mà làm tất cả pháp lành, làm không bỏ pháp gì hết, nhưng không dính mắc vào một việc làm gì, như vậy chỗ thấy của mình mới sáng liên tục, sáng luôn luôn không dứt. Nếu mới sáng lên một chút mà thấy như vậy là đủ rồi, đã khế hợp rồi, thì như vậy chỉ gián đoạn ngang đó thôi, chứ không kéo dài liên tục được. Như vậy, chỗ này phải hiểu cho kỹ chứ không khéo sẽ mắc kẹt.

Qua đó, ta thấy chỗ này là đưa người đi vào tu chứng, đi vào thể nhập, do đó rất là vi tế. Vì vậy, học phải nghiền ngẫm cho kỹ rất có lợi ích cho mình.



24. PHƯỚC TRÍ KHÔNG SÁNH

Này Tu Bồ Đề! Giả sử trong thế giới tam thiên đại thiên có những núi chúa Tu Di, có người đem các đồng bảy báu bằng như thế, dùng để bố thí, nếu người thọ trì, đọc tụng, vì người khác mà nói Kinh Bát Nhã Ba La Mật này, cho đến bốn câu kệ..., so với phước đức bố thí trước, hơn cả trăm phần, trăm ngàn muôn ức phần, cho đến tính đếm, thí dụ chẳng thể kịp.

GIẢNG:

Ở đây, Phật nói với ngài Tu Bồ Đề, giả sử có người đem bảy báu bằng những núi chúa Tu Di, nhưng không phải bằng một núi thôi mà bằng tất cả những núi có trong tam thiên đại thiên thế giới để bố thí; so với người đọc tụng, (theo bản xưa thì không có chữ “**đọc tụng**”), thọ trì, hoặc vì người khác mà nói Kinh Kim Cang Bát Nhã này thì phước trí của người này hơn người bố thí không thể tính đếm hay thí dụ

có thể bì kịp được. Phần này là tiếp ở trên, không cho mình chấp pháp lành, mà Như Lai nói **“tức không phải pháp lành”**. Nói như vậy e rằng có người sẽ lầm, vậy rốt ráo là như thế nào đây? Nói pháp lành, rồi không phải là pháp lành, không cho mình chấp vào, vậy mình khỏi làm lành luôn hay sao? Thế thì tu đến cuối cùng rồi sẽ ra sao? Đó là để ngừa những cái bệnh hoặc chấp sai lầm. Cho nên ở đây nhấn mạnh phước trí mà phước trí Bát nhã, tức là phước trí do người tu đạt được vô ngã, đó mới là phước trí không thể so sánh được, đó mới là phước trí không thể nghĩ bàn; bởi vì còn so sánh được thì còn nằm trong đối đãi, đó là thuộc hữu lậu, chưa phải là chỗ siêu tột. Song phần này so sánh có khác gì với ở phần trước không? Trước cũng có so sánh rồi, là người đem kho báu đầy cả tam thiên đại thiên thế giới bố thí, người xả bỏ thân mạng bố thí, cũng không bằng. Ở phần trước nói phước bố thí tuy nhiều nhưng cũng không bằng phước trì kinh, rồi vì người khác mà diễn nói. Ở đây Phật nói rõ thêm, phước này so với phước của người bố thí hơn cả **“Trăm phần, trăm ngàn muôn ức phần, cho đến tính đếm thí dụ cũng không thể kịp”**, chỗ này là chỗ mình phải chú ý! So sánh trăm ngàn phần cũng không thể kịp, cho

đến tính đếm thí dụ cũng không kịp nữa, như vậy là sao? là muốn nhấn mạnh đến điểm gì? Đây là nhấn mạnh công đức của Bát nhã vượt ngoài **mọi sự so sánh**; vì còn tính đếm được, còn thí dụ được là còn so sánh, thí dụ là thí dụ cái này với cái kia, tính đếm cũng vậy; bởi nếu còn so sánh được, sao gọi là Bát nhã? Còn so sánh được thì còn trong tình thức, thức mới phân biệt, mới có so sánh; trái lại Bát nhã thì vượt ngoài sự phân biệt đối đãi của tình thức. Vậy, ở đây Phật nhấn mạnh **“Cho đến tính đếm, thí dụ cũng không bì kịp”**, đó là ý sâu mà thông thường chúng ta đọc suông thì không thấy được. Tuy nhiên đọc đoạn này, ai thấy có gì lạ nữa? Ở phần trước Phật đã từng nói pháp ấy là bình đẳng không có cao thấp, mà tới đây lại nói phước này hơn phước kia, có thấy lạ không? Đó là chỗ phải nhìn cho kỹ! Bởi vì chính Bát nhã, nhờ Bát nhã mới thấy tốt được chỗ không cao thấp kia, chứ nếu tình thức thì không thấy được chỗ đó. Nếu còn y theo tướng mà bố thí, là còn thấy có cao có thấp, có nhiều có ít, thì được phước cũng có hạn lượng, có thể so sánh được. Trái lại, phước trí sống trong Bát nhã, từ trong Bát nhã phát ra mà làm thì phước trí đó không cùng tận, đến chỗ đó mới dứt khỏi ý niệm cao thấp, chính phước trí này mới siêu

xuất hơn những phước trí khác. Chính phước trí này mới thấu tốt được cái không cao thấp kia. Chúng ta phải thấy được ý sâu đó, chứ không phải nói như vậy để so sánh sự cao thấp. Bởi chính nó bình đẳng không cao thấp, nên mới thù thắng hơn không có gì bì kịp nó, **phải thấy được ý ngoài lời đó**, mới thấy được tốt trong này, không thì mình thấy có sự mâu thuẫn.

Như vậy, núi báu Tu Di tuy nhiều vô số như núi báu có trong tam thiên đại thiên thế giới, nhưng đó cũng là núi báu hữu hình, nên cũng có cùng tận, do đó đem bố thí cũng có hạn. Còn đây, phước trí của tự tánh là phước trí Bát nhã, thì đó là núi báu vô hình nên không có gì so sánh được, không có gì bì kịp, cho nên dùng mãi không hết. Cái kia có hình nên nó hữu hạn, nhiều cách mấy mà dùng rồi cũng hết. Còn cái này là phước trí của tự tánh, là núi báu vô hình, nên đem núi báu này dùng thì dùng mãi không hết, báu đó mới thật là báu, còn báu kia cũng là giả tạm thôi. Vì vậy, Tổ Bồ Đề Đạt Ma khi còn Thái tử có lần luận về báu; khi đó Tổ Bát Nhã Đa La được vua cha là vua Hương Chí cúng cho một hạt châu báu, Tổ Bát Nhã Đa La muốn thử ba vị vương tử là hai người anh và ngài Bồ Đề Đạt Ma để xem trí tuệ của ba vị này như thế

nào? Tổ Bát Nhã Đa La đưa hạt châu báu lên hỏi: *"Hạt châu này tròn sáng như thế, vậy có thứ châu nào sáng hơn nó không?"*. Hai vị vương tử anh đều trả lời là: *Hạt châu này so với bảy báu thì không có thứ nào sánh bằng, nó là quý nhất rồi!* Ngài Bồ Đề Đạt Ma, lúc này tên Bồ Đề Đa La đáp: *"Hạt châu này chỉ là báu của thế gian thôi, chưa có thể cho là tốt được, trong các thứ báu chỉ có pháp bảo mới là tốt. Ánh sáng của hạt châu này cũng chỉ là ánh sáng của thế gian, nên cũng chưa cho là tốt, trong các thứ ánh sáng chỉ có trí sáng mới là tốt. Sự trong sáng của hạt châu này cũng chỉ là sự trong sáng của thế gian nên cũng chưa tốt, mà trong các thứ trong sáng chỉ có tâm trong sáng là quý hơn hết. Hạt châu này chiếu sáng được, nhưng chẳng thể tự chiếu mà cần phải nhờ ánh sáng của trí tuệ; để tỏ rõ được cái báu của nó, phải nhờ ánh sáng trí tuệ này để biện biệt. Trí tuệ đã biện biệt rồi, tức biết nó là châu. Đã biết là châu rồi thì mới rõ nó là báu. Như vậy nó châu mà chẳng tự biết là châu, cần phải có trí châu để biện biệt được, mới biết nó là châu của thế gian. Cũng thế, nó báu mà nó chẳng tự biết là báu, mà phải nhờ cái trí báu để soi sáng mới rõ nó là một vật báu. Song nếu thấy có đạo thì báu kia liền hiện, còn chúng sinh có đạo thì tâm báu tự bày".* Như

vậy hạt châu báu này là thứ quý ở thế gian, nhưng nó không tự biết nó là báu mà phải nhờ trí báu để biện biệt, vậy nó báu mà không tự biết là báu thì không thật là báu, còn chính “trí báu” nơi chính mình mới thiệt là báu. Nên Ngài nói “thấy có đạo”, tức là có chỗ sống được thì tâm báu liền hiện, đây là trí báu nơi mình; chúng sinh có chỗ sống thì tâm báu tự bày, mỗi người đều có đủ, cái đó mới là báu chân thật. Nói như vậy thì có người cũng chưa tin lắm, song hãy kiểm lại xem, một hòn ngọc nó thật quý, đối với người thế gian đeo có khi bị giật, nhưng hòn ngọc đó cho một đứa bé thì nó làm hòn bi bắn chơi, như vậy nó báu thiệt chưa? Sở dĩ nó báu là do tâm phân biệt này, do phân biệt mới thấy cái này nó khác cái kia, nó hiếm, nên thấy báu. Tức tùy theo niệm phân biệt mà thấy báu, chứ chưa thật báu. Chính cái trí báu chân thật nơi mình mới gọi là thật báu, và cái đó thì bao nhiêu thứ kia làm sao so sánh được, những thứ kia nó chỉ gây cái mầm tham lam cho người khác thôi, gây cái mầm đấu tranh thôi, như vậy có thật báu đâu? Chính trí báu mới dứt hết các mầm tham lam, dứt mọi mầm đấu tranh, đưa mình ra khỏi phiền não, đó mới thật báu, dùng mãi không hết. Ngài Phó Đại Sĩ có bài tụng nói về việc này:

*Thí bấu như số cát,
Chỉ thành hữu lậu nhân.
Đâu bằng quán vô ngã,
Suốt vọng mới là chân.
Muốn chứng vô sinh nhẫn,
Cốt nhờ lìa tham sân.
Người pháp rõ vô ngã,
Thong dong khỏi sáu trần.*

Nghĩa là bố thí bảy bấu nhiều như số cát sông Hằng đi nữa, nhưng cái đó chỉ là nhân hữu lậu, rồi cũng có lúc hết. Còn quán vô ngã để thấu suốt được mọi tạo tác nó là hư vọng, không còn chỗ nào để mình bám, mình chấp nữa, đó mới là chỗ chân thật. Và muốn chứng được vô sinh nhẫn, tức là bình an trước các pháp, thì phải lìa tham sân. Muốn lìa tham sân thì phải lìa si, vì do si mê mới tham, mới sân. Như vậy si mê là gốc, nhưng lìa si mê phải làm sao? Lìa si mê phải dùng trí Bát nhã, si là đối lại trí tuệ, dùng trí Bát nhã quán rõ nhân pháp vô ngã, không còn chấp trước nữa, thì mới thong dong tự tại, thanh thoi không còn bị sáu trần chi phối. Đến đây mới là chỗ quý tốt, còn

có cái gì ở thế gian này so sánh kịp? Ngài Phó Đại Sĩ nói, đó mới chính là cái quý báu chân thật, còn những việc làm về cái nhân hữu lậu, việc làm hữu vi, còn có sự tạo tác, làm thì mình có phước và được hưởng phước, nhưng hưởng hết rồi thì nó rơi xuống, có khi hưởng phước mà không có trí tuệ hoặc là thiếu trí tuệ cũng nguy hiểm lắm! Bởi có phước nhiều mà không trí thì dễ tham, mà tham rồi thì đắm nhiễm trong đó, sinh nhiều phiền não. Mình có phước giàu sang, phú quý, quan quyền mà thiếu trí tuệ chân thật, dễ sinh ra kiêu mạn, khinh khi người khác, tạo tội ngược trở lại nữa, nên khi mình hưởng hết cái đó rồi thì đi xuống; vì vậy, gọi là cái nhân hữu lậu, chưa phải là chỗ chân thật. Còn ở đây là mở sáng trí tuệ này mới vượt thoát được những phiền não, những đắm nhiễm, đó mới là chỗ chân thật không gì sánh kịp, đó mới là chỗ dùng mãi không hết. Đây chính là lẽ thật muôn đời, nhưng nó không ở đâu xa, mở mắt Bát nhã là thấy ngay thôi. Ở đoạn trước, Phật nói pháp lành chẳng phải pháp lành, đó là ngài phá, không cho mình chấp vào pháp lành, muốn đưa mình sống thẳng vào tự tánh, từ đó phát triển mọi công đức nơi tự tánh của mình ứng dụng ra, thì việc đó không thể lường được. Như vậy phá pháp

lành kia không phải là không làm gì hết, tới đó là không còn gì, mà để đánh thức mình khai triển sống trở lại cái công đức của tự tánh, phát triển cái công đức đó ra, đó mới là cái chân thật dùng mãi không hết. Hòa thượng Câu Chi từng bảo trong chúng: *"Ta từ khi được một ngón tay thiền của Hòa Thượng Thiên Long, đến nay dùng mãi không hết"*. Đó là chỗ chân thật ngài sống được, từ nơi tự tánh phát ra, cho nên đâu có lúc nào mà hết được. Phước trí không có gì so sánh, bì kịp được là vậy. Ta thấy hai điểm: Phước bố thí còn nhân hữu lậu và phước trí thuộc về tự tánh, hai bên đã rõ; nhưng nói như vậy không phải bảo mình bỏ không làm gì hết, chỉ một bề tu về trí tuệ thôi, thì cũng nghiêng một bên. Đây là mở sáng trí tuệ rồi thì làm tất cả mọi công đức lành, nhưng làm không còn chấp trước nữa. Có người nói, thôi mình tu cao rồi không cần làm các pháp lành nữa, như vậy là mắc kẹt, mà đến đây thì làm tất cả một cách hồn nhiên vô tâm. Thí dụ khi mình còn sống trong tâm phân biệt đối đãi, đi ra đường thấy đứa trẻ nó té mình muốn đỡ nó dậy thì nghĩ: "đỡ nó dậy cho có phước, đó là một việc làm lành, làm tốt". Còn đối với người sống được với tâm trí tuệ chân thật từ trong này phát ra thì, thấy đứa bé té mình đỡ dậy tự

nhiên thôi, tự phát ra không cần nghĩ có phước hay không phước gì hết, nhưng chính như vậy phước nó đầy đủ hơn; còn nghĩ làm như vậy cho có phước thì hơi ích kỷ trong này rồi, nó có cái ta trong này, phước cũng hạn hẹp. Đây cũng vậy, khi sống được với tự tánh thì làm tất cả các việc lành nhưng làm tự nhiên, chứ không nghĩ làm như vậy để được phước, nó khác với người còn trong chấp trước.



CHÁNH VĂN:

25. GIÁO HÓA KHÔNG CHỖ GIÁO HÓA.

Này Tu Bồ Đề! Ý ông nghĩ sao? Các ông cho rằng, Như Lai khởi niệm thế này: “Ta phải độ chúng sinh”. Tu Bồ Đề! Chớ khởi niệm ấy. Tại sao? Thật không có chúng sinh Như Lai độ cho. Nếu có chúng sinh Như Lai độ cho, Như lai liền có ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả. Tu Bồ Đề! Như lai nói có ngã tức chẳng phải có ngã, mà người phàm phu cho là có ngã. Tu Bồ Đề! Phàm phu, Như Lai nói tức chẳng phải phàm phu, đó là phàm phu.

GIẢNG:

Đây là phá sạch cái niệm độ sinh, khiến cho mình vượt qua mọi phương tiện, mê giác cũng sạch. Bởi vì, nếu còn có cái thấy cố định “Có Phật hóa độ chúng sinh”, thì vẫn còn y nguyên như cũ là cái thấy Phật và chúng sinh sai khác, như vậy là còn chia có mê, có giác, có thánh, có phàm, còn cái niệm đó thì thật sống

với Bát nhã chưa? Cho nên ở đây là khiến sạch cái niệm đó, mà trước đã nói *“Pháp ấy bình đẳng không có cao thấp”* thì còn chia gì nữa? Nếu còn niệm này thì còn thấy Phật là giác, nghĩa là trên cao; chúng sinh là mê, là ở dưới, tức là còn thấy có cao có thấp, có trên có dưới như vậy là còn có niệm hai bên rồi, đó gọi là chưa thật sự thể nhập Bát nhã được, tức là đứng ở một bên pháp thân, chưa nhảy được khỏi nôm bầy. Khi người còn có niệm *“Phật thật độ chúng sinh”*, thì cái thấy chưa được tròn suốt, chưa thật sự thấy suốt chúng sinh và Phật đồng thể không hai. Nếu thấy chúng sinh và Phật đồng thể không hai thì khi làm Phật cũng không thêm, làm chúng sinh cũng không bớt, vì *“thể”* đâu có thêm bớt, mà thêm bớt chỉ là danh từ. Nên trong kinh Văn Thù Bát Nhã có đoạn Phật nói rằng: **“Giả sử mười phương tất cả chư Phật, mỗi mỗi đức Phật ở đời hoặc là một kiếp, hoặc hơn một kiếp, rồi cả ngày đêm nói pháp, tâm chẳng tạm dừng. Mỗi vị đều độ vô lượng hằng sa chúng sinh thấy đều vào niết bàn mà chúng sinh giới cũng chẳng có thêm bớt; bởi vì lìa ngoài pháp giới chân như (pháp tánh chân thật) thì tướng cố định chúng sinh không thể được (không thể có), thể**

nên chúng sinh giới không thêm bớt". Mọi người nghe có nghi không? Hiện tại chúng sinh đầy đầy nếu thành Phật hết thì sao đây? Thế giới này chắc trống rỗng hết, vậy những vị Phật này dời ở đâu? Khi thành Phật bỏ những chúng sinh này ở chỗ nào? Đó là thấy có Phật thật, chúng sinh thật, chính cái niệm này khiến thấy thành Phật phải bỏ chúng sinh này, rồi thành Phật phải lên một cái cõi nào đó ở; mà quên rằng Phật và chúng sinh thể vốn không hai, tự tánh chúng sinh xưa nay vốn là Phật sẵn rồi, nhưng tâm mê gọi là chúng sinh, tâm giác tức Phật, khác nhau ở cái tên thôi. Nghĩa là khi mê gọi là chúng sinh, khi giác chuyển tên chúng sinh là Phật. Như vậy tâm thể thì không hai, nhưng trên cái dụng thì tạm đặt hai tên, nên thành Phật không phải là đổi "*thể khác*", vì đổi thể khác là ai thành chứ không phải chính mình thành, tức là thành ông Phật gì khác rồi. Nếu ở thế giới này tất cả chúng sinh đều thành Phật, thì ngay đây là cực lạc rồi, cõi này biến thành cõi Phật rồi, còn phải đi đâu nữa? Như vậy để thấy, khi chúng sinh thành Phật thì đâu đâu cũng là Phật; khi tâm thanh tịnh rồi thì đâu đâu cũng thanh tịnh, chỗ nào cũng sáng ngời, dụng đâu cũng là cõi Phật, vậy cần phải tìm đâu nữa? Vậy thế

giới này có trống rỗng không? Nên hiểu vậy mới không lầm, không nghi, không lo nếu thành Phật rồi mình ở đâu? Chính đó là cái niệm còn nhớ chúng sinh này, cái niệm còn chấp chặt hai bên nên không thấy suốt được; còn ở đây phải thấy rõ Phật và chúng sinh chỉ là hai tên giả, chứ thể không hai, nếu giác rồi thì chúng sinh này thành Phật, cội này là cội Phật. Trong kinh Tiểu Phẩm Bát Nhã có đoạn, Phật bảo: **“Tất cả chúng sinh xưa nay thanh tịnh, giả sử khiến cho chư Phật ở trăm ngàn muôn kiếp xướng lên “chúng sinh, chúng sinh”, mà cũng không quyết định thật có chúng sinh có thể được”**. Vì trong con mắt của Bát nhã, Phật và chúng sinh chỉ là giả danh, giả tướng, trong đó thấy rõ tự tánh nguyên là Phật rồi, tức bật cái niệm phàm thánh, thì xưa nay vốn thanh tịnh, vốn giải thoát, không còn lầm, mắc kẹt trong tên đó nữa, nên dù có nói tên chúng sinh trăm lần, ngàn lần đi nữa, cũng không phải do nói mà thành ra thật có. Chúng ta thì lầm trên cái tên, nên nghe Phật nói phàm phu thì chấp có phàm phu, nghe nói tên chúng sinh thì chấp có chúng sinh, nghe nói ngã thì chấp có ngã. Bởi vậy trong kinh Kim Cang này, Phật vừa nói ra là phá liền, đâu phải nói tới chúng sinh là có

chúng sinh, mà mình thường lầm cái lầm đáng thương, nguy hiểm! Ví dụ mình là người đảng hoàng, mà có ai giận chửi mình là con chó thì mình có thành con chó không? Nhưng nghe vậy tưởng thành con chó thiệt, rồi nổi giận lên, khi nổi giận lên thì biết đâu thành con chó thiệt! Vậy, họ nói đó là để chọc mình giận thôi, chứ không phải họ nói chó là mình thành con chó thiệt, **đó chỉ là danh từ** nhưng mình quen sống trong thức phân biệt nên dễ mắc kẹt trong cái tên, liền rơi vào bẫy của họ. Do đó ở đây Phật nói, không phải nói tới chúng sinh là thật có chúng sinh, mà chỉ là một danh từ tạm đặt ra trong lúc còn mê để đánh thức mọi người vậy thôi. Hiểu chỗ đó, mới thấy nếu mình qua được niệm phàm thánh, thì mới thấu suốt được chỗ này. Cho nên trong nhà thiền có một đoạn rất khó hiểu, nhưng ai hiểu được thì mới thấy ý thâm sâu. Hòa Thượng Huệ Nam ở Hoàng Long thuộc về Tông Lâm Tế, Sư thường hay thử người học đến để nghiệm đã thật sự tỏ ngộ, đã có chỗ vào chưa hay không có chỗ vào, đã qua được cửa hay chưa qua được cửa, nên có ai đến Sư thường duỗi tay ra nói: *"Tay ta sao giống tay Phật?"*, rồi duỗi chân ra: *"Chân ta sao giống chân lừa?"*, những vị tăng trả lời đúng hay không đúng, Sư chỉ khép mắt ngồi thẳng,

không ai hiểu được ý Sư, có người thắc mắc hỏi lý do ấy, Sư bảo:

- Như người đã đi qua khỏi cửa thì thấy tay đi thẳng, chẳng cần biết người gác cửa. Nếu từ người gác cửa hỏi phải, chẳng phải, chính là người chưa qua khỏi cửa vậy.

Cũng vậy, người thấu suốt rồi mà còn nghi hỏi lại là đúng hay không đúng thì chưa thật thấu, chưa thật sống được. Nếu ngay đây quên được tình chấp phạm thánh, tức liền thấu suốt không còn nghi ngờ, là qua được cửa, trái lại chần chừ sợng lại thì bị tên “lừa”, tên “Phật” che liền; khi nghe tên Phật, tên lừa là kẹt, nên nhiều người không qua được chỗ đó. Nếu thật sự qua được niệm phạm thánh thì tên Phật, tên lừa cũng là tên thôi, ngay đó tánh giác hiện tiền sáng ngời, thì có chỗ nào nghi ngờ? Nên trong đây Phật nhấn mạnh: **“Chớ khởi cái niệm ấy”**, tức là cái niệm cho rằng **“Như Lai khởi niệm ta phải độ chúng sinh”**, khởi niệm đó là thấy có Phật có chúng sinh, có niệm phạm niệm thánh còn nguyên. Bởi vì đó là lấy theo phạm tình của mình mà đo lường trí Phật, mình nghĩ Phật cũng giống như mình, độ sinh cũng phải có niệm độ sinh, như vậy thì trí thánh cũng thành phạm. Phật giải thích, cho

Như Lai khởi niệm như vậy tức là Như Lai có ngã sao? Có Phật thiết, có chúng sinh thiết thì mới đem Phật độ chúng sinh, vậy quên rằng sở dĩ Phật ra đời là để đánh thức tình mê của mỗi người, để mình nhớ lại cái mình sẵn có mà mình quên nên tạm gọi là độ, chúng ta lầm lẫn nghĩ theo tình mê mà suy bụng ta ra bụng người! Hiểu như vậy, mới thấy độ chỉ là tạm độ, và chỉ là danh từ, không mắc kẹt vào đó. Nhưng ở đây, vừa nói tới ngã là Phật phá ngay, bảo: **“Như Lai nói có ngã, tức chẳng phải có ngã”**, ngài sợ mình nghĩ có ngã thiết, vì nếu không có ngã, vậy ngài phá chấp cái gì, đó là chỗ nhiều người lầm. Phật thường nói phải phá chấp ngã, và ai ai cũng thường có ngã, vậy nếu không có ngã thì chấp cái gì? Nếu nghĩ vậy thì chấp thật có ngã! Hoặc có người nghe Phật xưng là **“Ta”**, như đoạn trước Phật có nói: **“Do thật không có pháp được Vô thượng chánh đẳng chánh giác, vì vậy Phật Nhiên Đăng mới thọ ký cho Ta”**, hoặc **“Ta đối với Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác cho đến không có một chút pháp có thể được”**, như vậy ngài xưng **“Ta”**, tức Ngài cũng chấp có **“Ta”** hay sao? Bởi Phật tùy theo thế tục, tùy theo phàm phu mà ngài tạm nói để dẫn dắt mọi người, chứ không phải ngài nói như vậy mà

ngài cũng chấp như mọi người. Chúng ta nghe nói "ta", là chấp có "ta"; còn Phật theo thông tục thế gian tức thế đế mà ngài tạm nói ra, nhưng ngài biết rõ những điều đó không thật, nói như vậy không phải là chấp như vậy. Cũng vậy, ngài nói: **"Tu Bồ Đề, Như Lai nói có ngã tức chẳng có ngã, mà người phàm phu cho là có ngã"**; vừa nói tới tên *"Phàm phu"* Phật cũng phá liền: **"Phàm phu, Như Lai nói tức chẳng phải phàm phu"**, nói qua là ngài phá liền, không để cho người có chỗ nào bám, cho thấy, ở đây những danh từ Phật có thể dùng, nhưng dùng tùy theo thế tục mà dắt dẫn người chứ không phải nói như vậy là thật có như vậy; chính Ngài trong lòng thật rỗng rang không có gì chứa trong này, nên nói là ngài phá liền không để lại dấu vết. Vậy mà nhiều người vẫn còn kẹt, vẫn còn bám. Như vậy đến đây là phá những niệm độ sinh, niệm phàm thánh, cũng như sạch cái niệm cho có ngã, có phàm phu, vừa thấy có phàm thánh là mắc kẹt. Trong nhà thiền Nham Đầu Toàn Khoát một hôm đến tham vấn Ngài Đức Sơn, vừa vào cửa phương trượng Sư đứng nghiêng mình, nửa trong nửa ngoài và hỏi: *"Là phàm là thánh?"*, nếu ông thấy thường thường thì làm sao đáp đây? Đó là câu hỏi khó trả lời. Ngài Đức Sơn

hét một tiếng, Sư liền lễ bái. Đứng nửa trong, nửa ngoài thì làm sao xác định cái nào là phàm, là thánh? Nếu mình vừa khởi nghĩ phàm thánh thì chưa vào cửa được. Nên ngài Đức Sơn chỉ hét thôi. Đó là điểm đặc biệt, phải nhìn bằng con mắt Bát nhã, nhìn nhanh lẹ, bén, ngay lúc đó mà nghĩ ngợi là rơi vào phàm thánh liền, tức lọt ra ngoài cửa. Đó là chỗ sâu xa trong nhà thiền.



过唐和尚

慧可大师



CHÁNH VĂN:

26. PHÁP THÂN CHẴNG PHẢI TƯỚNG

Này Tu Bồ Đề! Ý ông nghĩ sao? Có thể lấy 32 tướng mà quán Như Lai chăng?

Tu Bồ Đề thưa:

- Đúng thế! Đúng thế! Lấy ba mươi hai tướng mà quán Như Lai.

Phật bảo:

- Này Tu Bồ Đề! Nếu lấy ba mươi hai tướng mà quán Như Lai, thì Chuyển Luân Thánh Vương tức là Như Lai.

Tu Bồ Đề bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Theo chỗ con hiểu về nghĩa Phật nói, chẳng nên lấy tướng ba mươi hai mà quán Như Lai.

Sau đó Thế Tôn nói kệ:

Nếu lấy sắc thấy ta.

Lấy âm thanh cầu ta.

Người ấy đi đường tà,

Chẳng thể thấy Như Lai.

GIẢNG:

Phật bảo “**Ỗ ông nghĩ sao?**” là gạn hỏi thăm dò “**có thể lấy ba mươi hai tướng mà quán Như Lai chăng?**” Ngài Tu Bồ Đề trả lời: “**Đúng thế! Đúng thế!**” Ở trước, khi Phật gạn hỏi: “**có thể lấy ba mươi hai tướng mà thấy Như Lai chăng?**” thì ngài Tu Bồ Đề biết trả lời: “**Chẳng thể lấy ba mươi hai tướng mà thấy Như Lai**”, ở đây tại sao bất ngờ ngài nói: “**Đúng thế! Đúng thế! Lấy ba mươi hai tướng mà quán Như Lai?**” Là có nghĩa sâu trong đó. Thứ nhất, ở trước nói về “**thấy**”, còn ở đây nói về “**quán**”. Ở những phần trước là khiến cho mình lìa tướng mà thấy tánh, phá tướng để khai thị cho mình tỏ ngộ được tánh Bát nhã. Đứng về nghĩa “**thấy**”, thì pháp thân là vô tướng, mà pháp thân vô tướng thì không phải là cái bị thấy. Pháp thân vô tướng thì làm sao bị thấy được, nên không thể lấy ba mươi hai tướng mà thấy Như Lai, tức là không thể thấy ở

trên ba mươi hai tướng đó. Đến phần này là thuộc về quán nhập, tức thể nhập pháp thân, là tự chứng tánh tướng như như, cho nên **Như Lai là nghĩa như** các pháp, do đó để quán nhập tự chứng tánh tướng như như thì, tánh tướng không thể rời nhau, không thể rời ba mươi hai tướng để riêng có cái gì quán. Nếu rời ngoài ba mươi hai tướng mà có cái gì khác để quán thì hết nghĩa như rồi, như vậy là chưa thật sự thể nhập được trong Bát nhã, tức là chưa sống được trong pháp thân. Vậy ở đây, đến phần thể nhập pháp thân thì tánh tướng không rời nhau, gọi là như như, không thể tách rời tướng mà riêng có tánh để mình thể nhập, nếu tách rời cái này để có cái khác thì có tâm hai bên nữa rồi. Trong sử nhà Thiên có Thượng Toạ Tử Phương ở chỗ thiền sư Trường Khánh, Sư đến ngài Pháp Nhân thì Pháp Nhân dẫn bài kệ của Trường Khánh ngộ đạo:

Ở trong muôn tượng riêng bày thân,

Chỉ người tự nhận mới là gần.

Thuở xưa lầm nhấm ngoài đường kiếm,

Ngày nay xem lại băng trong lò.

Sau đó ngài Pháp Nhân hỏi:

- Thế nào là ở trong muôn tượng mà riêng bày thân?

Ở trong muôn tượng sum la thì sao lại riêng bày thân? Nếu theo cái hiểu thông thường thì giữa muôn sự sai biệt này mà riêng bày thân thì chắc phải có cái gì tách rời hoặc vạch bày rõ ràng. Tử Phương đưa phát tử lên thôi. Ngài Pháp Nhân bảo:

- Hiểu như vậy thì đâu có thể được?

Tử Phương thưa:

- Tôn ý của Hòa Thượng như thế nào?

Ngài Pháp Nhân nói:

- Gọi cái gì là muôn tượng?

Nói như vậy mà còn chưa hiểu vì mình thấy có muôn tượng thật, mọi thứ sai biệt thật nên riêng bày thân cũng có một cái thật nữa, chính vì thấy hai cái thật đó nên không làm sao hiểu nổi. Đây ngài nói *“gọi cái gì là muôn tượng”*, thấu suốt như là kinh Kim Cang đã nói **“Nhược kiến chư tướng phi tướng tức kiến Như Lai”**, nếu ngay muôn tượng sai biệt mà thấy rõ nó là phi tướng tức không có thật thể gì hết, thì ngay đó pháp thân rõ ràng hiện tiền có cái gì

phải tìm chỗ khác nữa? Khi ngài Pháp Nhân gạn hỏi lại “cái gì là muôn tượng”, Tử Phương liền thưa:

- Người xưa chẳng vạch bày muôn tượng.

Đó là ngài dẫn lời người xưa, nhưng khi nói chẳng vạch lại mắc kẹt một cái nữa, đó là “vạch, chẳng vạch” thuộc hai bên, nên ngài Pháp Nhân bảo:

- Ở trong muôn tượng riêng bày thân thì nói gì vạch chẳng vạch?

Ngay đó là riêng bày thì còn cái gì vạch chẳng vạch? Vừa khởi niệm vạch, chẳng vạch là rơi vào hai bên, ngay đó là mất rồi. Ngay đó Tử Phương liền tỏ ngộ. Như vậy ta thấy nếu chỉ sống trong niệm phân biệt hai bên thì khi nghe nói ra dễ mắc kẹt liền. Nghe nói ở trong muôn tượng mà riêng bày thân, tức ở trong muôn thứ sai biệt như vậy mà riêng bày cái thân của chính mình, thì bây giờ làm sao bày được? Phải là ở trong đó vạch bày muôn tượng đó ra để hiện cái này, hoặc ngay đó chẳng vạch liền thấy rõ, chỉ có hai cách vậy thôi. Đó là thấy có muôn tượng thật, rồi có cái thân này thật nữa, vậy là thấy có hai, nên thấy có vạch hay chẳng vạch; còn ngay đó thấu suốt qua muôn tượng, tức nó rõ ràng hiện bày thì còn có ý

niệm vạch chẳng vạch gì nữa? Ở đây tức ngay tướng đó, mà tánh hiện rõ ràng thì còn tách rời gì nữa? Hiểu được chỗ đó mới cảm được chỗ Vua Lý Thái Tông một hôm vào trong núi thăm thiền sư Thiền Lão, và hỏi:

- Hàng này Hòa Thượng làm gì?

Thiền sư đáp:

Trúc biếc hoa vàng đâu cảnh khác.

Trắng trong, mây bạc hiện toàn chân.

Hỏi hàng này làm việc gì, là hỏi chỗ sống hàng ngày của thiền sư Thiền Lão. Nếu mình thật sự chưa có chỗ sống thật mà chỉ học hiểu trong chữ nghĩa, trên cái lý thôi, thì thấy hàng ngày phải sống thế này, thế nọ, phải có cái gì đó để sống, tức liền mắc kẹt. Ở đây thiền sư đáp rõ: “Trúc biếc hoa vàng đâu cảnh khác, trắng trong mây bạc hiện toàn chân”. Mọi chỗ đâu đâu cũng lộ bày chỗ chân thật đó chứ không có gì khác, cũng không có cảnh giới nào khác. Tâm tịnh thì ngay đây tất cả đều thanh tịnh sáng ngời, còn chỗ nào để tách rời hay để lìa gì nữa? Nghĩa là **tướng đâu thì tánh đó rõ ràng**, không thiếu, không sót, vậy còn khởi niệm chia chẻ gì nữa? Do đó, ở đây ngài Tu Bồ Đề hiểu ý

của Phật nên liền đáp: **“Đúng thế! Đúng thế!”**, ngay ba mươi hai tướng đó để vào thôi; nghĩa là quán Như Lai thì ngay ba mươi hai tướng đó mà vào, mà thể nhập, quán nhập vào trong đó. Nhưng nói như vậy e có người lại lầm nhận nữa, nghe **“Đúng thế! Đúng thế! Lấy ba mươi hai tướng mà quán Như Lai”**, lại mắc kẹt trên ba mươi hai tướng, là kẹt trên tướng. Nên Phật mới gạn lại: Chuyển Luân Thánh Vương do có phước báo nên cũng có ba mươi hai tướng, vậy cũng là Như Lai nữa sao? Nghe nói tánh tướng như như thì ngay nơi tướng đó mà vào, lại hồ đồ nhận tướng cho là Như Lai thì lại kẹt ba mươi hai tướng đó, mà ba mươi hai tướng đó ngày nay còn ở đâu? Thân ba mươi hai tướng của Phật khi niết bàn thiêu rồi! Nếu nhận đó là Như Lai thì lờ mờ giữa thật và giả. Nên Phật gạn lại, ngài Tu Bồ Đề trả lời: **“Theo chỗ con hiểu nghĩa của Phật nói, chẳng nên lấy ba mươi hai tướng mà quán Như Lai”**, nghĩa là muốn đến chỗ nhất như đó, phải theo trí của Phật mà thấy, phải sạch hết tình chấp ở tướng kia mới chứng nghiệm được, chứ không hồ đồ nghe nói vậy rồi nhận bừa, dừng ngang trên tướng đó cho là nhất như, là lầm! Do đó kẻ Phật nói bài kệ:

*Nhược dĩ sắc kiến ngã, Nếu lấy sắc thấy ta,
 Dĩ âm thanh cầu ngã, Lấy âm thanh cầu ta,
 Thị nhân hành tà đạo, Người ấy đi đường tà,
 Bất năng kiến Như Lai. Chẳng thể thấy Như Lai.*

Đây là mình học theo bản phổ thông, còn theo bản của ngài Bồ Đề Lưu Chi thì có 2 bài kệ, bài đầu như trên, bài thứ hai:

*Bì Như Lai diệu thể, Diệu thể Như Lai kia,
 Túc pháp thân chư Phật. Túc pháp thân chư Phật.
 Pháp thể bất khả kiến, Pháp thể chẳng thể thấy,
 Bì thức bất năng tri. Thức ấy chẳng hay biết.*

Chữ “ta” trong đây không phải cái ta này, mà “ta” là chỉ cho diệu thể, pháp thân, cái đó không thể thấy được, cái thức này cũng không thể biết được. Đó gọi là pháp thân chân ngã, chứ không phải cái ta của năm uẩn này. Nó vượt ngoài cái thấy nghe hiểu biết thường tình, cho nên chỉ người tự chứng nghiệm nơi mình chứ không lấy con mắt để thấy được, tai này để nghe được, hay dùng thức này để suy nghĩ mà biết được. Do đó không thể lấy sắc mà thấy, lấy âm thanh mà cầu. Chỗ này nhà thiền gọi là

“*chẳng được động đến*”, nếu động đến là ăn 30 gậy! Động đến, nghĩa là nghĩ đến, mà nghĩ đến là mắc kẹt trong tình thức. Cũng chính chỗ này, Tổ Bá Trượng có lần thượng đường nói bài kệ để đánh thức mọi người về chỗ chân thật này: “*Linh quang riêng chiếu. Vượt khỏi căn trần. Thể bày chân thường. Chẳng kẹt văn tự. Tâm tánh không nhiễm. Vốn tự viên thành. Chỉ lia vọng duyên, tức như như Phật*”. Nghĩa là, cái linh quang sáng rõ nơi mình, nó riêng tự chói sáng một mình, không mắc kẹt, không nương tựa cái gì, nó vượt khỏi căn trần, không ở trong con mắt này, không ở trong hình sắc kia, mà là cái đang ngồi nghe! Cái thể đó bày lộ chân thường, hằng hữu, nhưng không nằm trong văn tự, trong chữ nghĩa, đừng mò mẫm trong quyển kinh này, trong quyển sách kia, mà chính nó đang ngồi nghe, chỉ có Tâm tánh không duyên theo các trần, không duyên theo cái này, cái nọ thì ngay đó vốn tự viên thành, tự đầy đủ, luôn luôn hằng hữu không thiếu gì hết. Nên “*Chỉ lia vọng duyên, tức như như Phật*”, khỏi phải tìm đâu xa, còn mình chỉ lo vọng theo duyên, tìm cái này cái kia nên tự nó che. Đây là bắt hết chỗ duyên, thì ngay nơi mình nó hiện hữu; nếu có chỗ duyên thì nó là cái bóng thứ hai, thứ ba, chứ không phải là mặt trăng thật, vì đã có chỗ

duyên thì nó thành sai biệt rồi, làm sao gọi là tánh tướng như như được, làm sao mà ngay tướng nhập tánh được. Đó là chỗ phải khéo nhận – Song bài kệ này:

Nếu lấy sắc thấy ta,

Lấy âm thanh cầu ta,

Người ấy đi đường tà,

Chẳng thể thấy Như Lai.

Nhiều người hiểu lầm thành ra xuyên tạc, mượn bài kệ này để làm biếng, nghe nói vậy thì thôi mình tu khỏi cần tụng kinh lễ Phật làm gì. Vì tụng kinh là âm thanh, mà lấy âm thanh cầu ta là đi đường tà rồi; lễ Phật là sắc tướng, mà lấy sắc cầu ta là cũng đi đường tà nữa. Nhiều người chấp vào bài kệ này, bỏ không cần tụng kinh, không cần lễ Phật, cho rằng làm như vậy là còn chấp tướng, là còn kẹt, là đi đường tà; nhưng không ngờ mượn cái đó mà che bệnh làm biếng của mình, đâu biết chấp như vậy là lấy một bên, bỏ một bên, thì làm sao mà thấy Phật được? Nếu bỏ hết như vậy, còn lại phải làm gì? Trong khi mình chưa có chỗ sống chân thật mà không tụng kinh, lễ Phật, thì không biết làm gì, rồi thì ngênh

nghe ngang ngang, ngày qua tháng lại lâu ngày chồng chất thêm tâm kiêu mạn, gặp Phật không lễ, gặp pháp không trọng, gặp thầy cũng ngẩng mặt ngó luôn, thì đó là bệnh lớn, trong cái âm thầm này tự cho *"ta là trên hết"*, mọi cái kia đều thuộc về hình thức, và trong này *"cái ngã"* lâu ngày to chừng nào không hay, rất là nguy hiểm! Nói là không rơi đường tà, nhưng chính mình đi vào đường tà mà không hay! Phải hiểu Phật nói như vậy để mình không bám chấp vào âm thanh sắc tướng, không rơi vào cái mê lầm đắm nhiễm trong đó, mà ngay nơi đó thấy trở lại, sống trở lại. Nên nói: **"Đúng thế! Đúng thế! Lấy ba mươi hai tướng mà quán Như Lai"**, nhưng đừng mắc kẹt trong đó, Phật bèn gạt lại, nếu bám kẹt nơi đó sẽ lầm ba mươi hai tướng của Chuyển Luân Thánh Vương cũng là Như Lai. Phải ngay nơi đó liền thể nhập chân thật chứ không mắc kẹt, không rơi vào hai bên: bên tướng, bên tánh! như vậy mới đi thẳng vào được. Trong nhà thiền có một vị tăng hỏi ngài Vân Môn *"Thế nào là pháp thân thanh tịnh?"*. Vân Môn đáp: *"Hoa Thược lan"*. Nếu hiểu theo thường tình thì hoa thược lan là pháp thân sao? Ở đây phải thấy được hai ý như ngài Tu Bồ Đề: **"Đúng thế! Đúng thế"**, là *"Hoa thược lan"*; nhưng **"Nếu**

lấy sắc thấy ta, lấy âm thanh cầu ta, là đi đường tà”, phải ngay đó mà thấy vượt ngoài cái đó, ngay nơi âm thanh sắc tướng mà bật cái niệm đối đãi, thì liền đó thể nhập pháp thân, còn vừa có niệm phân biệt hoặc lấy, hoặc bỏ, là rơi đường tà, là đi một bên. Đó là chỗ phải hiểu cho thật kỹ!



CHÁNH VĂN:

27. KHÔNG ĐOẠN KHÔNG DIỆT

Này Tu Bồ Đề! Nếu ông khởi niệm thế này: “Như Lai chẳng do tướng đầy đủ nên được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác”. Tu Bồ Đề! Chớ khởi niệm ấy: “Như Lai chẳng do tướng đầy đủ nên được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác”. Tu Bồ Đề! Nếu ông khởi niệm thế này: “Người phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác nói các pháp đoạn diệt”. Chớ khởi niệm ấy! Tại sao? Người phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, đối với pháp chẳng nói tướng đoạn diệt.

GIẢNG:

Ở đây gạt trừ niệm rơi vào đoạn diệt, bởi vì ở đoạn trước Phật nói rằng chẳng nên lấy sắc tướng đầy đủ mà thấy Như Lai, Như Lai vốn vượt ngoài cả thanh cả sắc, như vậy e có người lầm chấp pháp thân Như Lai một bề tịch tĩnh thanh tịnh không có tướng, nếu còn niệm đó thì còn kẹt niệm có không, dễ rơi vào trong

đoạn diệt. Đến đây trừ mọi niệm đoạn diệt để ánh sáng Như Lai được tròn đầy sáng tỏ viên mãn, nghĩa là tánh tướng đầy đủ, thể dụng tròn đầy chứ không mắc kẹt một bên. Trong sử có ghi một đoạn thấy trò Qui Sơn và Ngưỡng Sơn, một hôm hai thầy trò đang hái trà, ngài Qui Sơn bảo:

- Cả ngày hái trà chỉ nghe tiếng con mà không thấy hình con.

Chỉ nghe tiếng mà không thấy hình, vậy hình ở đâu? Ngưỡng Sơn liền rung cây trà lên, là ngài hiện hình đó! ngài Qui Sơn liền bảo:

- Con chỉ được cái dụng chứ không được cái thể.

Rung động là cái dụng nó hiện, Ngưỡng Sơn thưa:

- Con thì chỉ thể ấy, còn Hòa thượng thể nào?

Ngài Qui Sơn im lặng, Ngưỡng Sơn nói:

- Hòa Thượng chỉ được cái thể của nó chứ chẳng được cái dụng.

Ngài Qui Sơn nói:

- Tha cho ông 30 gậy.

Ngưỡng Sơn nói:

- Gậy của Hòa Thượng đánh thì con ăn, gậy con đánh ai ăn đây?

Ngài Qui Sơn bảo:

- Tha ông 30 gậy.

Đoạn này rất là sâu xa khó hiểu. Như vậy Ngưỡng Sơn được cái dụng, ngài Qui Sơn được cái thể phải không? Đó là chỗ nghe theo lời dễ mắc kẹt. Trong đây muốn thấy cho tròn vẹn là mình phải bổ túc trong đó. Rung cây trà là rung động, đó là cái dụng phát ra, nhưng nếu chỉ thấy cái tướng rung động, thấy cái dụng thôi thì cái thấy đó là cái thấy một bên. Sở dĩ có cái dụng, là ở đâu mà phát ra? Từ cái thể mà hiện dụng, nên ngay khi rung cây trà là cái thể hiện trong đó chứ ở đâu khác nữa. Rồi ngài Qui Sơn im lặng, là chỉ có cái thể, không có cái dụng, hiểu như vậy là có cái thể khác nữa sao? Ngoài cái dụng, riêng có cái thể thì thể đó là thể chết, vì thể mà không có dụng. Đây là chỗ dành cho chúng ta bổ túc vào đó, phải rõ trong cái thể có cái dụng. Dụng - Thể không có hai, im lặng cũng chưa phải là cái thể, mà im lặng

là tướng đối đãi với tướng nói năng thôi. Nói năng là động, im lặng là tịnh, động tịnh cũng là hai tướng, nhưng nhân cái im lặng đó, khéo nhận ra cái thể bất mọi hình tướng, và cái thể bất mọi hình tướng cũng không rời các tướng kia. Như vậy thể dụng không hai, ngay trong cái dụng có đầy đủ cái thể, cũng như ngay trong cái thể này cũng đầy đủ tướng dụng, chứ không phải có thể mà không có dụng, phải thấy đầy đủ như vậy chứ không kẹt một bên. Khi Ngưỡng Sơn nói “Hòa Thượng chỉ được cái thể” thì ngài Qui Sơn bảo “Tha ông 30 gậy”. Chỗ này là chỗ rất khó hiểu, sao lại tha 30 gậy? nói vậy không trúng hay sao? Đây là gạn sạch hết niệm lỗi phải. Nghe nói tha 30 gậy bèn nghĩ không biết mình lỗi gì? Vừa nghĩ mình lỗi gì là mắc kẹt liền! Ngưỡng Sơn nói: “gậy ngài đánh con ăn, gậy con đánh ai ăn”, là Sư không mắc kẹt trong niệm lỗi phải. Chỗ này mình thấy là phải thấy suốt như vậy, không có niệm lỗi phải, không mắc kẹt hai bên thể dụng thì cái thấy mới được tròn vẹn và thể nhập trong đó. Cần rõ trong thể Như Lai vốn đầy đủ mọi công đức, mọi diệu dụng, không thể nghĩ lường được, vậy đâu thể ở trong thể Như Lai đó mà một bề không ngơ? Do đó nếu mình có cái niệm Như Lai chẳng do tướng đầy đủ mà được Vô Thượng

Chánh Đẳng Chánh Giác, thì sẽ rơi vào niệm đoạn diệt. Bởi các tướng đầy đủ là do công đức lành Phật tu hành, nên được đầy đủ các công đức ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, trí tuệ trang nghiêm; nếu bỏ hết những cái đó thì có còn Như Lai chưa? Nếu chỉ thấy một bên, bác bỏ hết những công đức đó, thì rơi vào niệm đoạn diệt. Cho nên ở đây Phật ngăn **“chớ khởi cái niệm đó”**, chớ có cái niệm **phá hoại hoàn toàn các tướng**, nghe nói Như Lai vô tướng rồi phá hoại hết các tướng thì không được. Bởi vì phải nhớ cho thật kỹ, Phật ra đời để phá chấp cho người, nhưng đó là *“phá chấp”*, chứ không *“phá pháp”*. Nếu nghe nói phá chấp rồi cũng phá luôn pháp, thì đó gọi là ngọc đá đều nát, đập đá rồi đập ngọc luôn. Bởi vậy các hệ A Hàm khi nói đến Niết bàn, thì chỉ nói đến niết bàn như là củi hết lửa tắt vậy thôi, người ta không biết củi hết lửa tắt là sao? đến đó còn gì nữa? Thành ra nhiều người nghi ngờ, nhập niết bàn rồi còn gì trong đó? Nên qua tới hệ Đại thừa, là hệ phát triển như kinh Hoa Nghiêm, nhiều người đọc tới các cảnh giới trong đó, cứ tưởng đó là các cảnh giới ở đâu đâu, mà không hiểu được ý sâu xa. Kinh Hoa Nghiêm mở đầu diễn tả cảnh giới nào là thần cây, thần núi, thần đêm, thần ngày, cái gì cũng

thần; rồi có lúc gọi là vắng mây ánh sáng: vắng mây ánh sáng màu xanh, vắng mây ánh sáng màu đỏ; rồi có lúc ngài Phổ Hiền hiện ở đây lễ Phật, cả mười phương cõi nước cũng có Phổ Hiền lễ Phật khắp nơi, như vậy mọi người thấy cảnh giới đó là cảnh giới gì? Chính đây là ngấm ý rất sâu sa, để rõ sau niết bàn, tức thành Phật rồi không phải là hoàn toàn không còn gì hết, mà sau niết bàn là đầy đủ mọi công đức, mọi diệu dụng không thể nghĩ bàn, nên cái gì cũng thành thần, thành diệu, cây cũng thành thần, đêm cũng thành thần, ngày cũng thành thần, mây cũng phát ra ánh sáng, **cái gì cũng thành ra cảnh giới Phật**, tức cảnh giới vi diệu không thể nghĩ bàn, đó là để trừ cái niệm cho là sau khi niết bàn là hết không còn gì nữa, mà ở đây không phải là không còn gì. Vì vậy, nếu cho là lấy âm thanh sắc tướng không thể thấy Như Lai, rồi bỏ hết không tụng kinh không lễ Phật, đó là rơi vào một bên chấp không, mà phải nhớ Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác tức là giác ngộ hoàn toàn, không còn gián đoạn, không còn thiên lệch, bất cứ ở đâu, lúc nào cũng luôn luôn như thế, không vắng mặt không thiếu sót. Như vậy đâu thể một bề tách rời các tướng thì nó mới hiển hiện được, mà ngay nơi các tướng nó cũng không

vắng mặt, không thiếu sót. Nếu tách rời các tướng rồi, mới có hiển hiện, thì ngay nơi các tướng nó thiếu, thiếu thì sao gọi là chánh đẳng? Chánh đẳng là bất cứ nơi nào cũng đều luôn có mặt, không thiếu sót. Phải thấy thể pháp thân chân thật đó luôn luôn đầy đủ, hiện hữu mọi nơi không lúc nào vắng, như vậy mới là chánh đẳng chánh giác. Cái thể pháp thân đó, cho dù mình muốn nó đoạn diệt nó cũng không đoạn diệt, vì pháp thân là bất sinh bất diệt, vậy còn khởi niệm gì nữa? Dù mình muốn bỏ nó, nó cũng không vắng mặt; nên khi sống được trong pháp thân rồi thì nó luôn hiện hữu, đến đó đừng sợ là mình sống trong pháp thân sẽ không còn gì, mà nó đầy đủ hết và mình muốn mất nó cũng không mất. Như vậy mới là bật mọi niệm phân biệt, mà bật mọi niệm phân biệt thì pháp thân mới đầy đủ luôn luôn trọn vẹn, dứt những niệm đoạn, những niệm thường. Đây dẫn một câu chuyện, có vị tăng hỏi thiền sư Duy Gián:

- Thế nào là kiếm thối lông?

Kiếm thối lông là kiếm rất bén, đến nổi một sợi lông thối qua liền đứt, chúng ta thấy kiếm đó là kiếm gì? Ông tăng muốn dùng cây kiếm để chỉ cái thể Bát nhã chân thật nơi

mình, nó bén như vậy đó, không có cái gì dính vào được. Thiển Sư trả lời:

- Nhiều sao chẳng bằng trăng.

Sao, là những cái biết phân biệt, còn trăng là thể sáng chân thật, bao nhiêu những cái biết phân biệt chẳng bằng ánh trăng kia, bật hết mọi niệm phân biệt này thì cái đó hiện bày đầy đủ. Vị tăng hỏi:

- Khi dùng thế nào?

Sư đáp:

- Rơi.

Vị tăng lại hỏi:

- Sau khi rơi thì thế nào?

Sư bảo:

- Bồ Tát Quán Thế Âm.

Đó là muốn chỉ, đến chỗ chân thật không được động đến, động đến là ăn ba chục gậy. Bởi vì kiếm thổi lông nó rất bén, thổi qua liền đứt, mọi niệm phân biệt tới đó, đều rơi rụng hết, mà khi rơi rụng hết mọi niệm phân biệt đó thì còn lại “Bồ Tát Quán Thế Âm”! Rớt rụng hết

mọi niệm phân biệt đó, thì thông suốt tự tại, Quán Thế Âm cũng gọi Quán Tự Tại, đối với tất cả pháp đều tự tại không còn vướng mắc, không còn chướng ngại, chứ không phải rơi rụng rồi là không còn gì. Phải hiểu khi Phật nói “có”, là để trừ cái chấp “không”; ngài nói “không”, để trừ cái chấp “có”, đó là những phương tiện để phá chấp, đừng nghe Phật nói không, chấp không; nói có chấp có, thì lại mắc kẹt. Khi tình chấp hết thì thuốc cũng thôi, chớ không mắc kẹt nơi có không, nhưng thôi là thôi với ai? Đó là chỗ dễ mắc kẹt! Thôi là **thôi với người hết bệnh**, với nhiều người còn bệnh thì sao? Mình không chấp nhưng nhiều người còn kẹt, mà bảo đừng uống thuốc là đưa họ vào chỗ chết. Tuy là mình thấy không, nhưng với ai mình cũng nói không hết, thì đó là một cái lầm. Có khi nghe Lục Tổ nói là *“Tâm bình đâu cần giữ giới, hạnh thắng nào đợi tu thiện”*, rồi bác hết không cần tu thiện, không cần giữ giới, nhưng đó là **nói với người thật sự tâm bình, hạnh thắng**, còn mình tấm thật sự đã bình chưa, mà đem với ai cũng nói như vậy là dễ chết người! Nếu bác hết không cần tu thiện giữ giới thì khiến cho người học chơi với; người mới mà không giữ giới, không tu thiện, thì sống làm sao? Sống bừa bãi, mặc tình tạo tội lỗi là nguy hiểm! Ở đây là trừ

niệm chấp về đoạn thường, niệm đoạn niệm thường sạch hết thì tánh Bồ đề thường sáng ngời, chẳng còn khởi niệm thêm trong đó để tự chướng mình. Đoạn này có ý nghĩa rất sâu xa, khiến cho người đã là được tướng rồi, nhưng **niệm** là đó cũng là luôn; tức là không cho mình khởi cái niệm nói các pháp đoạn diệt, thì Bát nhã mới luôn luôn sáng ngời. Kinh Hoa Nghiêm có bài kệ:

Sắc thân chẳng phải Phật.

Âm thanh cũng lại thế.

Cũng chẳng là sắc thanh.

Thấy sức thần thông Phật.

Hiếu đó mới không mắc kẹt. Sắc thân không phải Phật, âm thanh cũng không phải Phật nhưng chẳng thể là sắc thanh mà thấy sức thần thông Phật, không phải nó mà không thể là nó, ngay đó bật niệm hai bên thì thấy Phật thật. Do đó Phật nói: **“Người phát tâm Vô thượng chánh đẳng chánh giác đối với pháp chẳng nên nói tướng đoạn diệt”**. Chúng ta nhớ Lục Tổ khi vào thất nghe Ngũ Tổ giảng kinh Kim Cang, lúc đại ngộ ngài la lên: *“Đâu ngờ tự tánh vốn không sinh diệt, đâu ngờ*

tự tánh vốn tự thanh tịnh, đâu ngờ tự tánh vốn tự đầy đủ, đâu ngờ tự tánh hay sinh muôn pháp". Vậy có nói pháp đoạn diệt không? Đến đó tự đầy đủ hết, tự thanh tịnh, hay sinh muôn pháp thì đâu nói đoạn diệt. Đó là chỗ người học thiền phải hiểu cho kỹ chứ không khéo thì mắc kẹt một bên. Cho nên đoạn này Phật mới ngăn ngại Tu Bồ Đề chớ có khởi cái niệm đó, cái niệm cho rằng **"Như Lai chẳng do tướng đầy đủ nên được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác"**, cũng chẳng khởi niệm cho rằng **"người được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác mà nói pháp đoạn diệt"**, đó là lìa niệm đoạn thường thì cái thấy mới được sáng ngời, liền tỏ suốt.





CHÁNH VĂN:

28. CHẴNG THỌ CHẴNG THAM

Này Tu Bồ Đề! Nếu Bồ Tát đem bảy báu đầy các thế giới bằng với số cát sông Hằng dùng để bố thí; nếu lại có người biết tất cả pháp vô ngã, được thành tựu nơi nhẫn, Bồ tát này hơn phước đức của Bồ Tát bố thí ở trước có được. Tại sao? Này Tu Bồ Đề! Do các Bồ Tát chẳng thọ phước đức.

Tu Bồ Đề bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn, làm thế nào Bồ tát chẳng thọ phước đức?

- Này Tu Bồ Đề! Bồ tát có làm phước đức gì chẳng nên tham trước, vì vậy nói chẳng thọ phước đức.

GIẢNG:

Đây là những phần chứng nhập, nên khiến Bồ tát bố thí, làm phước đức mà quên công, không thọ không tham, để thể nhập vào

thật tướng Bát nhã; còn thọ, còn tham là chưa. Hãy xem sự so sánh có gì đặc biệt? Bồ Tát đem bảy báu đầy các thế giới bằng số cát sông Hằng để bố thí, và có người biết được các pháp vô ngã, được thành tựu nơi nhẫn, thì Bồ tát này hơn phước đức của Bồ tát bố thí ở trước. Từ trước, nhiều lần Phật đem so sánh về phước bố thí bảy báu, cả bố thí thân mạng cũng không bằng phước của người trì kinh; còn ở đây Phật nói bố thí bảy báu như vậy, so với người **“biết các pháp vô ngã, được thành tựu nơi nhẫn”** chứ không so sánh trì kinh, đó là điểm cần chú ý. Thứ hai là, ở trước nói có người nào đó bố thí vậy thôi, còn ở đây nói là **“Bồ tát”** rõ ràng, và hai vị trước sau đều là bồ tát hết. Bởi Bồ tát trước đã nghe Phật dạy, đã hiểu được pháp vô ngã, nhưng chưa sống được khế hợp với chỗ thấy đó, nên chưa thành được sức nhẫn; còn Bồ tát sau biết pháp vô ngã và thành tựu được sức nhẫn, tức hạnh và giải đã khế hợp nhau, đó là đi vào chứng nhập rồi, nên Bồ tát sau hơn Bồ tát trước. Nhẫn ở đây là vô sinh nhẫn, tức nhận biết các pháp vô ngã mà không sinh những tâm phân biệt, lấy bỏ, hơn thua, phải quấy. Đối với các pháp không có tâm phân biệt, thì ngay nơi các pháp mà vô sinh, thành tựu được sức vô sinh nhẫn.

Do thành tựu sức nhẫn đó mà làm tất cả pháp lành mới không thọ, không tham trước. Thọ tức là thu nhận, nạp vào, tức làm mà còn nghĩ đến hưởng, ví như tu hành thì nghĩ là phải được cái gì chứ không chỗ được là không chịu; làm phước thì cũng đòi đòi sau được hưởng thân tướng tốt đẹp, hoặc sinh cõi trời được vui vẻ, vậy còn nghĩ đến hưởng là còn ngã, mà còn ngã là còn sinh, còn sinh là chưa thể nhập được Bát nhã. Cho nên **vừa có chỗ thọ là tâm bị chuyển**, vậy là không khéo hợp vô sinh, là chưa vô ngã được, chỗ đó là chỗ rõ ràng. Trong thiên sử có câu chuyện: thiên sư Thanh Khoát sau khi được ngài Thùý Long ấn khả, lúc Sư ra trụ trì, có vị tăng đến hỏi:

- Khi nhà nghèo mà gặp giặc cướp thì sao?

Sư đáp:

- Không thể lấy hết.

Nghĩa là có của thì mới lấy hết còn nghèo thì lấy gì? Vị tăng hỏi lại:

- Vì sao không thể lấy hết?

Sư đáp:

- Vì giặc là kẻ thân trong nhà.

Tức là những vọng tưởng, chúng ta tưởng đâu ở ngoài vào, nhưng là bà con mình thôi, ông tăng lại hỏi:

- Đã là người thân trong nhà tại sao lại trở thành giặc?

Sư bảo:

- Trong đã không ứng thì ngoài không làm gì được.

Trong không khởi niệm thì bên ngoài trần cảnh có đến cũng chẳng làm gì được, đó là không phải ở ngoài vào mà ở trong có nội ứng, nên ngoài mới quấy rối. Vị tăng hỏi:

- Khi chợt bắt được thì sao?

Sư bảo:

- Trong ngoài đều bất tin tức.

Không còn thấy có trong có ngoài. Tăng hỏi:

- Khi bắt được công về đâu?

Ngài đáp:

- Thường cũng chưa từng nhận.

Còn thấy có công bắt được là cũng còn lớp mê nữa rồi, giặc là kẻ thân trong nhà chứ không ai khác, vậy bắt được là công ai bắt? Nên nói thưởng cũng chưa từng nhận. Ông tăng mới hỏi:

- Thế ấy thì nhọc mà không công?

Vậy nhọc nhằn cho uống công, bắt chi cho mệt! Sư đáp:

- Công tức chẳng không, nhưng thành mà không ở.

Chuyện đó không phải là chuyện suông, nhưng thành tựu mà không ở, không có trụ, không bám, không chấp vào đó. Tăng lại hỏi:

- Đã thành công tại sao không ở?

- Sư đáp:

- Chẳng thấy nói: Thái bình vốn do tướng quân đem đến, mà chẳng cho tướng quân thấy thái bình.

Đó là tinh thần làm mà không thọ, không tham trước, mọi việc đều biết rõ tự tánh mình ứng ra làm vậy thôi, chứ không thấy theo bên ngoài; còn tham trước tức là còn thấy cái bên

ngoài thì mới có cái để nhận được, có cái để thu vào, đó là ngoài tâm còn thấy có pháp, vậy là còn lầm. Bởi còn có tham trước thì làm đâu là dính đó, ở đây không cho. Trước kia thiền sư Đạo Ứng lúc ở chỗ Động Sơn cả tuần không đến trai đường, ngài Động Sơn gặp mới hỏi:

- Sao cả tuần không thấy ông đến thọ trai?

Đạo Ứng thưa:

- Do có thiên thần dâng cơm cúng dường.

Ngài Động Sơn quở:

- Ta bảo ông vẫn còn kiến giải, thôi chiều ông hăv đến đây!

Chiều Đạo Ứng đến, ngài Động Sơn gọi:

- Am Chủ Ứng!

Sư : - Dạ!

Động Sơn bảo:

- Chẳng nghĩ thiện, chẳng nghĩ ác là cái gì?

Sư nhận lấy về am ngồi yên, ba ngày thiên thần không còn tìm thấy nữa. Như vậy

khi thiên thần đến dâng cơm, là còn thấy có tâm, tâm còn bị thấy, tức là còn những kiến giải, những tâm thiện chưa quên, nên thiên thần mới thấy được mà đến cúng dường. Khi bảo chẳng nghĩ thiện, chẳng nghĩ ác, thì còn động niệm đâu mà thấy nữa. Đến chỗ đó các thiện sư mới chịu, **còn có chỗ dâng cơm là còn chưa nhận**. Nếu là phàm phu như mình thì thấy các ngài tu hết linh rồi, nên thiên thần hết dâng cơm; nhưng không ngờ đến chỗ tốt cùng đó mới là sâu xa, mới thật sự thể nhập với đạo được. Còn có tâm cho thiên thần thấy, thì cái kiến giải chưa sạch hết, chưa thể nhập trọn vẹn. Đây là đoạn để cảnh tỉnh, làm tắt cả nhưng không cho mình tham trước, vì tham trước là dính liền, không tham trước mà làm tắt cả thì mới tự tại. Ngài Thuý Vi Vô Học có lần nhân làm cơm cúng dường La Hán có vị tăng hỏi:

- Trước kia ngài Đôn Hà thiêu tượng Phật gỗ, còn Hòa Thượng vì sao lại cúng dường La Hán?

Ngài Đôn Hà có lần đến ngôi chùa vào mùa đông lạnh, ngài lấy tượng Phật gỗ đốt để hơ, ông Viện chủ thấy vậy chịu không nổi mới hỏi:

- Sao ngài đem đốt tượng Phật của tôi vậy?

Ngài nói:

- Tôi thiêu để tìm Xá lợi.

Viện chủ nói:

- Tượng Phật làm gì có xá lợi mà ngài thiêu?

Ngài bảo:

- Nếu không có xá lợi thì thỉnh thêm một vị nữa mà thiêu.

Nghe vậy ông giật mình, nhưng liền tỉnh. Nên ở đấy vị tăng mới hỏi Hòa Thượng Thúy Vi như vậy. Thúy Vi bảo:

- Thiêu cũng chẳng thiêu đến, cúng dường cũng một bề cúng dường.

Có người nghe nói ngày xưa Hòa Thượng Đơn Hà thiêu Phật nên bây giờ mình cũng bắt chước, gặp Phật cho đó là hình tượng thôi, không chấp trước chi nữa nên không cần lễ Phật, không cần cúng dường, vì cho làm như vậy là chấp tướng, nhưng đó là đúng chưa? Thật chất là **bất chước** chứ không hiểu được ý

nghĩa thâm sâu của người xưa. Thứ nhất là ngài Đơn Hà làm như vậy là để đánh thức ông viện chủ trong một cơ duyên đặc biệt, nhưng từ đó về sau chúng ta còn thấy ai làm lần thứ hai nữa không? Nếu đã có người làm trước rồi, mà mình làm lại là bất chước, đập lại dấu chân, chứ không phải thật. Nếu hiểu không kỹ sẽ lắm chỗ đó! Nên ngài Thúy Vi trả lời: “thieu cũng chẳng thieu đến mà cúng dường cũng một bề cúng dường”. Nghĩa là không nhắm mắt mà bất chước theo, trái lại phải học cái tinh thần không chấp đó, nếu biết được tinh thần làm mà không chấp, không kẹt vào việc làm của mình, thì **làm không mê mờ**, nên mọi việc làm gì cũng là đạo, cũng đều có ý nghĩa. Vậy thì, cúng dường suốt ngày mà không mắc kẹt, không chấp vào việc cúng dường đó, tức cúng dường rất có ý nghĩa, rất cao quý, đâu có lỗi gì? Có lỗi là mình chấp dính, mắc kẹt trong việc làm của mình thôi. Nên nói Bồ Tát làm tất cả những phước lành, nhưng làm không có tham trước, do đã thành tựu được sức nhẫn, thấy được các pháp vô ngã; phải nhớ phước mà có thọ thì theo đó mà sinh, mà có sinh thì có tử. Do đó, đây là câu chuyện mà người tu Bát nhã sâu xa phải nhớ kỹ! Có ngài Thích Pháp Hỷ vào đầu mùa xuân năm

Trình Quán thứ sáu, tức vào đời vua Đường, Sư hơi bệnh và biết không còn sống được bao lâu, tăng chúng ép Sư uống thuốc để trị liệu, nhưng Sư không chịu uống, vì biết mình sắp mãn số. Đến ngày 12 tháng 10 Sư bảo môn nhưn:

- Vô thường đã đến rồi, các người chớ làm ồn náo, hãy im lặng ngồi thiền để giúp ta bỏ thức này, chớ cho người lạ vào phòng!

Sư thường xưng to lên:

- Ba cõi hư vọng, chỉ là một tâm.

Đại chúng chợt nghe ở khu rừng phía Bắc có tiếng âm nhạc vang dội, đệ tử đem báo lại cho Sư biết. Nếu người bình thường như mình, khi sắp chết mà nghe có tiếng nhạc đến rước thì thấy hân diện sẵn sàng để đi. Ở đây, khi đệ tử đến báo cho Sư thì Sư liền bảo:

- Quá báo thế gian ta đã bỏ từ lâu rồi, thế nào lại chọn sinh chỗ vui để còn bị ràng buộc.

Sư nói vậy rồi nhập định, không cần để ý tới. Lát sau những tiếng đó dừng hết, rồi có mùi hương tỏa khắp, suốt đến canh năm, Sư ngồi ngay ngắn rồi tịch. Như vậy ngài Pháp Hỷ được âm nhạc đến đón rước, nhưng ngài không nhận, không đi theo, với các ngài

đó cũng là những việc huyền hóa thôi, nếu có đón mình về cõi trời thì sinh về đó mà hết phước rồi cũng xuống. Đây các ngài đã sống được trong thiên định giải thoát, đó là chỗ chân thật của các ngài. Hiểu vậy thì thấy rõ, thể nhập Bát nhã thì những cái phước cũng không tham đắm, hưởng gì là những việc làm tầm thường mà lại tham trước! Nhưng làm sao chẳng thọ? Nên ngài Tu Bồ Đề hỏi: **“Bạch Thế tôn, làm thế nào Bồ Tát chẳng thọ phước đức?”** câu này có nhiều ý nghĩa sâu xa.

Thứ nhất, nếu làm phước đức mà chẳng thọ thì làm chi cho mất công? Thứ hai là phước đức có hay không mà chẳng thọ? Đây chúng ta chú ý phần đáp của đức Phật: **“Này Tu Bồ Đề! Bồ Tát có làm phước đức gì chẳng nên tham trước, vì vậy nói chẳng thọ phước đức”**, đây là Phật nhấn mạnh, làm mà chẳng nên tham trước, làm mà chẳng kể công, chẳng đòi hưởng, chứ không bảo mình đừng làm, cũng không phủ nhận phước đức; nếu làm không tham trước, không dính mắc, tất cả từ nơi tự tánh mình ứng khởi ra làm, ở trong ánh sáng Bát nhã mà làm, nên làm gì cũng có ánh sáng Bát nhã dẫn

đường, như vậy nên không dính. Cũng như gương đối cảnh, cảnh đến thì hiện, cảnh qua rồi thôi chứ không lưu lại dấu vết vào trong gương, thì làm gì cũng tự tại. Còn mình thì không được như vậy, làm gì cũng nhớ đến, nhất là làm được việc phước to thì nhớ hoài không quên, như vậy là dính. Trong nhà thiền có một đoạn nói về ngài Dược Sơn, một hôm Sư vào trong vườn thấy ông tri viên đang trồng rau, Sư bảo:

- Trồng thì không ngăn ông trồng, nhưng chớ cho nó mọc rễ!

Tri Viên thưa:

- Bạch Hòa Thượng, nếu không cho mọc rễ thì đại chúng lấy gì ăn?

Ngài Dược Sơn bảo:

- Thế ông có miệng hay sao?

Ngay đó ông Tri Viên không đáp được. Ở đây trồng rau mà không cho mọc rễ thì Sư muốn nhắc điều gì? Mọc rễ tức là sinh tâm, làm tất cả việc mà không cho mình sinh tâm. Mọc rễ tức là có thọ, có tham trước, có dính mắc, không mọc rễ tức là làm tất cả mà không dính mắc. Như vậy để thấy ý nghĩa,

mình làm tất cả mà không rời tự tánh của mình, là làm trong sự sáng suốt. Còn quên tự tánh thì luôn luôn vướng mắc trong việc làm, chỉ nhớ cái việc làm, rồi theo việc làm mà lưu chuyển, như vậy làm sao thể nhập được Bát nhã. Chỗ này nói dễ nhưng làm thì khó, vì đây không phải chỗ lý luận. Vì vậy, phần này Phật chờ tới gần sau mới nói, chứ không nói trước. Hãy nhớ, những phần này là phần thể nhập, nên không lý luận nhiều mà phải sống bằng sức sống chân thật của chính mình. Những người nào ham tranh cãi thì tưởng hay, giỏi, nhưng biết rõ là thuộc về hạng nào? Vì cãi lý thì còn cái tâm hơn thua, sợ mình thua nên cãi cho thắng, nhìn bên ngoài tưởng hay, nhưng sự thật mình chưa sống được, đó là còn thọ, chưa thành tựu được sức nhẫn. Đó là kinh nghiệm cho những người thích cãi lý, học thiền được một chút thường hay đi nói thiền. Ta hay gọi “xấu hay làm tốt, dốt hay nói chữ”, học được một chút hay phô bày, còn người đầy bụng thì còn khoe làm gì nữa, mà chỉ lo sống cho được cái thật thôi. Rốt lại thì làm sao chẳng thọ? Chẳng thọ là vì không tham trước, mà không tham trước là do đã được vô ngã, thấy rõ được thiện ác đều là đối đãi, không thật, vậy thọ cái gì? Sở dĩ thọ là

do thấy thiện, thấy ác, nên bỏ ác thọ thiện; còn đây rõ được tất cả pháp đều vô ngã, thiện và ác là cái đối đãi nhau chứ không có tự tánh thật, vậy thọ cái gì? Chính "ta" cũng không thật nữa thì thọ cho "ai" đây?. Ở những phần trước Phật so sánh để rõ mình chẳng trụ ở phước nhiều mà soi trở về tự tánh, sống trở về với Bát nhã, tức là trì kinh, còn hơn là bố thí bảy báu, đó là phá tướng để rõ tánh. Ở đây nói lên, Bồ Tát đã thành tựu được sức nhẫn, do sống được trong sức nhẫn đó, sống được trong tự tánh đó, mà chẳng thọ phước đức. Ở trước là phá tướng để hiển tánh, còn đây là từ trong tự tánh mà sống nên không dính mắc, vậy là sự so sánh tiến lên một tầng nữa. Đây ngầm ý khiến mình quên niệm thiện ác, không còn khởi thấy niệm thiện niệm ác có thật, có đối đãi. Ngài Ngưu Đầu Pháp Dung trước khi gặp Tổ Đạo Tín (*Tổ thứ tư*), ngài tu trong núi rất có công phu, chim thường tha đồ đến cúng dường, nhưng sau khi gặp Tổ Đạo Tín khai thị thì chim hết tha đồ đến cúng dường. Người bình thường thấy vậy cho là ngài tu dở, nhưng thật là ngài tu bật hết những niệm thiện, ác nên chim không thấy chỗ để cúng dường. Vậy là tiến sáu lên một bước nữa. Ngài Hoàng Bá có đoạn

nhắc: "Tạo ác, tạo thiện cũng đều là chấp tướng, chấp tướng tạo ác thì luống chịu luân hồi, chấp tướng tạo thiện thì luống chịu nhọc nhằn", là sinh lên rồi rớt xuống, "thấy đều không bằng ngay một câu nói mà tự nhận được bốn pháp", tức là tự nhận được tự tánh thật, đó mới là căn bản. Đây là chỗ Lục Tổ Huệ Năng khai thị cho Huệ Minh, khi ông đuổi theo giắt y bát, Tổ bỏ y bát trên tảng đá rồi vào trong bụi trốn. Huệ Minh đến nhắc lên, nhưng nhắc không nổi, biết đây không phải là chuyện thường, không phải dùng sức mà được, bèn kêu:

- Nhân giả ! Nhân giả ! Tôi đến đây là vì pháp chứ không phải vì y.

Tổ Huệ Năng từ trong bụi đi ra và nói:

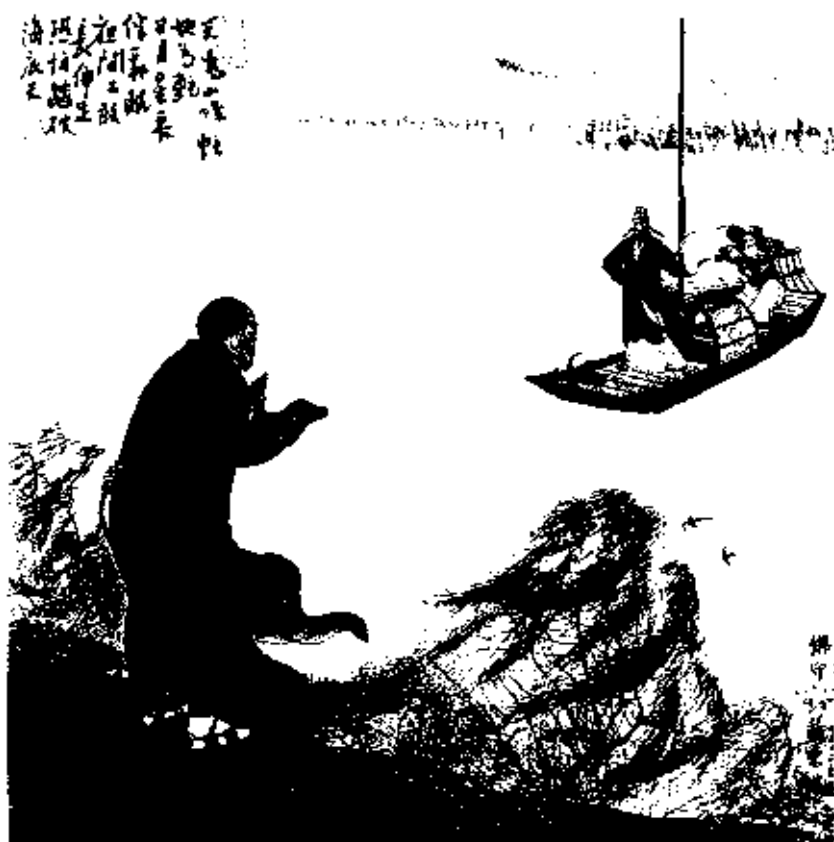
- Nếu ông vì pháp thì hãy đứng yên lặng lòng lại nghe ta nói!

Sau khi ông đứng yên thì Tổ nói:

- Chẳng nghĩ thiện, chẳng nghĩ ác, cái gì là bộ mặt thật của Huệ Minh?

Ngay đó Huệ Minh liền tỏ ngộ. Chẳng nghĩ thiện, chẳng nghĩ ác, là bật hết mọi niệm thiện ác thì ngay đó là cái gì? Chỗ đó mới là

chỗ chân thật. Tuy nhiên, khi chưa được đến chỗ đó, còn sống trong đối đãi thì bỏ ác làm thiện cũng là tốt, chứ không phải nói như vậy là không làm gì hết, nhưng đến chỗ tốt cùng phải quên cả niệm thiện·ác thì mới thể nhập được trong thật tướng đó.



29. UY NGHI TỊCH TỈNH

Này Tu Bồ Đề! Nếu có người nói, Như Lai hoặc đến hoặc đi, hoặc ngồi hoặc nằm, người đó chẳng hiểu nghĩa ta nói. Tại sao? Như Lai là không từ đâu đến, cũng chẳng đi về đâu, nên gọi là Như Lai.

GIẢNG:

Vậy ta thấy được Như Lai không?. Đến đây là để chúng nghiệm Như Lai hiện tiền chẳng thuộc đến đi, chẳng thuộc động tĩnh. Bởi vì có đến, có đi, tức có động có tĩnh, mà có động có tĩnh tức là có tướng sinh diệt, nếu theo tướng sinh diệt để nhìn thì bị sinh diệt chuyển làm sao thể nhập được pháp thân? Nên Phật nói rõ: “Nếu có người nói, Như Lai hoặc đến hoặc đi, hoặc ngồi hoặc nằm, người đó chẳng hiểu nghĩa ta nói”. Đó là mắc kẹt trên hình tướng ngôn ngữ, tức là bị tướng chuyển. Có khi nghe nói là Phật có đi khắp thực, có đi tới đi lui rồi chấp vào đó, theo tướng chuyển, như là mây bay thấy như mặt trăng chạy, theo tướng đó rồi thấy Như Lai có đi đứng,

như vậy là Như Lai thành ra có sinh diệt, làm sao thấy Như Lai? Kinh Hoa Nghiêm có bài kệ:

Thượng giác vô lai xứ,

Khứ diệt vô sở tùng.

Thanh tịnh diệu sắc thân,

Thần lực cố hiển hiện.

Tức là “Thượng giác không chỗ đến, Đi cũng chẳng về đâu. Thân diệu sắc thanh tịnh, Do thần lực hiển hiện”. Bậc Thượng giác, chỉ cho Như Lai, không có chỗ đến, đi cũng chẳng đi về đâu. Còn thân diệu sắc tức là thân sắc vi diệu, mầu nhiệm thanh tịnh, là do thần lực mà hiển hiện, tức là do thần lực mà hiện ra thân diệu sắc, chứ không phải do tình thức phân biệt hiểu nổi, không phải là chỗ tâm thường mà chúng ta thường lầm lẫn, nhìn trên những sắc tướng cho rằng như vậy Phật cũng có tướng, cũng có đến có đi. Còn đây, Ngài nói rằng những sắc thân vi diệu đó, là do thần lực mà hiển hiện thôi chứ không do thức tình phân biệt hiểu nổi. Muốn thấy chỗ đó, phải thấy bằng trí vô phân biệt, chứ không bằng tâm phàm phu mà thấy được. Kinh Duy Ma Cật nói rằng: “**Chẳng khởi diệt tận định mà hiện các oai nghi**”, tức là không rời khỏi diệt tận

định mà hiện các oai nghi đi đứng nằm ngồi, đi đứng nằm ngồi, làm mọi cử chỉ mà vẫn luôn ở trong định. Như Lai là như vậy, đi đứng nằm ngồi mọi cử động mà vẫn luôn ở trong định, vậy đâu có thể dùng tướng đi đứng đó mà thấy được Như Lai, mà phải thấy được cái gì sâu xa suốt qua tướng đó. Trong nhà thiền có thiền sư Quốc Nhất ở Cảnh Sơn, được vua Đường Túc Tông thỉnh vào trong triều để hỏi đạo. Ở trong triều một thời gian, một hôm Sư đang ngồi, thấy vua đi đến, Sư liền đứng dậy, vua hỏi :

- Sao thấy thấy con đi đến liền đứng dậy?

Sư bảo:

- Đàn việt đâu được nhìn trong bốn oai nghi để thấy bản đạo.

Đâu thể trong tướng đứng dậy đó mà thấy được Sư! Đó là Sư nhắc ông vua phải thấy cái gì ngấm ẩn trong cái đứng dậy đó, chứ không phải theo cái tướng đó mà thấy được Sư. Tức là phải thấy cái thân vô tướng ngấm hiện trong cái đứng dậy đó, mới là khéo thấy. Cũng như câu chuyện ngài Qui Sơn hỏi Ngưỡng Sơn, để gạn lại xem Ngưỡng Sơn đã thấy đạo chưa, Sư hỏi:

- Ông là Sa di có chủ hay không chủ?

Ngưỡng Sơn trả lời:

- Sa di có chủ.

- Ngài Qui Sơn gạn lại:

- Chủ ở chỗ nào?

Ngưỡng Sơn từ bên Tây qua bên Đông đứng. Đó là ngài trình chủ. Vậy chủ là cái thân đi từ Tây qua Đông sao? Ở đây ngài muốn nói, trong cái đến đi có *"ông chủ không đến đi"*, thấy được ông chủ đó mới là khéo thấy.

Kế Phật giải thích tại sao? Vì **"Nhu Lai không từ đâu đến, cũng chẳng đi về đâu, nên gọi là Như Lai"**. Phải thấy thấu tột cái tướng đến đi đó, trong cái thể chân thật thì động tịnh đều như như, tướng đến đi đâu thể đến được chỗ này, thấy được chỗ đó mới gọi là thể nhập Như Lai. Khi thấu được chỗ này liền rõ Niết bàn ở đâu? Như Lai đến đi qua lại mà chưa từng đến đi qua lại, vậy rõ niết bàn ngay trước mắt, còn tìm niết bàn đâu nữa? Không phải niết bàn ở cội nào hết. Tâm lặng thì ngay hiện tại là niết bàn, không phải là cội nào; cũng vậy, ngay thân đến đi này mà thấu suốt được chân thật, quên bật niệm động tịnh, ngay đó là niết bàn. Ở phần đầu Như Lai hiện ra cũng đi khát thực về, rồi ngài thọ trai

xong rửa chân, rồi xếp cất bát và ngài ngồi thiền, cũng làm mọi việc như mọi người. Để thấy ngay trong những việc làm đó ngài cũng hằng trong Niết bàn. Do đó, ngài Tu Bồ Đề thấy được mới tán thán: **“Thật là ít có! Như Lai khéo phó chúc, khéo hộ niệm các vị Bồ Tát”**, mà không nói rõ là khéo chỗ nào. Nhưng ở đây chính miệng Phật nói ra: **“Như Lai không từ đâu đến, cũng chẳng đi về đâu, nên gọi là Như Lai”**,... trong đi đứng mà không có chỗ đến chỗ đi, vậy có ai thấy Như Lai được chút nào chưa? Xưa có ngài Đại Đô An đến tham vấn thiền sư Anh ở Kiệt Phong, thiền sư Anh hỏi:

- Giảng chủ thích giảng kinh gì nhất?

Đại Đô An đáp:

- Kinh Kim Cang, và đã từng tỉnh ngộ qua câu **“Không từ đâu đến, không đi về đâu”**

Thiền sư Anh mới gạn lại:

- Nếu không đến, không đi, thì sao ông đến đây được?

Đại Đô An đáp:

- Thì cũng chính là người không đến đi đó chứ ai khác đâu?

Thiền sư Anh vẫn chưa chịu, lại gạn tiếp:

- Vậy ngay đây người đó ở đâu?

Đại Đô An chỉ hét một tiếng thôi. Thiền sư Anh bảo:

- Thôi hãy gác qua chuyện đánh với hét đi, khi bốn đại tan rã thì ông sẽ đi về chỗ nào để an thân lập mạng?

Đó không phải chuyện nói suông, chỗ này nếu người chưa có chỗ thấy thật thì không thể nào qua nổi. Đại Đô An thưa:

- Khắp cả cõi đất này, cái ấy không phải là chính ta ư!

Khắp cả cõi đất này có chỗ nào thiếu đâu. Thiền sư Anh gạn nữa:

- Khi bỗng gặp kiếp hỏa cháy bùng, cả đại thiên thế giới đều hoại hết, thì ông ở chỗ nào?

Đại Đô An đáp:

- Không biết.

Thiền sư Anh lại nói:

- Lục Tổ vì cái không biết đó mà đi bửa củi nấu cơm. Bồ Đề Đạt Ma cũng vì cái không

biết đó mà ngồi quay mặt vào vách chín năm. Còn bây giờ ông nói không biết, vậy ông thấy cái gì?

Không biết này rất dễ lầm lẫn, làm sao phân biệt được cái không biết? Nên các thiền sư thường gạn là gạn tới cùng, có người bị hỏi, đáp không được cũng nói không biết, đó là không biết mù mịt. Đại Đô An thưa:

- Tôi chỉ nói không biết vậy thôi.

Nghe nói, càng lý luận chừng nào càng đi xa. Thiền sư Anh mới bảo:

- Gã mù, thôi ngồi uống trà đi!

Do đó thấy thật thì không cần lý luận nhiều, nhiều khi mình sợ nói “không biết” người ta cho mình dốt dở, nhưng càng lý luận chừng nào càng bày cái dốt của mình ra chừng ấy. Bởi chưa thấy nên mới cố lý luận, thấy rồi thì cần gì lý luận. Đó là ý nghĩa rất sâu! Vậy có ai thấy rõ chỗ không đến đi chưa? Đó là chỗ tự chứng, tự ngộ của chư Phật, chư Tổ, không phải chỗ dễ nhìn thấy, dễ lý luận. Cho nên khi gạn đến cuối cùng, các ngài đáp không biết. Chính chỗ không biết, là chỗ mật truyền của chư Tổ, nói không ra, người phải tự chứng đến thôi, và đó là chỗ

sống không ngừng của nhà thiền, không phải đồng với chỗ phàm phu mờ mịt mà hiểu lầm. Có bài kệ ngắn:

"Ta đến ư ?

từ cõi mộng.

Ta đi ư ?

về trong mộng.

Tìm ta ư ?

một giấc mộng.

Dừng lại ư ?

là kẻ mộng."

Đi không chỗ, đến không chỗ, tìm ta ở chỗ nào? Cũng là một giấc mộng! Dừng lại tất cả tâm tìm cầu, ngay đó là kẻ mộng xưa nay! Đó là chỗ không đến đi. Mà muốn đến chỗ đó phải tỉnh giấc mộng, còn ở trong mộng tìm hoài không bao giờ thấy. Vậy, khỏi phải tìm đâu xa, ngay đây tỉnh cơn mộng thì sáng ngời! Đến đây là phá cái niệm động tĩnh, đến đi mà thể hiện vô trụ xứ niết bàn, đâu đâu cũng là niết bàn, chứ niết bàn không có chỗ nơi. Cuối cùng nhắc lại bài kệ của ngài Hương Nghiêm Trí Nhàn khi ngộ đạo, để người nghiệm

kỹ mà thấm sâu ý nghĩa của đoạn này. Tức khi hòn sỏi vắng trùng bụi trúc, Sư tổ ngộ, làm kệ:

Một tiếng quên sở tri,

Lại chẳng nhờ tu trì.

Đổi sắc bày đường xưa,

Chẳng rơi cơ lặng yên.

Nơi nơi không dấu vết,

Oai nghi ngoài sắc thình.

Các nơi người đạt đạo

Gọi là thượng thượng cơ.

Tức là ngay một tiếng đó, quên hết mọi sở tri hiểu biết, mọi duyên bên ngoài, liền rõ được cái ấy sẵn từ bao giờ không phải do tu hành mới được. Mà cái đó ở đâu? Đổi sắc bày đường xưa, sắc là sắc mặt, dáng mặt vừa đổi vừa động, ngay đó bày đường xưa, là con đường trở về. Chẳng rơi cơ lặng yên, tức chớ có mắc kẹt ở một bên lặng yên. Ngay khi động nó đã hiện bày, tức ngay cái đến đi, nó hiển bày trong đó. Chứ không một bề yên lặng như chết. Mà cái đó nơi nơi không dấu vết, mọi oai nghi đi đứng nằm ngồi không kẹt nơi sắc, trong thình, không kẹt

trong tướng gì hết; đến đi qua lại mà không thuộc về sắc, về thính, đi tất cả chỗ mà không có chút dấu vết. Nó vô tướng thì có dấu vết gì? Nhưng nó lại hiện bày trong mọi tướng, mình phải ngay các tướng hiển bày này thấy trở lại là xong. Người đạt đạo là người thấy được chỗ đó, thì gọi là bậc thượng thượng cơ. Không phải tìm đâu xa, mà ngay trong mọi tướng, mọi hành động hàng ngày mình sống đây, nó đều hiện bày đầy đủ, chỉ mình mê thôi. Tỉnh cơn mộng thì ngay đó rõ ràng, cho nên cái bất động nằm ngay trong cái động, chứ không bỏ cái động tìm cái bất động. Như vậy, rõ được Như Lai không có chỗ đến đi, ngay trong đến đi mà chưa từng đến đi, thì đó mới là thể nhập được Như Lai, quên cả niệm động niệm tĩnh.



30. LÝ NHẤT HỢP TƯỚNG

Này Tu Bồ Đề! Nếu người thiện nam, kẻ thiện nữ đem thế giới tam thiên đại thiên đập nát thành bụi nhỏ, ý ông nghĩ sao? Nhóm bụi nhỏ đó có phải nhiều chăng?

Tu Bồ Đề thưa:

- Bạch Thế Tôn, rất nhiều. Tại sao? Nếu nhóm bụi nhỏ đó là thật có, Phật ắt chẳng nói là nhóm bụi nhỏ. Vì cớ sao? Phật nói nhóm bụi nhỏ, tức chẳng phải nhóm bụi nhỏ, đó gọi là nhóm bụi nhỏ. Thế Tôn! Như Lai đã nói thế giới tam thiên đại thiên, tức chẳng phải thế giới, đó gọi là thế giới. Tại sao? Nếu thế giới thật có, tức là một hợp tướng. Như Lai nói một hợp tướng, tức chẳng phải một hợp tướng, đó gọi là một hợp tướng. Tu Bồ Đề! Một hợp tướng đó, tức chẳng thể nói, nhưng người phạm phu tham trước việc ấy.

GIẢNG:

Đây cũng là một đoạn khó hiểu, bởi những đoạn này nói về chúng nhập nên không thể hiểu theo nghĩa thông thường, mà phải hiểu cho thật kỹ mới nắm được. Đây, Phật nói với ngài Tu Bồ Đề: **“Có người đem cả thế giới tam thiên đại thiên đập nát thành bụi nhỏ thì ý ông nghĩ sao? Bụi đó nhiều hay không?”**. Đoạn này là phá cái niệm đồng - khác, niệm một - nhiều, nên không thể nhìn một cách hời hợt mà thấy được. Trước Phật hỏi có nhiều không? ngài Tu Bồ Đề đáp: **“Rất nhiều”**. Dứng về trên tướng thì rõ ràng đập nát thế giới thì bụi rất nhiều, đó là không hoại tướng thế gian. Nhưng nói nhiều đó, là có ý ngầm chỉ, nó không phải một thể, tức nhiều bụi không phải một thể. Ở đây ngài Tu Bồ Đề giải thích, nhóm bụi nhỏ đó có thật thì nhóm bụi nhỏ chẳng phải nhóm bụi nhỏ. Trước tiên phải hiểu, đem cả tam thiên đại thiên đập thành bụi nhỏ, mà lấy cái gì có thể đập cả tam thiên đại thiên thành bụi nhỏ? Chỉ có trí **Bát nhã** thôi! Chính trí Bát nhã nhìn thấu tự tánh của thế giới là không, không thật, thì ngay đó mọi vọng chấp tan rã thành bụi nhỏ. Chính vọng tưởng chấp trước đó, mới thấy thế giới là thật, do thấy thế giới là thật, nên mới có tướng thế giới rõ ràng; ngay trí

Bất nhã thấy tất cả tự tánh là không, thì mọi vọng chấp tan thành bụi nhỏ hết. Vậy nhóm bụi đó, là thật thì nó phải có tự thể độc lập của nó, nó cố định, vậy thì chẳng do đập nát thế giới mà thành, cũng như chẳng do phân tích thế giới mà ra. Do đập nát thế giới mà thành, do phân tích thế giới mà ra, tức là không có tự thể của nó, là đối với thế giới mà giả lập bụi, bụi nhỏ đối với thế giới là hai cái đối đãi với nhau thôi. Đó gọi là nhân duyên, nhân cái này có cái kia, nhân cái kia có cái này, không có tự tánh, đó là không thật. Thế giới cũng vậy, nếu nó là thật thì phải tự có một tướng hợp nhất, tức là một tướng nguyên vẹn, nhưng nếu thế giới có một tướng nguyên vẹn thì sao gọi là tam đại thiên? Trong đây có ý sâu hơn nữa, nếu nó là tướng nguyên vẹn, sao thấy thành các hạt bụi nhỏ? Do đó, có hai điểm cần chú ý, thứ nhất do nhiều thế giới nhỏ hợp thành tam thiên đại thiên, vậy là không phải một tướng nguyên vẹn rồi. Tam thiên đại thiên là một ngàn thế giới nhỏ mới thành một tiểu thiên thế giới, một ngàn tiểu thiên thế giới mới thành một trung thiên thế giới, một ngàn trung thiên thế giới mới thành một đại thiên thế giới, vậy là nhiều thế giới hợp lại, sao gọi là tướng nguyên vẹn được? Điểm thứ hai là, đập nát thế giới thành bụi, tức do bụi hợp thành, như vậy cũng không phải là tướng hợp

nhất nguyên vẹn. Đây Phật bảo bụi chẳng phải bụi, mà thế giới cũng chẳng phải thế giới, hai cái đó do đối đãi với nhau mà thành lập thôi. Bụi đối với thế giới mà lập, thế giới đối với bụi mà lập, tách rời ra hai cái thì không thể có tự thể riêng của bụi, cũng không thể có tự thể riêng của thế giới. Nếu theo các nhà khoa học bây giờ thì thấy rõ, thế giới từ những đám bụi ban đầu kết tụ lại, mà ngay những hạt bụi nhỏ, những nguyên tử đó cũng không là một cái thể nguyên vẹn. Nguyên tử trong đó cần có nhân tử, còn có âm điện tử, v.v... tức không có một cái nguyên vẹn, vậy cái gì là thật? Phật nói kinh này cách đây hai ngàn mấy trăm năm, nhưng bây giờ khoa học mới chứng minh rõ, còn Phật đã thấy xa rồi! Ở đây Phật nói cái gì, là do ngài chứng nghiệm rồi nói ra, có lúc người ta chưa cảm nhận được nên nghi ngờ. Nhưng không phải do nghi ngờ mà thành sai, khi có chứng nghiệm rõ ràng thì thấy rõ lời Phật luôn luôn vẫn đúng, bởi vì đó không phải là do ngài suy đoán hay tưởng tượng, mà chính ngài chứng nghiệm nói ra. Đây là thấy rõ thế giới và hạt bụi nhỏ, hai cái là nhân duyên đối đãi nhau lập, chứ không thật có tự tánh.

Ý thứ hai, trừ niệm một và khác. Tiến lên một từng nữa, những hạt bụi nhỏ nhóm thành thế

giới thì thành một đầu phải khác; rồi phân tích thế giới thành bụi thì đầu phải là một, do đó quên niệm một, niệm khác. Bởi còn thấy có một, có khác, là còn thấy bệnh, tức còn thấy đối đãi. Đây là khiến người dứt niệm một khác thì mới thể nhập thật tướng Bát nhã.

Thêm một ý nghĩa là sắc tức không, không tức sắc. Thế giới nát thành bụi, thì sắc tức không; Vì thế giới to lớn mà thấy nát thành bụi tức không có tướng thế giới cố định, không có tự tánh thế giới nguyên vẹn, thì sắc tức không rõ ràng. Rồi bụi nhóm thành thế giới thì không tức sắc; tức thế giới đó không tự có mà do những hạt bụi nhóm lại thành, từ không mà thành có. Ngày xưa có thiền sư Tấn Bạt Đà cũng nói về nghĩa sắc không này, một hôm ngài hỏi pháp sư Sanh:

- Thường thấy giảng kinh luận gì?

Pháp sư Sanh đáp:

- Giảng kinh Đại Bát Nhã.

Thiền Sư hỏi:

- Làm sao nói nghĩa sắc không?

Pháp sư Sanh trả lời:

- Nhiều hạt bụi nhỏ nhóm lại thì thành sắc, những hạt bụi đó không tự tánh thì nó là không.

Thiền sư Tần Bạt Đà mới bảo:

- Khi những hạt bụi chưa nhóm lại thì gọi là gì?

Pháp sư Sanh mờ mịt không đáp được. Khi nhóm gọi là sắc, chưa nhóm gọi là gì? Lúc đó không nói sắc, nói không gì hết, đó là cái khéo của các vị thiền sư, còn mắc kẹt sắc không cũng còn chưa thể nhập được trong Bát nhã, chưa nhóm lại là chưa thành sắc không. Thiền sư Tần Bạt Đà hỏi tiếp về Niết bàn, pháp sư Sanh giải nhưng Sư không chấp nhận mà phũ áo bỏ đi, sau đó đồ chúng của pháp sư Sanh đuổi theo hỏi:

- Thầy chúng tôi nói về nghĩa sắc không, niết bàn mà chẳng khế hợp, chưa biết ý của thiền sư nói nghĩa sắc không thế nào?

Thiền sư bảo:

- Chẳng nói thầy ông nói không đúng, nhưng thầy ông chỉ nói được nghĩa sắc không trên quả thôi, mà chẳng nói được nghĩa sắc không trong nhân.

Đồ chúng mới hỏi:

- Thế nào là nghĩa sắc không trong nhân?

Sư đáp:

- Vì một hạt bụi không nên các hạt bụi không, vì các hạt bụi không nên một hạt bụi không. Trong một hạt bụi không, không các hạt bụi. Trong các hạt bụi không, không một hạt bụi.

Đó là Sư nói nghĩa sắc không trong nhân. Các hạt bụi nhân một hạt bụi mà có, một hạt bụi cũng nhân các hạt bụi kia mà thành, tức một và nhiều đối đãi nhau mà lập thôi. Một cái này không thì những cái kia không, cũng chính những cái kia không nên cái này không, vì cái này đối với cái kia, để thấy rõ đều là nhân duyên đối đãi mà lập, không có tự tánh, đó gọi là sắc không trong nhân. Vậy phá được cái niệm về sắc về không, nghĩa là không thấy cố định sắc là sắc, cố định không là không. Trong đây thêm một ý là phá niệm thô và tế: thế giới là thô, vi trần là tế, thế giới không thật thế giới, vi trần không thật vi trần, tức niệm thô tế cũng quên, cũng bật, bởi vì còn kẹt niệm thô tế cũng còn trong sinh tử.

Đến đây ngài Tu Bồ Đề giải thích, nếu thế giới có thật thì nó phải là một hợp tướng

nguyên vẹn, nhưng thế giới không thể có một tướng nguyên vẹn được mà chỉ do phàm phu chấp trước. Khi nói tới một hợp tướng, ngài Tu Bồ Đề liền dẫn lời Phật phá ngay **“Một hợp tướng đó, tức chẳng thể nói, nhưng người phàm phu tham trước việc ấy”**, không phải nghe nói đến một hợp tướng, tức một tướng nguyên vẹn, liền cho là có một hợp tướng thật; nói một hợp tướng này là tạm nêu ra, nhưng người phàm phu vì cái mê lầm vọng tưởng chấp trước mà tưởng như là có một tướng nguyên vẹn, chứ lẽ thật thì không có một tướng nguyên vẹn. Mọi người hãy xét kỹ lại trên thế gian này, có cái gì là một tướng nguyên vẹn? Ngay như một quả núi tướng như là một tướng nguyên vẹn, nhưng cũng là do nhiều bụi nhỏ, nhiều tảng đá, nhiều cây hợp lại, xét kỹ thì không có tướng nguyên vẹn, mà do tướng rồi chỉ thấy tướng thô như vậy. Thấy cái ly tướng đó là một tướng, nhưng đâu biết nó là do những nguyên tử mà hợp lại. Vậy để thấy rõ cái lầm lẫn của người.

Trong đây còn có một ý nghĩa sâu nữa, là phá niệm chấp về ba thân một khác. Ta thường nghe Phật có ba thân: Báo thân - Hóa thân - Pháp thân, vậy ba thân đó là một hay là khác?

Tuy nói ba thân, là nói trên danh từ, nhưng đều đồng một thể giác, vậy làm sao nói khác? Nhưng tùy duyên ứng hiện ra thành sai biệt, thì làm sao nói một? Như hóa thân khi cần hiện ra người thì hiện người, khi cần hiện ra trời thì cũng hiện trời để giáo hóa, vậy thì nói một hay nói khác? Thấy một hay khác đều là thấy trên tượng, còn thấy thấu qua cái thể đó thì đồng một thể giác, làm sao nói một nói khác được? Đây là phá cái niệm về ba thân một khác và cũng là trừ cái lầm lẫn cho là, khi sống về pháp thân rồi thì trở thành một khối. Có người nghĩ rằng pháp thân mới là thân chân thật, tu cuối cùng rồi là quên hóa thân, báo thân để trở về pháp thân, mà khi trở về pháp thân chân thật thì thành một khối chung. Cũng giống như nói, tu khi đến cuối cùng thì những cái tiểu ngã trở về đại ngã. Hiểu như vậy cũng chỉ là tưởng tượng, cũng thành có một, có khác, là bỏ khác trở về một, thì cũng mắc kẹt cái một. Trong kinh có ví dụ: Như trăm ngàn ngọn đèn ở trong một nhà, ánh sáng của mỗi ngọn đèn hòa lẫn với nhau, nhưng có thành một không? Tuy ánh sáng hòa lẫn, mà ánh sáng của mỗi ngọn đèn vẫn là mỗi ánh sáng riêng. Như khi tu là trở về pháp thân, nhưng không phải phá hoại hết những thân khác, mà mỗi người đều có chỗ sống

của mỗi người, chứ không phải thành một cái pháp thân chung hết. Vậy là không kẹt một, không kẹt khác. Tổ Lâm Tế đã nói: “*Ánh sáng thanh tịnh trên một tâm niệm của ông, chính là Phật pháp thân trong ngôi nhà của ông. Ánh sáng không phân biệt trên một tâm niệm của ông, chính là Phật báo thân trong ngôi nhà của ông. Ánh sáng không sai biệt trên một tâm niệm của ông, chính là Phật hóa thân trong ngôi nhà của ông*”. Vậy nói Phật hóa thân, Phật báo thân, Phật pháp thân cũng trên một niệm thanh tịnh sáng suốt thôi. Nên cuối cùng ngài nói: “*Ba thân này chính là người hiện nay ở trước mắt các ông đang nghe pháp đây thôi*”. Cho thấy rõ, ba thân chỉ là danh từ tạm lập, thể chỉ là một thể giác thôi, chứ không gì khác; rõ được “*Người đang nghe pháp đây*” thì thấu suốt được ba thân chứ không tìm đâu xa. Như vậy ngay đây các niệm một - khác, niệm thô - tế, đều sạch hết thì thông thả chưa?

Trong đây, còn thêm một ý nữa: thế giới là cảnh nương tựa của thân, là chỗ đến của sinh tử, mà thế giới không thật, thế giới bị đập nát thành bụi nhỏ thì chỗ nào để bám, chỗ nào để đến? Phá được cái niệm này rồi, thì sinh không chỗ sinh, ngay đây là vô sinh. Sở dĩ mình thấy có sinh, là

có chỗ để đến, mà thế giới không thật thì đến chỗ nào? Trong Chứng Đạo Ca ngài Huyền Giác có nói: *“Đại thiên sa giới hải trung ôu, nhất thiết Thánh Hiền như điện phát”*, tức là *“Cõi cõi đại thiên bọt nước xao, tất cả thánh hiền như điện chớp”*. Bao nhiêu cõi nước hằng hà sa số trong vũ trụ cũng giống như bọt nước nổi trôi, bao nhiêu Thánh Hiền hiện ra cũng như làn điện chớp chứ không có chỗ nào để bám, thì rảnh rang giải thoát tự tại, còn sinh đến chỗ nào đây? Vậy còn tìm chỗ đến để tự trói buộc mình hay sao? Nên chỗ này hiểu cho sâu thì, khi sắp chết nhớ chỗ này là khỏe, thì ngay đó là vô sinh rồi, khỏi sợ chết, khỏi sợ sinh đi chỗ bậy! Vua Thánh Tông khi sắp mất, vua Nhân Tông đang đứng hầu, mới nhắc: *“Bệ Hạ còn nhớ lời của ngài Vĩnh Gia chăng?”*. Ngài mới nhắc:

Rành ràng thấy không một vật,

Cũng không người, chữ cũng không Phật.

Cõi cõi đại thiên bọt nổi trôi,

Tất cả thánh hiền như điện chớp.

Dầu cho vòng sắt trên đầu chuyển,

Định tuệ sáng tròn vẫn không mất.

Vua Thánh Tông mỉm cười, rồi lấy tay gõ vào gối tụng theo. Tối buổi chiều thì vua băng hà nhẹ nhàng. Những đoạn này phải học kỹ, nhớ kỹ thì rất có lợi ích, đây là những đoạn thể nhập, sống thực chứ không phải lý luận nữa!



31. TRI KIẾN CHẴNG SINH

Này Tu Bồ Đề! Nếu người nói, Phật nói Ngã kiến, Nhân kiến, Chúng sinh kiến, Thọ giả kiến. Tu Bồ Đề! Ý ông nghĩ sao? Người đó hiểu nghĩa ta nói chăng?

- Bạch Thế Tôn, không thể. Người đó chẳng hiểu nghĩa Như Lai nói. Tại sao? Thế Tôn nói Ngã kiến, Nhân kiến, Chúng sinh kiến, Thọ giả kiến, tức chẳng phải Ngã kiến, Nhân kiến, Chúng sinh kiến, Thọ giả kiến, đó gọi là Ngã kiến, Nhân kiến, Chúng sinh kiến, Thọ giả kiến.

Tu Bồ Đề! Người phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, đối với tất cả pháp nên biết như thế, thấy như thế, tin hiểu như thế, chẳng sinh pháp tướng. Tu Bồ Đề! Nói là pháp tướng, Như Lai nói tức chẳng phải pháp tướng, đó gọi là pháp tướng.

GIẢNG:

Tri kiến chẳng sinh tức là những cái thấy biết dứt sạch, giống như học từ trước đến nay rồi quét hết. Ở đây Phật bảo: **“Nếu người nói, Phật nói ngã kiến, nhân kiến, chúng sinh kiến, thọ giả kiến”** thì người đó có hiểu nghĩa Phật nói hay không? Ở trước là nói tới bốn tướng **“ngã tướng, nhân tướng, chúng sinh tướng, thọ giả tướng”**, đây nói về **“kiến”**, tức là cái thấy biết, cái kiến chấp về bốn tướng. Đến đây là phá sạch cái thấy bốn tướng, cũng phá luôn cái thấy lìa tướng. Nghe nói chấp bốn tướng thật là mắc kẹt, vậy phải lìa tướng; nhưng còn thấy lìa tướng là chưa rời khỏi bốn tướng. Đó là chỗ rất vi tế, đến đây là phá sạch thấy bốn tướng không được, mà thấy lìa tướng cũng không được. Nên mới gọi là tri kiến chẳng sinh; sạch hết mọi tri kiến, mới rỗng rang tự tại. Đây cũng là phá sạch hết những cái thấy biết về lấy bỏ, về chân vọng, thật giả, không còn dấu vết. Bởi vì còn chỗ thấy biết vi tế là còn chỗ chưa thật thể nhập thật tướng Bát nhã. Nói vậy, nhưng nếu hoàn toàn không thấy biết thì giống như cây đá sao? Vậy tu đến cuối cùng để làm gì? Đó gọi là những cái vô minh vi tế, nên đây Phật phá sạch hết những lớp mây mỏng vô minh. Có

người nghe nói bốn tướng không thật thì có nghi, nếu quả là bốn tướng không thật thì sao gọi là chấp bốn tướng? Ví như hư không, thì nắm cái gì? Nếu nói chấp bốn tướng thì chắc phải có bốn tướng để chấp? Có người cũng sẽ hiểu, Phật nói về bốn tướng, vậy trong tâm của ngài có thấy về bốn tướng hay không? Nếu không thấy, thì Phật nương đâu mà nói? Còn Phật có thấy về bốn tướng, vậy Phật cũng có bốn tướng sao? Thành ra những chỗ đó là những chỗ thật là vi tế, phải phá sạch hết. Nghĩa là còn cái thấy lìa bốn tướng, rốt cuộc cũng chưa rời bốn tướng, tức trong tâm niệm còn chút dấu vết. Ở đây là khiến chúng ta thấu suốt tột cùng, tức những tri kiến vọng chấp về bốn tướng cũng là hư vọng không thật. Trước là phá về **“bốn tướng”** không thật, không cho mình chấp vào bốn tướng, còn ở đây cái **“chấp bốn tướng”** cũng không thật, mà đó là tri kiến vọng chấp, do vô minh điên đảo mà khởi, chứ không thật có tự tánh cố định. Trong nhà thiền có một vị tăng hỏi ngài Tào Sơn Bốn Tịch:

- Muôn pháp từ đâu sinh?

Tào Sơn trả lời:

- Từ điên đảo sinh.

Nếu thật sự muôn pháp có chỗ sinh, thì muôn pháp có thật, nếu có thật thì mình hết tu luôn. Nên ngài trả lời từ diên đảo sinh; nhưng vị tăng lại hỏi:

- Khi không diên đảo thì muôn pháp ở chỗ nào?

Chính câu hỏi là sai, trả lời là sai thêm nữa; nếu cứ lo tìm chỗ là diên đảo rồi, nên ngài trả lời:

- Đây!

- Ông tăng gạn lại:

- Ở chỗ nào?

Ngài nói:

- Diên đảo làm gì?

Cố tìm chỗ là diên đảo rồi! Nếu có chỗ sinh thì tức là thật, mà thật đâu gọi diên đảo? Nên nói diên đảo có nghĩa sâu, là không có thật, ngay khi sinh cũng không thật sinh mà chỉ diên đảo, tức ngay khi sinh là vô sinh. Ở đây phải thấy rõ, biết rõ, nó diên đảo không có thật, thì giấc ngộ nó mới hết; còn nếu nó thật, giấc nó cũng còn đó. Như vậy mình không phải dẹp bỏ nó đi đâu, không có dấu vết để mình trừ dẹp, mà chỉ là phương tiện

nói đẹp vậy thôi, chứ nếu tìm chỗ trừ đẹp thì điên đảo nữa. Vậy nói phá chấp, trừ chấp là phương tiện chứ không thật có chấp để phá, để trừ. Cũng vậy, nói **“ngã kiến, nhân kiến, chúng sinh kiến, thọ giả kiến”**, nhưng không phải thật có ngã kiến để mình đẹp, nên Phật nói: **“Nói ngã kiến tức chẳng phải ngã kiến”**, người nói Như Lai nói ngã kiến, nhân kiến, chúng sinh kiến, thọ giả kiến là không hiểu nghĩa Như Lai nói. Đây là Phật tùy theo vọng tưởng điên đảo của chúng sinh, tạm nói để đánh thức mọi người; tức nó không thật có, nhưng chúng sinh vọng chấp nên Phật đề cập tới để đánh thức mình trở lại, chứ không phải nghe nói ngã kiến là có ngã kiến thật, nên nói ra Phật lại phá liền. Thường chúng ta nghe nói tới kiến chấp của chúng sinh là kiên cố sâu dầy, ăn sâu từ đời nay qua đời khác, hoặc có khi nói núi Tu Di cũng không cao mà ngã kiến mới cao, bởi những danh từ đó mà lằm vào nó rồi tưởng, như vậy là có thật, bèn sinh cái tưởng để đẹp trừ, rốt cuộc cũng lẩn quẩn trong vòng điên đảo. Nghe nói kiến chấp là kiên cố nên tưởng là thật có, rồi cố mà trừ nó. Nhưng đặt câu hỏi **“cái gì là kiến chấp?”**. Dem ra xem? Dem không ra thì trừ cái gì? Vậy thấy rõ đó là điên đảo, mà thấy rõ thì hết lằm, chứ nếu thật rồi thì mong gì trừ!

Ngày xưa, khi Tổ Đạo Tín chưa ngộ, lúc gặp Tam Tổ Tăng Xán ngài hỏi?

- Xin Hòa Thượng từ bi ban cho con pháp môn giải thoát.

Tam Tổ hỏi:

- Ai trói buộc người?

Ngài trả lời:

- Không ai trói buộc hết.

Tam Tổ mới bảo:

- Không ai trói buộc thì cầu giải thoát làm gì?

Ngay đó ngài Đạo Tín liền đại ngộ. Mình cũng bị cái tướng trói buộc, nhưng cái trói buộc đó là ai trói? chỉ là vọng tưởng. Ví dụ, nghe nói bị sáu trần chi phối, cột trói, dẫn đi trong luân hồi, rồi sinh tâm đổ lỗi sáu trần trói mình, mà sự thật ai trói? Ví như đi ngang tiệm vàng thấy vàng bày đầy trong đó, thấy thích dòm hoài rồi nói bị vàng trói mình; nhưng thật ra vàng không có hiểu biết gì, có những người thấy rồi đi tuốt, còn mình thì đứng ngó, vậy cái gì trói mình đó? Chỉ do **sinh tâm**, rồi chú ý vào đó đi không nổi, là **mình trói mình**! Nên biết rõ là không ai trói, rõ được cái

lắm là tự mình giải thoát. Trong bài kệ của ngài Trần Nhân Tông, khi ở trên núi khởi hứng:

Ai trói lại mong cầu giải thoát,

Chẳng phàm nào phải kiếm thần tiên.

Vượn nhàn, ngựa mỗi, người đã lão

Như cũ vân trang một chõng thiền.

(Vân trang là một am núi)

Ngài nói “Ai trói mà đi cầu giải thoát”, tự nó giải thoát rồi, nhưng do mình tự cột chứ sự thật có ai trói. Cũng vậy “Chẳng phàm nào phải kiếm thần tiên”, cứ nghĩ mình là phàm phu, nhưng phàm chỉ là giả tướng thôi, trước đã học chúng sinh tức chẳng phải chúng sinh, vậy tìm thần tiên, tìm Phật ở đâu? Vì phàm thánh cũng là những danh từ tạm lập, trói buộc và giải thoát cũng là hai cái giả lập, chứ không phải là thật. “Vượn nhàn, ngựa mỗi, người đã lão”, vượn ngựa ở đây là nói “*tâm viên ý mã*”, con ngựa chạy hoài từ ngày này sang ngày khác, con vượn chuyền đứng không yên, hai hình ảnh giống hệt tâm, tâm đứng không yên mà cứ buông cái này bắt cái kia như con vượn. Ở đây ngài nói “Nhàn, mỗi, lão”, tức tâm dừng, thì “Như cũ vân trang một chõng thiền”, ngồi trên am núi tự tại không

bận bịu gì hết, chỉ cần tâm yên là tự giải thoát, chứ không ai trói cũng không ai giải thoát cho mình. Vậy là tự mình vọng tưởng, rồi tự mình thấy bị trói, rồi chạy đi tìm người cởi trói cho mình! Đây chỉ cần giác ngộ trở lại, dừng tâm vọng tưởng lăng xăng thì ngay đó giải thoát, chứ không có cầu ai trừ cho mình được. Xưa quốc sư Đức Thiều hỏi ngài Sơ Sơn:

- Trăm vòng ngàn lớp là cảnh giới của người nào?

Sơ Sơn đáp:

- Tay trái se sợi dây gai trói con quỷ.

Ý hỏi là bị trăm vòng ngàn lớp vọng tưởng chông trói, tưởng có cách gì cởi dùm. Sơ Sơn trả lời: "Tay trái se sợi dây gai trói con quỷ", thì có ai trói con quỷ đâu? con quỷ làm sao trói? Vì nó thật có hình tướng gì? Biết nó vọng tưởng liền thôi, biết vọng tưởng thì không lằm, còn tưởng bị trói, rồi cầu cởi, đó là thêm một lớp vọng tưởng khác, tức chưa rời khỏi điên đảo. Đây nhắc mình chớ nghe Phật nói ngã kiến, liền nghĩ thật có ngã kiến, có kiến chấp, rồi phải trừ phải dẹp cho được. Trung Quán Luận (thuộc về hệ Bát Nhã), trong bài kệ cuối cũng nói về tà kiến, kiến chấp, có câu "Tất cả các pháp không, Thế gian các kiến

thường...; Chỗ nào, ở lúc nào? Ai khởi các kiến ấy?”. Các kiến chấp là thường, là đoạn, tìm cho kỹ thì nó ở chỗ nào? khởi lúc nào? ai khởi? Nên tìm cho tốt cùng thì ở thế gian này, tất cả pháp đều vốn là tánh không, đều do nhân duyên chứ không có thật. Thí dụ “có” là do đâu có? Là do đối với “không” giả lập, nếu cả thế gian không có cái “không” thì sao? Cũng vậy “thường” đối với cái “đoạn” mà giả lập chứ không tự có, nên đều là đối đãi không có tự tánh sẵn có của nó. Vậy chính nó đã không thật, thì kiến chấp về nó bám vào chỗ nào để chấp? Ai khởi lên những kiến chấp? thường chúng ta nói “tôi khởi”, nhưng cái gì là tôi? Tìm cho tốt cùng thì “người” khởi kiến chấp vốn không có, rồi “chỗ” khởi cũng không có, còn cái “lúc” khởi? Có khi bảo “lúc khởi” là khi tôi thấy nó, nhưng chính nó không thật, vậy khi khởi nghĩ về nó thì nó đã qua, và trở thành quá khứ, vì những cái nghĩ nó trôi chảy không dừng một chỗ. Vậy cái khởi không có chỗ, có lúc, và không có ai khởi, thì kiến chấp là cái gì? Tức ngay nơi đó kiến chấp sụp đổ! Còn mình lo trừ nó thì lại chấp thêm. Nên Phật kết lại: “Người phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, đối với tất cả pháp nên biết như thế, thấy như thế, tin hiểu như thế, chẳng sinh pháp tướng”. Như vậy từ trước đến đây Phật đã đáp về chỗ phát tâm

bằng nhiều phương tiện: qua nghĩa vô trụ, ly tướng; tức không trụ vào sắc thanh hương vị xúc pháp mà sinh tâm, lìa tất cả tướng ngã, tướng nhân, tướng trang nghiêm. Đến đây Phật kết lại đơn giản **biết như thế, thấy như thế, hiểu như thế**, và nhấn mạnh “**chẳng sinh pháp tướng**”, chỉ đơn giản, nó như thế nào, thấy như thế đó, chẳng sinh pháp tướng! Chúng ta tu suốt đời cũng chưa hết. Nhưng làm sao thấy như thế, biết như thế? Đây là khiến người quên hết mọi niệm chân vọng, thật giả, có không, trả lại các pháp nó như thế nào, thấy đúng thế đó, không thêm không bớt, tức không thêm bớt chút **thấy biết của ta** vào đó, không thêm cái kiến giải của mình, đừng gán thêm cái nhãn hiệu “TA” vào là nguy hiểm! Nếu “ta” thấy thế này, anh thấy không như thế này là sinh chuyện, mà chính như vậy là mình bóp méo lẽ thật. Còn Nó như thế, thấy đúng như thế thì không có gì là lỗi lầm. Trong Tín Tâm Minh có câu “*Nhất tâm bất sinh, vạn pháp vô cữu*”, một tâm không sinh thì muôn pháp không có lỗi, chỉ cần một tâm không sinh niệm phân biệt trên đó, thì vạn pháp bình an không lỗi lầm, đều là thanh tịnh; còn mình vừa sinh tâm một chút liền có lỗi, sinh tâm nghĩa là phân biệt, tức có thế này, thế kia nên nó không còn là nó. Ở đây là trả lại cái thấy nguyên sơ lúc ban đầu, không dính một chút

khác! Vậy chúng ta muốn thấy cái thấy nguyên sơ thì phải trả lại mọi cái phải quấy hơn thua, mà thấy đến chỗ đó thì còn cái gì để thấy nữa? Trong nhà thiền có câu: “Ngộ rồi đồng chưa ngộ, không tâm cũng không pháp”, đến đó cũng quên niệm phân biệt đây là “tâm”, đây là “pháp”; còn nếu động một niệm phân biệt là thấy có tâm, có pháp chen vào, mà thấy có tâm có pháp là thấy có tâm đuổi theo pháp, tức là có hoặc lấy, hoặc bỏ. Song câu trên dễ hiểu lắm: “*thấy như thế, biết như thế chẳng sinh pháp tướng*”, chẳng sinh pháp tướng nghĩa là đoạn diệt, là hoại hết sao? Là không còn gì thấy nữa sao? Nghĩa là giống như người mù? Rõ bài kệ của thiền sư Nghĩa Trung thì hiểu được nghĩa này:

Chính thấy nghe này chẳng thấy nghe,

Đâu thừa thính sắc đáng trình anh?

Trong kia nếu liễu toàn vô sự,

Thế dụng ngại gì phân chẳng phân.

Chính ngay cái thấy nghe này mà chẳng thấy nghe, nghĩa là thấy nghe tất cả nhưng không duyên theo gì hết, không xen vào gì hết, thấy tất cả mà thấy vẫn là thấy, nghe tất cả mà nghe vẫn là nghe, chứ không đồng hóa với cái bị thấy, với

cái bị nghe, tức không đồng hóa với sắc, với tiếng. Như vậy, tức thấy như thế, nghe như thế, chứ không thêm bớt. Thì đâu có thừa thanh sắc đáng trình anh? Thấy nghe như vậy thì đâu có thêm thanh sắc trong đó để mà trừ, để mà dẹp, hoặc lấy, hoặc bỏ. Nếu trong đó thấy tỏ suốt rồi thì hoàn toàn vô sự, không còn phân là thể là dụng, còn đây có lúc giải thích đây là thể, kia là dụng, là nói cho lúc còn đang mê, mà còn chia thể chia dụng, là chưa thật thấy. Chỗ này rất tế nhị, nếu không thấy kỹ, rất dễ hiểu lầm một bên. Song, đây không phải chỗ để lý giải, lý giải không đến được, nên gọi là bất tri kiến thì cái thấy đó mới trùm khắp, mới mệnh mông không ngăn mé. Chúng ta thường kẹt trong lý giải, nghe nói liền sinh cái hiểu, đem lý ra giải, vậy là đi theo lý giải mà quên mất cái hiện hữu, nhưng càng lý giải chừng nào, càng bày cái dốt chừng nấy, cái dốt này không phải là cái dốt thế gian, mà là “*dốt không thấy lẽ thật*”. Phật dạy đối với các pháp thì chẳng sinh pháp tướng, vì vừa có pháp tướng liền có chân vọng, có chính tà. Nhưng Phật vừa nói đến pháp tướng, ngài cũng sợ mình chấp nữa nên liền phá ngay: “**Nói là pháp tướng đó Như Lai nói chẳng phải pháp tướng**”. Nói vậy, Phật sợ mình chấp có cái pháp tướng chẳng sinh, vậy là trong tâm này có bóng dáng của pháp tướng, đó là

những chỗ rất vi tế, chỉ có dùng kiếm Bát nhã mới phá nổi, chứ không lý luận kịp.

Đoạn này ngài Hám Sơn có giải thích Tổng quát để thấy ý phá chấp của kinh. “Ban đầu người chấp thấy có thân tâm năm ấm và tướng của sáu trần, nên dính mắc trên tướng đó mà làm bố thí để cầu phước đức của Phật, do đó mà Phật lấy vô trụ để phá (*khiến mình không trụ gì hết*). Kế đó là chấp có tướng Bồ Đề, Phật lấy vô sở đắc để phá, Phật nói ta được chứ thật không được gì (*tức không có pháp để được*). Sau đó, chấp về bố thí có tướng để trang nghiêm cõi Phật, thì Phật lấy không cõi nước có thể trang nghiêm để phá (*trang nghiêm tức chẳng phải trang nghiêm*). Rồi chấp có tướng phước đức để cảm tướng quả báo, Phật lấy không sắc thân đầy đủ để phá (*sắc thân đầy đủ tức báo thân đầy đủ những tướng tốt*). Kế là chấp Như Lai nhất định có tướng ba thân, Phật lấy ứng hóa chẳng phải thật, báo thân là tướng để phá. Kế chấp nhất định có pháp thân, Phật lấy pháp thân chẳng có tướng, để phá. Xong, chấp pháp thân có tướng ngã thật, Phật lấy tất cả vô ngã để phá. Cuối cùng, chấp Như Lai nhất định có tướng ba thân, Phật lấy chẳng phải khác, chẳng phải một để phá. Chẳng phải một, chẳng phải khác là đập nát thế giới thành vi trần. Như vậy, ngài

từng lớp, từng lớp để đuổi phá, tất cả tướng đều là không, các tướng đều tiêu mất thì lúc đó một tâm không nương gá, đến chỗ tột lý quên tình, chỉ thẳng mé thật của pháp thân. Vì tướng hư vọng của sở kiến đã không (*cái bị thấy*), thì cái thấy hư vọng của năng kiến (*tức cái hay thấy*) liền mất. Đây là chỗ cực tác của cứu cánh Bát nhã chân thật". Đó là phá sạch hết mọi tình chấp, không còn chỗ để bám, thì Bát nhã thực tướng hiển bày lồ lộ. Tức đến đây là trả về núi sông là núi sông, cây gậy chỉ là cây gậy, như ngài Vân Môn: "*Đi chỉ đi, ngồi chỉ ngồi, nhưng không được động đến*". Động đến là đáng ăn ba gậy! Bởi vì động đến là có chỗ suy nghĩ. Ở đây là đến chỗ thấy nghe các pháp đều như như, đó mới là trả về nguyên thủy của nó.

Tóm lại, tất cả bao nhiêu cái thấy, cái hiểu từ trước đến nay, ngay đây một lúc buông sạch, tri kiến chẳng sinh; nhưng buông sạch hết, vậy là còn gì không? Buông sạch hết, chỉ một cái rõ ràng thường biết, luôn luôn hiện hữu chưa từng gián đoạn, song chỉ có một điều là **"nói không thể đến"**, nghĩa là, đây là chỗ chứng nghiệm chứ không phải lý luận. Nên đến đây mà còn lý luận này, lý luận kia là còn đứng ngoài cửa. Thiển sư Đạt Quán nhắc lời của ngài Thạch Đầu: "*Chấp sự*

nguyên là mê mà khế lý cũng chẳng phải ngộ". Chấp sự mê là phải rồi (sự là sự tướng), mà khế hợp với lý cũng chẳng phải ngộ, vậy phải làm sao? Còn lý, còn sự, còn phân chia nghĩa là hai; còn có cái lý để mà hợp, là còn thấy có cái gì bên ngoài thì rõ ràng chẳng phải ngộ. Nhưng khi dẫn như vậy, ngài Cốc Ẩn mới hỏi: "Ông cho đó là lời nói thuốc, hay lời nói bệnh?". Đạt Quán đáp: "Lời nói thuốc". Đó là kẹt lời rồi. Cho nên Cốc Ẩn mới quở: "Ông lấy bệnh mà làm thuốc đâu có thể được". Nghe nói vậy, chấp cho là lời nói thuốc, mắc kẹt trên ngôn ngữ, vậy lấy thuốc làm bệnh là như thế đó. Sư nói: "Sự như phong thư gói kín, lý là mũi tên thẳng đầu nhọn. Chỗ nhiệm mầu đâu có thêm bớt, thật là chưa rõ được ý chỉ này". Nói "sự" giống như phong thư đóng kín thì đâu có động đến nó, tức nói sự mà không dính ở sự; còn "lý" như mũi tên thẳng đầu nhọn, cũng đâu động đến được, thì chỗ đó là chỗ nhiệm mầu không còn thêm bớt, vậy sao còn cho là bệnh, thật là không hiểu nổi! Vậy ý chỉ là ở chỗ nào? Ngài Cốc Ẩn bảo: "Chỗ nhiệm mầu đến như thế đó, cũng chỉ là lý sự thôi". Dù cho nói hay cách mấy cũng chưa rời khỏi lý sự, còn "ý chỉ của Tổ sư là chỗ trí biết không thể đến được, hướng chỉ sự lý mà hay cùng tột đó sao? Nên Đức Thế Tôn nói: "Lý chướng, ngăn ngại cái thấy biết đúng; còn sự chướng, tiếp

nói các sinh tử". Chấp sự, là chấp theo tướng, tức dẫn mình đi trong sinh tử; còn bị lý này lý kia, là ngăn ngại cái thấy biết đúng, tức chưa quên được lý sự. Chỗ này những người hay lý sự phải cẩn thận, vì lý sự cũng không rời khỏi môi! Khi nghe tới đó, ngài Đạt Quán như chợt tỉnh cơn mộng, bèn thưa: *"Như vậy làm sao mà thọ dụng?"* Ngài Cốc Ẩn bảo: *"Lời nói chẳng rời khỏi khuôn sáo cũ"*, nói ra không rời khỏi khuôn sáo cũ, làm sao ra khỏi ràng buộc được. Sư mới than: *"Vừa dính môi lưỡi, liền rơi vào ý nghĩ, trợn vào cửa chết, rốt cuộc chẳng phải con đường sống vậy"*, tức vừa hở môi là rơi vào cửa chết, nói ra là mắc kẹt bên này bên kia, vậy ngậm miệng hoài sao? Đến đây là hết lý luận, không cho mình nói, nên mới có phần sau.



CHÁNH VĂN:

32. ỨNG HÓA CHẲNG PHẢI CHÂN.

Này Tu Bồ Đề! Nếu có người đem bảy báu đầy cả vô lượng vô số thế giới dùng để bố thí; nếu có người thiện nam, kẻ thiện nữ phát tâm Bồ đề, thọ trì, đọc tụng, vì người khác mà diễn nói kinh này, cho đến bốn câu kệ... phước của người này hơn người bố thí kia. Làm sao vì người mà diễn nói? Chẳng chấp thủ nơi tướng, như như chẳng động. Tại sao?

Tất cả pháp hữu vi,

Như mộng, huyễn, bọt, bóng.

Như sương cũng như chớp,

Nên khởi quán như thế.

Phật nói kinh này xong, Trưởng lão Tu Bồ Đề và các vị Tỳ Kheo, Tỳ Kheo ni, Ưu-bà tắc, Ưu-ba-di, tất cả trời, người, a-tu-la ở thế

gian nghe lời Phật nói đều rất vui mừng, tin nhận vâng làm.

GIẢNG:

Phần này gọi là phần lưu thông, Phật chỉ dạy cách truyền trì Bát Nhã chân thật không để cho đoạn dứt, nói vậy mà không phải ngậm miệng hoài thì ai hiểu được, làm sao mà dạy? Trước Phật so sánh về phước hữu vi, bố thí bảy báu vô lượng cũng không bằng phước trì kinh, để thấy phước trì kinh, sống với Bát Nhã là phước vô vi cao quý hơn. Nhưng, ở đây chú ý sự so sánh là nói rõ: **“Người phát tâm Bồ Đề”**, bản xưa nói: **“Phát tâm Bồ Tát”**, tức nói đến chỗ sống của Bồ Tát, là tự độ và độ tha đầy đủ, chính là để Tổng kết làm sao an trụ chân tâm không gián đoạn? Đây nói rõ phước bố thí bên ngoài cũng là phước hữu vi, nếu mình bám vào phước hữu vi đó là có gián đoạn. Trái lại muốn nhấn mạnh, tự mình sống trong Bát Nhã, còn đánh thức cho người, khiến cho chánh pháp được sáng mãi, sáng mãi trên thế gian này; tức một người tổ ngộ rồi, chỉ cho người khác được tổ ngộ, rồi lại chỉ cho người khác nữa, cứ vậy nhân lên, nhân lên nữa mà không gián đoạn, thì công đức này làm sao nói hết được! Đó là nói bên ngoài, còn nói bên trong thì một niệm giác rồi, lại giác các

niệm khác, niệm niệm đều giác kéo dài liên tục không để cho gián đoạn. Ở đây Ngài nhấn mạnh điểm **“vì người mà diễn nói”**, nên Ngài mới dạy: **“Làm sao vì người diễn nói”**. Đây là phần lưu thông mà cũng để thấy rõ pháp thân không tướng, không ngôn ngữ đến được, nhưng cũng không phải một bề im lặng, chấp một bề im lặng cũng kẹt một bên, nên Phật nhấn mạnh phần vì người diễn nói, song phải nói làm sao để không trái với Bát Nhã. Đây Phật giải thích: **“Chẳng chấp thủ nơi tướng, như như chẳng động”**, đó là chỗ vì người diễn nói phải như vậy. Nói ra mà không kẹt lời, không rơi vào các tướng phân biệt, nếu nói ra mà kẹt ở lời và các tướng phân biệt thì chính ngay đó tự mình che lấp mình, sao gọi là truyền trì Bát Nhã được? Xét ngược lại, sở dĩ Phật nói pháp là từ tâm chứng Ngài nói ra, dù hiện có nói năng, có phân biệt, nhưng là lìa các tướng phân biệt. Nói ra tất cả, nhưng lìa các tướng phân biệt, không mắc kẹt trên đó. Như kinh Duy Ma Cật: **“Phân biệt tướng các pháp mà nơi nghĩa đệ nhất chẳng động”**. Phân biệt nói tất cả, nhưng không rời tự tánh, không kẹt trên các tướng. Người sau này cũng phải lìa tướng mà nói, đối với cảnh vẫn như như chẳng động, tức là chẳng rời pháp thể, như vậy mới thấm hợp với trí Phật, mới khiến người

tỉnh trở lại. Còn nói mà kẹt trên các tướng thì khiến người ta mê các tướng làm sao tỉnh trở lại? Như vậy, chẳng chấp thủ nơi tướng, như như chẳng động, nếu thấy đến chỗ đó, thì dụng đến cái gì chẳng là nói pháp, một cành cây một tảng đá cũng nói pháp được, gió thổi thông reo, lá rơi cũng nói pháp được. Chính vì vậy, các thiền sư dụng cái gì, các ngài cũng nói pháp được, có khi tảng hăng cũng thành nói pháp. Đến đây mới gọi, **“tất cả pháp đều là Phật pháp”**, như vậy Bát Nhã luôn luôn lúc nào cũng sáng ngời không gián đoạn, tức lúc nào cũng an trụ chân tâm. Đây giải thích cho mình rõ an trụ chân tâm, nhưng làm sao an trụ liên tục không gián đoạn. Được như vậy, rồi chỉ bày khơi sáng cho mọi người nữa, đó là ý nghĩa phát tâm Bồ Đề. Hãy chú ý câu **“chẳng chấp thủ nơi tướng, như như chẳng động”**, chính câu này là con mắt của toàn bộ kinh, “chẳng chấp thủ nơi tướng, như như chẳng động”, tức bật cả hai bên, vậy ngay đó mình tiến thẳng vào! Chẳng thủ tướng tức là lìa tướng, như như chẳng động là chẳng bỏ tướng; lìa tướng mà chẳng bỏ tướng, tức là tánh tướng nhất như, chẳng lấy chẳng bỏ, thì ngay đó mở cửa vào. Kinh Viên Giác có câu: **“Tất cả các chúng sinh, Vô thi huyễn vô minh, Đều từ tâm viên giác, Các Như Lai kiến lập. Giống như**

hoa trong không, Nương không mà có tướng, Hoa không nếu diệt rồi, Hư không vốn chẳng động”, cái vô minh hư huyền từ vô thủy của tất cả chúng sinh đều từ nơi tâm viên giác của các Như Lai mà kiến lập. Mọi người có nghi chăng? Nếu vô minh hư huyền từ vô thủy đều từ nơi tâm viên giác của các Như Lai mà sinh, thì mình thành Phật, ít hôm nó khởi nữa làm sao? Vậy tu đến bao giờ hết? Chính chỗ này, trong kinh Viên Giác ngài Kim Cang Tạng hỏi: “Như vậy chúng sinh thành Phật rồi, sau đó khởi vô minh trở thành chúng sinh nữa thì tu đến bao giờ hết?”. Cái lý luận của tình thức này nguy hiểm, người không khéo dễ bị gạt, nghe nói vậy dễ thấy có lý. Nhưng nghe nói vậy, Phật mới quở: “Ông dùng cái thức tình của phàm phu mà đo lường trí tuệ Phật, thì trí tuệ Phật cũng thành phàm phu luôn”, nghĩa là đem cái tâm phàm của mình nghĩ đến cảnh giới Phật, thì cảnh giới Phật cũng thành phàm. Phật ví dụ, cũng như vàng trong quặng đem ra lọc thành vàng rồi, thì vàng này không trở lại thành quặng, giác rồi không trở lại thành mê nữa. Điểm này phải để ý kỹ, chứ không, học rồi mà nghe những người miệng lưỡi khéo léo lý luận thì nghe sao cũng có lý, rồi sinh nghi ngờ! Ngài nói tất cả cái huyền vô minh đều từ tâm viên giác

hoa trong không, Nương không mà có tướng, Hoa không nếu diệt rồi, Hư không vốn chẳng động", cái vô minh hư huyền từ vô thủy của tất cả chúng sinh đều từ nơi tâm viên giác của các Như Lai mà kiến lập. Mọi người có nghi chăng? Nếu vô minh hư huyền từ vô thủy đều từ nơi tâm viên giác của các Như Lai mà sinh, thì mình thành Phật, ít hôm nó khởi nữa làm sao? Vậy tu đến bao giờ hết? Chính chỗ này, trong kinh Viên Giác ngài Kim Cang Tạng hỏi: **"Như vậy chúng sinh thành Phật rồi, sau đó khởi vô minh trở thành chúng sinh nữa thì tu đến bao giờ hết?"**. Cái lý luận của tình thức này nguy hiểm, người không khéo dễ bị gạt, nghe nói vậy dễ thấy có lý. Nhưng nghe nói vậy, Phật mới quở: **"Ông dùng cái thức tình của phàm phu mà đo lường trí tuệ Phật, thì trí tuệ Phật cũng thành phàm phu luôn"**, nghĩa là đem cái tâm phàm của mình nghĩ đến cảnh giới Phật, thì cảnh giới Phật cũng thành phàm. Phật ví dụ, cũng như vàng trong quặng đem ra lọc thành vàng rồi, thì vàng này không trở lại thành quặng, giác rồi không trở lại thành mê nữa. Điểm này phải để ý kỹ, chứ không, học rồi mà nghe những người miệng lưỡi khéo léo lý luận thì nghe sao cũng có lý, rồi sinh nghi ngờ! Ngài nói tất cả cái huyền vô minh đều từ tâm viên giác

các Như Lai kiến lập, để nói lên nó không có thật, đó là cái mê lầm vọng chấp thôi. Nên mới nói giống hoa đốm trong hư không, nương nơi hư không mà có tướng, nhưng nếu hoa đốm đó diệt rồi, thì hư không đó vốn chẳng động. Cái vô minh huyền này có sinh, rồi giác nó hết, nhưng hư không vốn không động, không phải khi có hoa thì hư không diệt, rồi hoa diệt thì hư không sinh, mà hư không không sinh không diệt. Nếu nhìn xa hơn chút nữa, thì chính hoa đốm đó cũng không sinh diệt, hoa đốm đó không thật có, do con mắt bệnh nên mới thấy hoa lăng xăng, mất lạnh liền hết, chứ không phải mất bệnh thấy có hoa là thật có hoa. Có người mê lầm, mất bệnh thấy hoa đốm lăng xăng tưởng hoa thật, rồi trông chờ nó kết trái, là mê càng thêm một lớp mê nữa. Thấy rõ vậy, cả hai trước sau không động, chính ngay hư không cũng không động, rồi hoa đốm lăng xăng cũng không động, vì nó không có thật mà do con mắt bệnh. Kinh Lăng Nghiêm Phật quả ngài A - Nan: “Vì sao ông hiện nay lấy cái động làm thân, lấy cái động làm cảnh, từ đầu tới cuối niệm niệm sinh diệt, bỏ mất tánh chân, điên đảo làm việc, tánh tâm mất đi chân thật, nhận vật làm mình luân hồi trong đó, tự chịu lưu chuyển”, tức là tự tánh mình vốn chẳng động

mà nhận tánh động đó là mình, đành chịu lưu chuyển trong sinh tử, gọi là nhận vật làm mình. Thấy những tướng động qua lại, bám chấp vào tướng động này làm thân mình, quên mất tự tánh chân thật, nên khi tướng động mất thì hết chỗ bám, rồi kiếm cái khác chụp vào để thế, đó là đi trong sinh tử. Nếu rõ được tự tánh chân thật bất động thì, tướng động này là giả tướng thôi, nó còn mất cũng là giả tướng, còn chân thật luôn hiện hữu đó. Như vậy mới tự tại sinh tử. Còn mất cái này chụp cái khác, nếu có phước chụp nhằm cái tốt, không phước thì đụng đâu chụp đó nguy hiểm! Song chính ngay khi lưu chuyển trong sinh tử, tự tánh vẫn luôn luôn bất động. Rõ được chỗ này, rồi đem chỗ này chỉ bày cho nhau, mới thật vì nhau bậc nhất! Đây dạy vì người diễn nói là phải nói chỗ đó; nói Bát Nhã là vậy đó, còn đem trên tướng sinh diệt chỉ bày cho nhau, tức đưa nhau đi vào trong sinh tử, vậy là che lấp Bát Nhã. Có một vị tăng hỏi ngài Hoàng Bá:

- Làm sao đối tất cả cảnh tâm như cây đá?

Bởi vì, tâm thường bị chuyển hoại, hỏi như vậy là thấy cảnh thật nên mới nghĩ làm sao cho tâm được như cây đá, không còn bị chuyển nữa. Ngài Hoàng Bá đáp:

- Tất cả pháp vốn chẳng tự nói là không, chẳng tự nói là sắc, cũng chẳng nói phải nói trái, như sạch, cũng không có tâm trói buộc người, chỉ vì người hư vọng chấp trước tạo các thứ hiểu biết, khởi các thứ tri kiến, sinh ra các thứ yêu sợ. Nếu rõ các pháp chẳng tự sinh, đều từ một niệm chính mình vọng tưởng điên đảo chấp tướng mà có, thì tâm và cảnh vốn chẳng đến nhau, ngay đó là giải thoát, mỗi pháp ngay đó tức lặng lẽ, ngay đó là đạo tràng.

Như vậy, là thấy biết tất cả, nhưng tâm và cảnh không đến nhau, không sinh khởi phân biệt trên các cảnh, đó là lặng lẽ, ngay đó là đạo tràng, đâu phải tách rời nó. Vậy, để hiểu nghĩa chẳng chấp thủ nơi tướng, như như chẳng động, nói như vậy không phải gạt bỏ các tướng hoặc trốn hết các tướng, mà ngay nơi các tướng, rõ nó vốn là tự như như rồi, chỉ do mình vọng tưởng điên đảo chấp, bây giờ biết rõ thì dừng các tâm chấp, ngay đó mọi pháp đều như như. Còn lâu nay mình dùng tâm điên đảo, nên thấy ngược đời, như đi trên xe rồi nhìn thấy hàng cây bên đường chạy lui. Vậy, vì người mà diễn nói Bát Nhã thì không thể quên được chỗ này!

Kế Phật giải thích tại sao chẳng chấp thủ nơi tướng, như như chẳng động:

Tất cả pháp hữu vi

Như mộng, huyễn, bọt, bóng

Như sương cũng như chớp

Nên khởi quán như thế

Sở dĩ như thế, là thấy rõ mọi pháp hữu vi, tức pháp có tạo tác, có làm ra, có hình tướng đều như mộng, huyễn, bọt, bóng, không có thật. Thấy rõ như vậy thì không chấp thủ, là như như. Ý mộng, huyễn, bọt, bóng nghiền ngẫm kỹ mới thấy sâu, đây chính là nghĩa khiến mình lìa cả có không. Không nói nó hoàn toàn không, nhưng như mộng huyễn; ngay khi mộng là rõ ràng có, nhưng tỉnh ra thì có hay không? Nói có không được, nói không cũng không được, ngay đó bất niệm có không. Huyền cũng vậy, huyền là chỉ cho những huyền thuật, như trong video: người đánh võ múa may lảo đảo vậy có thiệt không? Có mà không thật có, nói không thì cũng không được. Ngẫm ý ngay khi nó sinh là vô sinh, không lấy bỏ gì hết. Tức ngay đó như như chẳng động; ý nghĩa như như chẳng động là vậy, chứ không phải bảo mình lìa bỏ hết tất cả tướng, dẹp đi hết, tâm như cây đá. Khi mình quán sâu như vậy, ngay đó lìa niệm có không, là mở sáng Bát Nhã, phá tan hết tình chấp mê lầm. Đó là phương thuốc vi diệu để thế

nhập Kim Cang Bát Nhã, hay thể Kim Cang bất hoại của chư Phật. Được như vậy mới sống giữa thế gian đầy mâu thuẫn này mà vẫn tự tại. Còn chưa được như vậy, vì còn thấy có, còn thấy không, nên bị cái có - không đó chuyển, nghe nói các pháp như mộng huyễn cũng hiểu vậy, nhưng mới hiểu thôi chứ chưa quán sâu. Quán sâu, không bảo mình dùi cho sâu, mà là nó luôn luôn liên tục không gián đoạn, thâm nhập nơi mình luôn luôn không quên, lúc nào cũng thấy như vậy, nên gặp cảnh huyễn đến mới không bị động. Còn hiểu thôi, thì lúc hiểu thấy không, bất ngờ gặp cảnh huyễn tới là mình thấy thiệt, như vậy làm sao sống được tự tại. Có một câu chuyện, có một vị chiến sĩ Nhật Bản có học thiền nên khi đang bị nạn sắp chết dưới làn gươm thì ông đọc bài thơ Nhật Bản: "Cả hai kẻ giết và nạn nhân, đều như giọt sương, như ánh chớp, nên xem họ như vậy thôi" và ông chết tự nhiên tự tại. Quán sâu là như vậy, lúc nào cũng thấy như vậy, vì ngay lúc chết đâu có thì giờ để mình nhớ hay quán, mà phải ăn sâu trong mình, và ngay đó ứng dụng ra liền. Vậy, để thấy vị chiến sĩ này đã từng học Bát Nhã và thật sự thuộc Kim Cang Bát Nhã. Còn ta đọc thuộc lâu lâu, nhưng chỉ là thuộc chữ nghĩa, thuộc trên văn. Chúng ta nhớ bài kệ của thiền sư Vạn Hạnh cũng nói lên ý nghĩa này:

Thân như điện chớp có rồi không

Cây cỏ xuân tươi thu lại tàn

Mặc cuộc thịnh suy không sợ hãi

Thịnh suy dầu cỏ hạt sương đông.

Thân như điện ảnh hữu hoàn vô,

Vạn mộc xuân vinh thu hựu khô.

Nhậm vận thịnh suy vô bố úy,

Thịnh suy như lộ thảo đầu phô.

Thân này là pháp hữu vi, nên như điện chớp, có đó rồi không đó; như cây cỏ mùa xuân tươi tốt, mùa thu lại tàn, đó là vô thường không thật. Biết rõ nó là không có thật, không bền, thì mặc cho cuộc thịnh suy nó qua lại, nhưng không sợ hãi, bởi vì mọi cái thịnh suy cũng giống như hạt sương trên đầu ngọn cỏ, mới có đó rồi nó tan. Thấy rõ như vậy, tức là thịnh suy không dính dáng gì đến tâm thể như như bất động, đó là thấy rõ ý nghĩa “**chẳng chấp thủ nơi tướng, như như chẳng động**”.

Nhưng ở đây khi đọc bài kệ này phải chú ý! Nhiều người nghe bài kệ này, rồi xem thường,

mình học từ trước nhiều chỗ Phật nói lý cao siêu, nhiều chỗ không hiểu nổi, sao đến đây nói dễ dàng, giống như tầm thường, ai nghe cũng hiểu, vậy tại sao đến đây mới nói bài kệ này? Tại sao không nói ngay từ đầu, mà đến gần kết thúc mới nói? Bởi vì, đến đây không phải là chỗ lý giải suông, mà muốn nói, đến đây đã qua chỗ lý giải rồi. Phần trước đã nói đến chỗ tri kiến chẳng sinh, đến đây là phải thể hiện, sống như vậy, thấy như vậy, thì mới như như chẳng động. Nên đến đây khiến cho mình buông sạch hết mọi lý luận, mọi **công phu tạo tác hữu vi**, sống thẳng vào, nên cuối cùng mới nói ra. Hiểu như vậy mới thấy được ý sâu của Phật. Sau bài kệ này thì phần tiếp là phần lưu thông theo thông thường của các bộ kinh: **“Phật nói kinh này xong, Trưởng lão Tu Bồ Đề và các vị Tỳ Kheo, Tỳ Kheo ni, Ưu bà tắc, Ưu bà di, tất cả trời, người, a tu la ở thế gian nghe lời Phật nói đều rất vui mừng, tin nhận vâng làm”**.

Đây chính là nhắc nhở mình, tin nhận vâng làm, tức nhắc mình phải khéo sống theo đó, vâng làm không trái, không chỉ hiểu suông, nói suông.

Kinh Kim Cang chủ yếu là hai câu hỏi **“An trụ tâm và Hàng phục tâm”**, tức là **Bồ Tát**

phát tâm Vô Thượng chánh đẳng chánh giác làm sao an trụ tâm? làm sao hàng phục tâm?. Phật dạy độ tất cả chúng sinh vào vô dư Niết bàn, mà không thấy một chúng sinh nào thật được diệt độ; tức là đưa tất cả các tâm niệm của mình trở lại ngay đầu nguồn trước khi khởi niệm, trước khi chưa sinh thì không còn có hình tướng gì, không còn dấu vết gì! Còn an trụ tâm, Phật dạy bố thí tất cả không trụ tướng, không trụ sắc thanh hương vị xúc pháp, nghĩa là buông xả không cho mình trụ vào bất cứ một cái gì hết, tức an trụ. Đó là chỗ trong nhà thiền gọi là *“người chẳng cùng muôn pháp làm bạn”*, tức người không trụ vào cái gì hết, không dính, không duyên vào cái gì hết, thì chính đó mới là an trụ. Khoảng giữa, Phật lần lượt phá các tướng, chỉ nói rộng ra vậy thôi: tướng ngã, nhân, tướng Bồ đề, tướng sở đắc, tướng ba thân, cũng như tướng cõi nước trang nghiêm, pháp Bồ Tát, cho đến cái thấy về đoạn về thường, về một về khác, về chân về vọng, phá sạch hết, là các tướng không trụ vào gì hết, thì cuối cùng đưa vào Bát Nhã, bật hết niệm có - không, một tâm thể như như bất động, nhưng cái như như bất động đó nằm ở giữa muôn pháp sai biệt này chứ không đâu khác. Tức không còn chỗ nào để bám, không còn chỗ nào dừng trụ, thì ngay đây an trụ bất động. Vậy rốt cuộc rồi, tình chấp

hết, chân thể hiện tiền chưa từng sinh diệt, chứ không có được - mất. Như vậy thử hỏi, có cái gì ở thế gian này so sánh kịp?. Vì vậy nói, dù cho bố thí đầy cả tam thiên đại thiên thế giới, bố thí thân mạng nhiều vô số cũng không bằng sống trở về với cái này, nhưng cái này làm sao biết?. Xưa Thích sử Lý Tường, hỏi thiền sư Sùng Tín:

- Thế nào là chân như Bát nhã?

Sùng Tín đáp:

- Ta không có chân như Bát nhã.

Nghe vậy ông Thích sử thưa:

- Hân hạnh được gặp Hòa Thượng.

Vậy gặp chỗ nào? Ngài Sùng Tín bảo:

- Đây cũng là lời nói bên ngoài.

Tức là chân như Bát nhã mà nói được sao? Nếu gặp rồi thì nói chỉ nữa, còn nói là lời nói bên ngoài. Nên có bài kệ:

Chân như Bát nhã

Chẳng thủ chẳng xả

Đối diện hiện tiền

Trời xanh mây trắng.

Ngay đây chẳng thủ chẳng xả thì tất cả hiện tiền, khỏi phải lý luận gì nhiều. Cuối cùng dẫn lời của ngài Hoàng Bá cho mọi người nghe nhớ: Ngài Hoàng Bá có dạy một đoạn: *"Đọc kinh xem giáo lý đều phải uyển chuyển soi lại chính mình"*. Mình đọc kinh, xem giáo lý nhưng phải uyển chuyển xem lại chính mình chứ đừng theo bên ngoài. *"Tất cả ngôn ngữ giáo lý chỉ là tấm gương soi lại tánh giác chính mình hiện nay, chỉ không bị tất cả cảnh "có, không" làm lay chuyển đó là bậc đạo sư của ông. Hay chiếu phá tất cả cảnh có không, đó là tuệ Kim Cang, tức có phần tự do độc lập. Nếu chẳng nhận được như vậy, dù tụng lâu mười hai bộ kinh cũng chỉ là tri giải vậy thôi. Tri giải thuộc là bệnh, vẫn bị các pháp có không trói buộc, chẳng được tự do. Bởi do lý chưa vững, trước đã có phước trí nên bị phước trí chớ đi!"*. Tức là chưa nắm vững lý mà phước trí có trước cũng nguy hiểm, có phước mà không rõ được lý, sáng được tuệ thì nhiều khi có phước, rồi say mê trên cái phước đó tạo tội. Thí dụ, như những người nhà giàu là có phước, nhưng không rõ lý, nên kiêu mạn, không biết rằng giàu đây là do cái phước của mình tạo từ đời trước chứ không phải mới có, cũng không phải mình hay giỏi gì. Có những người làm ăn dễ dàng, tính toán nhẹ nhàng mà giàu lên, tưởng là do cái tài làm giàu của mình. Nhưng sự

thật, là do cái phước của mình có nên tính đâu trúng đó, dễ làm giàu, rồi lại kiêu mạn về cái tài làm giàu của mình, trở lại khinh thường những người dưới, hoặc theo cái giàu đó mưu mô đủ thứ, rồi tạo nghiệp, khi hết cái phước đó liền đi xuống! Như các ông vua ngày xưa, không có phước đâu làm vua được, nhưng thiếu trí hiểu rõ chánh pháp, khi làm vua mọi uy quyền sẵn có rồi muốn sát hại ai, làm gì độc ác cũng được, nhưng hết thời đó rồi, dọa xuống, đó là bị cái phước nó dẫn đi. Trí cũng vậy, chưa nắm vững lý thì trí chở đi, đó là trí thế gian, lanh lợi, học đâu hiểu đó, kinh luận rõ ràng, nói thao thao bất tuyệt, nhưng chưa nắm vững lý cũng sinh kiêu mạn, có khi bài bác thế này thế kia, mượn cái thông minh lanh lợi khinh thường người này người nọ, tự cao ngã mạn, rồi bị nó chở đi, hết phước đó cũng đi xuống. Nên ở đây ngài nhắc nhở kỹ, phải luôn luôn soi về chính mình để rõ thấu được lý thật, từ có cái lý nắm vững, rồi có phước trí, thì cái phước trí đó mới thù thắng, giúp cho mình tu tiến vững vàng hơn, đầy đủ hơn. Bởi vì Phật là lương túc tôn, tức phước trí đầy đủ, nhưng phải vững vàng nơi tự tánh chính mình, từ cái lý vững vàng phát ra, đó mới là cái phát chân thật, chứ chưa có được cái lý này mà có được phước trí bên ngoài, thì dễ lầm lẫn, rồi theo đó chở đi lạc. Đó là điều nhắc nhở hết tất cả ai khéo

đọc kinh, học kinh, là để soi lại chính mình, chứ không phải học kinh đó để thêm kiến giải rồi theo kiến giải đó sinh bệnh!.

Trước khi kết thúc, nói qua tình thần vô trụ kinh Kim Cang, tức học kinh Kim Cang là phải nắm được vô trụ chứ còn trụ là chưa hiểu được kinh Kim Cang.

Trước nhất là nói phá tướng để trở về tánh, nghĩa là lìa tướng tâm duyên, bởi vì kinh Kim Cang là phá chấp, phần đầu là phần phá tướng để trở về tánh, để hiển bày tánh, khiến mình tỏ ngộ tự tánh Kim Cang, nên phần đầu chúng ta học luôn luôn phá tướng, như **“Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng”**, tức *“cái gì có tướng là hư vọng hết”*, phải *“ngay nơi tướng mà thấy phi tướng thì thấy được Như Lai”*, tức lìa cái tướng mà tâm mình có duyên đến, thì mới sáng tỏ được tự tánh. Bởi vì, chúng sinh đang sống trong tâm phân biệt, nên luôn luôn bám theo tướng, phân biệt thì phải có tướng chứ không có tướng phân biệt cái gì? Mà bám theo tướng, tức mê tướng, mê tướng thì quên tánh, còn sáng được tánh là quên tướng. Nên khi phân biệt khởi lên thì luôn có tướng phân biệt; không có tâm phân biệt nào khởi lên khởi khởi mà không phân biệt gì hết. Khi khởi lên phân biệt là có đối tượng

phân biệt, có chỗ để duyên; mà theo cái duyên đó liền quên chính mình, quên tự tánh thật. Nên phần trước kinh Kim Cang đánh thức mọi người sống trở lại, khiến ngộ được tự tánh Bát nhã thường sáng luôn luôn, hiện hữu luôn luôn không bao giờ mất.

Điểm thứ nhất khiến Bồ Tát là tướng phát tâm, phát tâm Bồ Đề mà không có chỗ phát. Thường nghe nói phát tâm Bồ đề thì mình nghĩ nương vào đâu mà phát; hướng về cái gì đó mà phát? Nhưng ở đây dạy phát tâm Bồ Đề mà không có chỗ phát, vì có chỗ phát tức có tướng, mà có tướng là có sinh diệt thì đâu phải tâm Bồ đề. Nhớ lại lúc đầu Phật chưa nói gì, mà ngài Tu Bồ Đề đã tán thán: **“Thật là ít có! Như Lai khéo hộ niệm, khéo phó chúc các Bồ Tát”**, trong khi đó Phật chưa giảng, chưa nói gì cả, vậy hộ niệm phó chúc chỗ nào? chỗ này không phải là chỗ lấy tâm phân biệt thấy được, mà phải dùng trí Bát nhã, chỉ thầm nhận thôi. Ngay ở trong mọi sinh hoạt bình thường của Phật, ngài đáp y, mang bát khát thực, trở về thọ thực, xếp y, ngồi thiền, mỗi mỗi cử chỉ, mỗi mỗi hành động đều là chỗ phát tâm Bồ đề chứ không chỗ nào khác. Tức đó là mỗi cử chỉ, mỗi hành động đều phát quang sáng ngời, ngài làm mọi cử chỉ mọi hành động đều

với tâm giác ngộ. Còn hướng về chỗ nào khác để phát tâm thì e rằng đó là phát tâm sinh diệt. Bởi vậy Ngài Đạo Ngộ khai thị cho Sùng Tín. Khi Sùng Tín ở với thầy một thời gian lâu mà không được chỉ dạy, mới đến xin ngài Đạo Ngộ chỉ dạy cho tâm yếu, ngài chỉ: *"Ông đang còm lên thì ta tiếp, ông xá lui thì ta gặt đầu, có chỗ nào ta không chỉ dạy tâm yếu cho ông đâu"*. Vậy tâm yếu không có chỗ nào khác, mà chính ngay sinh hoạt hàng ngày là đủ rồi. Nhưng khi nghe vậy, Sùng Tín còn chưa nhận ra, đang cúi đầu trầm ngâm suy nghĩ thì ngài Đạo Ngộ nói: *"Nhận thì liền đó nhận, suy nghĩ liền sai"*. Ngay trong mọi hành động hàng ngày tâm yếu đều hiện bày rõ ràng, nhưng nhận thì liền đó nhận, chứ vừa có suy nghĩ, có phân biệt thì sai, tức rơi vào tình thức. Vậy phát tâm Bồ Đề đâu xa xôi gì, thông thường chúng ta tưởng đâu cầu gì xa xôi, hướng vào cái gì ngoài mình, nên thấy khó khăn; không ngờ ngay nơi chính mình sống hàng ngày, khéo soi lại thì phát tâm Bồ đề, chứ không đâu khác. Vì vậy phát tâm Bồ đề mà lìa tướng phát tâm.

Điểm thứ hai là lìa tướng độ sinh, tức độ hết chúng sinh đưa vào vô dư niết bàn mà không thấy chúng sinh nào được diệt độ, mới nghe thấy như việc làm chơi nhưng đây thấy rõ tự tánh

chúng sinh xưa nay là Phật thì chúng sinh cũng không thật có tướng chúng sinh, vậy làm sao có tướng độ? Thấy rõ không thật có tướng chúng sinh, vậy độ là độ cái gì? Đây mà còn thấy một chúng sinh chưa được độ tức là chưa hết mê, hoặc còn thấy một chúng sinh được độ là còn thấy chúng sinh thật, vậy cái giác của mình chưa viên mãn. Như đoạn ngài Tu Bồ Đề hỏi rằng có chúng sinh nào nghe qua lời lẽ, nghĩa lý như thế sinh lòng tin chẳng, bị Phật quở **“chớ nói lời ấy”**, hỏi vậy tức còn nghi ngờ làm mất lòng tin cho người. Ai ai cũng có Phật tánh hết tại sao không thể tin. Vậy để thấy rõ độ sinh mà không có tướng độ sinh, vì thấy rõ chúng sinh tự tánh vốn là Phật rồi, đó cũng là để lìa chấp ngã, thấy có chúng sinh để độ là thấy có ta độ thì tướng ngã lộ ra.

Điểm thứ ba là lìa tướng động niệm, tức niệm khởi liền mê, là trái với tánh giác, vì khi niệm khởi tức có tướng, mà có tướng là mê tánh. Đây nhắc mình trở về nguồn tâm vốn thanh tịnh, trong sạch niết bàn, phải thấy trở về trước khi động niệm, còn có động niệm là theo tướng mà sinh là trái với tánh giác vốn sẵn thanh tịnh. Nên độ chúng sinh vào vô dư niết bàn mà không có tướng diệt độ. Chúng sinh, đây là chúng sinh tâm niệm, đưa tất cả tâm niệm vào chỗ vô sinh, vào

chỗ trước khi động niệm, đó là độ mà không có tướng gì để độ, đưa tất cả tâm niệm trở về thẳng nguồn tâm ban đầu, mà nguồn tâm đó vốn tự niết bàn từ thuở nào rồi, vậy còn tướng niết bàn gì nữa. Đây là ý nghĩa hàng phục tâm, tức hàng phục mà không có tướng hàng phục, còn nếu có tướng hàng phục, nghĩa là dùng tâm này hàng phục tâm kia, vậy hàng phục đó như là đè ép vậy thôi. Đó là có năng có sở đối đãi, dùng cái này quét cái kia cũng có dấu quét, có chỗ thì cũng chưa thật sạch. Nên có vị tăng hỏi thiền sư Nhan:

- Thế nào là lý bản thường.

Bản thường tức là vốn sẵn như vậy chưa từng lay động. Thiền sư Nhan đáp:

- Động.

Vị tăng lại hỏi:

- Khi động thì sao?

Ngài đáp:

- Chẳng phải lý bản thường.

Nghĩa là, lý bản thường là tự tánh vốn sẵn niết bàn rồi, mà hỏi tới nó thì động, mà động niệm tức chẳng phải là lý bản thường, chẳng phải tự tánh niết bàn. Đây là

thấy là tướng động niệm, thấy trở về tự tánh chính mình. Đó là điểm khiến mình hàng phục tâm, mà hàng phục tột cùng đến chỗ đó.

Điểm thứ tư là là tướng bố thí, tức là bố thí mà buông xả sạch hết không trụ vào một cái gì hết, không trụ vào sáu trần: sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp mà sinh tâm. Khiến mình buông xả, không trụ vào sáu trần, vào tất cả pháp, không trụ vào bất cứ thứ gì. Ngài lại nói thêm, nếu mà tâm có trụ tức là chẳng phải trụ, vừa có trụ tức bị dôi đổi, bởi vì có trụ tức có tướng, mà có tướng là có dôi đổi không phải là an trụ. Chính chỗ này là yếu chỉ để mình sống thường trực, đó là chỗ sống bảo nhậm tâm Bồ đề. Mình phát tâm Bồ đề rồi, nó hiện ra rõ ràng, mình nhận thấy rõ ràng nhưng làm sao sống liên tục trong tâm Bồ đề đó, làm sao tâm Bồ đề đó luôn luôn hiện hữu không vắng mặt, thì ở đây **“không chỗ trụ”**. Tức thấy nghe hiểu biết tất cả nơi sáu căn đối với sáu trần, thấy biết hết nhưng không trụ vào một cái gì hết, như vậy thấy nghe mà không phải thấy nghe thì có gì ngăn ngại, có gì che mờ, vậy có khi nào gián đoạn đâu. Thấy sắc, nghe tiếng đó là những cái sáu trần luôn luôn đối diện với mình hàng ngày, vậy mình thấy nghe mà không trụ vào cái gì hết thì cái thấy nghe luôn luôn sáng ngời không bị

làm gián đoạn, lúc nào cũng hiện hữu, vậy lúc nào tâm Bồ đề cũng luôn luôn có mặt. Chính đó là bảo nhậm tâm Bồ đề, là chỗ sống hàng ngày, nên thấy được chỗ đó là thấy được chỗ sống Kim Cang Bát Nhã, còn quên chỗ đó, vừa thấy chỗ trụ là bị chỗ trụ xen vào, tức là gián đoạn ánh sáng Bát nhã. Hiểu rõ không trụ là đoạn dứt hết các duyên, nhưng đoạn dứt hết các duyên không phải là đoạn diệt thành không hết, mà **“nên sinh tâm không chỗ trụ”**, không cho kẹt vào đoạn diệt. Không trụ làm sao sinh? Đó chính là chỗ khó hiểu. Không trụ là dứt hết các duyên, mà dứt hết các duyên e là rơi vào đoạn diệt không còn hiểu biết gì hết, nên ngài khuyên nên sinh tâm không chỗ trụ, đó là khiến mình không trụ gì hết nhưng luôn luôn vẫn sáng ngời. Đó chính là chỗ rõ ràng thường biết của Tổ Huệ Khá. Đây là chỗ lìa tướng bố thí, nếu hiểu thật sâu thì đó là chỗ sống vi diệu! Khi mình hiểu ý nghĩa của kinh Kim Cang, nhất là phát tâm Bồ đề là thấy rõ điểm này, chính đây là chỗ sống.

Điểm thứ năm là lìa tướng ứng hóa, tức những tướng hóa thân ứng thân hiện ra. Nói chung tất cả những tướng hiện ra đều không thật, hóa thân Phật hiện ra có ba mươi hai tướng tốt, phóng hào quang, nhưng là cũng có tướng, mà có

tướng thì đều không thật. Bởi vì, ở đây là muốn đưa mình trở về với tự tánh, mà tánh là vô tướng, xưa nay không một vật. Cho nên, có tướng hiện ra là không chấp được, không chấp vào đó để mà sinh tâm. Chính chỗ này là chỗ người tu thiền nhớ kỹ, dù có tướng gì hiện ra đều là không có thật, vì có tướng là có hiện có ẩn. Ví như Phật hiện ra, nhưng có hiện từ ngày này qua ngày khác luôn luôn đâu, mà hiện một chút rồi hết, vậy là không có thật, mà cái thật là cái không tướng, cái luôn luôn hiện hữu nơi mình. Nên trong kinh Kim Cang, câu phải chú ý là: **“Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng. Nhược kiến chư tướng, phi tướng tức kiến Như Lai”**. *“Hễ cái gì có tướng đều là hư vọng, nếu thấy các tướng mà chẳng phải tướng thì liền thấy Như Lai”*. Như Lai cũng không phải là các tướng, dẹp hết các tướng sang một bên, mà ngay nơi tướng này phải thấy qua những tướng, thấy chẳng phải tướng. Như vô trụ ở trên, thấy nghe qua tất cả mà không trụ nơi tướng tức thấy vô tướng rồi. Thấy sắc nhưng cái thấy chỉ là thấy, không đồng hóa cái thấy của mình với cái sắc kia, như vậy thấy sắc mà chẳng phải sắc, tức thấy Như Lai. Còn mình thấy sắc liền đồng hóa cái thấy của mình với cái sắc, nên khi cái sắc qua rồi lại nói tôi không thấy. Như ngài A Nan, Phật đưa tay lên hỏi: - Thấy không?

Thưa: - Có. Để tay xuống hỏi: - Thấy không?
Thưa: - Không. Vậy là đồng hóa cái thấy của mình với sắc đỏ. Như vậy thấy chỉ là thấy, sắc thanh là sắc thanh, chứ không lẫn lộn với cái thấy, với cái nghe, tức thấy tất cả mà thấy qua hết, không dừng nơi cái gì, liền thấy được Như Lai. Hiểu như vậy, thấy được như vậy, mới hiểu được chỗ ngài Lâm Tế bảo: *"Thấy Phật giết Phật, thấy ma giết ma, thấy La hán giết La hán"*, nghe vậy thì thấy tu sao hung bạo, nhưng ở đây *"giết"* là *"không chấp nhận"*, bất kỳ tướng gì hiện ra cũng không chấp nhận, không bám vào nên mới đúng theo nghĩa bố thí, bố thí không bám vào cái gì, buông xả, không trụ vào cái gì hết.

Điểm thứ sáu là lìa tướng trang nghiêm, tức là thường tu phải trang nghiêm tịnh độ, nhất là bồ tát, nhưng ở đây nói trang nghiêm tức chẳng phải trang nghiêm, nghĩa là không cho mình chấp vào tướng để trang nghiêm. Đây muốn đánh thức mình trang nghiêm tự tâm mới là gốc, tâm tịnh thì độ tịnh, tâm mình thanh tịnh thì cõi nước theo đó mà thanh tịnh, chứ không thật có một tướng để mình trang nghiêm. Nếu mình hướng ra bên ngoài để trang nghiêm tức thấy có tướng để trang nghiêm, thì dù cho tướng đó có tốt, có tịnh, nhưng có tướng tịnh là có tướng uế, tịnh đối với

uế, như đối với sạch, mà có như có sạch thì có trang nghiêm nổi không? Nên ở đây muốn trang nghiêm cõi nước phải trang nghiêm tự tâm, tâm mình có trang nghiêm thì bên ngoài mới trang nghiêm. Còn không lo trang nghiêm tự tâm mà lo trang nghiêm bên ngoài thì sinh nhiều chuyện nữa. Ví dụ đi chùa cúng Phật là việc làm trang nghiêm tốt đẹp, nhưng nếu không có trang nghiêm tự tâm cũng sinh nhiều chuyện không tốt đẹp. Vào chùa cho rằng tôi thuộc hạng người có uy tín, có nhiều công, nên phải tiếp tôi đằng hoàng, tôi phải đứng trước mọi người, còn lẽ sắp tôi đứng sau thì trong lòng phùng phùng nổi dậy, vậy đã trang nghiêm chưa? Lúc đó thành trần lao! Vậy, đi chùa dâng hoa cúng Phật là việc làm tốt đẹp, nhưng không có trang nghiêm tự tâm nên biến việc làm đó thành không tốt đẹp, sinh ra ganh ghét, đố kỵ nhau, tức là hết trang nghiêm. Còn khi đó trang nghiêm tự tâm thì đến không phải cúng nhiều cúng ít, mà chỉ cần cúng một chút với cả lòng thành cũng thành trang nghiêm. Như bà già nghèo cúng dầu. Đêm đó ông vua cúng dầu để thắp sáng cho chư Tăng, cho trong dân chúng ai phát tâm thì chung vào. Trong đó có một bà già nghèo nhưng muốn đóng góp, nhưng tiền đâu mua dầu để thắp suốt đêm, bà đem mấy đồng xu mua dầu với tâm thành kính. Người bán dầu bảo bà

mua mấy xu làm sao bán và hỏi bà mua làm gì? Khi biết bà mua để cúng dường thì vị ấy cảm động và rót thêm dầu cho bà. Bà đem về dâng cúng dường trong buổi tối đó. Đến sáng, Phật bảo ngài Mục Kiền Liên tắt hết các đèn, đến đèn của bà già ngài quạt hoài không tắt, ngài vận thần thông quạt cũng không tắt. Phật biết vậy mới hỏi:

- Ông làm gì mệt vậy?

Ngài mới thưa:

- Có cái đèn này sao kỳ cục con vận thần thông cũng không tắt được.

Phật bảo:

- Cây đèn này là từ tâm thanh tịnh, sẽ đưa đến giác ngộ thành Phật, ông làm sao tắt nổi.

Như vậy để thấy, chính tâm chân thật thanh tịnh thành ra lợi ích lớn, đó mới thật sự trang nghiêm. Đâu phải với tất cả ngọn đèn cháy rực như vậy mới là trang nghiêm, mà chỉ một ngọn đèn nhỏ nhưng với tâm thành chân thật thanh tịnh cũng thành trang nghiêm. Trong kinh Lăng Nghiêm Phật có nói: **“Như Lai vừa đặt chân xuống, cả đại hải đều phóng hào quang, còn các ông khởi niệm lên thì trần lao bụi**

bấm dấy lên trước", tại tâm Ngài thanh tịnh sáng ngời thì mọi cử chỉ hành động đều sáng ngời, còn mình dấy những trần lao bụi bặm trong này, nên khởi lên là những trần lao bụi bặm khởi lên trước, đó là nhấn mạnh mình phải trang nghiêm tự tâm trước, rồi bên ngoài theo đó cũng được trang nghiêm. Còn lo trang nghiêm bên ngoài mà không có trang nghiêm tự tâm thì đôi khi bị cái bên ngoài làm cho méo mó.

Điểm thứ bảy là lìa tướng phước báu, là dù cho bố thí bảy báu, rồi xả thân cúng dường từ buổi sáng trưa chiều, xả hàng sa thân mạng cũng không bằng người trì kinh Kim Cang. Đây là nói cho mình không trụ trước vào những việc làm bố thí hay xả thân, không chấp vào những việc làm đó mà luôn hướng về Bát Nhã để sống trong tự tánh Kim cang, đó mới là chỗ sống chủ yếu. Bởi vì nếu mình làm phước bên ngoài, trụ trước vào bên ngoài thì phước đó là phước hữu lậu, không phải việc làm đó không có phước, mà có phước nhưng trụ bám vào đó thì có phước mà bị cái phước đó chuyển làm cho mình mê, tức là theo cái phước đó mà hưởng, rồi sinh kiêu căng, rồi sinh những tâm không tốt, rồi tạo nghiệp dữ, đến khi hết phước lại đi xuống, hoặc được phước rồi theo cái phước đó hưởng hoài. Ví dụ, Phật nói người không sát

sinh được phước trường thọ, bây giờ buổi sáng, buổi trưa, chiều bố thí thân mạng, bố thí nhiều thân mạng như thế thì đời sau sinh ra sống lâu trong thế gian, rồi bố thí bảy báu được giàu sang, cứ hưởng hết cái phước này kế sinh trở lại hưởng tiếp, tức cũng lòng vòng trong sinh tử. Mỗi lần sinh trở lại đâu phải hưởng vui hết, mà cũng có chỗ khổ. Đây nhấn mạnh lại, phải nhớ trở về sống với tự tánh Kim Cang Bát Nhã đó mới là cái gốc, chuyển cái phước kia cộng thêm sống trở về với Kim Cang Bát nhã nữa, như vậy phước trí mới đầy đủ thì sẽ đi đến giác ngộ giải thoát. Cho nên, kinh Kim Cang khiến mình là tướng phước báu, không chấp vào tướng đó, chứ không phải bảo mình đừng làm phước.

Điểm thứ tám là lia tướng sở thuyết và sở đắc, tức cái chỗ nói ra, cái pháp để được, nghĩa là không có pháp thật gọi là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, cũng không cố định có cái để nói, tức là nhấn mạnh phải thấu qua lời nói chứ không kẹt trên lời. Nếu mình kẹt trên lời thì theo lời mà sinh hiểu, tức mình tự trái với lẽ thật, trái với chính mình, vì theo danh mê theo tướng, là bỏ mất tự tánh sẵn có của chính mình. Cho nên, nghe nói Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, rồi cho rằng có một cái Vô Thượng

Chánh Đẳng Chánh Giác để cho mình hưởng tới ở đâu đó, là lầm! Nói Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác chính là tâm chân thật giác ngộ sẵn có của mình đây chứ không phải là cái gì khác, đừng theo lời đó mà sinh hiểu, rồi theo đó mà bị chuyển. Nên nói Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác mà không thật có Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác cũng không thật có pháp để được. Nói Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác đó, vậy trước khi Phật thành đạo, Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác đó ở đâu? Tức trước khi sao mai mọc, cái Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác ở đâu? Rồi trước khi Phật Nhiên Đăng thọ ký cho đức Phật Thích Ca lúc ngài còn là Bồ Tát ở Bát Địa, thì cái Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác ở đâu? Nếu trước khi sao Mai mọc nó chưa có, trước khi Phật Nhiên Đăng thọ ký nó chưa có, sau này mới có, như vậy nó thành ra cái sinh diệt rồi, trước không mà nay có. Còn nếu thật có cái để được, để trao cho, thì tại sao khi Phật Nhiên Đăng thọ ký, ngài không trao cho đi, mà phải đợi tới 91 kiếp sau này mới được thành Phật, được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác? Như vậy, để thấy rõ nói thọ ký, nói được đó, cũng chỉ là phương tiện chứ sự thật không phải có một cái gì khác để được, mà chính là mình sống trọn vẹn với tự tánh giác ngộ sẵn có đó thôi, sống

trộn vện đầy đủ viên mãn thì được thành tựu Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Càng rõ mọi ngôn ngữ nói ra đều là phương tiện, cốt muốn đánh thức mình là phải đạt ý quên lời, đó là chỗ thường nhắc của chư Phật chư Tổ, nên nói không có pháp để nói, không có pháp để được là như vậy. Phật Thích Ca nói pháp bốn mươi mấy năm, cuối cùng ngài nói *“ta chưa từng nói một chữ”*. Sở dĩ nói thế này, nói thế kia cũng là phương tiện để đánh thức mọi người trở về sống với cái sẵn có của mình thôi, chứ không có riêng một cái gì đó để nói. Đó là điều phải thấy cho rõ, nhất là học thiền thì phải thấy cái ý ngoài lời như vậy mới không mắc kẹt.

Điểm thứ chín là lia tướng Bát nhã, mình nghe tới Bát nhã lại chấp có tướng Bát nhã nữa, cho nên ở đây khi ngài Tu Bồ Đề vừa hỏi tới tên kinh thì Phật nói là Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật Đa, nhưng khi vừa nói tới tên kinh ngài liền bảo **“nói Bát Nhã Ba La Mật Đa, tức chẳng phải Bát Nhã Ba La Mật Đa”**. Tức là muốn cho mình phải nhảy qua cái tên, thẳng thể nhập vào lý chân thật, chứ nghe nói Bát Nhã Ba La Mật Đa rồi tìm hiểu suy nghĩ thì có thấy được kinh này chưa? Nên ở đây khiến mình phải thẳng vào, bỏ lại đằng sau mọi lý luận, vượt qua

cái môi, cái lưỡi, còn kẹt trên môi lưỡi thì các ngài gọi là còn kẹt trên dây sấn bìm, trên những cái khuôn khổ chết. Do đó Thích Sử Lý Tường hỏi thiền sư Sùng Tín:

- Thế nào là chân như Bát nhã?

Nếu là người thường sẽ trả lời chân như là chân thật như như bất động, còn Bát nhã là trí tuệ không sinh không diệt, giải một hơi thì thành sinh diệt. Ngài Sùng Tín không dài dòng mà nói:

- Tôi không có chân như Bát nhã.

Chân như Bát nhã mà ông hỏi ai? Nếu tôi nói ra thì có thật là của ông không? Mà nói có này, có kia càng làm lầm người ta nữa. Nghe đến đó, Lý Tường mới nói:

- Hân hạnh được gặp Hòa Thượng.

Tức là ông thấy rồi, nhưng còn nói ra nữa nên ngài Sùng Tín mới bảo:

- Đây vẫn là lời nói bên ngoài.

Nếu ông thật thấy thì cảm nhận ngay, còn nói ra nữa thì cũng là chuyện bên ngoài, thấy là thấy nhận tự nơi mình, còn nói ra vẫn là lời nói bên ngoài. Do đó thiền sư Đạt Quán Dĩnh nói: *"Vừa dính môi*

lưỡi thì liền rơi vào ý nghĩ, trọn là cửa chết, rốt cuộc chẳng phải con đường sống vậy". Đây, khiến cho mình nhảy qua văn tự chữ nghĩa, đó chỉ là những khuôn khổ chết, tự mình phải sống đây. Đây là điểm đặc biệt mà Phật, Tổ, nhất là trong kinh Bát Nhã này đánh thức mình. Chúng ta đọc những sách vở bên ngoài thấy có chỗ nào dám nói vậy không? Nói tên kinh rồi, liền phủ nhận ngay! Thường bên ngoài, khi nói ra rồi phải đề cao cho mọi người tôn lên, còn đây nói rồi phủi liền, đó là điểm đặc biệt để mình thấy ý sống trong đó, chứ không chết trên những khuôn khổ đó. Do đó nhà thiền luôn đề cao *"đạt ý quên lời"* Đây có câu chuyện ngài Hiếu Thông Động Sơn, có vị tăng nghe nói rằng:

- Gần đây có bậc đại thánh ở Tứ Châu lại xuất hiện ở Dương Châu.

Như mình nghe rằng bậc đại thánh ở Đà Lạt lại xuất hiện ở Cần Thơ, nên vị tăng hỏi ngài Hiếu Thông: Tại sao bậc đại thánh ở Tứ Châu lại xuất hiện ở Dương Châu?

Sư đáp:

- Quân tử mến của lấy đó làm đạo.

Câu nói đơn giản, nhưng khi vị tăng đem thuật lại cho am chủ ở Liên Hoa Phong thì ngài liền hướng về Vân Môn đánh lễ bảo:

- Con cháu Vân Môn vẫn còn.

Chuyện này, đọc nghe thấy chẳng liên quan gì tới mình, nhưng hiểu rồi mới thấy rất là sâu xa. Hối bậc đại thánh ở Tứ Châu sao lại xuất hiện ở Dương Châu, tức là theo cái hiểu thông thường của mọi người, luôn bám vào chỗ nơi, ở chỗ này sao lại xuất hiện ở chỗ kia? Chúng ta cứ theo chỗ nơi mà suy nghĩ, nhưng quên cái căn bản là làm sao mình **thấy** được bậc đại thánh kia! Thấy được bậc đại thánh thì xuất hiện ở đây hay ở kia, lúc nào cũng là bậc đại thánh thôi, xuất hiện ở đâu, đâu có quan trọng. Còn mình mắc kẹt chỗ nơi, theo đó mà hiểu, làm sao rõ được bậc đại thánh? Nói vậy, để đánh thức mình, cốt là thấy được bậc đại thánh thì những chuyện kia giải quyết xong. Cũng như vậy, người quân tử mền của lấy đó làm đạo, thì người quân tử mà quý của hay sao? Vậy, còn quân tử nữa không? Người tiểu nhân thì mới quý của, mà ở đây quân tử lấy của làm đạo, đáp ngược đời. Với cái hiểu thông thường của mọi người thì nghe đó cũng không hiểu, người quân tử lấy của làm đạo thì khác gì tiểu nhân? Nhưng đó là mình theo

ngôn ngữ sinh hiểu, nên bị ngôn ngữ chuyển; còn người có con mắt Kim Cang thì thấy ngược lại, cốt là thấy được người quân tử, rõ được người quân tử rồi thì có lấy của làm đạo cũng không thành vấn đề. Thấy người quân tử rồi, thì làm gì không phải là đạo, tâm chánh rồi làm gì không chánh? Nếu tâm tà thì làm việc lành cũng là tà. Vậy cốt là thấy người quân tử, còn chuyện “của” là chuyện ngọn ngành thôi. Chúng ta lo suy nghĩ theo cái “của” nên quên mất người quân tử này, tức là theo ngôn ngữ bị chuyển. Đây khiến mình vượt qua ngôn ngữ văn tự để sống thẳng vào đó, mới chính là ý sống. Nên nói Bát Nhã Ba La Mật Đa, là cái tên, nhưng mình phải thấy được “cái gì là Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật Đa?”. Vì vậy nói Bát Nhã Ba La Mật Đa, tức chẳng phải Bát Nhã Ba La Mật Đa, khiến mình sống dậy trong khuôn khổ chết đó, nên gọi là lìa tướng Bát nhã.

Điểm thứ mười là trừ Tam tâm, ly Tứ tướng. Tam tâm, Tứ tướng là chỗ người học Bát Nhã phải thấu suốt. Tam tâm tứ tướng là gì? Tam tâm là tâm hiện tại, tâm quá khứ, tâm vị lai; Tứ tướng là ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả. Nếu vừa có tâm là đều chẳng thể được, tâm hiện tại chẳng thể được, tâm quá khứ chẳng thể được, tâm vị lai

chẳng thể được. Nghĩa là tâm vừa khởi lên liền rơi vào ba thời, mà rơi vào ba thời thì đó không phải là tâm thật, nên không thể được. Rơi vào ba thời, liền bị Như Lai thấy biết hết. Nên Phật nói là: **“Ở trong vô số cõi nước nhiều như cát sông Hằng, có bao nhiêu chúng sinh mà vừa khởi lên một niệm là Như Lai thấy hết biết hết”**. Nghĩa là bất cứ chúng sinh nào, cả vô số, vô lượng chúng sinh trong toàn pháp giới vũ trụ này, vừa khởi lên một niệm, Như Lai đều thấy hết, biết hết. Chính chỗ đó người ngoài nghe rất khó hiểu; nhưng rõ được thì rất đơn giản, không cần phải dùng tha tâm thông cũng biết; vì khởi một niệm là rơi vào ba thời quá khứ, hiện tại, vị lai, mà rơi vào ba thời thì cái đó tức là tâm sinh diệt, không có thật, đó là vọng tưởng. Nên khởi lên là biết ngay, không thể nào lắm được hết. Bất cứ có niệm gì, vừa khởi lên là rơi vào ba thời, thì biết ngay đó là tâm sinh diệt, không phải thật, phải sống trở về với tâm thực tại hiện hữu. Bởi vì, khi vừa có khởi là có tướng, mà có tướng thành ra cái bị biết, không phải tâm thể chân thật. Chính vì đó mà ngài Đức Sơn bị bà già khám phá. Bà già hỏi ông: “Tâm quá khứ cũng không thể được, tâm hiện tại cũng thể không được, tâm vị lai không thể được, vậy Thượng Tọa điểm tâm nào?” Sư nghe vậy liền theo tâm ba thời để tìm, chính vì

vậy mà đáp không trôi, bị bà già khám phá ông này chưa sáng. Quá khứ qua rồi, hiện tại trôi chảy, vị lai thì chưa đến, ba thời như vậy nó luôn sinh diệt không dừng, mà theo đó để tìm là theo cái tâm hư dối, vọng tưởng, thì làm sao thấy tâm điểm? Đó là bị gạt mà không hay! Nếu ngay khi hỏi, cái đối diện hiện tiền sáng ngời đó, có thuộc về chỗ nào? Nếu Sư sáng suốt, ngay đó bảo bà: "Cắt bánh đi!" là xong. Còn lo tìm tâm để điểm thì bị đuổi đi, không có bánh ăn. Nên ở đây, trừ tam tâm là như vậy đó, nghĩa là tâm vừa động niệm liền rơi vào ba thời, là tâm sinh diệt, và vừa động niệm lên là rơi vào bốn tướng : ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả. Động niệm thì ai niệm? Tức ngã niệm. Niệm cái gì? Tức rơi vào tướng nhân. Niệm đó là một thứ hay nhiều thứ? Không phải là một thứ, đó là rơi vào chúng sinh. Rồi khởi lên như vậy đó, có dừng được không, hay là tiếp nối tiếp nối nhiều niệm theo đó nữa? Tức là tướng thọ giả. Nên vừa khởi một niệm lên, liền rơi vào bốn tướng. Xưa có câu: "*Nhất ba tài động vạn ba tùy*", một lượn sóng vừa khởi lên thì muôn lượn sóng theo đó nối tiếp, một niệm vừa khởi lên thì các niệm theo đó tiếp tiếp, đó gọi là tướng thọ giả. Do đó, động niệm liền rơi vào ba thời, cũng rơi vào bốn tướng luôn; nhưng nói bốn tướng cũng từ tướng ngã mà ra. Do đó, nếu chấp ngã thì quên

mất pháp thân vô tướng trùm khắp. Động niệm, rồi theo niệm đó mà chuyển thì quên mất pháp thân vô tướng chân thật trước khi động niệm. Đây nhắc lại đoạn ông tăng hỏi thiền sư Duy Khoan:

- Đạo ở đâu?

Sư đáp:

- Đạo ở ngay trước mắt.

Ông tăng lại hỏi:

- Trước mắt tại sao con không thấy?

Sư bảo:

- Tại vì ông có ngã.

Có ngã nên che mắt không thấy, ông tăng hỏi thêm:

- Con có ngã nên không thấy, vậy Hòa Thượng thấy hay không?

Sư bảo:

- Có ông, có ta, cũng không thấy luôn.

Tức có ông, có ta là có ngã, có nhân, tướng đâu hỏi vậy là khéo nhưng không ngờ là mắc kẹt tướng ngã nhân. Ông tăng hỏi thêm:

- Vậy không con, không Hòa Thượng có thấy không?

- Ngài nói:

- Không ông, không ta còn ai cần thấy?

Không ông, không ta thì ngay đó là đạo rồi, còn thấy chi nữa. Để rõ, đạo ngay trước mắt thôi không xa, nhưng chính vì cái ngã khởi lên che không thấy, quên ngã thì đạo hiện tiền trước mắt. Nên trong kinh Kim Cang, Phật dạy mình **trừ tam tâm, ly tứ tướng**, quên được cái đó thì đạo ngay trước mặt, tánh Kim cang hiện tiền chứ không ở đâu xa. Đó là nói lên điểm ban đầu phá tướng trở về tánh, khiến cho mình lìa tướng tâm duyên, còn **chỗ tâm duyên** là còn **chỗ để thức sinh**. Đó là nói qua những điểm chính để mọi người nghiệm kỹ, đọc lại kinh sẽ thấy rõ ban đầu phá tướng để hiển tánh rõ ràng như vậy.

Phần thứ hai là, trả lại tánh tướng nhất như, trước là phá tướng nhưng sau là tánh tướng nhất như, phá đây không có nghĩa là phá hoại, rồi bỏ sạch hết. Phải rõ đây là phá chấp chứ không phải phá pháp, thường nghe nói như vậy tướng đâu phá hết nhưng không phải. Bởi

vì pháp vốn không có lỗi, mà lỗi là tại người chấp. Thí dụ, sáu trần có lỗi gì? Sắc, thanh, hương, vị xúc, pháp có lỗi gì? Mà lỗi là tại mình trụ. Có người đổ lỗi tôi tu khó khăn, bị sắc cột, tiếng trói. Mà sự thật là sắc nó cột mình, tiếng nó trói mình, hay tự mình trói vào nó? Nếu thật sự là sắc và tiếng trói thì tại sao có người bị trói có người không? Như các vị Tổ, các vị tu hành đạt đạo, người ta cũng thấy sắc đó, cũng nghe tiếng đó, tại sao lại không bị trói? Nên rõ ràng không phải sắc hay tiếng nó trói, mà tự mình cột vào đó. Để rõ, khi phá được những cái chấp của mình rồi, thấu suốt rồi thì sắc nó vẫn là sắc, tiếng vẫn là tiếng, không phá hoại những cái đó, vẫn nghe như thường, vẫn thấy như thường, nhưng tâm an nhiên như như bất động, nên thấy cái gì cũng như như bất động, không có phá hoại cái gì hết, tức ngay trong tất cả đều giải thoát. Do đó, trong kinh Kim Cang nói không trụ mà bố thí, tức không trụ mà cho; không tướng chúng sinh độ nhưng vẫn độ, chứ không phải nói không tướng chúng sinh độ rồi không làm gì hết, đó là chấp một bên. Vì khi mình lành bệnh, nhưng còn nhiều người chưa hết bệnh, thí dụ mình thấy các pháp là không, còn những người khác họ vẫn thấy có, nên họ vẫn khổ, vẫn vui như thường;

Vì vậy không hoại các tướng thế gian đó, không hoại các pháp, chỉ thấy nó đúng lẽ thật không vướng mắc, không chấp vào đó mới là khéo. Cho nên nói không pháp được, tại sao? Đây không phải là không có pháp gì hết, mà bởi vì nó không thực không hư, thì làm sao nói được? Tại sao không thực không hư? Nó không có hình tướng gì, không giống một vật gì, thì đâu thể nói là thực? Nhưng người chúng ngộ thấy rõ ràng, cảm nhận rõ ràng thì đâu phải hư! Nói không thực không hư, vì nó là cái có sẵn nơi mình không phải cái gì khác bên ngoài có được, chứ không phải hoàn toàn không có gì. Do đó nói không được, nhưng vẫn có Phật thành đạo, vẫn có Tổ ngộ đạo, nên Lục Tổ lúc ngộ đạo ngài mới la lên *"Đầu ngờ tự tánh vốn tự đầy đủ"*. Hiểu được chỗ này, mới thấy được tinh thần Bát Nhã, chứ nghe nói Bát Nhã phá cái gì cũng không không, rốt cuộc còn gì? Tu đến một lúc rồi hết còn gì! Hiểu như vậy là hiểu một bên, chưa hiểu được lý Bát Nhã. Ngay bài Tâm Kinh Bát Nhã chúng ta tụng hàng ngày, nếu nghiên ngâm kỹ thấy trước sau rất có ý nghĩa đầy đủ. Phần đầu nói cái gì cũng không: không mắt tai mũi lưỡi, thân ý, không sắc thanh hương vị xúc pháp, cho đến không có khổ, tập, diệt, đạo, không có vô minh cũng không có hết vô minh,

không có già chết cũng không có hết già chết, cho đến không có trí cũng không có đắc luôn, cái gì cũng không hết, nhưng có phải dừng chỗ đó không? Phần sau thì **“Bồ Tát y theo Bát Nhã Ba La Mật Đa tâm, không ngăn ngại, vì không ngăn ngại, xa hẳn điên đảo mộng tưởng, đạt đến cứu cánh niết bàn”**. Trước nói không, giờ nói được. Rồi **“Chư Phật trong ba đời cũng nương Bát Nhã Ba La Mật Đa được đạo quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác”**. Trước nói không trí, không đắc, sau lại nói được. Cho thấy tinh thần Bát Nhã, trước là phủ định hết, sau lại khẳng định, sạch hết mọi tình chấp, rồi mới chứng ngộ được, thấy rõ được lẽ thật hiện bày rõ ràng, chứ không phải nói không đó rồi bác bỏ tất cả. Vậy thì nói không, nhưng không phải khiến cho mình chấp không, mà chấp không thì không còn là Bát Nhã! Nên cuối cùng là trả về bản vị của tất cả pháp, bởi vì trước phá tướng khiến cho mình trừ chấp, bởi trừ chấp nên cái gì cũng *“chẳng phải”* hết, không cho mình bám vào cái gì, nhưng cuối cùng rồi tất cả đều *“phải”*. Do đó trước nói Như Lai đối tất cả pháp đều không có chỗ được, nhưng sau thì Như Lai được Vô thượng Chánh đẳng chánh giác, trong đó không thật không hư, rồi tu tất cả pháp lành được Vô

Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Trước nói không được, sau nói được. Rồi nói **“Như Lai là nghĩa như của các pháp, tất cả pháp đều là Phật pháp”**, thì đâu có phủ nhận cái gì, cuối cùng là **“như như bất động”**. Tức là cuối cùng trả về núi sông là núi sông. Trước là núi sông chẳng phải núi sông, để thấy tất cả đều không thật, đều phá những cái chấp đó, khi chấp sạch hết thì trả về núi sông là núi sông. Cuối cùng bật hết những niệm phân biệt lấy bỏ, sạch hết những kiến giải phàm thánh, được mất thì mới đến chỗ thấy tốt Bát Nhã. Nên cuối cùng mới nói đến phần tri kiến chẳng sinh, quét sạch hết những tri kiến, những kiến giải. Hiểu như vậy khi đọc sách thiền mới thông cảm với Tổ Qui Sơn khi sắp tịch Sư bảo đại chúng: *“Sau khi tịch, ta sẽ xuống dưới núi làm con trâu, hông bên phải để năm chữ “Qui Sơn Tăng Linh Hựu” thì lúc đó gọi Qui Sơn tăng là phải? hay gọi con trâu là phải?”*. Đó là chỗ khó hiểu trong nhà thiền. Tại sao tu hành đến một vị Tổ như ngài, sắp chết biết trước ngày chết, mà lại làm con trâu? Chính câu hỏi đó khiến người nghe dễ mắc kẹt. Nhưng đây là nói lên tâm của ngài sạch hết kiến giải phàm thánh, không còn thấy chỗ được mất gì hết.

Chữ còn như mình nghe nói tu hành cả đời, rốt cuộc chết thành con trâu, thì tu làm gì? Đó gọi là còn tâm niệm phàm thánh được mất. Còn ở đây là sạch hết, thì gọi con trâu là phải? gọi Qui Sơn Tăng là phải? Đó là Ngài đưa ra một cái bẫy, gạn lại mọi người, còn mắc kẹt một bên này, một bên kia thì chưa qua nổi. Gọi con trâu tức là phàm, gọi Qui Sơn Tăng tức là thánh, nói bên nào cũng mắc kẹt, phải vượt qua được hai bên đó thì mới thật thấy Ngài. Con trâu Qui Sơn thật sâu xa là chỗ đó! Cho nên cuối cùng đến đoạn: Trí kiến chẳng sinh nói là: **“Người phát tâm vô thượng chánh đẳng chánh giác, đối với tất cả pháp nên biết như thế, nên thấy như thế, tin hiểu như thế, chẳng sinh pháp tướng”**, không sinh pháp tướng là không khởi lên niệm được mất, kiến giải phàm thánh gì hết, nó như vậy thấy đúng như vậy, không thêm không bớt, tức như như.

Để tóm kết lại, kinh Kim Cang này có mấy điểm:

*** Điểm thứ nhất:**

Tất cả niệm khởi liền đưa vào vô sinh, tức trả về trước khi động niệm. Đó là chỗ hàng phục tâm.

*** Điểm thứ hai:**

Đối duyên, tâm không chỗ trụ. Đối duyên tức đối 6 trần tâm không chỗ trụ thì luôn luôn hiện hữu sáng ngời.

Hai điểm đó là hai điểm căn bản.

*** Điểm thứ ba:**

Thấu suốt tất cả pháp hữu vi có tạo tác ra đều là không thật. Nghĩa là một pháp gì có tạo tác ra, đều là hư dối, không phải chỗ an trụ, cho nên tất cả pháp hữu vi như mộng huyễn bào ảnh. Kế nữa, sạch hết mọi kiến giải thì thể nhập vào như như, đó là bỏ xa mọi lý luận. Nghĩa là cuối cùng bỏ qua mọi lý luận, thể nhập vào như như, sạch hết mọi kiến giải phàm thánh, được mất, có không, khi chấp hết thì chân thật hiện tiền, đơn giản vậy thôi. Chân thật hiện tiền thì cái phước thế gian này, phước hữu lậu này, làm sao sánh kịp? Cho nên dù bố thí bảy báu đầy cả tam thiên đại thiên thế giới cũng không sánh nổi. Như vậy rõ ràng mê ngộ vốn không có hai thể, lật qua lật lại vậy thôi, mình phải vượt qua ngôn ngữ là căn bản. Tức là phải khéo vượt qua ngôn ngữ, đừng mắc kẹt trên ngôn ngữ, đó là kẹt trên khuôn khổ chết, mà phải sống dậy trong ngôn ngữ, trong văn tự, tỏ ngộ lại tự tâm của chính mình, để tự

mình chứng nghiệm lấy, đó mới thật sự là biết học kinh Kim Cang, còn không là mới học trên chữ nghĩa thôi. Do đó để kết thúc lại bằng một đoạn nhân duyên này, cho mọi người nghe nghiệm kỹ:

Có bà già, bà già này cũng không phải bà già thứ thường, một hôm bà sai người nhà mang phẩm vật đến cúng dường Thiền sư Tùng Thẩm ở Triệu Châu và thỉnh Sư tụng suốt cho bà một bộ Đại Tạng Kinh. Ngài Triệu Châu khi tiếp nhận phẩm vật rồi, thì Ngài ở trên, bước xuống giường thiền, đi quanh một vòng, và nói với người mang phẩm vật tới như sau: “Rồi, tôi tụng xong bộ Đại Tạng Kinh rồi đó” Vị ấy về thuật lại cho bà già nghe, bà bảo: “Ta nhờ Sư đọc trọn cả Đại tạng kinh, thế mà Ngài chỉ đọc có một nửa”. Sư đi giáp một vòng giường thiền, tại sao nói có một nửa? vậy còn một nửa kia ở đâu? Mà Đại tạng kinh đó là đại tạng kinh gì? Đó không phải là đại tạng kinh cất trong tủ. Mà chính là kinh Kim Cang vô tướng hiện đang ở đây! Như vậy Sư đã đi giáp vòng, nhưng dưới cặp mắt của bà già chỉ có một nửa, ai thấy một nửa kia? Đó là điểm để dành cho mỗi người tụng đó phải không? Sau này có một

thiên Sư bảo: “Hãy tụng thêm một vòng nữa!” Nhưng nếu đi một vòng nữa, có đủ không? Tiếp sau, Ngài Đại Huệ Diệu Hỷ có bình: “Đối với một nửa kia thì đừng có nói rằng tụng thêm một vòng nữa, dù tụng cho tới hàng trăm triệu lần đi nữa thì trong con mắt của bà già này chỉ là một nửa đại tạng kinh. Thậm chí đi vòng quanh cả núi tu di hàng trăm nghìn triệu kiếp đi nữa, cũng chỉ đọc một nửa thôi. Cho đến các vị đại thiên sư ở khắp trong thiên hạ đi vòng quanh núi hàng trăm nghìn triệu kiếp đi nữa, thì dưới con mắt của bà lão đó cũng chỉ là một nửa đại tạng kinh. Dù cho tất cả núi sông, cội đất, sum la vạn tượng, nhả đến một cành cây, một ngọn cỏ đều có cái lưới rộng dài của Phật mà đồng loạt đọc suốt Đại Tạng kinh từ ngày này qua ngày khác, thì trong mắt bà lão cũng chỉ có một nửa Đại Tạng kinh”. Như vậy làm sao thấy một nửa kia? Chỗ này khỏi phải giảng nhiều, giảng cho cách mấy, nếu giảng từ đời này qua đời khác, cũng chỉ mới giảng một nửa bộ Kim Cang! Như vậy hôm nay giảng xong bộ Kim Cang này, nhưng dưới cặp mắt này cũng chỉ mới giảng có một nửa thôi! Vậy còn một nửa ở đâu? Làm sao thấy? Chỗ đó để dành cho mỗi người! Đó cũng chính là

đặc ân cao cả của chư Phật, chư Tổ để lại cho tất cả, đó là cái ân lớn nhất, chứ nói hết thì lấy hết của người ta sao? Trong đây, ai làm sao khéo thấy được phần “*nửa*” đó, mới là nghe trọn được bộ kinh Kim Cang, điểm này là **điểm quan trọng chớ có bỏ sót qua!** Vậy kết thúc, hôm nay coi như là học bộ kinh Kim Cang này xong, nhưng xong với bộ kinh trên giấy này, còn nữa kia để dành đó!

- *Quát!*

